

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu

TAM TRUYỆN

TẬP 1



Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN

春秋三傳

TẬP 1

Bản dịch : **HOÀNG KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI MỞ	5
XUÂN THU QUYỂN THỨ (ĐẦU)	7
Cương lĩnh thiên thứ nhất (Tổng cương: yếu lĩnh) Thiên này luận về nguyên lưu Kinh Truyện Xuân Thu	7
Cương lĩnh thiên thứ hai - Thiên này luận về đại chỉ Kinh và nghĩa lệ của Truyện	15
Cương lĩnh thiên thứ ba - Thiên này luận về phần đúng, phần sai, các truyện cùng phép đọc Xuân Thu	29
XUÂN THU QUYỂN THỨ NHẤT	35
XUÂN THU QUYỂN THỨ HAI	112
XUÂN THU QUYỂN THỨ BA	206

GIỚI THIỆU

XUÂN THU là tên một bộ sử nước Lỗ do **Khổng Tử** (551 - 479 trước Tây lịch kỷ nguyên) ghi chép những việc quan trọng xảy ra hàng năm, từ đời vua **Lỗ Ẩn Công** nguyên niên, tức là năm thứ 49 đời vua **Chu Bình Vương**, đến đời vua **Lỗ Ai Công** năm thứ 14, tức là năm thứ 39 đời vua **Chu Kinh Vương**, trong thời gian 242 năm. **Khổng Tử** gọi bộ sử ký ấy là **XUÂN THU** 春秋.

Đây là một giai đoạn lịch sử Trung Hoa thời kỳ mạt diệt nhà Chu, ngôi thiên tử suy nhược, bị bốn ngũ bá: **Tề Hoàn Công**, **Tấn Văn Công**, **Tần Mục Công**, **Tống Tương Công**, **Sở Trang Vương** nổi lên lấn át quyền thiên tử, các nước chư hầu tranh chiếm lẫn nhau, các sử gia gọi là thời đại hỗn loạn, nên người đời sau đã mượn tên kinh **Xuân Thu** để gọi thời đại ấy là thời đại **Xuân Thu** (722 - 480 trước Tây lịch kỷ nguyên).

Mặc dù kinh **Xuân Thu** chỉ là một cuốn lịch sử, nhưng khi ghi chép, **Khổng Tử** đã vận dụng văn tự và bút pháp để khen chê, để phân biệt kẻ thiện người ác hết sức minh bạch và danh thép; nên người đời sau đã phải công nhận đó là những bùa rùa trong kinh **Xuân Thu** (**Xuân Thu** phủ việt 春秋斧鉞), cũng như đã nói: **Khổng Tử** làm kinh **Xuân Thu** mà bốn loạn thần tặc tử sợ. (**Khổng Tử** tác **Xuân Thu**, nhi loạn thần tặc tử cụ 孔子作春秋而亂臣賊子懼).

Vì thế, kinh **Xuân Thu** đã có tác dụng về đạo lý và đã giữ địa vị quan trọng trong nền văn hóa phương Đông nói chung, Nho giáo nói riêng, trong sự biểu dương học thuyết "chính danh, nhất quán, trung dung, đại đồng" của vị Vạn thế Sư biểu mà dân tộc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng hơn 2000 năm nay.

Kinh Xuân Thu còn có tính cách diễn hình gương mẫu cho người đời sau phải tôn trọng danh dự và nhiệm vụ trong khi viết sử, và được liệt vào năm bộ kinh căn bản của Nho giáo (Kinh Dịch, kinh **Xuân Thu**, kinh Thư, kinh Thi, kinh Lễ).

Trong kinh **Xuân Thu**, Khổng Phu tử chỉ viết phần chính văn (bản cái), có in đủ phần chữ Hán và phần phiên âm trong bản dịch này. Còn phần “Tam truyện” chỉ in phần dịch nghĩa.

Sở dĩ có **Xuân Thu tam truyện** 春秋三傳 vì văn chép sử của Khổng Phu tử rất tóm tắt, hàm súc, ít người hiểu thấu, nên về sau có ba học giả làm thêm “Tam truyện” để giải thích ý nghĩa kinh **Xuân Thu**. Ba học giả ấy là:

1. **Tả Khưu Minh** 左邱明, làm Thái sử nước Lỗ, đồng thời với **Khổng Tử**. Khi **Khổng Tử** trứ tác xong kinh **Xuân Thu**, ông làm **Tả truyện** để chú giải và khai triển, người ta gọi là “**Tả Thị Xuân Thu**” cũng gọi là **Tả truyện**.⁽¹⁾

2. **Công Dương Cao** 公羊高, một vị văn thần cuối đời nhà Chu, khâm phục tác giả và tác phẩm **Xuân Thu**, soạn thảo một bộ sách bổ túc và phát huy thêm, gọi là “**Công Dương truyện**”.

3. **Cốc Lương Xích** 穀梁赤, người nước Tấn trong đời Chiến quốc (478 - 221 trước Tây lịch kỷ nguyên), biên khảo thêm một bộ truyện để bình giải kinh **Xuân Thu**, gọi là “**Cốc Lương truyện**”.

Vậy **Xuân Thu tam truyện** gồm có chính văn của Khổng Phu tử và ba truyện của **Tả Khưu Minh**, **Công Dương Cao**, **Cốc Lương Xích**.

Nay đem dịch “**Xuân Thu tam truyện**” tức là dịch luôn một lượt bốn bộ sách.

Chúng tôi chân thành cảm tạ cụ Sơn Mai Hoàng Khôi và trân trọng giới thiệu bản dịch bộ **Xuân Thu tam truyện** với độc giả.

LÊ PHỤC THIỆN

(1) Một Thuyết cho rằng: **Tả truyện** là do ông **Tả Khưu** đời Tấn biên soạn (xem bài Cương lĩnh thiên thứ nhất)

XUÂN THU QUYỂN THỨ

(ĐẦU)

CƯƠNG LĨNH THIÊN THỨ NHẤT

(TỔNG CƯƠNG; YẾU LĨNH)

Thiên này huấn về nguyên hân Kinh Truyện Xuân Thu

Lục Đức Minh có nói: Đấng vương giả xưa có đặt chức sử quan. Vua nói ra lời gì phải chép ngay, là để vua thận trọng lời nói, cùng việc làm, cho đúng pháp luật cùng thể thức đã quy định. Chư hầu cũng có quốc sử, tức như sử nước Lỗ, Khổng Tử chu du các nước, không được dùng, từ Vệ trở về Lỗ. Vừa năm ấy, trong nước sấm bắt được con lân, Khổng Tử thương cảm con lân, ra không đúng thời, mới cùng với người hiền nước Lỗ là Tả Khuê Minh, coi sách ở nhà Thái Sử. Nhân bộ sử ký nước Lỗ mà viết ra Xuân Thu, cốt tuân pháp chế cũ của Chu Công, để làm pháp chế tương lai, khen điều hay, chê điều dở, thu gọn thành một quyển Kinh. Chép việc mười hai đời Công, giao lại cho học trò. Học trò thì hiểu mỗi người mỗi khác, Khuê Minh e rằng dễ từ theo ý riêng, mà suy xét, có thể sai ý thực, cho nên mới lấy bản chính bản thêm, thành ra truyện cho rõ ý của Phu Tử, chỉ chép việc mà thôi. Xuân Thu có biếm chê ai, kể cả vua lẫn tôi đương thời, thì ý thực được hình rõ trong truyện. Sách thì giấu cất, mà không tuyên bố, là để khỏi bị khó dễ. Đời sau, nhờ sự truyền khẩu, mới có bạn Cốc Lương, Công Dương, Châu Thị, Giáp Thị viết truyện. Châu Thị không giảng dạy, Giáp Thị

có ghi mà không để lại sách, thành ra không ai biết tới. Đến thời Hán, người đất Tề, là Hồ Vô Sinh, người đất Triệu là Đồng Trọng Thư, đều học Công Dương Xuân Thu, người đất Lan Lăng là Chữ Đại, người đất Đông Bình là Doanh Công, người đất Quảng Xuyên là Đoàn Trọng Ôn, Lã Bộ Thư, đều là học trò Đồng Trọng Thư. Doanh Công vẫn theo được phương pháp của thầy học giao cho Mạnh Khanh đất Đông Hải cùng Khuê Hoàn đất Lỗ, Hoàn lại giao cho Nghiêm Bành Tổ cùng Nhan An Lạc. Nhờ thế, truyền Công Dương được Nghiêm và Nhan đọc. Hoàn có hàng trăm học trò thường nói: ý Xuân Thu là ở hai gã. Bành Tổ dạy Vương Trung ở đất Lang Gia. Trung dạy Công Tôn Văn cũng ở đất Lang Gia và Văn ở đất Đông Môn. Còn An Lạc thì dạy Lãnh Phong ở đất Hoài Đường, và Nhâm Ông ở đất Truy Xuyên. Phong dạy cho Đại Tư Đồ Mã Cung, và Tả Hàm ở đất Lang Gia. Xưa Công Vũ theo Doanh Công và sau được học Huệ Mạnh. Rồi truyền cho Đường Khê Huệ, người đất Dinh Xuyên. Huệ truyền cho Minh Đồ, Thừa Tướng đời Hán, người ở đất Thái Sơn. Sơ Quảng theo Mạnh Khanh, truyền cho Quan Lộ, người đất Lang Gia. Quan lộ cùng minh Đồ đều theo Nhan An Lạc. Lộ truyền cho Đại Tư Nông là Tôn Bảo.

Giang Công người đất Hà Khưu theo học Lỗ Thân Công về Truyện Cốc Lương cùng Kinh Thi, thời vua Vũ Đế giữ chức Bác Sĩ, cùng với Đồng Trọng Thư bình luận, Giang Công vốn nói ngong mà Thừa Tướng Công Tôn Hoàn thì chuyên học Công Dương Truyện. Thái Tử riêng học tập Cốc Lương lấy làm hay. Về sau hiểu rõ được, chỉ có hai người là Lỗ Vinh Quảng và Hạo Tinh Công. Riêng Quảng được tận truyền về Kinh Thi và Kinh Xuân Thu, Sái Thiên Thu, Lương Chu Khánh, và Đinh Tính, được học Quảng. Thiên Thu sau lại theo Hạo Tinh Công, học rất chuyên cần. Vua Tuyên Tôn lên ngôi, nghe nói Vệ Thái Tử, thích Cốc Lương mới triệu Thiên Thu cùng các nhà học Cốc Lương. Vua thích coi Cốc Lương sau lại tuyển mười người theo học Thiên Thu. Việc đương tiến hành thì Thiên Thu chết. Vua mới dời Giang Công phong cho chức Bác sĩ, lại với Lưu Hưởng cũng học Cốc Lương, để giúp việc giảng dạy. Rồi Bác sĩ Giang Công lại chết nốt, vua mới dời Chu Khánh Đinh Tính, cho làm Đãi Chiêu, cho đủ số mười người, hơn mười năm sau đều tinh thông, vua mới mời bọn danh nho thông Ngũ Kinh cùng Thái Phó là Tiêu Vọng

Chi, họp tại điện, bình luận các chỗ đồng dị trong hai truyện Cốc Lương, Công Dương. Bọn Vọng Chi phần nhiều theo Cốc Lương, vì thế Cốc Lương được đại thịnh. Khánh và Tĩnh đều được chức Bác sĩ. Tĩnh truyền cho Xương Mạn Quán. Trước kia, Doãn Cảnh theo Sái Thiên Thu, sau được đọc Tả truyện lấy những chỗ khác nhau, giống nhau, sắp đặt thành chương cú, rồi truyền cho Từ Hàm và Dịch Phương Tiến, Phòng Phụng.

Trước kia, Bác sĩ Giang truyền cho Hồ Thường. Thường truyền cho Lương Tiêu Bình, làm Giảng học. Đại Phu Tả Khưu Minh viết truyện truyền cho Hội Thân, Thân truyền cho Ngô Khởi, đất Vệ. Khởi truyền cho con là Kỳ. Kỳ truyền cho Đạt Tiêu. Tiêu truyền cho Ngụ Khanh, đất Vệ. Khanh truyền cho người đồng xứ là Tuân Khanh (một tên là Huống). Huống truyền cho Trương Thương, người quận Vũ Uy. Thương truyền cho Giả Nghị đất Lạc Dương. Nghị truyền cho cháu là Gia. Gia truyền cho Quán Công đất Triệu. Quán Công truyền cho con nhỏ là Trường Khanh. Trường Khanh truyền cho Kinh Triệu Doãn là Trương Tề và Thị Ngự sử Trương Vũ. Vũ thường nói với Ngự sử Đại phu Tiêu Vọng Chi về Tả Thị. Vọng Chi thích lắm mới tiến lên vua cho chức Đại Chiêu. Việc chưa kịp thì bị bệnh chết. Vũ truyền cho Cảnh Thủy. Cảnh Thủy truyền cho con là Hàm, cùng Dịch Phương Tiến, Hồ Thường. Thường truyền cho Gia Hộ ở đất Lê Dương. Hộ truyền cho Trần Khâm ở đất Thương Ngô. Trong sách "Hán thư, nho lâm truyện", có nói: Đầu thời Hán, Bắc Bình Hầu là Trương Thương và Lương Thái Phó Giả Nghị. Kinh Triệu Doãn là Trương Sướng, Thái Trung Đại Phu là Lưu Công từ đều nghiên cứu Xuân Thu Tả Truyện. Trước, Lưu Hàm theo Doãn Hàm cùng Dịch Phương Tiến học Tả Truyện. Vì thế, nói tới Tả Thị là tự Gia Hộ, Lưu Hàm. Hàm truyền cho Giả Huy ở đất Phù Phong, Huy truyền cho con là Quý. Trong một bản sơ tâu lên vua gọi là Tả Thị Trường Nghĩa, Quý có dẫn đến bốn mươi chi tiết Công Dương, Cốc Lương không bằng Tả thị. Vua Chương Đế cho là phải. Quý lại viết quyển Tả Thị Huấn Hồ. Tư Không là Nam Các, Tế Tào là Trần Nguyên viết quyển Tả Thị Đồng Dị. Kinh Triệu Doãn là Diên Đốc được sách Giả thị của cháu Giả Quý tên là Bá Thăng, rồi chú thích sách Tả thị, Bành Ưông ở đất Như Nam, chép thành Tiên sư kỳ thuyết, cùng lời chú cũ. Thái Trung Đại phu là Hứa Thục Cửu Giang Thái Thú là Phục Kiến, Thị Trung là Khổng Gia Ngụy Tư Đồ là Vương Lăng, Kinh

Châu Thứ sử là Vương Cơ, Đại Tư Nông là Đồng Ngổ, cho Triệu học giả Chu Sinh Liệt ở đất Đôn Dương tới, cùng chú giải truyện Tả Thị. Lý Trọng Khâm đất Từ Đồng soạn Tả Thị chỉ quy. Đinh Dung đất Trần soạn Xuân Thu điều lệ. Lại có Hà Hưu viết Tả Thị cao hoang, Công Dương mặc thủ. Cốc Lương phế tật. Trịnh Thành Khang thời Đông Hán phân tích chỗ bệnh của Tả Thị, chỗ cố thủ của Công Dương và phế tật của Cốc Lương. Từ đó Tả Thị được người đời đọc đến. Đầu thời Hán có đặt chức Công Dương Bác sĩ. Đến thời Tuyên Đế lại lập Cốc Lương Bác sĩ, thời Bình Đế mới lập Tả Thị Bác sĩ. Thời Hán, trong các đời vua Kiến, Vũ, sắc cho Lý Phong đất Ngụy làm Tả Thị Bác sĩ. Phong thường cùng bọn nho trong quận bàn cãi. Nhưng Phong chết đi, công việc bỏ. thời Hòa Đế, niên hiệu Nguyên Hưng thứ mười một, hai cha con Trịnh Hưng tâu vua về Truyện Tả Thị vua mới lập chức Học Quan. Từ đấy đến nay, công việc thi hành, hai truyện kia kém dần. Tả Thị nay dùng chú giải của Đỗ Dự. Công Dương có Hà Hưu chú, và Cốc Lương có Phạm Ninh chú.

Việc Trọ có nói: Thời xưa, lời bàn luận chỉ được khẩu truyền, từ thời Hán trở đi mới có sách, mà sách lại cứ đề từ Thần Nông, như Sơn Hải Kinh, Quảng Thuyết thời nhà Ân, thì đề là chép từ đời Hạ Vũ. Phàm các thư tịch đều như thế cả. Nghĩa lý ba Truyện đều là khẩu truyền, hậu học chép vào giấy thì cứ cho là truyền lại từ cổ. Tôi xem sách Tả Truyện thấy việc các nước Chu, Tấn, Tề, Châu, Sở, Trịnh đều tường tận. Như nước Tấn mỗi khi có việc binh là ghi rõ các tướng tá, như các nước Châu thì mỗi lần hưng, phế đều ghi rõ các quan, cho nên nhận thấy rằng mỗi nước cách chép sử mỗi khác. Như thế, tức là Tả Thị đã được coi sử các nước, mới truyền lại cho học trò. Nghĩa thì cứ khẩu truyền, chưa có chép vào thẻ. Học giả đời sau đem diễn nghĩa để cho rõ ra, chép tổng hợp lại, rồi biên các năm tháng, làm ra các truyện ký. Rồi lại góp nhặt thêm các chuyện thời Xuân Thu, các gia chuyện các nhà Tử Sản, Ân Tử, Khanh Tá, các nước. Rồi góp nhặt thêm các sách bói, số, tiểu thuyết trào phúng tạp nhạp. Cho nên, việc ghi chép thì nhiều, mà thích nghĩa thì ít, phải trái không phân minh, lộn xộn không bằng chứng. Công Dương, Cốc Lương xưa đều khẩu truyền, người sau vin lấy đại ý, cho phôi vào kinh, văn. Vì thế, sinh nhiều sai lầm, mất cả thống hệ. Tuy nhiên, phần nhiều hướng về sở truyền của Tử Hạ.

Âu Dương Tu có nói: Xưa phép nhà Chu hỏng, cho nên chư hầu loạn. Từ Bình Vương trở đi không cứu vớt được, thành ra Chu cũng như chư hầu. Nước Ngô, nước Sở nổi nhau, tiếm hiệu xưng vương. Người trong toàn quốc không theo mệnh triều Chu đã từ lâu. Khổng Tử sinh vào mặt thế, muốn duy trì vương đạo để giúp triều Chu, mới chu du các chư hầu bày tỏ nghĩa quân thần. Chư hầu không biết dùng. Khổng Tử mới trở về Lỗ, coi các sử cũ, xét các công việc, cứ theo vương pháp mà đính chính lại phải trái, nhất nhất đều tôn Chu, viết ra mười hai thiên Xuân Thu để răn dạy đời sau. Học giả đời sau truyền rồi tập lâu đời, sinh ra nhiều thuyết khác nhau. Công Dương Cao, Cốc Lương Xích, Tả Khưu Minh, Châu Thị, Giáp Thị cộng là năm nhà. Châu, Giáp thiên cận, từ đời Hán đã bỏ đi, chỉ còn ba nhà là thịnh hành. Thời Hán, Dịch và Luận ngữ, mỗi thứ có ba bản. Thi có bốn bản. Lễ có hai bản, Rồi các học giả tan mát, sách vở cùng mất dần, mỗi thứ chỉ còn một. Riêng Xuân Thu thì còn ba truyện, song song với nhau. Khi Khổng Tử san định Lục Kinh thì có ý lấy Xuân Thu để giám buộc chư hầu bằng lễ phép, cho nên lời rất cẩn thận mà nghĩa thì kín đáo. Học giả không thể hiểu được, hết ý, hết nghĩa, vì thế ba truyện mới cần. Vì truyện nào cũng thể theo hướng thánh nhân, cho nên có nhiều chỗ sơ đắc. Thái Sử Công có nói: Làm vua không thể không biết đến Xuân Thu, thế tức là cái phép của Vương giả vẫn còn giữ được.

Trình Tiệu có nói: Xuân Thu là tên sử ký nước Lỗ, trước Khổng Tử đã có rồi, sau Khổng Tử cũng vẫn có.

Khổng Đình Đạt có nói: Xuân Thu không chỉ riêng tên Kinh. Năm Chiêu Công thứ hai, Hàn Khởi tới Lỗ Thông Hiếu thấy Lỗ Xuân Thu. Trong sách nước Tần có chép: Tư Mã Hưu nói với Diệu Công: Dương Thiệt Hật chuyên đọc Xuân Thu, Diệu Công mới sai dạy cho Thế Tử. Trong sách Sở có chép: Thân Thúc Thời, bàn việc dạy Thế tử cho là phải dạy Xuân Thu. Cứ xem thế thì biết, điển lễ nhà Chu không còn. Sử Xuân Thu nước Lỗ được các nước tôn trọng, đều từ trước khi Khổng Tử san định. Trước vẫn có Xuân Thu chương mục mà được Hàn Khởi coi, được Thúc Hưởng, Thúc Thời học đều là chép từ đời Chu Công, Bá Cầm, trên từ Thiên Tử dưới đến chư hầu chép mọi việc chính phạt, lễ nhạc đầy đủ, đó là ở đời thịnh nhà Chu, làm phép tắc cho vương giả. Vì thế, Đồ Dự mới nói, Kinh điển, lễ nghi, cũ nhà Chu. Ngày

nay, trong sách Cáp Trùng Tỏa Ngữ, cũng nói đến Lỗ Xuân Thu chép trong 17 năm Lỗ Hiến Công. Tất cả đều có trước thời Không Tử, trước khi ngài san định thành Kinh. Mạnh Tử có nói: Vết tích vương gia mất rồi, thì Thi mất. Thi mất Xuân Thu mới tạo tác. Xuân Thu đó là sau khi Chu đông thiên, và là Xuân Thu do Không Tử san định.

Hoặc có người bảo rằng, tên Xuân Thu do nghĩa Xuân, Hạ, là thường, mà Thu, Đông, là phạt. Hoặc có người bảo rằng, khen và chê y như xuân và thu. Hoặc có người bảo rằng, xuân bắt được con lân, thu viết xong sách, vì thế gọi là Xuân Thu. Các lời nói đó đều không phải. Duy có Đỗ Dự nói rằng, năm có bốn mùa, lấy tên mùa đặt tên sách. Nói thế nghe được. Sách Cáp Trùng Tỏa Ngữ chép thời sự có chữ Hạ Ân Xuân Thu. Mặc Tử có nói: Tôi đã đọc Xuân Thu các nước. Rồi đến Ân Tử, Ngụ Khanh, Lã Bất Vi, Lục Giả, làm sách cũng gọi là Xuân Thu. Thế thì suốt các thời, bọn viết sách ngoài chính sử ra, đều gọi tên sách mình là Xuân Thu. Tuy nhiên, coi các chương tiết, đều không có năm tháng, và theo ý của Đỗ Dự, (mượn tên mùa làm tên sách) thì các Xuân Thu này khác với Kinh Xuân Thu. Hoặc có người hỏi: Tên Xuân Thu đã vậy, còn Thánh nhân làm ra Kinh là có ý gì? Đáp: Thánh nhân có ý lo, xưa các nước chư hầu đều có sử chép, thành sách rồi tiến lên vua. Vua mệnh cho chức nội sử coi, để san định những chỗ dị đồng, khảo sát những việc thực hư, để biết rõ điều hay, việc dở. Nhà Chu, từ khi Đông Thiên, uy lệnh không ban bố được tới đời chư hầu, không ai kiêng sợ. Còn sử quan thì không ghi điều hay, lại giấu việc dở. Trong trăm năm sau, các nước chép sử, định đoạt phải trái không giống nhau. Khen điều thiện, ghét điều ác, không đủ để răn dạy. Thánh nhân, nhân sử ký nước Lỗ, đem những việc tai nghe mắt thấy viết thành kinh, ghi việc trong hai trăm bốn mươi hai năm sau, thu vào một vạn tám nghìn lời, để cho đời sau coi sử của liệt quốc, mà hiệu kinh của Thánh nhân. Tức là sử có chỗ sai lẽ phải, thì đã có Kinh, truyện cho lẽ phải. Mà kinh có việc không nói đến, thì lấy sử để tường việc. Thế là ý của Thánh nhân, mà Ta thì theo ý làm ra truyện. Vậy một quyển kinh Xuân Thu gây đầu mối từ nước Lỗ rồi lan đến Chu. Từ nước Chu rồi đến cả thiên hạ. Gây đầu mối ở một thời, rồi đến cả muôn thời. Ta thấy rõ là như thế.

Chu Tử nói: Nhà Chu suy. Thường phạt của vương giả không ban hành được cho thiên hạ. Các chư hầu thì mạnh dè yếu, nhiều lần ít. Phái trái, thiện, ác, vì thế, không được rõ rệt. Lòng tham nhiều, mất cả thiên lý. Phu Tử nhân Lỗ sử mà soạn Xuân Thu, thay vương giả để thường phạt, việc được cho là được, việc trái cho là trái. Ưu điều thiện, ghét điều ác, giết kẻ gian nịnh từ thời trước, biểu dương đức sáng của người đã qua. Cho nên, Xuân Thu được tạo tác, thì loạn thần tặc tử phải sợ.

Không Tử làm ra Xuân Thu, đương thời cùng với học trò giảng luận. Các vị Tả thị, Công thị, Cốc thị, chắc có được truyền thụ, rồi dần dần mới bị xuyên tạc, chứ nếu không được truyền thụ, thì dựa vào đâu mà bàn tán.

Nói đến Công Truyện, Cốc Truyện, thì ai nấy đều nói như các họ Lâm Hoàng: xem văn cho là cùng một người làm. Nghi không phải thế. Hoặc nói, hay là đương thời, học trò được truyền thụ, về sau mới viết thành sách, học trò đó, ở các nước Tề, Lỗ, có được truyền thụ thì cũng thêm ý riêng mình vào, cho nên thường trái ngược. Chỗ nào hợp đạo lý, mới là lời của thánh nhân.

Tả thị không cần biết rõ chính tên là Khuu Minh (thánh nhân có khen một tên Khuu Minh). Chỉ cần biết là người rất chính trực, cứ coi như văn, ý tứ rộng rãi. Sử ký cho là Tả Khuu Minh, mất bị mù rồi mới chuyện viết sử. Hoặc lại cho rằng Tả Khuu Minh chữ Tả Khuu là họ, Tả Truyện là do họ Tả Khuu làm ra. Lấy cớ rằng các sách chép về tế Lạp, tế này đến thời Tần mới có. Thế mà trong Tả thị đã có câu: Nước Ngụ không tế Lạp. Thế thì rõ ràng là văn Tả Khuu đến thời Tần mới có.

Ngô Trưng nói: Kinh Xuân Thu, mười hai thiên. Truyện Tả Thị, Công Dương, Cốc Lương, có nhiều chỗ khác nhau. Xưa, Chu Tử cho in Thi, Thư, Dịch, Xuân Thu ở đất Lâm Chương, về Xuân Thu, chỉ dùng kinh văn của Tả Thị, cho rằng trong các sách Cốc và Công có nhiều tên đất, tên người, không liên quan với đại ý, cho nên không được hoàn hảo. Thiết tưởng chỗ được, cùng chỗ không được, của ba truyện tiên nho đã nói đến. Ghi việc thì Tả Thị rành mạch hơn Cốc Thị, Công Thị. Giảng kinh thì Cốc Thị, Công Thị tinh hơn Tả Thị. Ý giả Tả thị, tất dựa vào nhiều sách để chép, mà Cốc và Công thì phần nhiều chỉ là truyền thuyết. Còn như tên người, tên đất mà có khác nhau, thì hoặc là ngữ

âm, hay nét chữ, có bị xuyên tạc. Nếu như thế, thì riêng loại đó, nên theo Tả Thị. Còn như khảo sát về nghĩa, thì Tả Thị có kém, mà Cốc Thị, Công Thị có hơn. Vậy không nên thiên.

Bọn Hán nho chuyên môn để nguyên thiếu sót, không bình luận, thế thì phân tích sao được chữ nghĩa dị đồng, để biết chỗ nào nên bỏ, chỗ nào nên giữ. Đến thời Đường, Viêm Trợ, Triệu Khuông, Lục Thuần, ba người ấy mới căn cứ vào Kinh, không căn cứ vào truyện tìm thư pháp thánh nhân, soạn thành lệ, mười phần mới hiểu được bảy tám. Từ Hán đến Đường chưa từng thấy ai làm việc đó. Xét họ Triệu định đoạt chỗ dị đồng của ba truyện thấy dụng ý rất chu đáo, chỉ tiếc là phải trái chưa được đích đáng, rồi còn phải xét lại để cho toàn mỹ không xét đến đại nghĩa, Triệu Thị coi trong ba truyện, cứ theo đa số.

Nay theo ý Chu Tử, lấy Tả Thị làm chủ, thảng hoặc nghĩa có không đích đáng, thì cứ theo chỗ đích đáng, không cần theo sự việc, chỉ cần theo nghĩa lý.

CƯƠNG LĨNH THỨ HAI

Thiên này luận về đại chí Kinh và nghĩa lễ của truyện

Manh Tử nói: Xuân Thu là việc của Thiên Tử, cho nên Khổng Tử nói: Biết được ta là Xuân Thu, kết tội ta là Xuân Thu. Khổng Tử viết xong Xuân Thu mà rồi loạn thần, tặc tử sợ. Đường lối của vương giả mất thì Thi mất. Thi mất rồi thì Xuân Thu được tạo tác. Sử của Sở, của Tấn, của Lỗ, đều là Sử. Công việc thì công việc của Tề Hoàn, Tấn Văn thì vẫn lối sử. Khổng Tử nói, còn nghĩa thì riêng ta định.

Trang Chu nói: Kinh Xuân Thu là chí của Tiên Vương. Thánh nhân bàn nhưng không biện luận phải trái. Lại nói: Xuân Thu là dễ rõ danh nghĩa, phận sự.

Công Dương Cao nói: Xuân Thu bắt đầu từ Ân Công là chép từ thời còn kịp nghe nói đến mà kết thúc vào năm Ai Công 14, để cho hoàn bị. Tại sao người quân tử lại làm Xuân Thu. Là vì muốn cho thời loạn trở lại thời chân chính.

Tư Mã Thiên nói: Khổng Tử nhân có sử ký mà viết Xuân Thu, trước từ Ân Công, sau đến Ai Công năm thứ 14, gồm 12 đời Công. Căn cứ vào Lỗ để tôn Chu. Cho nên, nói cả đến thời tam đại. Lời thì giản. Ý thì rộng. Vua các nước Sở, Ngô, tự xưng vương mà Xuân Thu cứ chép là tước Tử, tức là chê. Hội ở đất Tiễn Thố. Chư hầu Triệu Thiên Tử đến mà Xuân Thu tránh tiếng triệu vua, chép là Thiên Tử tuần thú. Như thế là để giảm buộc người đương thời, và tỏ ý chê trách. Về sau, vì có bọn vương giả đọc Xuân Thu, theo Xuân Thu, thì loạn thần, tặc tử tất phải sợ. Ví như Khổng Tử mà có chức vị, thì phạm văn từ, công văn, tất cùng làm với nhiều người, không chỉ có một mình. Riêng Xuân Thu thì ngài viết, ngài san định, bọn Tử Hạ đâu có thêm được lấy một chữ.

Vương Thông nói: Xuân Thu đối với vương đạo, như cái cân dễ do nặng nhẹ, như cái dây dễ tính cong, ngay. Bỏ đi thì không lấy gì là mực thước. Lại nói: Xuân Thu là theo thiên đạo, cho nên thức kết về việc bắt con lân.

Không Định Đạt nói: Năm, mùa, ngày, tháng, bốn điều ấy, sử đều ghi để cho văn được đầy đủ. Kinh Xuân Thu hoặc ghi mùa, mà không ghi tháng, tháng mà không ngày, có khi ngày mà không tháng, tháng mà không mùa hoặc sử cũ có khuyết chẳng, rồi Trọng Ni cũng không thay đổi. Hoặc Trọng Ni ghi đầy đủ, rồi hậu nhân bỏ sót. Hoàn Công năm thứ 17, tháng 5 không ghi mùa hạ, Chiêu Công năm thứ 10 tháng 12 không ghi mùa đông. Đã có tháng thì biết vào mùa nào rồi. Trọng Ni không cần sửa, cho nên thiếu mùa chỉ ghi tháng, nên cho là còn thiếu sót. Lại như có ngày mà không có tháng, hoặc giả sử cũ bỏ khuyết, như Hi Công năm thứ 28 mùa đông, không có ghi tháng nhưng có ghi Nhâm Thân, Đinh Sửu, dù có muốn bỏ khuyết cũng không tìm đâu ra. Lại như nói mùa mà không nói tháng, tháng mà không ngày, văn của sử quan cũ chắc có tường, lược, dẫn, giải. Xét Kinh và truyện, ghi ngày, gồm 681 việc. Từ Văn Công trở lên mà ghi ngày, có 249 việc. Từ Tuyên Công trở xuống tất cả sáu Công ghi ngày có 432. Theo số năm thì đều nhau, nhưng số ngày thì tăng bội. Đó là vì việc lâu năm, cũ rồi phải thiếu sót không nhớ được như những đời còn gần về sau. Sử các nước khác, có chỗ tường, có chỗ lược, ví như không ghi ngày, thì Lỗ sử khi ghi các việc các nước đó, biết tìm ngày tháng ở đâu mà điền vào. Như thế, sử đương thời cũng không cần ngày tháng đầy đủ. Trong Ni thời sau san soạn, sao làm cho đồng đều được. Bỏ ngày, tháng thì có hại cho việc không rõ trước sau. Đây dù ngày tháng, thì cổ sử có khi không ghi. Vậy cổ sử có ngày, thì nay chép luôn lại cho tường, cổ sử không có ngày thì thôi lược đi. Vậy đừng lấy việc tường hay lược ngày tháng, là một cơ chê khen việc. Việc trong Kinh Xuân Thu, đừng nên lấy ngày tháng mà cho là một lệ (để chê khen).

Dạm Trợ nói: So với các truyện khác, thì Truyện Tả Thỉ công rất to: Nhật nhanh mọi sách, kể việc đầy đủ, khiến cho trăm đời về sau, ta thấy được ngành ngọn. Xét ý nghĩa, ta mới đủ hiểu được văn của kinh. Cốc Lương thì ý sâu sắc. Công Dương thì phê bình theo lời văn kinh mà giải thích, thường tìm xé

xa xôi, cầu nệ, cố chấp, thành ra bất thông; thêm vào ghi ngày tháng, thành lộn xộn, có khi không hợp nghĩa, nghĩa thành gượng ép, hoặc thành mâu thuẫn, không được như lời thánh nhân, bình dị, khoáng đạt. Lại còn không biết rằng, phạm việc không tuyên cáo thì không ghi. Nếu không ghi là có ý nghĩa. Các nước chư hầu thì nhiều, nếu các việc tang, tế, hội, minh, chinh, phạt không tuyên cáo mà có chép, thì tức là trong một năm, phải thêm vài quyển, hướng hồ việc của nước khác, nếu không căn cứ vào lời tuyên cáo thì biết đâu mà ghi. Vả lại việc mà ghi rõ, còn là có ngụ ý chê, khen. Tả Thị mà nói về nghĩa bao, biếm bất quá độ mười điều lệ, ngoài ra, nếu cùng việc mà lời khác, Tả Thị cũng không giải thích thêm. Lời giải thích của người thời trước cho rằng, Kinh Xuân Thu cứ theo việc đã tuyên cáo, và việc trong sự nước Lỗ. Giải thích luận bàn như thế, thì ra Phu Tử chỉ là một người chép Lỗ sử, sao lại còn được là người san định Xuân Thu. Vậy vài thuyết đó đều sai.

Triệu Không nói: Họ Đạm dựa vào thuyết Công Dương nói rằng, Xuân Thu biến lối văn nhà Chu mà theo cái chất nhà Hạ. Tôi thì cho rằng Xuân Thu là nhân sử mà làm thành kinh, để vương đạo được sáng tỏ, đầu mối chỉ là thế thôi, tức là hưng phục điển thường, và dùng quyền để định đoạt. Cho nên, phạm các việc Giao, Miếu, tang, tế, triều sinh, sưu thuế, hôn thú, mà sai lẽ thì phải chê trách, đó gọi là hưng thường điển. Còn việc bất thường, điển lễ chưa nói đến, thì thánh hiền tự quyết đoán, chê khen, cứ lấy lý xét đến cùng, tính lý tức là quyền, cho nên có câu: có thể được tới đạo, chưa có thể được đạo. Có thể được đạo, chưa được quyền. Vì thế, bọn học trò, như Du, Hạ không thể thêm một lời vào Xuân Thu. Thánh nhân thì tùy cơ phán đoán để quyết định luận bàn, về chỗ nghi hoặc, để truyền vương pháp cho đời sau. Thế thì việc gì mà phải theo nhà Hạ.

Có kẻ hỏi: Thế thì cái tôn chỉ của Kinh Xuân Thu ở đâu? Đáp: Ở chỗ tôn nhà vua, vạch rõ việc tiếm loạn. Dựng lại tam cương, ngũ thường, mừng điều thiện, ghét điều ác, nhỏ đến tóc tơ không sót.

Lại hỏi, bao biếm theo lệ nào. Văn pháp theo thể nào?

Đáp: Đại khái có ba mà chia thành mười. Ba là những gì? Một là: phạm các việc vua lên ngôi, việc chết (Thiên Tử, chư

hầu, quan), việc lễ táng (chôn), việc lễ triều sinh, việc hội minh (hội thề), đó là việc thường có, nên ghi chép thì ghi chép, tùy tã chính mà chê khen. Hai là các việc cúng tế, hôn nhân, sưu thuế, quân dịch, sản bản đều là việc lớn của quốc gia, nếu hợp lệ thì Phu Tử ghi cả mùa, nếu không thì như Cốc Thị, Công Thị đã nhận xét thường có việc kinh không chép mà chỉ có chép sử là ghi chép. Phu Tử nhân đó, ghi chép hay không, là ngụ ý chê khen. Ba là điềm lành, hoặc tai dị hiện ra, việc vua bị giết, bị bắt, việc bọn phản叛 bị đuổi bị vong đảo (trốn tránh ra nước ngoài) rồi lại được về, mà được thu nạp, được lên ngôi. Phu Tử nhân những việc đó mà thêm bao biếm. Đó là ba.

Còn phạm lệ về thuật tác thì có mười. Một là cứ chép hết các việc để giữ sự thực. Hai là lược việc thường chép để rõ lẽ. Ba là ít lời cho được giản dị. Bốn là đối lời văn để ngụ ý nghĩa. Năm là ngắt, là không hết lời để rõ ý. Sáu là chép việc phải, để rõ việc trái. Bảy là giữ chữ huy kỵ để trọng lẽ. Tám là tường việc trong nước, để cho khác với nước ngoài. Chín là hoặc bỏ, hoặc lược qua các sử cũ. Mười là thêm bớt để thành lời văn. Biết thế rồi, xem đại ý rồi sau mới bàn luận được.

Hoặc có kẻ nói: Thánh nhân đặt ra lời, cần dạy người, thì sao lại ít lời. Đáp: Không phải là ít lời. Có việc cần phải như thế. Cái thiện ác của người, có thứ nhiều, có thứ ít. Nếu không ít lời thì không đủ dạy. Nếu nhiều lời thì đó là việc của sử gia, thì sao thấy điều lệ riêng để đáng gọi là kinh Xuân Thu.

Chu Tử nói: Xuân Thu làm cho chính vương đạo, làm cho rõ phép lớn. Khổng Tử vì vương giả đời sau mà tạo tác. Gian thần tặc tử giết chết người bây giờ, còn phải sợ người sống thời sau.

Thiên Tư nói: Xuân Thu căn cứ vào việc mà bao biếm, chứ có để cho người tùy ý riêng mình đâu. Ai cũng biết thánh nhân san sửa Xuân Thu thật là chí công, nhưng không biết việc v công như thế nào. Như nhân việc Ngưu Thương mà ta biết là Lô đã tiếm lễ Giao. Nhân việc Sơ Hiến Lục Vũ mà ta biết là từ trước đã tiếm lễ Bát Dật. Nhân việc Tân tác Trĩ Môn mà ta biết trước kia là không có Trĩ Môn. Đó có phải là thánh nhân dụng ý đâu. Cho nên, có thể nói rằng, Xuân Thu thật là chí lý vậy. Xuân Thu vì vua yếu, tôi mạnh mà được tạo tác, cho nên Xuân Thu là kinh định danh phận. Năm vị Bá

xét công thì đúng đâu, xét tội cũng đúng đâu. Xuân Thu là kinh định hình phạt: công không che được tội, thánh nhân, trước thì khen công, sau thì chê tội, cho nên tội nhân dù có công cũng chép tội, không tha được.

Trình Tử nói: Trời sinh ra người, tất có người tài xuất chúng, hưng khởi lên thì quyền vua mạnh, bình trị được thì lối tranh giành hết, dẫn dắt được thì luân lý sáng. Rồi nhân đạo mới gây, thiên đạo mới thành, địa đạo mới bình. Từ Nghiêu, Thuấn về trước, thánh hiền, thời nào cũng có, tùy thời mà hành động, thuận theo lẽ trời, không trước trời để làm việc, mà chỉ theo trời để định việc. Rồi đến thời Tam Vương dần dần hưng thịnh. Bốn phương đã yên. Tháng mùa đã rõ. Văn chất điều hòa. Đạo người chinh bị. Vận trời chuyển đều. Thánh nhân thôi không sinh nữa. Thế là vị quân chủ dù có muốn theo vết cổ rồi cũng làm sai lạc vì ý riêng. Việc thành sai như nhà Tần lại lấy tháng Hợi làm tháng chính. Đạo thành trái như nhà Hán cứ lấy bình lực trị thiên hạ, còn biết gì là vương đạo nữa, việc, nhận lẽ trời, ứng theo thời mà trị nước, không còn nữa, Phu Tử mới làm ra Xuân Thu, đặt ra phép lớn của vương giả; so thời Tam Vương thì không sai, xét trong trời đất thì không trái, nghiệm việc quý thần thì không nghi. Hàng trăm đời sau, dù không có thánh nhân nữa cũng không ngại. Truyện Tiên nho có nói: Bọn Tử Du, Tử Hạ, không thêm được một chữ nào. Thêm sao được. Bọn ấy hiểu sao được, họa chăng có Nhan Tử. Làm việc theo thời nhà Hạ, phép nhà Ân, nếp nhà Chu. Nhạc thì chuộng nhạc Thiệu, Vũ, đó là chuẩn đích. Người đời sau chỉ biết cho Xuân Thu là sách sử, có cách khen chê, chỉ biết thế thôi. Đến như phép lớn để trị đời thì không biết Đại nghĩa Xuân Thu có đến mười điều. Nếu sáng như mặt trời thì còn dễ thấy. Nhưng đây lời gián, nghĩa sâu, tuy từng trường hợp thì khó nhận ra. Hoặc thu lại, hay buông ra, hoặc cho là được hay không được, hoặc tiến hay thoái, hoặc vì hay hiển, để đi đến chỗ thấy đúng nghĩa lý, văn chất điều hòa, khoan mãnh vừa độ; phải, trái riêng biệt; làm việc thế nào là kinh, quyền, phép tắc thế nào là mực thước. Có biết nhận xét vạn vật để hiểu sự thần biến của Hóa Công, rồi sau mới nhận xét sự tạo tác, mỗi việc mỗi nghĩa lý. Đó là chỗ thánh nhân dụng tâm. Muốn hiểu tất cả những điều đó, phải là hạng người thượng trí. Cho nên, học Xuân Thu, tất phải ung

dung thâm nhuần, trăm ngàn suy nghĩ, rồi mới tới được chỗ tinh vi.

Xuân Thu có chỗ nói lời nói trùng điệp, như loại chinh phạt, hội thề, muốn cho hoàn toàn tất phải như thế, chứ không phải các việc đó, mỗi việc mỗi khác. Nếu cùng một chữ mà có ý khác, là tùy theo đặt ở trên hay ở dưới.

Các Kinh Thi, Thư, lấy văn ghi đạo. Kinh Xuân Thu là để hành đạo. Thi Thư là phương thuốc. Xuân Thu là dùng thuốc chữa bệnh. Kinh ấy, thánh nhân vốn dùng, không phải chỉ là sách ghi chép việc. Thật là rõ ràng như thế.

Trong năm Kinh mà có Xuân Thu, cũng như pháp luật có phán quyết. Luật lệnh chỉ giảng về pháp, khi có phán quyết thì luật lệnh mới thi hành.

Sách Xuân Thu là làm phép cho các đời vua, phép không thay đổi được. Sau đời Tam Vương, Chu Đạo đã suy, thánh nhân đem cái đạo đã sẵn có lo cho đời sau không có thánh nhân cứu vớt, cho nên làm ra kinh. Nghĩa đó, học trò đều không được nghe, trừ Nhan Tử là biết và thường dẫn lễ nhạc của bốn đời trước (Ngu, Hạ, Thương, Chu).

Chư hầu thời Xuân Thu, không bắm mệnh Thiên Tử, chỉ chuyên quyền xâm phạm, thánh nhân cứ thực sự chép. Thường trách cứ nước bị xâm. Đã bị nước khác đến đánh, thì trước hết phải tự trách mình, rồi biện luận đúng lẽ nghi, nếu không được thì cố giữ nước, rồi tâu với Thiên Tử, trình các vị phương Bá, cáo với các nước lân bang, để được xét. Nếu không thể được, mà phải đánh nhau, thì nước chủ việc chiến tranh, là có lỗi đã làm loạn đạo.

Văn Kinh Xuân Thu, ý toàn là dạy người. Những việc làm lụng của nhân gian, của công nhân, việc to nhỏ đều được ghi. là để nhân quân biết trọng nhân lực.

Hồ An Quốc nói: Ngày xưa các nước đều có sử quan trông coi việc chép biên thời sự. Xuân Thu là sử nước Lỗ, Trọng Ni đem san sửa, thành ra, ngoài sử ra, lại có một môn học quan trọng. Mạnh Tử phát minh ra tôn chỉ: cho là việc làm của Thiên Tử, Chu Đạo đã suy, mỗi cương thường đã dứt, loạn thần tặc tử nổi gót nhau không hết. Tham dục của người được phóng túng cho nên đạo trời mất. Thiên lý còn lại ở Trọng Ni. Trọng Ni không tự nhiệm thì còn ai. Ngũ điển đã không được tôn trọng

thì mình phải ghi. Ngũ lễ đã không được theo thì ta phải chép. Ngũ phục đã lẫn lộn thì ta phải bảo. Ngũ hình đã không dùng thì ta phải trị. Cho nên, Phu Tử nói: Ta muốn viết văn, không bằng được thấy việc chắc chắn rõ ràng. Văn suông chỉ có thể ghi được lý lẽ. Có hành sự sau mới thấy cái dụng. Cho nên, ngài mượn Lỗ sử để biên soạn vương pháp, để dẹp loạn, cho thời loạn trở lại thời trị. Các việc đều là của Thiên Tử phải làm. Cho nên ngài lại nói: Biết được ta là do Xuân Thu. Tội được ta cũng lại do Xuân Thu. Biết Phu Tử nghĩa là biết ngài trách cái phong tục đã quá mức, muốn giữ lại cái thiên lý đã bị diệt, và lo cho hậu thế thật là sâu xa. Tội Phu Tử nghĩa là: Ngài không có vị, thế, mà mượn quyền Thiên Tử trong 242 năm, khiến cho loạn thần tặc tử phải tự cấm tư dục, không dám phóng túng, thật là thiết tha. Cho nên, Xuân Thu đối với sự việc không phải là hư văn. Tình yêu ghét vô tư thì phát xuất như trong Kinh Thi. Lương liệu việc cổ kim thì thông suốt như trong kinh Thư. Hứng khởi các thường diễn thì thể lệ như Kinh Lễ. Căn cứ vào trung thứ thì khoan hòa như Kinh Nhạc. Sáng tỏ quyền biến thì đầy đủ như Kinh Dịch. Pháp độ của các đời vua, mực thước của muôn đời đều ở cả Xuân Thu. Cho nên, người quân tử cho rằng: Trong ngũ Kinh mà có Xuân Thu thì như là Pháp Luật mà có phán quyết. Học Xuân Thu thì tin được cái cốt yếu của lý lẽ. Không được học Xuân Thu mà lại làm việc lớn, quyết điều nghi lớn, thì ít người là không bị sai lầm. Xuân Thu là sách chê những điều trái, vì cần diệt kẻ loạn thần tặc tử, mà được soạn. Xuân Thu phép nhiệm hơn phép của kẻ loạn thần. Có thông Xuân Thu rồi mới coi được việc thiên hạ.

Phép của Xuân Thu là trị kẻ gian ác, dù còn sống hay chết rồi, trị ngay đến bản thân, cốt để răn kẻ ác, khuyến khích kẻ trung nghĩa, còn đến con cháu xa thì thôi, là để khuyến thiện. Văn Xuân Thu có chỗ cùng việc thì cùng lời, người sau đọc cho đó là lẽ. Có chỗ cùng việc mà lời khác, người sau cho là biến lẽ. Thế cho nên đã là chính lẽ, nếu không phải là thánh nhân thì không đạt được. Mà đã là biến lẽ, nếu không phải là thánh nhân thì cũng không tìm được. Chính lẽ là việc làm thường của trời đất, mà biến lẽ là việc nên làm của cổ kim. Chỉ có xét lý cho cùng, nghĩa cho tinh, thấy phép ở trong lẽ, biết việc ở ngoài lẽ, chỉ có thế, mới hiểu được Xuân Thu.

Uông Tảo nói: Trong lục Kinh, duy có Xuân Thu là Trọng Ni làm. Thánh nhân thấy các việc ghi trong sử, học giả đọc mà không rõ được thị phi, thế thì sao mà thành người được. Trị dân mà không rõ hình, thưởng, thế thì sao mà thành nước được. Xuân Thu mà được tạo tác, để làm phép cho muôn đời là vì thế.

Chu Tử nói: Xét các sách thời Hán, vốn ẩn mà suy thành hiện. Kinh Xuân Thu thì xét rõ tới chỗ rất ẩn. Dịch và Xuân Thu là đạo của trời, và của người. Dịch nói đến tinh thần đạo lý, tự vật chất biến thành, Xuân Thu nói đến vật chất tự tinh thần đạo lý biến thành.

Các việc ở thời loạn, trong kinh Xuân Thu. Thánh nhân xếp đặt, theo lẽ trời. Khổng Tử chắc là chỉ cần xét đủ việc trong hai ba trăm năm. Cho nên, lấy sách sử, lấy việc trong sử. Thế thì sao lại nói được rằng, việc này dùng phép này, việc kia dùng lệ kia. Như Xuân Thu chép việc hội thê, việc xâm phạt, bất quá là thấy chư hầu lộng quyền hành động; Xuân Thu chép việc giao tế, bất quá là thấy Lỗ tiếm lễ, rồi đến những chi tiết tam bốc, tứ bốc, ngũ thương, ngũ tử, là kể một việc dâm thất lễ, trong việc còn lại thất lễ nữa. Như không tế Giao còn tế Vọng thế nghĩa là không phải tế Vọng mà lại còn tế Vọng. Như chép Trọng Toại, chết, còn tế Dịch là ý bất tất tế Dịch, mà cứ tế Dịch. Các ý nghĩa như thế thì thật là phân minh.

Xuân Thu chỉ cần chép thẳng việc đương thời, cần thấy trị loạn, hưng suy đương thời, trong thời gian đó, vương chính không thì hành được, thiên hạ không biết thống thuộc vào đâu. Rồi đến bọn Ngũ Bá xuất hiện để giúp Vương Chính thì lại có thống thuộc. Lễ, nhạc, chinh phạt, lệnh tự chư hầu. Rồi đến Ngũ Bá suy, chính lệnh phát ra từ đại phu (các quan). Đến đời Khổng Tử thì đạo của Hoàng Đế, Vương Bá, đã bị quét hết, cho nên Khổng Tử làm ra Xuân Thu, căn cứ vào các việc, thực tả hiện trạng, dạy cho người đời thấy việc đương thời như thế nào, có cần gì biết là dùng sử cũ hay không dùng sử cũ. Ngày nay cổ nói, chữ này là của sử cũ, chữ kia là của Khổng Tử, thế thì lấy gì mà xét nghiệm. Thánh nhân đã viết, việc hay việc dở đã thấy rõ. Như các việc, ở hội Quỷ Khưu, ở Thiệu Lăng, thê ở Tiễn Thổ, đều là việc hay, gốc ngọn phân minh. Về sau, Ngũ Bá đã suy, thì các việc như thế ở Xú Lương, do đại phu định, cùng hội với chư hầu, các việc như thế, đều là không phải không được.

Không Tử căn cứ vào sử của nước Lỗ mà chép việc, thành Kinh Xuân Thu, khiến cho người ta đọc dễ tự răn. Việc thì như việc Tề Hoàn, Tấn Văn dù dễ khen. Nghĩa thì nghĩa phải triệt bỏ loạn thần tặc tử. Còn như cứ chuyên xét, tìm từng chữ, cho là thánh nhân lấy chữ ấy mà chê khen thiện ác, thiết tưởng không phải là ý của thánh nhân. Như các đoạn chép việc lên ngôi vua, vua Lỗ lên ngôi thế là đúng lẽ. Nếu sau không chép lên ngôi, thế là không làm lễ lên ngôi. Lại như chép Tề Hoàn Công lên ngôi, thế là có làm đúng lễ lên ngôi.

Xuân Thu có chỗ viết là Thiên Vương, có chỗ viết chữ vương không, thật ra hơi khó hiểu. Hoặc giả vương mà không viết Thiên Vương tức là chê. Tôi cho rằng nếu cứ gọi là Thiên Vương thì tội lại càng rõ. Tề Huyền gọi là Trưng Tề thì còn phải nghị. Như Cử Triển Dư, Tề Dương Sinh, Cử Khử Tật e rằng đó là căn cứ vào sử cũ. Còn như bảo rằng thêm một chữ, là khen, bớt một chữ là chê, thế là lỗi khen chê, tôi không cho là đúng như thế. Công việc Hoàn Công chép năm, không chép mùa, thế là vẫn còn sót đó thôi. Hoặc bảo rằng đó là chê còn chép Thiên Vương đã không làm được hình phạt, bảo thế thì không phải là nghị luận đúng. Lỗ Hoàn Công bị thí, Thiên Vương không chinh thảo được, tội tự rõ rồi, hà tất phải đợi bỏ không chép mùa thu, đông mới rõ. Lại như bảo là vì chê nước Đằng, nên chép là tước Tử Đằng, thế mà Đằng từ trước đến sau vẫn là trước Tử, vậy có phải lấy lời chép đó mà chê đâu. Ngày nay, triều đình lập ra phép quan bị giáng, thường được xá, được phục chức. Há vì việc Đằng Tử triều Hoàn Công, mà lại giáng tước cả đến con cháu. Xuân Thu mà chép người nào làm việc nào là căn cứ ở sử cũ rồi san sửa mà chép. Người ngày nay đọc Xuân Thu cứ phải cho rằng là chữ này chê, chữ này khen, thế ra Không Tử chuyên môn chê, khen. Đâu có thế, Không Tử cứ bày ra sự thực, rồi thiện ác tự rõ. Nay nếu cứ suy đoán, thì lấy Lỗ sử so với những chỗ san sửa ở Kinh, rồi biết, rồi cũng hiểu được.

Hoặc có người nói: Xuân Thu có nhiều biến lệ. Phép viết có khi trước sau không giống nhau, nói thế sao nghe được. Thánh nhân viết ra kinh chính là muốn khen hay, chê dở, làm phép cho muôn đời, mà vừa dùng lời này để tỏ ý chê, ít dòng sau lại dùng lời này để tỏ ý khen, làm cho hậu thế muốn tìm hiểu

cùng không sao hiểu được. Vậy thế là, hậu nhân, bọn ít học, múa mép đó thôi, chứ cái đạo chí trung, chí chính đâu có thế.

Trình Tử sơ dĩ nói rằng đại nghĩa Xuân Thu có độ vài chục, sáng như mặt trời, như ơ các đoạn Thành Tống loạn, Tống tai cổ, đó là vì Thánh nhân nói rằng việc đáng trị, thật là rõ rệt, cũng như họ Hồ báo rằng Xuân Thu chép chữ Tấn Hầu, là lấy sự thường chép việc Tấn Tương Công, viết chữ Tấn nhân, là ý đem đạo vương ra trách Tần Mục Công. Chưa chắc đã là như thế. Nên lấy tâm mình mà suy thánh nhân; tâm thần giao cảm thì mới đoán được, nếu không thì khó mà hiểu. Vì thế, Trình Tử có bảo là lời ít nghĩa sâu, tùy từng trường hợp, thật là khó biết được.

Lễ nhạc của bốn đời trước, thực là phép lớn của việc trị đời, sách Xuân Thu cũng là phép lớn của việc trị đời. Tuy nhiên, lễ nhạc bốn đời, thì lấy việc thiện làm phép. Xuân Thu Khổng Tử thì lấy bất thiện làm răn.

Có kẻ hỏi: Khổng Tử cho Ngũ Bá có chỗ được, thế có phải là tùy thời tùy nghi không? Đáp: Phải, mà xem cách cho thế, tựu trung là có ý lấy xuống hạng thấp.

Lâm Văn tiến sinh luận về Kinh Xuân Thu, Kinh lời chính đáng, là sách về điển hình, thì làm sáng tỏ vương đạo cho muôn đời. Như các việc giao thiệp, hội thề, chinh chiến, mọi việc đều nhân lòng kính cần, hay lòng phóng túng của đương sự mà nói ý rõ hay lược qua, hoặc dùng tên tự, hoặc dùng tên húy là có ý nghĩa cả, tùy việc mà châm chước, không sai một ly. Người đời sau học kinh Xuân Thu, nhiều người so sánh về chỗ hơn kém các nước Tề, Lỗ. Rồi sau cứ so sánh như thế, như các việc Tống Tương, Tấn Diêu, đều là luận bàn về sự nghiệp Bá. Vậy không biết rằng vì vương đạo mà viết Xuân Thu, hay vì Bá đạo. Như thế thì Kinh sao đủ gọi là một quyển sách đủ dạy nghĩa lý được. Đáp: Đặt căn bản là vương đạo, bày tỏ kỷ cương, trước kinh Xuân Thu sử tuy vẫn có thô, nhưng còn biết thánh nhân sáng đạo chính lý, vậy còn nên đọc. Ý kiến ấy không nên bỏ qua.

Tô Tử Do, giải nghĩa Xuân Thu, nói rằng: Xuân Thu cứ theo sử cũ, chép các chữ hầu báo cáo nhau về mọi việc lớn: tang, tai, họa, phúc, hỷ. Nói thế cũng đúng. Đã chép Trịnh Bá Đột, lại chép Thế Tử Hốt, cứ như sử mà chép. Thời Đinh Công, Ai

Công, thì Phu Tử, chính mắt được thấy, vậy cứ thực mà chép. Thôi Ân Công, Hoàn Công đã xa, sử lại giản lược, vậy Phu Tử cứ theo mà chép.

Là Đại Khuê nói: Cái nạn xuyên tạc Xuân Thu có hai nguyên nhân. Một là lấy ngày, tháng (chép) làm điều chê, khen. Hai là hoặc gọi tên hoặc gọi tước là chê hay khen. Các việc trong Xuân Thu an theo ngày, tháng, mùa. Việc thành ngày nào, biên ngày ấy, tháng nào biên tháng ấy, mùa nào biên mùa ấy, Nếu nên biên tháng mà lại không biên, nên biên ngày mà lại không biên, đó chỉ là sử biên sót thôi. Hoặc có kẻ nói: Các việc Xuân Thu chép đều căn cứ vào Lỗ sử, thế mà bảo học trò Khổng Tử không đổi được một chữ là tại sao? Đáp: Xuân Thu đã có thường lệ, lại có đặc bút của Khổng Tử, có ngày thì chép ngày, có tháng thì chép tháng. Sử ghi tên cũng ghi tên, ghi tước thì cũng ghi tước, cũng như sử ghi mình thì phải ghi mình, ghi hội thì cũng ghi hội, ghi tang, chiến, phạt, thi, sát thì cũng ghi tang, chiến, phạt, thi, sát, đều là nhân sự thực, chứ chẳng thêm bớt gì. Đó là thông lệ, lệ thường. Nếu việc ở trong sử không có, mà kinh lại có, thế là để bày tỏ điều hay. Trong sử có chép mà kinh bỏ, thế là răn điều dở. Đó là đặc bút. Cho nên phải nói: Tề, Hoàn, Tấn Văn là công việc của sử, còn nghĩa (tỏ điều hay) thì Khổng Tử tự nhiệm. Vậy thì dùng lệ thường, là thánh nhân lấy công tâm, còn đặc bút để cho sáng tỏ phải trái, là thánh nhân tình nghĩa.

Hồng Hưng Tổ nói: Xuân Thu vốn không có lệ. Học giả theo đòi từng việc mới lập ra lệ. Cũng như trời vốn có mực độ, người làm lịch nhận lấy một vòng trời, đặt thành mực độ. Tuy nhiên, đọc sách, nếu chỉ để ý đến lệ thôi, thì bị cái tật câu nệ, nông cạn. Nếu cứ để ý đến nghĩa (đặc bút) thôi thì bị cái tật viên vòng xuyên tạc.

Uông Khắc Khoan nói: Xuân Thu chép việc, lớn thì như mặt trời, mặt trăng, như đất nước, như nhân luân, nhỏ thì như nhà cửa đồ đạc, cây cỏ, chim muông. Phạm cái lý lẽ của muôn vật trong thiên hạ, không gì là không đủ. Đọc thông được Kinh Xuân Thu, thì lý lẽ nào cũng biết đến cùng, cho nên Dương Tử có nói: Thuyết về lý lẽ thì Xuân Thu hơn cả.

Ngô Trừng nói: Thầy Chu có nói, phân tích ra thì thấy rất tinh vi, mà không lẫn, kết hợp lại thì thấy rất rộng lớn mà

không thừa. Vậy người đọc Xuân Thu phải biết phân tích, kết hợp. Xuân Thu tức như Hóa Công, Hóa Công tùy theo vật mà cho hình. Xuân Thu như núi, núi rải rác trên đất mà khác hình. Cứ luận bàn một chiều, chuyên xét một đoạn, thì sao luận xét được tôn chỉ thánh nhân viết ra Kinh.

Trình Đoạn Học nói: Truyện cho là thu hợp lời giống nhau để chê việc, hoặc khen việc, đó là phép lớn của Xuân Thu. Ý đó chắc là ở đời thường nói của học trò Không Tử rồi bọn Hán nho ghi lấy, thế mà đến Xuân Thu rồi cũng chưa hiểu hết. Thật là đáng tiếc. Xét thu hợp lời để chê khen, rộng ra là so sánh việc trong 242 năm, gạn ra là so sánh việc trong vài mươi năm. Như việc Lỗ Hoàn Công bị giết ở Tề mà Trang Công quên cả thù cha, lại chủ việc hôn nhân cho Tề lấy Vương Cơ, giao thiệp với nước Tề, tang Văn Khương chưa hết đã sang Tề nạp sinh lễ. Thế Tử Đồng 37 tuổi mới lập phu nhân. Lại như đoạn Công sang Tề đón vợ, Công tới trước, phu nhân vào sau. Rồi đến đoạn Khương Thị giết Mẫn, chạy sang nước Châu. Lại như đoạn Vương nhân Tử Đột, cứu Vệ, rồi Vệ Hầu Sóc về Vệ. Đoạn Công tự phạt Vệ. Đoạn Tề nhân nộp quân bắt được ở Vệ. Đoạn mất mùa mà xây thành ấp. Đoạn mùa đông xin thóc ở Tề, mùa xuân sửa chữa chuồng ngựa. Phàm các việc trong Xuân Thu đều giống nhau cả.

Lưu Vĩnh Chi nói: Nhân Lỗ sử mà Xuân Thu được tạo tác truyền lại. Vương pháp do đó mà được sáng tỏ, Loạn nghịch do đó mà được phơi bày. Nói thì trầm trọng, lời thì ý tứ, điều hay điều dở đều có đủ. Đó là lời bàn của tiên nho. Nay xét kỹ, việc thì theo sử, mà thể thì có khác, phạm lệ thì có năm. 1) Căn cứ vào việc, hoặc chia ra, hoặc hợp lại mà chép. 2) Có việc nguyên nhân cho là quan trọng, thì chép nguyên nhân. 3) Có việc kết quả quan trọng thì chép kết quả. 4) Có việc nhân được báo cáo trong chư hầu mà được chép. 5) Có việc tuy không báo cáo, chỉ được nghe thấy mà chép. Năm phạm lệ đó đều là để ghi sự thật. Ở đất Thù Chi, cũng như ở đất Quỷ Khư, đều chép mùa hạ thì hội, mùa thu thì thể, đó là chia làm hai việc mà chép hai lần là căn cứ vào việc chia hay hợp mà chép. Hội Tiễn Thổ được khen, thì hội và thể cùng chép một ngày. Hội Quỷ Khư, không đáng khen, thì lúc thể chép riêng ngày khác, đó là cứ thực mà chép, chứ không phải đáng khen mà chép cho tương tận hơn. Muốn chép việc nhận định thì trước tiên, chép việc hội ở đất

Tắc, thành cái mối loạn nước Tống, thế là quan trọng cái kết quả, mà phải chép nguyên nhân. Đã chép rằng Tống Bá Cơ mất, hội ở đất Đan Uyên, là chép cái kết quả loạn nước Tống, đó là quan trọng cái nguyên nhân, mà chép cái chung kết. Hội chưa nói đến có, nay ở các việc ấy mới nói đến, là để chú ý đến tầm quan trọng. Mọi đoạn cứ thực chép. Trước tiên, chép Châu Công sang nước Tào, Tề Hầu phạt Bắc Yên, rồi chép đến cùng với Tề hòa, đều là một loại chép. Việc loạn ở triều nhà Chu, Thúc Ưống từ Kinh sư tới công báo chưa có, cho nên chỉ chép là vương thất có loạn, vì không phải là được công nhiên báo cáo mà chỉ được nghe, được biết riêng thôi, thì cứ chép như thế. Lưu Đan đem việc Vương Mạnh ở đất Hoàng báo cáo, Kinh Vương ở Dịch Tuyên, Doãn Thị lập Tử Triều, đều có báo cáo, cho nên nhân có lời báo cáo mà chép việc, đó cũng là cứ sự thực mà chép, chứ không phải là muốn hiện rõ cái dở của việc mà chép cho tường tận. Vậy bao rằng nói thì trăm trọng, lời thì ý tứ, để rõ điều hay, điều dở, báo thế là bọn tiên nho bàn sai.

Đặng Nguyên Tích nói: Trong đời Trang Vương, Hy Vương, lễ nhạc, chinh phạt xuất tự chư hầu. Kinh Xuân Thu trị bọn chư hầu. Muốn cho phải tôn vương, triệt cái lỗi bất tôn đi, rồi sau mới biết tôn vương thống. Từ đời Văn Vương, Tuyên Vương trở đi, lễ nhạc, chinh phạt do lệnh đại phu, thì Xuân Thu trị bọn đại phu muốn cho phải tôn quân, triệt cái lỗi bất tôn, nhiên hậu quân thống mới còn. Từ đời Hoàng, Trang trở về trước, dù chư hầu có những hạng như Quán, Thấp, Hồ, Triệu, công huân rực rỡ, mà đâu có thấy đứng tên ở các hội minh chỉ khi có được đặc biệt sai khiến tới nước Lỗ, thì mới được có tên, vì hàng đại phu không được dự, và đâu có được dự cùng vua các nước. Tuy oanh liệt như bọn Tiến Khước, Loan Tu, không thấy chủ các việc xâm phạt, duy chỉ có đặc biệt đại phu nước Lỗ thì chép tên, vì các hàng đại phu chỉ có liên hệ đến một nước mình mà thôi. Tên tiếng đại phu xuất hiện ở Xuân Thu. Phu Tử buồn có nói: Thiên hạ mà có đạo thì chính không phải xuất phát từ đại phu. Đại phu chủ việc hội minh, bắt đầu từ hội Thùy Lũng. Đại phu mà chủ việc chinh chiến, khởi thủy từ trận phạt Trầm. Đối với Thiên Tử, đại phu của chư hầu gọi là bồi thần, ý nói là bé nhỏ. Tên bồi thần không nói đến, vì đối vương thống còn xa lắm. Cho nên, Dương Hồ làm phản. Kinh không chép. Việc Dương Hồ coi như việc ăn trộm, ăn cắp đồ quý thì chỉ nói là trộm cắp thôi.

Nam Khoái đất Phi làm phản, không chép, chỉ chép là Thúc Cung vây đất Phi. Hầu Phạm đất Hậu làm phản không chép, chỉ chép Thúc Tôn, Trọng Tôn vây đất Hậu. Chép thế là để răn bồi thần, răn đại phu.

Lục Thụ Thanh nói: Mạnh Tử bảo là Xuân Thu là việc của Thiên Tử, vì cứ lấy lễ nhạc, chính phạt trong Xuân Thu chính là việc của Thiên Tử. Thế mà giảng thuyết về sau cho là Khổng Tử làm Xuân Thu tiếm quyền Thiên Tử trong 242 năm. Đó là lấy thất phu tiếm quyền Thiên Tử, phong tước, gia đình, thưởng phạt. Thế đâu có phải là Khổng Tử.

CƯƠNG LĨNH THIÊN THỨ BA

*Thiên này luận về phần đúng, phần sai,
các truyện cùng phép đọc Xuân Thu*

Tuân Tung nói: Không Tử làm ra Xuân Thu, Khuu Minh, Tử Hạ không chỗ nào không xét kỹ. Khuu Minh cứ đem lời được nghe, soạn thành truyện. Truyện thật đúng lẽ, lời thật bóng bẩy, mềm mại, phở gốc bày ngon, dễ phát minh ý trong kinh, rất nhiều kỳ vĩ. Bọn nho thời Hán thì cho là Công Dương Cao được Tử Hạ truyền thụ cho, ý lời thanh nhã, đoán quyết phân minh, có rất nhiều điểm hay. Đồng Trọng Thư ưa thích lắm. Còn thầy trò về phái Cốc Lương Xích cũng được dùng ở triều Hán. Có cha con Lưu Hưởng cố chấp, cho là văn đã giản, nghĩa lại gọn, đính chính được Tả Thị và Công Dương. Do đó, ba pho truyện cùng được truyền bá.

Thiệu Tư nói: Ngoài ba truyện còn có Lục Thuần, Dạm Trợ, có thể cùng đọc.

Trình Tử nói: Lấy truyện mà xét sử tích trong Kinh, rồi lấy kinh coi truyện thực hay sai, hoặc có kẻ hỏi: Tả truyện có thể tin được không? Đáp: Không thể tin cả, chỉ tin điều đáng tin. Lại hỏi: Công Thị và Cốc Thị thì thế nào? Đáp: Bực dưới Tả Thị. Hỏi: Tả Thị có phải là Khuu Minh không? Đáp: Trong truyện, có chữ Khuu Minh, không khảo cứu được.

Lưu An Thế nói: Cốc Lương, Công Dương đều giải thích Xuân Thu, việc nào Kinh không có thì hai truyện thường không nói đến. Cho nên, bọn Hán nho cho là diễn được chân ý Không Tử. Tuy nhiên, hai nhà đều tự mâu thuẫn. Thế đâu có được là chân ý Không Tử. Còn như Tả Truyện, thì việc có trong Xuân Thu hoặc không giải, việc không có trong Xuân Thu, hoặc tự thêm trong truyện. Vì thế, tiên nho cho rằng: Tả Thị hoặc dẫn Kinh trước, rồi chép việc, hoặc chép Kinh sau, mà lấy việc dẫn nghĩa, hoặc cứ y như Kinh, rồi biện lý lẽ, hoặc không căn cứ Kinh để hợp chỗ khác

nhau. Tuy nhiên, không cứ phải như thế cả. Cho nên, muốn đọc Xuân Thu, thì phải, Kinh coi là Kinh, truyện coi là truyện, chứ đừng cho Kinh, truyện là một. Như thế sau mới mong hiểu.

Hồ An Quốc nói: Truyện Xuân Thu có ba nhà. Tả Thị ghi việc gốc có ngọn. Công Dương, Cốc Lương lời thì biện, nghĩa thì tinh. Học Kinh mà lấy truyện làm án (án: cứ vào một việc mà xét việc khác) thì nên đọc Tả Thị. Nếu xem văn lấy nghĩa làm chủ thì nên đọc Cốc Thị, Công Thị.

Hồ Ninh nói: Tả Thị giải thích Kinh tuy là giản, nhưng rộng biết ở các sử sách, kể việc tường tận, khiến cho trăm đời sau còn biết được gốc ngọn, thế là có công nhiều với Xuân Thu. Cốc Thị và Công Thị giải thích Kinh, nghĩa thì cần kẽ, như các đoạn: “Vệ Châu Hu, gọi là Vệ nhân, tức cho là giặc, Công mất không ghi ở đầu, không ghi táng, giặc không đẹp, thế là chê trách”. Cứ coi cách giải thích ấy, thì rõ là hiểu được ý thánh nhân muốn triệt loạn thân, trừ tặc tử. Khảo sát đến ngọn nguồn, tất có mối, không phai cứ bàn suông mà được. Họ Đàm, họ Triệu nói: Việc mà ba truyện ghi, vốn không sai, nghĩa thì vẫn là khẩu truyền, vì chưa chép vào thẻ, vào lụa. Rồi đời sau, bọn học giả đan thêm vào, truyền lẫn lộn cho nhau, mất dần chân bản việc thành ra sai lạc, lý thành ra xuyên tạc. Họ Đại, họ Triệu nói thế cũng đúng. Tuy nhiên, nếu học giả bỏ không đọc ba truyện thì không biết được Kinh. Đọc mà không xét, chọn mà không tinh, thì phương châm ý nghĩa của Kinh Xuân Thu dù giản dị minh bạch, cũng chìm đắm trong tà thuyết, càng thấy tối tăm không sáng tỏ.

Chu Tử nói: Sách Xuân Thu căn cứ vào đương thời đại loạn, thánh nhân cứ thực sự chép ra. Còn như được hồng, phải trái, đã có hậu thế luận bàn, đọc thì phải xét đến ý nghĩa. Nếu trong mỗi lời, mỗi chữ, cứ phải tìm ý chê hay khen, e rằng không phải thế đâu. Quốc Tú có hỏi về chỗ hay dở của ba truyện. Đáp: Tả Thị thường coi quốc sử, xét việc đã tinh, chỉ hiềm không biết đại nghĩa, cứ để ý vào chi tiết, không học, không giảng, Công Dương, Cốc Lương thì xét việc rất sơ, nhưng nghĩa lý lại rất tinh. Hai người chuyên học Kinh, truyện viết ra thấy bàn nhiều, ít dẫn sử. Lý Trương hỏi Tả Truyện thế nào. Đáp: Một bộ Tả Truyện chép nhiều việc, chẳng biết việc có đúng hay không đúng đạo lý của việc thì cũng cứ giảng theo việc, nay cần phải cứu xét. Hỏi: Công Dương, Cốc Lương thế nào? Đáp: Cứ theo lời bàn

của họ thì cũng đúng đạo lý, chỉ sợ thánh nhân đương thời không có những ý ấy. Như các ông Tôn Minh Phục, Triệu, Đàm, Lục, Thuần, Hồ Văn Định đều hay về luận thuyết, rồi từ luận thuyết đến đạo lý. Về thời sau, đã xa thời Xuân Thu, thì cũng nên bàn như các vị ấy. Còn như bàn về lúc thánh nhân mới làm Xuân Thu, thì có nhiều ý khó giải, rồi lại sinh ra nhiều luận thuyết. Chọn trong các luận thuyết đó, rồi so sánh các bản với nhau. Hỏi: Quyển Xuân Thu của Hồ Văn Định thế nào? Đáp: Tầm thường, không đầy đủ hơn của Hồ An Quốc. Và lại, giảng Kinh, thì đạo lý không được minh bạch, lại hay nói chuyện sử cũ, cũng y như văn bây giờ. Có người nói: Tả Truyện thật là không có ý tứ. Lấy một đoạn như “Xam di uẩn sùng”, thì biết, Tả Thị thật là chỉ xét đến lợi hại, có tâm địa của người tránh họa tìm phúc. Vì thế trong sách có chỗ chê việc tử tiết. Còn như nghị luận có chỗ thật là không đúng, như loại “Chu, Trịnh giao chí”. Như thế thì nghị luận gì. Bảo rằng Tông Tuyền Công là người biết người. Lập Mục Công để con mình được hưởng, thế là vô nghĩa. Bàn như thế là chỉ để ý vào lợi và hại không còn biết nghĩa lý gì. Không như, cùng đoạn ấy. Công Dương xét bàn. Người quân tử phải có chính nghĩa. Đó mới là nghị luận của bậc nho gia. Hoặc có kẻ giải thích Xuân Thu, cứ chuyên lấy việc chép ngày, tháng, làm cách bao biếm, chép mùa, tháng thì cho là biếm là chê chép ngày thì cho là bao là khen, xuyên tạc đi, thành hoàn toàn vô nghĩa lý, cũng như Hồ Văn Định bàn giải thì nghĩa lý xuyên tạc, cho nên cũng nên xét. Quyển An Quốc Xuân Thu, rõ lẽ trời chính lòng người, giúp tam cương, thuật cứu pháp, thể thức thì bao quát đại cương đọc thấy có vẻ cương trực thẳng thắn. Hỏi: Hồ Xuân Thu thế nào? Đáp: Hồ Xuân Thu rõ được đại nghĩa, có chỗ nói ra ngoài, tinh thần cũng có chỗ quá đáng, nhưng nghị luận có đầu, đuôi. Hỏi: Hồ Văn Định thế nào? Đáp: Hồ Văn Định nói, cứ theo Mạnh Tử thì công việc thiên hạ trong Kinh Xuân Thu, mỗi câu là một nòng cốt. Thế thì thánh nhân có ý thưởng phạt chăng? Đáp: Văn Định giảng bàn về đạo lý là phải như thế. Thánh nhân chỉ có chép việc để hậu thế nhân đó mà khảo sát lấy đạo lý, để tự biết thế nào là phải, thế nào là không phải. Nếu mà lại gán cho thánh nhân định trước việc nào phải, việc nào trái, tôi e thánh nhân không có ý thế. Tả Thị chép các việc sử, e chỉ có tám chín phần đúng. Còn Công Dương, Cốc Lương, giải nghĩa Kinh, phần nhiều các việc đều cân nhắc ước đoán.

Tiền bối, định nghĩa Xuân Thu, lời và chữ tuy có thô sơ, nhưng cũng bàn được đại ý thánh nhân. Như trước thời hai ông Trình, đã có Hồ An Định, Tôn Thái Sơn, Thạch Tổ Lai, luận thuyết bốn ấy tuy có chỗ sơ lược, nhưng cứ xem cái lối suy xét kỹ càng, về nghĩa, về đạo, thì cũng thực là đáng phục. Văn Xuân Thu, vốn là văn rất nghiêm nghị, thánh nhân làm ra sách ấy, là thấy lòng tham, đọc ngang của nhiều người, vậy lấy sự việc trong 242 năm, để ngụ khen chê, vậy một chữ không dám đặt sai. Giả như kinh ấy nay có người khéo vận vẹo ý tứ, đến thánh nhân cũng không giải thích được. Tả Truyện là do người sau làm vì thấy có Trần Hưu Tề mới có câu: Bất thể chi hậu mạc chi dữ Kinh, vì thấy có ba nhà đại phu mới có câu: Công, Hầu, tử tôn tất phục kỳ thủy. Tả Thị là nhà sử học. Công Dương, Cốc Lương là nhà Kinh học. Nhà sử học thì việc ghi được nhiều và tường tận, nhưng nói đến đạo lý thì thường sai. Nhà Kinh học, về nghĩa lý thì có công, nhưng chép việc thì hay làm nhầm. Ba người cùng không phải là chung sống cùng thời Khổng Tử, được biết Khổng Tử. Hoặc dân câu của Khổng Tử: "Tả Khưu Minh si chi" cho là cùng sống thời Khổng Tử nhưng đó chỉ là họ Tả Khưu. Tả Thị là con cháu của Y Tương, Tả Sử nước Sở, vì thế chép việc nước Sở rất tường. Là Sứ Nhân Xuân Thu không giữ vững ý Hồ Thị, sách ấy khó xem. Lưu Nguyên Phủ Xuân Thu cũng hay, đọc được. Còn Đỗ Dự, thì mỗi khi đến chỗ bất thông, không nói là Truyện nhầm, lại nói là Kinh nhầm, lấy làm lạ. Kiến thức đâu lại như thế.

Triệu Công Vũ nói: Cõi ba truyện thì thấy có Cốc Lương là sơ đặc rất nhiều. Các nhà bàn giải thì có lời bàn của Phạm Ninh rất hay, đọc được.

Chương Hoàng nói: Từ Hán về sau bàn đến Xuân Thu, có hàng trăm nhà đều bắt nguồn từ truyện của Tả Thị, Cốc Lương, Công Dương. Còn như truyện của Hồ Thị, thì lâu về sau mới ra đời, Hồ Thị học làm quan, về sau bị lãng quên. An Quốc viết truyện thấy những chỗ Cốc, Tả, Công còn phân vân, mới lựa chép những điểm giống nhau, rồi khảo sát thêm mọi nhà bình luận về sau, nhất lấy chỗ hay về nghĩa, lệ, trình bày rõ rệt, chê khen đầy đủ. Tuy nhiên, bảo rằng không trái với lời dạy của thánh nhân thì được, mà bảo rằng được hết cả ý thánh nhân thì chưa được. Xét ra, lời trong Kinh là lời thường, thánh nhân làm ra Kinh thì giản dị, mình bạch không lấy lời tối nghĩa lật

vật mà làm cho người ta loạn trí, không lấy văn lúng túng gắt gao, làm cho người ta lầm lẫn. Chỉ cần ác bảo là ác, thiện bảo là thiện, phải bảo là phải, trái bảo là trái, để sáng tỏ nhân đạo, mong cho việc vương sự rồi, sẽ được bình thường. Chỉ cần có thể thôi. Hồ Thị trong bài bình luận dâng lên vua, vì phải ước thúc, nói hơi quá, cho là văn thánh nhân mỗi chữ có mỗi ý nghĩa, cho nên khi đọc phải tìm tòi sâu xa. Vì thế, khi ba truyện đã được viết ra, là giáo huấn thánh nhân bị chia, dù rằng chữ ghi thì vẫn không mất chữ nào. Khi truyện của Hồ Thị được viết ra, thì giáo huấn của thánh nhân được tuân theo một chiều. Vậy coi Hồ Thị sở đắc thì nhiều, nhưng sở đoản cũng không ít.

Trình Tử nói: Một câu trong Xuân Thu là chỉ một việc. Trái phải thấy ngay. Cứ xét cho đến cùng lý, thì học giả chỉ học Xuân Thu, dù biết hết đạo. Các kinh khác, không phải là không có thể xét được đến cùng lý, nhưng chỉ cần luận đến nghĩa thôi. Kinh Xuân Thu là căn cứ vào việc, việc phải trái cần được so sánh cho rõ, cho nên các yếu tố là phải xét đến cùng. Đọc Xuân Thu không như đọc Trung Dung. Muốn biết Trung Dung thì phải hiểu quyền. Quyền là gì, là việc nên làm, là thời nên làm. Còn Xuân Thu lấy gì làm chuẩn đích. Từ Xuân Thu về trước đã có lập lệ. Về đời sau, các sách đều khác nhau. Cùng một việc, chép khác nhau về ý tứ, nếu lấy lệ cũ mà coi thì rất lầm. Kinh Xuân Thu chép việc, nếu việc giống nhau thì lời giống nhau. Người sau cho thế là lệ. Tuy nhiên, có việc giống nhau mà lời chép lại khác. Vậy câu nào có nghĩa câu ấy, thấy thế không nên buộc vào một lệ mới.

Thiệu Tử nói: Chưa biết phân biệt danh với thực, chưa định rõ công với tội của Ngũ Bá, thì chưa đọc được Kinh Xuân Thu. Hãy định công với tội của Ngũ Bá đã, rồi mới đọc thì đại ý rõ ngay. Nếu cứ lần từng việc mà tìm, thì không tìm được đầu mối.

Trương Tử nói: "Sách Xuân Thu từ cổ chưa có. Trọng Ni mới làm ra. Duy có Mạnh Tử là hiểu biết. Nếu chưa tinh nghĩa, sáng ý thì chưa học được. Tiên nho vì chưa được thế, nên bàn luận xuyền tạc.

Dương Thời nói: Đọc Xuân Thu là việc sau cùng. Học giả phải học Ngũ Kinh đã, rồi sau mới đọc Xuân Thu, thì mới có lợi. Lại nói: Nhiều người nói Xuân Thu khó biết được thực. Thực ra thì rõ như mặt trời. Trong Ngũ Kinh, Khổng Tử nói về lý. Trong Xuân Thu Khổng Tử chép các việc. Học giả, nếu đã được cái lý ở Ngũ Kinh thì việc trong Xuân Thu chẳng có gì là khó hiểu. Lại

nói: Bá Thuần tiên sinh thường nói: Đọc kinh Xuân Thu mà không hiểu thì tìm đến Truyện. Truyện không hiểu thì tìm đến Kinh. Tôi thường có hỏi, Truyện không thông lại tìm đến Kinh nghĩa là sao? Ông đáp: Như trong Tả Truyện chép: Quân Thị chết, Quân Thị là kế thất của Huệ Công tên là Thanh Tử. Truyện Công Dương thì chép là Doãn Thị, mà lại cho là một vị đại phu. Vậy Thanh Tử mà chép ra là Quân Thị nghĩa làm sao. Nên cho Doãn Thị là đúng. Đó là tìm ở Kinh.

Lý Thông nói: Xuân Thu, mỗi câu là mỗi phát minh một lẽ. Như coi núi, sông, lần bước đi, hình thế mỗi bước thấy mỗi khác không nên cố chấp lấy một phép. Lại nói: Sở dĩ Xuân Thu khó đọc là vì người đọc hay lấy tâm người thường mà xét tâm thánh nhân. Chưa đến được thánh nhân, há không lầm ư. Học trò Chu Tử hỏi về phép đọc Xuân Thu. Tôi đáp: Chỉ có căn cứ vào sự việc chép ở Xuân Thu, mà lấy đạo tiên vương để chuẩn định. Việc này phải, việc này trái, người này kém, còn có chỗ chứa kém thì cũng không hấn kém, vì còn có điều hay ở một chỗ. Thế rồi lấy đạo lý mà chiết trung. Có thể thôi. Vì lời nói của thánh nhân tế nhị, cho nên đọc phải suy xét, cẩn thận.

Đáp Nhan Hoàng Khanh: Đại chỉ của Xuân Thu thật là hay. Kinh này loại cần xếp đúng lẽ. Tuy nhiên, trước hết, nên theo từng việc để xét lý, xem đi xét lại cho nhuần thấm, cho từng thứ phân minh, cho nghĩa lý thông suốt, thế thì đọc mới có ý vị. Nếu cứ tiện được xác định vào một hướng, cứ như lệ đã định, đã chia mười phần đích đáng, thế thì mình còn làm gì, còn thấy đâu được ung dung rộng rãi, không câu nệ. Thế thì học còn ích gì. Đại để, đọc sách ngoài công phu hàng ngày ra, còn phải thư tâm, bình dị, khoáng đạt mới có thể thu thập được đạo lý, vun trồng, nhuần thấm dần dần. Chớ nên cứ như ý mình cứ theo lệ đã định, ràng buộc vào chặt quá. Thế thì chỉ khi mình bị cấp bách, đất đai nhỏ hẹp, không còn công phu gì nữa.

Lục Thâm nói: Kinh Xuân Thu so với các Kinh khác thật khó đọc. Giản, nghiêm mà rộng lớn. Giản, nghiêm thì lập luận ít. Rộng lớn thì luận bàn nào cũng thông. Bút tước của thánh nhân ý từ sâu xa. Vì vậy, việc thì xem Tả Thị mới đúng. Nghĩa thì xem Cốc Thị, Công Thị mới tinh. Hai lời đó là phép cốt yếu để đọc Xuân Thu.

XUÂN THU QUYỂN THỨ NHẤT

Đỗ Dự nói: Xuân Thu là tên sách sử ký của nước Lỗ. Các việc đều chép theo ngày, tháng, năm, mùa là để ghi các việc ở gần, ở xa, hoặc giống nhau, hoặc khác nhau. Sử chép ghi từng năm, mà năm thì có bốn mùa, cho nên lấy tên mùa (Xuân, Thu) làm tên sách.

Xét: Mạnh Tử nói: Xuân Thu là việc của Thiên Tử, Xuân Thu vốn là sử các nước chư hầu. Thời đó, mọi nước đều lấn quyền Thiên Tử: danh nghĩa, chức vụ lộn xộn. Cho nên các sử cũng lộn xộn theo. Phu Tử vì thế mới sửa lại, sửa về danh nghĩa, chức vụ, thì cứ y theo phép cũ của các vua Thành, Vũ xưa; Về công việc thì nhất luật theo lễ nghi của Chu Công. Vậy Mạnh Tử nói rằng Kinh Xuân Thu là việc của Thiên Tử thì cũng như nói rằng Kinh Xuân Thu là của Thiên Tử. Người bàn không xét nói là Phu Tử tự cho quyền Thiên Tử. Nói như thế là nói bậy. Đồng Trọng Thư dẫn lời Phu Tử: “Ta muốn viết văn, không bằng ghi việc cho rõ ràng”. Vậy phàm đã viết sách mà cứ lý luận, thì chỉ là hư văn, không bằng cứ chép việc thực. Nói đến nghĩa lý đã đành để răn dạy, sao bằng chép công việc trong hơn hai trăm năm thì việc phải, trái, hay, dở, rất rõ ràng. Vậy nói rằng Xuân Thu là việc: “của Phu Tử, không ví được với hư văn”, nói thế cũng không đúng bản ý của Phu Tử.

隱 公

ẨN CÔNG

Dương Sĩ Huân nói: Xem thế phả nước Lỗ, Ẩn Công tên là Túc Cô, là con Huệ Công, dòng dõi Chu Công, Năm Bình Vương thứ 49 Ẩn Công lên ngôi. Ẩn là thụy hiệu. Theo phép đặt tên

thủy trong Chu thư, thì giúp việc mà không xong gọi là Ân, Lỗ vốn tước Hầu, nay gọi là Công là thần tử tôn trọng chủ mình.

Tả truyện - Nguyên Phi (vợ chính) của Huệ Công là Mạnh Tử. Mạnh Tử chết, kế thất là Thanh Tử sinh ra Ân Công. Tống Vũ Công sinh ra Trọng Tử. Trọng Tử lúc mới sinh, trong bàn tay, có chữ sẽ làm Phu nhân nước Lỗ, cho nên Trọng Tử được cưới về nước Lỗ, sinh ra Hoàn Công. Rồi Huệ Công chết thành ra Ân Công lên ngôi. Tống tức là nước Lương, nay theo sách Không số là huyện Thư Dương. Vua Tống tước Công. Theo thế phá. Tống là họ Tử, Vua Vũ Vương nhà Chu phong cho con vua Trụ là Vũ Canh, để nối dõi cùng tế nhà Ân. Vũ Canh sau làm loạn, Chu Công đánh dẹp giết đi, lấy Vi Tử Khải thay thế làm Tống Công.

Lỗ: Cõi địa chí, ông Bá Cầm xây thành ở Khúc Phụ, Châu Duyện.

Xét: - Về thuyết Xuân Thu mở đầu từ Ân Công. Các tiên nho đều cùng cho là như thế. Riêng Trần Phó Lương thì cho là không phải khởi đầu từ Bình Vương, mà là từ Hoàn Vương từ trận vua Chu thua ở đất Nhu Cát.

Uông Khắc Khoan nói: Như thế thì Xuân Thu phải khởi thủy từ Lỗ Hoàn Công, chứ không phải là Lỗ Ân Công.

Năm Kỷ Mùi, Chu Bình Vương thứ 49.

元年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tề Hi Công tên Lộc Phủ năm thứ 9. Tấn Ngọc Hầu tên Khích năm thứ 2. Khúc Ốc Trang Bá tên Tiễn năm thứ 11. Vệ Hoàn Công tên Hoàn năm thứ 13. Sái Tuyên Công tên Khảo Phủ năm thứ 28. Trịnh Trang Công tên Ngộ Sinh, năm thứ 22. Tào Hoàn Công tên Chung Sinh, năm thứ 35. Trần Hoàn Công tên Bào năm thứ 23. Kỷ Vũ Công năm thứ 29. Tống Mục Công tên Hoa năm thứ 7. Tần Văn Công năm thứ 44. Sở Vũ Vương tên Hùng Thông năm thứ 19.

Đồng Trọng Thư: - Chữ nhất là một, là chữ chỉ sự khởi

thủy muôn vật. Chữ nguyên là chữ chỉ sự lớn, lấy nhất là nguyên là chỉ sự khởi thủy lớn, và căn bản chính.

Đỗ Dự: Nhân Lỗ sử mà thành Kinh Xuân Thu, cho nên lấy Lỗ để ghi năm. Lại nói: Vua mới lên ngôi đều muốn cho thể thống bắt đầu trên con đường chính, cho nên không dùng những chữ năm thứ một, tháng thứ một.

Au Dương Tu: Vua lên ngôi, gọi là nguyên niên, năm đầu là việc thường. Trước khi Khổng Tử san sửa Xuân Thu, chữ đã có dùng rồi. Vả lại, chép việc có trước có sau, có xa gần, lấy năm tháng tính số một, số hai là lẽ thường. Bỏ chữ nhất, thay bằng chữ nguyên mà cho là một phép thì chưa chắc. Nhất hay nguyên chỉ là cách nói của người thời xưa. Đời sau bọn học giả, hay vắn vẹo lại bảo là Khổng Tử dùng chữ nguyên niên làm một phép. Rồi lấy việc cái nguyên là việc hệ trọng. Từ thời Hán về sau, lại gọi năm là kiến nguyên, rồi thật, giả, lẫn lộn, xưng hiệu nhiều lần đến không chép nổi.

Từ Vô Đẳng: Người xưa tháng thứ nhất không dùng chữ nhất, mà dùng chữ chính. Sách Quốc Ngữ gọi là lục lữ là nguyên lữ, đại lữ. Sách Chu Dịch bày ra lục hào, gọi là sơ cửu. Đại loại người cổ nói đến con số, thường không dùng chữ nhất, chứ không riêng năm không gọi năm thứ nhất mà là gọi nguyên niên.

Xét: - Nghĩa chữ nguyên bảo là để dùng chỉ sự lớn, sự mở đầu, để cái gốc được ngay ngắn, bảo thế là từ Đồng Thị, rồi sau, Hà Thị, Đỗ Thị phụ họa thêm. Nhân bàn đến chữ nguyên. Trong truyện họ Hồ mới rộng bàn chữ căn nguyên, khôn nguyên. Cho giữ cái thể (cách thức) của nguyên là chức vụ vị nhân quân. Mà điều hành cái nguyên ấy, là công việc của vị Tể Tướng. Lại nói rằng: Nguyên nghĩa là nhân, là lòng người. Nói thế để rộng thêm ý của họ Đồng. Nay xét lấy thủy làm nguyên, từ đời Đường Ngu đã có Đế vương xưa dùng chữ hoặc có ý chẳng. Nhưng nay cứ bảo là thư pháp của Khổng Tử thì thực là xuyên tạc. Trong truyện chép Hoàn Công nguyên niên. Nguyên niên là năm bắt đầu. Từ số ấy lần lần đếm theo không thay đổi, đó là lệ của vị nhân quân xưa chép việc, mà Xuân Thu cũng lấy làm phép biên năm. Đến khi Hán Văn Đế bị bọn thầy cúng mê hoặc, đang ở ngôi, lại đi đổi lại nguyên niên, từ đấy phép lệ mới rối loạn. Đã ở ngôi đến 16 năm, mà rồi lại đổi làm nguyên niên thì nghe có

được không. Các vua Hiếu Vũ, nhân gương đó lại thêm vào lối kiên niên, tức là đặt lại niên hiệu, các đời sau cứ bắt chước; ở ngôi hoặc đã được năm, sáu năm, hoặc mới được ba, bốn năm, hoặc một năm lại đặt lại, sử ký chép thật là phiền phức. Xét rằng đời vua có thể nhiều, mà chữ đẹp để dùng thì có hạn, cứ theo lối ấy thì không phải là phép biên chép lâu dài được. Vậy muốn truyền đời lâu dài thì nên lấy lối ấy biên niên của Xuân Thu làm chính đáng mới được.

春 王 正 月

XUÂN-VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG

Tả Thị. - Nguyên niên mùa xuân, Vương là vua Chu. Tháng giêng. Không chép chữ lên ngôi, là ý nói quyền nhiếp.

Công Thị. - Thế nào là nguyên niên. Là năm đầu của vua. Thế nào là mùa xuân. Là mùa đầu của năm. Vương là ai? Là Văn Vương. Sao viết chữ Vương trước chữ tháng giêng. Vì là Vương định công việc bắt đầu từ tháng giêng, tỏ ý đại nhất thống. Lỗ Ân Công sao không thấy chép là lên ngôi. Vì ý của Ân Công muốn coi việc nước cho yên, rồi trả lại ngôi cho Hoàn Công tại sao. Tại Hoàn tuy ít tuổi hơn, nhưng địa vị quý (con của bà phu nhân, vợ chính của bố). Ân Công tuy lớn tuổi nhưng vị kém. Người trong nước không hiểu. Ân Công đã lớn lại hiền. Các quan dựng lên ngôi. Nếu Ân Công từ chối thì chưa chắc Hoàn đã được lập. Và lại nếu Hoàn được, sợ các quan không chịu giúp vua nhỏ tuổi. Vì thế Ân Công lên ngôi là giữ chỗ cho Hoàn. Ân lớn tuổi mà hiền sao lại không nên lập. Lập đích thì lấy lớn tuổi chứ không lấy hiền. Lập thế tử thì lấy quý chứ không lấy lớn tuổi. Hoàn sao lại được quý. Vì mẹ quý. Mẹ quý tất là con quý, cũng như con là quý thì mẹ cũng được quý.

Cốc Thị - Trong tháng giêng chẳng có việc gì cần chép mà cũng đặt chữ chính để chỉ tháng giêng là có ẩn ý cẩn thận từ bước đầu. Ân Công sao lại không chép là lên ngôi. Là để thành được cái ý của Ân Công. Ân Công không muốn nhận ngôi là có ý rồi nhường lại cho Hoàn. Nhượng cho Hoàn có được là chính

nghĩa không? Đáp: Không, Xuân Thu khuyến khích người ta làm hay, chứ không khuyến khích người ta làm dở. Hỏi: Ân Công đã bắt chính mà lại khuyến khích là tại sao? Đáp: Hoàn Công đáng ghét. Ân muốn nhường Hoàn mà sau lại giết Ân, thế là Hoàn rất dở, Hoàn thì giết mà Ân thì lại nhường, thế là Ân hay. Hỏi: Đã thiện sao lại bắt chính? Đáp: Xuân Thu quý điều nghĩa, mà không quý việc ân, theo đạo mà không theo tà. Con có hiếu thì phô trương cái hay của bố mà không phô trương cái dở của bố. Vua bố muốn truyền ngôi cho Hoàn, thế không phải là chính, thế là tà. Tuy nhiên, bố đã tự thắng được lòng tà mà cho Ân, Ân đã xét được cái chí tà của bố, mà rồi Ân lại muốn cho Hoàn, thế tức là muốn Hoàn thành cái dở của bố. Anh em là thiên luân. Làm con thì nghe cha. Làm chư hầu thì nghe vua. Đã bỏ thiên luân mà quên vua lẫn cha để làm một cái ân nhỏ như Ân Công, tức là đã lấy việc nước làm nhẹ, thế chưa gọi là bước trên đường đạo, chưa gọi là chính được.

Xét - Hồ Thị lấy huân thị của Y Doãn để chứng là nhà Chu không đổi tháng trong lịch. Tuy nhiên, trong quyển Hán Thư. Tam Thông Lịch, tính ngày mồng một Ất Sửu tháng mười hai năm đại giáp nguyên niên làm ngày đông chí. Đúng với tháng mười hai lịch nhà Thương, tháng mười một lịch nhà Hạ. Vậy nhà Thương chưa từng đổi tháng. Hồ Thị lại lấy sách Tần kiến quốc mùa đông tháng mười, để chứng minh rằng nhà Tần cũng không đổi mùa. Thế mà trong sách Hán Thư, thì vua Cao Đế chép là Xuân Chính nguyệt. Nhan Thị có giải nghĩa rằng phạm việc đổi tháng là từ niên hiệu Đại sơ. Lúc đó, lấy tháng mười làm đầu năm, tức là lấy tháng mười làm tháng giêng chính nguyệt. Lại ghi là Hán năm đầu tháng mười ngũ tinh (năm sao: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), đều tụ ở phương Đông, vùng sao Tinh, Lưu Ban nói: Sao Thái Bạch và sao Thần tinh xa mặt trời bất quá chỉ khoảng một hai lần. Nay tháng mười mà theo Tuế tinh (tức là mộc tinh) tại Đông tinh thì vô lý. Thế mà lại chép là ngũ tinh tháng mười thời Tần tụ ở Đông tinh. Tháng mười thời Tần, tính ra ngày nay là tháng 7, mặt trời đang thuận vĩ (sao Trương Tú). Cho nên Thái Bạch và Thần tinh đúng theo Tuế tinh. Cứ xét như thế đủ chứng minh rằng, văn chép việc tuy có thay đổi, mà riêng một việc này thì không đổi, nên mới lấy tháng mười thời Tần, là tháng mười thời Hán, thế nghĩa là Tần

vị thường đổi có mùa, đổi tháng. Còn như Chu thì đổi tháng lẫn mùa. Lã Thị và Hùng Thị lấy Kinh truyện dẫn chứng; Lý Thị lấy Tân Thệ dẫn chứng. Thế thì không thể nghi ngờ được. Kết luận là mùa cùng tháng, các triều đại vua có đổi.

Không biết là Vương, Xuân Chính Nguyệt, mà lại viết là Xuân, Vương Chính Nguyệt là có ý theo nhà Hạ. Chính nghĩa là gì? Là khởi thủy công việc của vương giả. Xuân là gì? Là khởi thủy đạo trời. Việc làm của vua là do vua. Việc làm của trời khởi đầu là xuân. Ba triều đại thay đổi duy có nhà Hạ là lấy đạo trời, muốn cho vương giả tuân phụng mùa của trời, phải lấy trời làm chính.

Xét - Kinh Xuân Thu vì nghĩa tôn vương mà được viết cho nên lấy vương pháp, phép vua mà chính thiên hạ. Xuân Thu vì muôn đời mà được viết, cho nên lấy thiên đạo (đạo trời) chính vương đạo (đạo vua). Không biên chữ lên ngôi, tức vị, Tả Thị cho là vì Ân Công chỉ nhiếp quyền. Công Thị, Cốc Thị cho là Ân Công nhường, Còn Đỗ Dự thì cho là vì không làm lễ lên ngôi, cho nên không chép lên ngôi, như thế là Đỗ Dự định đoạt được. Hồ Thị thì cho rằng: Trọng Ni đầu tiên muốn truat Ân Công để sáng tỏ vương pháp cho nên tước bỏ không chép tức vị. Cát nghĩa như thế, nghe không xuôi. Vì rằng vua mà làm lễ tức vị thì chép là tức vị, vua mà không làm lễ tức vị, thì không chép tức vị, Khổng Tử y như việc mà chép, việc gì phải tước.

三月公及鄴儀父明于蔑

TAM NGUYỆT CÔNG CẬP

CHÂU NGHI PHỦ MINH VU MIỆT

THÁNG BA, CÔNG (LỖ CÔNG)

CHÂU NGHI PHỦ THẾ Ở ĐẤT MIỆT

Chữ đọc 父 là Phủ. Phàm tên đất, tên người, đều lấy âm phủ. Miệt là tên đất, các sách nói đến Châu Công, đều gọi là Châu Lâu Miệt. Công Thị, Cốc Thị thì viết chữ 蔑 ra chữ muội 昧.

Thế đây là hai nước Thế.

Châu, tức là huyện Châu đất Lỗ, theo sách Không sở, Châu vốn họ Tào, dòng dõi vua Chuyên Húc và Lục Chung. Chu Vũ Vương phong cho dòng dõi làm vua nước Phụ Dung (nước nhỏ thuộc vào một nước lớn). Miệt là đất ở địa phận nước Lỗ.

Tả Thị - Tháng ba, Công với Châu Nghi Phủ ăn thề ở đất Miệt, Châu Tử tên là Khắc chưa có mệnh vua cho nên không chép tước mà chép là Nghi Phủ. Dùng chữ Phủ là có ý quý, Công quyền nhiếp ngôi vua mà muốn cầu thân với Châu, cho nên đặt ra hội thề.

Phụ lục Tả truyện - Mùa hạ tháng tư, Phí Bá đem quân đến đắp thành Lang 郎, không chép trong Kinh, vì không phải là mệnh của Lỗ Công. Phí là đại phu nước Lỗ, Phí là tên ấp của Phí cầm Phủ được ăn lộc, khác với Phí là ấp của Quý Thị, nước Lỗ, nhưng âm là Bi Lang ở đất nước Lỗ.

Công Thị - Sao lại dùng chữ cập, với 及 nghĩa là cùng. Chữ hội 會, chữ cập 及, chữ dữ 與, chữ ky 暨 cùng một nghĩa. Tại sao khi thì dùng chữ cập, khi thì dùng chữ hội, khi thì dùng chữ ky. Vì rằng: Hội như chữ tối 最 (tụ tập); cập như chữ tấp (hấp tấp); ky như chữ ky (quả quyết). Dùng chữ cập là do ý nước Lỗ ta muốn. Dùng chữ ky là nước ta bất đắc dĩ.

Sao lại dùng chữ Nghi Phủ. Nghi Phủ là tên tự vua nước Châu Lâu. Sao lại gọi tên. Đó là tên tự. Sao lại dùng tên tự? Thề là khen. Sao lại là khen? Vì cùng với Lỗ Công ăn thề. Sao lại khen riêng Châu, trong khi nước Lỗ cùng ăn thề với nhiều nước? Đó là tại đáng khen thì khen, là muốn cho người ta (Châu) hay dần.

Muội là tên đất 昧

Cốc Thị - Chữ cập là nghĩa thế nào? Là ở trong đất nước, Nghi là tên tự. Phủ cũng như chữ Phó tiếng đẹp để gọi đàn ông. Không viết là tước Tử Châu, vì Châu từ xưa vẫn bé nhỏ, chưa được nhà Chu phong tước. Không biên ngày, vì thế biến đổi ngay. Mội là tên đất.

Xét - Phụ dung là ngang với chức quan Nguyên sĩ trong triều vua Chu cho nên gọi tên tự. Ta Thị bảo là chưa được vương mệnh cho nên không gọi tước. Lời ấy phải.

夏五月鄭伯克段于鄆

HẠ, NGŨ NGUYỆT TRỊNH BÁ KHẮC

ĐOÀN VỤ YẾN

THÁNG NĂM TRỊNH BÁ DIỆT NGƯỜI ĐOÀN Ở ĐẤT YẾN

Trịnh ở đất Vinh Dương huyện Uyển Lang phía Tây Nam. Theo sách Chu Tử Thi Truyện, Trịnh vốn là đất Hàm Lâm, tây đô Cơ Nội. Vũ Công khi được đất Cối, mới giữ tước cũ, rồi sang ở ấp mới, gọi là Tân Trịnh. Theo sách Khổng Sử, nước Trịnh tước Bá, thế phả là họ Cơ, con cháu vua Chu Lệ Vương, dòng dõi người Hữu, em cùng mẹ với Tuyên Vương. Tuyên Vương phong Hữu ở đất Trịnh Yến (thuộc huyện Yến Lăng, đất Đinh Xuyên). Cung là nước Cung (ở quận Cấp, huyện Cung). Quắc là nước Quắc (thuộc Vinh Dương), đó là nước Đông Quắc, ông Quắc Thúc xưa chưa được phong, về sau bị Trịnh Kim tính, vẫn còn thành cũ. Kinh là ấp nước Trịnh (huyện Kinh, đất Vương Dinh). Sái, (huyện Trương Viên, đất Trần Lưu) phía Đông Bắc có thành Sái, tức là ấp của Sái Trọng. Lâm Diên, ấp nước Trịnh (huyện Toan Táo đất Trần Lưu, phía Bắc có bến Diên Tân), Thành Dinh đất nước Trịnh. Dinh Cốc, nước chảy vào sông Dinh, qua Dương Thành, Dương Can, vào Dinh Cốc. Thân là nước Thân (huyện Uyển đất Nam Dương phía Bắc, còn thành cũ nước Thân).

Tả - Xưa, Trịnh Vũ Công lấy vợ ở đất Thân, tên là Vũ Khương, sinh ra Trang Công và Cung Thúc Đoàn. Trang Công đẻ ngược, mẹ suýt chết, vì thế được đặt tên là Ngô Sinh, và bị mẹ ghét. Khương Thị yêu Cung Thúc Đoàn hơn, nhiều lần nói với vua cho lập làm Thế Tử. Vua không nghe. Đến khi Trang Công nối ngôi, mẹ xin lấy ấp Chế phong cho Đoàn Trang Công nói: Chế là nơi hiểm hóc. Quắc Thúc xưa đã chết ở đó. Xin chọn đất khác. Khương thị đòi ấp Kinh. Đoàn đến ở, thành tên là Kinh thành Thái Thúc. Sái Trọng (một đại phu) can: Ấp lớn nhất, bằng một phần ba nước. Trung bình bằng một phần năm. Nhỏ là một phần chín. Nay ấp Kinh quá to không vào quy chế nào, sẽ phiền cho nhà vua. Trang Công nói: Ý của Khương Thị, không cho sao được. Sái Trọng nói: Khương Thị biết thế nào là đủ, chỉ bằng tính trước đi để khỏi sinh dây rối, đã sinh thì khó tính về sau. Cỏ mọc

rậm còn khó trừ, hưởng hồ em quý của vua. Vua nói: Làm nhiều điều bất nghĩa thì tự mình giết mình, đại phu cứ chờ.

Thái Thúc mới dụ xứ Tây Bì và xứ Bắc Bì về với mình. Công tử Lã can vua: Nước không thể có hai vua, nên nghĩ sao. Nhà vua nếu muốn cho cả Thái Thúc, thần xin theo làm tôi. Bằng không thì xin trừ ngay, đừng để dân biến tâm. Vua nói: Không ngại, họa sẽ tới.

Thái Thúc mới thu các đất chung quanh, đến tận các ấp Lâm Duyên. Tử Phong nói, đến nơi rồi, nếu để cho lấn thêm thì được thêm dân. Vua nói, đã bất nghĩa thì mong sao thêm dân được. Có thêm dân lại càng chóng chết.

Thái Thúc mới xây thành, tụ tập quân sĩ, sửa soạn khí giới, ngựa xe định ngày đánh lên Trịnh. Phu nhân xúi giục thêm vua dò được tin, nói: Bây giờ đến lúc rồi. Thế là sai Tử Phong đem 200 cỗ xe đánh ấp Kinh. Người Kinh phản Thái Thúc. Thái Thúc bỏ chạy đến ấp Yên. Vua đánh Yên. Tháng năm, ngày Tân sửu, Thái Thúc chạy trốn sang ấp Cung. Sử chép: Trịnh Bá diệt Đoàn tại ấp Yên. Không nói là Trang Công, mà nói ngay tên là Trịnh Bá, là anh không dạy em, chí muốn diệt em. Đoàn không sử sự như người em, cho nên ghi tên mà không ghi là em. Nói là diệt như hai nước đánh nhau, không ghi là xuất bôn, đã ghi là diệt thì khó nói xuất bôn.

Rồi vua an trí mẹ ở thành Dinh, có thể rằng, không tới hoàng tuyền, thì không gặp mặt. Nói rồi có ý hối.

Dinh Khảo Thúc là đại phu giữ chức Dinh Cốc Điện, Phong ở đất Dinh được biết việc đó. Có việc vào yết kiến. Vua cho ăn tiệc, khi ăn, lấy thịt để riêng không ăn, vua hỏi, đáp: Thần còn mẹ, xưa nay ăn cơm của thần, chưa được lộc của nhà vua, xin dành lại biếu mẹ. Vua nói, người có mẹ, để dành cho mẹ, chứ ta không có. Khảo Thúc hỏi xin cho biết sao vậy. Vua mới nói cho hay duyên cớ. Khảo Thúc bàn: Nhà vua đừng ngại, xin cho đào đất đến tuyền, rồi làm lễ gặp mặt dưới đất, ai dám bảo là không được. Vua theo lời.

Khi vào theo lễ nhạc vua cho hát câu “đường dưới đất đi vào, ung dung vui vẻ xiết bao”. Khi ra đi, bà mẹ cho hát câu: “Khi ra ngoài vui vẻ, mừng rỡ khôn kể”. Mẹ con từ đây lại được như xưa.

Người quân tử bàn: Đinh Khảo Thúc có hiếu, yêu mẹ cảm được Trang công, Kinh Thi có nói: Lòng hiếu không cùng lan ra khắp mọi người. Nghiệm việc Đinh Khảo Thúc thật là đúng.

Công - Khắc, nghĩa là giết, sao không chép là giết, mà chép chữ khắc. Thế là muốn rõ tội ác Trịnh Bá. Mẹ đã muốn lập Đoàn. Đoàn đã không được lập thì thôi, sao lại giết. Đoàn là ai? Là em Trịnh Bá. Sao không chép là em? Vì là vua một nước, đất của Đoàn là một nước. Thế thì, Tề giết Vô tri, sao lại không coi Vô tri là vua một nước. Là vì ở trong nước Tề. Đã ở trong nước, dù đất có rộng, cũng không gọi tên đất nước. Mà ví dụ ở ngoài nước, mà đất nhỏ bé, thì cũng không lấy tên đất mà gọi.

Cốc - Thế sao là khắc? Là năng, là thắng, là đánh được, giết được. Sao lại không dùng chữ sát? Là vì Đoàn có quân đội. Đoàn là em Trịnh Bá. Sao biết là em? Là vì có việc định đoạt của hai mẹ con. Lấy việc ấy biết là em vua. Đoàn là em, sao không chép hẳn em, là công tử, vì là biếm, là chê. Đoàn đã mất đạo làm em, khinh Đoàn, mà trách Trịnh Bá vì Trịnh Bá để tâm vào việc giết. Ở đất Yên, ý nói ở xa, nhưng có khác gì lỗi ở trong lòng mẹ ra, mà giết đi. Đã đánh là trách Trịnh Bá, nhưng ở địa vị Trịnh Bá thì nên làm thế nào. Nên chậm đuổi, để cho giặc chạy, đó là đạo đối với người thân thích.

Lưu Sưởng - Sao lại chép là khắc, tức là kham, là giết, là đánh giặc. Nếu chép rằng người Trịnh giết đi, thì có nghĩa giết kẻ có tội. Đây lại chép Trịnh Bá giết là có ý nói, Trịnh Bá lấy ý riêng làm việc công, lấy chính trị đối người, lấy nhin nhỏ gây mưu lớn. Đưa Đoàn đến chỗ làm loạn là tự Trang Công. Tả Thị nói, Đoàn xuất bôn, chạy trốn, ra đất Cung mà không chép xuất bôn, vì khó nói. Tả Thị luận như thế không đúng. Nếu Đoàn được sống, chạy ra nước ngoài thì Trịnh Bá chỉ có tội phạt (đánh) em, chứ không có tội giết em. Và lại đã như thế, thì nên nói rằng: Trịnh Bá phạt Đoàn ở đất Yên, sao lại đổi chữ phạt làm chữ khắc. Công Dương thì cho là sát, để rõ cái tâm ác của Trịnh Bá. Hà Hưu cũng nhận luận điệu ấy, và có nói lấy chữ phát khắc (không giết) mà khen khuyến khích (hoặc kỳ khuyết, đại phu nước Tấn đời Xuân Thu) thì biết rằng thêm chữ khắc cốt để rõ cái ác của Trịnh Bá. Hà Hưu luận thế không phải. Bao là không khắc nạp (thắng được) thì cũng như không quả nạp (cùng nghĩa là thắng được) chứ không như chữ

khắc dùng trong câu Khắc Đoàn được. Tức là nếu lấy phát khắc làm khen thì “phát khắc tăng”, không được chôn, có gì là khen.

Trình Tử - Trình Bá mất đạo làm vua, không còn nghĩa anh em cho nên cho chép là Trình Bá, mà không chép là anh em. Khắc, nghĩa là thắng, được, chép là thắng là ý nói Đoàn sức mạnh. Làm cho Đoàn được mạnh, là cái ác tâm của Trình Bá. Không chép bôn, chạy, trốn, là cái nghĩa không dùng chữ bôn được.

秋七月天王使宰嚭來歸惠公仲子之賵

THU, THẤT NGUYỆT THIÊN VƯƠNG SỬ TẾ HUYỀN

LAI QUY, HUỆ CÔNG, TRỌNG TỬ CHI PHÚNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, THIÊN VƯƠNG SAI CHÚC TẾ

LÀ HUYỀN TỐI PHÚNG TRỌNG TỬ

Đây là mơ đầu lối Thiên Tử hạ mình, giao thiệp với chư hầu. Thiên Vương là Chu Bình Vương. Thế phả chép Chu là dòng dõi của Hoàng Đế và ông Hậu Tắc, vậy là họ Cơ. Văn Vương xưa, là vua chư hầu. Vũ Vương diệt nhà Ân rồi thay ngôi vua. Từ Vũ Vương đến Bình Vương có 13 vua, anh em truyền cho nhau có một lan. Vậy Bình Vương là cháu thứ 11 Vũ Vương.

Tả - Mùa thu, tháng bảy. Thiên Vương sai quan Tế là Huyền, đưa đồ phúng Trọng Tử. Trọng Tử chưa chết cho nên chưa chép tên. Thiên Tử để bảy tháng mới chôn là để cho cả nước tới, chư hầu năm tháng là để cho các đồng minh tới, đại phu ba tháng là để cho các quan cùng hàng tới, bọn sĩ để qua tháng, là để ngoài thích nhân gia tới. Phúng người chết khi người ta chưa nằm trên giường chết, điều người sống khi người ta chưa phát ai. Dự trừ phúng điều thế là phi lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tám, người nước Kỳ đánh nước Di. Di không có tuyên cáo. Vậy Kinh không chép. Nước Kỳ nay ở huyện Kịch, đất Đông Hoàn. Sách Khổng Sơ, thế tộc phả có chép Kỳ vốn họ Khương, tước Hầu, bị nước Tề diệt. Nước Di ở huyện Trang Vũ, đất Thành Dương, cũng trong Khổng Sơ, Di vốn họ Văn, trong Truyện không thấy chép tên mà cũng không biết bị nước nào diệt.

Công - Tể là chức quan. Huyền là tên, Huệ Công là bố Ẩn Công. Trọng Tử là mẹ Hoàn Công. Không chép là phu nhân vì Hoàn chưa lên ngôi. Phúng là đồ biếu về việc tang, đồ phúng có tiền của thì gọi là phụ. Đồ phúng có áo sống, khâm liệm thì gọi là tùy. Hoàn Công chưa lên ngôi thì sao chứ hầu lại tới phúng. Tới phúng được, vì Ẩn Công tuy ở ngôi mà chỉ tạm thôi, để chờ Hoàn lớn tuổi cho nên đem tang mẹ Hoàn cáo phó chứ hầu, cốt để hoàn thành được ý chí của Huệ Công. Tại sao dùng chữ lai? Vì chưa tới lúc. Tại sao lại nói Huệ Công, Trọng Tử. Vì nói gồm cả hai, thế là phi lễ. Tại sao không nói Huệ Công và Trọng Tử? Vì Trọng Tử chức vị kém.

Cốc - Sao lại gọi là Trọng Tử? Là mẹ Huệ Công, hàng thiếp của Hiếu Công. Theo lễ, phúng mẹ người ta thì được, phúng thiếp người ta thì không được. Người hiền nhận vật nên từ khước. Sao chỉ lại không hợp với việc như thế? Đồ phúng những gì. Ngựa xe thì gọi là phúng, áo liệm thì gọi là tùy, ngọc thì gọi là hàm. Tiền thì gọi là phụ.

Vương Sung - Tả Thị cho là Trọng Tử chưa chết, hoặc cho là hai năm sau. Phu nhân họ Tử chết, cho Tử Thị là Trọng Tử và thời ấy còn sống. Thế là cho thiên hạ có người chưa chết mà được phúng, e không có thế.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo rằng Tử Thị chưa chết cho nên mới chép tên bảo thế là sai. Huệ Công đã cho Trọng Tử làm phu nhân, cho Hoàn Công làm Thế Tử, ai nấy đều biết. Nay Thiên Vương cho đồ phúng, đáng lý chép là phúng Huệ Công và phu nhân là Tử Thị, cơ sao lại chỉ gọi là Trọng Tử, không gọi là phu nhân. Họ Đỗ cho rằng đàn bà không có tên thụy nên lấy tên tự cùng với họ. Xét họ Đỗ nghĩ như thế thì ra Thiên Vương phúng sống người ta. Bấy tôi nước Lỗ cũng cho phu nhân của vua mình tên Thụy khi còn sống. Đức nhà Chu dù có suy nữa đâu đến nỗi đi phúng người sống. Họ Đỗ lại nói rằng đối với đại phu không chép quan tước là vì chức vị quan trọng. Tể được tôn không như quan thường. Thì dù gọi quan, dù gọi họ cũng là không phải.

Trình Tử - Đấng vương giả là vâng đạo trời cho nên gọi là Thiên Vương; mệnh gọi là Thiên Mệnh; đánh giặc gọi là Thiên thảo; làm đủ được thế, là Vương đạo. Xuân Thu lấy vương mệnh để định chính vương pháp; gọi là Thiên Vương để phụng hành

thiên mệnh. Vợ chồng là gốc nhân luân, cần phải đính chính trước tiên. Thời Xuân Thu, ngôi vợ đích và vợ thiếp đều rối loạn, thánh nhân lại càng thận trọng về danh và phận. Trọng Tử là liên hệ đến Huệ Công, cho nên phải chính danh, không gọi là phu nhân, mà gọi là Huệ Công Trọng Tử, tức là Trọng Tử của Huệ Công, tức là thiếp. Lấy lễ phu nhân mà phúng thiếp người ta, thì rất là loạn pháp. Mở đầu Xuân Thu, tuy nghĩa Thiên Vương chưa thấy rõ, nhưng không thể bỏ chữ Thiên. Còn như gọi tên Huyền là để tỏ sự chưa đủ vương đạo. Bấy tôi Thiên Tử, dù nhỏ cũng không gọi tên, hướng chỉ là quan Tể.

Trần Phó Lương - Đại phu triều Chu không gọi tên, cứ theo tước gọi tước. Chưa có tước thì gọi tự. Trái lẽ ấy mà gọi tên tức là biếm. Tại sao lại biếm Tể Huyền? Vì đã theo mệnh phúng, một người mẹ vốn là thiếp. Xưa chư hầu không có hai lần cưới. Nếu có lấy vợ lần hai thì người vợ ấy gọi là thiếp. Nay Ân Công vì nhường Hoàn, mới lấy phu nhân đối với mẹ con Hoàn mà cáo phó tới triều đình nhà Chu. Phúng mệnh theo cáo phó vậy. Còn gọi là Huệ Công Trọng Tử, là lời sau san định của Kinh Xuân Thu.

Xét - Tả Thị cho rằng Tử Thị chưa chết thì rõ là sai, không cần phải bàn. Cốc Lương bảo Trọng Tử là mẹ Huệ Công gọi là Tử Thị. Nay xét niên biểu thì Huệ Công lên ngôi năm Bình Vương thứ ba. Đến năm đầu Ân Công là vừa 47 năm mà mẹ mới chết thì lâu quá. Vậy phải cho thuyết Công Dương mới là đúng (Trọng Tử là mẹ Hoàn Công). Tể là Trùng Tể, theo Lưu Sưởng là phải.

九月及宋人盟于宿

CỬU NGUYỆT CẬP TỐNG, NHÂN MINH VU TÚC THÁNG CHÍN VỚI NGƯỜI TỐNG THÊ Ở TÚC

Đây là lần đầu tiên có việc tham dự hội thê.

Túc. Một nước nhỏ, nay là huyện Vô Diêm đất Đông Bình.

Tả - Năm cuối đời Huệ Công. Lỗ đánh được quân Tống ở đất Hoàng. Khi Ân Công lên ngôi thì cầu hòa. Tháng chín với người Tống ăn thê ở đất Túc, rồi thông hiếu.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông tháng mười, canh thân, cải táng Huệ Công Ẩn Công không dự, cho nên chép. Huệ Công khi chết đang có việc đánh nhau với Tống. Thế Tử còn nhỏ, việc chôn cất có thiếu sót, cho nên phải cải táng. Vệ Hâu tới dự không thấy Ẩn Công, cho nên cũng không chép.

Nước Trịnh có loạn Cung Thúc. Công Tôn Hoạt chạy sang nước Vệ, Người Vệ giúp Hoạt đánh Trịnh, lấy được đất Lâm Diên. Người Trịnh lấy quân nhà vua (Chu), quân nước Quắc, đánh Vệ ở Nam Bì. Cầu hòa, đóng quân tại nước Châu. Châu Tử xin giao thiệp riêng với Công Tử Dục. Dục xin đi, Ẩn Công không cho. Dục cứ đi rồi cùng với người Châu, người Trịnh ăn thề ở đất Dục cho nên không chép vì không có mệnh Ẩn Công. Xây dựng Nam Môn cũng không chép, vì không có mệnh Ẩn Công. Vệ là nước Vệ ở huyện Triều Ca, quận Cáp. Theo Khổng Sứ, Vệ vốn tước Hâu, họ Cơ đất xưa Văn Vương phong cho Khang Thúc. Quắc là nước Tây Quắc, ở huyện Thiêm đất Hoàng Nông, phía Nam còn Quắc thành.

Dục ở đất Châu.

Công - Trong nước, người đi dự hội, địa vị kém.

Cốc - Sao lại chép là cập: với. Vì trong nước, người đi dự hội, địa vị kém. Sao lại chép là Tống nhân, người Tống. Vì nước ngoài, người đi dự hội địa vị kém. Đã thế không chép ngày hội thề. Tức là tên ấp.

Hổ Truyện - Người trong nước thì chép là với. Người nước ngoài thì chép là nhân: người, đều ý là địa vị kém. Hội thề ở nước Tức cho nên nước Tức dự thề. Hội thề mà đã kém thì Kinh Xuân Thu không chép ngày. Còn việc chép thì cứ chép, là vì có vua nước Tức dự.

Lưu Sống - Sao lại chép là cập: với. Vì hội thề, các người dự tiệc đều kém nên không cho chép. Ai với. Chính là Công (Ẩn Công). Sao lại không chép hẳn là Công. Là vì xấu hổ bị cùng người với Tống thề. Sao lại xấu hổ? Vì đối với vua nước nhỏ thì nước lớn có thể sai quan Khanh đi dự được. Quan Khanh nước nhỏ không thể hội với vua nước lớn được, Kém chỉ là ai. Là chỉ chức quan nhỏ.

Xét - Ta Thị nói Ân Công lên ngôi xin hòa, y như nói rằng Công cầu hòa. Triệu thị, Lưu Thị cho là toàn người dưới làm chủ. Hồ Thị cho là trong nước, ngoài nước, người đương sự đều địa vị kém, chỉ có vua nước Túc là vua cho nên phải chép. Bàn thế cùng thông. Còn như Cốc Lương cho là Túc là một ấp thì không phải. Cốc Lương lại còn bảo rằng hội thể mà đương sự địa vị kém thì không chép. Xét ra, phàm đã là hội thể, thì đều chép ngày. Không chép chỉ là thiếu sót. Trang Công năm thứ 9 có chép rằng; Công cùng với đại phu nước Tề hội thể, không có chép ngày. Năm thứ 22, hội thể với Cao Hề thì lại chép ngày. Thế là thế nào?

冬十有二月蔡伯來

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, SÁI BÁ LAI **MÙA ĐÔNG THÁNG MƯỜI HAI, SÁI BÁ TỚI**

Đây là lần đầu, vương thần, bầy tôi Thiên Tử tư giao (giao hiệu riêng). Sái, nước Sái, tước Bá. Theo sách Lộ Sử ở phía Đông Bắc Quan Thành, giáp đất nhà Chu, có Cổ Sái Thành.

Ta - Sái Bá tới, không phải là vâng mệnh Thiên Tử.

Công - Sái Bá là quan đại phu triều đình Chu, không chép sứ, vì Sái Bá đi riêng. Đạo vương giả không có riêng, không có tự tui.

Cốc - Tới, là châu. Vì phàm tất cả chư hầu, không có mệnh Thiên Tử, không được hội họp chư hầu, ngoại giao không được chính thức. Đồ sỉnh lễ như cung, tên, giáo, mác không được đem ra khỏi nước. Đồ sỉnh lễ như gạo, thịt không được dùng trong nước. Vì trên còn có Thiên Tử không được tư giao.

Trình Tử - Sái Bá là chư hầu ở kỳ nội (trong đất nhà Chu), làm Khanh sĩ trong triều đình Chu. Không chép là tới châu nước Lỗ, tức không cho việc châu là đúng lễ. Đương thời, chư hầu đã bỏ không lại châu Thiên Tử. Thế là bỏ nghĩa làm bầy tôi. Thiên Tử lẽ ra phải trị. Sái Bá là vương thần đã không hay giúp được Thiên Tử đem lại chính pháp, điển lễ, mà lại còn tư thông, tới hầu chư hầu, cho nên không chép chữ châu là cho rõ cái tội của Sái Bá. Theo phép các tiên nho thì vương thần không có ngoại

giao, thuyết đó rất sai. Nếu thiên hạ có đạo, chư hầu giữ phép, thì đâu có chia ra nội, ra ngoại, giao hiếu thành một nghi lễ thường. Tuy nhiên, sai quan chức tới châu một nước ở xa, thì không có đạo lý ấy. Chu lễ có nói đến việc châu nhau, là nói đến các nước gần nhau.

Xét - Việc Sái Bá, chép là Sái Bá tới. Các truyện cho là tới châu. Riêng Công Dương thì cho là tư giao. Các truyện lại cho chữ Bá là tước Bá. Công Dương cho là tên tự. Nền theo Tả Truyện không chép lại châu là phải. Cốc Lương bảo rằng, vì ngoại giao không được chính thức, chư nho đều nghe cả. Trình Tử thì bảo rằng, chư hầu bỏ việc châu Thiên Tử, Thiên Tử không trị nổi, mà Sái Bá ngược lại, đi giao thiệp. Lời ấy rất chính đáng.

公子益師卒
CÔNG TỬ ÍCH SƯ TỐT
CÔNG TỬ ÍCH SƯ MẤT

Tả - Chúng Phủ (tên tự Ích Sư) mất. Công (Ấn Công) không dự lễ tiểu liệm, nên không chép ngày.

Công - Không chép ngày là vì lâu rồi. Sở kiến, sở văn, sở truyền, đều sai, đều khác nhau.

Cốc - Đại phu chết, chép ngày, vì người tốt, không chép ngày là vì người xấu.

Lưu Sưởng - Con vị Công thì gọi là Công tử, con Công tử thì gọi là Công tôn. Con Công tôn thì lấy tên chữ (tên tự) bổ làm họ, Công tử được tôn như đại phu. Còn đại phu sau ba bậc quan mới dùng họ. Chết thì gọi là tốt (mất). Công tử Ích Sư mất, chép thế là đích đáng. Tả Thị bảo rằng vì Công không dự lễ tiểu liệm, nên không chép ngày, bảo thế là sai. Công Tôn Ngao, Thúc Tôn Sước, Công tôn Anh Tế, đều có được Công dự lễ tiểu liệm dâu, mà lại được chép ngày. Đại phạm Kinh Xuân Thu, căn cứ vào sử, sử chép có khi không chép ngày, hoặc tháng, nay làm sao mà cứu xét ra ngày tháng cho đủ.

Cốc Lương nói: Chép ngày chết là rõ người tốt, không chép ngày chết là rõ người không tốt. Cốc Lương nói thế không phải.

Công Tôn Ngao Trọng Toại, Quý tôn Ý Như có phải là tốt đâu mà chép ngày chết. Thúc tôn Đắc Thần không nghe thấy là có tội, mà cũng không chép ngày. Tất cả đều là quên.

Trình Tử - Hàng Khanh ở chư hầu đều thụ mệnh ở Thiên Tử. Đương thời không xin mệnh nữa, cho nên Khanh ở chư hầu đều không chép quan tước tức là coi như không có quan tước. Gọi là Công tử, khi trước Công tử vẫn có tước Khanh. Duy ở Tống, dòng dõi Thiên Tử, được ban quan tước, cho nên riêng hàng Khanh nước Tống được chép quan tước. Khanh là gì? Là giúp vua để coi việc nước. Khi mất là có quan hệ đến nước cho nên phải chép. Thế là để rõ nghĩa vua tôi.

Hoặc chép ngày, hoặc chẳng chép ngày, là nhân các sách sử, các sách cổ, thường giản lược, hoặc ngày tháng không được đủ. Xuân Thu căn cứ vào sử, bớt thì bớt được, nhưng thêm thì lấy ở đâu mà thêm.

Gia Huyên Ông - Theo Kinh Xuân Thu, đại phu trong nước mà mất, hoặc chép ngày, hoặc không chép ngày, là tùy sử cũ chép tường tận, hay giản lược chứ không có ý gì chê hay khen. Có thuyết của Công Dương là sát ý, cho là việc càng lâu đời càng không tường, nên sử kiến, sử văn, sử truyền khác nhau.

Năm Canh Thân Bình Vương năm thứ 50.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tế Hi Công năm thứ 10. Tấn Ngạc năm thứ 3. Vệ Hoàn năm thứ 14. Sái Tuyên năm thứ 29. Trịnh Trang năm thứ 23. Tào Hoàn năm thứ 36. Trần Hoàn năm thứ 24. Kỳ Vũ năm thứ 30. Tống Mục năm thứ 8. Tần Văn năm thứ 45. Sở Vũ năm thứ 20.

XUÂN, CÔNG HỘI NHUNG VU TIỀM
MÙA XUÂN, CÔNG HỘI VỚI NHUNG Ở ĐẤT TIỀM

Đây là lần đầu, chép việc hội Nhung; ở huyện Tế Dương, đất Trần Lưu phía Đông Nam còn Nhung Thành. Tiềm là đất nước Lỗ gần đất nước Nhung.

Tả - Năm thứ 2. Mùa xuân công hội Nhung ở đất Tiềm, để sửa soạn thông hiếu theo chí Huệ Công. Nhung xin thể. Công từ chối.

Cốc - Hội, ý nghĩa là nước ngoài làm chủ (chứ không phải mình). Tri, nghị cho chín chắn; nghĩa phải theo đúng; nhân phải giữ vững. Có đủ ba đức ấy mới nên ra hội. Hội với Nhung, đối với Công là điều không hay.

Hà Hưu - Chép chữ hội có ý chê. Trong nước hư không, chỉ ý lại vào ngoại giao. Đời xưa các chư hầu không phải đi triều, thì không được đi ra khỏi đất nước.

Phạm Ninh - Phàm đầu năm, lấy tháng theo mùa, lấy mùa theo năm, văn chất điều hòa. Kinh Xuân Thu, chép là Vương để bường ứng năm, tháng, mùa, để cho rõ nghĩa vua xét mùa. Vâng mệnh trời thống trị thiên hạ. Tuy nhiên Kinh Xuân Thu chép việc, cho việc lệ thuộc vào mùa, thì chép mùa mà không chép tháng. Nếu tháng tới, khi việc đã xong, thì chép tháng mà không chép vua. Chép vua là vua trên, nhân mùa xuân; dưới cho lệ thuộc vào tháng. Đầu tiên ghi năm, mọi việc đều khởi thủy, kinh can mà không luộm thuộm. Mọi việc chép đều theo thể thức đó. Duyệt có Hoàn Công chép chữ nguyệt không chép chữ vương là có ý không theo vương pháp.

Tôn Phục - Không có việc của Thiên Tử thì chư hầu không được hội họp. Nay phạm chép hội là có ý chê.

夏五月莒人入莒

HẠ NGŨ NGUYỆT, CỬ NHÂN NHẬP THƯỢNG **MÙA HẠ THÁNG 5, NGƯỜI CỬ VÀO ĐẤT THƯỢNG.**

Việc đầu tiên vào đất nước người ta. Cử, nước Cử nay ở huyện Cử, đất Thành Dương. Thượng, là nước Tiều, huyện Long Cánh, phía Đông Nam có Thượng Thành. Theo Khổng Sớ, nước Cử họ Kỳ, nước Thượng họ Khương. Người cử vào nước Thượng đem nàng Khương Thị về, Đời Lỗ Văn Công thứ 8; Mục Bá chạy sang nước Cử theo họ Kỳ. Việc Cử Kỳ, Thượng Khương, Khổng Sớ có chép. Trong thế phả lại có nói: Cử là họ Doanh, dòng dõi vua Thiệu Hiệu. Được phong từ đời Kỳ Công, rồi thành họ Kỳ, không biết ai cho họ Kỳ ấy.

Tả - Cử Tử (tước Tử) lấy vợ ở nước Thượng Khương. Đã ở Cử rồi không yên, lại trở về Thượng. Người Cử mới vào nước Thượng đem Thượng Khương về.

Công - Nhập là vào, là đánh được, mà không giữ lấy đất nước.

Cốc - Nhập là ý người trong nước không thuận, Thượng là áp của nước Lỗ ta.

Lục Thuần - Một chữ trong Kinh dùng theo mọi lệ mà nghĩa thì không giống nhau, là chữ nhân là người. Nước Cử mà gọi là người Cử, là nghĩa rộng, nói chung, quân đội mà gọi là người, là nghĩa hẹp, nói riêng. Danh và tước không quý, phải gọi là nhân là lời khinh thường bỏ danh tước, mà dùng chữ nhân, là ý chê biếm. Nay nước Cử mà gọi là Cử, chính là lời hẹp nói riêng, khác hẳn với việc Vô Hải xuất sư (dem quân đi đánh).

Trình Tử - Khi thiên hạ có đạo thì lễ nhạc, chính phạt, từ Thiên Tử phát xuất. Thời Xuân Thu, chư hầu chiếm quyền, đem binh xâm phạt lẫn nhau, tội rõ rệt. Chép là người Cử là có ý khinh, chép chữ vào là vào nước. Xâm đất người ta đã lả hung bạo, hưởng lại vào nước người ta.

Trần Phó Lương - Đại phu của vua cầm quân đều chép là người. Vua cầm quân thì chép là vua là bắt đầu từ việc Sở Trang vào nước Trần. Đại phu cầm quân mà chép là đại phu là bắt

đầu từ việc Khước Khuyết vào nước Sái. Riêng đại phu nước Lỗ thì cứ chép đại phu.

Gia Huyền Ông - Chư hầu bắt đầu tiếm quyền xâm phạt. Chép là xâm, phạt, vây, chiếm, diệt, đều là chê, biếm. Các chữ đó khác nhau, là tùy theo cách dùng binh khác nhau: thường, lạ, lớn, nhỏ, sâu, nông, tất cả đều là chê biếm. Phàm phạt nước ta, vào quốc đô người ta, đó chỉ là kém tội diệt nước người ta một bậc. Cừ Tử vào nước Thượng chỉ là để đem vợ về, chứ chưa chắc muốn diệt nước Thượng. Cho nên Kinh Xuân Thu chép là vào mà không chép là diệt.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương cho Thượng là ấp của nước Lỗ. Căn cứ vào về sau chép rằng, Công phạt nước Cừ, chiếm nước Thượng, thế thì Thượng là một nước nhỏ đã bị nước Cừ diệt.

無駭帥師入極

VÔ HẢI SUẤT SƯ NHẬP CỤC **VÔ HẢI ĐEM QUÂN VÀO NƯỚC CỤC**

Đây là bắt đầu việc đại phu chuyên giữ binh quyền Cục là một nước nhỏ, một nước phụ dung.

Ta - Quan Tư Không là Vô Hải vào nước Cục. Phí Cam Phủ đánh cho thua.

Công - Vô Hải tức là Triển Vô Hải, không chép họ Triển là ý chê ghét về việc diệt. Việc diệt đây là mở đầu Xuân Thu. Sao lại dùng chữ vào không dùng chữ diệt. Là muốn tránh tiếng ác cho nước Lỗ.

Cốc - Nhập (vào) có ý nghĩa là trong nước không thuận, Cục là một nước. Vào nước người ta được thì người ta cũng vào nước mình được. Không chép họ, là có ý chê, chê biếm diệt nước cùng họ.

Hổ Truyện - Không có mệnh vua mà đánh nước người ta để thỏa ý riêng dù thấy là chư hầu không giữ đạo làm tôi. Họ chuyên quyền mà không bị chinh phạt dù thấy là Thiên Tử không giữ đạo làm vua. Cứ theo như việc, cứ nói thẳng, thì nghĩa tự rõ.

Đỗ Dự - Vô Hãi là quan Khanh nước Lô, không chép họ vì chưa được ban họ.

Lưu Suồng - Công Dương cho chữ vào là diệt, lại cho rằng không chép họ. Họ Triền của Vô Hãi là ghét mở đầu việc diệt. Bàn thế là không phải. Xuân Thu dù có muốn kiêng dè cho nước Lô, cũng không thể lời văn hại sự thực. Nay nếu cho diệt là vào, là nhập, thế là làm cho lời văn hại thực. Còn như Vô Hãi không chép họ cũng không phải là ghét mở đầu việc diệt. Xét Xuân Thu, buổi đầu còn gần Tây Chu, pháp lễ tiên vương còn sót lại, chư hầu tiếm quyền còn ít, các quan Khanh chấp chính nước Lô còn phục mệnh. Lấy Vô Hãi làm đầu trò là xuyên tạc ý nghĩa. Công Dương thấy không chép họ Vô Hãi cho là biếm, biếm quá lẽ, thấy chữ nhập lại cho là diệt, thế là Công Dương tìm không ra nghĩa, mới cố ép nghĩa. Cốc Lương thì nói: Dùng chữ nhập là có ý trong nước không thuận, và không chép họ vì biếm sự diệt nước cùng họ. Xét ra chữ nhập không cùng nghĩa với chữ diệt. Cốc Lương trước đã cắt nghĩa chữ nhập, sau lại cho chữ diệt thông với chữ nhập, y như là thời Cốc Lương viết truyện, tự thích nghĩa chữ nhập rồi, sau được đọc Công Dương mới lại cho nhập là diệt, rồi cũng chú thích như thế.

秋八月庚辰公及戎盟于唐

**THU, BÁT NGUYỆT CANH THÌN. CÔNG CẬP
NHUNG MINH VU ĐƯỜNG**

**MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY CANH THÌN CÔNG
VỚI NƯỚC NHUNG THẾ Ở ĐẤT ĐƯỜNG.**

Đường là đất nước Lô, nay là huyện Phương Dư đất Cao Bình, hiện còn đình Vũ Đường.

Ta - Nhung xin thế. Mùa thu, thế ở đất Đường. Ta lại thông hiếu với Nhung.

Đỗ Dự - Tháng tám không có ngày canh thìn. Canh Thìn vào ngày mùng chín tháng bảy. Ngày, tháng chắc còn sai.

Gia Huyền Ông - Hồ Thị cho rằng chép ngày là rõ ý cần trọng. Tôi cho là chép, hay không chép ngày, không liên can gì đến chê hay khen.

九月紀履 繪來逆女 冬十月伯姬歸紀
CỬU NGUYỆT, KỶ LÝ TU LAI NGHỊCH NỮ.
ĐÔNG THẬP NGUYỆT, BÁ CƠ QUY VU KỶ.
THÁNG 9, KỶ LÝ TU TỚI ĐÓN NỮ (CON GÁI LỖ) VỀ.
MÙA ĐÔNG THÁNG 10 BÁ CƠ VỀ KỶ.

Chữ Lý Tu, Tả Thị chép là Liệt Nhu.

Tả - Tháng chín. Kỷ Liệt Nhu tới đón con gái nước Lỗ. Đó là quan Khanh thay vua đi đón.

Công - Kỷ Lý Tu là đại phu nước Kỳ. Sao không gọi là sứ. Vì hôn lễ, không gọi tên chủ nhân. Thế thì gọi là gì. Gọi là phụ huynh, sứ hữu. Vậy Tống Công sai Công Tôn Thọ tới nạp lễ thì gọi tên chủ nhân, là tại sao? Là vì không có chữ khác để dùng. Sao thế? Tại không còn mẹ. Kỳ thì còn mẹ. Sao không gọi tên mẹ? Vì gọi không tiện. Nước ngoài đón vợ thì không chép, sao đây lại chép? Là có ý chê, chê không thân hành đi đón. Bắt đầu không thân hành đi đón là từ việc này, mà là việc đầu thời Xuân Thu. Tại sao con gái khi thì gọi là nữ (con gái) khi thì gọi là phụ (đàn bà); khi thì gọi là phu nhân? Vì còn ở trong nước, thì gọi là nữ, ra ngoài thì gọi là phụ, vào đến nước chồng gọi là phu nhân. Bá Cơ là con gái Lỗ, chép là về tức là về nhà chồng.

Cốc - Đón "nữ" thì phải bản thân đi. Sai đại phu đi không chính lễ. Lấy danh nghĩa một vị khanh tới giao thiệp với ta thì nâng họ lên để khuyến khích. Lễ, đàn bà đi lấy chồng thì gọi là quy. Trở về nhà mình thì gọi là lai quy. Đàn bà theo chữ tông. Ở nhà theo phép cha. Đi lấy chồng theo phép chồng. Chồng chết theo phép con trưởng. Đàn bà không tự ý hành động được, tất phải có nơi để theo (tông). Bá Cơ quy về nước Kỳ. Mấy chữ đó là để ghi một việc, chứ không có ý gì khác. Không cứ gọi là sứ vì cách đi đón là trái lễ, không đáng dùng chữ.

Lưu Sưởng - Đàn bà đi lấy chồng được gọi là quy. Quy vào chữ hầu thì địa vị vẫn là tôn, vì tôn nên mới ghi. Lại nói: Cốc Lương bảo rằng vì có một vị quan tới giao thiệp cho nên tôn lên. Bảo thế là vậy. Việc cưới xin giữa chư hầu thường sai người

đi lại. Đó là việc thường có gì mà bảo rằng tôn con người ta lên. Và Lý Tu là người họ to trong nước, có khác gì Trịnh Thiêm đầu mà bảo rằng tôn người ta lên.

Trịnh Tử - Bất cứ ai cùng đều chép tên, vì vua mệnh cho đi đón phu nhân. Ở Lỗ thì gọi là nữ. Con gái trong nước gả cho làm phu nhân chư hầu, thì chép là đón (nghịch), chép là về (quy), chép là một việc quan trọng. Người tới đón mà không phải là vị Khanh thì chỉ chép chữ quy thôi, để rõ là lễ nghi có tính cách bạc. Tiên nho đều bảo rằng chư hầu phải thân nghênh. Thân nghênh là gì. Là đón ở một công quán, rồi có thể thân ngự ra đón, chứ đâu có rời tôn miếu, xa tắc mà đi ra xa ngoại quốc để đón vợ bao giờ. Không cử là chư hầu, ngay đến Khanh, đại phu trở xuống cũng thế. Kinh Thi có khen Văn Vương thân nghênh trên sông Vị, thế tức là chưa ra khỏi nước. Kinh Thi lại dẫn rằng nước Chu từ bờ sông Vị. Huống chi Văn Vương khi thân nghênh còn là công tử chưa có ngôi vua. Lại dẫn thêm, dù là Công tử, Công tôn, đưa dâu nếu không phải là vị Khanh cũng không chép.

紀子伯莒子盟于密

KỶ TỬ, BÁ, CỬ TỬ MINH VU MẬT

KỶ TỬ, BÁ, CỬ TỬ THỂ Ở ĐẤT MẬT.

Bá, Tà Thị chép là bạch. Đây là đầu tiên các nước ngoài cùng nhau ăn thề. Mật là ấp nước Cử ở đất Thành Dương phía Đông Bắc huyện Thuần Vu. Còn Mật Hương, làng Mật.

Tả - Mùa đông Kỷ Tử Bạch, Cử Tử, thể ở Mật, vì việc nước Lỗ.

Công - Kỷ Tử Bá là ai. Không nghe thấy nói.

Cốc - Hoặc bảo Kỷ Tử hơn Cử Tử (Bá nghĩa là hơn) mà cùng Cử Tử thể, hoặc bảo cùng tuổi, cùng tước, mà Kỷ Tử hơn thì đứng trước.

Hồ Truyền - Phàm văn mà thấy thiếu sót tức là có đoạn, vì đại nghĩa mà tước bỏ chứ không phải thực thiếu sót. Có bản căn cứ vào sử cũ, rồi cũng lại chép như trước, không viết thêm. Cũng lại có hạng tiên nho cứ thế truyền thụ lại, không dám

thêm như trong các đoạn: Phúng việc táng Thành Phong. Vương không chép là Thiên, vua Ngô Sở mất, không chép táng, đều là bị xét cắt, y như loại Giáp Tuất, Kỷ Sửu, hạ ngũ, Kỷ Tử Bá, Cử Tử thể ở đất Mật. Hoặc nói rằng tiên nho cứ truyền thụ cả những đoạn nhảm. không dám thêm đổi. Chỗ ghi thì dễ khuyết, chỗ không khuyết thì giảng giải thận trọng. Như thế còn được, chứ cứ vắn vẹo cho ra nghĩa thì là xuyên tạc.

Dạ Trợ - Cốc Lương bạo rằng Kỷ Tử hơn Cử Tử và cùng Cử Tử thể. Đó là đoạn văn thiếu mà giảng là Bá hơn Cử Tử là xuyên tạc. Còn Tả Thị thì cho rằng Tử Bạch là tên tự Liệt Nhu, cho nên chép.

十有二月己卯夫人子氏薨
THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT MÃO,
PHU NHÂN TỬ THỊ HOÃNG

THÁNG 12, NGÀY ẤT MÃO, PHU NHÂN LÀ TỬ THỊ MẤT

Công - Phu nhân Tử Thị là mẹ Ấn Công. Sao không chép lễ táng. Vì là muốn hoàn thành ý của Công. Con đã không thể trọn đời làm vua, thì mẹ cũng không trọn đời làm phu nhân được.

Cốc - Phu nhân táng, không chép nơi táng. Phu nhân là vợ Ấn Công. Chết mà không chép lễ táng, là theo chính nghĩa, vợ theo chồng.

Hồ Truyền - Phu nhân Tử Thị là ai? Là vợ Ấn Công. Chết mà không chép lễ táng, là lấy nghĩa Phu nhân phải theo vua. Vợ vua nước chư hầu, người trong nước gọi là tiểu quân. Tiểu quân chết, thì phải chép là hoàng, là nghĩa, rõ chức vị. Nếu chết trước vua chồng, thì không chép lễ táng là lấy nghĩa tông phu. Có vợ chồng rồi mới có cha con. Có cha con rồi mới có vua tôi, thế là vợ chồng vốn gốc nhân luân. Bắt đầu Xuân Thu, việc chép Tử Thị hoàng, và không chép lễ táng, thế tức là làm cho rõ đại luân. Đã biết rõ nghĩa ấy, thì mới vợ ra vợ, chồng ra chồng, gia đạo mới chính được. Lưu Sưởng có nói: Tả Thị cho Tử Thị là mẹ Hoàn Công, nếu đúng như thế thì ra Hoàn Công đã được làm Thế tử rồi. Thế thì Đỗ Dự sao còn bảo được là Ấn Công

nên nổi ngôi để hoàn thành chí của bố muốn lập Hoàn. Rõ ràng là Đỗ Dự thích Truyện sai, mà Truyện cũng thích Kinh sai. Lại nói rằng Công Dương cho là mẹ Ân Công. Thế là Công Dương cho thiếp làm Phu nhân, thiếp đâu có được làm Phu nhân. Trong thời đó, lễ pháp còn được duy trì ít nhiều, Như Trọng Tử của Huệ Công. Mà Ân Công lại được tiếng là hiền, đâu có làm việc trái lễ để theo ý, muốn riêng là quý mẹ. Trình Tử có nói: Đó là Phu nhân, vợ Ân Công, tiếng Thường để Tôn quý. Trong nước (nước chư hầu) đều gọi như thế, cũng như chữ Tiểu quân. Vợ thì phải theo chồng. Chồng còn sống thì không chép lễ táng. Thế là rõ nghĩa vợ chồng.

Xét - Từ Thị chết. Ba truyện bản khác nhau. Tả Thị cho là mẹ Hoàn Công, thì không phải rồi Công Dương cho là mẹ Ân Công, bọn tiên nho bảo là thiếp, không được gọi là phu nhân, đâu thời Xuân Thu lễ phép còn giữ được, không thể so việc Từ Thị với về sau, việc Thành Phong, Kính Doanh. Chỉ có Cốc Lương cho là vợ Ân Công nghe xuôi nghĩa, cho nên Trình Tử và Hồ Truyện đều theo.

鄭人伐衛

TRỊNH NHÂN PHẠT VỆ NGƯỜI TRỊNH PHẠT NƯỚC VỆ

Đây là khởi đầu các chuyện chư hầu chuyên chinh phạt.

Tả - Người Trịnh phạt Vệ là đánh dẹp loạn Công Tôn Hoạt.

Chu Tử - Chép phạt một nước, là ghét chư hầu tiếm quyền hưng binh.

Triệu Bằng Phi - Tả Thị bảo rằng dẹp loạn Công Tôn Hoạt. Ở Trịnh có việc anh em hiềm khích nhau. Vệ nhân giúp người cháu vua Trịnh, trốn ở Vệ, đem quân đến Trịnh, là gây thêm loạn cho Trịnh, nước láng giềng. Thế mà thánh nhân chép Trịnh phạt Vệ, có ý trách Trịnh, là tại sao. Là vì Trịnh Trang giết em, bỏ cháu phải lang thang ở nước Vệ, rồi lại đem binh đánh Vệ. Thánh nhân không chép vua, tướng, không chép quân đội mà chép là người Trịnh, thế là chê trách rõ ràng lắm.

Năm Tân Dậu, Bình Vương năm thứ 51.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tề Hi năm thứ 11. Tấn Ngạc năm thứ 4. Vệ Hoàn năm thứ 15. Sai Tuyên năm thứ 30. Trịnh Trọng năm thứ 24. Tào Hoàn năm thứ 37. Trần Hoàn năm thứ 25, Kỳ Vũ năm thứ 31. Tống Mục năm thứ 9. Tần Văn năm thứ 46. Sở Vũ năm 21.

春 王 二 月

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI

Trình Tử - Tháng là tháng của vua. Việc thì việc trong tháng hai. Cho nên chép, vương nhị nguyệt. Nếu việc trong tháng ba thì chép, vương tam nguyệt, không có việc, thì chỉ chép mùa, và tháng đầu mùa. Nếu có việc thì nói đến việc, không có việc thì lấy mùa của trời. Định chính được lịch nhà vua, mùa của trời, tức là đầy đủ công việc của một năm. Vương đạo mà còn, thì nhân lý mới vững. Đó là đại nghĩa của Kinh Xuân Thu.

己巳日有食之

KỶ TỴ, NHẬT HỮU THỰC CHI

NGÀY KỶ TỴ CÓ NHẬT THỰC

Công - Chép đây là chép việc lạ, tức là nhật thực. Tại sao khi thì chép là ngày, khi thì không chép ngày, khi thì ghi cả ngày sóc, mừng một, khi thì không ghi ngày sóc? Đáp: Tháng mỗ, ngày mỗ, ngày sóc có nhật thực. Thế là nhật thực tại chính sóc. Nếu hoặc chép ngày, hoặc không chép ngày, thế nghĩa là hoặc nhật thực trước sóc, hoặc nhật thực sau sóc.

Cốc - Chép ngày mà không chép sóc, là nhật thực về đêm 30. Tại sao biết? Là vì nhật thực ở ngoài côi đã hết, ở trong côi hãy còn. Tối, không trông thấy côi, không trông thấy nhật thực. Nếu trông thấy, thì đã nói hoặc ở trong, hoặc ở ngoài. Nói nhật thực, tức là thấy ở trong. Nếu không nói, là vì biết cái sự không trông thấy, thế là hết.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo hoặc chép ngày, hoặc không chép ngày, hoặc trước, hoặc sau, bảo thế là sai. Tháng cùng ngày, có khi tương, có khi lược, đều là theo lối văn của môn sử, thánh nhân không thể đổi lối văn được, chứ không phải là không muốn, vì không căn cứ vào sử liệu nào được. Cốc Lương đem lệ sóc hỏi ra nói, dù văn khác văn Công Dương, nhưng cũng cùng sai lầm như Công Dương.

Hồ Ninh - Kinh Xuân Thu không chép điềm lành, chỉ chép việc tai và dị. Vì rằng người quân tử thấy việc mất độ thường, thì sợ hãi không dám bỏ qua, huống nhất là lúc dầu khí dương. Cho nên, Kinh chép không dám tước. Tuy nhiên, tai và dị không giống nhau. Nhật thực là vốn có mà theo mất độ thường, thế mà Trình Tử cho là tai, tiện nho cho là dị. Trong Kinh Xuân Thu có ghi 36 lần nhật thực. Xét kỷ lịch thế là đủ, đủ tức là thường. Thường mà cho là dị thì sai.

Xét - Công Dương cho nhật thực là dị, Trình Tử cho là tai. Đúng đây. Tiện nho lại nói rằng đức mà sáng suốt thì đáng có nhật thực cũng không có, tiện nho nói thế là sai, là dốt về việc lịch.

三月庚戌天王崩

TAM NGUYỆT CANH TUẤT, THIÊN VƯƠNG BĂNG
THÁNG 3, NGÀY CANH TUẤT, THIÊN TỬ BĂNG (CHẾT).

Ta - Tháng 3 ngày Nhâm Tuất, Thiên Tử mất. Cáo phó thì viết mất ngày canh tuất, cho nên chép là canh tuất.

Công - Không chép lễ táng. Thiên Tử chép mất, chứ không chép táng, vì táng còn định thời. Chư hầu chép mất và chép táng vì còn Thiên Tử không được định thời. Tại sao mất gọi là băng hay hoảng? Thiên Tử mất gọi là băng. Chư hầu mất

thì gọi là hoẵng. Đại phu mất gọi là tốt. Người thường mất thì gọi là bất lộc.

Cốc - Bể là cho rõ phúc dày, vị cao, tôn quý, ở trên muôn dân, không chép tên là quý bậc cao, bậc trên.

Lưu Tượng - Tả Thị bảo rằng ngày mất chép trong sử xa ngày mất thực, chép sai thế cho rõ lỗi thần tử. Bảo thế là không phải. Cáo phó là Canh tuất thì sử cứ chép là Canh tuất. Thánh nhân dù có muốn đính chính cũng không được. Đâu có phải là ghi chép đầy đủ.

夏四月辛卯尹氏卒

HẠ, TỬ NGUYỆT, TÂN MÃO, DOÃN THỊ TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN MÃO, DOÃN THỊ MẤT
CHỮ DOÃN TRONG TẢ TRUYỆN VIẾT LÀ QUÂN

Tả - Mùa hạ, Quân thị, tức là Thanh Từ mất. Không có cáo phó cho chư hầu, không có lễ khóc, không phụ vào tổ miếu, cho nên không viết là hoẵng; không xưng là phu nhân, cho nên không có lễ táng. Không chép họ, vì còn có Công, cho nên gọi là Quân thị.

Phụ lục Tả Truyện - Các vua nước Trịnh là Trang Công, cha là Vũ Công nối nhau làm Khanh sĩ ở triều vua Bình Vương nhà Chu. Bình Vương mất chia quyền cho Quắc Công. Trang Công giận. Bình Vương chối là không có sự chia quyền. Vì thế Chu với Trịnh gửi con tin cho nhau. Vương Tử Hổ sang làm con tin bên Trịnh. Công Tử Hốt sang làm con tin bên Chu. Bình Vương chết. Triều đình Chu muốn trao quyền chính cho Quắc Công. Tháng tư Trịnh Sái Túc đem quân tới cướp lúa mùa ở đất Ôn. Sang thu tới cướp lúa mùa ở đất Thành Chu. Thế là Chu, Trịnh bất hòa.

Người quân tử bàn: Tin mà không có trung thì dầu đặt con tin cũng vô ích. Thông cảm nhau mà hành động giao tiếp nhau có lẽ nghi, dù không gửi con tin, thì đã dễ ai ly gián được. Nếu tâm đã sáng suốt, nói lại tin được trời, thì cứ lấy rau, cỏ, mộc bên khe suối, hồ ao, lấy sọt tre, vò đất, lấy nước sông, hồ, cũng có thể cúng tế thần linh được, cũng có thể tiến vào nơi cung điện được. Huống hồ hàng quân tử hai nước kết giao, lấy tin

làm gốc, lấy lễ mà đối xử, thì việc gì phải dùng con tin. Quốc Phong Kinh Thi có thiên Thái Phồn, Thái Tản; Đại Nhã có Thiên Hành, Vi, Hối, Chúc, đều là để sáng tỏ trung và tín.

Ôn là huyện Ôn, đất Hà Nội, thời Chu là Lạc Dương.

Công - Doãn Thị là quan đại phu triều nhà Chu, chép là Doãn Thị là ý chê, chê vì là vị Khanh sĩ nổi nghiệp Ông cha. Nổi nghiệp làm chức quan là trái lễ. Đại phu nước ngoài không chép việc chết. Đây chép vì Thiên Tử mới mất, đại phu làm chủ công việc chư hầu.

Cốc - Doãn thị là đại phu triều nhà Chu. Đại phu nước ngoài không chép chết. Đây chép vì Thiên Tử mới mất, đại phu chủ công việc chư hầu.

Xét - Ấu Dương Tu nói: Công Dương, Cốc Lương cho Doãn Thị là chính khanh. Tả Thị cho là Quân Thị mẹ Lỗ Ẩn Công. Một đằng cho là đàn ông, một đằng cho là đàn bà. Cùng truyền lại như thế, thì biết tin ai.

Mà Doãn Lâm nói. Tả Truyện chép Quân Thị mất cho là Thanh Tử phu nhân, Công thị, chép là Doãn Thị, cho là Sư Doãn, Khanh sĩ triều Chu. Còn Phu Tử thì chép, mùa hạ tháng tư, ngày Tân Mão, thế thì ai mất. Vậy còn nghi, chưa dám định đoạt, cứ đều chép cả ra đây.

秋武氏子來求賻

THU, VŨ THỊ TỬ LAI CẦU PHỤ
MÙA THU, CON HỌ VŨ TỚI, XIN ĐỒ LỄ
ĐÂY LÀ BẮT ĐẦU CÓ VIỆC TỚI XIN

Tả - Con họ Vũ tới xin lễ phụ (lễ người chết chưa chôn) Thiên Tử chưa làm lễ táng.

Công - Con họ Vũ là đại phu của Thiên Tử. Gọi là con họ Vũ là chê, bố Vũ chết, con chưa được mệnh, sao lại không gọi là sử. Đương tang, chưa có vua, Vũ Thị tự tới cầu đồ lễ, sao lại chép. Chép để chê, vì trong khi có tang thì không có việc cầu ai. Đây là đi cầu đồ lễ tang, thế là phi lễ và cũng là thông với hàng dưới.

Cốc - Vũ Thị Tử là đại phu triều Chu, sao lại chép là Vũ Thị Tử. Vì bố Vũ chết chưa táng, mà con thì chưa có tước phẩm, chưa lấy tước phẩm sao làm sử được, không phải là chính. Và không gọi là sử vì chưa có vua. Đưa đồ lễ người chết gọi là phúng. Đưa đồ lễ người chưa chôn, gọi là phụ. Đưa lễ tới người là chính. Xin lễ là bất chính. Chu dù không xin, Lỗ cũng phải đưa tới. Lỗ dù không đưa tới. Chu cũng không nên xin. Đã xin thì chưa dám chắc được hay không. Vậy nên chê.

Gia Huyền Ông - Vũ Thị Tử, con Vũ Thục, phụng mệnh mà đi, chắc ở trong triều có chức vị. Nay lại chép là con họ Vũ. Công Thị, Cốc Thị khi chép việc Nhưng Thúc thì bảo là cha (Nhưng Thúc) già, con làm việc quan thay. Khi chép việc Vũ Thúc thì bảo là cha (Vũ Thúc) chết, con chưa có quan tước. Thế nghĩa là, Công và Cốc cho Nhưng Thúc là người còn sống, mà Vũ Thúc là đại phu đã chết. Trong triều nhà Chu, có Công Khanh, Đại phu xưa nay đều là nối đời làm quan, đâu có phải chỉ có hai nhà ấy mà lại chép như lệ riêng. Nếu chép là con Mỗ Thị, tức là Mỗ Thị vẫn còn sống.

八月庚辰宋公和卒
BÁT NGUYỆT CANH THÌN.
TỔNG CÔNG HÒA TỐT
THÁNG 8, NGÀY CANH THÌN,
TỔNG CÔNG TÊN LÀ HÒA MẤT

Tả - Tống Mục Công ốm, gọi Đại Tư Mã, Khổng Phủ vào, di chúc giao Thương Công cho: Tiên quân bỏ Dữ Di mà lập ta. Ta đâu dám quên. Nay nhờ uy linh tiên vương được chết như thưởng, nếu tiên quân hỏi Dữ Di thì ta đáp làm sao. Vậy xin nhà người phụng Dữ Di làm vua, chủ việc nước. Ta có chết cũng không hối. Đại Tư Mã tâu: Quân thần đều xin lập Công tử Phùng. Công nói, không được. Tiên quân cho quá nhân là hiền, cho làm chủ quốc gia. Nếu nay lại không nghĩ đến đức, không nhường, thế là trái với lòng của tiên quân đâu còn gọi được là hiền để sáng tỏ đức của tiên quân. Các người đừng nên quên công tiên quân, và nên cho Phùng ra ở nước Trịnh.

Đến tháng 8 ngày Canh Thìn. Tống Mục Công mất. Thương Công nổi ngôi. Người quân tử bàn. Tống Tuyên Công là hạng biết người. Lập Mục Công cho nên con là Dữ Di sẽ được nhờ, thật là việc nghĩa cử. Thiên Thương, Tụng Kinh Thi có câu: Ân thụ mệnh hàm nghi, bách lộc thị hà (nhà Ân chịu mệnh, mọi điều đều nên, trăm lộc đều nhờ). Câu đó thật đúng.

Cốc - Vua chư hầu chết, chép ngày chết là chết chính.

Hồ Truyền - Vua nước chư hầu khác chết. Quốc Sử nhân lời cáo phó mà chép. Thánh nhân cũng để nguyên không bỏ vì rằng Kinh Xuân Thu là việc của Thiên Tử. Ngày xưa lối bang giao, chư hầu dờ dờ đi lại hỏi thăm nhau về việc vua, tình hòa hảo, việc vua mất, vua lên ngôi, đều có mừng, phúng, cốt cho lân bang được hòa thuận. Vậy khi vua chư hầu chết, đều chép không bỏ, thế càng rõ các việc bang giao. Chết, hoặc chép tên vua, hoặc không chép tên, là cứ nhân sự cũ không thay đổi.

Triệu Khuông - Chư hầu mà đồng minh đều có tên trong hiệp thư (hiệp ước). Chư hầu mà hội hợp thì có tên trong khoán ước. Chư hầu mà sinh cáo đều có tên trong thẻ tre. Cho nên, khi cáo phó tới, mới biết mà ghi chép. Tả Thị bảo rằng, đồng minh chư hầu thì cáo phó có tên. Đâu có cái lý làm thần tử những ngày có việc tối quan trọng, mà nỡ dám gọi tên vua mình. Theo lễ thì chỉ viết là quả quân bất lộc thôi. Đã là nước đồng minh thì phải biết tên, cho nên lúc chết, biên tên để nhớ sự vua đổi ngôi.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo rằng vua chư hầu chết, chép ngày chết, là có ý được chết chính, bảo thế là sai. Chính thì chép ngày, bất chính thì không chép ngày, thì nghĩa còn có thể tin, không nghi. Nay thấy chính đã chép ngày, bất chính cũng không chép ngày. Tào Bá sai Thế Tử Xạ Cô lại châu, Xạ Cô là con đích của Tào Bá, Trang Công năm thứ 23, Tào Xạ Cô mất, chép tháng, không chép ngày, là nghĩa thế nào.

Tôn Miệt Giác - Vua chư hầu lúc sống không chép tên, lúc chết chép tên, cũng có khi chết không chép tên, Khi chép mà chép tên là vì khi lên ngôi có báo cáo cho ta, có nói tên, thì khi họ chết, ta cũng chép tên vào danh sách. Nếu khi lên ngôi mà không báo cáo cho ta, hoặc sứ giả bỏ mất, thì ta sao biết mà chép tên được. Xét Tả Thị mà chép việc công tử Vi nước

Sơ sai cáo phó sang nước Trịnh. Sau khi tiếp đại phu Sở, Ngũ Cừ có chép là trang các con Cung Vương Thì Vi là con lớn. Thế tức là nước có vua mất, khi cáo phó cho các chư hầu, đã nói rõ tên vua nối ngôi. Cho nên, các nước đi lại với nhau, đều có biên tên. Vậy thì không phải cứ đợi có đồng minh, hoặc triều hội, hoặc sinh lễ báo cáo, mà tên vua nối ngôi đã được thấy, được biết ở những dịp chư hầu vãng lai. Vì thế, Kinh Xuân Thu ghi việc vua chư hầu chết, có đến 133 vị, mà không có tên chỉ 10 vị, hoặc già khi lên ngôi, 10 vị ấy không báo cáo tên, hoặc sử gia quên, hay để mất chưa biết chừng. Cũng như các hội thể, 52 hội, mà có 9 hội không thấy tên. Nay chưa hiểu tại sao.

Xét - Tả Thị các nước đồng minh khi cáo phó nói tên, Triệu Khuông bác đi, cũng phải. Tôn Giác bảo rằng khi chết hoặc chép tên, hoặc không chép tên Hồ Thị bằng cũng phải.

冬十有二月齊侯鄭伯盟于石門

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÊ HẦU,

TRỊNH BÁ MINH VU THẠCH MÔN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, TÊ HẦU,

TRỊNH BÁ, THÊ Ở THẠCH MÔN

Đây là mở đầu việc các chư hầu (ngoài nước Lỗ) hội thể. Tê là đất của Thái Công được phong. Trong sách Khổng sơ, nước Tê tước hầu. Trong thế phả, họ Khương, con cháu Thái Công Vọng, Thạch Môn ở nước Tê.

Tả - Mùa đông, Tê và Trịnh thê ở Thạch Môn, nối cuộc thê ở đất Lư. Ngày Canh Tuất, xe của Trịnh Bá đỗ tại đất Tê. Lư đất nước Tê, Tê, thời Vũ Trị thủy, dẫn nước sông Duyên chảy sang phía Đông, thành ra sông Tê. Trong huyện Sái Thẩm. Sông Tê nguồn từ núi Vương Ốc, huyện Khúc quận Hà Đông, chảy tới đất Thanh Châu, huyện Bác Hưng rồi vào bể.

Trình Tử - Thiên hạ không có vương. Chư hầu không trọng tín nghĩa, nên thường phải hội thể, chính là ngày gây loạn thêm. Cho nên, các chư hầu có báo cáo các hội thể đều được chép.

Ngô Trường - Thê không phải là việc đời Thịnh. Chính lệnh

của vương giả không thi hành được, chư hầu phóng dục, cứ lấy binh lực dọa nhau, cho nên phải hội thể luôn, để cố kết nhau. Không tin ở hội, phải vin lấy lời thể. Người không tin nhau, phải nhờ thần Xuân Thu chép hội là có ý chê.

Lưu Thục - Xuân Thu không tước bỏ việc thể của Tề, Trịnh, là để ghi một thời biến loạn. Trịnh Trang hiệp với Tề cho mạnh thể. Tề Hi thì giúp Trịnh để cố kết. Thế là Tề, Trịnh thành như một đảng. Từ nay, thiên hạ mới sinh lắm việc, mà đạo vương giả không còn nữa.

癸未葬宋穆公

QUÝ MÙI. TÁNG TỔNG MỤC CÔNG

NGÀY QUÝ MÙI, LỄ TÁNG TỔNG MỤC CÔNG

Công Thị, Cốc Thị viết chữ mục ra chữ mậu .

Phụ lục Tả Truyện - Vệ Trang Công lấy vợ ở Tề là Trang Khương, em Đông Cung Đắc Thân. Sắc đẹp, đức hiền mà không con. Người Vệ có làm thơ Thạc Nhân ca tụng. Vua Vệ lại lấy người nước Trần là Lệ Quy. Sinh con là Hiếu Bá, chết sớm. Em Lệ Quy là Đái Quy sinh ra Hoàn Công. Trang Khương lấy làm con mình. Công Tử Châu Hu là con của một người bề thiếp được vua yêu, chỉ ham chơi gươm giáo. Vua không cấm. Trang Khương ghét. Đại phu là Thạch Thác can rằng: "Thần nghe, yêu con dạy lấy đường nghĩa, chớ có cho đi vào đường tà. Tà sinh ra kiêu, xa, dâm, dật. Bốn thứ ấy sinh ra, vì quá được nuông chiều, được lộc nhiều quá. Nếu muốn lập Chu Hu thì nên định ngôi ngay. Nếu chưa định thì đừng dưng lên, sau sẽ sinh họa. Xét ra, được yêu mà không kiêu; kiêu mà còn biết phục thiện; biết phục thiện mà không oán ghét; đã oán ghét mà còn biết hòa nhã, không rối loạn; hạng ấy có ít lắm. Và lại, hèn ghét sang, nhỏ phạm lớn, người xa ly gián người gần, người mới ly gián người cũ, người dưới bước qua người trên, gian tà hủy báng chính trực, đó là sáu điều trái, tức là lục nghịch. Vua có nghĩa, thần biết theo, cha hiền, con hiếu, anh em yêu kính, đó là sáu điều thuận. Bỏ thuận mà theo nghịch, họa sẽ chóng tới. Ở vào địa vị vua, thấy họa, cần trừ ngay, nay lại làm cho họa chóng tới, thật không nên.

Vua không nghe. Con Thác là Hậu, chơi với Châu Hu. Bó không cấm được. Hoàn Công lên ngôi, Thác Thác cáo lão.

Trần là nước Trần, nay ở huyện Trần. Theo Khổng sơ, nước Trần tước Hâu. Theo thế phả, họ Quy dòng dõi vua Ngu Thuấn. Đương khi Chu thịnh có Ngu Ất Phủ làm chức quan Đào Chính triều Chu. Vũ Vương đem con gái là Thái Cơ gả cho Ất Phủ, tên là Mân, phong tại đất Trần, cho họ Quy, hiệu là Hồ Công.

Công - Lễ táng, sao, khi thì chếp ngày, khi thì không chếp ngày. Không kịp thời mà chếp ngày là khát táng (chôn gấp). Không kịp thời mà không chếp ngày là mạn (chôn chậm). Quá thời mà chếp ngày là giấu. Quá thời mà không chếp ngày là không chôn được. Giữa thời mà không chếp ngày là chính. Giữa thời mà chếp ngày là nguy không táng được. Ở đây đương thời, vậy có gì là nguy, Tuyên Công bảo Mậu Công rằng: Ta yêu Dữ Di không như yêu người. Làm chủ quốc gia thì Dữ Di không bằng người. Vậy người lên nối ngôi. Tuyên Công chết. Mậu Công nối ngôi. Mậu Công đuổi hai con là Trang Công Phùng và Tả Sư Bột, nói rằng: Chúng mày là con ta, sống không trông thấy nhau, chết không thương khóc nhau. Dữ Di nói: Tiên quân không để cho tôi nối ngôi, mà để cho nhà vua, thế là tiên quân cho nhà vua đáng làm chủ xã tắc. Nay nhà vua đuổi hai con đi, rồi sẽ đem nước cho tôi, thế đâu có phải là ý tiên quân. Vả lại, đuổi con đi cũng như là tiên quân đuổi bấy tôi đi. Mậu Công nói: Tiên quân đâu có đuổi người. Ta lên ngôi đây là quyền nhiếp. Sau cùng giao lại nước cho Dữ Di. Rồi Trang Công Phùng giết Dữ Di. Cho nên, người quân tử cứ yên giữ chính đạo (có ý không nên như Tuyên Công bỏ con đích là Dữ Di mà truyền ngôi cho em là Mục Công). Cái họa nước Tống là tự Tuyên Công gây ra.

Cốc - Chếp ngày táng là phải. Nguy thì làm gì được táng.

Hồ Truyện - Truyện ghi là chử hầu chết, năm tháng sau mới táng, là để cho đồng minh tới. Đồng minh là các nước cùng một phương bá, sống thì cùng giao hiếu với nhau, chết thì có lễ tống táng nhau. Do đó, lân bang giữ được hòa khí. Chết mà hoặc táng, hoặc không táng, thế là thế nào. Có khi vì sơ xuất việc lễ nghi, mà không táng. Có khi vì vua hèn yếu. Có khi vì coi là hoán nghịch. Có khi vì kiêng một việc xấu. Có khi vì trị tội. Có khi vì tránh một chức hiệu. Như Tống Thương, Tề Chiêu

có loạn thì nghịch. Kinh không chép táng, coi như là giặc. Tấn làm chủ hội thể, thời Cảnh Công, cáo tang chỉ chép ngày mất, mà không chép ngày táng, đó là kiêng một điều xấu nhục. Lỗ và Tống vẫn thường có mặt trong các hội đồng, mà ba đời không chép táng. Đó là để trị kẻ có tội. Ngô và Sở chép việc vua chết đến 10 lần, lại có lần thân hành tiễn tống ở cửa tây môn, thế mà không chép táng, đó là tránh tước hiệu. Họ sơ xuất về lễ mà ta không tới đủ, cho là vua hèn yếu mà ta không hội, lỗi sử nước Lỗ bỏ việc không chép, coi là giặc, kiêng tước hiệu, kiêng một việc xấu, trị một tội, đều không chép táng đó là do bút thánh nhân san sửa, Đó là phép Kinh Xuân Thu.

Hoàng Chấn - Xưa, Tuyên Công bỏ con là Dữ Di, mà truyền ngôi cho em là Mục Công. Mục Công cũng bỏ con là Phùng mà lập Dữ Di, Về sau, Phùng giết Dữ Di. Họ Tả khen Tuyên Công là biết người. Công Dương thì bảo là họa nước Tống gây ra từ Tuyên Công. Tôi xét thấy thuyết Công Dương có thể làm răn cho muôn đời, mà thuyết họ Tả cũng không bỏ hẳn được. Cứ như Tuyên Công truyền ngôi cho Mục Công, Mục Công lại truyền ngôi cho con Tuyên Công, thế là Mục Công không phải là trọng hiền, Tuyên Công không phải là không biết người hiền. Còn về sau, Phùng mà làm việc thí nghịch, là tội ở Phùng. Dù Kinh Xuân Thu có đời hỏi nhiều ở người hiền, há lại bỏ hết cái hiền của người ta mà còn trách là gây họa. Và lại, bảo rằng Tuyên và Mục, hai lần nhường ngôi thành hai lần loạn thì không đúng. Khi Tuyên truyền ngôi có sinh loạn đâu. Khi Mục truyền ngôi cho Thương Công, bấy giờ Phùng mới làm loạn.

Năm Nhâm Tuất Hoàn Vương năm đầu.

四年

TỬ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tề Hi năm thứ 12. Tấn Ngạc năm thứ 5. Vệ Hoàn năm thứ 16. Sái Tuyên năm thứ 31. Trịnh Trang năm thứ 25. Tào Hoàn năm thứ 38. Trần Hoàn năm thứ 26. Kỳ Vũ năm thứ 32. Tống Thương Công cũng Dữ Di năm đầu. Tấn Văn năm thứ 47. Sở Vũ năm thứ 22.

春王二月莒人伐杞取牟婁

XUÂN, VƯƠNG NHỊ NGUYỆT CỬ NHÂN

PHẠT KỶ THỦ MÂU LÂU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI. NGƯỜI CỬ

PHẠT NƯỚC KỶ. CHIẾM ĐẤT MÂU LÂU

Đây là khởi thủy đánh người nước ngoài, chiếm cứ nước người Kỷ, trước đó ở Trần Lưu, nay là huyện Ứng Khưu. Theo Không sử, Kỷ là họ Tỵ, dòng dõi vua Vũ nhà Hạ. Vũ Vương diệt nhà Ân, tìm con cháu Hạ Vũ được Đông Lâu Công, phong cho ở Kỷ. Mâu Lâu là một ấp nước Kỷ.

Công - Mâu Lâu là ấp nước Kỷ. Nước ngoài đi chiếm đất không chép.

Sao đây lại chép. Là vì ghét việc mở đầu chiếm đất.

Cốc - Chép phạt, chép, chiếm. là ghét việc đánh, chiếm. Chư hầu mà chiếm đoạt đất đai cho nhau. Mở đầu từ đây, cho nên ghi rõ.

Hồ Truyện - Chiếm là xâm đoạt. Đặc biệt chép để rõ cái tội, đánh người, chiếm đất người.

Phạm Ninh - Đã đánh, lại chiếm đất người ta, chép để cho rõ là đánh nhau chỉ vì ham lợi, vừa chép đánh, vừa chép chiếm cho rõ tội.

戊申衛州吁弑其君完

MẬU THÂN, VỆ CHÂU HU THÍ KỶ QUÂN HOÀN

NGÀY MẬU THÂN, VỆ CHÂU HU GIẾT (THÍ) VUA LÀ HOÀN

Cốc thị viết chữ Châu ra chữ Chúc 祝. Đây chép khởi thủy việc giết vua.

Tả - Vệ Châu Hu giết vua Hoàn Công để thay ngôi.

Công - Sao lại lấy tên nước vệ làm họ. Vì là vị chủ nước.

Cốc - Đại phu giết vua lấy nước làm họ, là ý còn ngại giết để thay ngôi.

Khổng Đình Đạt - Châu Hu chính là Công tử, mà không chép là công tử. Lời văn trong truyện lại không khen chê, lời ghi chép lại không giống nhau. Thế là các sử có khi tường, có khi lược. Từ Trang Công trở về trước, mọi việc giết vua đều không chép họ kẻ giết. Từ Mẫn Công về sau đều chép họ. Đủ biết các sử đương thời có chỗ dị đồng, không phải đều được Khổng Ni sửa lại.

Lưu Suồng - Công Dương cho rằng không gọi là công tử, là vì giữ địa vị chủ nước. Thế là bàn sai. Mọi việc giết vua mà gọi là Công tử, Công tử mà là đại phu. Công tử mà gọi là Công tử, Công tử mà chưa làm đại phu, chủ nước hay không chủ nước, các điều đó không đủ để luận bàn. Cốc Lương bảo rằng đại phu giết vua mà lấy nước làm họ vì còn ngại ý giết mà thay. Cốc Lương bảo thế là sai. Tống Đốc Tống Vạn, có thể bảo là giết để thay ngôi vua không. Công tử, Thương Nhân, giết để thay ngôi vua, thế mà Đốc Vạn, lấy nước làm họ. Thương Nhân thì không, thế là thế nào.

Trình Tử - Tự có các việc cướp ngôi, giết vua thường tự người trong họ vua, đều là con cháu nhà vua, có thể cũng làm vua, thì dân trong nước cứ theo, cứ cho là thế, tất như thế. Cho nên Kinh Xuân Thu phải sáng tỏ đại nghĩa, làm gương soi cho muôn đời. Cho nên đầu Kinh, việc giết vua, phần nhiều không chỉ rõ Công tử, Công tôn, chính là vì mình làm điều ác lớn, tức là đã dứt đứt dòng giống, đầu còn gọi là con cháu họ nữa. Tục xưa, người trong họ vua mà bị tử hình, thì không ai để trở, hưởng hồ kò giết vua. Đại nghĩa đã rõ rệt ở đầu Kinh, thì về sau giết vua hay thay ngôi cũng đều coi như một loại hoặc người thân, có địa vị quá trọng, hay quá kém đi đến chỗ làm loạn. Hoặc người trong họ mà trở thành khẩu thù, mỗi việc chép mỗi ý nghĩa khác, không giống nhau. Trong Xuân Thu, việc giống nhau, thì lời văn giống nhau, người đời sau lấy làm lệ. Tuy nhiên, có việc giống nhau, mà lời văn lại khác nhau, chắc có ý nghĩ gì. Vậy đừng nên câu nệ vào một lệ.

Xét - Châu Hu không gọi là Công tử là tước đi. Giặc giết vua, cứ đúng lệ, phải cùng chép giống nhau. Mà đây riêng Về Châu Hu, Tống Đốc, Vạn, Tề Vô Tri, bị tước. Còn về sau hoặc chép cả họ, hoặc chép Công tử, Thế tử, là vì sao? Vì không tước đi thì không rõ được tội thí nghịch. Nếu không chép họ, không

chép Thế tử, Công tử thì sao rõ được là kẻ thoán nghịch, chứ không phải kẻ đạo tặc thường. Trình Tử bảo là đại nghĩa đã rõ ở đầu Kinh Xuân Thu, các trang sau đều cứ theo một loại còn như ý nghĩa thì mỗi việc mỗi khác. Hồ Truyền thì cho là Trang Công không lấy đạo Công tử đối với Châu Hu, kết lỗi Trang Công. Gia Huyền Ông bác thuyết đó. Cốc Lương bảo rằng Vạn là hạng hèn nhỏ, nhưng Vạn là đại phu thì thuyết của Cốc Lương cũng không thông. Khổng Đình Đạt cho là sử có chỗ tường, có chỗ lược, nghe ra cũng có lý. Vậy đều chép cả các lời bàn tán.

夏公及宋公遇于清

HẠ, CÔNG CẬP TỔNG CÔNG NGỘ VU THANH

MÙA HẠ, CÔNG CÙNG (CẬP) TỔNG CÔNG

GẶP NHAU Ở THANH

Đây là mở đầu việc gặp nhau. Thanh, ấp nước Vệ, ở huyện Đông A. Đất Tế Bắc nay còn là di tích Thanh Đình.

Tả - Công và Tổng Công hội, nối lại việc thề ở đất Túc. Chưa tới kỳ hội thì người Vệ báo cáo có loạn. Mùa hạ, Công cùng gặp Tổng Công ở ấp Thanh.

Công - Gặp nhau mà ý không có kỳ hẹn trước. Một vua đi ra, một vua đón gặp.

Cốc - Cùng (cập) là sử chép thề. Cập là cứ chép việc tương đắc.

Hồ Truyền - Gặp là không có định kỳ trước. Ngày xưa, lễ gặp nhau gọi là bất kỳ mà gặp để rõ dù sao vẫn có lễ, có cung kính. Kinh Xuân Thu chép là gặp là chỉ ước hẹn riêng coi như không định mà gặp, là muốn cho lễ được giản, dễ dàng, nhắc biếng. Thế thì không phải nghi lễ vua một nước. Vậy ai là chủ, cho nên sử chép trong nước có bốn cuộc gặp nhau, đều gọi là cùng là với (cập). Ý như nói đằng này cùng đằng kia. Còn chép về các nước khác, thì cuộc gặp đó có ba, cả ba đều xưng tước, ý như nói là người trên gặp người dưới. Ý muốn không cho ai là chủ cuộc gặp. Vậy có khác với việc bất kỳ nhi hội của cổ nhân. Cho nên, phạm chép là gặp là có ý chê không có lễ các vị nhân quân tương kiến.

宋公陳侯蔡人衛人伐鄭

TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, SÁI NHÂN,

VỆ NHÂN PHẠT TRỊNH

TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, NGƯỜI SÁI,

NGƯỜI VỆ PHẠT NƯỚC TRỊNH

Đây là mở đầu chư hầu gặp nhau đi đánh một nước và mở đầu chư hầu phương đông liên kết thành đảng. Sái, huyện Thương Sái, đất Nhữ Nam, theo Khổng Sở, nước Sái tước hầu họ Cơ, con vua Văn Vương là Thúc Độ, được Vũ Vương phong cho ở đất Sái.

Ta - Tổng Thương Công lên ngôi. Công tử Phùng chạy trốn sang nước Trịnh. Người Trịnh thu nạp, vừa khi Vệ Châu Hu lên ngôi, nhân vua trước nước Vệ, có thù oán với Trịnh. Lại nhân muốn được lòng các chư hầu, và lòng dân, mới sai sứ nói với Tổng rằng Tổng nếu đánh Trịnh để trừ một mối hại thì xin nhường Tổng làm chủ, Vệ cũng xin Trần, Sái, đem quân giúp theo. Đó là ý nguyện của Vệ. Tổng nghe lời. Thế là Trần, Sái, hòa với Vệ. Rồi các nước Tổng, Trần, Sái, Vệ đi đánh Trịnh, vây Đông Môn. Năm ngày sau, kéo quân về, Công hỏi Chúng Trọng liệu Châu Hu có thành việc không? Đáp: Thần nghe, dùng đức để cho dân hòa, chứ không nghe dùng loạn. Y như việc dệt tơ mà lại đem làm rối thêm. Nay Châu Hu dựa vào binh mà ưa chuộng tàn nhẫn. Dựa vào binh thì không được dân. Ưa tàn nhẫn thì không được người thân. Người dân đã chia, người thân lại bỏ, thì khó mà thành việc được. Xét, binh phải coi như lửa. Chẳng dập lửa đi thì cháy đến mình. Xét Châu Hu đã giết vua lại tàn ngược, không coi đức ra gì, cứ muốn lấy loạn để thành công, thế tất không khỏi chết.

Trình Tử - Tổng lấy việc Công tử Phùng ở Trịnh, mới cùng chư hầu đánh Trịnh, đem chư hầu đi đánh chư hầu, vốn là tội rồi. Còn Vệ mà giết vua, thiên hạ đều nên giết đi, huống lại cùng Vệ hợp đánh người ta, thì còn tội nào bằng.

秋 帶 帥 師

THU, HUY SUẤT SƯ

MÙA THU, HUY XUẤT SƯ

Đây là mở đầu việc đại phu hội với chư hầu đi chiến phạt.

Tả - Mùa thu, chư hầu lại phạt Trịnh. Tống Công sai sứ tới nước ta xin quân. Công từ chối. Nhưng Huy xin đem quân đi họp. Công không cho. Huy cố xin, rồi đem quân đi. Cho nên chép: Huy xuất sư là chê ghét.

Công - Huy là Công tử Huy, Không chép là Công tử là có ý chê, biếm, vì có dự mưu giết Công. Nguyên là Công tử Huy xiểm nịnh, bảo Ân Công rằng: Dân quý nhà vua lắm, chư hầu cũng quý. Sao không cứ làm vua (Ân Công vốn định nhường ngôi). Ân Công nói: Không nên, ta đã sai sửa cung thất ở đất Đỗ Cừ để về đường lão. Công tử Huy nghe nói thế mới sợ Hoàn biết chuyện, mới báo Hoàn rằng: Tôi có nói Công tử với Công. Công bao ta không ra ngôi đâu. Hoàn nói thế thì làm thế nào. Huy mới báo xin liệu trước giết Ân Công đi. Thế là nhân có việc tế lễ ở Chung Vu, giết Ân Công.

Cốc - Huy là Công tử, không chép là Công tử là biếm vì dự mưu giết Ân Công.

Đỗ Dự - Công tử Huy là đại phu nước Lỗ, không gọi là Công tử vì ghét cái cách cố nài xin, ép vua làm việc bất nghĩa. Mọi đại phu nước ngoài mà bị biếm thì gọi là người (người Tống, người Tề). Đại phu ở trong nước mà bị biếm thì bỏ họ gọi tên, đó là một thể chép việc. Khanh, tá nước Lỗ vì không thể gọi được là Lỗ nhân, chính đó là một lối phân biệt.

Lưu Sương - Công Dương bảo rằng Huy không được chép họ, vì có dự mưu giết vua, vậy bị biếm, bảo thế là nhầm. Dương lúc ấy, Huy chưa giết vua, thì có biếm về việc ấy được không. (Cốc Lương bảo rằng, không chép là Công tử là biếm, bảo thế cũng không phải, muốn biếm Huy thì lúc ấy lại càng nên gọi là Công tử, rồi đến lúc giết vua mới tước chức công tử đi. Chứ đừng biếm trước khi có việc đáng biếm. Sương lại nói, sao cùng một việc phạt (đi đánh), lúc thì viết hội (hợp), lúc thì viết cùng (cập). Vì hội nghị là tụ tập. Cập nghĩa là nối theo.

會宋公陳侯蔡人衛人伐鄭
**HỘI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, SÁI NHÂN,
VỆ NHÂN PHẬT TRỊNH**

**HỘI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, NGƯỜI SÁI,
NGƯỜI VỆ PHẬT NƯỚC TRỊNH.**

Tả - Quân chư hầu đánh bại quân bộ binh Trịnh, gặt hết lúa đem về.

Trình Tử - Hai lần chép bốn nước. Hai lần nói đến tội. Tả Thị cho là hai lần chinh phạt. Tả Thị nói sai.

九月衛人擲州吁于濮
**CÚU NGUYỆT, VỆ NHÂN SÁT CHÂU HU VU BỘC
THÁNG CHÍN, NGƯỜI VỆ GIẾT CHÂU HU Ở ĐẤT BỘC**

Tả - Châu Hu chưa làm cho dân ưa được, yên được. Thạch Hậu hỏi cha về mưu kế. Cha bảo cần tới châu Thiên Tử. Hỏi làm thế nào. Đáp: Nay Trần Hoàn Công được vua tin, Trần và Vệ vốn hòa hợp. Nếu tới nhờ Trần xin Thiên Tử cho, chắc là xong. Hậu mới theo Châu Hu sang Trần. Thạch Thác sai báo riêng với Trần rằng: "Nước Vệ tôi bé nhỏ. Tôi già nua không làm gì được. Hai người đó đã giết vua nước tôi, xin trừ họ cho. Người Trần mới bắt hai tên rồi báo sang nước Vệ. Tháng chín, người Vệ sai Hữu Tế Xú, tới giết Châu Hu tại đất Bộc. Thạch Thác sai gia tử là Nhu Dương Kiên tới Trần giết Thạch Hậu. Người quân tử bàn: Thạch Thác là trung thần ghét Châu Hu và ghét hậu giúp. Vì đại nghĩa phải giết con.

Công - Gọi là người (người Vệ) là tỏ ý đi giết giặc.

Cốc - Gọi là người Vệ giết, là ý giết kẻ có tội, Chép rõ Chúc Hu (Châu Hu) là rõ ý Chúc Hu vì ghen mà làm loạn, chép tháng cho quan trọng, lại rõ là ở đất Bộc, là ý nói giết giặc.

冬十有二月衛人立晉

**ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT,
VỆ NHÂN LẬP TẤN**

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGƯỜI VỆ LẬP NGƯỜI TẤN

Tả - Người Vệ đón Công tử Tấn ở đất Hình. Mùa đông, tháng 12, Tuyên Công lên ngôi. Sử chép người Vệ lập Tấn. Người là dân. Hình là tên nước.

Công - Tấn là Công tử Tấn. Lập là ý không nên lập. Người là mọi người, chúng nhân. Vậy thì ai lập? Chính là Thạch Thác. Sao lại chép người Vệ lập? Là nhiều người, mọi người lập. Vậy ý là người được lập không đáng lập.

Cốc - Người Vệ là mọi người, chữ lập là có ý không nên lập. Nói tên Tấn là ý chê. Nếu được mọi người tôn lên thì là hiển, sao lại không nên lập. Vì thế theo nghĩa Xuân Thu, thì hầu cần chính vị chứ không cứ hiển.

Phạm Ninh - Nối ngôi đã có lệ thường cho nên không dùng chữ lập, chữ nạp, chữ nhập. Còn phải dùng những chữ ấy tức là không đáng vị.

Năm Quý Hợi Hoàn Vương năm thứ hai.

五年

**NGŨ NIÊN
NĂM THỨ NĂM**

Tề Hi năm thứ 13. Tấn Ngạc năm thứ 6. Vệ Tuyên Tấn năm đầu. Sái Tuyên năm thứ 32. Trịnh Trang năm thứ 26. Tào Hoàn năm thứ 39. Trần Hoàn năm thứ 27. Kỷ Vũ năm thứ 33. Tống Thương năm thứ 2. Tần Văn năm thứ 48. Sở Vũ năm thứ 23.

春公觀魚于棠

XUÂN, CÔNG QUAN NGƯ VU ĐƯỜNG **MÙA XUÂN, CÔNG XEM BẮT CÁ TẠI ĐẤT ĐƯỜNG**

Chữ quan, Tả Thị viết là thí: bắn. Đường, nay là huyện Phương Dữ đất Cao Bình, phía bắc có đình Vũ Đường, nơi vua Lỗ xem bắt cá.

Tả - Công sắp ra đất Đường xem đánh cá, Quan là Tang Hy Bá can: Phàm sự vật không thể dùng vào việc lớn, tài liệu không đáng để cung cấp vào việc tế tự, thì vua không mất công xét đến. Vua cần cho dân quen thế nào là quý, thế nào là vật. Giảng tập cho dân các việc có mực thước có luật lệ, thế là quý. Dùng các đồ mà có thể phát huy tâm quan trọng trong sự dùng việc, thế là vật. Đã không phải quý, đã không phải vật, mà cho là cần thiết, thế là loạn chính. Loạn chính luôn luôn nghĩ đến bại vong. Cho nên, săn bắn trong bốn mùa, mỗi mùa có một tên, một thế cách, đều là nhân những ngày nông dân không bận việc đồng áng, để tập cho dân các việc lớn, dân phải cần biết. Trong ba năm tập tành như thế xong rồi mới chấn chỉnh quân đội, rồi mới cáo nhà Thái miếu và kể lại tình hình khi săn bắn. Đi săn là để tập cho dân biết việc nặng nhẹ, ngôi cao thấp, các hàng ngũ sau trước, các hạng người lớn nhỏ, và thế nào là tế chính uy nghi. Những thứ chim muông không đáng cúng tế, những thứ xương da, lông sừng, không đáng được đặt lên bàn thờ nhà tôn miếu, thì vua không bắn.

Đó là phép tắc từ xưa để lại. Cũng như các sản vật ở rừng núi, sông, ngòi, cần dùng cho thường dân, cũng như các công việc nhà lại, ty thuộc, vua không nghĩ đến, không đích thân coi đến.

Vua nói, ta đi tuần thú đấy thôi. Nói rồi đi. Đến nơi, bắt đem hết lưới ra đánh cá, rồi xem đánh cá. Hy Bá cáo ồm không đi theo.

Sử chép: Vua xem bắn cá ở đất đường. Lại chưa thêm: Đất Đường ở xa Kinh thành, hành vi không đúng lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Khúc Ốc Trang Bá đem người Trịnh, người Hình đánh đất Dục (tại phía Đông, huyện Phong Ấp, đất Bình Dương). Thiên Tử sai Doãn Thị và Vũ Thị giúp Dục Hầu

chạy sang Tùy. Khúc Ốc ở huyện Văn Hy đất Hà Đông. Dục tại phía Đông, huyện Phong Ấp, đất Bình Dương. Tùy là nước Tấn.

Công - Sao lại chép, là chê. Vì đất Đường ở xa. Công sao lại đi coi bắt cá. Muốn tới ngay cho quan trọng. Đường là một ấp trên sông Tế.

Cốc - Truyện có nói, việc thường thì gọi là coi, việc phi thường thì gọi là quan. Theo lễ, ở vị tôn quý, không nên gần các việc nhỏ nhặt vặt. Việc hèn thấp đừng nên dùng đến công to. Bắt cá, mà Công quan sát, không phải là chính lễ.

夏四月葬衛桓公

HẠ TỬ NGUYỆT, TÁNG VỆ HOÀN CÔNG MÙA HẠ THÁNG 4, LỄ TÁNG VỆ HOÀN CÔNG

Tả - Nước Vệ loạn, vì thế lễ chậm.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tư, người Trịnh đánh đất Mục nước Vệ để báo lại trận Đông Môn xưa. Người Vệ mượn thêm quân nước Yên để đánh Trịnh. Trịnh Sái Túc, Nguyên Phồn, Tiết Giá, đem ba đạo quân dàn ra trước, sai Man Bá cùng Tử Nguyên phục quân mặt sau. Người Yên sợ quân Trịnh mà không để ý đến quân đất Chế (đất nước Trịnh). Tháng sáu, hai Công tử Trịnh lấy người đất Chế đánh tan quân Yên ở Chế Bắc. Người quân tử bàn: Không lo liệu, không phòng bị, không thể cầm quân được.

Khúc Ốc làm phản Thiên Tử. Mùa Thu, Thiên Tử sai Quắc Công đánh Khúc Ốc và lập A Hâu nước Dục. Mục là ấp nước Vệ. Yên là nước Nam Yên, quân đông. Theo Khổng Sơ có hai nước Yên. Đây ghi là Nam Yên để khỏi lẫn với Bắc Yên. Theo sách địa lý, nước Nam Yên họ Kết. Dòng dõi vua Hoàng Đế. Chế là Bắc Chế, ấp nước Trịnh.

Cốc - Ghi tháng là có cơ.

Uông Khắc Khoan - Theo lễ của Tiên Vương, chư hầu mới lên ngôi, chôn, cất xong, mặc mũ áo hàng quan, châu Thiên Tử, để được tước mệnh. Khi chư hầu chết thì hàng thần tử tâu với Thiên Tử xin thụy hiệu. Nay Vệ Hoàn Công, thụy không đương với hành động, hiệu không cùng với tước. Xuân Thu cứ thực sự

mà chép thì tội lỗi thấy rõ ngay. Cốc Lương có nói nguyệt táng là có cơ, nói thế là sai. Về sau, Sái Tuyên, Tào Hoàn, Trịnh Trang, đều không bị thí, sao cũng có nguyệt táng.

Xét - Xuân Thu chép táng chư hầu có 51 việc, mà chép nguyệt táng có 32, há đều có cơ cả hay sao. Ông Bác đi là phải. Về sau, hề cho nguyệt táng là có cơ, đều bỏ đi.

秋衛師入成

THU, VỆ SU NHẬP THÀNH

MÙA THU, QUÂN NƯỚC VỆ VÀO ĐẤT THÀNH

Công truyền viết chữ thành ra chữ thịnh. Nước Thành ở Tây Nam huyện Cương Phủ, đất Đông Bình, nay còn làng Thành. Theo sử ký, Thành Thúc Vũ là con Văn Vương em Vũ Vương. Các đời sau không thấy nói đến, cũng không biết thụy hiệu. Duy trong năm Văn Công thứ 12, có chép Thành Bá chạy tới, thì biết là nước Thành tước Bá.

Tả - Nước Vệ loạn. Người Thành xâm. Cho nên quân Vệ vào thành.

Công - Tại sao, hoặc chép xuất sư, hoặc không chép xuất sư. Nếu có tướng giỏi quân mạnh, thì chép quân mở trong xuất sư. Tướng dốt quân nhiều thì chép quân. Tướng hèn quân hèn thì chép người Vệ (người Vệ, người Lỗ). Vua mà làm tướng, không chép xuất sư, chỉ chép điều hệ trọng.

Cốc - Vào (vào đất Thành) là có ý nói trong nước không muốn. Thành là một nước. Tướng hèn mà quân đông thì gọi là sư (quân).

Trình Tử - Vệ và Tấn nhân loạn được lên ngôi, không nghĩ đến việc làm cho nước mình yên, dân mình yên, không nghĩ việc tôn vương là việc đầu tiên, đang cư tang là việc quan trọng, mà lại còn đem quân đi gây oán thù, vào nước người ta. Chép rõ là để biết đã làm việc sai đạo.

Trương Phổ - Hoàn Công mới táng thì quân vào nước Thành, Việc chôn sao chậm thế. Việc quân sao mà vội thế. Hay là Tuyên lo có loạn chăng.

九月考仲子之宮

CỬU NGUYỆT, KHẢO TRỌNG, TỬ CHI CUNG **THÁNG 9, LỄ HOÀN THÀNH CUNG TRỌNG TỬ**

Công - Hoàn thành việc là dựng xong cung miếu. Bắt đầu tế Trọng Tử. Ân Công vì Hoàn Công mà dựng miếu thì đứng tế mẹ Hoàn. Vậy chép đây là rõ ý Công.

Cốc - Hoàn thành miếu, thế là chính thức nhận là Phu nhân. Theo lễ con thứ làm vua vì mẹ xây cung miếu, sai Công tử chủ tế. Con tế chứ không đến cháu. Trọng Tử vốn là mẹ Huệ Công, Ân Công là cháu, vậy không phải Ân Công sửa và tế.

Phục Kiển - Cung miếu dựng xong, tế gọi là khảo (hoàn thành).

Đỗ Dự - Xây xong cung, Yên vị rồi tế, Vua chư hầu không có hai mẹ, Đích Huệ Công muốn cho Trọng Tử vào hàng Phu nhân. Ân Công thì làm được trọn ý cha, mới lập cung miếu riêng.

Lý Liêm - Còn sống không xưng hiệu, chết rồi không xưng họ, chép tên tức là thiếp như Trọng Tử, đó là theo lệ.

Xét - Trọng Tử thực là mẹ Hoàn Công (coi như việc quy phúng ở trên).

初獻六羽

SƠ HIẾN LỤC VŨ

LỄ SƠ HIẾN DÙNG LỐI MÚA LỤC VŨ

Tà - Hoàn thành cung miếu Trọng Tử, sắp cho ban nhạc múa, vào tháng chín. Công hỏi Chúng Trọng số người trong ban nhạc. Đáp: Thiên Tử thì dùng số tám, chư hầu sáu, đại phu bốn, sĩ hai. Xét múa là để điều hòa bát âm mà điều hành bát phong, cho nên dùng từ số tám trở xuống. Công nghe theo, rồi cho Lục Vũ vào lễ sơ hiến. Đó là khởi thủy dùng múa lục vật.

Công - Sơ là mở đầu. Lục vũ là lối múa, sao chép Sơ hiến lục vũ, là để chê. Chê khởi đầu tiếm lễ của vị Công. Thiên Tử bát vật, tức Công, lục, chư hầu tứ. Tức Công ở triều Thiên Tử

có ba người, con cháu dòng dõi các đẳng vương xưa cũng gọi là Công. Còn như các nước lớn gọi là hầu. Nhỏ là Bá, Tử, Nam. Ba tước Công (tam công), của Thiên Tử là tướng coi việc chính trị: 1) Từ Thiểm Tây sang đông là do Chu Công coi; 2) Từ Thiểm Tây sang tây là do Thiệu Công coi; 3) Một tướng ở trong triều cũng gọi là Công, hoặc mỗi tiếm chức từ đây chẳng? Trước đã có như thế, sao đây lại nói được là khởi thủy. Tiếm quyền các vị Công thì còn có thể được. Tiếm quyền Thiên Tử thì không có thể được.

Cốc - Sơ làm mở đầu, múa theo nhà Hạ. Thiên Tử bát dật, Chư Công lục, chư hầu tứ. Lễ sơ hiến có lục vũ, đó là khởi đầu tiếm quyền dùng nhạc. Thi Tử có nói, múa lối nhà Hạ, từ Thiên Tử đến chư hầu đều bát dật. Sơ hiến mà dùng lục vũ là bắt đầu khuyến khích nhạc vậy.

Lã Tổ Khiêm - Theo sách Mạnh Tử, vương chế cổ đều lấy Công, Hầu, làm nước lớn. Bá là nước vừa. Tử Nam là nước nhỏ. Cứ theo nước đất đai rộng hẹp. Về lễ nhạc, thì cũng tương đương với đất, nước lớn nhỏ, Công Thị, Cốc Thị, cho là Thiên Tử bát dật, chư công lục dật chư hầu tứ dật như thế thì khác với Vương chế. Các điều khác chép trong sách cũ Mạnh Tử, là lễ văn ở thời đó. Công hầu phần nhiều là một đẳng cấp. Không thấy Hầu là một đẳng. Bá, Tử, Nam là một đẳng. Vậy thì, Cốc Thị, Công Thị đã xa đời Khổng Tử lắm.

Xét - Thiếp không thể tiếm quyền làm địch, cũng như bây giờ tôi không thể tiếm quyền làm vua. Bảo dùng sáu là phải, vốn căn cứ vào Khổng Đình Đạt, cứ cho thế là trở về chính tông; không biết Kinh đã chép sơ hiến là để chê việc thiếp tiếm làm địch. Thế thì sao lại là phải, là chính được.

鄆人鄭人伐宋

CHÂU NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT TỔNG

NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI TRỊNH ĐÁNH TỔNG

Tả - Người Tống chiếm ruộng nước người Châu. Người Châu báo cáo sang nước Trịnh rằng: Xin nhà vua nhân dịp rùa mới

thù ở Tống, nước tôi xin đón đưa đường. Người Trịnh mới lấy danh nghĩa quân mà họp đánh Tống vào nước Châu để báo thù trận Đông Môn xưa. Người Tống sai báo cáo cho Lỗ ta. Công nghe Trịnh nói Trịnh đã tới thành Châu, ý muốn cứu, mới hỏi sứ. Quan Trịnh tới đâu đáp: Chưa tới nước. Công giận và từ chối: Người báo quả nhân nên thương nạn xã tắc. Nay người báo địch chưa tới biên giới thì quả nhân thôi không dám cùng dự biết.

Khổng Đình Đạt - Nước tuy nhỏ, nhưng nếu là chủ việc binh thì vị thứ đứng trên nước lớn. Muốn biết lý do chiến tranh tự đâu, là để xem trách nhiệm về nước nào. Dù một đại phu là chủ binh, thì vua một nước cũng theo. Hy Công năm thứ 27, người Sở, Trần Hâu, Sái Hâu, Trịnh Bá, Hứa Nam vây nước Tống. Truyện có ghi: Sở Tử sai tướng là Tử Ngọc, đánh Tống. Trong Kinh, thì không chép Tử Ngọc, chép là người Sở, tức là Sở thấp kém, đứng trên các chư hầu. Đã là chủ việc binh, thì dù người Sở cũng đứng trên các vua. Đó là phép thường sử sách.

螟

MINH

SÂU KEO

Khởi thủy chép tai họa về sâu.

Công - Sao lại chép. Vì là một tai họa.

Cốc - Sâu keo là một tai họa. Lớn thì hàng tháng, không lớn thì hàng mùa.

Đỗ Dự - Sâu keo ăn lúa non, rất hại, cho nên chép.

Xét - Kinh Xuân Thu chép một tai họa, hoặc tháng, hoặc mùa, đều cứ việc thực mà chép, chứ không có nghĩa lệ gì cả. Nếu tính lâu chóng, thì mùa lâu hơn tháng, cứ sao lại nói, không lớn thì hàng mùa. Cốc Lương nói thế là sai.

冬十有二月辛巳公子彊卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÂN TÝ

CÔNG TỬ KHU TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY TÂN TÝ,

CÔNG TỬ KHU MẤT

Tả - Tang Hy Bá (Công tử Khu) mất Công nói: Thúc phụ có dân quả nhân, quả nhân không dám quên. Lễ táng gia thêm cho một bậc.

Cốc - Ân Công không lấy chức tước gọi đại phu mà là gọi Công tử Khu, vì là đại phu của vua trước.

Lã Đại Khuê - Cốc Lương bảo không lấy chức tước gọi vì là Ân Công chỉ quyền nhiếp vua, chứ không phải vua. Thế thì sao lúc sống được gọi là Công, lúc chết được chép là Hoảng. Thế là Thân Tử nước Lỗ đối với một vua thật, chứ không phải đối với một vua quyền. Vậy đâu lại có chuyện không lấy chức tước gọi đại phu. Chắc khi thấy Vô Hải không xưng Công tử tìm không ra lẽ mới nói thế.

宋人伐鄭圍長葛

TỔNG NHÂN PHẠT TRỊNH VI TRƯỜNG CÁT

NGƯỜI TỔNG ĐÁNH TRỊNH, VÂY TRƯỜNG CÁT

Khởi thủy việc xây thành. Trường Cát ở Huyện Trường Sa, đất Dinh Xuyên, phía Bắc nay còn thành Trường Cát.

Tả - Người Tổng vây thành Trường Cát để báo thù hận Trịnh xưa đánh tới thành Châu.

Công - Ấp thì không nói bị vây là vì thế quân mạnh.

Cốc - Khi đánh một nước, không có nói vây một ấp, đây chép, là vì phải vây lâu. Phạt (dùng binh) không quá một mùa. Chiến (đánh trận) không đuổi kẻ chạy. Chi giết thì không chán phục. Bắt dân, bắt trâu ngựa, thì gọi là xâm. Chặt cây cối, phá cung thất, thì gọi là phạt.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo là ấp thì không vậy. Sai. Vậy chỗ người ta cố giữ, chữ dẫu có phải là nước mới cần vậy, ấp thì không cần vậy. Và lại cứ theo báo cáo mà chép, thì sao lại không chép. Xuân Thu sơ dĩ, không chọn nước hay ấp, để dùng, chữ vậy hay không vậy; là vì chỉ để ý đến việc hại dân, hại của thôi.

Năm Giáp Tý, Hoàn Vương năm thứ 3.

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Hy năm thứ 14. Tấn Ai Hầu Quang năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 2. Sái, Sái Tuyên năm thứ 33. Trịnh Trang năm thứ 27. Tào Hoàn năm thứ 40. Trần Hoàn năm thứ 28. Kỷ Vũ năm thứ 34. Tống Thương năm thứ 3. Tấn Văn năm thứ 49, Sở Vũ năm thứ 24.

春 鄭 人 來 輸 平

XUÂN, TRỊNH NHÂN LẠI THÂU BÌNH

NGƯỜI TRỊNH TỚI “THÂU BÌNH”

Tả - Việc sau hết, đã thành công, cánh thành. Tả viết chữ 輸 ra chữ du 渝.

Phụ lục Tả truyện - Nước Dục cũng có các chức Khanh, các chức đại phu, con Khoảnh Phủ là Gia Phủ đón Tấn Hầu ở nước Tùy, đưa đến đất Ngạc. Người Tấn gọi là Ngạc Hầu. Ngạc là một sở ấp ở nước Tấn.

Công - Thâu Bình nghĩa là làm hồng việc đã thành (thành đây là hòa hiếu). Việc hòa của Lỗ ta thế là hồng. Lỗ ta cùng nước Trịnh chưa có hòa, vì trận chiến ở Hồ Nhượng. Ân Công được. Nhưng không nói đến chiến là vì muốn tránh được việc.

Cốc - Thâu là làm hồng. Bình là lấy đạo lý mà nên việc. Tới thâu bình là việc không có kết quả.

Xét - Thâu bình, du bình, ba truyện chép khác nhau. Tả Thị cho chữ du bình là việc thành tựu, có kết quả. Công thị, Cốc thị cho chữ thâu bình là hồng việc. Nay xét năm trước, Công từ Huy đánh Trịnh, giận rằng việc chưa thành hẳn. Thế thì thuyết đánh gần như đúng nghĩa. Vả lại, Tả Thị cho rằng, đổi các hiềm cù hòa thành hiếu, thì chữ du, và chữ bình có hai ý. Diệp thị, Hồ thị, cũng có nhiều bọn nhỏ đều nhận chữ thâu của Cốc và Công (vả lại cho thâu nghĩa là nạp, là nạp bình), mà hiếu nghĩa là biến đổi cái hiềm trước. Vậy lời văn thì theo Cốc và Công còn nghĩa thì theo Tả Thị. Như thế có lẽ được. Cứ giữ nguyên cả ba Truyện để xét.

夏五月辛酉公會齊侯盟于艾
HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÂN DẬU, CÔNG HỘI
TÊ HẦU MINH VU NGÀI
MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY TÂN DẬU, CÔNG HỘI
TÊ HẦU Ở ĐẤT NGÀI

Khởi đầu việc giao hiếu Tê, Lỗ. Đông Nam huyện Thái Sơn có Ngải Sơn.

Ta - Mùa hạ, thê ở đất Ngải. Thế là bắt đầu yên, hòa với Tê.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng năm, ngày Canh Thân, Trịnh Bá Xâm chiếm nước Trần. Được to, năm trước Trịnh Bá xin hòa với Trần, Trần không nhận. Ngũ Phủ có can: Thân với người thân, tốt với láng giềng, thật là quý cho một nước. Xin nhà vua nhận lời Trịnh. Trần Hầu nói: Tống và Vệ là nước mạnh Trịnh làm gì nổi. Rồi không nghe Ngũ Phủ. Người quân tử bàn: Việc tốt chớ để mất. Việc hiềm chớ làm cho to thêm. Đây là trường hợp của Trần Hoàn Công, làm cho mỗi hiềm khó thêm thì không ngăn chặn được nữa, mà rồi hại đến mình, có muốn cứu, không ai cứu được. Thiên Thượng Thư nói: Cái ác dễ lan lắm, như lửa ở dòng không, không thể tới gần nhưng còn dập được. Chu Nhiệm có câu: Làm việc nước, thấy việc ác, như người nông phu thấy cỏ phải nhổ đi, đừng để lan rậm; nhổ rễ đi, chớ để cho mọc, thế thì kẻ thiện mới tin được.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT
MÙA THU, THÁNG BẢY

Công - Không có việc gì, sao lại chép mùa tháng. Kinh Xuân Thu, tuy không có việc gì, đầu mùa cứ biên. Lối biên niên thì đủ bốn mùa.

冬 宋 人 取 長 葛

ĐÔNG, TẤN NHÂN THỦ TƯỜNG CÁT
MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TỐNG CHIẾM TƯỜNG CÁT

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Kinh sử báo cáo có nạn đói. Công vì Chu mà xin mua gạo ở các nước Tống, Vệ, Tề, Trịnh. Việc đó là đúng lễ. Trịnh Bá sang nhà Chu, châu vua Hoàn Vương. Vương có ý coi thường. Hoàn Công trong triều tâu: Nhà Chu ta từ khi sang đông, gần Tấn và Trịnh. Khéo với Trịnh để cho chư hầu theo còn sợ không xong, huống lại khinh thường. Rồi Trịnh không tới nữa đâu. Chu là đất phong, phía Đông Bắc huyện Ung, đất Phù Phong có Chu Thành.

Công - Nước ngoài chiếm đất nhau không chép, đây chép là **vĩ** vậy lâu.

Cốc - Nước ngoài chiếm đất nhau không chép, đây chép là **vĩ** cho rằng việc quá lâu.

Xét - Kinh chép là mùa đông. Tả Truyện chép là mùa thu. Đỗ Dự cho là muốn chiếm được, mùa đông báo cáo, dẫn chứng là năm thứ 8, Tề Hâu cáo thành. Nghĩa thực là đã rõ. Lưu Sưởng cho là Tả Truyện nhạt nhẽo, trong các sách sử chư hầu. Có nước dùng lịch nhà Hạ, có nước dùng lịch nhà Chu. Cho nên Kinh nói đông thì Truyện nói thu. Cho thế cũng có lý.

Năm Ất Sửu. Hoàn Vương năm thứ 4.

七年
THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tê Hy năm thứ 15. Trần Ai năm thứ 2. Khúc Ốc Vũ Công năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 3. Sái Tuyên năm thứ 34. Trịnh Trang năm thứ 38. Tào Hoàn năm thứ 41. Trần Hoàn năm thứ 29. Kỳ Vũ năm thứ 35. Tống Thương năm thứ 4. Tần Văn năm thứ 50. Sở Vũ năm thứ 25.

春王三月叔姬歸紀
XUÂN VƯƠNG TAM NGUYỆT.
THÚC CƠ QUY VU KỶ

MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG 3, THÚC CƠ VỀ NƯỚC KỶ

Cốc - Không nói là đón được, vì phạm kém, không đủ đương chữ đón.

Hà Hưu - Thúc Cơ là phạm thiếp theo Bá Cơ. Đến nay mới về nhà chồng, vì còn đợi ở nước cha mẹ. Đàn bà từ tám tuổi mới được tuyển trong sổ theo vợ dích 15 tuổi mới về với vợ dích, 20 tuổi mới được hầu hạ chồng. Dãng (thiếp) là phạm dưới (kém) mà được chép, là vì sau được làm dích, nhờ hiền đức. Kỷ hầu rồi bị Tê diệt. Thời Kỳ Quý, đất Huê nước Kỳ bị Tê chiếm. Thúc Cơ về Kỳ, biết chịu khó. Hoàn toàn phụ đạo, cho nên ta ghi chép.

滕侯卒
ĐĂNG HẦU TỐT
ĐĂNG HẦU MẤT

Nước Đăng họ Cơ dòng dõi con vua Văn Vương là Thác Thúc Tử, Vũ Vương phong cho ở nước Đăng.

Tả - Năm thứ 7, mùa Xuân, Đăng Hầu mất, không chép tên

vì chưa đồng minh. Phàm chư hầu đã đồng minh thì kêu tên, cho nên lúc chết, cáo phó có tên, vua nối ngôi, đứng cáo phó xưng là có nối ngôi, ý cần giao hiếu để yên dân. Đó là lẽ.

Công - Sao không chép tên. Vì là nước nhỏ. Nước nhỏ sao lại tước hầu. Tước không cần lớn nhỏ. Trong Kinh Xuân Thu, sang hèn không ngại cùng chép một tước hiệu. Hay, dở không phân biệt lời văn.

Cốc - Đẳng hầu thì không chép tên. Bé thì gọi là Thế tử. Lớn thì gọi là quân. Đó là phép di dịch. Không có chính nghĩa thì mới gọi tên.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo không chép tên vì chưa đồng minh. Bảo thế không phải. Thường thường đồng minh chết, chưa chắc đã chép tên cả. Chưa đồng minh mà chết chưa chắc đã chép tên cả.

Gia Huyễn Ông - Không chép tên, không chép táng. Các thuyết khác nhau. Tôi cho rằng không chép tên là người viết sử để mất tên. Còn không chép táng, là vì Lễ không tới hội, người viết sử bỏ sót tên thụy, vì thế không chép. Vậy đừng nên xuyên tạc.

夏城中邱

HẠ THÀNH TRUNG KHUU MÙA HẠ, ĐẮP THÀNH TRUNG KHUU

Khởi thủy chép dân công. Trung Khưu ở Đông Bắc huyện Lâm Tích đất Lạng Gia.

Tả - Chép một việc làm không phải mùa.

Công - Trung Khưu là một ấp trong nước. Đắp thành được chép vì việc trọng.

Cốc - Thành làm nên để giữ cho dân. Thành còn nhỏ mà dân đông, thì mới làm thêm cho rộng, cho to. Nếu cứ thêm mãi thì là đáng chê.

Uông Khắc Khoan - Làm 23 thành, mùa xuân bốn thành, mùa hạ bảy thành, mùa đông mười hai thành. Tả Truyện trong năm đó tính gồm các việc xây thành Lang Chúc Khưu, sửa các

chuồng ngựa, dựng cửa Nam Môn, dựng Lộc Hựu, đều cho là không phải lúc, không phải mùa làm. Phàm xây thành mùa đông, đều cho là đúng mùa. Hoặc cho là mùa đông theo lịch nhà Chu là tháng mười, tháng mười một, lại là mùa thu theo lịch nhà Hạ. Mùa xuân tháng hai, theo lịch nhà Chu, mùa đông theo lịch nhà Hạ. Mà Tả Thị nói đến việc Thành Hưng Phòng, Văn, Bình Dương, Trung Thành, Thành Phòng, Tang Hựu, đều cho là đúng mùa. Xây Nam Môn, sửa chuồng ngựa cho là không đúng mùa. Tại sao? Nay khảo cứu Tả Truyện, biết rằng khi sao Long hiện ra, là phải sắp sửa công việc, thì chính là tháng chín lịch nhà Hạ, đúng vào tháng mười một lịch nhà Chu. Sao Mộc hiện bắt đầu việc trồng trọt, thì chính là tháng mười hai nhà Chu, và chính là lúc nên sai bảo dân làm công. Đến đông chí, sao Tất hiện, chính là tháng mười một nhà Hạ và đúng tháng giêng lịch nhà Chu. Nếu bảo rằng đông chí sao Tất hiện là mùa xuân nhà Chu thì không nên hưng công, động thổ.

Kinh chép các việc khác nhau, thì đều ghi xuân, hạ, thu, đông, mà ghi thêm tháng. Vậy thì phàm ghi mùa, là chỉ cả tháng đầu bốn mùa. Coi như thành công năm thứ 17, chép: mùa đông hội phạt Trịnh, tháng mười một Công tới, tháng mười hai có nhật thực. Còn như việc xây cất, săn bắn, là đã định sẵn về mùa nào rồi; trong mùa có ba tháng là phải xong, có phải chỉ một tháng đầu mà thôi đâu. Khảo kỹ Kinh Xuân Thu thì biết.

齊侯使其弟年來聘

TÊ HẦU SỬ KỲ ĐỆ NIÊN LẠI SINH

TÊ HẦU SAI EM TÊN LÀ NIÊN LẠI SINH (thông hiếu)

Tả - Tê Hầu sai Di Trọng Niên tới sinh để kết thêm việc thể ở đất Ngải.

Công - Gọi là anh hay em tức là anh hay em cùng mẹ.

Cốc - Vua chư hầu giá trị vốn quý, anh em không coi như thuộc quan. Đây sai em đi sứ ta là quý trọng ta.

秋公伐鄴

THU, CÔNG PHẠT CHÂU
MÙA THU, CÔNG ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Khởi đầu việc phạt Châu.

Tả - Mùa thu, Tống và Trịnh hòa. Tháng bảy ngày Canh Dần, thề tại đất Túc. Công mà đánh Châu là vì Tống.

冬天王使凡伯來聘

ĐÔNG THIÊN VƯƠNG SỬ PHÀM BÁ LẠI SÍNH
MÙA ĐÔNG, THIÊN TỬ SAI PHÀM BÁ TỚI SÍNH

Khởi thủy việc Thiên Tử dùng sinh lễ, phàm là nước Phàm, tước Bá.

戎伐凡伯于楚邱以歸

NHUNG PHẠT PHÀM BÁ VU SỞ KHUU DĨ QUY
RỢ NHUNG ĐÁNH PHÀM BÁ Ở SỞ KHUU, ĐEM VỀ

Khởi thủy nạn rợ Nhung. Sở Khuu là đất nước Vệ.

Tả - Xưa, rợ Nhung lại châu nhà Chu, biểu đồ lễ cho các công khanh. Phàm Bá khinh thường. Mùa đông Thiên Tử sai Phàm Bá tới Sính. Khi ở Lỗ về, Phàm Bá bị rợ Nhung đánh ở Sở Khuu, đem đi.

Phụ lục Tả Truyện - Trần với Trịnh Hòa. Tháng 12 Trần Ngũ Phủ tới hội thề ở Trịnh. Ngày nhâm thân cùng với Trịnh thề. Khi sáp huyết (uống máu) như lãng trí. Tiết Bá thấy nói rằng: Ngũ Phủ sẽ không khỏi họa. Trịnh Lương Tá tới hội thề ở Trần. Ngày tân tỵ cùng Trần Hâu thề, cũng biết Trần sẽ có loạn. Trịnh công tử Hốt ở triều vua Chu, cho nên Trần Hâu xin gả con cho Trịnh Bá thuận. Việc hôn nhân thành.

Công - Phàm Bá là đại phu Thiên Tử việc đi sinh lễ, tại sao lại chép là bị đánh, chính thực là bị bắt. Bị bắt mà gọi

là bị đánh, là muốn cho có giá trị, vì rằng Nhung Dịch dầu dám bắt người Trung Quốc, nói đến tên đất bị bắt cũng cho là làm cho to chuyện.

Cốc - Phàm Bá là đại phu của Thiên Tử. Đánh nước người ta thì gọi là phạt. Đây đánh một người cũng gọi là phạt tại sao. Vì là sứ thần của Thiên Tử. Nhung tức là nước Vệ, Vệ mà gọi là Nhung là vì phạt sứ của Thiên Tử. Chép thế là có ý chê Vệ như Nhung. Sở Khu là ấp nước Vệ (đem đi, đem về), còn tệ hơn là bắt.

Đồ Dự - Rợ Nhung khua chuông, trống, để đánh sứ của Thiên Tử. Không chép là Phàm Bá bị thua, sứ làm gì có quân, dầu có phải là bầy trợn đánh nhau. Vả lại, nói là đem về tức không phải là bị bắt.

Xét - Cốc Lương bảo đem về còn tệ hơn bắt. Đồ Dự lại nói không phải là bắt, nghĩa thì phải hơn. Công Dương nói ngày xưa vua đi thì quân đội đi theo. Khanh đi thì một lữ đoàn đi theo. Mọi nhà bàn có bảo rằng một người đi mà gọi tên là bị phạt thì không xuôi. Nhung dùng nhiều thành quen tai. Nay hãy cứ để nguyên.

Năm Bính Dần, Hoàn Vương năm thứ 5.

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tề Hy năm thứ 16. Tấn Ai năm thứ 3. Sái Tuyên năm thứ 35. Vệ Tuyên năm thứ 4. Trịnh Trang năm thứ 29. Tào Hoàn năm thứ 42. Trần Hoàn năm thứ 30. Kỷ Vũ năm thứ 36. Tống Thương năm thứ 5. Tân Ninh Công năm đầu. Sở Vũ năm thứ 26.

八年春宋公衛侯遇于垂

XUÂN, TỔNG CÔNG VỆ HẦU NGỘ VU THÙY
MÙA XUÂN, TỔNG CÔNG VÀ VỆ
HẦU GẶP NHAU Ở ĐẤT THÙY

Tả - Tể Hầu sắp hòa với Tổng. Vệ có hẹn kỳ hội, Tổng Công đem lễ đến Vệ, xin cùng Vệ gặp nhau trước. Vệ Hầu thuận. Cho nên có cuộc gặp nhau ở Khuyển Khưu. Khuyển Khưu là Thùỵ của đất Vệ. Đất ấy có hai tên.

Cốc - Bất kỳ mà họp là kỳ ngộ, ngộ là có ý hai bên tương đắc.

Trình Tử - Tổng rất sợ Trịnh, cho nên sau rốt không hòa được với Trịnh không có lễ tương kiến của chư hầu. Vì thế chép là ngộ (gặp).

三月鄭伯使宛來歸祊

TAM NGUYỆT, TRỊNH BÁ SỬ UYỄN LAI QUI BANH
THÁNG 3, TRỊNH BÁ SAI UYỄN TỚI TRẢ ĐẤT BANH

Tả - Trịnh Bá xin bỏ việc tế Thái Sơn, để tế Chu Công. Lấy đất Banh ở Thái Sơn đổi đất Hứa Diên. Tháng ba, Trịnh Bá sai Uuyển lại nộp đất Banh, thế là không tế Thái Sơn nữa. Hứa Diên là ruộng gần đất Hứa.

Công - Uuyển là quan nhỏ ở nước Trịnh, Banh là đất Thang Mộc. Thiên Tử có việc tế ở Thái Sơn, chư hầu đều tới. Mỗi nước có một ấp Thang Mộc ở dưới mới (Thang Mộc là tấm, là gói dầu. Ấp Thang Mộc là ấp dân được đóng thuế rất ít, chỉ để dùng về việc vua tấm, gói dầu)

Cốc - Chép tên Uuyển là biếm Trịnh Bá, chê việc trả đất.

Đỗ Dự - Uuyển là đại phu nước Trịnh, không chép họ, chưa được vua cho họ.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo chép tên Uuyển là biếm Trịnh Bá. Bảo thế là sai. Lỗi một nước lớn còn có đại phu, chưa có mệnh cũng phải gọi tên, huống hồ Trịnh là nước nhỏ.

庚寅我入笭

CANH DẦN, NGÃ NHẬP BANH
NGÀY CANH DẦN. TA VÀO ĐẤT BANH

Phụ lục Tả Truyện - Quốc Công Kỵ Phủ mới được làm Khanh sĩ triều Chu. Tháng tư, ngày Giáp Thìn, Trịnh Công tử Hốt sang. Trần đón vợ là Quy. Ngày Tân Hợi Quy Thị về. Ngày Giáp dần vào Trịnh Trần Châm Tử đưa con gái lên đường làm lễ phối và có lễ tổ (Tổ: lễ thần đi đường). Thế là đối thần tổ, vì chưa gọi là vợ chồng, thế là phi lễ, rồi sinh con cái sẽ ra sao.

Công - Sao lại nói là vào, là việc khó dễ. Sao lại chép ngày, cũng là làm cho khó khăn. Sao lại nói là ta. Vì không riêng gì ta. Tề cũng muốn được.

Cốc - Dùng chữ vào, là ý dân không thuận, chép ngày vào là ghét việc vào. Banh là Trịnh Bá được mệnh của Thiên Tử đi tế ở núi Thái Sơn tức là vào ấp Banh.

Xét - Công Dương cho việc chép ngày là ngụ ý khó dễ. Cốc Lương cho chép ngày là ghét. Hai thuyết đều bàn chữ chép ngày. Chu Tử cho rằng cắt nghĩa Xuân Thu mà cứ cho chép ngày tháng làm cách bao biện, thì thật là xuyên tạc, không có nghĩa lý gì, cho nên bỏ đi.

夏六月己亥蔡侯考父卒

HẠ LỤC NGUYỆT KỶ HỢI,

SÁI HẦU KHẢO PHỦ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY KỶ HỢI,

SÁI HẦU, KHẢO PHỦ MẤT

Cốc - Chư hầu chết, chép ngày là được chết chính.

Tôn Giác - Cốc Lương bảo chết chép ngày là chết chính. Khổng Tử cứ nhận sử cũ viết Kinh Xuân Thu. Sử có chỗ tương có chỗ lược. Khổng Tử không thêm. Nếu bảo chết chép ngày là

chết chính, thế thì không chép ngày là chết bất chính hay sao.
Thế thì Không Tử phải chép, thế nào?

辛亥宿男卒

TÂN HỘI, TÚC NAM TỐT
NGÀY TÂN HỘI, TÚC NAM MẤT

Cốc - Túc là một nước nhỏ chưa có đồng minh, cho nên chép: Nam mất.

Du Cao - Đồng minh thì có cáo phó, không chép tên chỉ là khuyết. Năm đầu cùng với Tống thế, mà Cốc Lương cho là chưa có đồng minh là nhầm.

Xét - Túc Nam không có chép tên bọn nho đều bảo là sử quên. Đúng đấy. Hồ Truyền bảo là cáo phó không nói tên, mà Kinh lại chép tên, đó là do bút của thánh nhân. Sợ nói thế không căn cứ vào đầu.

秋七月庚午宋公齊侯衛侯盟于瓦屋

THU, THẤT NGUYỆT CANH NGỌ, TỔNG CÔNG,

TÊ HẦU, VỆ HẦU, MINH VU NGŨA ỐC

MÙA THU THÁNG 7, NGÀY CANH NGỌ, TỔNG CÔNG,

TÊ HẦU, VỆ HẦU, THẾ Ở ĐẤT NGŨA ỐC

Đây là khởi thủy việc tham dự hội thế. Ngõa Ốc là đất nhà Chu.

Ta - Người Tê hòa với Tống, Vệ, vì Trịnh. Mùa thu hội ở đất Ôn, thế ở đất Ngõa Ốc. Để giải tỏa việc Đông Môn, thế là đúng lẽ.

Cốc - Các nước ngoài thế với nhau, thì không chép ngày. Đây chép ngày là vì khởi thủy chư hầu tham dự hội thế cho nên ghi ngày cẩn thận. Cáo thế không bằng Ngũ Đế. Giao thiệp thế nguyên không bằng Tam Vương. Các vị Khanh không bằng hai vị Bá (hai vị Bá thời xưa).

Tôn Giác - Hội thế ba nước quan hệ đến an nguy của chư

hầu, cho nên Xuân Thu chép Cốc Lương bao là khởi thủy hội
thề nên mới chép cẩn thận, bảo thế là sai. Xét phép Xuân Thu,
bao biếm, vốn không có lệ, cứ cùng tội thì cùng trị, cùng ác thì
cùng phạt, chứ không lấy khởi đầu hay kết chung làm trọng hay
khinh. Bao rằng cẩn thận vì khởi đầu là sai.

八月葬蔡宣公

BÁT NGUYỆT, TÁNG SÁI TUYÊN CÔNG
THÁNG 8, LỄ TÁNG SÁI TUYÊN CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tám, ngày Bính Tuất, Trịnh
Bá vì việc nước Tề, vào châu Thiên Tử, đó là đúng lễ.

Công - Chết thì biên tên. Sao táng lại không biên tên. Vì
chết cứ theo chính, còn táng thì theo chủ nhân. Đây chết có phò,
mà táng thì không có.

Cốc - Táng, chỉ chép tháng là phải.

九月辛卯公及莒人盟于浮來

CỬU NGUYỆT, TÂN MÃO, CÔNG CẬP

CỬ NHÂN MINH VU PHÙ LAI

THÁNG 9, NGÀY TÂN MÃO, CÔNG CÙNG
NGƯỜI NƯỚC CỬ Ở ĐẤT PHÙ LAI

Chữ phù Công Thị viết là chữ bao. Đây là khởi thủy thông
hiếu với nước Cử, mà cũng là vua Lỗ đặc biệt hội với đại phu
nước ngoài. Phù Lai là ấp nước Kỳ.

Tả - Hội để hòa hiếu với nước Kỳ.

Công - Sao Công lại cùng người kém vị thế. Chép là người
rò là vai phụ.

Cốc - Sao lại chép (Công cùng với người). Vì không thể chép
Công cùng với đại phu.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu chép Công cùng người thề có hai
lần. Là ở Phù Lai và ở Thục. Cốc Lương bao có thể chép Công

cùng với người mà không thể chép Công cùng đại phu. Vậy mà Công cùng đại phu Tề thể ở đất Kỳ. Sao lại không có thể. Đồ Thị cho rằng, thấp kém thì không phải hiểm ngang với Công Hầu, cho nên chép hẳn là Công. Tuy nhiên, Cao Hề, Sử Phủ là quý Khanh của nước lớn, còn kiêng không dám ngang với bậc tôn trưởng, nay sao lại chép thẳng không kiêng. Triệu Tử nói Cừ là nước nhỏ. Nếu không chép Công thì ghi là không phải Công, thuyết ấy đúng đấy. Cho nên Hồ Thị nghe theo. Còn như việc thể ở Thục, thì nên chép là Công tử, dưới chép là người Sở, ý biếm rõ ràng, không nên lấy lệ ấy mà bàn chung.

螟

MINH

SÂU KEO

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông Tề Hầu sai sứ cáo việc ba nước hòa. Công sai Chúng Trọng đáp rằng; nhà vua hòa để an tập dân, đó là ơn của nhà vua, quả nhân tôi xin theo mệnh, dân có không chịu được đức sáng nhà vua.

Cao Kháng - Chép sâu keo có ba bận, Ấn Công hai, Trang Công một. Chép sâu trùng có mười một bận, Hoàn Công có một, còn đều sau thời Hy Công. Sâu keo ăn lúa non. Sâu trùng thì ăn củ. Keo ít hại bằng trùng. Đầu thời Xuân Thu, tai nhẹ như sâu keo cũng chép. Về sau lên dần, tai nhẹ quá nhiều, không chép, chỉ chép tai nặng thôi, nếu không thế, thì chẳng nhẽ, sau thời Trang Công, trong 200 năm, không có sâu keo hay sao.

冬十有二月無駭卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, VÔ HẢI TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, VÔ HẢI MẤT

Cốc Thị chép chữ 駭 ra chữ 殽.

Tả - Vũ Phủ xin tên thụy cùng tên họ. Công hỏi Chúng Trọng. Đáp: Thiên Tử đặt ra phép, người sống thì ban họ (tính), người ấy chết thì ban cho thị (họ truyền cho con cháu). Chư

hầu lấy tên tự mà đặt thụy, rồi nhân thụy lấy làm tộc (một dòng họ). Quan có công nhiều đời, thì có quan tộc (lấy chữ quan tước). Ấp cũng thế (lấy tên Ấp). Công mới mệnh cho lấy chữ Triển làm thị.

Công - Đó là Triển vô Hải, sao lại không chép họ (Thị). Ghét vì khởi thủy có việc diệt (coi mấy trang đầu), cho nên lúc chết không chép họ.

Cốc - Tên Vô Hải chưa từng nghe tới. Hoặc bảo rằng Ân Công không cho đại phu tước. Hoặc bảo rằng đây là biếm chê.

Năm Đinh Mão. Hoàn Vương năm thứ 6.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tề Hy năm thứ 17. Tấn Ai năm thứ 4. Vệ Tuyên năm thứ 5. Sai Hoàn Hầu Phong nhân năm đầu. Trịnh Trang năm thứ 30. Tào Hoàn năm thứ 43. Trần Hoàn năm thứ 31. Kỷ Vũ năm thứ 37. Tống Thương năm thứ 6. Tần Ninh năm thứ 2. Sở Vũ năm thứ 27.

春天王使南季來聘

XUÂN, THIÊN VƯƠNG SỬ, NAM QUÝ LAI SÍNH

MÙA XUÂN, THIÊN TỬ SAI NAM QUÝ TỚI SÍNH

Cốc - Nam là họ, Quý là tên tự, sinh là hỏi thăm. Sính chữ hầu không phải là sinh lễ.

Trình Tử - Theo Chu Lễ chức quan Đại Hành Nhân, chủ việc tiếp tân khách, giao thiệp với chư hầu, thường thăm viếng các chư hầu, để kết tình giao hiếu, vờ vế chư hầu, việc ấy là thường, là đúng lễ. Thời Xuân Thu, chư hầu không giữ chức phận làm tôi, lễ châu Thiên Tử bị bỏ. Phép vua đáng lễ phải trị. Đã không làm rõ được hình pháp, điển lễ, lại còn thăm viếng, thực là mất vương đạo.

Trương Hiệp - Ân Công, trong mười năm, có Tể Huyện Phàm Bá, Nam Quý ba lượt đến Lỗ, cho là Lỗ dòng dõi Chu Công, muốn cho thân hơn. Công không rõ nghĩa tôn Vương, không đi châu Thiên Tử. Kinh Xuân Thu kể tướng tận các lượt Thiên Tử cho sứ tới Lỗ, thì rõ tội Ân Công là to.

三月癸酉大雨震電庚辰大雨雪

TAM NGUYỆT, QUÝ DẬU ĐẠI VŨ. CHẤN ĐIỆN

CANH THÌN, ĐẠI VŨ TUYẾT

THÁNG 3, NGÀY QUÝ DẬU, MƯA LỚN SẮM SÉT

NGÀY CANH THÌN MƯA TUYẾT LỚN

Tả - Lỗ, năm thứ 9, Xuân, Vương, tháng ba, ngày Quý Dậu, chép mưa to, sấm sét. Ngày Canh Thìn lại chép mưa tuyết lớn. Thế là trái mùa. Phàm mưa từ ba ngày trở đi là mưa dầm. Đất bằng tuyết phủ.

Công - Tháng ba, ngày Quý dậu, mưa to, sấm sét, ngày Canh thìn mưa tuyết lớn. Ghi con số đó, biết là trong tám ngày, hai lần đại Biến, âm dương đảo ngược, cho nên ghi ngày cẩn thận. Mưa ghi tháng là phải.

Hồ Truỵên - Điện sét là tính của dương, mà mưa tuyết là khí của âm. Tháng ba lịch nhà Chu là tháng giêng lịch nhà Hạ, chưa thể có sấm được, chưa thể thấy sét được. Thế mà sấm sét, là dương trái tiết. Mà lại có mưa tuyết lớn, thế là khí âm hoành hành. Kinh Xuân Thu, tại dị đều được chép tuy không nói đến ảnh hưởng, mà ảnh hưởng vẫn phải có, vì người với trời phải cảm nhau. Thánh nhân đã ghi chép là có ý đến sự cảm ứng.

挾 卒

HIỆP TỐT

HIỆP MẤT

Cốc và Công viết chữ 挾 ra chữ 俠

Công - Hiệp là đại phu nước ta, chưa có được tước chính.

Cốc - Hiệp là Hiệp, chứ không phải đại phu nào cả. Ân Công không phong đại phu, vì tự coi không phải là vua thực.

Trác Nhĩ Khang - Công Dương bảo là đại phu nước Lỗ chưa chính thức phong, đúng đấy. Không cho họ (tộc) vì rằng khởi thủy thời Xuân Thu còn chất phác. Cốc Lương nói vì Ân Công không tự cho là vua, vậy không phong, nói thế sai.

Hác Kính - Bảo rằng không chép họ (tộc) vì Ân Công chỉ là quyền nhiếp vua, cho nên không cho họ. Thế thì Ân Công giữ ngôi trong mười một năm, các việc hội, thề, chiến tranh đều chép cả, sao lại không chú việc phong tước và Vô Hải được cho họ Triền, chả Ân Công cho thì là ai.

夏 城 郎

HẠ, THÀNH LANG

MÙA HẠ, XÂY THÀNH LANG

Tả - Đây chép là chề việc làm, không đúng mùa làm.

Hứa Hàn - Năm thứ 7, đắp thành Trung Khưu, rồi sau đánh nước Châu. Nay đắp Thành Lang rồi đánh nước Tống. Tùy thời dùng sức dân. Nhờ có thành mới giữ được dân. Công việc đều có lý do.

秋 七 月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Cốc - Không có việc gì. Chép để nhớ mùa.

冬公會齊侯于防

ĐÔNG CÔNG HỘI TÊ HẦU VU PHÒNG

MÙA ĐÔNG, CÔNG HỘI TÊ Ở ĐẤT PHÒNG

Phòng là nước Lỗ. Công Thị viết là Bình.

Tả - Tống Công không biết đến Thiên Tử. Trịnh Bá làm Tả Khanh của Thiên Tử, mà lấy vương mệnh để đánh Tống. Tống lại lấy việc bị đánh ở đất Phu, mà oán Công không giao thiệp. Công giận, tuyệt giao. Mùa Thu Trịnh lấy vương mệnh bá cáo đánh Tống. Mùa đông Công hội với Tê Hầu tại đất Phòng, bàn việc đánh Tống.

Phụ lục Tả Truyện - Rợ Nhung đánh nước Trịnh. Trịnh Bá chống cự được nhưng vẫn lo, nói rằng: Nhung sợ quân đội ta, rồi sẽ đánh trộm. Công tử Đột bàn: Dững mà không cương, thì đánh trộm rồi lui ngay. Nhà vua bày ba mặt quân để dợi. Nhung khinh thường mà không sửa soạn, tham mà không có người giúp, thắng mà không biết nhường, thua mà không biết tự cứu. Trước thấy được thì nó cứ tiến; tiến mà gặp trận bầy, tất vội chạy cho nhanh, không có quân sau để cứu, không có quân tiếp ứng. Thế thì đánh được. Trịnh Bá nghe theo. Quân Nhung quả nhiên thấy trận dãn, bỏ chạy. Chúc Đam đuổi đánh vào giữa. Trước sau không cứu được, chết hết, còn sót đều chạy trốn. Tháng 12, ngày Giáp Dần, người Trịnh đánh cho quân Nhung thua to.

Cốc - Trong hội, nước ngoài làm chủ.

Năm Mậu Thìn, Hoàn Vương năm thứ 7.

十年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tê Hy năm thứ 18. Tấn Ai năm thứ 5. Vệ Tuyên năm thứ 6. Sai Hoàn năm thứ 2. Trịnh Trang năm thứ 31. Tào Hoàn năm thứ 44. Trần Hoàn năm thứ 32. Kỷ Vũ năm thứ 38. Tống Thương năm thứ 7. Tấn Ninh năm thứ 3. Sở Vũ năm thứ 28.

春王二月公會齊侯鄭伯于中邱

XUÂN VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI TÊ HẦU,

TRỊNH BÁ VU TRUNG KHUU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG 2, CÔNG HỘI TÊ HẦU,

TRỊNH BÁ Ở ĐẤT TRUNG KHUU

Tả - Năm thứ 10. Xuân, vương tháng giêng, Công hội Tê Hâu, Trịnh Bá ở đất Trung Khuu. Ngày Quý Sửu, thê ở đất Đặng, định việc quân. Đặng là đất nước Lỗ.

Đỗ Dự - Truyện thì chép hội tháng giêng, thê vào ngày Quý Sửu. Trong Kinh, cùng Truyện, thì Quý Sửu là 26 tháng giêng. Vậy là Kinh, nhầm tháng hai. Năm thứ 9, hội ở đất Phòng, bàn việc đánh Tống, thì Công đã hội, đã thê. Thê không chép, không phải vì thê sau. Vì là Công khi về, chỉ cáo việc hội, không cáo việc thê.

夏翬帥師會齊人鄭人伐宋

HẠ, HUY SUẤT SƯ, HỘI TÊ NHÂN,

TRỊNH NHÂN PHẠT TỔNG

MÙA HẠ, HUY XUẤT SƯ, HỘI NGƯỜI TÊ,

NGƯỜI TRỊNH ĐÁNH TỔNG

Tả - Mùa hạ, tháng 5, Vũ phủ bắt đầu hội Tê Hâu, và Trịnh Bá, đánh Tống.

Công - Đó là Công tử Hy, sao lại không gọi là Công tử. Là chệ. Vì dôi với Ân Công có tội, cho nên, trong toàn thiên về dôi Ân Công đều chệ.

Hồ Truyện - Huy không chép họ vì tội: đi trước kỳ hẹn. Đầu tiên hội với Tống để đánh Trịnh, Huy cố xin để được đi. Nay hội với Trịnh để đánh Tống thì đi trước kỳ hẹn, không đợi việc biến ở Chung Vu. Thế là có tâm vô quân. Loạn thần tặc tử sinh ra vì ngày ngày được nuôi thêm hung ác, chứ không phải trong một sớm tối. Đến khi họ, quyền đã được, thế đã vững, uy đã rõ khắp trong ngoài, dù có muốn chế trị họ cũng không được.

nữa, cho nên bỏ danh hiệu Công tử. Vậy phải thận trọng binh quyền rồi mới chức vụ, chế trị từ lúc chưa loạn.

六月壬戌公敗宋師于菅

**LỤC NGUYỆT, NHÂM TUẤT,
CÔNG BẠI TỔNG SƯ VU QUAN**

**THÁNG 6, NGÀY NHÂM TUẤT, CÔNG ĐÁNH BẠI
QUÂN TỔNG Ở ĐẤT QUAN (QUAN ĐẤT NƯỚC TỔNG)**

Tả - Tháng 6 ngày Mậu thân, Công hội Tề Hầu, Trịnh Bá, ở đất Lão Đào, (đất nước Tống). Ngày Nhâm Tuất, Công đánh bại quân Tống ở đất Quan.

Cốc - Không nói là chiến để cho cao giá lên.

辛未取郕 辛巳取防

**TÂN MÙI THỦ CÁO, TÂN TÝ THỦ PHÒNG
NGÀY TÂN MÙI, CHIẾM ĐẤT CÁO,
NGÀY TÂN TÝ CHIẾM ĐẤT PHÒNG**

Ở huyện Vũ, đất Tế Âm, nay còn Cáo Thành.

Tả - Ngày Canh Ngọ, quân Trịnh vào chiếm đất Cáo, ngày Tân Mùi đem cho ta. Ngày Canh Thìn, quân Trịnh chiếm đất Phòng, ngày tân Tỵ đem cho ta. Người quân tử bàn: Trong việc ấy, Trịnh có thể cho ta biết giữ lễ, lấy vương mệnh đi đánh kẻ không biết vua, rồi không tham đất, lấy đất đến công các vị hầu tước nhà vua. Đó mới là chính lễ.

Công - Chiếm ấp, không biên ngày, đây sao biên ngày. Vì một tháng mà hai lần chiếm đất là quá lắm. Việc ác lớn trong nước thì kiêng kỵ, đây nói quá lắm là tại sao. Xuân Thu thường chép kỵ việc nước, mà lược việc nước ngoài. Việc ác lớn nước ngoài thì chép. Ở trong nước, việc ác lớn thì kiêng, việc nhỏ thì chép.

Cốc - Chiếm ấp không chép ngày, đây sao chép ngày. Vì chê lỗi nhân đánh người ta mà thu lợi, chiếm lấy hai ấp, cho nên cần thận ghi ngày.

Lục Thuận - Triệu Tử bảo rằng, chư hầu chuyên việc chiếm đoạt đất ấp các nước chia cho người ta, là tội rất to, thế mà đây cho rằng hợp chính lễ, sao nói bậy thế. Tôn Giác có nói: Xét bàn việc chiếm ấp, không căn cứ vào việc chép ngày. Nếu không chép ngày, tức là cùng một ngày mà chiếm cả hai ấp, chỉ là chép sự thực. Phàm đã chiếm đoạt đất đai là có tội rồi, cần gì phải bàn một tháng hai lần. Giả thử, tháng khác lấy thêm một ấp nữa, thì là vô tội hay sao. Tôn Giác lại nói: Ác lớn trong nước không chép, ác nhỏ chép. Thế thì phu nhân họ Khương hội Tề Hầu ở đất Chuốc cũng là ác lớn không thể nói là không chép được. Cốc Lương bảo rằng, chê lỗi nhân đánh người ta mà thu lợi chiếm hai ấp, cho nên cần thận ghi ngày. Xét Kinh Xuân Thu chép đánh tan quân người ta mà chiếm hai ấp, thế là bất chính rồi còn cần gì phải chép thêm ngày.

秋宋人衛人入鄭

THU, TỔNG NHÂN, VỆ NHÂN NHẬP TRỊNH **MÙA THU, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI VỆ VÀO TRỊNH**

Trình Tử - Trình làm khổ dân đánh các nước, mà không biết giữ nước mình, cho nên hai nước Vệ, Tống mới vào được.

宋人蔡人衛人伐載鄭伯伐取之

TỔNG NHÂN, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT ĐÁI, **TRỊNH BÁ PHẠT, THỦ CHI** **NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ,** **ĐÁNH NƯỚC ĐÁI CHIẾM LẤY**

Nước Đái, Cốc Thị, Công Thị viết là tải 載.

Tả - Mùa thu, tháng bảy, ngày Canh Dần, quân Trịnh vào đất Giao. Còn đóng ở Giao. Người Tống, người Vệ ở nước Trịnh. Người Sái theo để cùng đánh Đái. Tháng tám ngày Nhâm Tuất, Trịnh Bá, vây Đái, ngày Quý Hợi, chiếm nước Đái, đánh bại quân ba nước. Người Tống, người Vệ, lấy cớ đánh Đái, để diệt người Sái. Người Sái giận thành bất hòa, cho nên thua.

Phụ lục Tả truyện - Tháng chín, ngày Mậu Dần, Trịnh Bá vào Tống.

Công - Chép đánh rồi chiếm là ý dễ dàng, vì dùng sức các người Tống, Sái, Vệ.

Cốc - Cho là bất chính, vì nhân sức người chiếm lấy dễ dàng. Thế là vốn có ý chiếm.

Trịnh Tử - Người Tống, người Vệ, vào đất Trịnh. Người Sái đi theo để đánh Đái. Trịnh Bá vây đánh Đái được rồi đánh tan quân ba nước. Đái xưa nay vốn cùng đi với Trịnh cho nên ba nước đánh Đái. Trịnh mới hợp với Đái đánh lại tan được quân ba nước, thật là quá tàn hại dân.

Triệu Bàng - Trong thời Xuân Thu không có chỗ chiến tranh nào vì nghĩa. Thánh nhân chọn trong thời bất nghĩa, chê kẻ chủ việc chiến. Tống và Trịnh ghét nhau đã lâu. Khởi đầu việc binh là Tống. Năm An Công thứ 4, người Tống giúp Châu Hu làm việc bạo ngược, đem quân đến Trịnh. Mùa thu lại đánh Trịnh, cho nên năm thứ 5, Trịnh cùng quân Châu đánh Tống, chiếm lấy Trường Cát. Thế là vì có trận đánh ngày trước, lấy đất Cao, đất Phòng, để báo thù việc thua ở Trường Cát. Vây được mắt đều nhau, thắng bại cân nhau, chưa có thể thôi chiến được. Nay quân Trịnh chưa kịp về tới nước, thì Tống đã đem quân vào, lại hợp với Sái Vệ, để đánh nước phụ dung của Trịnh là Đái, thế thì quá lắm. Trịnh Bá đem quân ra, có Đái đánh phía trước, Trịnh đánh phía sau, một lần dùng sức, mà thắng được cả ba nước. Ba nước thua, không phải vì không may. Hoặc giả có người ghi là Trịnh có một mình, không đủ thắng quân ba nước được. Lại nghi cho Trịnh là nhân nguy mới chiếm được Đái. Đái là phụ dung của Trịnh, vốn là thuộc về Trịnh, hà tất còn phải chiếm. Sao lại biết là Đái phụ dung. Đái nay là đất Ngoại Hoàng ở biên giới phía bắc nước Trịnh. Ba nước vào Trịnh, đánh Trịnh không được mới rồi quân đánh nước phụ dung. Nếu không thế, thì ba nước đánh nước Đái, có tổn hại gì cho Trịnh. Coi đó thì biết Trịnh không diệt Đái, mà diệt quân ba nước.

Lý Liêm - Trịnh Tử cho rằng Trịnh và Đái, hợp quân để đánh, thắng được quân ba nước, thuyết ấy nghe được. Hồ Thi thì cho là một lần dùng sức kiêm được bốn nước, nói thế sợ là quá đáng.

Uông Khắc Khoan - Cốc Thị, Công Thị, đều bảo Trịnh, nhân lợi dụng sức ba nước mà chiếm Đái. Nhưng Trịnh đang đánh nhau với Tống, chưa có thể đem sức để đánh Đái. Tống, Vệ đang vào đất Trịnh, và liên kết với Sái, để đánh nước cùng đi với Trịnh, ắt không chịu giúp Trịnh, mà để cho Trịnh chiếm được Đái.

Xét - Cốc Thị, Công Thị, bảo rằng, Trịnh nhân sức ba nước, chiếm nước Đái; Hồ Truyền bảo rằng bốn nước đang đánh nhau, Trịnh thừa dịp hờ cơ, một lần thắng cả Bao thế, theo tình thế, theo việc, đều không hợp hần. Riêng có Trịnh Tử dùng thuyết của Tả Thị "thắng quân ba nước" cho là Trịnh và Đái hợp lại đánh tan ba nước. Rồi Triệu Bằng Phi, Lý Liêm, Uông Khắc Khoan, cùng đều nói rõ, thuyết đó gần đúng ý của Kinh.

冬十月壬午齊人鄭人入成

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TÊ NHÂN,

TRỊNH NHÂN NHẬP THÀNH

**MÙA ĐÔNG, THÁNG 10. NGÀY NHÂM NGỌ, NGƯỜI TÊ,
NGƯỜI TRỊNH VÀO ĐẤT THÀNH**

(Chữ 成, Công Thị viết là 盛 (thịnh))

Tả - Người Sái, người Vệ, người Thành không tới hội theo vương mệnh. Mùa đông, người Tê, người Trịnh vào nước Thành, là đánh kẻ trái nghịch mệnh Thiên Tử.

Cốc - Dùng chữ vào, là trong nước không muốn. Vậy có ý chê. Thành là nước Thành.

Trịnh Tử - Đánh vì cơ không hợp bàn việc đánh Tống. Tống vì thấy Công tử Phùng ở nước Trịnh, cho nên Tống và Trịnh ghét nhau. Tả Truyền nói Tống không biết có Thiên Tử. Trịnh Bá lấy mệnh Thiên Tử đi đánh ở trong Kinh Xuân Thu, không thấy nói vì Thiên Tử mà đi đánh. Bấy tôi của Thiên Tử không thấy có mặt, mà quân của vua không thấy đi. Trịnh chỉ là giả dối để thỏa thù riêng đó thôi.

Năm Kỷ Ty, Hoàn Vương năm thứ 8.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN NĂM THỨ 11

Tê Hy năm thứ 19. Tấn Ai năm thứ 6. Vệ Tuyên năm thứ 7. Sở Hoàn năm thứ 3. Trịnh Trang năm thứ 32. Tào Hoàn năm thứ 45. Trần Hoàn năm thứ 33. Kỳ Vũ năm thứ 39. Tống Thương năm thứ 8. Tấn Ninh năm thứ 4. Sở Vũ năm thứ 29.

春 滕 侯 薛 侯 來 朝

XUÂN, ĐĂNG HẦU, TIẾT HẦU LẠI TRIỀU MÙA XUÂN, ĐĂNG HẦU, TIẾT HẦU, LẠI CHẦU

Đây là khởi thủy chư hầu châu Lỗ, mà cũng là khởi thủy nhiều nước cùng tới một lần. Tiết, huyện Tiết nước Lỗ. Theo Không Sở, nước Tiết dòng dõi vua Hoàng Đế họ Nhâm, tên là Hề Trọng, phong làm Tiết Hầu. Trọng Hủy ở Tiết, giữ chức tể tướng triều vua Shang, Vũ Vương lại cử cho làm Tiết Hầu, vì là dòng dõi vua. Nước nhỏ không chép không biết, và cũng không biết, thời nào bị nước nào diệt.

Ta - Mùa xuân, Đăng Hầu, Tiết Hầu, lại châu. Tranh trường (thứ bậc): Tiết Hầu nói. Tôi được phong tước. Đăng Hầu nói: Tôi là một họ chính nhà Chu (họ Bốc). Tiết là họ thứ, tôi không thể vị thứ sau được. Công mới sai Vũ Phủ xin Tiết Hầu rằng: Nhà vua cùng vua Đăng hạ làm tới quá nhân, lời ngạn có nói: Núi có cây, thợ tới đo; khách có lễ, chủ phải chọn. Nhà Chu, trong lời thề, họ ngoại thì kể bậc sau. Quả nhân nếu lại châu nước Tiết, quả đâu đứng cùng hàng với họ Nhâm. Nhà vua nếu ưa qua nhân, thì xin y lời đề nghị của vua Đăng. Tiết Hầu mới nhường cho Đăng.

Công - Sao gọi là lại châu. Chư hầu thì gọi là châu, đại phu lại thì gọi là lễ (lễ sính). Cùng chép cả hai lại châu là vì hai nước nhỏ.

Cốc - Thiên Tử không có việc gì, chư hầu cùng châu nhau, thế là chính lễ. Xét lễ để sửa đức, rồi để biết tôn Thiên Tử.

Chư hầu lại châu đúng thời là chính lễ, cùng đến một thời, một lượt.

Hổ Truỵen - Nhà Chu suy. Điển lễ hồng cả, chư hầu làm bầy, giao thiệp với nhau, không còn lễ nghĩa nữa, chỉ lấy lễ mạnh yếu đối với nhau. Cứ lấy việc nước Lỗ mà xét; hoặc lại châu mà không báo lễ; hoặc đến luôn mà khi về không có đồ tặng. Thế là không hợp với lễ triều sinh các nước chư hầu. Và lại, mọi việc đều phải tâu với Thiên Tử, chức vụ của mình. Đã khuyết như thế mà còn đi triều sinh nhau, thì có được không. Phàm nước lớn, cho tới sinh, nước nhỏ tới châu, nhất thiết Kinh chép chứ không bỏ, đều là để rõ ý chê. Đằng, Tiết hai vua, không nói riêng ra từng vua, lại chê là cùng một lúc lại triều kiến. Nếu không phai là đối với Thiên Tử, đâu có cùng lại triều kiến một chư hầu. Ngang nhiên chịu cho người ta triều kiến, thế là Ân Công cũng hoang mang.

Trương Hiệp - Phàm chư hầu đều chép. Như Tiết, Đằng, cùng đến, mà lễ triều kiến không cùng ngày, thì cứ lần lượt kể ra. Như Châu, Mân, Cát, trước và Đằng, Tiết, hành lễ cùng ngày, thì chỉ có Thiên Tử mới được thế, chư hầu không được, rõ là phi lễ.

夏公會鄭伯于時來

HẠ, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ VU THỜI LAI

MÙA HẠ, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ Ở ĐẤT THỜI LAI

Công Thị, Cốc Thị dưới chữ tháng 5. Công thị biên chữ thời lai ra chữ Kỳ lễ: 邾犁 Thời Lai là tên đất.

Ta - Mùa hạ, Công hội Trịnh Bá ở Lai, bàn việc đánh nước Hứa. Tháng năm, ngày Giáp Thìn, Trịnh Bá sắp sửa đánh Hứa, giao binh quyền cho Thái Cung. Công Tôn Ất với Đinh Khảo Thúc tranh giành nhau một cái xe. Đinh Khảo Thúc đẩy xe chạy. Từ Đô tức là Công Tôn Ất, đuổi tới đường cái, không kịp, Từ Đô giận.

Tôn Giác - Ân Công ca thấy 12 lần đi dự hội, không làm lễ khi ở Hội về, Ân Công không muốn nhận lấy lễ vua, vì có ý ròi nhường ngôi lại cho Hoàn Công. Khổng Tử biết rõ nên chép lược qua.

秋七月壬午公及齊侯鄭伯入許

**THU THẮT NGUYỆT NHÂM NGỌ, CÔNG CẬP
TÊ HẦU, TRỊNH BÁ NHẬP HỨA**

**MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM NGỌ CÔNG CÙNG
TÊ HẦU, TRỊNH BÁ VÀO NƯỚC HỨA**

Hứa là huyện Hứa Xương, đất Đinh Châu. Theo Khổng sử, Hứa họ Khương, cùng một tổ với nước Tề là dòng dõi tứ nhạc, Bá Di, Chu Vũ Vương phong cho con cháu là Văn Thúc tại Hứa.

Tả - Mùa thu, tháng bảy Công hội Tề Hầu, Trịnh Bá để đánh Hứa. Tới thành Hứa, Đinh Khảo Thúc lấy cờ lệnh của Trịnh Bá nhảy lên mặt thành. Tử Đồ ở dưới ngầm bắn tên. Đinh ngã chết. Hà Thúc Doanh vội nhẩy cờ nhảy lên rồi hét to: Vua lên thành rồi, quân sĩ đều theo lên. Thế là ngày nhâm ngọ lấy được nước Hứa. Hứa Trang Công chạy trốn sang nước Vệ. Tề Hầu nhường đất Hứa cho Công, Công nói: Nhà vua thấy vua Hứa có lỗi với Thiên Tử, cho nên tôi theo để trừng phạt. Nay vua Hứa đã chạy trốn biết tội. Dù nhà vua có cho đất tôi cũng không dám nhận. Vua Tề mới đem cho vua Trịnh. Vua Trịnh sai đại phu Hứa là Bách Lý giúp em Hứa Trang Công là Hứa Thúc giữ lấy Đông Hứa và bảo rằng: Trời ra tay cho nước Hứa, thần linh không giúp, lại mượn tay quả nhân trừng phạt. Quả nhân chỉ nhờ vài người tôn tộc, nước còn chưa yên, đâu có tài đánh dẹp, lấy đất Hứa làm công. Quả nhân có em, anh em không hòa hợp, để cho em đến nỗi phải lang thang, ăn nhờ các nước, thế thì, đâu có giữ lâu được nước Hứa. Ông nên giúp Hứa Thúc để cùng yên dân. Quả nhân sẽ cho Công Tôn Hoạch (quan nước Trịnh) giúp việc trị nước. Nếu quả nhân được trăm tuổi rồi, mà trời có nghị lại cho nước Hứa, thì không gì bằng cho vua Hứa trở lại ngôi để trông coi xã tắc. Khi Trịnh ta có cần đến, mà Hứa chịu nghe ta, thì việc giao tế lại giữ được lời hòa hiếu trong hàng thân thích như xưa không để cho họ khác áp bức ta, cùng Trịnh ta tranh giành đất Hứa. Nếu có việc tranh giành thì con cháu ta cũng không được yên, không những Hứa mất mà mất cả Trịnh nữa. Quả nhân cho ông ở Đông Hứa, không phải vì Hứa, mà còn để Hứa làm phen giàu cho Trịnh nữa.

Khi sai Công Tôn Hoạch tới trấn Tây Hứa thì vua Trịnh nói: Tài sản, đồ dùng, người dùng để ở đất Hứa, ta chết rồi thì người lập tức di ngay. Tiền quân ta lập ấp ở đó. Nhà Chu suy, con cháu không còn được như trước, mà Hứa thì là dòng dõi tử Nhạc, chứ không như ta dòng dõi nhà Chu. Trời đã bỏ nhà Chu. Ta tranh thế nào được đất Hứa. Người quân tử bàn rằng: Trịnh Trang Công lần này biết lẽ. Lẽ được những gì. Kinh lý được quốc gia. Yên định được xã tắc. Dạy bảo được nhân dân. Ôn trạch được con cháu. Nước Hứa loạn không còn kỷ luật, cho nên Trịnh đánh được. Đánh được rồi thì tha. Xét đức mình mà đối xử. Lựa lúc mình, tùy thời cơ mà hành động, không để liên lụy cho người sau. Có thể nói được là biết lẽ.

Trịnh Bá truyền cho mỗi trăm quân nộp một con heo, mỗi 25 quân nộp con gà để làm lễ nguyên rửa người đã bắn chết Đinh Khảo Thúc. Người quân tử bàn: Trịnh Trang Công thất chính và thất hình. Chính để trị dân, hình để chỉnh việc gian. Đã thiếu đức chính, lại không có uy hình, cho nên gian tà sinh. Đã có gian tà mà lại dùng cách nguyên rửa, thì có ích gì.

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử lấy ruộng nước Trịnh, ở đất các Ô Lưu, Vi Hàn, và cho Trịnh ruộng của con cháu Tô Phần Sinh gồm các đất Ôn, Nguyên, Hy, Phần, Thấp, Thành, Toàn Nha, Hương, Minh Châu, Hình, Đồi, Hoài. Họ Tô phân vua, vua không trị nổi. Coi thế, người quân tử biết là Hoàn Vương sẽ mất nước Trịnh. Suy bụng ta ra bụng người, là phép tắc của đức, là đường lối của lễ. Cái nhà của mình không có thực, lại đi gán cho người, thì người không đến với mình nữa là phải.

Trịnh và Túc, vì lời qua tiếng lại hiềm khích nhau. Trịnh cùng Túc, đánh nhau ở đất Cánh. Quân Túc thua to, chạy về. Coi việc ấy, biết Túc là sắp mất nước vì không biết độ sức mình, không biết lượng sức mình, không biết gần người thân, không biết liệu lời nói, không biết xét tội lỗi. Phạm vào năm điều ấy mà còn đi đánh người thì phai thua to là phải.

Mùa đông tháng 10, Trịnh Bá đem quân nước Quốc đánh nước Tống. Ngày Nhâm Tuất đánh tan quân Tống, để báo thù việc Tống đem quân vào Trịnh. Tống không báo cáo nên Kinh không chép. Phạm chư hầu có báo cáo, thì mới chép, không thì thôi. Quân đội có được hay thua cũng thế. Dù có mất nước mà không

báo cáo là thua, thắng trận mà không báo cáo là dư đều không được chép vào thẻ.

Ở Tây Nam huyện Khâu Thị, có đất Ổ Tự. Lưu, ở Tây Bắc huyện Hậu Thị (nay còn Lưu Đình). Vĩ và Hình đều là ấp nước Trịnh. Ôn trước đã chú thích. Nguyên ở phía Tây huyện Thâm Thủy. Hy ở đất Dã Vương. Phàn, một tên là Dương Phàn, ở Tây Nam huyện Dã Vương. (còn Dương Thành). Thấp Thành tại Tây Nam huyện Hoài Toàn Mao, ở phía Bắc huyện Tu Vũ. Hương, ở phía Tây huyện Chi. Nay còn đất Hương Thượng. Minh tức là Minh Lý. Một tên nữa là Đan Hình. Đồi ở phía Bắc huyện Tu Vũ. Hoài ở huyện Hoài. Tức, là nước Tức.

Triệu Khuông - Chư hầu không còn biết mệnh Thiên Tử. Vào nước người, tội đã là to, lại sai đại phu giữ nước người ta. Thế mà Ta Thị còn cho là đúng lẽ thế là muối cái loạn.

冬十有一月壬辰公薨

DÔNG. THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT

NHÂM THÌN, CÔNG HOÃNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY NHÂM THÌN, CÔNG MẤT

Tả - Vũ Phủ xin giết Hoàn Công, để xin làm Thái Tể. Công nói: Ta vì Hoàn còn nhỏ tuổi. Ta nay sắp trao lại ngôi cho. Ta sai xây dựng cung Đồ Cửu, để về dưỡng lão. Vũ Phủ sợ, mới tới Hoàn Công, gièm Ấn Công, xin giết Ấn Công.

Công khi còn là Công tử, cùng người Trịnh chiếm ở đất Hồ Nhường, rồi bị bắt ở đây. Người Trịnh giam ở nhà Doãn Thị. Công mới hồi lộ Doãn Thị, cầu đảo thần Chung Vũ, rồi cùng Doãn Thị về. Sau lập nơi thờ Chung Vũ. Tháng 11, Công tế Chung Vũ, trai giới ở Xá Phố, quán ở nhà họ Vi. Ngày Nhâm Thìn. Vũ Phủ sai giết Công ở nhà họ Vi, mà lập Hoàn Công, rồi đánh họ Vi, Công được chép là chết, không chép lễ táng, vì dẫu có thành lễ. Đồ Cửu, là ấp nước Lỗ, phía Nam huyện Lương Phú, đất Thái Sơn. Hồ Nhường là đất nước Trịnh.

Công - Sao không chép lễ táng, là vì giấu, chính thực là bị giết. Bị giết, không chép lễ táng. Kinh Xuân Thu, vua bị giết,

kẻ giết mà không bị trị, thì không chép lễ táng, cho là không có lễ thân từ nữa.

Tử Thảm - Vua bị giết, bấy tôi không trị kẻ giết không phải là bấy tôi, không phục thù cha không phải là con. Táng là người sống làm lễ người chết. Trong Kinh Xuân Thu, vua bị giết, kẻ giết không bị trị, thì không chép lễ táng vì cho là không còn liên quan gì với bọn tôi, bọn con, Công mất sao lại không chép nơi mất. Vì không nỡ. Ân Công, không thấy chép tháng giêng, vì Ân Công sẽ nhường ngôi cho Hoàn, cho nên không có tháng giêng là tháng chính.

Cốc - Công mất không chép nơi mất, là có cố, là phải giấu, không nỡ nói nơi mất, không chép lễ táng là vì vua bị giết, kẻ giết không bị trị, cho nên không chép lễ táng. Cho là có tội. Ân Công trong 10 năm không có chính. Năm đầu có chính, chỉ là để chính thức ngôi vị Ân Công.

Xét - Ân Công năm đầu có chép chính (chính nguyệt). Các năm sau không chép chính nguyệt. Công Dương cho là Ân Công không có chính. Cốc Lương cũng cho là Ân Công không tự chính lấy. Cho thế đều không phải. Ân Công ở ngôi 11 năm. Mệnh Thiên Tử tới năm lần. Minh đã không vào chầu, lại không một lần nào lại sai sứ thần tới chầu để đáp lễ. Thế thì phải cho Công vào hàng không tuân theo chính sóc Thiên Tử, là khởi đầu từ Ân Công. Vì thế, không chép chính nguyệt cho rõ nghĩa lễ, chứ không phải vì Ân Công quyền ngôi vua.

XUÂN THU QUYỂN THỨ HAI

桓公

HOÀN CÔNG

Dương Sĩ Huân - Theo thế phá Lỗ, Hoàn Công tên là Doãn, con Huệ Công em Ân Công, lên ngôi năm thứ 9 Hoàn Vương, các sử chép tên là Quý. Theo phép vua đặt tên Thụy, con cháu nối lại được nghiệp xưa, gọi là Hoàn.

Năm Canh Ngọ, Hoàn Vương thứ 9.

元年

NGUYỄN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tề Hy năm thứ 20. Tấn Ai năm thứ 7. Vệ Tuyên năm thứ 8. Sái Hoàn năm thứ 4. Trịnh Trang năm thứ 33. Tào Hoàn năm thứ 34. Trần Hoàn năm thứ 34. Kỷ Vũ năm thứ 40. Tống Thương năm thứ 9. Tần Ninh năm thứ 5. Sở Vũ năm thứ 30.

春王正月公即位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, CÔNG LÊN NGÔI

Công - Nổi một vị vua bị giết, không gọi là tức vị. Sao đây lại dùng chữ tức vị. Là muốn theo ý Ân Công.

Cốc - Hoàn là người không biết có vua. Sao lại chép Xuân, Vương. Là muốn cẩn thận cho có thủy chung. Không cho là hạng không biết có vua, là vô vương. Em mà giết anh. Tội mà giết chủ. Thiên Tử không dẹp định được. Chư Hầu không cứu được, quốc dân không trừ khử được. Thế là vô vương đạo. Thế mà lại làm được. Năm đầu có chép chữ vương chính là để trị Hoàn Công. Nói mà không nói là tức vị, mới là chính đạo, là vì vua trước chết không do chính đạo, thì con cái không nối tức vị. Đây nói mà chép tức vị. Vậy nghĩ đến vua trước bị giết thì ra sao. Đáp: Vua trước không chép vì chính đạo, thì mình tức vị là chính đạo. Thế là không phải có ơn gì vua trước.

Khổng Đình Đạt - Chư hầu mỗi đầu năm, tất có lễ tại miếu. Nay gặp tang mà lên ngôi, đến năm mới tháng giêng, cũng đổi thành đầu năm, để chính vị. Trăm quan cứ tuân theo. Cho nên, sử nước Lỗ chép tức vị cho rõ, và đó là thường lễ của vua mới. Nay Hoàn tuy thực sự là cướp ngôi, đổ tội cho họ Vi, nói dối là không đồng mưu với giặc, rồi cứ dùng thường lễ, y như lễ gặp tang, nối ngôi. Thế là việc thực, được lên ngôi. Quốc sử cũng theo việc thực mà chép. Trọng Ni nhân đó mà không đổi. Thế lại càng rõ là Hoàn Công đã cướp ngôi, nhất là lại làm như lễ thường.

三月公會鄭伯于垂

TAM NGUYỆT, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ VU THỦY

THÁNG BA, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ TẠI BIÊN GIỚI

Cốc - Hội là gì? Là nước ngoài chủ hội.

Diệp Mộng Đắc - Loạn thần tặc tử chỉ có Thiên Tử và chư hầu. Thiên Tử nay cho triều kiến, chư hầu lại cùng hội, thế là đã chấp nhận cho vua ở vị vua. Về sau, giá có muốn đánh, muốn trị tội, cũng không có cơ gì đem quân tới. Đó là bước đường cùng của nhà Chu.

TRỊNH BÁ DĨ BÍCH DẢ HỨA ĐIỀN

TRỊNH BÁ ĐEM NGỌC BÍCH MƯỢN ĐẤT HỨA ĐIỀN

Tả - Công lên ngôi, sửa soạn giao hiếu với nước Trịnh. Người Trịnh xin thử lại Chu Công, đòi lấy ruộng Banh (ruộng của người Trịnh ở Thái Sơn khi trước, để tiện việc tế). Công ưng thuận. Tháng ba Trịnh Bá đem ngọc bích, đòi lấy ruộng Hứa để làm việc tế Chu Công.

Công - Nối lấy ngọc bích mượn, tức là đòi. Đòi sao lại nói là mượn. Vì mượn có ý kính cần hơn. Còn có Thiên Tử vì chưa hầu không được chuyên quyền về đất đai. Hứa Điền là gì. Là đất của Lo châu chực nơi Thiên Tử. Ở đất ngoài Kinh đô Thiên Tử, các chư hầu có ấp để tế chực, tiện việc khi tể châu. Không nói là lấy ruộng nhà Chu. Nhưng sau lại gọi là ruộng Hứa. Là liên can đến nước Hứa. Ấp ấy gọi là ruộng vì ruộng nhiều, ấp nhỏ thì gọi là ruộng. Ấp to, ruộng ít thì gọi là ấp.

Cốc - Gọi là mượn chứ không là lấy, mà chính là lấy. Dùng chữ mượn, để kiêng việc đòi đất. Theo lễ, còn có Thiên Tử ở trên, chư hầu không được lấy đất cho nhau, không có ruộng thì không đủ đòi Hứa. Chưa nói đến Hứa, tức là từ trước Lỗ chưa giao Hứa cho. Hứa Điền, là ấp của Lỗ châu chực. Banh là ấp của Trịnh được khi trước, để dự tế Thái Sơn. Vậy coi đó biết rằng 1) Lỗ không châu nhà Chu nữa (tại Kinh đô 2) mà Trịnh cũng không châu tế Thái Sơn (ở Thái Sơn).

Hồ Truyền - Lấy được Hứa Điền đòi đất Banh. Trịnh đã giao đất Banh, lại thêm ngọc bích, vì Banh xấu hơn Hứa. Lỗ là nước ở Sơn Đông, giáp ngay đất Banh. Trịnh là nước trong vòng gần Kinh đô Chu. Vậy Hứa Điền gần Trịnh, lấy nơi này đòi nơi kia, hai nước đều có lợi, mà thánh nhân cho là việc xấu, im đi không nói, là tại sao? Lợi vốn là lòng tham muốn riêng của người. Nếu cứ làm việc theo lợi, rồi thì đến chiếm đoạt, nhiều loạn. Nghĩa là vốn lẽ công của trời. Cứ theo nghĩa định chính, thì trong thiên hạ đâu mà chả đi được, việc gì mà chả làm được. Ấp Thang Mộc, nơi để châu chực, tiên vương ban cho tiên tổ vẫn giữ, mà nay mình vì lợi riêng đem bán đổi, không suy nghĩ gì.

thờ tục là tám đĩa đã vô tuân, mà bỏ đi đất cát của tiên tổ. Vậy thành nhân cho là một việc xấu cho nước, mà im không nói. Không nói là lấy ngọc đổi ruộng, mà nói là mượn: đổi là xong, là mất hẳn: mượn còn có thể lấy về được. Thánh nhân lại mong thấy người Hứa có ý sửa đổi làm điều thiện, ngày thêm hơn. Không phải chỉ vì quốc sĩ mà thôi. Thế là cái ý dạy răn vẫn nhiều hơn.

Khổng Đình Đạt - Banh xấu hơn Hứa, phải các thêm ngọc bích, để đổi lấy Hứa Điền, chứ không phải là mượn. Không nói là lấy đất Banh mượn, mà nói là lấy ngọc bích mượn, bích đó thực là có đưa đến Lỗ. Chư hầu giao thiệp với nhau, có cầm ngọc bích làm tin, cho nên Kinh nói được ngọc bích. Còn đất Banh thì không nên nói, vì lấy đất đổi đất, việc quá rõ, không che sự đổi chác được.

Lưu Sưởng - Đổi là do ta cho, theo lời thì như tự Trịnh khởi sưởng thế cũng là lời nói tránh. Công Dương bảo Hứa Điền là ấp của Lỗ, để châu chực, triều kiến, gọi là Hứa vì liên hệ đến nước Hứa, bao thế không phải. Kinh Thi có câu: Ở đất Thương và đất Hứa, sửa sang nơi ở Chu Công, thế thì Chu Công được phong vốn đã có ấp Hứa, chứ không đợi đến thời Khổng Tử, rồi mới có liên can đến đất Hứa. Và lại, các ấp đều có tên, hoặc là Hứa Điền, hoặc là Quý Âm Điền, cứ tên thực mà chép. Tự ý đổi làm gì.

Tô Triệt - Đổi Hứa Điền lấy Banh, cho là Banh chưa đủ, nên lấy thêm ngọc bích.

Trần Phó Lương - Lấy Hứa Điền, sao lại gọi là mượn. Đó là lời của Trịnh. Công Dương cho là cung kính. Ban đầu thời Xuân Thu, chư hầu làm điều gì trái, tất phải dùng lời nói cho trôi. Trịnh Bá lấy ngọc bích mượn Hứa, Điền, Tề Hầu và Trịnh Bá sang nước Kỳ. Thiện Bá đưa Vương Cơ, xây quán xá Vương Cơ ở ngoài nước, đều là lấy lời mà nói cho trôi việc. Phu tử thương cái mới tệ nhà Chu, có nói: Vụ lợi mà xao quyết, vẫn về mà không ơ thẹn. Kinh Xuân Thu chép rõ việc. Rõ là vương hóa suy, phong tục biến dần, bắt đầu rõ từ việc đổi trả của Trịnh Trang.

Hoàng Chấn - Hứa Điền là đất giáp Trịnh. Trịnh lâu nay vẫn dòm ngó. Cho nên lấy đất Banh đổi. Lấy đất Phòng, đất Cáo của Tống làm mối, được Hứa là nhường cho ngay. Đều là

những thứ mà Ân Công muốn, nên Trịnh mới được đất Hứa. Ân Công tuy được Banh, Phòng Cáo, mà cứ từ chối việc Hứa, thì Trịnh cũng không bắt ép được. Ân chết rồi. Hoàn Công thoán ngôi, vội kết giao với Trịnh như xưa, cho nên Trịnh đổi được đất Hứa.

Hoàng Trạch - Sau khi được phòng, lại nói Lỗ ta vào đất Phòng, thế là trọng việc lấy đất. Sau khi đổi Hứa, không chép đem Hứa cho Trịnh, thế là trọng việc mất đất, vì nước Lỗ mà kiêng chép.

Xét - Thêm ngọc bích để đổi lấy Hứa Điền. Khổng Đình Đạt cho rằng Banh xấu hơn Hứa, Tô Triệt, Hồ An Quốc, đều theo ý ấy. Trần Phó Lương riêng cho là Trịnh Bá nói cho trôi việc, cứ theo tình thế đương thời, thì Phó Lương nói nghe được. Vậy chép cả mọi thuyết ra đây.

夏四月丁未公及鄭伯盟于越

HẠ TỬ NGUYỆT, ĐÌNH MÙI,

CÔNG LẬP TRỊNH BÁ MINH VU VIỆT

**MÙA HẠ THÁNG TƯ, NGÀY ĐÌNH MÙI, CÔNG CÙNG TRỊNH
BÁ THỂ Ở ĐẤT VIỆT. VIỆT ĐẤT Ở GẦN BIÊN GIỚI**

Tả - Hội thể để kết giao. Lời thể: Nếu ai trái lời sẽ chết (về việc Banh).

Cốc - Chữ cùng là chữ Lỗ sử chép. Việt là tên đất.

Xét - Hội thể ở đất Việt, Tả Thị cho là để kết giao vì việc đất Banh theo như việc cũ. Cốc Lương thì cho rằng Quốc sử chép để chê, chê Trịnh mượn việc cũ đổi đất để thỏa mãn lòng ham muốn chê Hoàn không nói là câu hội thể, mà hội thể chỉ là hoàn thành việc cũ. Hai truyện như khác nhau. Nhưng ý thì thực là bỏ tức cho nhau.

秋大水

THU, ĐẠI THỦY

MÙA THU, LỤT TO

Tả - Đất, đồng ruộng mà có nước là lụt to.

Công - Chép là để ghi một tai họa.

Cốc - Chỗ cao, chỗ thấp, đều có nước là lụt to.

Trình Tử - Vua biết sửa đức tốt thì hòa khí hưởng ứng mưa nắng đều đều. Hoàn Công đức xấu, làm nhiều điều trái ngược. Có lệ khí sinh tai, thế là đáng lắm.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Trình Bá báo cáo việc thể.

Cốc - Không có việc, sao lại chép mùa. Là để không sót mùa. Lỗi biên chép năm của Xuân Thu, bốn mùa có đủ thì mới thành năm.

Năm Tân Mùi. Hoàn Vương năm thứ 10.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tề Hy năm thứ 21. Tấn Ai năm thứ 8. Vệ Tuyên năm thứ 9. Sái Hoàn năm thứ 5. Trịnh Trang năm thứ 34. Tào Hoàn năm thứ 47. Trần Hoàn năm thứ 35. Kỷ Vũ năm thứ 41. Tống Thương năm thứ 10. Tần Ninh năm thứ 6. Sở Vũ năm thứ 31.

春王正月戊申宋 弑其君與夷及其大夫孔斧

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, MẬU THÂN,

TỔNG ĐỐC THÍ KỲ QUÂN DỮ, DI CẬP

KỲ ĐẠI PHU KHỔNG PHỦ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY MẬU THÂN

TỔNG ĐỐC GIẾT VUA LÀ DỮ DI, CÙNG ĐẠI PHU KHỔNG PHỦ

Tả - Hoa Đốc nước Tống, trông thấy vợ Khổng Phủ ở ngoài đường dăm dăm nhìn phai nói: đẹp thật, duyên dáng thật. Năm thứ hai mùa xuân Đốc đến đánh nhà họ Khổng Phủ, bắt lấy vợ, Công gian. Đốc sợ, rồi giết luôn Thương Công. Người quân tử cho là Đốc vốn đã có tâm vô quân, nên khi có dịp là làm bậy, cho nên trước tiên chép việc giết vua.

Công - Thế nào là (cùng). Là có liên hệ. Bị giết với vua thì có nhiều người. Những người không có liên hệ thì không nói đến hay sao. Đáp: Có liên hệ, Cừu Mục Tuân Tức đều liên hệ cả. Bỏ Cừu Mục, Tuân Tức, cho là không liên hệ chẳng. Có chứ. Thế thì riêng đây sao lại chép. Vì là người hiền. Khổng Phủ cho là cái nghĩa khí hiện hình hiện ra đến sắc mặt. Đốc sắp giết Thương Công. Vì như Khổng Phủ còn được sống, thì Thương Công không bị giết. Cho nên, ở đây trước tiên đánh nhà Khổng Phủ. Thương Công nghe báo, biết mình sẽ chết gọi chạy tới cứu, rồi đều chết. Khổng Phủ thường nghiêm nét mặt đứng tại triều còn ai dám qua mặt mà động tới vua, thế gọi là nghĩa khí hiện hình ra sắc mặt.

Cốc - Hoàn Công là hạng vô vương. Sao lại chép chữ vương (Xuân vương) là để chính việc Dữ Di chết. Khổng Phủ chết trước sao lại chép là cùng. Là vì theo nghĩa tôn và ti, đó là nghĩa Kinh Xuân Thu. Sao Khổng Phủ lại chết trước. Đốc muốn giết vua, nhưng sợ không xong, vậy phải giết Khổng Phủ trước, để khỏi bị chướng ngại. Lấy gì biết là giết Khổng Phủ trước. Con chết vì bố, không nỡ gọi tên. Tội chết vì vua không nỡ gọi tên, mới biết người quân tử cũng có liên hệ. Họ Khổng, chữ Phủ là thụy hiệu. Hoặc có người bảo không gọi tên ra là kiêng cử vì tổ tiên, Khổng Tử vốn người Tống.

Hồ Truệ - Hoàn Công là hạng vô vương mà năm đầu chép Xuân vương chinh nguyệt, lấy đạo trời, lấy phép vua ra, càng rõ tội Hoàn Công. Hoàn đã vô vương, mà năm thứ hai lại chép xuân, vương, chinh nguyệt lấy đạo trời, lấy phép vua ra để chinh tội của Tống Đốc.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo rằng sao biết là giết Không Phu trước, vì tôi đã vì vua chết thì không nỡ gọi tên. Nay xét Triệu Tư bảo rằng việc Không Phủ là sử sách chép chữ không phải Thương Công chép. Thế thì có liên quan gì đến vua mà bảo không nỡ, lại bảo rằng không chép tên và kiêng tên ông tổ. Xét Xuân Thu là sử nước Lỗ, đâu có phải là truyện củ nhà Không Tư, thì sao lại kiêng tên ông tổ được.

Lưu Sưởng - (Cùng), nghĩa là thế nào. Là liên lụy. Sao lại chép, vì là hiên: Không Phu về tài, thì thường, về trung thì tận trung. Đã được giao cho việc quan trọng, đã chịu mệnh, thì không tránh việc chết, chỉ biết có tuân mệnh. Xuân Thu đôi với bực hiên thì không gọi tên. Không Phủ là hiên, sao đây gọi là tên. Trước cha, thì gọi tên con. Trước vua thì gọi tên tôi. Còn Đỗ Thị lại bảo rằng: Không Phu gọi tên vì trong không trị được việc nhà, ngoài gây oán với dân. Thân mình chết mà họa lây đến vua. Cho nên chê. Đỗ Thị bàn thế là sai. Xuân Thu tuy chép tên, từ, để khen, nhưng ở trên đã nêu tên vua ra, thì ở dưới không gọi tên từ bấy tôi được. Đó là trước vua, phải gọi tên tôi, đó là đại tiết của lễ. Nếu theo ý Đỗ Thị, thì nên chép tên vua, và chép từ bấy tôi, thế là đảo ngược nhân luận. Thế thì sao gọi được là thông hiểu Kinh.

Uông Khắc Khoan - Hoặc bảo rằng Không Phu không đương được chữ thi. Vậy nếu chép rằng: (Tống Đốc thí vua Dữ Di, rồi sát đại phu Không Phủ), như thế thì không thấy được, là Không Phu vì vua mà chết, và không rõ được cái tiết đại thần thờ vua. Cho nên đặc biệt chép chữ (cùng), để khen chết về việc vua. Đó là tình ý của văn thánh nhân.

Xét - Cốc lương cho Không Phủ là tên tự, Triệu Khuông bác đi, là phải lắm. Tả Thị cho Phủ là tên, để Đỗ Dự nhân cơ mà buộc tội Không Phủ, đều là không phải. Duy có thuyết của Lưu Sưởng "Trước vua gọi tên bấy tôi", là rất chính đáng. Cho nên Trình Tử, Tả Triệt và Hồ An Quốc đều dùng thuyết đó. Đạm

Trợ thì cho rằng chữ Khổng là tên tự, chữ Phủ là chữ gọi tôn trọng. Các đời Khổng trước, đều đặt chữ Phủ sau tên tự, như có những chữ Phất Phủ, Kim Phủ. Nếu lấy Khổng làm họ, há lại mỗi đời mỗi đổi họ chẳng. Và lại thời Xuân Thu các người khá hay dùng tên tự là Khổng, thuyết đó tưởng tận đích xác. Tuy nhiên vua thì tên, mà thần thì tự, nghe nghĩa chưa xuôi. Vì thế, lấy thuyết của Lưu Sưởng làm chủ, mà thuyết của Đạm Trợ thì phụ vào cho đủ.

滕子來朝

ĐĂNG TỬ LAI TRIỀU

TƯỚC TỬ NƯỚC ĐĂNG LAI CHAU

Đỗ Dự - Năm thứ 11, Ân Công, thì gọi là Đăng Hầu, nay gọi là Đăng Tử, là Thiên Tử đương thời giảng chức.

Xét - Đăng, giảng, gọi là Tử, Triệu Khuông cho là đương có tang, chưa ở ngôi vua, Trình Tử cho là về sau, vì thân thuộc vào nước sở. Hồ An Quốc cho là bị chê vì châu Hoàn Công. Chu Tử đều bác bỏ cả. Duy có Trịnh Hối cho là tự bớt tước để bớt thuế công, đối với sự tình thì gần như đúng. Tuy nhiên xét nghĩa lẽ của Kinh Xuân Thu, thì thấy vẫn không thông. Năm cấp là do chính thế nhà Chu đã định, Kinh Xuân Thu không theo tước của chư hầu tự tôn, sao lại theo tước của chư hầu tự giảng. Vì thế, thuyết của Đỗ Dự, Dương Sĩ Huân cho là bị Thiên Tử biếm, thuyết đó có thể là đúng. Hồ An Quốc nói: Thiên Tử đương thời còn giảng được chư hầu, thì làm gì có Kinh Xuân Thu. Thế thì Đông Chu suy, mà Tề, Tấn, thành được nghiệp Bá vẫn là theo mệnh Thiên Tử. Nghi Phủ, Lê Lai, vẫn là Thiên Tử phong tước cho. Vậy tuy uy pháp không thi hành được đối với Ngô, Sở là nước lớn ở xa, nhưng đối với các nước nhỏ như Đăng, Tiết, thì Chu sao mà lại không giảng được. Sau Xuân Thu đến 100 năm, thì Chu càng suy, thế mà Tam Tấn, muốn thành Hầu tước cũng vẫn còn phải xin Chu phong cho, huống ở thời Bình Vương, Hoàn Vương, nhà Chu mới thiên sang Đông.

三月公會齊侯陳侯鄭伯于稷以成宋亂
TAM NGUYỆT, CÔNG HỘI TÊ HẦU, TRẦN HẦU,
TRỊNH BÁ VU TẮC, DĨ THÀNH TỔNG LOẠN
THÁNG BA, CÔNG HỘI TÊ HẦU, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ,
TẠI ĐẤT TẮC ĐỂ GIÚP LOẠN NƯỚC TỔNG

Tắc đất nước Tống.

Tả - Hội tại đất Tắc, để chấp nhận loạn nước Tống, vì được của hối lộ của nhân họ Hoa. Tống Thương Công lên ngôi trong 10 năm, 11 lần chiến. Dân không chịu được. Khổng Phủ Gia giữ chức Tư Mã, Đốc giữ chức Thái Tể. Nhân lòng dân không chịu đựng được, mới tuyên truyền trước rằng: Công việc là tự quan Tư Mã, để giết Khổng Phủ và thí (giết) Thương Công, mời Trang Công hiện đương ở nước Trịnh về, lập làm vua, để thân với Trịnh, Hoa Đốc lấy dinh nước Cáo hối lộ Công, Tề, Trần, Trịnh, cũng được của hối lộ, cho nên cùng giúp Tống Công, Cáo là tên một nước.

Công - Việc ác lớn trong nước, thì kiêng tránh. Đây lại nói rõ là tại sao. Là vì đã xa. Các việc nghe thấy, trông thấy, đồn tới, là thì chép. Án Công cũng đã xa rồi, sao lại vì Án Công mà kiêng tránh. Vì Án Công thì hiền, mà Hoàn Công thì bất.

Cốc - Chữ để (để giúp loạn) là sử Lỗ ghi việc trong nước. Ghi việc Công giúp xong loạn. Chữ giúp xong là ý việc chưa xong, nay giúp cho xong. Việc ác trong nước, người quân tử không bỏ sót.

Lưu Sưởng - Giúp giặc nước người ta, ăn của hối lộ của người, định đặt lấy trên dưới nước người ta, có thể gọi là "giúp giặc nên công" thì được, bảo là bình, là dẹp loạn thì không được. Đồ thị bao giúp xong là dẹp bao thế là sai. Xuân Thu có những chữ như (xong việc bình), (cùng Tề bình), (Công với Tề Hầu bình), nước Cử và nước Đàm đều xưng thẳng là bình. Nếu như Xuân Thu muốn tránh cái gian ăn hối lộ, mà nói bình loạn nước Tống, thì còn nghe được. Nay không nói là bình, mà nói là giúp cho xong, thế đâu có gọi là bình. Và lại xét truyện cũng có nói là hội ở đất Tắc để giúp xong loạn nước Tống, chỉ vì đã được ăn hối lộ, giúp Hoa Đốc. Giải nghĩa câu "giúp xong loạn Tống" trong Kinh, thật đã rõ ràng.

夏四月取郜大鼎于宋戊申納于太廟

**HẠ TỬ NGUYỆT, THỦ CÁO ĐẠI ĐÌNH VU TỔNG,
MẬU THÂN, NẠP VU THÁI MIẾU**

**MÙA HẠ, THÁNG TƯ, LẤY ĐÌNH NƯỚC CÁO Ở NƯỚC TỔNG
NGÀY MẬU THÂN NỘP VÀO NHÀ THÁI MIẾU**

Tả - Mùa hạ, tháng tư, Công nhận đại đình nước Cáo ở nước Tống đưa tới. Ngày Mậu Thân đặt vào nhà Thái Miếu. Thế là trái lễ, Đại phu Tang Ai Bá (con Tang Hy Bá) can: Đã là vị vua, thì cần rõ đức sáng, ngăn điều trái để làm gương cho bách quan. Vì còn sợ là không làm được, còn sợ là lãng quên, cho nên phải ghi chép để truyền báo con cháu đời sau. Thế cho nên, nhà tôn miếu uy nghi, mà thanh nhã. Xe vua chỉ giải dệm có bốn. Cảnh ngon, nhà vua không quá tử mỉ. Cơm trắng nhà vua không quá cầu kỳ, toàn là để nêu đức tiết kiệm. Áo còn có lá dấp Mũ niện có dát ngọc. Quần có dây lưng. Giày có tất. Có trăm gài mũ, có dải mũ hai bên, có lụa bọc mũ. Mọi thứ đã được đặt ra tường tận, là để cho có mực độ. Các thứ như màu dây đeo ngọc, số ngọc dát trên vỏ gương, dài dài ngắn, hình cờ, thứ da yên ngựa, là để rõ số mực. Màu sắc áo quần, vẽ hỏa, vẽ long, vẽ năm sắc, là để tượng hình các vật. Nhạc trên đầu ngựa, trên hàm ngựa, trên cán cờ, trên cửa cung điện, là để định rõ thanh âm. Nhật, nguyệt, tinh, thêu vào cờ, là để rõ đức sáng. Xét ra, đức kiệm mà có chừng mực, trên dưới nhiều ít đều có số định. Không có vật gì, không có màu gì, là không đặt phép để theo cho rõ đức. Đức phát xuất ra, nghe thấy tiếng, trông thấy hình để làm gương cho bách quan. Nếu bách quan cứ soi gương ấy, thì còn ai có điều trái gì nữa mà trách được. Quốc gia mà suy đồi là vì gian quan. Quan đã thất đức rồi, cái đồ ăn cấp lại được phô trương ra, như đem đình đặt trong miếu, thật là quá tệ. Xưa Vũ Vương, diệt nhà Thương, rời chín đình, đến ấp lạc, kẻ nghĩa sĩ còn trách. Huống chi nay đem cái của do bọn loạn thần dút lột, mà phô trương giữa nhà Thái Miếu coi sao được.

Vua không nghe. Quan nội sử nhà Chu biết chuyện, có khen: Họ Tang Tôn Đạt ở Lỗ rồi sao cũng có hậu. Vua đã trái, mình không quên, cứ lấy điều đạo đức mà ngăn can.

Lạc Ấp - Vũ Vương muốn dòng dõi. Chưa có dõi thành. Chu Công mới sửa sang Lạc Ấp gọi là Vương Thành, tức là Hà Nam Thành.

Công - Đình lấy của Tống. Sao lại gọi là Cáo Đình. Đồ đạc gọi theo tên. Đất gọi theo chủ. Đồ đạc đem cho người không phải là sẵn có. Tống đầu tiên, làm một việc bất nghĩa, mà lấy được, nên gọi là Cáo Đình. Còn như đất đem cho người thì không thể, chóc lát có thể có được. Vậy thì đã lấy được, có thể coi như là có được chẳng. Không thể được. Sao vậy? Cũng như Vi, vợ Sở Vương, thì dù sao cũng không gọi là có được. Ngày Mậu Thân nạp tại Thái Miếu. Sao lại chép. Là đẻ chẻ. Chẻ vì nhân loạn lấy của hồi lộ mà cúng vào Thái Miếu là phi lễ.

Cốc - Hoàn Công trong nước thì giết vua, ngoài nước thì giúp bọn loạn, lấy của hồi lộ đem về thờ tổ, thật là phi lễ, chắc là ông tổ, tức là Chu Công không nhận lễ ấy. Cáo Đình là nước Cáo dục thành. Vậy Tống đánh rồi chiếm lấy. Không Từ nói: Tên theo chủ. Vật theo nước. Tức là đại đình nước Cáo.

Đồ Dự - Ngày Mậu Thân, là ngày mừng mười tháng năm, Không Đình Đạt nói, xét lịch năm ấy, tháng tư ngày Canh Ngọ là mừng một. Suốt tháng không có ngày Mậu Thân. Tháng năm mừng một là Kỷ Hợi, mừng mười là mậu thân, thế là có ngày mà không có tháng.

秋七月杞侯來朝

THU THẮT NGUYỆT KỶ HẦU LẠI TRIỀU

MÙA THU, THÁNG 7, KỶ HẦU LẠI CHẦU

Tả - Mùa thu, tháng bảy, Kỷ Hầu lại châu. Kỷ không có ý kính sợ. Kỷ hầu về rồi, Công nghi mưu đánh Kỷ.

Cốc - Châu mà chép mùa tháng, là tại sao. Hoàn Công trong nước thì giết vua, ngoài nước thì hoàn thành việc thoán nghịch. Do đó, Tề Hầu, Trần Hầu, Trịnh Bá định đánh. Hoàn mới hồi lộ. Việc được êm ngay, rồi có việc tới châu. Thế là cần thận chép tháng để tỏ ý chê ghét.

Lưu Sưởng - Kỷ Hầu châu nước Lỗ. Cho có tỏ chút bất kính, thì cũng chưa nên đem quân vào nước Kỷ. Tả Thị nhằm chữ杞 với chữ杞 mới có thuyết bất kính. Cốc Lương thì cho rằng lễ

tới châu, chép mùa, ở đây lại chép thêm cả tháng, cho là vì Hoàn Công, trong giết vua, ngoài giúp giặc. Thấy thế, Tề, Trịnh, định đánh trong vài ngày hồi lộ, việc êm, rồi có việc châu, cho nên cần ghi tháng để tỏ ý chê ghét. Bàn thế không phải. Năm thứ 6, mùa đông, Kỷ lại châu, thì cũng là Kỷ 紀, trước mà Hoàn Công vẫn là Hoàn Công. Việc không hơn, ghét không giảm, mà Kỷ Hầu có lỗi không đổi. Vậy càng nên trách hơn. Trái lại năm thứ 6, chỉ ghi có mùa, tại sao. Có phải là Kinh Xuân Thu, không ghét chẳng.

Trịnh Tử - Phàm chép là Hầu, đều nên viết Kỷ. Tước nước không phải là Hầu. Kinh vẫn viết nhầm. Đến khi Hầu mất nước, thì không thấy chép là Hầu nữa.

Lý Liêm - Chép là Hầu, là do Công Dương chú và khảo vào năm Ân Công thứ 2. Vốn không phải là tước Hầu, mà gọi là hầu là nhân Thiên Tử sắp cưới vợ ở Kỷ cho nên phong cho “trăm dặm”, sau cứ gọi là Hầu mà Cốc Lương chú giải cũng cho là Thiên Tử gia phong. Đều không biết là văn thiếu sót, không biết là Tử hay Bá.

Uông Khắc Khoan - Năm thứ 7 Thành Công, Tào Bá lại châu. Năm thứ 6 thứ 15, và Định Công năm thứ 18, Châu Tử lại châu. Đều chép tháng. Vậy không nên lấy sự chép tháng làm hiềm chê.

蔡侯鄭伯會于鄧

SÁI HẦU, TRỊNH BÁ HỘI VU ĐẶNG

SÁI HẦU, TRỊNH BÁ HỘI Ở ĐẶNG

Ở Tây Nam huyện Thiệu Lăng, đất Dinh Xuyên có Đặng Thành, Công Dương cho Đặng là một nước. Mà năm thứ 5, Đặng Hầu lại châu, tức là vua nước Đặng.

Tả - Khởi thủy sợ nước Sở.

Sơ ở phía Bắc huyện Giang Lăng đất Nam Quận. Kỷ là đất Nam Thành, Theo Khổng sơ phả, Sở dòng dõi họ Xuyên Húc. Đời sau, có Dục Hùng, thờ Chu Văn Vương, rồi chết sớm. Thành Vương phong cho cháu Dục Hùng là Hùng Dịch ở Sở, hàng Tử, lấy ruộng ở Nam đất Nam Dương, nay tức là Chi Lăng. Đến

dời Hùng Thông mới xưng là Vũ Vương ở đất Đinh tức là Giang Lăng bây giờ.

Công - Hai nước không gọi là hội. Đây chép hội vì có thêm nước Đặng.

Xét - Công Dương cho là nước Đặng cùng hội. Hồ An Quốc cũng Tiềm Nhược Thủy và Quý Thị đều nghe theo. Năm đầu Ân Công có hội thể, đúng như thể cho Đặng là đất nước Sái. Không Đinh Đạt lại bảo, Đặng là một nước, cách nước Sái xa lắm. Sái và Trịnh không thể đi xa nước mình mà họp được. Không Đinh Đạt nói cũng phải.

九月入杞

CỬU NGUYỆT NHẬP KỶ **THÁNG 9. ĐÁNH VÀO NƯỚC KỶ**

Ta - Tháng chín, vào Kỷ, đánh về tội bất kính.

Cốc - Nước Lỗ ta đem quân vào Kỷ.

Ông Khắc Khoan - Hoặc cho là Sái và Trịnh vào Kỷ. Tuy nhiên diệt Bức Dương, diệt Lại, đều chép là Sái và Trịnh "rời vào". Đây thì, không chép "rời vào". Vậy tức là chỉ có Lỗ vào. Tả Truyện bảo đánh Kỷ về tội bất kính. Chắc là nhân năm 27, Hy Công, mùa xuân, Kỷ Tử lại châu. Mùa thu Công tử Toại đem quân vào Kỷ. Thế rồi hai việc lẫn là một.

公及戎盟于唐

CÔNG CẬP NHUNG MINH VU ĐƯỜNG **CÔNG VÀ NƯỚC NHUNG THỂ TẠI ĐẤT ĐƯỜNG**

Tả - Để nối tình giao hiếu xưa.

冬公至自唐

ĐÔNG, CÔNG TRÍ TỰ ĐƯỜNG

MÙA ĐÔNG CÔNG TỬ ĐƯỜNG VỀ, LỄ CÁO MIẾU

Khởi thủy chép việc lễ cáo miếu.

Ta - Phạm khi ra đi, có cáo ở tôn miếu. Khi về cùng cáo miếu, an mừng thặng trật, thường công. Đứng lễ thì như thế. Riêng về việc hội di đi, lại lại, thì gọi tên đất, là ý nhường nhau. Khi có ba vị hội, thì mình đi, chép tên đất, người đến thì gọi là hội, tức là việc đã thành.

Phụ lục Tá Truyện - Xưa, Phu nhân của Tấn Mục Hầu là Khương Thị, nhân việc đặt Diếu, đặt tên Thế Tử mới sinh là Cửu. Khi sinh em Cửu, nhân việc chiến ở Thiến Mâu đặt tên là Thanh Sư. Sư Phục nói: Lạ thay, người quân tử mà đặt tên con như thế. Xét tên để giữ nghĩa, nghĩa để sinh lễ, lễ để thành chính thể. Chính là chính danh. Thế cho nên, chính thể có thành, thì dân mới yên. Đổi trái đi, là sinh loạn. Sánh đôi "hòa hợp", gọi là "phí". Ghét nhau gọi là "cừ". Nay vua đặt tên Thế Tử là Cửu, em Thế Tử là Thanh Sư, thế là điềm loạn: người anh sẽ bị thay thế. Huệ Công năm thứ 21, nước Tấn mới loạn, cho nên phong Hoàn Thúc ở đất khúc ốc. Cháu của Tĩnh Hầu được Loan Tân làm Thái Phó, Sư Phục lại nói: Tôi nghe, quốc gia mà được lập nên, gốc lớn mà ngọn nhỏ mới bền. Vì thế, vua dựng nước, chứ hầu dựng nhà. Khanh lo cho vợ con, đại phu lo cho con em, sĩ lo cho gia nhân, thứ dân, công thương đều có thân, sợ, tất cả đều có đẳng cấp. Được thế, dân mới làm việc theo người trên, mà kẻ dưới không có ham muốn vi phạm. Nay Tấn là Diện Hầu (nước Hầu ở gần Kinh Đô), mà dựng nước vốn đã yếu, thì lâu bền sao được, Huệ Công năm thứ 30, Tấn Phan Phù giết Chiêu Hầu mà đón Hoàn Thúc. Việc không thành. Người Tấn mới lập Hiếu Hầu. Lỗ Huệ Công năm thứ 45, Khúc Ốc Trang Bá đánh nước Dục giết Hiếu Hầu. Người Dục lập em Hiếu là Ngạc Hầu. Ngạc Hầu, sinh Ai Hầu, Ai Hầu xâm chiếm ruộng xứ Hình Đình. Hình Đình là Nam Bi giúp Khúc Ốc đánh nước Dục (Điều, đất nước Tấn, Thiến Mâu nay còn tên đất ở huyện Giới Hưu xứ Tây Hà. Hình Đình là ấp Nam Bi nước Dục).

Cốc - Hoàn Công không hội mà chép là về. Là tự xa về.

Xét - Trư về tất cáo miếu. Sử chép là “chỉ”, là làm lễ cáo miếu. Nếu không cáo miếu thì không có chép. Không số rất rõ ràng. Mọi người bàn giải đều phân vân, hoặc bảo là ở xa về, hoặc bảo là ở lâu mới về, hoặc cho là nguy, hoặc cho là may, toàn là cứ hay xuyên tạc.

Nam Nhâm **Thân**, Hoàn vương năm thứ 11.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tô Hy năm thứ 22, Tần Ai năm thứ 9. Vệ Tuyên năm thứ 10. Sai Hoàn năm thứ 6. Trịnh Trang năm thứ 35. Tào Hoàn năm thứ 48. Trần Hoàn năm thứ 36. Kỳ Vũ năm thứ 42. Tống Trang Công Phung năm đầu. Tấn Ninh năm thứ 7. Sở Vũ năm 32.

春正月

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN THÁNG GIÊNG

Phụ Lục Tả Truyện - Mùa xuân, Khúc Ốc Vũ Công, đánh nước Đức, nghỉ quân ở Hình Đình, Hàn Văn đi đầu. Lương Hoànhim Hữu quân. Duyệt Đức Hầu ở đất Phần Thấp. Ngựa tham vương, phải dừng lại. Duyệt Đức Hầu bị bắt, cùng với Cung Thúc đất Loan. Phần Thấp, đất gần sông Phần, Sông bắt đầu từ Thái Nguyên, huyện Phần Đường đến đất Phần Am xứ Hà Đông thì chảy vào sông Hà Loan là đất nước Tần, đại phu Tần có ấn phong.

Lý Liêm - Xét Lỗ Hoàn Công năm đầu, các năm thứ 2, thứ 10, thứ 18, còn có chép chữ vương. Triệu Thị cho là người thời sau lắm. Nói là sai. Lại đến lời chú của Cốc Lương thấy năm thứ 2, chép chữ vương cho là chính, cho là khen, cái chết của Dữ Di, rồi phụ hội, cho là năm thứ 10, cũng là chính, là khen,

cái chết của Chung Sinh, thế tức là Cốc Lương không biết chính cái nghĩa thí nghiệm. Chữ của Công Dương ở năm thứ 10 thứ 18, chép chữ vương thì còn nghe được. Nhưng ở năm đầu cho rằng Hoàn Công lúc đó chưa dám có ý vô vương đến năm thứ ba mới hình rõ cái tội vô vương, thế lại là xuyên tạc quá lắm. Cho nên chỉ có Hồ Thị theo Trình Tử cùng xét lệ của Phạm Thị, thì Xuân Thu, việc vô vương, gồm có 108 việc. Hoàn Công Vô Vương thấy rõ ở chỗ không tuân vương pháp. Bọn chư hầu khác vô vương thì không chép chữ giềng (tháng giềng) và chữ vương. Tuyên Công cũng là hạng cướp ngôi, thế mà không bỏ, ý là tội có nặng, có nhẹ, mà chép có khác nhau.

公會齊侯于贏

CÔNG HỘI TÊ HẦU VU DOANH
CÔNG HỘI TÊ HẦU TẠI ĐẤT DOANH

Tả - Hội ở đất Doanh, ấp ở nước Tê, là để thành hôn ở nước Tê.

Xét - Hội ấy, nước ngoài chép. Chép hội chứ không chép chữ cùng (cùng Tê Hầu Hội), nên cho thuyết Trương Hiệp là chính đáng, vì nước Lỗ sợ bị đánh. Kết đảng với người ác là tội nước Tê. Ý của Kinh là ghét Tê, cho nên chỉ chép là hội.

夏齊侯衛侯胥命于蒲

HẠ, TÊ HẦU, VỆ HẦU, TƯ MỆNH VU BỒ
MÙA HẠ, TÊ HẦU, VỆ HẦU TƯ MỆNH TẠI ĐẤT BỒ

Tả - Không có thể.

Công - Tư mệnh là gì? Là sắp ra mệnh, tức là gần đến chỗ chính đáng. Thời cổ không phải thế, chỉ giao kết với nhau bằng lời, rồi rút lui.

Cốc - Chữ tư, cùng như chữ tương là cùng, là cùng nói với nhau, báo nhau, mà rồi hiểu, tin nhau, cùng nhau kính cần rồi về. Thế là được gần cổ nhân. Tất có một trong hai người nói

lên trước. Đây chép cùng nhau nói, nghĩa là không phải Tề Hầu mệnh cho Vệ Hầu.

Ngũ Loại - Trong sách Ngũ Loại, Chu Tử hỏi Trương Hiệp: Thường thường lấy lý lẽ gì mà trong hội gọi là tư mệnh. Đáp: Thường xét, thì thấy nên theo thuyết của Lưu Thị Độc, Từ khi mệnh Thiên Tử, không thì hành được, thì chư hầu tiếm quyền, dần dần như leo thang, nhưng cũng tùy ở thế lực hơn kém mới tiếm, có công bố ra mới thành tiếm. Tề, Vệ đương thời, có thế ngang nhau, nên Tề Hi Công tự cho mình là Tiểu Bá, mà cả hai bên lấy việc Bá nói với nhau, để được thỏa ý muốn riêng. Lâu ngày, lực sẽ không ngang nhau nữa. Cũng vì thế, từ Hoàn xưng Bá cho đến thời chiến quốc, chư hầu mới có ý xưng vương. Không dám riêng một mình xưng vương trong nước, tất phải chọn một nước sức ngang mình, rồi hẹn nhau cùng xưng y như Ngụy và Tề, hội nhau ở Trọc Trạch để cùng xưng vương. Rồi sau, bảy nước đều xưng vương. Người Tần nghĩ mình hơn nước khác, thế là sai sứ bàn với Tề hẹn cùng xưng Đế. Từ tương mệnh cho đến tương vương, từ tương vương cho đến tương Đế, tiếm quyền cứ thêm dần. Thế tất phải như thế, há chẳng là chứng cứ rõ ràng hay sao? Hỏi: Thế thì Tả Truyện cho là chuyện Tư Mệnh ở đất Bồ là thế nào? Đáp: Đó là đem việc Thiên Tử mà nhường nhau. Nói: Thuyết nghe ra có lý.

Xét - Công Thị, Cốc Thị đều cho việc tư mệnh là hay. Trình Tử cũng theo, Hồ Truyền cũng theo. Vì so với việc hội thể luân thì chỉ gây thành loạn to, mà đây thì đã gần được đạo xưa. Trương Hiệp theo thuyết Lưu Suông, thì bảo là hai bên Tề, Vệ, tương mệnh để thỏa ý muốn riêng, mà nói hằn là tiếm quyền quá. Chu Tử lại cho Trương Hiệp có lý. Vậy chép cả các lời bàn đó.

六月公會杞侯于成

LỤC NGUYỆT CÔNG HỘI KỶ HẦU VU THÀNH

THÁNG 6, CÔNG HỘI KỶ HẦU TẠI ĐẤT THÀNH

Công Thị chép chữ 紀 và chữ thịnh 盛.

Tả - Công hội Kỷ Hầu ở đất Thành, là vì Kỷ muốn xin hòa.

Xét - Tả Thị Cốc Thị đều viết là 紀. Riêng Công Dương viết

紀 Trình Tử cho Kỳ xưng Hầu là 紀 nên cho Công Dương là đúng. Xét, Tề và Lỗ đương hòa, mục, nước Kỳ 杞 và nước 成 đều sợ Tề, nên hội lớn với Lỗ để cầu được che chở. Vậy thuyết của Cao Thảng nghe được.

秋七月壬辰朔日有食之既

THU THẮT NGUYỆT NHÂM THÌN, SỐC.

NHẬT HỮU THỰC CHI KÝ

**MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM THÌN, NGÀY SỐC,
HẾT NHẬT THỰC**

Công - Kỳ (nhật thực chi ký) nghĩa là hết.

Cốc - Chép ngày. Chép ngày sóc, nghĩa là nhật thực vào chính sóc, Kỳ là hết. Đã chép nhật thực. Lại thêm chữ hết cho rõ.

Xét - Hô Truyền nhận thấy Cốc Lương không chép ngày sóc cho là nhật thực về đêm, đến buổi sớm mới biết. Bảo thế là không phải. Đã thấy mặt trời khuyết thì thời giờ có thể xác định được và chép ngày, chép sóc vẫn cứ được. Ví dụ nhật thực vào khoảng giữa giờ Hợi, Tí (nửa đêm) thì chưa lên khỏi đất đã sáng nguyên thì buổi sớm đầu thấy có khuyết. Và lại, nhật thực thì không coi về đêm, cũng như nguyệt thực không coi về ngày. Cho nên Đường Nhất Hành làm lịch, truy cứu hơn nghìn năm về trước, nhật thực cứ về ngày. Còn như nguyệt thực thì về đêm.

公子翬如齊逆女

CÔNG TỬ HUY NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ

CÔNG TỬ HUY SANG TỀ ĐÓN TỀ NỮ

Tả - Mùa thu, Công tử Huy sang Tề đón Tề nữ, để cho trọn việc giao hiếu của vua trước. Cho nên chép là Công tử.

Cốc - Đón Tề Nữ là việc nghênh hôn. Sai đại phu đi là không chính lễ.

Phạm Ninh - Huy được gọi là Công tử thì Hoàn Công không thể cho là người có lỗi.

Lưu Sưởng - Ta Thị giảng là làm trọn việc giao hiếu của vua trước, mới chép là Công tử. Giảng thế không phải trong Xuân Thu, nhiều người được chép là Công tử, mà không phải cứ làm trọn tình giao hiếu với vua trước. Nếu cứ phải là lễ ấy mới chép là Công tử, thì việc Huy suất sư cũng là việc chính, chứ không phải bỏ họ là chê ghét hay sao.

Xét - Việc Lý Tu nước Kỳ tới đón Lễ nữ, Trình Tử bảo rằng lễ thân nghênh thì ở nơi quán xá, chứ đâu có phải đi xa ra ngoài trước, để đón vợ. Trương Hiệp cho là đúng. Tuân cho là phải. Cho nên nam đó, Công tử Huy sang Tề đón Tề Nữ. Phàm các thuyết lay việc không thân nghênh là chê trách các thuyết ấy đều tước bỏ đi.

九月齊侯送姜氏于謹

CỬU NGUYỆT TỀ HẦU TỐNG

KHƯƠNG THỊ VU HOAN

**THÁNG 9, TỀ HẦU ĐƯA KHƯƠNG THỊ TỚI
ĐẤT HOAN HOAN, ĐẤT NƯỚC LỖ**

Ta - Tề Hầu đưa Khương Thị là trái lễ. Phàm Công nữ gả chồng sang nước khác, nếu ngôi thứ là chị em thì có Thượng Khanh đưa đi, tức là có lễ với vua trước. Nếu ngôi thứ là con, thì một vị hạ Khanh đưa đi. Hàng Công thì Công không tự đưa đi, ở hàng nước nhỏ thì thượng đại phụ đưa đi.

Công - Sao lại chép. Chép là chê. Vua chư hầu tự đưa ra khỏi nước là phi lễ. Thế tức là vào nước người ta. Sao không gọi là Phu nhân. Vì là ta nói đến Tề. Cha mẹ đối với con, dù con có làm Phu nhân nước láng giềng thì vẫn cứ gọi là Ngô Khương Thị.

Cốc - Theo lễ, đưa con, bố không xuống dưới thêm, mẹ không rời khỏi cửa miếu, các anh em không ra khỏi cửa khuyết. Bố răn rằng: Phải cẩn thận nghe lời bố chồng. Mẹ răn rằng: Phải cẩn thận nghe lời mẹ chồng. Các mẹ khác (bà phi) dặn thêm, cẩn thận theo lời cha mẹ. Đưa con ra khỏi cõi là phi lễ.

Lưu Sưởng - Thế là vào nước người. Sao không gọi là Phu nhân. Là vì chưa lễ miếu chưa gọi là vào nước được.

公會齊侯于謹

CÔNG HỘI TÊ HẦU VU HOAN

CÔNG HỘI TÊ HẦU Ở ĐẤT HOAN

Cốc - Không chê là vì đúng lễ. Tê Hầu tới Công đón để hội. Thế là phải.

Trình Tử - Tê Hầu đưa Tê Nữ ra khỏi côi. Công thì đi xa để hội. Cả hai đều trái lễ.

Hồ Thuyền - Nếu Công đi đón vợ, thì nói là đi đón vợ chứ không nói đi hội với Tê Hầu. Đây thực là đi hội với Tê Hầu rồi nhân tiện đi đón vợ.

夫人姜氏至自齊

PHU NHÂN KHƯƠNG CHỈ TỰ TÊ

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ TỰ TÊ TỚI

Công - Huy sao không thấy nói đến. Vì đã gặp Công rồi.

Cốc - Không nói Huy cùng tới. Vì Công đã tự đi để nhận nơi Tê Hầu rồi. Tử Cống nói: Mão, áo, lễ nghi mà thân nghinh, có quá trọng thể không. Khổng Tử nói: Hợp hai họ để thành kết hiếu, và lo việc nối dõi muôn đời, sao lại cho là quá trọng thể.

冬齊侯使其弟年來聘

ĐÔNG, TÊ HẦU SỬ KỲ ĐỆ NIÊN, LAI SINH

MÙA ĐÔNG, TÊ HẦU SAI EM LÀ NIÊN TỚI SINH

(THẨM VIẾNG)

Tả - Tê Trọng Niên, mùa đông, lai sinh, là để tới phu nhân.

Khổng Đình Đạt - Kinh chép là sinh, Truyện chép là tới Phu nhân. Thế là làm lễ sinh mà tới phu nhân.

有年

HỮU NIÊN

NĂM ĐƯỢC MÙA

Phụ lục Tả Truyện - Mẹ Nhuế Bá Vạn là Nhuế Bá Khương, ghét con có lăm sủng ái, mới đuổi ra ở đất Ngụy. Nhuế là một nước ở huyện Lâm Tấn xứ Phùng Dục. Ngụy là một nước ở huyện Hà Bắc xứ Hà Đông.

Công - Năm được mùa, hay được mùa to, là có chép, vì là việc mừng. Được mùa là sẽ được mùa. Được mùa to là năm ấy đầy đủ. Sẽ được là mong trước.

Cốc - Năm giống lúa đều chín là được mùa.

Hồ Truyện - Trong sử cũ, diễm hay, diễm dở, đều ghi, cho nên được mùa, hay được mùa to, đều ghi trong Kinh. Nếu sử cũ không ghi, thì thánh nhân, biết đâu mà thêm vào.

Tuy nhiên 12 đời Công, kể đã nhiều năm, chuộng việc nông, trọng hạt thóc, mong mưa thì cũng chép mưa, há lại không có các năm khác được mùa, sao Kinh không chép? Đó là ở đời các Công khác thì trong Ni san bỏ, chỉ có Hoàn Công được mùa, Tuyên Công được mùa to là chép, chứ không san bỏ. Vì rằng hai Công đó, tội đã to, đáng bị trời phạt tai nạn, hạn hán, nay lại được mùa thế là trái thường. Cho nên coi là việc lạ mà chép. Thế thì đạo trời cũng có tiếm chẳng. Hoàn Công, Tuyên Công, ở ngôi được 18 năm, chỉ có hai lần chép là được mùa, vậy các năm khác ta biết là bị đổi. Thế là lẽ trời vẫn không sai. Đó là một việc. Nếu không đọc Xuân Thu, thì cho là diễm lành. Người quân tử đọc thì mới nhận thấy là diễm lạ. Đó là thánh nhân, nhân sử nước Lỗ, nhân văn cũ của sử, mà lập ra phép để hưng khởi vương đạo. Cho nên văn sử viết ra như vẽ, văn Kinh như là tay thợ. Cứ coi Kinh thì biết nếu không phải thánh nhân, ai là san sửa được. Xem kỹ (được mùa, được mùa to), bọn tiên nho bàn về Kinh, phần nhiều cho là loại diễm lành. Đến Trình Tử phát minh ra ý chủ yếu, bấy giờ mới hiểu là ghi việc lạ. Nhờ cùng ý được thấy rõ ràng.

Hà Hưu - Hành động của Hoàn Công, mọi chư hầu đều nên trách phạt, nhân dân nên bỏ đi dần, thế mà nhờ được ngũ cốc

phong dăng, lại ở yên vui được trên đất cù thế là đáng mừng mà chép rõ là vì dân vì nước, vậy cần phải chép việc được nữa.

Trịnh Tử - Chép được mùa là chép một việc lạ. Ở dưới việc người thuận, thì ở trên khí trời hòa. Hoàn Công giết vua để lên ngôi, là loạn nhân luân. Trời đất vì thế mà trái tiết sinh hạn hán, tai họa là phải lắm. Nay lại được mùa, thế là nên chép. Tuyên Công thì được kẻ giết vua lập lên ngôi, cái bậy có kém một phần, cho nên chỉ ghi chép năm được mùa to là một việc lạ.

Xét - Gia Quỳ nói: Chép được mùa không phải là nên được mùa. Trịnh Tử theo đó, rồi Hồ Truyên cũng bàn như thế cho là chính đáng. Hoặc có kẻ nghĩ rằng, vua bậy thành ra ghét cả dân, đó không phải bản ý thánh nhân chép Kinh. Họ Trình, họ Hồ trong hai Truyện cũng có nói vì vua bậy nên sinh tai họa cho dân phải chịu đựng, cho nên trong hai năm dân được mùa là một chuyện lạ. Vậy Trình và Hồ cùng một ý với Công Dương. Coi đến lời bàn của Hà Hưu thì cũng không thấy trái nhau.

Năm Quý Dậu, Hoàn Vương năm thứ 12.

四年

TỬ NIÊN NĂM THỨ TƯ

Tô Hy năm thứ 23. Tấn Tiêu Tử Hạo năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 11. Sái Hoàn năm thứ 7. Trịnh Trang năm thứ 36. Tào Hoàn năm thứ 49. Trần Hoàn năm thứ 37. Kỷ Vũ năm 43. Tống Trung năm thứ 2. Tấn Ninh năm thứ 8. Sở Vũ năm thứ 33.

四年春正月公狩于郎

XUÂN CHÍNH NGUYỆT, CÔNG THÚ VU LANG MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, CÔNG ĐI SĂN Ở ĐẤT LANG

Tả - Chép mùa là theo lễ.

Công - Thù là gì? Là săn. Săn mùa xuân là điền, mùa hạ là miêu, mùa thu là sưu, mùa đông là thú. Đây là chép chê. Chê

vì đi xa. Chư hầu sao cứ phải diễn thú. Một là có đồ cúng tế. Hai là có vật dụng về ngoại giao. Ba là du cung cấp việc ăn uống nhà vua.

Cốc - Bốn mùa có diễn thú, là vì việc tôn miếu. Xuân gọi là diễn, hạ là miếu, thu là sưu, đông là thú. Bốn mùa thì sẵn có ba mùa. Một là vì cúng tế, hai là vì giao tế, ba là vì cung cấp bếp nhà vua.

Đỗ Dự - Săn mùa đông gọi thú. Làm lễ tam khu. Được thời diễn thú. Cho nên chép là đúng lễ. Vì sao? Vì xuân nhà Chu, tức là đông nhà Hạ. Diễn thú là theo nhà Hạ. Lang không phải là đất săn trong nước cho nên chép tên đất.

Lý Liêm - Săn trong bốn mùa có tên: Xuân sưu, Hạ miếu, thu tiền đông thú, có chép trong Chu lễ. Tả Thị khi thuật lại lời Tang Hy Bá đúng thế. Riêng Cốc Thị Công Thị thì lại không hợp. Cốc sơ nói: Văn Ta Thị là theo danh từ Chu Công chế lễ. Còn Văn hủ Truyện, hoặc giả, Xuân thu lấy phép của thời khác, hoặc phép của Thiên Tử cùng Chư hầu đương thời. Kinh diễn bị mất mát, không tìm đâu ra chính. Vậy Hồ Thị mà căn cứ vào Chu Lễ là phải. Xuân Thu chép việc săn bốn lần: săn ở Lang thu chê là đi xa. Săn ở Chuốc thì chê là gần nước thù. Săn ở Hà Dương thì Hà Dương không phải chỗ săn, thực chỉ là tránh tiếng mời Thiên Tử. Sau hết, Tây thu vốn là việc thường, thực chỉ là dò ghi một điểm phi thường. Vậy mỗi việc có một ý nghĩa.

Trác Nhĩ Khang - Việc săn trong bốn mùa chỉ ghi sưu thú. Kinh không chép nhiều sưu thú, vì khi chép là có cố. Từ Văn Công về sau, bốn Công đều không chép, vì đại phu cầm quyền trị nước, Công không còn biết quân chính. Mùa được hay không, không đáng bàn nữa. Từ năm thứ 8 Chiêu Công lại chép. Thời đó, ba nhà chia nước Lỗ cầm quyền. Mượn lễ xuân sưu để điều vũ dương uy, đối với việc săn không phải thời, không đúng đất săn, không giống nhau, cho nên chép cả để rõ thời biến.

夏天王使宰渠伯糾來聘

HẠ, THIÊN VƯƠNG SỬ TẾ CỬ BÁ CỬ LAI SINH

MÙA HẠ THIÊN TỬ SAI QUAN CHÚC CỬ BÁ
TÊN LÀ CỬ LAI SINH

Tả - Chu Tế, Cử Bá tên là Cử, tới Sinh. Còn bố nên gọi tên con.

Phụ lục Tả Truyện - Quân Tần, mùa thu, xâm nước Nhue, Nhue thua. Nhue nước nhỏ. Mùa đông, quân Thiên Tử, quân Tần, vây nước Ngụy bắt Nhue Bá đem về. Thế phả Tần có chép: Tần là tên Lũng Tây Cốc. Từ Quảng nói: Ở huyện Lũng Tây đất Thiên Thủy còn Tần Đình. Ở đất Tần Châu, huyện Thanh Thủy, phủ Cung Xương còn thành Tần cũ. Theo sử ký, tổ nhà Tần là Bạ Ê, giúp vua Hạ Vũ về việc trị thủy được ban họ Doanh. Sau cô Đại Lạc sinh ra Phi Tử, thời Chu Hiếu Vương có làm chức Chu Mã ở khoảng sông Nghiên, sông Vị, được phong đất làm nước phụ dung tức là ấp Tần.

Công - Quan Cử Bá là đại phu của Thiên Tử. Gọi hần như thế là vì chức quan nhỏ.

Đỗ Dự - Quốc sử mà chép năm để ghi hết các việc của Lỗ Công. Đầu mùa có chép tháng, cho đủ các mùa trong năm, cho nên Kinh Xuân Thu có khi chép mùa, mà mùa ấy chả có việc gì. Đây không thấy các tháng đầu mùa thu, mùa đông, là có khuyết, có thiếu sót trong sử. Các chỗ khác đều thế.

Lưu Sưởng - 1) Tế, là quan, quan của Thiên Tử, chức quan đã là của Thiên tử, thì thiên hạ đều biết. Cử Bá là gì? Là tước. Cử là tên. Đại phu của Thiên Tử thì không gọi tên. Đây viết tên là ý chê. Chê vì trong nước, thì hoàn giết vua, nước ngoài thì giúp loạn tặc thành công, rồi lại không chịu mệnh Thiên Tử. Thiên Tử không trị được, mà còn giao hiếu, thế là nâng đỡ việc loạn. Vây chê nhiều. 2) Tả Thị bảo, cha còn nên gọi tên con, bảo thế là sai. Vũ Tử tới xin đồ phúng, chép là thay cha là Vũ Thúc, tới cầu xin, lại chép là con còn nhỏ, Cử thì tự nhieếp vị của cha, tự lấy chức quan, đáng lẽ phải chê nhiều hơn Vũ Thị không chỉ lấy cách "cha còn, gọi tên con", mà bàn. Bỏ điều lớn, trách điều nhỏ, không phải là ý Xuân Thu. 3) Công Dương cho

là hạng Hạ Đại phu, cứ theo chức quan, họ, tên, và tự. Bàn thế là sai. Lý đã không được chép tên, mà lại chép tự, lỗi văn Trọng Ni đâu lại viết vòng thế. 4). Lại còn Hà Hưu cho rằng, trong năm bỏ hai mùa không chép là có ý chê Thiên Tử giao hiếu với kẻ dưới. Bàn thế là sai. Sử có chỗ khuyết, bỏ sót ngày tháng. Trọng Ni không tự ý thêm vào. Ngày tháng, đâu có đủ thấy nghĩa, mà thêm vào thì mất tin, nên không thêm.

Xét - Không chép thu và đông, Trình Tử cho là Thiên Tử mất quyền hình phạt. Thuyết đó vốn từ Hà Hưu. Không bằng thuyết của họ Đỗ cho là Sử chép thiếu sót, thuyết ấy mới chính. Cho nên Lưu Suồng và Chu Tử đều theo. Ông Khắc Khoan nhặt hết trong Kinh những chỗ thiếu sót đến thân mình thuyết Trình Tử, nhưng vẫn không có chỗ căn cứ.

Năm Giáp Tuất. Hoàn Vương năm thứ 13.

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tề Hy năm thứ 24. Tấn Tiêu Tử năm thứ 2. Vệ Tuyên năm thứ 12. Sái Hoàn năm thứ 8. Trịnh Trang năm thứ 37. Tào Hoàn năm thứ 50. Trần Hoàn năm thứ 38. Kỷ Vũ năm thứ 44. Tống Trang năm thứ 3. Tần Ninh năm thứ 9. Sở Vũ năm thứ 34.

春正月甲戌己丑陳侯鮑卒

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT, TRẦN HẦU BÀO TỐT

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG NGÀY GIÁP TUẤT

NGÀY KỶ SỬU, TRẦN HẦU TÊN LÀ BÀO MẤT

Tả - Năm thứ 5, tháng giêng, ngày Giáp Tuất, ngày Kỷ Sửu, Trần Hầu Bào mất, hai lần cáo phó. Thế là Trần loạn. Con Văn Công tên là Đà giết Thế Tử Miễn, rồi thay thế. Trần Công đương bệnh thì loạn sinh. Người trong nước chia rẽ, tán loạn, cho nên hai lần cáo phó.

Công - Sao lại chép hai ngày chết. Thế là vợ vẫn. Ngày Giáp Tuất là ngày ra đi. Chết rồi ngày Kỷ Sửu mới biết. Người quân tử lấy làm ngờ cho nên chép hai ngày.

Cốc - Báo chết, sao lại chép hai ngày. Dựa vào nghĩa Kinh Xuân Thu: Tin để truyền tin, ngờ để truyền ngờ. Trần Hầu ngày Giáp Tuất ra đi, ngày Kỷ Sửu mới thấy đưa về. Vậy không biết chết ngày nào, cho nên lấy hai ngày trước và sau lúc chết.

Trình Tử - Dưới chữ Giáp Tuất, chắc có chữ sót, khuyết.

Lý Liêm - Ba truyện đều không khảo cứu được ý nghĩa chỗ thiếu sót. Công Dương thì báo là vợ vẫn. Ngày Giáp Tuất thì đi mất, ngày Kỷ Sửu thì thấy chết, quân tử lấy làm ngờ. Cốc Lương thì cho rằng: Trần Hầu đi ngày Giáp Tuất, về ngày Kỷ Sửu, không biết chết ngày nào, vậy lấy cả hai ngày quanh ngày chết. Ta Thị thì cho là hai lần cáo phó. Sai lắm đến thế là cùng.

夏齊侯鄭伯如紀

HẠ, TÊ HẦU TRỊNH BÁ NHƯ KỶ MÙA HẠ TÊ HẦU, TRỊNH BÁ SANG NƯỚC KỶ.

Tả - Tê Hầu, Trịnh Bá, châu nước Kỷ, muốn cùng đánh úp nước Kỷ. Người Kỷ biết.

Công - Nước ngoài ngoại giao không chép. Sao đây lại chép. Có hai nước thì không chép là hội hợp.

Lưu Sưởng - Công Dương nói thế là không phải. Kinh Xuân Thu mà chép hội thế là dễ chê, dễ răn chư hầu, chứ không phải khen việc quân tụ, mà chê Lý Hội (ly hội là hội hai bên, thấy tất bên nói trắng, bên nói đen, không thể đồng ý, vậy không phải là hội hợp). Tại sao không nên chép ly hội mà đổi là "sang", (sang nước Kỷ), đổi cho loạn cả sự thực đi, việc thực đi.

Lý Liêm - Việc nước ngoài, ngoại giao như lệ có hai: Châu Công sang Tào vì tới Lỗ cho nên chép. Tê, Trịnh, sang Kỷ, vì người Kỷ tới cáo, cho nên chép. Đó là điều lệ phi thường. Công Dương cứ thẳng, cho là ly hội mà không chép hội. Cốc Lương thì cho là qua nước Lỗ ta mà chép. Các lời bàn đó đều kém xa lời bàn của Ta Thị.

天王使仍叔之子來聘

THIÊN VƯƠNG SỬ NHƯNG THỨC

CHI TỬ LAI SÍNH

THIÊN TỬ SAI CON NHƯNG THỨC TỚI SÍNH

CỐC THỊ VIẾT CHỮ 仍 RA

Tả - Con Nhưng Thức còn bé, dưới hai mươi tuổi.

Công - Con Nhưng Thức là đại phu của Thiên Tử. Gọi là con Nhưng Thức là có ý chê. Chê là cha già, con thay cha làm quan.

Cốc - Con Nhiệm Thức. Chép bố mà sai con, thế là coi nhỏ việc vua tôi mà để ý đến việc cha con. Bất chính ở chỗ cho con thay cha làm việc quan.

Hồ Truyền - Chép là con Nhưng Thức là chê lối nối nhau, làm quan, chứ không được tuyển làm quan theo phép công. Để vương không lấy tình riêng mà hại đến việc công, cho nên quan chi có thể lộc, là lộc đời con cháu vẫn được hưởng, chứ không có thể quan, là chức quan truyền cho con cháu. Nếu giao nhiệm vụ không kén hiền, sai làm việc không kén tài, con em các quan Khanh, Đại Phu, cho nối chức cha anh mà được dùng, thế không phải là được tuyển theo phép công. Chính trị do đó mà đổi bại. Thời trước có hạng điều vị cạnh Sần, đi câu ở sông Vị, đi cày ở ruộng Sần mà được nhắc lên chức Tướng Quốc thiên hạ không ai cho là không phải. Y Doãn đại hiền, chấp tướng triều chính, dinh công tài lược, chấp tướng binh quyền, không vì thời chiến mà bị dị nghị Cồn đã bị tội, con lại được làm Tư Không. Sái Túc đã bị tù, Sái Trọng được làm Khanh sĩ, đều không phải vì bố mà con bị bỏ không được dùng. Đó là theo lẽ công. Đến khi Chu suy, quan tước triều đình được coi là của riêng, bề dằng chia nhau chức vụ, chia cho cả đến con nít. Người hiền phai về lánh nơi thảo dã đến già không được dùng, phép công không được thi hành, thế là quốc gia nghiêng đổ. Dù cho có hạng có trí, cũng không sửa xấu thành tốt được nữa. Kinh Xuân Thu mà chép họ Vũ con Nhưng Thức là để răn vua chúa đời sau, đừng có nghe bọn gian thần đi công vi tư, đem con nít, con em mình ra làm quan, không theo lối kén chọn công, để cho quốc gia sinh bại hoại.

Uông Khắc Khoan - Trong bài tựa Thi Văn Hán, có đoạn: Nhưng Thúc cứ khen Tuyên Vương, thì biết rằng cha con nối nhau làm quan. Công Thị, Cốc Thị đều bảo cha già, cho con thay làm quan. Trình Tử thì bảo cha được lệnh đi lại sai con đi thay. Nay xét sự thật thì không có mệnh Thiên Tử, đâu có dám sai con mình thay mình đến sinh nước Lỗ.

Xét - Tả Thị cho là còn bé. Công Thị, Cốc Thị cho là cha già, con thay làm quan. Hồ Truyên thì chê bốn cha con nối nhau làm quan, tất cả ý nghĩa đều như nhau. Trình Tử bảo là Nhưng Thúc được mệnh đi, nhưng lại sai con đi thay, thế thì sao xưng được là sứ của Thiên Tử, Uông Khắc Khoan bác lời bàn ấy đi là phải.

葬陳桓公

**TÁNG TRẦN HOÀN CÔNG
LỄ TÁNG TRẦN HOÀN CÔNG**

成祝邱

THÀNH CHÚC KHU
ĐÁP THÀNH CHÚC KHU (ở đất Lỗ)

Đỗ Dự - Nguyên nhân là Tề và Trịnh sắp đánh lên nước Kỳ.

秋蔡人衛人陳人從王伐鄭

**THU, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN,
TRẦN NHÂN TÔNG VƯƠNG PHẠT TRỊNH**
**MÙA THU, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ,
NGƯỜI TRẦN THEO THIÊN TỬ ĐÁNH NƯỚC TRỊNH**

Tả - Thiên Tử cất quyền dự quốc chính của Trịnh Bá. Trịnh Bá thời, không châu. Mùa thu, Thiên Tử đem chư hầu phạt Trịnh. Trịnh Bá đem quân ra chống. Thiên Tử coi Trung quân. Quắc Công Lâm phụ coi Hữu Quân, lấy người Sái, người Vệ phụ thuộc

vào. Chu Công Hắc Kiên coi Tả Quân, lấy quân Trần phụ thuộc vào. Bên Trịnh, Trịnh Tử Nguyên hiến kế: Lấy Tả quân để đương đầu với Sái, Vệ, lấy Hữu quân đương đầu với Trần, và đoán rằng, nước Trần đang loạn quân không có lòng ham chiến, nếu đánh vào Trần trước, Trần tất chạy ngay. Quân Thiên Tử thấy Trần chạy tất sinh loạn. Sái, Vệ không đủ giữ được rồi cũng chạy. Thế rồi Trịnh tự lại, thẳng đánh vào quân nhà vua, tất được. Trịnh Bá theo kế, sai Mạn Bá coi Hữu quân, Sái Trọng Túc coi Tả quân, Nguyên Phồn Cao Cừ Di cùng đi Trang Công coi Trung quân, bày ra thế trận Ngư Lệ (xe đánh trước, đội ngũ đi sau, để bổ túc, thay thế, giúp đỡ chỗ thiếu khuyết). Trận đánh ở đất Nhu Cát. Trang Công bảo hai quân Tả, Hữu, bắn đạn đá, và đánh trống trận. Sái, Vệ, Trần đều tan chạy, thế là quân nhà vua loạn. Quân Trịnh hợp làm một. Quân nhà vua thua to. Chúc Đàm (tướng Trịnh) bắn trúng vào vai vua. Biết là vua dùng binh giỏi, Chúc Đàm đuổi. Trịnh Trang bảo: Người quân tử không nên hơn người quá, chủ động là Thiên Tử, ta đã tự cứu được, xã tắc đã yên vững, thế là được lắm rồi. Đêm hôm ấy, Trịnh Bá sai Sái Túc tới nơi vua vấn an, và thăm viếng các tướng.

Nhu Cát, đất ở nước Trịnh, cũng gọi là Trường Cát.

Công - Chép là theo Thiên Tử phạt Trịnh, chữ theo là chính lễ.

Cốc - Chép (theo Thiên Tử), kiêng nói là tự phạt Trịnh vì Trịnh là nước cùng họ Thiên Tử ở Kỳ Châu. Trịnh không phục tùng bị Thiên Tử ghét.

Lưu Sưởng - Cứ nói thẳng nói là theo vua phạt Trịnh. Lời thuận, việc rõ còn phải giải thích gì nữa. Vả lại, thế nào là kiêng phạt Trịnh?

大雩

ĐẠI VU

LỄ ĐẠI VU

Tả - Mùa thu, lễ cầu đảo. Chép một việc lễ không đúng mùa. Phạm việc tế lễ: đầu xuân thì tế Giao, đầu hạ thì tế Vu, đầu thu thì tế Thương, đầu đông thì tế Chung. Sai mùa cho nên chép.

Công - Lễ đào vũ là mong khỏi hạn. Sao không chép hạn, vì nói đến đào vũ tức là nói đến hạn. Chỉ nói hạn thì không thấy có lễ. Đây là chép một tai họa.

Trình Tử - Vua Thành Vương, vì tôn quý Chu Công, cho nên cho nước Lỗ nhiều lễ trọng, như Giao, Đế, Đại Vu. Đại Vu có nghĩa là cầu lên Thượng Đế, phải có ban nhạc trọng thể. Mọi chư hầu, lễ Vu ở sông núi trong nước mình. Thành Vương cho Lỗ Hầu nhận. Cả hai đều trái lễ, cho nên Khổng Tử nói: Lỗ mà tế Giao, tế Đế là phi lễ. Thế là đạo Chu Công suy. Đại Vu là lễ thường hàng năm, không cần hàng năm phải chép. Đây mà chép là vì không đúng mùa. Gặp đại hạn mà lễ Vu là không phải thời. Chép đây là chép một việc phi lễ, mà cũng là để thấy có đại hạn. Lễ Giao, lễ Đế, cũng nhân có việc mới chép. Khi xưa trong một năm nhiều thứ lễ trời. Như mùa xuân, nhân gieo hạt, mà có lễ kỳ cốc, mùa hạ, sợ hạn hán, mà có lễ đại vu.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu chép lễ Vu 21 lần. Về mùa thu bảy lần bảy là: Hoàn Công năm thứ 4. Thành Công năm thứ 3. Tương Công các năm 5 và 15. Chiêu Công năm thứ 8. Định Công các năm 7 và 15. Chép lễ Vu tháng tám, 4 lần là: Hy Công năm thứ 11. Tương Công năm thứ 28. Chiêu Công năm thứ 3 và năm thứ 24. Chép lễ Vu tháng bảy hai lần là: Chiêu Công năm thứ 2 và năm thứ 15. Chép lễ vu tháng chín bảy lần là: Hy Công năm thứ 13, Tương Công năm thứ 8 và thứ 17. Chiêu Công năm thứ 6 và thứ 16. Định Công năm thứ 1 và thứ 17. Chép lễ Vu mùa đông một lần, là Thành Công năm thứ 7. Xét ra, Tả thị biết là sao Long mọc, thì lễ Vu được chính lúc, cho nên ở trên chép là "lễ Vu năm nay không đúng mùa". Nhưng Tả Thị không biết rằng nhân đại hạn và lễ Vu, chép lễ Vu tức là chép một tai họa. Công Dương thì lấy lễ Đại Vu làm đại hạn. Triệu Tử cho rằng viết chữ Đại Vu ra thiên vu. Thuyết xưa lại cho đại là lễ to, bày thêm nhiều lễ vật. Tất cả đều không biết Đại Vu là tiết. Một năm mà hai lần lễ Vu như Chiêu Công năm thứ 25 và Định Công năm thứ 7 đều đại hạn mà không cảm thông được việc cảnh cáo của trời. Cuối năm tân, lại có lễ Vu, không chép là Đại. Đạm Tử nói: Đó là vì nhân câu trên đã có chữ đại rồi.

Xét - Lấy chữ viên là xa, mà giải thích chữ Vu, vốn tự sách. Không sợ, giả Phục cũng dùng nghĩa ấy. Đỗ Chú thì nói rằng,

muốn vật đổi mùa, viên làm cho ngũ cốc mong mùa, tựa như lấy chữ Vũ giải thích chữ Vu. Chữ viên đầu có ý nghĩa ấy. Sách Nhị Nhâ bảo rằng, Vu là tên lễ, thì chữ hu của Cốc Lương gần đúng. Có nhan giải thích chữ, hoặc xếp theo loại, hoặc căn cứ vào hài thanh. Vu và Vũ gần giống nhau về thanh. Còn hu với viên thì khác hẳn.

冬
東

CHUNG

NẠM SÂU CHUNG

Công Thị viết ra chữ chung.

Công - Chung sao lại chép. Vì là một tai họa.

Cốc - Chung là tai họa. Hai lớn thì hàng tháng. Ít hại thì hàng mùa.

Trình Tử - Đó là giống Hoàng Chung. Đã đại hạn lại có sâu hoòng, không cần phải chép chữ đổi.

Chu Tử - Chung cuộc về loại sâu hoòng: mình dài, sắc xanh, tua dài, chân dài, mỗi lần sinh được 99 con (chín mươi chín).

Xét - Năm nay giống như năm thứ 5. Ấn Công, cũng có sâu keo: Cừ xét về lâu dài, thì mùa dài hơn tháng. Vậy Cốc Lương bàn sai. Nên bỏ.

冬州公如曹

ĐÔNG CHÂU CÔNG NHƯ TÀO

MÙA ĐÔNG, CHÂU CÔNG SANG NƯỚC TÀO

Châu là một nước. Huyện An Khuê, phủ Thanh Châu, thành Thuần Vu là nơi Châu đóng đô. Tào là nước Tào. Huyện Định Đào, xứ Tế Âm, phía Tây Bắc bốn dặm, có thành cũ Định Đào tức là nước Tào. Theo sách Khổng sơ, nước Châu họ Khương, nước Tào tước Bá, họ Cơ dòng dõi con vua Văn Vương là Thúc Chân Đặc.

Tả - Thuần Vu Công sang Tào, đoán là nước mình nguy, không trở về nữa. Thuần Vu là dò của nước Châu. Nay là huyện Thuần

Vu xứ Thành Dương. Tại huyện An Khâu phủ Thành Châu, phía Đông Bắc cách 30 dặm, có thành cũ Thuần Vu.

Công - Nước ngoài đi lại với nhau, vì sao chép? Vì qua nước ta.

Cốc - Nước ngoài đi lại với nhau, vì sao chép. Vì qua nước ta.

Trương Hiệp - Châu xưng là Công, cũng giống Sái Công, chắc là Châu ở trong khu Kỳ (gần đất nhà Chu) ở huyện Châu xứ Hà Nội bây giờ, Tả Thị gọi là Thuần Vu Công Đồ Chú có ghi: Huyện Thuần Vu là đô cũ của Châu. Truyện Chiêu Công năm đầu có nói đến việc xây thành Thuần Vu. Hoặc chép rằng Châu Công không trở về nước Kỳ mới thôn tính lấy Thuần Vu là đô. Chưa biết sách nào chép đúng.

Xét - Tả Thị cho Châu Công là Thuần Vu Công, Trương Hiệp, Triệu Bằng Phi đều cho Châu là một nước trong khu Kỳ tức là gần nhà Chu, cũng như Sái Công. Hai thuyết đều có lý. Nay cùng chép ra đây.

Năm Ất Hợi Hoàn Vương năm thứ 14.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Hy năm thứ 25. Tấn Tiểu Tử năm thứ 3. Vệ Truyền năm thứ 3. Vệ Tuyên năm thứ 13. Sái Hoàn năm thứ 9. Trịnh Trang năm thứ 38. Tào Hoàn năm thứ 51. Trần Lệ Công Diệu năm đầu. Kỳ Vũ năm thứ 45. Tống Trang năm thứ 4. Trần Ninh năm thứ 10. Sở Vũ năm thứ 35.

春正月食來

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT THỰC LAI

MÙA XUÂN, THÁNG "NGƯỜI ẤY" TỐI

Ta - Năm thứ 6. Mùa xuân. Từ Tào lại triều, chép là "người ấy", lại tức là thôi không phục quốc nữa.

Phụ lục Tả Truyện - Sở Vũ Vương cho quân xâm lấn nước Tỳ, lại sai tướng là Vi Chương giả cầu hòa. Quân Sở đóng ở đất Hà, trên nước Tỳ để đợi tin. Nước Tỳ sai Thiếu sư là Đồng Thanh tới, Đẩu Bá Tỷ, quan nước Sở nói với vua Sở rằng ta không được các chư hầu phía Đông sông Hán, sợ ta, chính là vì ta. Nếu ta cứ dần quân, khoe đồ giáp binh, vũ khí của ta, thì họ sợ, họ cùng hợp nhau, rồi cùng mưu với nhau như thế ta khó mà chia rẽ được. Các nước ở Hán Đông, có Tỳ là lớn hơn, Tỳ mà cậy mạnh thì các nước nhỏ sẽ bỏ, như thế sẽ lợi cho Sở ta, Thiếu sư nước Tỳ vốn là con người hay cậy mạnh giỏi. Vậy ta nay dần các quân già yếu ra, để Tỳ càng kiêu, càng cậy thế. Hùng Suất Thả Tỷ nói: Vô ích vì nước Tỳ còn có Quý Lương. Đẩu Bá Tỷ nói: Không sao, rồi sau tất thành, Thiếu Sư vẫn được vua tin dùng. Vua Sở nghe theo, giảm quân đi và mời Thiếu Sư đến coi và nghị hòa. Thiếu sư khi về Tỳ, xin vua cho quân đuổi theo. Vua Tỳ định nghe thì Quý Lương can ngăn và nói: Trời đang giúp Sở, Sở dần bày quân già yếu để dụ ta. Xin chớ vội. Tôi nghe nhỏ mà địch được lớn là vì nhỏ đạo, lớn hoang dâm. Thế nào là có đạo. Là trung với dân, là tín với quỷ thần. Trên chỉ nghĩ lợi cho dân, là trung. Việc thờ tự theo đúng lễ là tín. Nay nước ta, dân thì đói, vua thì phóng túng, Tế tự thì chỉ nói công đức bày đặt. Tôi không biết rồi sẽ ra sao. Vua Tỳ nói: Việc cúng tế, khi nào ta cũng đủ trâu bò, nếp tẻ, béo tốt, ngon lành, sao lại không là tín. Đáp: Dân là chủ của thần. Vì thế thánh nhân xưa, lo xong việc dân, mới lo đến việc thần. Cho nên cúng tế, khi dâng tam sinh, có khấn, béo tốt, khỏe mạnh, là ý nói nhờ có dân được yên ổn làm ăn, mới chăn nuôi được thế, mới gây được giống tốt, lại sanh sản nhiều mới không tật bệnh dịch tễ, mới được đầy đủ không thiếu sót. Khi dâng ngũ cốc trong các đồ tế khí, có khấn: Sạch sẽ, chắc hạt là ý nói dân được làm ăn theo thời tiết, không bị người trên cản trở. Mùa lại được thuận, không trái không mất. Khi dâng rượu thì khấn: Rượu trong ngon tốt, là ý nói người trên kẻ dưới đều có đức không gian dối, rượu mới có hương vị thơm ngát, làm thuận theo mùa, dân đã được dạy dỗ, biết trọng ngũ luân, biết thân cứu tộc, thì mới cảm tới thần. Thế là dân đã hòa hợp, thần lại ban phúc. Vậy động làm là nên việc. Nay dân thì mỗi người một lòng, thần không chủ, còn dựa vào đâu. Vậy xin vua hãy sửa đạo đức, hãy thân với các nước nhỏ, cùng là đồng tông cả, thế thì mới tránh được mọi

sự khó khăn. Vua sợ hãi nghe theo, bắt đầu sửa chính. Sở không dám đánh.

Tùy: huyện Tùy, xứ Nghĩa Dương. Tây Ngụy đặt ra châu Tùy. Theo Không số, nước Tùy họ Cơ không rõ đầu tiên được phong là ai. Hà là đất ở Tùy. Hàn là tên sông.

Công - Người ấy là ai. Chính là Châu Công. Sao lại nói, người ấy ý coi thường, là người nước mình rồi, không phai là khách.

Cốc - Người ấy tới. Chính là Châu Công. Nói người ấy, ý cho là đến nước ta rồi, vậy nói qua loa thôi. Chư hầu khi đi qua nước không có châu.

Trương Hiệp - Thuần Vu Công tự Tào lại châu. Trong Ký Lễ có câu, "Thiên Tử nói, không phải ai đâu, bá phụ ấy tới. Đàng Thành Công năm thứ 2, Thiên Tử nói, cho người tới thăm ta, mà Cùng Bá ấy tới". Nay, xét chép Châu Công, mà gọi là người "ấy" tới, cho là không phục quốc nữa, thì chép sơ lược.

Xét - Ba Truyện đầu cho người ấy là Châu Công, Trình Tư và Hồ Truyện cùng nghi thế. Duy Ba Truyện thì cho người ấy tới là nối vào câu trên. Còn Trình cùng Hồ thì cho rằng người ấy (chứ nhỏ là thực), lại là tên Châu Công. Xét ra, chư hầu còn sống, thì không gọi tên, mất nước rồi mới gọi tên. Trương Hiệp chủ giải Ba Truyện có dẫn chứng chữ người ấy, tới, rất là kỹ. Vậy cả hai thuyết đều chép ra đây.

夏四月公會紀侯于戚

HẠ TỬ NGUYỆT, CÔNG HỘI KỶ HẦU VU THÀNH MÙA HẠ THÁNG TƯ, CÔNG HỘI KỶ HẦU TẠI ĐẤT THÀNH

Chữ 戚 Tả Thị và Công Thị chép ra chữ 戚 là đất ở nước Lỗ, phía Đông Nam huyện Cự Bình xứ Thái Sơn.

Tả - Mùa hạ, hội tại đất Thành, Kỷ tới bàn việc nạn nước Tề.

Phụ lục Tả Truyện - Rợ Bắc Nhung đánh Tề, Tề xin mượn quân ở Trịnh. Trịnh sai Thế Tử Hốt đem quân cứu Tề. Tháng sáu, đại phá quân Nhung bắt được hai tướng nước Đại Lương và nước Thiệu Lương, chém chết ba trăm quân hiến cho Tề. Thế

rồi đại phu các chư hầu tới Tề, Tề mở tiệc. Lỗ cũng dự, Trịnh Hốt cho là có công to, giận Tề, cho nên sau mới có việc Thành Lang (khi chưa kết hôn với Tề). Tề Hầu muốn gả Văn Khương cho Thế Tử Hốt. Hốt từ chối. Người ta hỏi tại sao. Nói: Ai chả có vợ. Nước Tề là nước lớn. Kinh Thi có nói: Tự tìm nhiều phúc là ở như ta, chứ nước lớn có làm hơn được gì. Người quân tử nói, tự mưu lấy điều hay. Đến khi thắng được Nhung rồi, Tề Hầu lại cầu gả con cho, Hốt lại cố từ. Thế Tử có nói: Không có việc gì với Tề, ta còn không dám. Huống nay được vua sai cứu Tề, mà lại lấy vợ đem về thì ra lấy quân nhà vua đi đón vợ hay sao, dân sẽ nghĩ ta ra sao. Thế rồi từ chối cả với Trịnh Bá.

秋八月壬午大

THU BÁT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, ĐẠI DUYỆT **MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY NHÂM NGỌ, ĐẠI DUYỆT BÌNH**

Ta - Cõi xét xe ngựa trận.

Công - Duyệt binh là coi xét xe ngựa và chiến cụ. Sao chép. Vì là việc ít có.

Cốc - Đại duyệt là coi xét chiến cụ, sửa soạn, răn dạy, là đạo trị nước. Thời bình mà nghĩ việc quân là không chính. Chép cả ngày để rõ lòng chuộng võ, và cũng để khoe với vợ.

Hồ Truyền - Đại duyệt là duyệt binh mã. Theo pháp chế nhà Chu, quan Đại Tư Mã, cứ giữa mùa đông là có đại duyệt binh, để tập dân chúng tập phép trận. Riêng về mùa đông, là mùa nông gia không có việc, được nhàn rồi, dân không bị phiền nhiễu. Tháng tám là không dùng thời. Vậy chép để răn. Về trồng, thì Thiên Tử dùng Lộ Cổ (trong Thái Miếu bốn cái ghép làm một, gọi là Lộ Cổ). Chư Hầu thì dùng phần cổ (hai cái ghép làm một). Về cờ, thì Thiên Tử có cờ Thái Thường dàn trước, chư hầu thì có cờ Kỳ. Khi bắt được muông rừng, Thiên Tử thì hạ cờ Tinh lớn xuống, chư hầu thì hạ cờ Tinh nhỏ xuống. Theo lễ, không được giống nhau. Đại duyệt là phi lễ, Tiên Vương đặt việc quan, việc chính, theo bốn mùa sản là dạy cho dân biết phòng bị chống giặc. Vì sợ Trịnh Hốt, vì sợ người Tề, nên không nhân điển thú (sản mùa đông) mà duyệt binh, thật là thất chính, tàn

ngược dân, vậy còn làm sao mà giữ nước được. Xuân Thu không phải chỉ lấy việc làm trái thời mà chê là phi lễ, lại còn ý, trời chưa mưa dầm nay lại bắt bỏ cả việc nông tang, việc làm ăn.

Lục Thuần - Công Dương cho là việc ít xảy ra, nên chép nếu cho là việc phi thường, nên chép nếu cho là việc phi thường, nên chép, thì đâu có phải là ít. Cốc Lương thì cho là duyệt binh để khoe với vợ. Xét ra Kinh không có lời văn ấy chỉ là lời xuyên tạc thôi.

Trình Tử - Đạo trị nước thì việc vũ bị không thể bỏ được, tất cứ phải ở lúc nông tang rồi rảnh, mới tập giảng cho dân biết giữ nước. Đang mùa hạ mà duyệt binh thì hại cho dân biết bao. Dương yên mà sinh việc, vì nghi có giặc mới làm, thế này là dạy cho dân không biết dự phòng. Như thế sao mà giữ nước được.

蔡人撥陳佗

SÁI NHÂN SÁT TRẦN ĐÀ NGƯỜI NƯỚC SÁI GIẾT TRẦN ĐÀ

Công - Trần Đà là vua nước Trần, Sao lại gọi là Trần Đà. Là khinh, vì ham chơi săn bắn ở ngoài nước. Khi săn ở nước Sái, bị người Sái giết đi.

Cốc - Trần Đà là vua nước Trần. Sao gọi là Đà. Là có hạnh kiểm của kẻ thất phu, cho nên gọi tên như thất phu. Đà thích săn. Mê săn ở nước Sái, cùng với người Sái tranh chim muông bắn. Người Sái không biết là vua Trần mới giết đi. Đâu có biết là vua Trần vì hai bên đánh nhau đều không nói, mà đánh nhau ở trên đất Sái.

Triệu Khuông - Đà tức là giặc đã giết Thế Tử Trần. Công Thị, Cốc thị không rõ ý ấy nói lạc đi rằng Trần Đà ham mê săn bắn ở đất Sái. Về tình, lý thì không đúng.

Lục Dạm - Đà đã làm vua được hơn năm mà không gọi là Trần Hậu, vì ghét kẻ làm giặc. Tôi có nghe thầy tôi nói: Tôi giết vua, con giết cha, tha sao được mà không giết. Trần Đà là giặc giết Thế Tử. Sái tuy nước khác, vì nghĩa mà giết, thành ra chính đáng, cho nên được chép là người Sái.

九月丁卯子同生

CỬU NGUYỆT. ĐINH MÃO. TỬ ĐỒNG SINH
THÁNG CHÍNH NGÀY ĐINH MÃO SINH CON LÀ ĐỒNG

Tả - Dùng lễ sinh Thế Tử, tiếp đến lễ Thái Lao. Chọn một viên quan hầu hạ, vợ viên đó nuôi. Công với Văn Khương và các bà mệnh phụ trông nom. Công hỏi Thân Nhu về việc đặt tên. Đáp: Đặt tên có năm lối, có tín, có nghĩa, có tượng (hình), có giả (mượn), có loại. Lấy địa vị gọi là tín. Lấy đức gọi là nghĩa. Lấy ở loại gọi là tượng. Lấy ở vật gọi là giả. Lấy ở cha gọi là loài. Không lấy tên nước, tên quan, tên núi sông, tên tật bệnh, tên súc sinh, tên đồ dùng. Nhà Chu kiêng tên các thần, nếu đặt thì phải bỏ thần. Lấy tên nước thì phải kiêng tên nước. Lấy tên quan thì phải bỏ chức quan. Lấy núi sông thì phải bỏ sơn xuyên thần. Lấy súc sinh thì phải bỏ tế lễ, Lấy đồ dùng thì phải bỏ lễ nghi. Tấn vì tên Hy Hầu mà bỏ chức Tư Đồ. Tống vì tên Vũ Công mà bỏ chức Tư Không, Tiên quân ta, Hiến Vũ phải bỏ tên hai núi. Cho nên, các tên vật quan trọng không nên dùng Công nói. Vậy sinh ra đó với ta, cùng ngày, thì lấy tên là Đồng.

Công - Tử Đồng về sau là Trang Công. Sao lại chép thế. Là vì nay mừng được chính, từ lâu đã mất chính. Dương Tử có nói hay là vì ghét Hoàn chăng.

Cốc - Nghi ngờ cho nên chép cả tháng ngày với người.

Lưu Suồng - Cốc Lương nói thế là không phải. Thánh nhân đâu lại nghi thế. Nếu thánh nhân đã nghi thì còn ai dám không nghi. Và lại Kinh Thi có câu, Triển ngã sinh hề, tin ta cháu ta. Triển là tin. Người hiền giả tin Trang Công là cháu Tề Hầu thì Trọng Ni đâu có nghi rằng tiên quân là con Tề Hầu để cho người đương thời trong nước cũng nghi. Nghi thế thì quá ác, thánh nhân đâu có nêu cái ác ấy.

冬 祀 候 來 朝

ĐÔNG, KỶ HẦU LAI TRIỀU
MÙA ĐÔNG, KỶ HẦU LAI CHÂU

Tả - Mùa đông Kỷ Hầu lại châu. Xin mệnh Thiên Tử để cầu hòa với Tề. Công bao là không thể được.

Đỗ Dự - Kỷ nhỏ bé, không thể tự tới Thiên Tử được, muốn nhờ Công để xin mệnh Thiên Tử. Công thì Thiên Tử không ưa nên bao là không thể được.

Năm Bính Tý - Hoàn Vương năm thứ 15.

七 年

THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tề Hy năm thứ 26. Tấn Tiêu Tử năm thứ 4. Vệ Tuyên năm thứ 14. Sái Hoàn năm thứ 10. Trịnh Trang năm thứ 39. Tào Hoàn năm thứ 52. Trần Lệ năm thứ 2. Kỷ Vũ năm thứ 46. Tống Trang năm thứ 5. Tần Ninh năm thứ 11. Sở Vũ năm thứ 36.

春 二 月 己 亥 焚 咸 邱

XUÂN, NHỊ NGUYỆT KỶ HỢI, PHẢN HÀM KHU
MÙA XUÂN THÁNG 2 NGÀY KỶ HỢI, ĐỐT HÀM KHU

Hàm Khu: đất nước Lỗ.

Công - Đốt là lấy củi lửa đốt. Đây chép là chê việc đốt. Hàm Khu là ấp nước Châu Lâu. Sao lại không nói đến Châu Lâu. Vì Châu Lâu là một nước hiện có vua.

Cốc - Không nói là Châu Hàm Khu, vì ghét việc đốt.

Đỗ Dự - Đốt đây là đốt hết ruộng đất. Chê việc tàn phá cho nên chép.

Lưu Sưởng - Công Dương cho Hàm Khu là ấp nước Châu

Lâu, đương còn vua cho nên không nói đến nước. Đốt là lấy củi lửa đốt. Công Dương nói thế sai Xét Công Dương, phạm Kinh Xuân Thu, chép việc chiếm đất, nước, nếu không liên hệ đến nước mình thì phải trả cho Châu Lâu. Đây việc cũng phải như thế. Lại xét các việc: Người Châu bắt Tắng Tử (tức Tử nước Tắng) định đem về, việc Vệ, Sái, đánh nước Đái việc Trịnh đánh Sái rồi chiếm, mọi việc đều một loại bất nhân như thế cả. Xuân Thu chép rõ, không để cho lời văn làm sai sự thật. Nếu thực là đánh hòa công nước người ta, thì nên chép thẳng là Lỗ đánh và đốt Hàm Khưu mà không nói dùng binh, biết đâu chỉ là việc đốt ruộng mà thôi Lưu Sưởng lại nói, Công Dương bảo không chép là Châu Hàm Khưu, là ghét việc đốt. Thuyết Cốc Lương và thuyết Công Dương gần giống nhau như đã nói ở trên.

Trịnh Tử - Người xưa vì thấy sâu trùng sinh sẵn, mới đốt ruộng, bỏ hoang rậm, để đuổi loài cầm thú, không phải là tàn phá rừng núi. Hàm Khưu là tên đất. Chép rằng đốt Hàm Khưu, đốt hết cả, thì biết là đất rộng lắm.

夏穀伯綏來朝鄧侯吾離來朝

HẠ, CỐC BÁ TUY LAI TRIỀU,

ĐẶNG HẦU NGÔ LY LAI TRIỀU

MÙA HẠ, CỐC BÁ, TUY TỚI CHẤU,

ĐẶNG HẦU, NGÔ LY TỚI CHẤU

Cốc - là nước Cốc, phía Bắc huyện Trúc Dương, xứ Nam Hương. Đặng, huyện Đặng xứ Nghĩa Dương, Khổng sơ chép Đặng là họ Mạnh bị Sở Văn Vương diệt nước. Cốc thì không biết họ gì, mà rồi bị nước nào diệt.

Tả - Năm thứ bảy, xuân, Cốc Bá, Đặng Hầu tới châu. Gọi tên vì nước nhỏ, kém.

Phụ lục Tả Truyện - Xứ Minh Hương, cầu hòa hiếu với Trịnh, xong rồi lại bội ước ngay. Mùa thu, người Trịnh, người Tề, người Vệ, đánh Minh Hương. Thiên Tử di dân Hương đến đất Giáp. Mùa đông, Khúc Ốc Bá dụ Tấn Tiểu Tử Hầu, giết đi. Giáp tức là Vương Thành.

Công - Sao lại chép tên. Vì là vua mất nước. Sao lại gọi là tới châu. Vì đã là bậc quý, thì đối đãi trước sao sau vậy.

Cốc - Sao lại chép tên. Vì là vua mất nước. Mất nước sao lại còn nói là lại châu. Lễ thường chư hầu tiếp nhau, dù mất nước, trước sau không khác nhau.

Đỗ Dự - Không chép là cùng lại châu, vì mỗi người tới mỗi lúc.

Lưu Sưởng - Tả Thị thì bảo rằng biên tên là khinh. Không phải. Trước Hầu, Bá, dẫu có nhỏ. Trước kia. Kỳ Hầu tới châu, tuy không kinh cũng còn không chép tên, mà nước Kỳ có to gì hơn nước Đặng, nước Cốc, sao lại không bị chép tên. Đó không phải là ý Kinh Xuân Thu. Lại tới việc: Kinh thì chép, châu mùa hạ. Truyện thì chép châu mùa xuân, giải thích là đến hạ mới chép việc. Đỗ Dự cho là xuân thì tới, hạ mới có lễ châu, thế là viết đề che dấy chỗ thiếu sót, chứ không phải sự thực như thế. Diệp Mộng Đắc thì bảo rằng Cốc Bá, Đặng Hầu là vua mất nước. Chư Hầu mà trốn chạy tới, thì cứ chép là chạy tới, nếu tới châu thì chép là tới châu. Đã mất nước thì sao lại còn châu được. Vì chức vẫn là vua. Người xưa gọi bọn ấy là Ký Công hay Ngụ Công, cấp cho đất mà không bắt làm tôi.

Triệu Bằng Phi - Thời Xuân Thu, các chư hầu, nhỏ tới châu lớn, là thường. Các nước Đằng, Tiết, Ký, Kỳ, Mâu, Cát, đều là nước nhỏ, khi tới không thấy chép tên. Chư Hầu không chép tên. chỉ khi mất đất mới gọi tên, chết thì phò cáo tên. Cốc và Đặng còn sống mà gọi tên, là đã mất đất vậy. Cốc và Đặng đều ở xứ Nam Dương, bị Sở bức bách xa Kinh sư 800 dặm. Từ Kinh sư tới Lỗ 600 dặm nữa, cộng là 1400 dặm. Trong khoảng đó, có những nước phải đi qua là Sái, Hứa, Trần, Tào, Túc, và Châu. Thế mà tới châu nước Lỗ, thì có ích gì. Tất là vì nước Sở bức hiếp, mất đất mà trốn, chạy qua, lớn, nhỏ bảy nước, không được nước nào dung, là vì cùng sợ nước Sở. Đến nước Lỗ đã xa Sở cho nên được dung. Vì thế châu nước Lỗ, lấy lễ châu mà yết. Vậy chép là châu. Vì mất đất rồi nên chép tên.

Xét - Sách Khúc Lễ nói: Chư hầu mất đất thì chép tên. Cho nên Công thị và Cốc Thị chép tên vua Đặng, vua Cốc, vì đều là vua đất nước. Diệp Mộng Đắc, Triệu Bằng Phi, đều theo nghĩa ấy là nghĩa chính. Tôn Phục, Hồ An Quốc, Trần Phó Lương cho

là bị chê vì cháu Lỗ Hoàn Công, cho thế dường như cũng có lý. Nay chép nguyên các lời bàn. Còn thu hay đông thì không chép vì thiếu sót. Năm thứ tư, Đỗ Dự chú giải thật rõ. Chu Tử thường nhắc tới. Cho nên, hai truyện của Hồ và Trình cùng thuyết của Hà Hưai đều thôi không chép lại đây.

Năm Đinh Sửu Hoàn Vương năm thứ 16.

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tề Hy năm thứ 27. Tấn hầu Mân năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 15. Sái Hoàn năm thứ 11. Trịnh Trang năm thứ 40. Tào Hoàn năm thứ 53. Trần Lệ năm thứ 3. Kỷ Vũ năm thứ 47. Tống Trang năm thứ 6. Tấn Ninh năm thứ 12. Sở Vũ năm thứ 37.

春正月己卯烝

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT, KỶ MÃO, CHUNG

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, NGÀY KỶ MÃO, TẾ CHUNG

Công - Chung là tế mùa đông. Tế mùa xuân gọi là tự, mùa hạ gọi là thuộc, mùa thu gọi là thường. Việc thường vốn không chép. Đây mà chép là chê. Chê vì tế đi, tế lại. Như thế, sinh nhảm, bất kính. Người quân tử mà tế thì tốt ở kính cẩn, chứ không luộm thuộm. Sơ thì sinh nhảm, nhảm sinh quên. Người hay mà chưa khỏi được bốn điều đó thì làm gì cũng trái ngược.

Cốc - Chung về mùa đông. Nay làm về mùa xuân cho nên chép là không đúng mùa.

Hồ Truyện - Chu quan là Đại Tư Mã tế Chung vào giữa mùa đông. Nay Lỗ tế vào xuân, tháng giêng. Sao lại thế. Trong Chu Thư, theo lịch tháng, chép việc chính trị, có các câu. Nhà Hạ được mệnh trời, trăm vua đều theo. Đến nhà Thương, Chu, cách mệnh đổi chính. Mọi việc, không thường đi đôi. Đến như kính cẩn dạy dân, làm ăn theo mùa, như các việc tuần, thú, chưng,

hương, đều tự nhà Hạ. Thế mà đáng nhẽ như nhà Hạ, chức Tu. Mà duyệt binh vào giữa mùa đông, tế Chung thì sau cuộc săn, mới có chim muông, đáng lẽ như thế, thì Lỗ lại tế Chung vào tháng giêng. Vậy rõ là Xuân Thu dùng chính nhà Chu để ghi việc Lỗ. Thêm vào Cốc Lương ghi rằng Chung là việc mùa đông đến xuân mới tế là trái mùa, thế là trái phép nhà Chu. Kinh Xuân Thu không phải thấy trái mùa mà ghi. Ghi là vì hai lần tế Chung, là làm ầm lộn thuộm.

Hà Hữu - Chung nghĩa là chúng, là nhiều. Khi thịnh, đến mùa đông, mọi vật, đã đầy đủ, đồ cúng tiến có nhiều, hương vị cũng đủ nên gọi là Chung.

Đỗ Dự - Đây là tháng thứ hai trong mùa hạ. Không phải vì lỗi mùa mà chép. Chép là vì ở dưới có nói tháng, năm, lại tế Chung. Chép là để chê là luộm thuộm.

Trình Tử - Tế Chung mùa đông không phải là lỗi. Tháng năm, tế lần nữa, mới là rất phi lễ.

天王使家父來聘

THIÊN VƯƠNG SỬ GIA PHỦ LAI SÍNH

THIÊN TỬ SAI GIA PHỦ TÔI SÍNH

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, diệt nước Dục.

Đỗ Dự - Gia Phủ là đại phu của Thiên Tử, họ gia tự là Phủ. Trình Tử nói, Lỗ Hoàn công giết vua mà lên ngôi chưa từng vào chầu Thiên tử mà Thiên tử đã mấy lần sinh, thế là rất thất đạo.

夏五月丁丑烝

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ĐINH SỬ, CHUNG,

MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY ĐINH SỬ, TẾ CHUNG

Phụ lục Tả Truyện - Thiếu sư ở nước Tùy được vua Tùy tin dùng. Dẫu Bá Tỹ nước Sở nói: Được rồi, kẻ thù có chỗ sơ hở, ta dùng để mất cơ hội. Mùa hạ, Sở Tử hợp chư hầu ở Thăm

Lộc, Nước Hoàng và nước Tùy không tới hội. Vua Sở sai Vi Chương trách nước Hoàng, còn Sở Tử thì đi đánh Tùy, quân đóng ở khoảng sông Hán, sông Hoài. Tùy Quý Lương bàn nên cầu hòa, nếu không cho thì sau sẽ đánh, cốt là để cho quân ta tức khí mà quân Sở thì sinh lười nhác. Thiệu sư thì bảo Tùy Hầu rằng: Nên đánh ngay, nếu không, không thắng được quân Sở. Tùy Hầu mới đem quân ra chống. Nhìn quân Sở, Quý Lương bảo Tùy Hầu: Người Sở mạnh ở cánh tả, nhà vua cũng ở Tả, thế là không cùng gặp thế mạnh của Sở Ta. Tả ta công hữu của địch. Hữu không có nguy tốt, tất nhiên thua. Một bên đã thua, toàn quân sẽ theo. Thiệu sư nói: Nếu không đương đầu, không phải là đánh trận, rồi không nghe Quý Lương, đánh nhau ở đất Tốc Kỳ. Quân Tùy tan vỡ. Tùy Hầu chạy. Đầu Đan bắt được quân xa, và thiệu sư. Mùa thu, Tùy với Sở hòa. Sở Tử đáng lẽ không cho, nhưng Đầu Bá Ty báo: Trời đã chữa cho Tùy khỏi tật (Thiệu sư chết). Tùy chưa thể diệt được. Thế rồi thế xong rút quân. Thăm Lộc là đất nước Sở. Hoàng là nước Hoàng ở huyện Giác Dương. Tốc Kỳ là đất nước Tùy. Hoài Nán ở lại huyện Bình Thị quận Nam Dương, phía Đông Nam núi Đại Phục trong dãy núi Đông Bá, sông Hoài Phát Nguyên (sách Vũ Công).

Cốc - Tế Chung về mùa đông. Ở đây xuân đã tế, hạ lại tế. Chép tội bất kính.

Trình Tử - Tháng giêng đã tế Chung không đúng mùa. Lại tế lần nữa. Chắc cho là lần trước không được chỉnh bị đủ. Thật là bậy.

秋伐鄴

THU, PHẠT CHÂU

MÙA THU, ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tôn Giác - Không nói suất sư, là vì đánh nước nhỏ.

冬十月雨雪

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, VŨ TUYẾT.

MÙA ĐÔNG THÁNG 10 MƯA TUYẾT

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử mệnh Quốc Trọng lập em Tấn Ai Hầu là Mân ở nước Tấn.

Công - Sao lại chép. Vì việc lạ, trái thời thiết.

Hà Hưu - Tháng mười nhà Chu là tháng tám nhà Hạ, chưa nên có mưa tuyết. Thế mà điềm âm thịnh, tất có việc bình.

蔡公來遂逆王后于紀

SÁI CÔNG LAI, TỤY NGHỊCH VƯƠNG HẬU VU KỶ

SÁI CÔNG TỚI, RỒI ĐÓN VƯƠNG HẬU Ở NƯỚC KỶ

Đầu tiên, chép chữ Tụy là rồi.

Tả - Đúng lễ.

Công - Sái Công là chức Tam Công của Thiên Tử. Sao lại không gọi là sứ. Vì trong hôn lễ không xưng chủ nhân. "Rồi", là có ý gì. Là xong rồi mới đến việc khác. Đại phu thì không nên nhận việc nọ xong rồi làm việc kia. Việc nào phải ra việc nấy. Đây sao dùng chữ Tụy. Là sứ đến nhờ ta làm mối, tức là việc ở ta. Ta làm mối xong, thế là sứ nhân tiện "rồi" đón ngay. Còn gái còn ở nước mình thì gọi là nữ. Đây gọi ngay là Vương Hậu là tại sao? Vì Vương giả coi chư hầu nào chắt là nước phò vua, không phân biệt trong nước, ngoài nước. Chữ dùng phải.

Cốc - Tại sao không dùng chữ đi sứ. Vì việc to nhà tôn miếu mà sử sự không được chính đáng, cho nên không chép là sứ. Tụy là rồi thì, tức là nối theo việc trước. Chép rằng, rồi đi đón Vương Hậu, cho nên được chép lược qua. Hoặc cho là đã là Thiên Tử thì không phân biệt trong nước, ngoài nước, cứ vua sai là được.

Hồ Truyện - Lưu Sưởng báo rằng Sái Công là ở bậc Tam Công. Vậy sao không gọi là sứ. Ở vào bậc sư phó thì, chỉ ngồi một nơi mà bàn việc nước, trách nhiệm đã là nặng nề rồi. Nay lại đi tới nước Lỗ vì việc hôn nhân, thì một đại phu làm cũng

được, hà tất đến vị Tam Công. Chức nhiệm quan trọng mà sai việc thường, cho nên Sái Trọng dựa vào nghĩa ấy, ở Lỗ không phải về tiểu bầm mệnh, cứ đi thẳng sang nước Kỳ. Thế là Vương bị cái lỗi sai người không cân nhắc khinh trọng. Mà Sái Công thì bị cái tội, hết việc nọ làm ngay việc kia, không bầm mệnh. Cái thuyết đó của Lưu Sưởng đúng đấy. Nay xét về chi tiết thì nên sai bậc Khanh đi đón. Công thì giám sát. Như thế mới đúng lẽ. Sai Sái Công mệnh nước Lỗ việc chủ hôn, thì bảo là không được. Sai Khanh đi mà Công giám sát thì sao lại bảo là được. Mệnh Lỗ là việc thường. Khanh đi mà Công giám sát là việc trọng. Chức quan sư theo Đan Tinh Công, đón Vương Hậu ở nước Tề, Lưu Hạ (Quan sư) không phải là Khanh mà được chép, Tinh Công hợp lẽ thì không được chép. Cho nên, tiên nho cho rằng sai Khanh đón, Công thì giám sát là lẽ vậy.

Tô Triệt - Cốc Lương bảo rằng: Không gọi là sứ là không định chính cái việc to tôn miếu đã giao cho ta. Bảo thế là sai. Nếu không chính việc nhờ ta mưu thì chép chữ, tuy nghịch, rồi đi đón cũng là đủ rồi. Không dùng chữ sứ là tại sao. Dùng chữ sứ thì có phương hại đến việc báo ta làm không. Thiên Tử sắp đón Vương Hậu tại nước Kỳ, mà sai Lỗ chủ việc đó, cho nên Sái Công từ Lỗ sang Kỳ, không gọi là sứ tới Lỗ, là để chỉ mưu việc cưới. Rồi sang Kỳ. Chữ rồi là để chỉ việc sau, việc trước. Đại phu ra khỏi cõi, có khi có hai việc, có khi có một việc, rồi tự quyền làm việc kế tiếp, sứ vẫn thường chép chữ "rồi". Việc được hay không là coi ở kết quả mà thôi. Chuyện Sái Công từ Lỗ sang Kỳ đón Vương Hậu, chuyện Công tử Toại sang Chu và Tấn, đều là có hai việc mà rời nước ra đi. Công tử Kết mà tới Tống, Tề để hội thê, là chuyên làm việc sau nối việc trước.

Gia Huyền Ông - Hôn lễ không nói chủ nhân, vì Thiên Tử tuy tôn quý, nhưng không tự làm chủ nhân được. Tả Thị nói: Thời Trang Công năm thứ 18, Quắc Công, Tấn Hầu, Trịnh Bá, sai Nguyên Trang Công đón Vương Hậu tại nước Trần, Trần Quy được đón về Kinh, Tả thị không chép mà Vương sai mà chép là Quắc, Tấn, Trịnh sai đi đón. Trong trường hợp đó không nói chủ nhân, chứng cứ thật rõ ràng Sái Công vì sao mà tới Lỗ. Theo pháp chế nhà Chu, Thiên Tử có việc hôn nhân cùng với chư hầu, thì sai một nước cùng họ làm chủ. Lỗ là dòng dõi Chu Công làm chủ lễ cho Thiên Tử là theo nếp xưa. Cốc thị bảo rằng:

không cho là chính đáng lấy việc lớn tôn miếu giao cho Lỗ ta làm, bao thế, chưa đúng hẳn chăng. Thời đó, nước Kỳ bị khốn vì nước Tề, mới cầu hôn nhân với Vương thất để mưu kế sinh tồn. Lỗ thực làm chủ lễ. Thiên Tử hạ mình sai Sái Công cùng vì cơ ấy. Sái Công vì đón hậu mà tới thì không có gì trách được. Sái Công xong việc Lỗ rồi đi đón thì mới đáng trách. Lưu Nguyên Phu bảo rằng Tam Công là giữ vị sư phó, thì cùng với Thiên Tử ngồi bàn việc nước, nhiệm vụ đã là trọng đại, nay lại đi sang Lỗ để sai Lỗ về việc hôn nhân, đang chức trọng mà làm việc khinh, tới thì cho rằng Tam Công tức là Tề Tướng, vua không tự thân nghênh được, thì Tam Công đi thay, thế là trọng việc hôn nhân, thế thì đâu có lầm lỗi. Đường thời đó, còn thấy cho đi phụng bệ thiếp của chư hầu, cho đi sinh, giao thiệp với nước bạn nghịch Thiên Tử, đều sai Tề Tướng. Vậy hôn nhân là việc hệ trọng ở nhà tôn miếu, sai Tam Công đi, đâu có là quá.

Xét - Lưu Sương nói: Tam Công đón Hậu không được là chính. Hồ Truyền khởi xướng nghĩa ấy, bởi nên sai vị Khanh đón, mà vị công làm giám sát, thuyết đó đúng đấy. Tôn Phục cho rằng Thiên Tử không tự thân nghênh, lấy vợ thì sai Tam Công đi đón thay. Gia Huyền Ông thì bảo Tôn miếu là việc hệ trọng, cần sai đến Tam Công, đối với lễ không là quá, nói cũng có lý. Cho nên đều chép cả ra đây. Trình Tử thì cho rằng cưới Vương Cơ, thì chư hầu cùng họ làm chủ lễ, cần cứ vào Gia Huyền Ông dẫn chứng năm Trang Công thứ 18, Quắc, Tân, Trịnh, sai Nguyên Trang Công đón Hậu, thì việc là đúng.

Năm Mậu Dần. Hoàn vương năm thứ 17.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tề Hy năm thứ 28. Tần Mân năm thứ 2. Vệ Tuyên năm thứ 16. Sái Hoàn năm thứ 12. Trịnh Trang năm thứ 41. Tào Hoàn năm thứ 54. Trần Lệ năm thứ 4. Kỳ Tĩnh Công năm đầu. Tống Trang năm thứ 7. Tấn xuất tử năm đầu. Sở Vũ năm thứ 38.

春紀季姜歸于京師

XUÂN, KỶ QUÝ KHƯƠNG UY VU KINH SƯ

MÙA XUÂN KỶ QUÝ KHƯƠNG CUỐI VỀ KINH SƯ

Ta - Phàm con gái chư hầu ra đi, duy có Vương Hậu là được phép.

Công - Quý Khương nước Kỳ cưới về Kinh đô. Sao lại gọi là Kỳ Quý Khương. Vì là Lô ta nói việc nước Kỳ. Cha mẹ đối với con, dù con làm Vương Hậu, vẫn nói được là Quý Khương nhà ta. Kinh sư là gì? Là nơi Thiên Tử ở. Kinh nghĩa là lớn. Sư nghĩa là đông. Nơi Thiên Tử ở, tất phải dùng chữ đông, lớn, mà nói.

Cốc - Việc cốt yếu là cưới về.

Đỗ Dự - Quý Khương là Hoàn Vương Hậu. Quý là họ nước Kỳ. Chép tên tự, rõ là tôn bố mẹ lên. Lệ đàn bà đi sang nước chư hầu tuy có báo cáo cho nước Lỗ cũng không chép.

夏四月

HẠ TỬ NGUYỆT

MÙA HẠ THÁNG 4

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU THÁNG 7

Phụ lục Tả Truyện - Ba Tử sai Hàn Phục cáo tại nước Sở, xin cùng nước Đặng hòa hiếu. Sở Tử sai Đạo Sóc đưa Ba Khách tới sinh ở nước Đặng. Người đất Ưu ở Nam Bì nước Đặng ra đánh, chiếm lấy các đồ lễ vật giết Đạo Sóc cùng các người tùy tùng nước Ba. Sở Tử sai Vi Chương trách nước Đặng. Nước Đặng không nhận, mùa hạ, Sở sai Dấu Liêm, đem quân Sở và quân Ba vây đất Ưu. Đặng Dương Sinh, Chiêu Sinh, đem quân cứu

đất Ưu, ba lần đuổi được quân Ba, nhưng không thắng hẳn. Đấu Liêm với dàn quân Sở, ở giữa quân Ba để đánh rồi chạy. Người Đặng đuổi theo Sở dựa vào Ba cùng phản công. Đặng thua to. Người Ưu tan vỡ. Mùa thu, Quắc, Trọng, Nhuế Bá, Lương Bá, Tuấn Hầu Giả Bá, đánh Khúc Ốc. Ba là một nước ở Ba Quận, huyện Giang Châu nhà Tùy đổi Giang Châu làm huyện Ba. Nước Ba họ Cơ. Ưu là đất nước Đặng phía Bắc Nam Miến Thủy huyện Đặng. Lương là nước Lương, ở Phùng Dục, huyện Hà Lương, Tuấn là nước Tuấn. Giả là nước Giả. Sách Đường Thư niên biểu chép: Con nhỏ của Đường Thúc Ngu là Công Minh được vua Khang Vương phong làm Giả Bá, có đất Giả. Trong sách Khổng sơ có chép: (Năm Hy Công thứ 17, Lương Doanh chữa, quá kỳ sinh). Vậy nước Lương là họ Doanh. Còn theo thế phả. Tuấn và Giả đều là họ Cơ.

冬曹伯使其世子射姑來朝

ĐÔNG, TÀO BÁ SỬ KỲ THẾ TỬ XẠ CÔ LAI TRIỀU

MÙA ĐÔNG, TÀO BÁ SAI THẾ TỬ XẠ CÔ TỚI CHẦU

Tả - Mùa đông, Tào Thế Tử lại châu, được tiếp vào hàng thượng Khanh. Thế là đúng lễ. Khi tiệc sơ hiến mừng Thế Tử có tấu nhạc, thấy Thế Tử thờ dài, Thi Thụ có nói: Thế Tử có việc lo chẳng, đâu có phải là chỗ thờ dài.

Công - Chư Hầu tới, chép là châu. Đây là Thế Tử sao lại dùng chữ châu. Kinh Xuân Thu có chê, cha già, con nổi nghiệp làm chính trị thì không biết là nói nước Tề hay nói nước Tào.

Cốc - Châu mà không nói là sứ, vì nói là sứ thì không chính lễ. Sai Thế Tử làm theo lễ chư hầu lại châu, lấy lễ đãi bố mà đem đãi con, thế là nước Lỗ thất chính. Trong khi Lỗ Thất chính, ngoài thì Tào Bá thất chính. Thế Tử có thể thoái lui được. Còn ở là vì mệnh. Thi Tử có nói: Giá như lui đi thì đúng được đạo.

Năm Kỷ Mão. Hoàn Vương năm thứ 28.

十年

THẬP NIÊN NĂM THỨ 10

Tề Hy năm thứ 29. Tấn Mân năm thứ 3. Vệ Tuyên năm thứ 17. Sái Hoàn năm thứ 13. Trịnh Trang năm thứ 42. Tào Hoàn năm thứ 35. Trần Lệ năm thứ 5. Kỳ Tinh năm thứ 2. Tống Trang năm thứ 8. Tấn xuất tử năm thứ 2. Sở Vũ năm thứ 39.

春王正月

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Hồ Truyền - Hoàn không theo đạo vương. Nay lại chép vương là sao. Năm thứ 10 là số chẵn đủ. Đạo trời 10 năm, là hết một vòng. Việc người, 10 năm tất biến. Cho nên, Kinh Dịch que Thu Trình, 10 năm tất trở lại. Truyền luận rằng phải xa ác, đã 10 năm tất phải bỏ. Hoàn Công đến năm ấy số 10 đầy đủ, tất bị trị ở trời, ở người. Mười năm nay mới chép chữ vương, là chép một điều đáng lý. Có người đã được đọc Cốc Lương mà không hiểu, thấy năm thứ 2, chép chữ Vương, cho là để chỉnh việc Dữ Di mất. Cùng năm ấy chép chữ Vương, và Tào Bá chết, lại phụ thêm vào là chỉnh việc chết. Nghi thế là nhầm. Nếu thực để chỉnh việc vua chư hầu chết không phải là hạng thoán thì thì Trần Hâu Báo vào năm thứ 5, tháng giêng, sao không chép chữ Vương để chỉnh việc chết.

Hà Hưu - Mười năm về đạo Vương, là đúng con số.

庚申曹伯終生卒

CANH THÂN TÀO BÁ CHUNG SINH TỐT
NGÀY CANH THÂN, TÀO BÁ LÀ CHUNG SINH MẤT

Tả - Mùa xuân, Tào Hoàn Công mất.

Cốc - Hoàn vốn là vô vương. Nay chép vương là để chính việc Chung Sinh chết.

Xét - Cốc Lương lấy năm ấy chép chữ vương để chính việc Tào Bá chết, đâu có phải là lệ của Kinh Xuân Thu, Hồ Truyền thật đã rõ.

夏五月葬曹桓公

HẠ NGŨ NGUYỆT, TÁNG TÀO HOÀN CÔNG
MÙA HẠ THÁNG 5, TÁNG TÀO HOÀN CÔNG

Phụ lục Tả Truyền - Quắc Trọng gièm đại phu Chiêm Phủ với Thiên Tử. Chiêm Phủ tâu bày lại, rồi đem quân nhà vua đánh nước Quắc. Mùa hạ, Quắc Công chạy trốn sang nước Ngụ. Nước Ngụ ở huyện Đại Dương, xứ Hà Đông, họ Cơ. Vũ Vương diệt nhà Thương, phong cho cháu Ngụ Trọng ở đất Ngụ.

秋公會衛侯于桃邱弗遇
THU, CÔNG HỘI VỆ HẦU VU
ĐÀO KHUU, PHÁT NGỘ
MÙA THU, CÔNG HỘI VỆ HẦU TẠI ĐẤT
ĐÀO KHUU, KHÔNG GẶP
(Đào khuu đất nước Vệ)

Phụ lục Tả Truyền - Mùa thu, người Tấn nộp Nhuế Bá Vạn tại nước Nhuế. Xưa Ngụ Thúc có ngọc. Ngụ Công đòi ngọc. Đã không hiến, sau nghĩ lại hối: Tục ngữ có nói, thất phu vô tội, có ngọc thành tội, ta làm gì chỉ thêm chuốt lấy hại. Ngụ Thúc mới hiến ngọc. Ngụ Công lại đòi bảo kiếm. Thúc nói, thế là tham

không chân. Rồi dời đến cả ta nữa. Mới đánh Ngu Công. Ngu Công chạy đến Cung Trì, Cung Trì là tên đất. Còn khuyết, chưa rõ. Nay xét ở tỉnh Sơn Tây, phủ Bình Dương, huyện Bình Lục, phía Tây có Cung Trì. Địa Dư chỉ có chép: Ngu Công chạy ra Trì, cách hơn 40 dặm, gần Nhượng Bàn Thành.

Công - Hội là gì? Là hẹn gặp. Sao không gặp. Là vì Vệ không tới.

Cốc - Không gặp. Căn chép là hai bên không tương đắc. Vì là việc trong nước Lỗ, Lỗ sử mới chép là không gặp.

Quý Bản - Vệ cùng đảng với Tề, mà Tề thì vì việc nước Kỳ coi Lỗ là thù. Hội Đào Khưu chắc rằng Lỗ nghe thấy Vệ Hầu sủng Tề, bàn định việc chiến cho nên mới đi hội để ly gián Tề, Vệ. Nhưng Vệ do con đường khác đi, vì thế viết là không gặp. Nếu như có hẹn kỳ hạn mà lại bội ước, thì chép là không tới, chứ sao chép là không gặp.

Xét - Quý Bản giải thích chữ gặp có hơi khác các thuyết khác, nhưng nghe như có lý, vậy chép thêm cho thêm việc khảo cứu.

冬十有二月丙午齊侯衛侯鄭伯來戰于郎
**ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, BÌNH NGỌ, TỀ
HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, LAI CHIẾN VU LANG**
MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY BÌNH NGỌ, TỀ HẦU,
VỆ HẦU, TRỊNH BÁ TỚI CHIẾN Ở ĐẤT LANG

Tả - Mùa đông, Tề, Vệ, Trịnh tới Lang chiến. Lỗ ta đã có lời phân trần. Bắc Nhung ghét Tề. Chư Hầu cứu Bắc Nhung. Công Tử Hốt nước Trịnh có công. Người Tề đãi tiệc chư hầu, để Lỗ đứng dưới. Lỗ vì tước phong, đứng lên trước. Trịnh giận, xin quân ở Tề. Người Tề lấy quân Vệ giúp Trịnh. Cho nên, không gọi là xâm phạm. Trước tiên chép chữ Tề Vệ, vì theo tước phong.

Công - Ở Lang là ở ấp gần cửa nước Lỗ ta. Chiến ở Lang gần như là vây thành. Thế là thiên chiến (có cùng hẹn ngày, hẹn nơi để đánh nhau). Sao không chép là quân tan vỡ. Sử trong nước không nói rõ là chiến vì nói chiến là nói bị thua. Không nói ai chiến là kiêng nói bị thua.

Quý Bàn - Tề muốn nuốt nước Kỳ, mới hợp với Trịnh và Vệ. Lỗ thì chuyên ý về việc giúp Kỳ. Ba nước đến đánh là vì thế. Xét cái cơ Lỗ giúp Kỳ, và không thân với Tề, là từ sau khi Tề, Trịnh tới Kỳ không muốn hiếu với Lỗ nữa, đã đến tới 6 năm rồi chứ đâu có phải là việc Tề xếp hàng trên dưới.

Vương Triều - Tề Hy, Trịnh Trang, đều là hạng người thích gây loạn, lại được Vệ Tuyên bênh vực. Thời đó Tề muốn chiếm Kỳ, còn hiềm Lỗ sẽ bênh vực Kỳ.

Trác Nhĩ Khang - Tề ghét Lỗ giúp Kỳ làm cho việc khó thêm, thì chủ việc bình là Tề. Trịnh cùng Tề đều tới Kỳ. Vệ đã cùng Tề hòa hợp nhau ở đất Bồ. Vậy ba nước mới cùng nhau tới chiến.

Xét - Quý Bàn căn cứ vào Kinh và bác Truyện, bảo rằng cái cơ có chính là muốn chiếm Kỳ, nói nghe không phải là thiếu kiến thức. Tuy nhiên, trong lời Kinh không rõ rệt. Vậy việc thì căn cứ vào Tả Thị, lấy Tả Truyện làm cốt. Mà các thuyết của Quý Bàn, Vương Triều, Trác Nhĩ Khang thì chép phụ vào.

Năm Canh Thìn. Hoàn Vương năm thứ 19.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tề Hy năm thứ 30. Tấn Mân năm thứ 4. Vệ Tuyên năm thứ 18. Sái Hoàn năm thứ 14. Trịnh Trang năm thứ 43. Tào Trang Công Xạ Cò năm đầu. Trần Lệ năm thứ 6. Kỳ Tĩnh năm thứ 3. Tống Trang năm thứ 9. Tần Xuất Tử năm thứ 3. Sở Vũ năm thứ 40.

春正月齊人衛人鄭人盟于堽曹
XUÂN CHÍNH NGUYỆT, TÊ NHÂN, VỆ NHÂN
TRỊNH NHÂN, MINH VU ÁC TÀO
MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI VỆ,
NGƯỜI TRỊNH THỂ TẠI ĐẤT ÁC TÀO, ÁC TÀO,
KHUYẾT, KHÔNG CHUA Ở ĐÂU

Tả - Tê, Vệ, Trịnh, Tống, thể ở Ác Tào.

Phụ Lục Tả Truyện - Sở Khuất Hà sắp thể với các nước Nhị, Chấn. Quân nước Văn ở Bồ Tào sắp cùng các nước Tuy, Giao, Châu, Liêu, đánh quân Sở. Sở Mạc Ngao lấy làm lo ngại. Đầu Liêm nói: Người Văn đóng quân ở Giao, chắc không phòng bị. Và lại, ngày ngày mong đợi quân bốn ấp tới. Ông đóng lại ở Giao, Đình, dè ngăn quân bốn ấp. Tôi lấy nhuệ binh, đem đánh ấp Văn. Văn chỉ mong đợi quân ngoài, và chỉ cây cỏ thành, thì dầu còn chỉ chiến đấu. Nếu bại được quân đất Văn, bốn ấp kia tất lui về. Mạc Ngao nói: Thế thì xin vua cho thêm quân. Đáp: Quân thung được là tại hòa hợp, không phải tại đông. Thượng Chu mới đánh dâu được đây, ông cũng biết là theo phép đó. Đã đem quân ra, sao lại còn xin thêm. Mạc Ngao nói: Hay là ta nói. Đáp: Bói là để quyết định điều gì còn nghi ngờ. Đã không nghi ngờ, thì còn bói làm gì. Thế rồi, đánh đất quân Văn ở đất Bồ Đào. Rốt cuộc bắt thể xong rồi đem quân về.

Trịnh Chiêu Công khi còn là Công tử, đánh lại được quân Bắc Nhung, nước Tê muốn gả con cho. Chiêu Công từ chối. Sái Trọng nói: Công tử cứ lấy đi, nhà vua còn nhiều con được yêu. Công tử không có vậy cánh, trong ba Công tử chưa chắc ngài đã được lập. Chiêu Công không nghe.

Nhị, Trần, Văn, Giao, Châu, Liêu đều là tên nước.

Bồ Tào, Giao, Văn ấp, Đình, là đất nước Sở.

Hồ Truyện - Hội thể, đều phải giữ lễ vua tôi. Nếu thiếu lễ, thì không được chép vào Xuân Thu. Phạm Xuân Thu đã chép, tất là có vua và các quan cao cấp trong hội. Việc thể ở đất Ác Tào, tức là họp vua ba nước. Đã hưng binh không theo đạo chính, như trận đánh nhau ở đất Lang, lại thêm việc kết oán, họp đang,

thờ ở đất Ác Tào, cho nên ngày họp trước thì biên cả nước, cho rõ cái tội đến đánh nước người ta, ngày họp sao không chép tước nữa, để to ý chê.

Tôn Giác - Mùa đông năm trước, vua ba nước, đánh Lỗ, mà thắng Lỗ. Năm nay lại có hội thề ở đất Ác Tào, vì lấy việc mới thắng được Lỗ, để cùng kết hiếu. Nếu Tống cũng tới thì sẽ không có chuyện thắng chín. Tống bắt Sái Trọng của Trịnh, không có chuyện hội thề ở đất Chiết và hội ở đất Phù Trung. Vậy thuyết của Tu Thị là sai. Tôn Giác lại nói: Trước đã có chép người Tề đánh Sơn Nhung, sau lại chép Tề Hâu tới, hiến đồ bắt được của Nhung, thì biết rằng đánh Nhung là tự Tề Hâu. Trên thì chép hội Sơ Công từ Anh Tề ở đất Thục, dưới lại chép cùng với người Sơ thề ở đất Thục, thì biết việc thề ở đất Thục là tự Sơ Công từ Anh Tề. Tháng 12, chép Tề Hâu, Vệ Hâu, Trịnh Bá, chiến ở đất Lang. Tháng giêng chép người Tề, người Vệ, người Trịnh, hội thề ở đất Ác Tào, lấy phép so sánh việc mà cứu xét, thì biết ba nước mà chép là người có ý chê.

Xét - Ba nước gọi là người mà cho là khinh, thì không phải, mà cho là chỉ có đại phu họp thì không có căn cứ để xác định được. Xem Tôn Giác nói phép so sánh việc, lấy lời trọng khinh mà xét đoán, thì tin là có mặt vua ba nước. Cho nên, nên theo Hồ Truyền.

夏五月癸未鄭伯瑋生卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, QUÝ MÙI, TRỊNH BÁ,

NGỘ SINH TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY QUÝ MÙI, TRỊNH BÁ

NGỘ SINH MẤT

Ta - Mùa hạ, Trịnh Trang Công mất. Xưa Sái Phong nhân, là Trọng Thúc được Trang Công yêu, cho làm chức Khanh, giúp Công cưới Đặng Mạn, sinh ra Chiêu Công, cho nên Sái Trọng lập Chiêu Công.

秋七月葬鄭莊公

THU, THẤT NGUYỆT, TÁNG TRỊNH TRANG CÔNG
MÙA THU, THÁNG 7, TÁNG TRỊNH TRANG CÔNG

九月宋人執鄭蔡仲

CỬU NGUYỆT, TỔNG NHÂN CHẤP TRỊNH SÁI
TRỌNG

THÁNG 9. NGƯỜI TỔNG BẮT TRỊNH SÁI TRỌNG

Khởi thủy chép việc bắt người.

Tả - Họ Ung ở nước Tống có con gái gả cho Trịnh Trang Công, tên là Ung Kết, sinh ra Trịnh Lệ Công. Họ Ung được Tống Trang Công tin dùng cho nên dụ Sái Trọng bắt giam mà bảo rằng: Nếu không lập Công Tử Đột (Trịnh Lệ Công) lên ngôi, thì bị giết, rồi bắt cả Lệ Công đòi hối lộ. Sái Trọng cùng người Tống thế, đem Lệ Công về mà lập làm vua.

Công - Sái Trọng là tướng nước Trịnh. Sao không chép tên mà chỉ chép tự. Vì là người hiền. Hiền vì biết quyền biến. Xưa nước Trịnh ở đất Lưu, đời trước Trịnh Bá có thân thiện với Dôi Công, thông với phu nhân (vợ Cối Công), rồi chiếm lấy nước. Chiếm xong thiên đô tới, còn đất Lưu thì thành ruộng đất. Khi Trang Công mất, táng xong, Sái Trọng có việc tế, đến đất Lưu, đường đi qua Tống, người Tống bắt giữ lại bảo rằng: phải vì ta mà truất phế Hốt, để lập Đột lên ngôi. Sái Trọng mà không nghe thì vua sẽ chết, nước tất mất. Nếu nghe, thì còn vua, còn nước. Chậm chậm thông thả thì truất được Đột mà lập được Hốt. Nếu không được thế, thì có hại thật, nhưng nước Trịnh vẫn còn. Người xưa có khi dùng quyền. Sái Trọng chính là dùng quyền. Quyền là trái với kinh, rồi từ quyền mà thành phải, thành hay. Nếu không phải là trường hợp còn mất, thì không dùng đến quyền. Hành quyền phải có đường lối là tự biếm tự tôn mà không hại người. Nếu giết người để mình sống, làm người mất để mình còn thì người quân tử không bao giờ làm.

Cốc - Người Tống là chỗ Tống Công. Gọi là người là có ý chê.

Lưu Sưởng - Tại sao bắt người ta, khi thì gọi là người nước ấy bắt, khi thì gọi là vua nước ấy bắt. Bao là vua bắt, tức là đánh người có tội. Lại nói: Công Dương bao là hành quyền. Bao thế là sai. Nếu Sái Trọng biết quyền thì nên đến chết cũng không nghe, để cho người Tống biết rằng, dù giết được Sái Trọng nhưng cũng không lấy được nước Trịnh thế thì mới được. Và lại, Sái Trọng phải biết nghĩ rằng Tống nếu sức mạnh đủ giết Hốt, diệt nước Trịnh, thì hà tất phải bắt mình, hiếp mình. Sức đã không làm được, lại khoe là làm được, thì mình sao lại nghe. Và lại, Sái Trọng cứ chết cũng đủ rồi, sao lại đi truất người chính, mà lập kẻ bắt chính. Thế đâu gọi là hành quyền.

Vương Nguyên Kiệt - Trịnh Hốt là con đích nối ngôi. Đột là con thứ gây loạn. Địch đã yếu lại vô tài. Thứ đã nạnh lại được giúp. Tống Trang thì vì tình riêng mà vào phe Đột. Sái Trọng thì vì bị bắt mà xin hội thể. Sái Trọng đã chịu di mệnh vua trước, mà không giúp được vua sau, lại phản bội truất địch, lập thứ. Kinh Xuân Thu chép là người Tống để chê Tống, ghét việc lấy sức mạnh áp bức người ta. Chép Sái Trọng không chép tên để cho càng rõ tội của một vị Khanh. Đột không chép họ rõ ràng là không nên cho làm vua. Chép tên Hốt, liền với chữ Trịnh, là để cho rõ, vị thì chính đấy, nhưng không đáng làm vua. Thật là cần nhắc nặng nhẹ rõ rệt.

突歸于鄭

ĐỘT QUY VU TRỊNH

ĐỘT VỀ NƯỚC TRỊNH

Tả - Mùa thu, tháng chín, ngày Đinh Hợi, Chiêu Công chạy sang Vệ. Ngày Đinh Hợi, Lê Công lên ngôi.

Công - Đột sao lại gọi tên. Vì là như Sái Trọng. Nói về là tại sao. Là cho việc Sái Trọng làm là thuận.

Cốc - Gọi là tên Đột là khinh. Nói là về là có ý việc dễ. Việc tùy quyền Sái Trọng. Chối về việc vua là đạo làm tội. Nay lập tã, bỏ chính thì Sái Trọng đáng chê.

Lưu Sưởng - Đây là Trịnh Đột. Chỉ chép Đột là chê, không đáng được gọi là Trịnh Đột. (Vô), không đáng được về. Đây mà dùng

chư (vô), là để rõ cái bậy của Sái Trọng. Sái Trọng không biết xuất xứ. Nư thì không biết chấp kinh. Xuất thì không biết tông quyền. Tham sông mà cầu danh. Bỏ chính mà giúp tà. Đột về được nước Trịnh là do Sái Trọng cất nhắc. “Về” là chữ thuận, chữ dễ, không có gì là thuận mà lại chép là vô, là dễ. Chữ “nhập” vào là ý trái, nghịch, là ý khó khăn. Dây Đột được dễ là vì Sái Trọng giúp, cùng nhau làm bậy. Công Dương còn nói: Sao lại chép là về, là theo Sái Trọng. Nói thế không phải. Hành vi của Sái Trọng, Xuân Thu coi là loạn thân, thế thì đâu có được là thuận, là theo.

Trình Tử. Đột không gọi là Công tử là không đáng làm vua.

鄭忽出奔衛

TRỊNH HỐT XUẤT BÔN VỆ

TRỊNH HỐT CHẠY KHỎI NƯỚC, TRỐN SANG VỆ

Khởi thúc các việc chạy trốn.

Công - Hốt sao gọi tên. Xuân Thu coi Bá, Tử, Nam, là một hạng. Lối không có gì là chề.

Cốc - Trịnh Hốt là Thê tư Hốt. Gọi tên vì đã mất nước.

Hồ Truyền - Hốt lấy nước Trịnh làm họ. Thê là chính. Vì chạy trốn mà chép tên Hốt là không làm nổi vua được.

柔會宋公陳侯蔡叔盟于折

NHU, HỘI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,

SÁI THỨC MINH VU TRIẾT.

NHU, HỘI VỚI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,

SÁI THỨC THÊ Ở ĐẤT TRIẾT.

Triết, tên đất, không rõ ở đâu.

Công - Nhu, là đại phu nước Lỗ ta, chưa có mệnh vua.

Cốc - Nhu, là đại phu nước Lỗ ta, chưa có mệnh vua.

Lã Đại Khuê - Lấy đại phu cùng với vua chư hầu thế, chưa cần chề, mà cứ coi việc là đủ chề. Cho nên ở Lỗ ta, đại phu tự xuất sứ, là Vô Hải, mà đại phu cùng với Chư Hầu thế là từ Nhu.

公會宋公于夫鍾
CÔNG HỘI TỔNG CÔNG VỤ PHÙ CHUNG
CÔNG HỘI VỚI TỔNG CÔNG Ở ĐẤT PHÙ CHUNG

Chung. Công viết ra chữ 鍾. Phù Chung là đất Thành 成.

冬十月公會宋公于闕
ĐÔNG THẬP NGUYỆT,
CÔNG HỘI TỔNG CÔNG VỤ HẨM
MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, CÔNG HỘI
TỔNG CÔNG Ở ĐẤT HẨM

Hẩm là đất nước Lỗ.

Hồ Truyền - Bấy tôi cùng vua Tống thể ở đất Chiết. Vua Lỗ cùng vua Tống hội ở đất Phù Chung, ở Hẩm, ở Hư, ở Quy, đều chép cả, không bỏ. Sao phí lời thể. Là vì việc thể. Kinh Xuân Thu vốn ghét. Càng thể càng thêm loạn. Càng hội càng sinh nghi. Thánh nhân đều để nguyên không tước bỏ để thấy càng thể lại càng phân, càng hội lại càng chia, việc, được thấy rõ rệt. Cho nên, chỉ Xuân Thu là lấy việc thiên hạ làm việc công, cần giữ điều tín, lo việc hòa, không nên trông nhờ vào hội thể.

Năm Tân Ty. Hoàn Vương năm thứ 20.

十有二年
THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 12

Tô Hy năm thứ 31. Tân Mãn năm thứ 5. Vệ Tuyên năm thứ 19. Sài Hoàn năm thứ 15. Trịnh Lệ Công Đột năm đầu. Tào Trung năm thứ 2. Trần Lệ năm thứ 7. Kỳ Tĩnh năm thứ 4. Tống Trang năm thứ 10. Tấn xuất tử năm thứ 4. Sở Vũ năm thứ 11.

春正月
XUÂN CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG

夏六月壬寅公會杞侯莒子盟于曲池
HẠ, LỤC NGUYỆT, NHÂM DẦN, CÔNG HỘI
KỶ HẦU CỬ TỬ MINH VU KHÚC TRÌ
MÙA HẠ THÁNG 6, NGÀY NHÂM DẦN, CÔNG HỘI
KỶ HẦU, CỬ TỬ, THẾ Ở ĐẤT KHÚC TRÌ

Chữ杞 Công Thị, Cốc Thị viết ra chữ紀. Chữ Khúc Trì, Công Thị viết ra chữ Khúc Đà. Khúc Trì là đất nước Lỗ. Phía Bắc huyện Văn Dương có đình Khúc Thủy, phát nguyên từ Thạch Môn Sơn.

Ta - Năm thứ 12 (mười hai) mùa hạ, thế ở Khúc Trì, về việc binh nước Kỷ, nước Cử.

Gia Huyển Ông - Cốc và Công cho Kỷ là nước紀 là đúng. Ân Công năm thứ hai thế ở đất Mật, Ta Thị có chú giải: Cử và Lỗ có hiềm khích. Kỷ Hầu đã thông hiếu với Lỗ, sai đại phu sang Cử thế, đề giải hòa Cử, Lỗ và Cử đều vì việc nước Lỗ mà thế là có cớ.

Ngô Trừng - Kỷ bị nước Tề làm khó dễ, rất là nguy cấp. Lỗ Hoàn Công thiết tha giúp Kỷ, cho nên nhiều lần hội. Vì các nước lớn không có nước nào theo Lỗ, nên Lỗ phải hội với nước Cử nhỏ. Cử nhỏ thì đâu có cứu được nước Kỷ bị nguy. Việc thấy rõ ràng.

Trạm Nhược Thủy - Kỷ lo sợ Tề, không tự kêu với Thiên Tử được, phải nhờ Lỗ kêu với Thiên Tử, đề ra lệnh cho các nước chư hầu ai giữ nước người này. Tề nếu không phục tùng mệnh Thiên Tử, thì sẽ bị cáo với Thiên Tử, hợp quân các nước đến đánh. Hội làm gì, chỉ phiền thêm có ích gì trong việc cứu nước Kỷ. Cho nên, Kinh Xuân Thu chép việc không quên.

秋七月丁亥公會宋公燕人盟于穀邱

**THU, THẤT NGUYỆT, ĐỊNH HỘI, CÔNG HỘI
TỔNG CÔNG, YÊN NHÂN, MINH VU CỐC KHU**

**MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY ĐỊNH HỘI, CÔNG HỘI
TỔNG CÔNG VÀ NGƯỜI YÊN THỂ Ở ĐẤT CỐC KHU**

Cốc Khu là đất nước Tống.

Tả - Công muốn cho Tống, Trịnh, hòa. Mùa thu, Công cùng với Tống Công thể ở đất Câu Đậu 句 (Câu Đậu, tức là Cốc Khu). Ở xứ Hán, quận Tế Am huyện Câu Dương, sách Ứng Thiệu có chép: Gò Câu Đậu nay đổi tên là diêm Câu Dương).

Tôn Giác - Từ đầu Xuân Thu trở đi, trong Kinh ít thấy nói đến nước Yên. Chỉ có ở đây và ở vào năm thứ 13 mới thấy mà lại gọi là người nước Yên. Chiêu Công năm thứ 3 chép Bắc yên Bá là Khoan chạy trốn sang Tề. Đã nói Bắc Yên, chắc có Nam Yên, Bắc Yên ở biên giới Sơn Nhung, từ Trang Công năm thứ 20, Tề Hoàn đánh nước Sơn Nhung, mới mở đường cho nước Yên, giao thông với Trung Quốc. Ngay như ở hội thể Cốc Khu, Bắc Yên còn bị Sơn Nhung cách bức. Đỗ Dự giải thích có câu đại phu nước Nam Yên, là chỉ vào các nước Yên ở khu đó. Ngô Trưng nói. Ta Thị bảo rằng Lỗ muốn thu xếp việc hòa hiếu Tống với Trịnh. Vậy trong hội thể đó có ba nước: Lỗ, Tống, Yên. Chắc còn việc khác quan trọng, chứ không phải chỉ có việc Trịnh nhờ mới có hội thể. Nhân hội thể đó, cùng với Tống Công tương kiến, và rồi vì Trịnh xin cho Trịnh vậy. Hoàng Chính Hiền nói: Năm trước, Tống, Lỗ, Trần, Sái, cùng thể, nay lại cùng với Yên thể, là mong Tề rời hẳn Trịnh. Ta Thị có bảo rằng Công muốn bênh vực Tống, Trịnh, là tại sao. Là vì thời đó, Tề, Trịnh thành một đảng. Tề mưu chiếm Kỳ, Hoàn Công thì muốn giúp Kỳ, mà không làm nổi. Vậy muốn cho Tống hòa với Trịnh thì phải làm cho Trịnh tuyệt với Tề, và hợp với Lỗ, thế là ngầm cứu được Kỳ. Kế đó thật là khéo.

八月壬辰陳侯躍卒
BÁT NGUYỆT, NHÂM THÌN,
TRẦN HẦU, ĐƯỢC TỐT
THÁNG TÁM, NGÀY NHÂM THÌN,
TRẦN HẦU LÀ ĐƯỢC MẮT

公會宋公于觀
CÔNG HỘI TỔNG CÔNG VU KHU
CÔNG HỘI TỔNG CÔNG Ở ĐẤT KHƯ KHƯ, ĐẤT NƯỚC
TỔNG CÔNG THỊ CHÉP LÀ ĐẤT ĐẠM

冬十有一月公會宋公于龜
ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT,
CÔNG HỘI TỔNG CÔNG VU QUY
MÙA ĐÔNG, THÁNG 11. CÔNG HỘI TỔNG CÔNG
TẠI ĐẤT QUY QUY ĐẤT NƯỚC TỔNG

Tả - Tổng chưa biết có thuận không, vậy mới hội ở Khư, rồi mùa đông lại hội ở Quy.

Hoàng Chính Hiến - Xét hội ở Chiết, ở Hám, ở Phù Chung, là Tổng muốn thân Lỗ, để phạt Trịnh, cho nên hội ở toàn trên đất nước Lỗ. Tổng ở vị chủ. Hội ở Quy, ở Khư, là Lỗ muốn Tổng, Trịnh hòa, Tổng không chịu hòa, cho nên hội đều ở trên đất Tổng, Lỗ giữ địa vị chủ (chủ mưu).

Xét - Từ Chiết đến đây, Lỗ với Tổng, bốn lần hội, hai lần thất, là ghi việc Lỗ. Ta Thị thì bảo rằng muốn Tổng, Trịnh hòa là ghi việc Tổng Cốc, Lương thì bảo các hội ấy chép việc nước ngoài. Hai thuyết ấy không giống nhau. Duy, có Hoàng Chính Hiến bảo rằng lúc trước thì Tổng muốn thân Lỗ, tiếp đến Lỗ muốn Tổng hòa với với Trịnh, dẫn chứng bằng đất Tổng, đất Lỗ, đối với ý nghĩ, công việc, muốn như đúng như thật.

戊公會鄭伯盟于武斧
BÍNH TUẤT CÔNG HỘI TRỊNH BẢ
MINH VU VŨ PHỦ
NGÀY BÍNH TUẤT, CÔNG HỘI TRỊNH BẢ
THỂ Ở ĐẤT VŨ PHỦ

Vũ Phủ là đất nước Trịnh, phía Đông Bắc huyện Tế Dương, đất Trầm Lưu có thành Vũ Phủ. Sách Thủy Kinh chép, huyện Tế Dương có thành cũ Vũ Phủ.

Tả - Tống Công không chịu hòa, cho nên Công với Trịnh Bả thể ở Vũ Phủ.

戊衛侯晉卒
BÍNH TUẤT VỆ HẦU TẤN TỐT
NGÀY BÍNH TUẤT, VUA NƯỚC VỆ TÊN LÀ TẤN MẮT

Cốc - Hai lần chép ngày, thể là lấy ngày định nghĩa.

Tôn Giác - Cốc Lương cho là lấy ngày định ý nghĩa. Xét Kinh Xuân Thu không có lấy ngày, lấy tháng làm một lệ. Nếu có chép ngày là nhân sự cũ tương hay lược. Cốc Lương bàn sai, không phải thể đâu.

十有二月及鄭師伐宋于沫戰于宋
THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CẬP TRỊNH SỬ PHẠT
TỔNG, ĐÌNH MÙI, CHIẾN VU TỔNG
THÁNG 12 VỚI QUÂN TRỊNH ĐÁNH TỔNG, NGÀY ĐÌNH MÙI,
CHIẾN Ở ĐẤT TỔNG

Tả - Rồi đem quân đi đánh Tống, thể là có chiến tranh. Tống không giữ kín. Người quân tử nói. Nếu không có tin thể là vô ích. Kinh Thi nói: Quân tử càng thể, loạn càng nhiều vì thiếu đức tin.

Phụ lục Tả Truyện - Nước Sở đánh nước Giảo, đóng quân

ở cửa Nam. Mạc Ngao Khuất Hà bàn: Giáo nhỏ mà khinh địch. Đã khinh địch thì vô mưu, xin cho ít quân đi hái củi để dụ giặc. Lời bàn được chấp thuận. Người Giáo bắt được 30 quân Sở. Ngày hôm sau người Giáo tranh nhau ra đuổi phu hái củi của Sở, ở trong núi. Người Sở mới họp tại cửa Bắc mà phục ở chân núi đánh Giáo. Giáo thua to phải xin ăn thể ở chân thành. Sở đem quân về. Trong việc đánh Giáo, Sở chia quân sang qua sông Bành. Người nước La muốn đánh, sai Bá Gia thám thính ba lần gần cận. Bành là sông Bành ở huyện Tương Ngụy, đất Tân Thành. La là nước La, họ Hùng.

Công - Chiến thì không nói là phạt. Đây sao dùng chữ phạt. Là vì tị hiềm, không muốn nói (cùng người Trịnh chiến). Đây là thiên chiến là chiến có hẹn ngày, hẹn nơi, cùng đánh nhau. Sao lại không nói: "quân tan vỡ". Sử Lỗ không nói chữ chiến, vì có chữ chiến thì mới có chữ tan vỡ.

Cốc - Không phải với kẻ đã cùng nhau đi phạt. Không nói "cùng với Trịnh chiến" vì sợ việc không hòa. Trong việc chiến, có việc thua chỉ chép việc đáng được nói thôi.

Hồ Truyền - Đã chép phạt Tống, lại chép chiến ở Tống là trách Tống đòi hỏi lộ Trịnh không biết thế nào là cùng. Rồi nhiều lần thế với Lỗ mà không giữ lời tin. Hai nước Trịnh, Lỗ, kẻ rõ tội Tống, dễ đánh Tống, cho nên chép là phạt. Vậy tội người Tống thì đáng phạt lắm. Nhưng nhận hối lộ để giúp Đốc là tặc Lỗ Hoàn Công. Mà cậy sức mình dễ cướp nước người là Trịnh Đột. Minh không có tội thì mới trách tội ở người được. Cái nghĩa Xuân Thu là lấy người hiền để trị kẻ bất hiếu, chứ không lấy loạn trị loạn. Cho nên, Kinh lại chép chiến ở Tống. Tội chiến là tội ở người tới, tức như chiến ở đất Lang. Đi chiến người ta là tội tự mình, tức như chiến ở đất Tống.

Xét - Việc chiến ở Tống, Tả Thị cho rằng Tống có tội thất tín. Nguyên là Tống Phùng đòi hối lộ mãi, không thể nào là đủ. Lỗ và Trịnh mới có cơ dèn trừng phạt. Nhưng Lỗ Hoàn và Trịnh Đột đều là hạng thoán nghịch, theo Vương pháp nên trị tội. Thế thì sao còn đem quân chuyên quyền phạt nước người ta. Hồ An Quốc nói: đem quân đi đánh người là lỗi ở mình. Hai thuyết Tả và Hồ ăn khớp với nhau. Vậy ý nghĩa thành đầy đủ.

Năm Nhâm Ngọ. Hoàn Vương năm thứ 21.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tề Hy năm thứ 32. Tấn Mân năm thứ 6. Vệ Huệ Công Sóc năm đầu. Sái Hoàn năm thứ 16. Trịnh Lệ năm thứ 2. Tào Trang năm thứ 3. Trần Trang Công Lâm năm đầu. Kỳ Tinh năm thứ 5. Tống Trang năm thứ 11. Tấn Xuất Tử năm thứ 4. Sở Vũ năm thứ 42.

春,

XUÂN

MÙA XUÂN

Phủ lục Tả Truyện - Mùa Xuân, Sở Khuất Hà đánh nước La. Dấu Bá Kỳ đi tiễn. Khi về báo với Ngự rằng: Mạc Ngao (chức quan) chắc là thua cử chi cao tức là tâm không vững. Rồi yết kiến vua Sở nói xin cho thêm quân. Vua Sở không nghe, nói chuyện với phu nhân, Đặng Mạn (vợ). Đặng Mạn nói: Đại phu chính là khuyên nhà vua, dỗ dân cần có tín, dạy dân cần có đức, mà đối với Mạc Ngao phải có hình. Mạc Ngao đã khinh chiến ở đất Bô. Nay chuyển quyền tự dụng ở đất La. Nhà vua nếu không an ủi vỗ về nhân dân, e sẽ sơ hở về việc ngự dịch. Dạy dỗ dân, sai các quan phân viết làm rõ đức vua, báo Mạc Ngao cho biết công việc không phải là dễ. Dấu Bá Tỷ há chẳng biết toàn quân Sở ta đã ra khỏi nước rồi ư. Vua Sở mới sai người nước Lai đuổi theo. Mạc Ngao truyền lệnh cho quân đội rằng: Ai can là bị giết. Đi đến đất Yên tranh nhau sang sông, đã không hàng ngũ, lại không phòng bị. Đến nước La. La với Lư Nhung, có hai đạo quân, đánh quân Sở. Sở bị thua. Mạc Ngao tự tử ở Hoàng Cốc. Các tướng điều đình lại ở Đà Phù, để chờ lệnh chịu tội. Vua Sở nói, tội ở ta, rồi tha cả.

Theo sách Hậu Hán Chí. Bao Tín là một nước Hưu có Lai Đình, chính là nước Lai. Theo Hiến Thông Khảo nước Lai ở huyện Bao Tín. Yên là sông Yên ở huyện Nghi Thành, đất Tương Dương, chảy vào sông Hán. Khổng Đình Đạt nói: Sông tên Phát Nguyên

từ huyện Thi Hương xứ Tân Thành. Lư Nhung là xứ Nam Man, nay là thành cũ Trung Lư. Hoang Cốc là đất nước Sở, theo sách Kinh Châu Ký, cách Kim Châu, ba dặm có ba hồ, phía Đông gọi là Hoang Cốc. Dã Phú, là đất nước Sở, theo Thủy Kinh Chú, bờ sông bên Đông Dã Phú có thành Dã Phú.

二月公會紀侯鄭伯己巳及齊侯宋公
衛侯燕人戰齊師宋師衛師燕師敗績

**NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI KỶ HẦU, TRỊNH BÁ,
KỶ TỴ, CẬP TÊ HẦU TỔNG CÔNG, VỆ HẦU,
YÊN NHÂN CHIÊN, TÊ SƯ, TỔNG SƯ,
VỆ SƯ, YÊN SƯ BẠI TÍCH**

**THÁNG 2. CÔNG HỘI KỶ HẦU, TRỊNH BÁ. NGÀY KỶ TỴ.
CHIẾN VỚI TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU. VÀ NGƯỜI YÊN.
QUÂN TÊ. QUÂN TỔNG. QUÂN VỆ, QUÂN YÊN TAN VỠ**

Tả - Tông cứ đòi Trịnh hồi lộ được nữa, cho nên sinh ra chiến tranh. Một bên là Kỳ, Lỗ, Trịnh, một bên là Tê, Tống, Vệ, Yên. Không chép nơi chiến, là vì nơi định sau.

Công - Sao lại sau. Vì đợi các nước ngoài là Kỳ Hầu, và Trịnh Bá. Việc trong nước mới nói là chiến. Sao đây lại nói là chiến. Là vì theo các việc nước ngoài. Đã chờ các nước ngoài thì phải theo nước ngoài. Sao không ghi nơi chiến. Vì ở gần, gần như thế vị vậy. Việc chiến ở Lang trước, đất nước Lang cũng gần, sao ghi đất. Vì Lang còn ghi rõ tên được.

Cốc - Sao lại chép chữ cập (với). Là tự mình với các nước ngoài. Sao lại chép là chiến. Là theo các nước ngoài mà nói. Chiến thì dùng chữ người nước nọ, nước kia. Mà thua thì dùng chữ quân đội nước nọ, nước kia. Thế là cho phần quan trọng về dân chúng. Sao không ghi nơi chiến. Vì nơi chiến ở nước Kỳ.

Hồ Truyền - Tả thị cho là Trịnh chiến với Tống. Công Dương cho là Tống chiến với Lỗ. Cốc Lương cho là Kỳ chiến với Tê. Triệu Khuông khảo sát lời Kinh Xuân Thu thấy rằng "quân ở trong", thì Kỳ là vị chủ mà đứng ở nước Trịnh "Quân ở ngoài" thì Tê là vị chủ mà đứng ở trước Tống. Cứ theo một thuyết của

Cốc Lương thì Tề và Kỳ là hạng thế thù vậy. Người Tề hợp ba nước để đánh nước Kỳ. Lỗ và Trịnh thì giúp nước Kỳ và cùng chiến. Chiến mà không chép đất chiến tức là ở đất nước Kỳ. Nếu không thế, thì Kỳ sợ nạn mất nước không lâu, còn đâu dám đem quân ra khỏi nước giúp Lỗ, Trịnh, để gây thêm oán thù. Tề thật là vô đạo, lấy mạnh hiếp yếu, thế là Kỳ tất có tuyên truyền các lý lẽ trách móc không sao tránh khỏi. Thế thì Kỳ chỉ cố giữ bờ cõi cho đến chết. Trên tàu với Thiên Tử, dưới trình với các vị Hầu có chức phận trông nom, và báo cáo với các nước lân cận, tất có nước phai hiệu. Nếu không đủ bấy nhiêu điều kiện, mà cứ hung hăng cùng chiến thì sao khỏi loạn được. Sức bằng nhau, thì phải đem sức ra mà so sánh. Dùng đến việc thì phải dựa vào thời. Nước nhỏ thù nước lớn, may mà lại thắng được, ấy là khởi đầu tai họa đó. Nước Túc, đánh được nước Trịnh rồi mà mất. Trịnh đánh được Sái mà rồi sinh lo. Sái đánh tan được quân Sở mà rồi mất nước. Nay người Kỳ không xét đến đức của mình, không e dè lời nói, cứ thẳng đánh Tề, cứ dùng người giúp, mà người giúp Kỳ thì lại là hạng, giết vua, hàng cướp nước. Kinh Xuân Thu lấy nước Kỳ làm việc chủ binh. Xét về đức, xét về thời, thì rõ ý Kinh. Triệu Khuông có nói: Tả thị bảo rằng Tống đòi Trịnh nhiều hồi lộ, việc ấy là nhỏ. Việc to là hai nước bất hòa không nên để hai chư hầu đánh nhau. Công Dương thì bảo sao lại chiến sau (chưa định ngày). Là chờ các nước ngoài, xét hội trước rồi sau mới biết ngày. Thành hội rồi sau mới chiến. Đợi nước ngoài là ý gì, nghĩa gì. Công Dương lại nói, phạm chư hầu đang có tang mà phải đem quân ra khỏi biên giới mà xưng là tử, nếu không tang thì xưng là nước. Thế là dè ghi điều rõ, nhiều, ít. Tôn Giác có vợ nói: Kinh Xuân Thu về việc chiến là có chép đất. Đây không chép đất là chiến ở nước Kỳ. Kỳ bị Tề xâm. Tề muốn đoạt lấy Kỳ nên đem quân ba nước Tống, Vệ, Yên, đến đánh. Trong trường hợp đó, Kỳ phải cầu cứu với vua hai nước lỗ và Trịnh để chống Tề. Tuy nhiên, Kinh không chép đất chiến, vì cho là Kỳ Hầu chủ việc binh mà cùng chiến tức là chiến ở Kỳ vậy. Ngô Trưng nói, Xưa, Trịnh Trang giúp Tề đánh Kỳ. Lỗ Hoàn Công thường vẫn vì Trịnh mà hội với Tống. Rồi sau lại cùng với Trịnh đánh Tống. Trịnh Lệ Công quý Lỗ cho nên giúp Lỗ cứu Kỳ mà trái với công việc vua bố xưa.

Xét - Việc chiến đó, Ba Truyền bản khác nhau. Triệu Khuông cho chỉ Cốc Lương là phải. Hồ An Quốc, Tôn Giác, Ngô Trùng, cũng đều theo Trịnh Khang Thành bảo chữ Kỳ nước Kỳ phải sửa thành Kỳ là mình. Phạm Ninh dẫn Trịnh Khang Thành để bác Cốc Lương thành ra xuyên tạc.

三月葬衛宣公

TAM NGUYỆT, TÁNG VỆ TUYÊN CÔNG
THÁNG BA LỄ TÁNG VỆ TUYÊN CÔNG

Lưu Sưởng - Quân tử dù oán vẫn không rời nghĩa, dù giận vẫn không bỏ lễ, dù ghét vẫn không bỏ người thân.

夏大水

HẠ, ĐẠI THỦY
MÙA HẠ LỤT TO

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT
MÙA THU THÁNG 7

冬十月

ĐÔNG THẬP NGUYỆT
MÙA ĐÔNG THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Người Trịnh lại xin thông hiếu. Năm quý mùi. Hoàn Vương năm thứ 22.

十有四年
THẬP HỮU TỬ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tổ Hy năm thứ 33. Tân Man năm thứ 7. Vệ Huệ năm thứ 2. Sai Hoãn năm thứ 17. Trịnh Lệ năm thứ 3. Tào Trang năm thứ 1. Trần Trang năm thứ 2. Kỳ Tinh năm thứ 6. Tống Trang năm thứ 12. Tần Xuất Tử năm thứ 6. Sơ Vũ năm thứ 43.

春正月公會鄭伯于曹
XUÂN, CHÍNH NGUYỆT,
CÔNG HỘI TRỊNH BÁ VU TÀO
MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG,
CÔNG HỘI TRỊNH BÁ TẠI NƯỚC TÀO

Tả - Mùa Xuân, hội tại nước Tào. Người Tào dâng đồ ăn. Thờ là dùng lễ.

Đỗ Dự - Vì ở nước Tào, tức là nước Tào có dự hội.

Cao Kháng - Công cùng Trịnh Bá đều có tội thoán nghịch, thiên hạ không dung. Nay cùng hội tại Tào. Tào mà dung thì tội Tào dễ hiểu.

Ngô Trưng - Năm trước, Lỗ, Trịnh, cùng cứu Ky mà đánh quân Tề, Vệ. Vậy lo Tề, Vệ báo thù cho nên phải có hội để bàn với nhau. Tào vốn rất hợp với Lỗ cho nên hội với Trịnh ở trên đất Tào.

無冰
VÔ BĂNG
KHÔNG CÓ BĂNG (GIÁ)

Cong - Sao lại chép. Là để ghi một việc dị, lạ.

Cốc - Trời nóng bức.

Hồ Truỵện - Kinh Xuân Thu mà chép đủ là để răn dạy về việc nước. Lối chép việc của Xuân Thu rất tinh tường về bốn mùa nóng lạnh trong năm.

HẠ NGŨ

MÙA HẠ THÁNG 5

Công - Chỉ chép mùa hạ tháng năm vì không có chuyện gì.

Cốc - Không Tử nói: Nghe âm ở xa, biết là nhanh mà không biết là chậm. Nhìn ở xa không nhận được hình. Ở thời Định Công, Ai Công, thì xét được thời Ân Công, Hoàn Công. Ân, Hoàn đã xa rồi câu mùa hạ tháng năm, là truyện có thiếu sót.

Xét - Chữ “Hạ, ngũ” hoặc là thánh nhân, nhân sự cũ khuyết sót chữ nguyệt. Hoặc chữ ngũ thừa. Hoặc truyện đời sau thiếu sót, cứ để thế.

鄭伯使其弟語來盟

TRỊNH BÁ SỬ KỲ ĐỆ NGŨ LAI MINH

TRỊNH BÁ SAI EM LÀ NGŨ TỐI THỂ

CỐC LƯƠNG VIẾT CHỮ NGŨ RA NGŨ 禦

Tả - Người Trịnh lại đến về việc thể, và sửa soạn hội với nước Tào.

Cốc - Chư hầu vì là tôn quý, không coi anh em như thuộc quan. Đây chép là em, chép là tới Lỗ ta, thể là sai người rất quý. Ta thể đã có định trước. Không chép ngày, vì việc thể đã được định trước rồi thì thôi chép ngày.

Triệu Bàng Phi - Đột mà được lập làm vua ở Trịnh, trong chỉ nhờ có Sái Trọng thôi, chứ quốc dân không muốn. Ngoài thì chỉ cậy có Lỗ, chứ các nước lân cận khác không ủng hộ. Kinh Xuân Thu chép việc tới thể gồm sáu lần, đều là nhún mình tới Lỗ để thể. Trịnh có phải là không có đại phu đâu, mà phải sai em thì biết rằng các đại phu tất là tâm không vị Đột.

Xét - Cốc Lương nói thể định trước thì không chép ngày, nói thể là sai. Kinh Xuân Thu không lấy ngày tháng làm một định lệ. Trong khoảng 242 năm, thể không chép ngày có nhiều lắm. Nếu định trước không phải chép ngày, thì có chép ngày là không định trước hay sao. Tối thể có khi chép sứ giả, có khi

không chép sử gia. Thế thì Trịnh Ngũ, Vệ Lương Phủ phụng mệnh mà tới, ý chủ việc thể, cho là có định trước thì còn được, nhưng Tề Cao Tử, Sở Khuất Hoàn, Hoa Tôn, đều có việc mới tới, sao lại cho là có định trước tới thể. Cho nên thấy không chép ngày, là đã định trước tới thể. Cho nên thấy không chép ngày, là đã có định trước cùng tới thể mà không chép chữ sử, các lời bàn như thế bỏ đi.

秋八月壬申御廩災

THU, BÁT NGUYỆT, NHÂM THÂN, NGỰ LÂM TAI

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY NHÂM THÂN,

KHO NGỰ LÂM BỊ HỎA TAI

Tả - Mùa thu, tháng tám, ngày Nhâm Thân kho Ngự Lâm cháy. Ngày ất hợi tế Thường, chép là không có hại.

Công - Ngự Lâm là kho chứa lúa nếp, dành về việc cúng Chép vì là tai họa.

乙亥嘗

ẤT HỢI THƯỜNG

NGÀY ẤT HỢI, TẾ THƯỜNG

Công - Việc đều thường, không chép. Đây chép là ý chê. Chê việc tế thường. Kho Ngự Lâm đã cháy, thì thôi đừng nên tế Thường.

Cốc - Hỏa tai ở Ngự Lâm không đáng chép. Đây chép là vì lấy thóc lúa còn thừa, mà tế Thường, tức là chép một việc bất kính. Thiên Tử tự làm lễ đi cày để lấy lúa cúng tế. Vợ vua, Vương hậu tự dệt lụa là để may áo tế lễ. Trong nước đâu có phải là hết đàn ông biết cày, hết đàn bà biết dệt. Chỉ vì ý nghĩa, nhất tâm thờ tổ tiên, thì sao bằng mình thân hành làm lấy. Sao nay lại lấy của cháy thừa mà cúng tế. Lúa ở đồng áng nộp vào cung, cất vào Ngự Lâm. Vậy tế thường phải do đồng áng đã cung cấp. Ngày Nhâm Thân Ngự Lâm cháy. Ngày Ất Hợi tế Thường, tất phải lấy ở chỗ thừa chưa cháy mà tế.

Hồ Truện - Tế Thường là việc tế mùa như mọi mùa, sao lại chép. Chép là vì không phải thời, và không kính. Kinh Xuân Thu khi chép việc dùng tháng theo lịch nhà Chu, mà lấy tháng tám tế lễ Thường, tức là không đúng mùa. Ngự Lãm hóa tai ngày nhâm thân, mà tế lễ Thường vào ngày Ất hợi, thế là không dính lại, mà cung vào việc tế cái lúa cháy thừa, thế là bất kính. Lễ theo thời là quan trọng, dùng vào việc đã không đúng thời. Lễ lấy kính làm gốc, mà phát tâm đã không kính, cho nên chép.

Xét - Công Dương nói không nên tế Thường, tức là nói rõ cái điều bất kính. Thực ra tế Thường đâu có bỏ được Triệu Khuông, Lư Sương, Tô Triệt đều bác đi e là không phải lời bàn của Công Dương - Cốc Lương thì bảo là dùng đồ cháy thừa, vì cho rằng kho Ngự Lãm là chứa các lúa để cúng tế, đã xay giã kỹ, cho nên có câu: Thóc của thôn đã quanh đất nhà vua, nạp vào tam cung, cất vào Ngự Lãm - Lưu Quyền Hành bác lời nói ấy: Ngày Nhâm thân cháy, ngày Ất hợi tế, thóc ở kho đem ra đã lâu rồi, tức là không bị ở kho cháy, sao lại gọi là cháy thừa. Thế tức là cho rằng lúa ở Ngự Lãm chưa xay giã. Nay khảo cứu về lễ nhà Chu thì thấy chức vụ người giữ kho Ngự Lãm là cứ đến tế lớn phải cung cấp thóc lúa để tiếp thu, Trịnh Khang Thành nói đưa cho người chuyên việc giã. Thế tức là lúa để trong kho Ngự Lãm, chắc chắn là chưa giã. Lời bàn của Quyền Hành so với lời bàn của Cốc Lương có phần hơn. Tuy nhiên hai ý trái mùa và bất kính, bọn tiên nho đều giữ nguyên.

冬十有二月丁巳齊侯祿斧卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH TỊ,

TỄ HẦU LỘC PHỦ TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY ĐINH TỊ,

TỄ HẦU LÀ LỘC PHỦ MẤT

宋人以齊人蔡人衛人陳人伐鄭
TỔNG NHÂN DĨ TÊ NHÂN, SÁI NHÂN,
VỆ NHÂN, TRẦN NHÂN, PHẠT TRỊNH
 NGƯỜI TỔNG LẤY NGƯỜI TÊ, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ,
 NGƯỜI TRẦN, PHẠT NƯỚC TRỊNH
 CÔNG DƯƠNG ĐẶT NGƯỜI SÁI DƯỚI NGƯỜI VỆ

Tả - Mùa đông, người Tống lấy quân chư hầu đánh Trịnh, báo thù trận Tống bị đánh, đốt Cừ Môn vào đền Đại Quỷ, đánh phá Đông Giao chiếm Ngư Thủ (ấp nước Trịnh). Dỡ cột ở Đại Cung đem về làm cột Lư Môn.

Công - Thế nào là lấy (lấy quân nước) là làm theo mình.

Cốc - Chữ lấy là ý không nên lấy. Dân là gì, là gốc của quân, sai người ta, bắt người ta chết, đâu có phải là chính.

Đỗ Dự - Phạm dùng được làm tả hữu mình thì gọi là lấy. Đại Cung là miếu thờ tổ nước Trịnh, Lư Môn là cửa thành nước Tống. Báo cáo là đánh (phạt) mà không báo cáo là chiếm đoạt, cho nên không chép.

Phạm Ninh - Không lấy, nghĩa là vốn không phải dưới quyền mình điều khiển mà nay lại được lấy. Chê bốn nước làm cho Tống chuyên quyền, dùng quân đội mình mà khinh thường mệnh người dân vậy.

Năm Giáp Thân, Hoàn Vương năm thứ 23.

十有五年
THẬP HỮU NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 15

Tề Tương Chư Nhi, năm đầu. Tấn Mân năm thứ 8. Vệ Huệ năm thứ 3. Sai Hoàn năm thứ 18. Trịnh Lệ năm thứ 4. Tào Trang năm thứ 5. Trần Trang năm thứ 3. Kỳ Tinh năm thứ 7. Tống Trang năm thứ 13, Tần Vũ năm đầu. Sở Vũ năm 44.

春二月天王使家斧來求車
XUÂN NHỊ NGUYỆT, THIÊN VƯƠNG SỬ
GIA PHÚ LAI CẦU XA
MÙA XUÂN, THÁNG HAI, THIÊN TỬ SAI
GIA PHÚ TỚI XIN XE

Tả - Không phải lễ. Chư hầu không cống hiến xe ngựa. Thiên Tử không đòi của riêng.

Công - Chép là chê. Đà là vương giả, thì không xin, không đòi. Xin, đòi, là phi lễ.

Cốc - Chư hầu thời cổ, thời hiến vua thứ gì, trong nước mình sẵn có, cho nên có thứ từ tạ, và lại không có trưng cầu. Cầu xe không phải là lễ. Cầu tiền, của, lại càng không phải.

Hà Hưu - Vương giả lấy thuế dân, trong vòng 1000 dặm quanh kinh đô là đủ để chi phí. Còn bốn phương, cứ theo chức phận mà tới cống hiến đủ làm cho tôn quý vinh hiển. Vua nên rất hiềm, chứ đừng giống gia cho bốn phương biết để đòi hỏi. Đòi hỏi thì làm cho chư hầu thêm tham lam, các quan bản tiện, dân gian trộm cắp.

Lưu Huyền - Trong đời trị, nếu thiên tử mệnh cho thiên hạ đóng thuế cống hiến, thì không dẫu mà không theo. Không phải đòi, mà chư hầu răm rắp nộp cống, nộp thuế, dẫu có phải dùng lời đòi. Trong thời loạn thì trái hẳn. Chép thế, đủ rõ hèn, kém, của thiên tử, và tội lỗi của chư hầu.

三月乙未天王崩
TAM NGUYỆT, ẤT MÙI, THIÊN VƯƠNG BĂNG
THÁNG BA NGÀY ẤT MÙI, THIÊN TỬ BĂNG

Triệu Khuông - Từ đây trở đi, đời Trang Vương, Hi Vương, không chép vua băng, vì nhà vua không có báo cáo, nước Lỗ không phò cáo. Thế đủ biết các chư hầu bất thần rồi.

夏四月己巳葬齊僖公

HẠ TỬ NGUYỆT, KỶ TỶ, TÁNG TỀ HI CÔNG
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY KỶ TỶ, LỄ TÁNG TỀ HI CÔNG

Vương Bảo - Hoàn Công là người có tội lớn, Thiên Tử không những đã không hời tội, mà trong khoảng tám năm lại ba lần cho sứ tới sinh, ân lễ thật là hậu. Nay vua băng, cáo phó tới. Thế mà Lỗ lúc tang không tới, lúc táng cũng không có mặt. Tề Hi Công lúc còn sống thì can qua hàng năm, lúc chết thì được chử hầu tới dự lễ táng. So sánh việc, dù không chê, cũng thấy hiện rõ chỗ dở.

五月鄭伯突出奔蔡

NGŨ NGUYỆT, TRỊNH BÁ ĐỘT XUẤT BÔN SÁI
THÁNG 5, TRỊNH BÁ ĐỘT, CHẠY RA KHỎI NƯỚC
TRỐN VÀO NƯỚC SÁI

Ta - Sái Trọng chuyên quyền, vua là Trịnh Bá lấy làm lo ngại. Sái rể Sái Trọng là Ung Cử giết, Trịnh Bá sắp đi tế ở Giao. Con gái (vợ Ung Cử) hỏi mẹ rằng, cha với chồng ai thân hơn. Mẹ nói: chồng thì ai cũng có thể làm chồng được. Nhưng cha chỉ có một mà thôi, sao lại so sánh được. Rồi bảo Sái Trọng rằng: Ung Cử sẽ tới nơi tế, làm tiệc mời ông ở đất Giao, tôi nghỉ lăm. Sái Trọng mới giết Ung Cử, quăng thây xuống ao nhà họ Chu. Trịnh Công thoát, chạy trốn, có nói: Mưu với đàn bà, sống làm sao được. Mùa hạ, Lê Công trốn sang nước Sái.

Công - Đột, sao lại chép tên. Là vì cướp ngôi.

Cốc - Chê về việc cướp ngôi.

Khổng Đình Đạt - Phàm vua chử hầu trốn khỏi nước, đều là bị đuổi mà chạy trốn, chứ không phải tự mình đi ra, Sứ cũ chép tội đuổi vua. Trọng Ni sửa Xuân Thu, trách là vua đã không biết giữ địa vị mình, thì phải tự mình chạy trốn. Vậy chép là tự mình chạy trốn. Vệ Hiến Công chạy trốn không biên tên. Trịnh Bá Đột, Bắc Yên, Bá Khoản, Sái Hầu Chu, đều chép tên

là theo lời bá cáo. Sách giải nghĩa lễ có nói: Vệ bá cáo không nói tên. Yên bá cáo có tên, tùy theo bá cáo mà chép.

Trương Hiệp - Phàm làm vua chứ hầu mà mất ngôi, chạy trốn, Kinh Xuân Thu đều chép như là tự chạy trốn! Chỉ chép tước, không chép tên, là tội nhẹ, ác vừa, dù rằng có thất đạo, nhưng vị, chưa đến tuyệt. Còn như Đột là hạng con thứ cướp ngôi con đích thì đáng lý không được làm vua mà lại còn dùng kế phản phúc, đánh trộm, đánh lén, tự mang lấy họa, theo vương pháp đáng bị xử tội, cho nên đặc biệt chép tên cho dứt hẳn chức vị.

Xét - Đuổi Đột là Sái Trọng. Không chép là Trọng đuổi vua mà chép Trịnh Đột chạy trốn tức là Kinh Xuân Thu trị tội kẻ loạn tặc làm cho nghiêm chỉnh cái phận sự làm vua, làm tôi, không cho bọn loạn tặc được yên thân. Vậy chép là tự trốn. Hồ Truyền vốn dựa vào Lục Thuần, cho là để cảnh cáo người làm vua. Đuổi vua đi tội há có thể tha được chăng. Xét về ý nghĩa, vẫn còn e chưa ổn, nhưng được nhận đã từ lâu. Nay cứ chép cả ra đây. Trịnh Đột chép tên hoặc bảo là muốn cho chê đến nơi, hoặc bảo là cứ theo cáo phó. Cả hai thuyết có thể được cả.

世子忽復歸鄭

THẾ TỬ HỐT PHỤC QUY VU TRỊNH

THẾ TỬ HỐT LẠI TRỞ VỀ TRỊNH

Tả - Tháng sáu, ngày át Hợi, Chiêu Công vào nước.

Công - Sao lại gọi là Thế Tử. Vì là chính thống. Sao nói là về và lại về. Vì khi đi ra là bậy, khi về không bậy. Nếu nói là vào tức là khi đi ra không bậy, vào là bậy. Nếu chỉ nói là vào, tức là ra, vào cùng bậy. Nếu chỉ nói về, tức là ra, vào cùng không bậy.

Cốc - Thế là ngược lại với chính.

Lưu Sưởng - Công Dương cho rằng, "Lại trở lại", ý ra đi là bậy, về là không bậy. "Trở lại", ý là khi ra, khi vào, cùng không bậy. Cho thế là bàn sai. Như Hốt mà chạy trốn, là vì bất đắc dĩ, thì có gì bậy. Nếu cho là bậy thì vẫn còn có cơ chưa được. Chứ như Đột cướp nước thì khi ra, khi vào, sao lại không bậy.

Tổ Triệt - Hốt đã làm vua, khi ra đi chép là Trịnh Hốt. Khi trở về, chép là Trịnh Thế Tử Hốt. Tại sao? Khi ra đi là không làm vua được. Khi lại trở về là có duyên cớ trông cậy vào đó để trở về nước, duyên cớ đó là chức Thế Tử. Bỏ cớ ấy thì không còn cớ gì để về được. Đột đã ra đi, thì Hốt về có gì là khó.

許叔入于許

HỨA THÚC NHẬP VU HỨA

HỨA THÚC VÀO ĐẤT HỨA

Cốc - Hứa Thúc là họ quý ở nước Hứa, ai bằng được. Nói là vào, tại sao? Là vì xét về đạo lý thì chưa nên về.

Hồ Truyền - Hứa là dòng dõi Thái Nhạc. Tiên vương dựng nước bị áp bức giữa Trịnh, Tề, không giữ nổi xã tắc, chưa nghe có lời gì đáng bị diệt thì nên làm cho rõ đại nghĩa, cứ lời nói thẳng tâu Thiên Tử rồi bá cáo cho các phương bá xin phục quốc để sửa sang quét dọn lại tôn miếu, thế thì còn ai dám tranh. Nay nhân cơ loạn, lên lút đi vào, thì không đúng nghĩa phục quốc. Cho nên chép là vào đất Hứa, chứ vào là ý chê trách.

Xét - Hứa Thúc không hưng phục lối đường hoàng chỉ là thừa cơ có loạn. Không được mệnh Thiên Tử để phục quốc cho nên chép là vào. Hoặc có kẻ lại cho rằng bất tất phải đợi mệnh vua, ngữ Hồ Truyền là bàn vu vơ, chứ không đúng nghĩa tôn vương của Kinh Xuân Thu.

公會齊侯于艾

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU NGÀI

CÔNG HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT NGÀI

Công Thị chép ra chữ 郕. Cốc thị chép ra chữ 萬.

Tả - Mua bình định nước Hứa.

Cao Kháng - Lỗ thường tuyệt giao với Tề. Từ khi Hi Bá mất, Tương Công lên ngôi, nay mới thấy thông hiếu.

Trịnh Ưông - Ân Công năm thứ 11, về việc vào đất Hứa, có Tề, Lỗ, Trịnh. Nay Hứa Thúc nhân Trịnh có loạn, mới phục quốc được. Tề, Lỗ đã không đem quân tới đánh thì thôi chứ đâu lại có hợp để mưu giúp cho nên ngôi. Cao Kháng nói là Lỗ, Tề, vẫn thường tuyệt giao, đến nay mới lại thông hiếu. Cái họa Bành Sinh là tự dây gây ra. Cho nên Xuân Thu ghi là Tề Hầu chủ mưu, có lẽ theo lý đúng thế.

Xét - Sau hội đất Ngải, Lỗ lại đánh Trịnh, mà Tề thì không dự. Sao cho là mưu định việc nước Hứa, cho nên Tôn Giác, Trịnh Ưông, bác lời bàn của Tả thị, Cao Kháng cho là Lỗ với Tề lại thông hiếu. Xét sự tình đương thời thì gần như đúng. Cho nên thuyết binh định nước Hứa, không được chép.

鄰人牟人葛人來朝

CHÂU NHÂN, MÂU NHÂN, CÁT NHÂN, LAI TRIỀU
NGƯỜI NƯỚC CHÂU, NƯỚC MÂU, NƯỚC CÁT, LAI CHÂU

Mâu là nước Mâu ở huyện Mâu đất Thái Sơn. Cát là nước Cát ở Đông Bắc huyện Ninh Lăng, nước Lương, Hi Công năm thứ 17, chép phu nhân vua Tề Hoàn Công là Cát Doanh, vậy nước Cát là họ Doanh.

Công - Sao lại gọi là người? Là chỉ xứ Di Dịch.

Đồng Trọng Thư - Vì Thiên Tử chết mà châu nhau cho nên chê.

Khổng Đình Đạt - Ba nước cùng gọi là người, lại cùng châu, thì biết là cùng hàng.

Lưu Sưởng - Nước Đằng, nước Tiết, cùng tới châu, có khác gì Châu, Mâu, Cát. Chê Đằng, Tiết, nhẹ hơn chê Châu, Mâu, Cát, tại sao? Tại vì chư hầu xưa, thăm nhau, chọn lúc không bận gì về Thiên Tử. Đằng, Tiết còn có ý khảo xét về điển hình, chính lễ dè tôn vua. Nay vua mới mất. Lỗ và ba nước chưa thương tới kinh đô, phùng viếng, để lo chức vụ kẻ thần tử, lại còn ngang nhiên hội họp, thế là tiếm loạn, vì thế đáng chê trách nhiều.

秋九月鄭伯突入于櫟

THU CỬU NGUYỆT, TRỊNH BÁ ĐỘT NHẬP VU LỊCH MÙA THU, THÁNG 9, TRỊNH BÁ ĐỘT VÀO ĐẤT LỊCH

(Lịch, biệt đồ nước Trịnh)

Tả - Trịnh Bá, nhân người Lịch là Đán Bá bị giết, mới vào ở Lịch.

Công - Lịch là ấp nước Trịnh. Tại sao không nói là vào. Về sau sẽ nói đến. Vì Sái Túc đã chết rồi, vậy sao không nói Hốt chạy trốn. Vì Hốt là vua hèn kém Sái Trọng còn, thì Hốt còn ở ngôi được, Sái Trọng chết thì Hốt cũng mất.

Hồ Truỵện - Kinh Xuân Thu về việc Trịnh Lệ Công (Đột) phục quốc sau đi không chép, chỉ chép là vào chiếm đất Lịch. Tại sao. Quốc Công mà chết ở ấp Chế. Thái Thúc mà bị dân Cung Thành phan, đều là vì đã được Trang Công ngăn ngừa cẩn thận. Ngay nay mà xây thành Lịch để Từ Nguyên ở đó, khiến cho Chiêu Công (Hốt) không lên ngôi được, sao mưu việc nước lại có điều nhằm lỗi đến thế. Nước Vệ có đất Bỏ Thích mà Hiến Công bị đuổi. Sở có Trần, Sái, Bất Canh, mà khi Tật bị phan. Ngọn quì to, cây tất phải gãy, đó là cái hại của một nước. Cho nên Phu Tử bỏ các nước đó mà ra đi. Quý Tôn có nói, đời xưa, trong nhà, không có chứa giáp binh, thành không được quá trăm tri (Tri là một thứ thước đo); nên mới hủy bỏ ba đô ấp, để cho quốc đô được mạnh. Về việc Lệ Công (Đột) phục quốc, tước đi không chép. Nếu bảo rằng đã vào đất Lịch thì nước cũng đã phục được rồi. Ở chỗ quan trọng dễ giá ngự các nơi khác, rồi làm cho đất cứng, cảnh mềm, thân mình dựa vào lễ nghĩa để làm gương cho thiên hạ và đời sau - Trị nước cốt thận trọng về lễ nghĩa.

Tôn Phục - Trịnh Thế Từ Hốt (Chiêu) lại về Trịnh cho nên Bá Đột (Lệ) phải vào ở đất Lịch để bức hiếp Hốt.

Trinh Tử - Đột (Lệ) không phải là chính. Hốt (Chiêu) đã giữ ngôi, cho nên người trong nước coi là vua, chư hầu đều giúp. Chép có chỗ bỏ chức tước đi là để răn việc ở ngôi chính mà không biết giữ, thì tất bị người khác cướp lấy. Chép là vào là rõ ý nghĩa không ai dung.

冬十有一月公會宋公衛侯陳侯于侈伐鄭
**ĐÔNG THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI TỔNG
CÔNG, VỆ HẦU, TRẦN HẦU VU XỈ PHẠT TRỊNH**
**MÙA ĐÔNG, THÁNG 11. CÔNG HỘI, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU,
TRẦN HẦU, TẠI ĐẤT XỈ, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH**

Trước chữ Tổng Công, Công Thị có viết chữ Tế Hầu. Chữ 季 Công Dương chép là 季.

Tả - Hội ở đất xỉ mưu việc đánh Trịnh, để giúp Trịnh Lê Công (Đột). Không đánh được phải đem quân về.

Cốc - Chép tên đất, rồi sau chép chữ đánh, tức là nghỉ từ, chứ không phải nghỉ việc.

Đỗ Dự - Trước làm cái lễ hội hợp, rồi sau đánh.

Tả Triệt - Chép tên đất, rồi sau chép đánh. Thế là hội rồi sau mới đánh. Cốc Lương lại bảo là nghỉ từ, chứ không phải là nghỉ việc. Xét đánh Đột để nhận Hối. Nay Đột ở đất Lịch, chứ không ở Trịnh. Vậy đánh Trịnh không phải là đánh Đột (Lệ) mà lại còn là cứu đột. Cốc Lương nói nhầm như thế nhiều lần lắm.

Xét - Công hội chư hầu hai lần đánh Trịnh, Tả Thị cho là để nạp Lê Công (Đột) là đúng. Công Dương thì khen chư hầu đánh Đột (Lệ) không nghỉ rằng Hối (Chiêu) đang ở Trịnh, mà Đột (Lệ) vẫn còn ở Lịch. Thế thì đánh Trịnh sao lại gọi là đánh Đột được. Cốc Lương bàn là nghỉ từ. Xét hội rồi mới đánh, tức là mưu đã được định rồi, thì còn gì mà phải nghỉ. Hồ Truyền tuy dẫn Cốc Lương và nói đến thuyết Cốc Lương nhưng vẫn cùng ý với Tả Thị.

Năm Ất Dậu - Trang Vương năm đầu.

十有六年
THẬP HỮU LỤC NIÊN
NĂM THỨ 6

Tổ Tương năm thứ 2. Tân Mão năm thứ 9. Vệ Huệ năm thứ 4.
Sái Hoàn năm thứ 19. Trịnh Lệ năm thứ 5. Chiêu Công Hốt
năm đầu. Tào Trang năm thứ 6. Trần Trang năm thứ 4. Kỷ
Tĩnh năm thứ 8. Tống Trang năm thứ 14. Tần Vũ năm thứ 2.
Sở Vũ năm thứ 45.

存正月公會宋公蔡侯衛侯于曹
XUÂN CHÍNH NGUYỆT CÔNG HỘI TỔNG CÔNG
SÁI HẦU VỆ HẦU VU TÀO
MÙA XUÂN THÁNG GIÊNG, CÔNG HỘI TỔNG CÔNG
SÁI HẦU VỆ HẦU TẠI ĐẤT TÀO

Tả - Hội ở Tào, là để bàn việc phạt Trịnh.

Tôn Giác - Hội ở Tào. Hai truyện không có lời bàn. Duyệt
có Ta Truyện thì cho là mùa đánh Trịnh. Xét việc ghi trong Ta
Truyện thì thấy, trong khoảng hai năm các hội thể để xâm phạt
đều vì việc gây dựng cho Trịnh Lệ Công. Thế mà Đột (Lệ) thì
còn ở đất Lịch. Hốt (Chiêu) thì chưa chạy ra ngoài. Cho nên chú
hầu mùa đánh Hốt (Chiêu) để dựng Đột (Lệ).

夏四月公會宋公衛侯陳侯蔡侯伐鄭
HẠ TỬ NGUYỆT, CÔNG HỘI, TỔNG CÔNG VỆ
HẦU, TRẦN HẦU, SÁI HẦU PHẠT TRỊNH
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, CÔNG HỘI TỔNG CÔNG, VỆ HẦU,
TRẦN HẦU, SÁI HẦU, ĐÁNH TRỊNH

Tả - Mùa hạ phạt Trịnh.

Hồ Truỵện - Mùa xuân, tháng giêng, hội ở nước Tào. Sái

kê tên trước Vệ. Mùa hạ tháng tư, đánh Trịnh, thì Vệ trước Sái. Theo Vương chế, thứ bậc chư hầu đã được đặt, ai trước ai sau đã có định sẵn cả. Quan Đại Tư mã nhà Chu đã đặt lễ nghi cùng chức vị để phân biệt các nước chư hầu, theo giới hạn địa dư không thể đổi thay được. Đến thời Xuân Thu, thì lễ nghi, pháp chế đã bỏ, bọn Bá theo ý mình thay đổi trước sau, các nước theo thế mạnh, yếu, xếp trên dưới. Nước Sái thường trước nước Vệ, nay xếp sau nước Trần. Tiên nhò cho rằng vì tới sau, thế là lấy cơ tới trước, tới sau chia đẳng cấp. Thế là tùy theo lợi, tự ý người mà bất chấp lễ nghi. Thế thì đối với dân ra sao. Kinh Xuân Thu phòng bị từ khi họa chưa xảy ra, lại càng nghiêm về khoản danh phận. Cứ xét việc biên chép thì rõ ý.

Trình Tử - Đột (Lệ) khéo kết giao chư hầu cho nên ai nấy đều hết sức nhiều lần đánh Trịnh.

秋七月公至自伐鄭

THU THẮT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH
MÙA THU, THÁNG 7, CÔNG ĐÁNH TRỊNH VỀ, LÀM LỄ ẤM
CHÍ
(LỄ CÁO MIẾU THẮNG TRẬN)

Tả - Mùa thu, tháng bảy, Công đánh Trịnh về làm lễ ấm chí.

Cốc - Hoàn công không hội thì sao lại ấm chí. Thế là làm cho quan trọng thêm.

Tôn Giác - Xét chữ chí chép ở đây, với nghĩa chữ chí vào năm thứ 2 "chí tự Đường" thì giống nhau. Đều là chép một lễ cáo miếu.

冬城尚

ĐÔNG, THÀNH THUỢNG
MÙA ĐÔNG, XÂY THÀNH THUỢNG

Tả - Đây chép mùa.

Khổng Dĩnh Đạt - Tháng mười một, sao thủy chưa thấy

đúng chỗ là chưa tới đúng mùa, cho nên xem lại lịch, thì nhận thấy, năm ấy tháng có lùi lại, mà tiết thì sớm hơn. Sao Thủy hiện tháng mười một mới chính vị. Lại nhận thấy rằng lúc lúa mới nảy mầm, chưa chắc hạt. Vậy tháng mười một, có thể bắt đầu làm các công tác xây dựng được. Thế thì chép mùa đâu phải là chệ.

Đạm Trợ - Ở dưới có chép việc tháng mười một, thì ở đây chắc là tháng mười. Dù cho có là tháng mười một, thì so lịch ngày nay mới là tháng chín, việc nông chưa xong, chưa có thể công tác xây dựng được.

Xét - Lưu Huyền dẫn chứng sách nhà Chu, bảo rằng sao Hỏa mọc thì mới bắt đầu xây cất, tức là vào tháng Hợi. Thế thì xây cất vào tháng Tuất là vô lý, cho nên Đạm Trợ, Trương Hiệp, đều cho là làm việc trái mùa. Thuyết đó đúng. Đồ Dự thì bảo rằng năm đó có tháng sáu nhuận, tháng lùi lại, mà tiết sớm hơn. Không Đinh Đạt theo ý đó cho là Truyện không nhầm. Nói cũng có lý.

十有一月衛侯朔出奔齊

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, VỆ HẦU SỐC XUẤT BÔN TÊ

**THÁNG 11, VỆ HẬU TÊN LÀ SỐC,
CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TÊ**

Tả - Xưa, Vệ Tuyên Công thông dâm với vợ lẽ bố, là Di Khương sinh ra Cáp Tử, giao cho Sư Phó là Công tử Hữu. Sau Tuyên Công hỏi vợ cho con ở nước Tê, thấy người đẹp, cướp lấy làm vợ, đẻ ra Thọ, và Sốc, giao cho Công tử Tả làm Sư phó. Di Khương tự tử, Tuyên Khương cùng con là Công tử Sốc, mưu hại Cáp tử, Tuyên Công sai đi sứ nước Tê, rồi ngầm sai cướp đợi ở bến đò sẵn để giết đi. Thọ báo cho Cáp biết, khuyên Cáp tránh đi nước khác. Cáp không nghe nói: Bỏ mệnh cha, thì con còn được việc gì, thiên hạ đâu có nước vô phụ. Đến lúc đi, Thọ đổ rượu cho Cáp uống say, rồi lấy cờ tinh cắm vào thuyền mình đi trước. Cướp trông thấy giết Thọ. Khi Cáp tỉnh rượu, cho thuyền đi tới chỗ và nói: Ta mới là người đáng giết, Thọ có tội gì, cứ

giết ta đi. Cướp lại giết nốt. Về sau hai công tử Hữu và Tả, tức là Chúc và Tiết, oán công tử Sóc (sau là Vệ Huệ Công) lập Công tử Kiểm Mậu. Huệ công (Công tử Sóc trước), lên ngôi thay Tuyên Công chết bệnh chạy trốn sang Tề. Săn là đất nước Vệ. Ở huyện Săn xứ Đông Xương, còn thành cũ là Bắc Săn Thành.

Công - Vệ Hầu Sóc sao chép tên là ý triệt đi. Vì có tội với Thiên Tử. Giữ được nước mà không giữ được dân. Rồi nước chạy đến đất Đại nước Tề. Bọn thuộc hạ ồm không kể tội.

Cốc - Sóc gọi tên là chê trách: Thiên Tử triệu mà không tới châu.

Trương Hiệp - Sóc ở ngôi đã 5 năm. Hai công tử không hay tự lực đuổi đi được. Phải nhân việc khinh mạn Thiên Tử, thấy nhà Chu muốn đánh mới thi hành được ý chí - Trang Công năm thứ 6, Tử Đột Triều Chu, cứu Vệ. Cái thuyết của Công Dương tất là Công Dương có được truyền lại chắc chắn. Sóc giết anh cướp nước. Mệnh vua đã dứt cho nên chép tên.

Xét - Việc Vệ Sóc chạy trốn, Tả Thị cho là bị hai Công tử đuổi, Công Thị, Cốc Thị cho là có tội với Thiên Tử. Trương Hiệp kiểm cả hai cố cho là nhà vua muốn đánh, rồi sau hai công tử mới đuổi. Theo tình thế thì hợp lý, nên theo Trương Hiệp.

Năm Bính Tuất - Trang Vương năm thứ 2.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tề Tương năm thứ 3. Tấn Mân năm thứ 10. Vệ Huệ năm thứ 5. Kiểm Mậu, năm đầu, Tống Trang năm thứ (?). Sái Hoàn năm thứ 20. Trịnh Lệ năm thứ 6, Chiêu năm thứ 2. Tào Trang năm thứ 7. Trần Trang năm thứ 5. Kỷ Tinh năm thứ 9. Tần Vũ năm thứ 3. Sở Vũ năm thứ 46.

春正月丙辰公會齊侯紀侯盟于黃

**XUÂN CHÍNH NGUYỆT, BÌNH THÌN, CÔNG HỘI
TÊ HẦU, KỶ HẦU MINH VU HOÀNG**

**MÙA XUÂN THÁNG GIÊNG, NGÀY BÌNH THÌN, CÔNG HỘI
TÊ HẦU, KỶ HẦU THỂ Ở ĐẤT HOÀNG**

Hoàng là đất nước Tê, ở huyện Hoàng, phía Đông Nam có Cổ Hoàng Thành, vốn là ấp nước Kỷ, sau nhập vào Tê.

Tả - Tê, Kỷ, hòa, và mưu việc nước Vệ.

Cao Kháng - Kỷ sợ Tê, thường phòng bị. Người Tê thì dôi trá. Cho nên có việc thể này, để cho khỏi nghi, cốt cho một bên tin rồi bớt lo, bớt phòng bị. Vì thế việc thể vừa xong, thì Lỗ đánh nhau với Tê ở đất Hề. Hai năm sau, Tê lại lấy ba ấp của Kỷ. Coi đó đủ biết thể là vô ích, và chỉ là khơi mào của chiến tranh.

二月丙午公會鄆儀斧盟于水

**NHỊ NGUYỆT BÌNH NGỌ, CÔNG HỘI
CHÂU NGHI PHỦ MINH VU THỦY**

**THÁNG 2, NGÀY BÌNH NGỌ, CÔNG HỘI
CHÂU NGHI PHỦ, THỂ Ở ĐẤT THỦY**

Chữ Hội, Cốc, Công, viết là chữ 及 cập (cùng). Thủy ra đất nước Lỗ.

Tả - Cùng châu Nghi Phủ thể ở Thủy, tức là tiếp theo hội thể ở Miệt.

Ngô Trưng - Ân Công năm đầu, cùng với nước Châu thể ở đất Miệt. Bảy năm sau, Ân Công bỏ lời thể, rồi đánh Châu, Lỗ Hoàn Công năm thứ 8 lại đánh Châu. Lỗ và Châu thôi không thông hiếu có đến 10 năm. Đến năm Lỗ Hoàn Công thứ 15, Châu cùng Mâu, Cát, tới châu. Sau việc Châu, hai nước Lỗ và Châu, muốn nối lại việc thể đất Miệt để cùng hòa sau hai trận đánh nhau vì thể Châu mới tới Lỗ chịu thể, và Công cùng thể.

Uông Khắc Khoan - Ở dưới chép, sau đánh Châu thì việc thể ở đất Thủy không đợi chờ mà đã thấy rõ.

夏五月丙午及齊師戰于奚
HẠ NGŨ NGUYỆT BÌNH NGỌ,
CẬP TÊ SƯ CHIẾN VU HÊ
MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY BÌNH NGỌ,
CÙNG QUÂN TÊ ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT TÊ

Công Thị không chép chữ hạ - Cốc Thị viết chữ 奚 ra chữ 邦. Đây là khởi thủy Tê Lỗ đánh nhau. Hê là đất Lỗ, Sách Thủy Kinh Chú: Nước Hê Trọng trên núi còn có má Hê Trọng.

Tả - Cùng quân Tê đánh nhau ở đất Hê. Đó là việc ngoài biên cương. Người Tê xâm vào biên giới Lỗ. Quan coi biên giới về báo. Công nói: Biên giới phải cẩn thận giữ gìn để phòng bị việc không ngờ. Hãy hết sức phòng bị. Việc phải đánh nhau thì cứ đánh nhau, hà tất phải phi báo.

Cốc - Sử kiêng chép là thua. Chỉ chép việc còn có thể chép được.

Không nói tên người, là vì Lỗ ta thua. Tránh nói thua.

Gia Huyên Ông - Năm nay, mùa xuân, Lỗ với Tê, Kỳ, hội ở đất Hoàng. Mới được chưa bao lâu lại đánh nhau ở đây. Tê không tin được Lỗ Hoàn Công, từ khi còn Tê Hi Công, vì nước Kỳ có cầu Tê, đến khi Tương Công nối ngôi, lại nối hòa hiếu trước, vì thế có hội thể ở Hoàng Tương Công không những không theo, lại còn đem quân đến Lỗ. Tương Công, thật là khinh mạn Lỗ quá lắm.

六月丁丑蔡侯封人卒
LỤC NGUYỆT, ĐÌNH SỬ,
SÁI HẦU PHONG NHÂN TỐT
THÁNG 6, NGÀY ĐÌNH SỬ,
SÁI HẦU LÀ PHONG NHÂN MẤT

Tả - Sai Hoàn hầu mất.

秋七月蔡季自陳歸于蔡
THU BÁT NGUYỆT, SÁI QUÝ TỰ TRẦN QUY VU
SÁI
MÙA THU THÁNG 8, SÁI QUÝ TỪ NƯỚC TRẦN VỀ NƯỚC SÁI

Tả - Người Sai mời Sai Quý ở nước Trần. Sai Quý về người Sai mừng rỡ.

Cốc - Sai Quý là người được tôn trọng ở Sai (Tự Trần) Vậy Trần có giúp.

Hà Hưu - Gọi tên tự, Sai hầu Phong nhân không có con. Quý là hàng thứ được nối ngôi. Phong nhân muốn lập Hiến Vũ mà ghét Quý. Quý tránh sang Trần. Phong nhân chết. Quý về chịu tang trong ba năm không có lòng hờn oán, cho nên được cho là hiền, mà chỉ gọi tên tự.

Gia Huyền Ông - Bọn nho, phần nhiều theo lời bàn của Công Dương bảo rằng gọi tên tự và dùng chữ (vê) là khen, Hiến Vũ là vị vua mất nước. Sai Quý, là người hiền nhường ngôi. Hai người trong Xuân Thu khác nhau, cứ theo phép biên chép thì biết. Thế mà Tả thị cho Quý và Hiến Vũ chỉ là một người. Tôi không tin.

Xét - Sai Quý không phải là Hiến Vũ. Đỗ Dự nhằm cho là một người. Tả Thị thì chỉ nói rằng: Triệu Sai Quý ở Trần, Sai Quý ở Trần về Sai mà thôi. Chưa thường bảo được lập làm vua. Bọn tiên nho dựa vào Hà Thị. - Gia Huyền Ông dẫn thư pháp thì đáng tin.

癸 蔡 葬 蔡 桓 侯

QUÝ TỶ TÁNG SÁI HOÀN HẦU

NGÀY QUÝ TỶ. TÁNG SÁI HOÀN HẦU

Dạm Trợ - Gọi là Hầu, vì Sái Quý hiền, xin nhà vua cho tên thụy. Phàm chư hầu xin vua tên thụy thì trong bản sách phong có viết là Mỗ hầu. Sử các nước nhân đó mà chép là Hầu. Cho nên chư hầu nhà Tây Chu, chép việc đều y như chức tước trong triều nhà vua. Thời Xuân Thu đều xưng là Công. Phu Tử cùng nhân đó mà chép là Công để tỏ là không xin lên vua.

及 宋 人 衛 人 伐 鄆

CẬP TỔNG NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT CHÂU

CÙNG NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI VỆ ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tả - Đánh Châu, là do ý Tống.

Tôn Giác - Châu nằm trước tới châu. Năm nay thể ở đất Thuy. Nay dựa vào quân hai nước mà đánh Châu, thì là không tin được lời thể. Bọn khoẻ tha hồ dọc ngang, bọn yếu thường bị lấn áp.

Trần Thâm - Xét Tả Thị, tuy Lỗ theo ý Tống, nhưng chép chữ cùng thì vẫn là có ý của Lỗ.

Thẩm Nhược Thủy - "Cùng", là ta cùng với người Tống, người Vệ, đánh nước Châu. Chép thể là rõ tội phản phúc của Lỗ Hoàn Công.

冬 十 月 朔 日 有 食 之

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT SỐC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY SỐC. CÓ NHẬT THỰC

Tả - Mùa đông, tháng mười sóc có nhật thực. Không chép ngày, vì chức quan coi lịch đã bỏ sóc. Thiên Tử thì có vị quan gọi là Nhật quan. Chư hầu thì có vị quan gọi là Nhật Ngự. Nhật

Quan là vị Khanh để định ngày. Nhật ngự không bỏ sót ngày. Đều là để báo lại các quan trong triều.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa Trịnh Bá muốn dùng Cao Cừ Di làm chức Khanh, Chiêu Công ghét, cố can. Không nghe. Khi Chiêu Công nối ngôi, Cao Cừ Di sợ bị giết. Ngày Tân mao mới giết (thì) Chiêu công, mà lập Công tử Vi; người quân tử bàn: Chiêu Công biết người. Công tử Đạt nói: Cao Bá thế nào cũng chết vì ác đã quá nhiều.

Cốc - Chép sóc không chép ngày. Nhật thực thì đã sóc rồi.

Triệu Khuông - Tả Thị bàn rằng không chép ngày là chức quan bỏ sót, bản thể không phải. Hoặc sử quan bỏ sót, hoặc lâu ngày chép sót, quan hệ gì đến chức nhật quan nhật ngự.

Trần Phó Lương - Từ đời Văn Công về trước, nhật thực không chép ngày Từ Văn Công về sau, đều chép ngày. Vậy có thể cho là đời Hoàn, Trang, trong sử nhiều câu viết bỏ sót.

Thẩm Nhược Thủy - Chép một việc lạ, không chép ngày, sử có khi thất truyền.

Xét - Chép sóc, không chép ngày. Triệu Khuông, Trần Phó Lương, Thẩm Nhược Thủy đều bàn là khuyết. Xét hồi, sóc, hay giáp ất, hoặc chép, hoặc không sử cũ có tường, có lược; còn Phu tử thì căn cứ vào sử cũ. Lưu Suồng Dương Thời đã luận bàn kỹ về việc năm thứ 3 Ân Công. Lại khảo sát các sách chuyên môn về lịch thấy rằng, cứ một ngày sóc, có bình sóc có định sóc. Thấy ngày đi đều, tháng đi đều, thì suy tính ra ngày giờ khác, để ngày tháng hợp với sóc; thế gọi là bình sóc. Ngày có dài ngắn, tháng có thiếu đủ, cứ lấy quân bình, hoặc gia, hoặc giảm, để định ngày giờ khác, để ngày tháng ăn khớp với nhau, thế gọi là định sóc. Từ Lưu Hồng soạn lịch mới dùng định sóc. Từ đấy, không phải sóc là không có nhật thực. Từ đầu nhà Hán trở về trước, đều dùng lối bình sóc cho nên có nhật thực ở sau hoặc ở trước ngày sóc. Công Dương mà nói là quên mất trước hay sau, Cốc Lương mà nói là nhật thực về ngày hồi, hoặc nhật thực khi sóc đã qua, vậy trước sóc, sau sóc, chính sóc, thánh nhân cứ thế mà chép có khó gì mà nay cứ phải bàn tán tìm tòi. Nếu sau sóc hai ngày mới có nhật thực thì đâu có chép chữ sóc. Vậy cứ phải cho thiếu sót chữ là phải.

Năm Đinh Hợi, - Trang Vương năm thứ 3. -

十有八年
THẬP HỮU BÁT NIÊN
NĂM THỨ 18

Tề Tương năm thứ 4. Tần Mân năm thứ 11. Vệ Huệ năm thứ 6. Kiểm Mậu năm thứ 2. Sái Ai Hấu Hiến Vũ năm đầu. Trịnh Lệ năm thứ 7. Tử Vi năm đầu. Tào Trang năm thứ 8. Trần Trang năm thứ 6. Kỷ Tinh năm thứ 10. Tống Trang năm thứ 16. Tần Vũ năm 4. Sở Vũ năm thứ 47.

春 正 月
XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Tôn giác - Tháng giêng có chữ vương là Hoàn Công hết đời. Giặc giết vua không có lý gì tha được. Không bị tội ngay thì cũng bị ở ngày tháng tới. Không bị tội lúc sống thì bị tội lúc chết. Không bị tội lúc chết thì bị tội ở muôn đời.

Gia-Huyền-Ông - Lỗ Hoàn Công giết anh, cướp ngôi được 18 năm. Thiên Tử đã không phạt được lại còn thân thiện. Việc thoán thì lâu ngày rồi cũng quên. Nào biết đâu loạn tự trong sinh ra, rồi chết ở nước láng giềng mạnh hơn để chịu tội trời. Kinh Xuân Thu đến năm ấy mới lại chép chữ vương, tháng giêng, là để chính cái tội loạn nghịch; và để làm phép cho đời sau.

Triệu Phương - Hoàn Công là hạng vô vương. Đây chép chữ vương là ý đã cẩn thận lúc đầu (thủy) thì cũng chính lúc sau (chung).

公會齊侯于泲
CÔNG HỘI TẾ HẦU VU LẠC
CÔNG HỘI TẾ HẦU Ở ĐẤT LẠC

Lạc Thủy ở phía Tây huyện Lịch Thành, phủ Tế Nam. Phía Bắc chảy vào sông Tế tức là ngọn sông Lạc Thủy. Tế Thủy chảy ra nhiều nơi.

公與夫人姜氏遂如齊

CÔNG DỮ PHU NHÂN KHƯƠNG THI TỰ NHU TÊ
CÔNG CÙNG PHU NHÂN KHƯƠNG THI RỐI SANG TÊ

Tả - Công sắp ra đi cùng Khương Thi sang Tê. Thân Nhu nói: Nữ hữu gia, nam hữu thất, giai có vợ, gái có chồng, không hôn loạn được. Thế gọi là có lễ. Không thế gọi là bại. Công hội Tê Hầu ở đất Lạc, rồi cùng với Văn Khương sang Tê. Tê Hầu thông dâm. Công trách, Văn Khương mách Tê Hầu.

Công - Hoàn Công sao lại không chép là “cập” là với, phu nhân. Vì phu nhân là người ngoài, mà sử Lỗ chép việc Lỗ. Phu nhân bị coi như người ngoài.

Cốc - Hội đất Lạc, không nói là với Phu nhân, vì coi Phu nhân ngang hàng. Không nói đã nhiều lần.

Lưu Sưởng - Không nói là với, mà nói là cùng, cùng như thất phu cùng thất phụ vậy. Đó là đường lối đi vào tai họa (người nọ cùng người kia).

Triệu Bằng Phi - Sang Tê là do ý của Văn Khương, chứ không phải ý của Công. Cho nên không viết chữ với (cập) mà viết chữ dữ (cùng). Cùng như nói: Công bắt đặc đi cùng Văn Khương đi sang Tê.

夏四月丙子公薨于齊丁酉公之喪至自齊
HẠ TỬ NGUYỆT, BÌNH TÝ, CÔNG HOÃNG VU TÊ
ĐÌNH ĐẬU CÔNG CHI TANG CHỈ TỰ TÊ
MÙA HẠ THÁNG 4. NGÀY BÌNH TÝ CÔNG MẤT Ở TÊ
NGÀY ĐÌNH ĐẬU, ĐƯA TANG CÔNG TỰ TÊ VỀ

Tả - Mùa hạ, tháng tư, ngày Bình Tý Tê đãi tiệc Công. Tê sai Công tử Bành Sinh cùng đi với Công. Công chết trong xe. Người Lỗ cáo với Tê rằng: Qua quân tôi: sợ uy của nhà vua, không dám ở yên, phải sửa soạn thông cữu hiếu. Lễ nghi xong, không thấy vợ, không biết lỗi ở đâu, mang tiếng với chư hầu. Nay xin làm tội Bành Sinh. Người Tê mới giết Bành Sinh.

Cốc - Ở đất ngoài thì, chết gọi là Công, theo như trên.

Chu Tử - Không Tử cứ thẳng thắn chép thì nghĩa rõ ngay. Chép rằng Công Hối Tề Hầu ở đất Mỗ. Công cùng phu nhân Khương Thị sang Tề. Công mất ở Tề, tang của Công từ Tề tới, Phu nhân ở lại Tề. Đọc những câu ấy như thấy việc trước mắt. Dù không bàn giải cũng hiểu được.

Trương Hiệp - Chép việc vua Lỗ bị giết có hai cách: Nếu ở trong nước thì không chép nơi chết, chỉ cần biết việc chết. Nếu ở ngoài, thì không thể không chép nơi chết, mà rồi cho các câu văn trên dưới liên tục. Đây, trước tiên, chép Công cùng Phu nhân Khương Thị, sang Tề, rồi, chép Phu nhân sang Tề năm sau, rồi lại tới việc Trang Công không chép là lên ngôi. Tuy không chép rõ người Tề giết Công, mà việc Hoàn Công bị giết đã rõ rệt. Thế mà bản quốc chép nếu lại giống như các nước khác chép, thì còn đâu là ý tôn quân, thân thượng. Cho nên việc Hoàn Công bị giết tất phải kiêng tránh, mà lại cũng phải dùng mất sự thực, mới làm cho đời sau đọc mà tin được. Lời văn thật nhẹ nhàng mà vẫn vè.

秋七月

THU THẮT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG 7

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, Tề Hầu đóng quân ở đất Thu Chi, Công tử Vi tới hội. Cao Cừ Di là phụ. Tháng bảy, ngày Mậu tuất, người Tề giết Công tử Vi, phanh thây Cao Cừ Di. Sái Trọng mới đón Trịnh tử ở Trần lập lên ngôi vua. Về việc đi sang Tề. Sái Trọng đoán trước, cho nên cáo ốm không đi. Ai cũng bảo Trọng là có trí. Trọng nói đó chỉ là xét điều tin.

Chu Công muốn giết Trang Vương mà lập Vương Tử Khắc. Tấn Bá báo với vua rồi cùng vua giết Chu Công Hắc Kiên. Vương Tử Khắc chạy trốn sang nước Yên. Tử Nghi được vua Hoàn Vương yêu. Hoàn Vương giao cho Chu Công làm sư Phó. Tấn Bá can rằng, hai hậu, hai con đích, hai quyền chính, thế là mầm loạn cho nước. Chu Công không nghe. Vì thế mới đến chỗ chết.

Thu Chi, đất nước Vệ, ở huyện Tương Ấp, đất Trần Lưu.

冬十有二月己丑葬我君桓公

ĐÔNG, THẬP HỮU NHI NGUYỆT KỶ SỬ,

TÁNG NGÃ QUÂN HOÀN CÔNG

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY KỶ SỬ

LỄ TÁNG VUA HOÀN CÔNG NƯỚC TA

Công - Chưa hỏi tội giặc, sao lại được chếp lễ táng. Là vì giặc ở nước ngoài. Dù thế cũng không chếp được lễ táng. Mới biết thật là lời văn nhẹ nhàng.

Cốc - Táng vua nước Lỗ ta. Trên dưới văn đều ăn khớp. Vua bị giết, giặc chưa trị tội, thì không chếp táng. Đây chếp táng là tại sao? Vượt qua nước ngoài mới trị tội được, nên không trách. Hoàn Công táng rồi mới đặt tên Thụy. Thụy là để hoàn thành các đức của vua, lúc đã chết. Người có trí thì biết lo việc. Người có nghĩa thì biết hành đạo. Người có nhân thì biết thủ thương. Có đầy đủ ba điều ấy rồi sau mới có thể đặt Thụy được.

Uông Khắc Khoan - Trong Kinh Xuân Thu, vua bị giết, mà chếp lễ táng, có 9 lần. Về Hoàn Công, Tề Tương, Trần Linh, ba vị ấy thì giặc giết, giặc đều bị trị tội. Trịnh Hy, Tề Diệu thì Kinh không chếp là bị giết. Sái Cảnh mà được lễ táng, là ý chê các chư hầu không phải chỉ là một việc Hứa Diệu giết cha, mà Hứa Diệu được lễ táng. Sái Linh thì giặc ở nước ngoài, mà cảnh ngộ y như Lỗ Hoàn Công. Sở Kiên chết vì Tỉ, thì cũng giống như Tề Chư Nhi chết vì Vô Tri, - Sái Chiêu thì giặc ở trong nước, giặc đã bị giết, mà thiếu tên giặc không chếp, lại Sái Chiêu phản Sở, dấy Ngô, đáng phải chết ở tay giặc cướp. Thư pháp của thánh nhân, như Hóa công, sinh muôn vật, đều theo nề trời đương nhiên.

Vương Tiểu - Chu Tử phát minh cái nghĩa vua bị giết không chếp lễ táng mọi người bình luận khác không nghĩ tới. Tuy nhiên, chỉ là ở trong nước, thì mới không chếp lễ táng là để dạy cho tòi con phải cố trị tội giặc giết vua. Còn như giặc ở nước ngoài, vì tình thế không thể trị tội được, chả nhẽ để mãi không có lễ táng. Lễ táng là tông quyền. Còn trị tội là theo nghĩa. Không trị tội thì có nghĩa như là không táng chứ không phải hèn là có thể thông thả được.

Xét - Lưu Sướng nói, vua bị giết, cháu không bị tội giặc, không phải là thần. Con không phục thù cha, không phải là con. Sao lại cho nếu giặc ở nước ngoài thì không phục thù được. Còn như Tề mạnh, Lỗ yếu, lượng sức không đánh được, người quân tử không trách. Việc đó là đối với kẻ nhu nhược và đối với giặc mạnh. Thuyết đó không giống thuyết của Công Thị, Cốc Thị. Còn cái thuyết nghĩa không đội trời chung, cũng chưa nên bỏ. Vậy chép ra đây.

XUÂN THU QUYỂN THỨ BA

莊公

TRANG CÔNG

LỖ

Dương Sĩ Huân - Theo Lỗ thế phả, Trang Công tên là Đồng, là con Hoàn Công. Năm Trang Vương thứ 4, lên ngôi. Theo phép đặt tên thụy thặng được dịch, trị được mạnh thì gọi là Trang.

Năm Mậu Tý, - Trang Vương thứ 4.

元年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tề Tương năm thứ 5. Tấn Mân năm thứ 12. Vệ Huệ năm thứ 7. Kiềm Mậu năm thứ 3. Sái Ai năm thứ 2. Trịnh Lệ năm thứ 8. Tử Nghi năm đầu. Tào Trang năm thứ 9. Trần Trang năm thứ 7. Kỳ Tĩnh năm thứ 11. Tống Trang năm thứ 17. Tần Vũ năm thứ 5. Sở Vũ năm thứ 48.

春王正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT MÙA XUÂN. VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Tả - Năm đầu mùa xuân, không gọi là lên ngôi. Vì Văn Khương chạy ra nước ngoài.

Công - Sao lại không nói là Công lên ngôi. Theo Kinh Xuân Thu, vua bị giết, con không nói là lên ngôi. Tại sao? Tại muốn giấu việc bị giết. Giấu vì con.

Lục Thuần - Tả Thị bảo rằng Trang Công không nói lên ngôi vì sợ Văn Khương chạy ra nước ngoài. Mẹ vì có tội, phải bỏ nước đi, con nói là bất nhân, thì bố bị nước khác giết, tính con ra sao. Không xét việc lớn, chỉ xét việc nhỏ, như thế đâu có phải lời bình luận xác đáng. Đến tháng ba Văn Khương mới đi, thì tháng giêng có ngại gì mà không lên ngôi.

Lưu Sưởng - Cái ý ấy nguyên của Tả Thị, vì Văn Khương cùng Hoàn Công đi không có chữ về, cho nên chép chữ chạy trốn. Không biết rằng phu nhân đã đi không phải là chính đạo, thì về không có chép. Và lại Văn Khương giết vua, tức là dứt bỏ nước Lỗ. Thế thì Trang Công lên ngôi vì có gì mà nói là bất nhân. Trang Công bất nhân lên ngôi thì Văn Khương sẽ cầm động mà về Lỗ. Nếu thế thì Trang Công quên việc Văn Khương giết bố, mà sao Văn Khương rồi lại còn trốn sang Tề.

Xét - Trang Công không chép lên ngôi. Tả Thị cho là vì Văn Khương bỏ nước. Lục Thuần, Lưu Sưởng, bác lời bàn ấy. Hồ Truyền cho rằng trong nước không được chính thức truyền ngôi, và trên không có mệnh Thiên Tử cho nên Kinh truat bỏ. Bàn như thế cũng không phải. Ngoài các vua Ân, Trang, Mân, Hy đều chép lên ngôi, đâu có phải là đều được bẩm mệnh lên Thiên Tử. Còn như Hoàn, Tuyên, Đinh Công, đâu có phải là ở trong nước được chính thức truyền ngôi. Vậy nên theo lời bàn Công Thị, Cốc Thị.

三月夫人遜于齊

TAM NGUYỆT, PHU NHÂN TỐN VU TÊ

THÁNG BA, PHU NHÂN SANG Ở TÊ

Tả - Không gọi là Khương Thị. Dứt bỏ đi, không cho là thân. Thế là lẽ.

Công - Sao lại sang ở Tê. Vì trong nước Sư tránh chữ chạy trốn, nên dùng chữ sang ở. Phu nhân vốn ở Tê. Nói rằng sang Tê là tại sao. Là nghĩ đến mẹ. Chép tháng giêng là nghĩ đến giữ ngôi. Chép việc thì đầu tiên nghĩ đến mẹ. Vậy sao lại không gọi là Khương Thị. Là chê biếm vì đã dự vào việc giết vua: Phu nhân nói xấu Công với Tê Hầu. Công nói: Thành Đồng (Trang Công) không phải con tôi, chính là con Tê Hầu. Tê Hầu giận, mới cho uống rượu, khi Công ra về, Tê Hầu sai Bành Sinh tiên, ngồi trên xe, bóp xương sườn giết chết. Bảo rằng nghĩ đến mẹ là nghĩ đến điều hay, mẹ thế thì còn có gì là hay đáng chê. Không cho là nghĩ đến mẹ.

Cốc - (Tốn, là sang, ở) là tránh nói chữ bỏn là chạy trốn. Lúc đón tang về, khoan thứ tội lỗi cho mẹ là tình con. Không chép họ là biếm. Người đối với trời, chịu mệnh theo đạo lý. Đối với người, chịu mệnh theo lời nói. Đã không thuận đạo lý thì trời bỏ. Đã không thuận lời nói, thì người bỏ. Kẻ thần tử cần phải thụ mệnh.

Đỗ Dự - Khương Thị là họ nước Tê. Theo nghĩa phải, thì Văn Khương nên tuyệt với Tê, cho nên cứ việc chạy trốn là phải tước họ Khương cho rõ nghĩa phải.

Dạm Trợ - Công Dương bảo rằng phu nhân vốn ở Tê. Thế mà chép là sang ở Tê là để cho con còn nghĩ đến mẹ. Há rằng vẫn ở Tê mà còn chép nay sang ở Tê và lại vì không thấy chép câu Phu nhân trở về Lỗ, không biết rằng phu nhân đã có theo tang mà về. Cốc Lương nói lúc cúng tế khoan thứ cho mẹ, là do tình con là nói rằng Phu nhân vẫn ở Tê, tới lúc cúng tế, ở Lỗ mới chép. Bảo thế cũng không phải.

Lý Liêm - Tả thì cho rằng Văn Khương nên tuyệt với Tê. Công Thị, Cốc Thị cho rằng đã là thần tử Lỗ thì nên tuyệt với Văn Khương. Hai thuyết không giống nhau. Tuy nhiên xét văn

Tả Thị, dẫu tuyệt thì không kể gì đến người thân. Biết đâu chẳng phải là bảo rằng, thần tử Lỗ nên tuyệt với Văn Khương, mà không kể gì đến người thân, biết đâu chẳng phải là bảo thế chẳng. Cõi văn ý không được rõ, Đỗ Dự mới giải thích lầm. Cho nên Hồ Thị dẫn lời của Khổng Quý Ngạn rồi Tả Truyện mới được rõ Công Thị, Cốc Thị mới sáng, mà Cốc Lương sáng hơn.

Xét - Tội của Văn Khương còn gì to hơn là dự việc giết vua. Cho nên chạy trốn là bị chê rồi. Lý Liêm cho rằng một lần biếm chê là tội ác đã thấy rõ. Vì thế năm thứ 2, sang Tề. Kinh mới chép lại chữ Khương Thị.

夏單伯逆王姬

HẠ THIÊN BÁ NGHỊCH VƯƠNG CƠ

MÙA HẠ, THIÊN BÁ ĐÓN VƯƠNG CƠ

Chữ đón (送) Tả Truyện chép là Tống (逆)

Công - Thiên Bá là đại phu của nước Lỗ ta, được Thiên tử sai. Sao không gọi là sứ. Là vì vua triệu tới rồi sai. "Đón", là sai nước ta làm chủ về hôn nhân, Thiên Tử gả con gái cho chư hầu, tất là một chư hầu cùng họ làm chủ. Vua chư hầu gả con gái cho đại phu, thì sai đại phu cùng họ làm chủ.

Cốc - Thiên Bá là đại phu nước Lỗ được Thiên Tử sai. Sai đại phu cho nên không vâng mệnh tại Kinh sư được. Là vì vua mình bị giết ở nước Tề. Lại bị sai đi làm chủ việc hôn nhân, cùng với Tề làm lễ, thế thì, vâng mệnh sao được.

Xét - Ba Truyện khác nhau, đành phải lấy Kinh ra làm chiết trung. Tả Thị thì cho Thiên Bá là đại phu nhà Chu nên viết chữ đón (nghịch), thay chữ đưa (tống). Tuy nhiên, so và hợp các sách lại, khảo cứu mọi điều lệ, thì Thiên Bá tức là quan nước Lỗ. Cho nên cứ phải theo lời bàn của Công Thị và Cốc Thị.

秋築王姬之館于外

THU, TRÚC VƯƠNG CƠ CHI QUÁN VU NGOẠI
MÙA THU, XÂY QUÁN VƯƠNG CƠ Ở NGOÀI NƯỚC

Tả - Mùa thu. Xây quán xá Vương Cơ ở ngoài. Xây ở ngoài là đúng lễ.

Công - Sao lại chép. Chép là chê. Xây quán là theo lễ. Xây ở ngoài là phi lễ. Xây thế nào mới đúng lễ. Chủ là Vương. Cơ thì phải vì Vương Cơ mà dời cất nhà mới. Vì sao? Vì ở cung vua (vua Lỗ) thì không được rồi. Ở cung thường thì không phải. Nhà của các Công tử thì là hèn kém. Theo phép tất phải xây dựng nhà mới.

Cốc - Cất nhà là lễ, cất ở ngoài là phi lễ. Sao cất nhà lại là lễ. Chủ là Vương Cơ tất phải từ ngoài cửa đi ra. Ở miếu thì là tôn. Ở cung thì là tì. Vì Vương Cơ mà xây nhà là một chi tiết trong lễ. Xây ở ngoài là biến đổi đi cho làm chính. Sao vậy? Đối với hạng cừu thù, không thể giúp việc hôn nhân được. Sô gài không thể thay ngay mũ áo được - Không nói Tề Hầu lại đón là vì không thể sai Tề hầu, cùng với Lỗ ta làm lễ được.

Triệu Khuông - Tả Thị báo ở ngoài là lễ. Chủ hôn cho kẻ thù, dù có ngoài thành, thì có gọi là đúng lễ không.

冬十月乙亥陳侯林卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT ẤT HỢI,

TRẦN HẦU LÂM TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10, NGÀY ẤT HỢI,

TRẦN HẦU, TÊN LÀ LÂM MẤT

Cốc - Chư hầu gọi là mất (tốt 卒) là đúng lễ.

王使榮叔來錫桓公命

**VƯƠNG SỬ VINH THỨC LAI TÍCH
HOÀN CÔNG MỆNH**

VUA SAI VINH THỨC TỚI BAN PHONG CHO HOÀN CÔNG

Khởi đầu chép việc tích mệnh.

Công - Tích là gì? Là cho? Mệnh là gì? Là thêm chức tước. thế là truy phong Lỗ Hoàn Công.

Cốc - Theo lễ thì có "tối nhận mệnh", chứ không có "lại ban mệnh". Ban mệnh đây không được chính lễ. Lúc sống thì được phong, lúc chết thì theo tước phong, thế là lễ. Không có "tối ban mệnh". Sống đã không phong, chết lại truy phong, thế không phải là chính lễ.

Hổ Truyền - Dạm Trụ có nói, không chép chữ Thiên Vương vì sao. Yêu kẻ thoán nghịch mà đổi cả tam cương. Kinh Xuân thu đã chép Vương, tất chép Thiên Vương tức là ở ngôi vị trời mà làm việc theo đạo trời. Thường là trời thưởng, Phật là trời phạt. Nay Hoàn Công cướp ngôi giết vua mà Thiên Tử không hay trị tội được, lại còn truy phong, thật là không có trời, là vô thiên. Lại đến việc lễ táng cho là phu nhân, khiến cho vợ lẽ ngang vợ cả. Cho nên mới có lời văn ấy trong Kinh. Phạm Ninh chỉ lấy việc vua ra ở đất Trịnh, việc sinh việc đời xe, lấy ba việc làm chứng cứ, mà bảo rằng, chỉ cứ ba việc đó là phi nghĩa. Bảo thế là nhầm.

王姬歸于齊

**VƯƠNG CƠ QUY VU TÊ
VƯƠNG CƠ GẢ VÊ TÊ**

Công - Sao lại chép việc? Vì Lỗ ta là chủ.

Cốc - Làm trung gian gả về.

Tôn Giác - Không chép: lại đón. Giá Tê Hầu lại thì đúng lẽ đây. Việc thân nghênh là việc thường, không phải chép. Tê

với Lỗ là thế thù. Mà Lỗ lại chủ hôn trong khi còn đại tang. Không chép Vương Cơ gả về thì không rõ Lỗ thất lễ mà là Thiên Tử thất mệnh.

齊 師 遷 紀 邢 郛 郛

TỀ SU THIÊN KÝ, BÌNH, TƯ, NGÔ **QUÂN TẾ THIÊN (CHIẾM) KÝ, BÌNH TƯ, NGÔ**

Khởi đầu chép việc thiên (chiếm) - Bình ở Đông Nam huyện Lâm Hu, xứ Đông Quán, Từ phía Tây huyện Đỗ Xương; Ngô, Đông Nam huyện Chu Cư.

Công - Thiên nghĩa là chiếm lấy. Không viết thẳng lần chiếm vì tránh cho Tương Công nước Tề. Nước ngoài chiếm cướp đất thì không chép. Đây chép là làm cho to chuyện. Là khởi đầu các việc diệt vong.

Cốc - Kỳ là một nước. Bình, Tư, Ngô. Cả ba là một nước. Hoặc giả là thiên nước Kỳ tới Bình, Tư, Ngô.

Dạm Trợ - Công Dương bảo rằng không nói chiếm, vì kiêng cho Tương Công. Xét cướp đất đâu phải là việc hay. Nếu vì thế mà kiêng, tức là che cái xấu. Cốc Lương thì bảo rằng Kỳ là một nước. Bình Tư Ngô là một nước. Hay là Thiên Kỳ tới Bình Tư Ngô. Xét mãi về sau mới có câu Kỳ Hầu rời nước. Vậy lúc bấy giờ chưa rời nước. Vì thế biết được Bình, Tư, Ngô là ba ấp nước Kỳ.

Lưu Sưởng - Bình, Tư, Ngô là ba ấp nước Kỳ. Cốc Lương mà bảo là một nước thì không phải. Xét ra Tề một lần đem quân đi chắc không thể thôn tính cả hai nước được. Và lại, nếu như thế, thì Kinh Xuân Thu phải phân biệt để cho rõ cái ác diệt nước, chứ đừng hợp lại làm một câu.

Năm Kỳ Sửu - Trang Vương năm thứ 5.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tô Tương năm thứ 6. Tấn Mân năm thứ 13. Vệ Huệ năm thứ 8. Kiềm Mậu năm thứ 4. Sái Ai năm thứ 3. Trịnh Lệ năm thứ 9. Từ Nghi năm thứ 2. Tào Trang năm thứ 10. Trần Tuyên Công Chử Cửu năm đầu, Kỳ Tĩnh năm thứ 12. Tống Trang năm thứ 18. Tần Vũ năm thứ 6. Sở Vũ năm thứ 49.

春王二月葬陳莊公

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT.

TÁNG TRẦN TRANG CÔNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI,

LỄ TÁNG TRẦN TRANG CÔNG

夏公子慶斧帥師伐於餘邱

HẠ, CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ SUẤT SƯ

PHẠT Ô DƯ KHU

MÙA HẠ, CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ SUẤT SƯ

ĐÁNH Ô DƯ KHU

Ô Dư Khu, là tên nước, theo Khổng Sớ, Công Thị, Cốc Thị đều cho là một ấp của nước Châu. Tả Thị thì không có chú giải. Vậy cứ như văn Kinh thì chưa từng thấy đánh ấp một nước mà lại không nói đến ấp nước ấy. Đây không có liên hệ đến nước nào. Vậy biết là một nước. Chỉ vì thiếu sót chú thích, nên không hiểu ở phương nào. Chắc là một nước nhỏ gần nước Lỗ.

Công - Ô Dư Khu, là ấp nước Châu Lâu. Sao không liên hệ gì đến nước Châu Lâu. Vì coi Ô Dư Khu như một nước. Vì Ô Dư Khu vẫn còn giữ vị vua.

Cốc - Có là một nước thì mới nói bị đánh. Đây chỉ là một ấp nước Châu. Sao gọi là đánh phạt? Vì công tử đem quân đi là một vị tôn quý, mà quân thì nhiều, tức là quân đội nước Lỗ. Bên địch (người ấp) thì Công tử e sợ. Ý chê Công tử. Cũng có thuyết nói là ấp được quan trọng hóa, vì còn có vị chủ là vua.

Trương Phổ - Đồ Dự cho Ô Dư Khưu là một nước nhỏ gần nước Lỗ. Công Thị, Cốc Thị thì bảo là một ấp nước Châu. Thực ra, không khảo cứu được. Xét kỹ: Điều mà kinh Xuân Thu ghét không phải là Ô Dư Khưu bị đánh, mà ghét ở Khánh Phủ đem quân đi đánh. Ở Lỗ ba tên giặc giết vua đều do được chủ việc binh mà thành đến giết vua. Cho nên, ngại rằng Khánh Phủ sẽ ngang với Công tử Huy, với Trọng Toại. Theo đồ Dự, Khánh Phủ là anh khác mẹ với Trang Công. Công Dương thì bảo là em cùng mẹ, hãy còn nhỏ tuổi. Nếu là thứ huynh thì lớn tuổi hơn, có thể kiểm chế được Trang Công. Vua trong nước mới lên ngôi. Công tử đã thân cầm quân, dù anh dù em liệu có nên không.

Xét - Ô Dư Khưu, Tả Thị không nói đến. Công Thị, Cốc Thị đều cho là ấp nước Châu. Một mình Đồ Dự cho là một nước. Xét kỹ văn Kinh đã đi đánh ấp nước người ta, tất phải có liên hệ đến nước người ta, và chưa thấy chỉ là một ấp mà phải dùng chữ phạt. Nghe Đồ Dự chú giải được lắm. Công Dương cho Khánh Phủ là em cùng mẹ với Trang Công. Đồ Dự cho là anh khác mẹ. Vậy nếu làm em thì sao lại xưng là mạnh. Mà là anh thì không nên xưng là trọng, Lưu Huyền thì cho là Khánh Phủ muốn cùng hàng địch tử cho nên lấy Trang Công làm bá, mà tự xưng là trọng. Hay là lý thế chẳng. Nên hiểu ý của Kinh là chú trọng vào việc Khánh Phủ nắm binh quyền thôi. Còn như em hay anh, các nước ấy là ấp hay là nước. Kinh đều không cần đến ý nghĩa cho nên các lời bàn của mọi người cứ để cả, mà lấy thuyết của Trương Phổ làm lời bàn chính.

秋七月齊王姬卒

THU THẮT NGUYỆT, TẾ VƯƠNG CƠ TỐT MÙA THU THÁNG BẢY, TẾ VƯƠNG CƠ MẤT

Công - Phu nhân một nước khác mất, sao lại chép. Vì Lỗ ta là chủ hôn.

Cốc - Đã là chủ hôn, thì lúc người ta chết cũng chạp.

Khổng Đình Đạt - Phu nhân nước khác mất, cứ lệ thì không chạp. Chỉ khi nào con gái Lỗ đi làm vợ vua chư hầu thì khi chết có chạp. Vương Cơ tuy không phải là con gái Lỗ, nhưng cũng cứ chạp, vì cô được coi ngang với con gái Lỗ.

Tôn Giác - Lỗ với Thiên Tử cùng họ. Con gái Thiên Tử hạ giá với vua chư hầu phần nhiều Lỗ đứng chủ hôn. Tuy nhiên, suốt 12 đời Lỗ Công trong khoảng 242 năm, về việc Vương Cơ lấy chồng Tề Vương Cơ được chạp tường tận, đầy đủ. Thế mới rõ Trang Công đã tận lễ với kẻ thù, không còn nhớ đến tiên quân, đến bố nữa. Tội to nên chạp kỹ, ác đã chứa nhiều, không thể che đậy được.

冬十有二月夫人姜氏會齊侯于

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, PHU NHÂN

KHUƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU VU CHƯỚC

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, PHU NHÂN, LÀ KHUƠNG

THỊ HỘI TỀ HẦU TẠI ĐẤT CHƯỚC

Chước, Công Thị chạp là Cáo. Chước là đất nước Tề - Tả Truyện: Đình Công năm thứ 9, Tề Hầu cho nước Vệ đất Chước, đất My, đất Hạnh. Ba ấp đều ở phía Tây biên giới nước Tề tức là nơi phân giới ba nước Tề, Lỗ và Vệ.

Tả - Chạp việc gian.

Cốc - Đàn bà đã xuất giá, đi lấy chồng thì thôi không có ra khỏi nước. Ra khỏi nước là không chính. Đàn bà không được hội: hội là không chính. Ăn tiệc lại càng tệ nữa.

Hồ Truyện - Đàn bà không có việc ở ngoài. Đón đưa không ra khỏi cửa. Tiếp anh em không ra khỏi bậc cửa. Ở nhà theo cha. Lấy chồng theo chồng. Chồng chết theo con. Nay hội với Tề Hầu ở đất Chước thế là Trang Công không ngăn ngừa được mẹ, mất đạo làm con. Cho nên, Triệu Khuông nói: Cái bậy, dở của Khương Thị, của Tề Hầu rõ rệt, và cũng đáng trách Trang Công. Con có thể ngăn mẹ được không. Câu chồng chết theo con là rất thông thường, huống lại ở địa vị vua một nước. Vua là

gi? Là chủ nhân dân, chủ thần linh, là căn bản cho phong giáo. Đã không hay chỉnh được việc nhà, thì sao còn chỉnh được việc nước. Như Trang Công giá cứ nghĩ đến cha thì xót thương, thờ mẹ thì thành kính, đối với kẻ dưới thì uy nghiêm. Như thế, quân đội, thần hạ ai là không phải tuân chờ mệnh lệnh, như thế thì mẹ còn đi đâu được. Phu nhân mà đi được là vì uy mệnh của Trang Công không được thi hành, tình xót thương không có. Mới cách có mấy tháng mà đã thông dân với em, thiên hạ còn gì là bậy bạ, trời đất đâu có dung được. Thánh nhân vì thế, trong Kinh Xuân Thu mới chép các việc liên nhau để so sánh, thế là trị tội đó.

乙酉宋公馮卒

ẤT DẬU, TỔNG CÔNG BẰNG TỐT
NGÀY ẤT DẬU, TỔNG CÔNG TÊN LÀ BẰNG MẤT

Cáo Kháng - Xem như Tống Trang, ghen ghét, tham lam, vô si, thì Mục Công không truyền ngôi cho con là phải.

Năm Canh Dần. Trang Vương năm thứ 6

三年

TAM NIÊN
NĂM THỨ 3

Tề Tương năm thứ 7. Tấn Mân năm thứ 14. Vệ Huệ năm thứ 9. Kiềm Mậu năm thứ 5. Sái Ai năm thứ 4. Trịnh Lệ năm thứ 10. Tử Nghi năm thứ 3. Tào Trang năm thứ 11. Trần Tuyên năm thứ 2. Kỷ Tinh năm thứ 13. Tấn Mân Công Tiệp năm đầu. Tấn Vũ năm thứ 7. Sở Vũ năm thứ 50.

春王正月溺會齊師伐衛
XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
NỊCH HỘI TỂ SƯ PHẠT VỆ
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG,
NỊCH HỘI VỚI QUÂN TỂ ĐÁNH NƯỚC VỆ

Tả - Chép là ý ghét.

Công - Nịch là đại phu nước Lô ta. Khi đó chưa được tước.

Cốc - Nịch là Công tử Nịch. Không gọi là công tử. Là ghét lỗi đánh với cừu thù mà đánh người cùng họ, cho nên chê, chỉ biên tên.

Lý Liêm - Xét cả ba truyện. Tả Truyện thì chép Vệ Súc chạy trốn. Ở nhà, hai công tử lập Kiểm Mậu. Hà Hưu thì căn cứ vào sử ký đương thời, cho là Vệ Súc bội phản chạy trốn. Thiên Tử vừa lập Công tử Lưu - Phạm Thị thì cho là Tể chứa tội nhân của Thiên Tử, vì thế mới hưng sư, mà Lỗ lại theo Tể. Vậy thì Kiểm Mậu với Lưu, tuy chưa biết ai phải, mà thời đó Vệ Súc ở Tể, Tể muốn dưng nên là rõ ràng lắm. Tể vào phe tội nhân, không cần trách nữa. Nhưng Trang Công vừa lên ngôi, mà giấu mình vào can qua, đem quân nước mình đi với kẻ thù, chẳng nghĩ gì đến thù. Năm thứ 2, đánh Ô Dư Khưu năm thứ 3 đánh Vệ, lại cứ cùng với Tể. Con người thế, tâm ra sao. Vậy lời bàn của Tả Thị (chép là ý ghét), được lắm.

夏四月葬宋莊公
HẠ TỬ NGUYỆT, TÁNG TỔNG TRANG CÔNG
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TÁNG TỔNG TRANG CÔNG

Cốc - Táng mà chép tháng là có cố.

五月葬桓王

NGŨ NGUYỆT TÁNG HOÀN VƯƠNG

THÁNG NĂM, TÁNG HOÀN VƯƠNG

Ta - Thế là chậm.

Công - Đây chưa nói chết, mà sao lại chép táng. Chắc là cái táng.

Cốc - Truyện, chép cái táng. Lễ cái táng: áo sô gai, dáng nghiêm nghị. Hoặc chép rằng: Quay xác ra ngoài để tiếp các chư hầu. Thiên Tử chỉ chép chết, chứ không chép ngày táng, vì còn phải định ngày để cho các nước trong thiên hạ đều phải dự. Nếu có chép táng là có có khi vì trường hợp bất chính, mà không lễ táng đúng được ngày định. Lại chép rằng: Không chép táng là vì đã bị thiên hạ không quy phục. Một âm không sinh được, một dương không sinh được; một thiên không sinh được. Phải cả ba mới có sinh. Cho nên thường nói, con là con của mẹ cũng được, là con của trời cũng được. Bực tôn thì kêu chức vị tôn, bực ty thì kêu chức vị ty. Còn đến như, bực vương giả thì toàn dân ngưỡng vọng.

Đỗ Dự - Xét Hoàn Vương mất năm thứ 15. Bảy năm sau mới táng.

Lưu Sưởng - Chết đã lâu rồi. Sao bây giờ mới táng. Quá chậm. Công Dương, Cốc Lương cho là cái táng, không phải. Nếu thực là cái táng, thì nên viết cái táng cũng như cái bốc (đổi việc đã định). Nay không viết là cái tức không phải là cái. Xét đời đã suy lễ đã bỏ, thì có việc gì là không thể làm được. Riêng gì Hoàn Vương, trước ngày ấy cứ phải đã được táng rồi. Vậy nên căn cứ vào lời trong kinh.

秋紀季以侯入于齊

THU, KỶ QUÝ DĨ HUỆ NHẬP VU TÊ

MÙA THU, KỶ QUÝ ĐEM ĐẤT HUỆ

SÁT NHẬP VÀO NƯỚC TÊ

Huệ là ấp nước Kỳ ở phía Đông nước Tê, huyện An Bình.

Tả - Thế là từ đó, nước Kỳ bị chia cắt.

Công - Kỳ Quý, là ai? Là em Kỳ Hầu, Sao không gọi tên, lại gọi là Quý, (quý là em, như chữ Trọng). Là vì hiền, tự chịu tội, để giữ tôn miếu, giữ họ hàng.

Cốc - Huệ là ấp nước Kỳ. Sát nhập vào Tê là lấy dâng cho Tê. Sát nhập rõ ý dân không chịu, không phải ý dân.

Hồ Truyền - Đại phu không sử dụng đất trong nước, theo ý mình. Công tử không được bỏ nước mà đi. Lấy riêng đất để cho thù địch, bỏ vua để trốn nạn không phải là một việc một nhân thân. Cho nên cái nghĩa Kinh Xuân Thu, riêng mình chạy đi, thì chép là bôn (chạy trốn). Có tội thì phải chê. Nay Kỳ Quý trong Kinh, không chép bôn, thì đâu có phải là lấy riêng đất, là trộm của vua. Cũng không chép tên, thì đâu có phải là chê. Đà là anh em vua chư hầu, nếu chê thì phải chép tên, như loại Tống Thời, Tần Châm. Nếu không chê, thì chép tự (tên tự) như loại Sái Quý, Hứa Thúc. Kỳ Quý sở dĩ không chép là bôn, là vì có mệnh của Kỳ Hầu, sở dĩ không chép tên, là vì trong khi thiên hạ vô đạo, khoẻ yếu áp bức nhau, Thiên Tử bất lực, Phương Bá bất lực, thế thì tự mình phải phụng sự nước Tê, để xin giữ lại tôn miếu, thật là việc bất đắc dĩ, chứ không phải là tội. Không chê trách. Quả thật là trường hợp khó quá.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu chép: Dâng đất rồi chạy trốn, như các trường hợp: Châu Thứ Cung, Cử Mậu Lâu, Châu Hắc Quang - Chép tên, chép đất, thì cái tội tự lấy đất nhà vua, phản vua là rõ rệt. Chép đại phu dâng đất Mỗ, như các việc, Tống Ngư Thạch, Tấn Loan Doanh, chép việc dâng đất, việc lại trở về nước, thì tội phản vua, chiếm đất rất rõ rệt. Nay Kỳ Quý không bị chép là bôn, không bị chép tên là để cho khác biệt hai lối nói trên; không chép là em để rõ là Kỳ Hầu bất làm. Chép sát nhập là rõ tội nước Tê, mà rõ ý thương Kỳ Quý. Để nguyên cái tình

của Quý, mà miễn cái tội của Quý, không lẫn để sánh với các công tử khác bỏ nước. Cho nên, việc của Kỳ Quý, bảo rằng Kinh không chê thì được, bảo rằng biết hành quyền cũng được. Nhưng bảo là khen vì hiền, thì e chưa được, đừng nên lấy hành động của Vi Tử chạy sang Chu mà luận bàn.

Xét - Lấy đất Huệ sát nhập vào nước Tề, Kỳ Quý phải nên lòng để giữ tôn miếu. Theo lệ anh em vua chư hầu đều gọi tên tự. Kỳ Quý, cũng chép là Quý, chưa thường khen, lời chép là lời khoan dung thôi. Khoan cho Quý là buộc tội nước Tề. Nên lấy Hồ Truỵên và lời bàn của Lý Liêm là chánh đáng.

冬公次于滑

ĐÔNG CÔNG THỨ VU HOẠT

MÙA ĐÔNG, CÔNG ĐÓNG QUÂN TẠI ĐẤT HOẠT

Công Thị, Cốc Thị, viết Hoạt ra. Hoạt là đất nước Trịnh, ở phía Bắc huyện Tương Ấp, đất Trần Lưu.

Ta - Sắp hội với Trịnh Bá để tính việc nước Kỳ. Trịnh Bá lấy có khó khăn từ chối. Phàm quân đội nghỉ một đêm, gọi là Xá, hai đêm gọi là Tín, nhiều hơn gọi là Thứ (là đóng quân).

Công - Sao lại chép, đóng quân tại Lang. Là chê. Đã muốn cứu nước Kỳ mà sao lại không làm nổi.

Cốc - Đóng quân là đình lại là có ý sợ. Muốn cứu nước Kỳ mà lại không dám.

Hồ Truỵên - Kinh Xuân Thu, về việc quân. Khi đem quân đi đánh, mà chép là đóng quân, tức như cho đóng quân là phải. Dem quân đi cứu, mà chép đóng quân tức như chê việc đóng quân. Đóng ở đất Hoạt là chê. Nước Lỗ và nước Kỳ có liên hệ về hôn nhân thì nên giúp nhau trong hoạn nạn. Lỗ đối với Tề lại có thù giết cha, không cùng đội trời chung. Nay giá cứu được Kỳ thì cũng dẹp luôn được Tề, có phải là nhất cử lưỡng tiện không. Thấy việc nghĩa mà không làm, lại còn sợ, thì Kinh Xuân Thu phải ghét. Cho nên chép quân Lỗ đóng ở Hoạt là chê.

Năm Tân Mão. Trang Vương năm thứ 7 -

四年
TỬ NIÊN
NĂM THỨ 4

Tê Tương năm thứ 8. Tấn Mân năm thứ 15. Vệ Huệ năm thứ 10. Kiềm Mậu năm thứ 6. Sái Ai năm thứ 5. Trịnh Lệ năm thứ 11. Từ Nghi năm thứ 14. Tào Trang năm thứ 12. Trần Tuyên năm thứ 3. Kỳ Tĩnh năm thứ 14. Tống Mân năm thứ 2. Tần Vũ năm thứ 8. Sở Vũ năm thứ 51.

薛王二月夫人姜氏享齊侯于祝邱
XUÂN VƯƠNG NHỊ NGUYỆT, PHU NHÂN KHƯƠNG
THỊ HUỐNG TÊ HẦU VU CHÚC KHUU
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG 2, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ
THẾT TIỆC TÊ HẦU TẠI ĐẤT CHÚC KHUU

Cốc - Thết tiệc thật là bậy. Chép ra đây là chê Tê Hầu.

Cao Kháng - Cô, dì, em, đã gả chồng rồi mà lại trở về nhà, đến anh em còn không ngồi cùng chiếu, huống chi hai vua gặp nhau lại có chuyện ấy.

Trương Hiệp - Trại lễ nghi của tiên vương, hành vi như loài cầm thú thế là đạo đã đại loạn. Người thời Hán có nói: Dân loạn dần dần biến thành thoán nghịch. Hành vi của Văn Khương làm hỗn loạn lễ nghi của Chu Công. Người Lỗ bắt chước tập theo, sau 30 năm sinh ra loạn Tử Ban, Mân Công, đến việc thi nghịch. Thánh nhân soạn ra Dịch để dạy phép từ nhà rồi đến thiên hạ.

三月紀伯姬卒

TAM NGUYỆT KỶ BÁ CƠ TỐT

THÁNG 3, KỶ BÁ CƠ MẤT

Phụ Lục Tả Truyện - Năm thứ tư, mùa xuân. Vương. Tháng ba. Sở Vũ vương dẫn binh ở đất Kinh, phát quân cù cho quân lính đi đánh nước Tùy. Khi sắp ra đi, vào thăm phu nhân là Đặng Mạn nói: Tôi sao dằng tâm. Đặng Mạn than rằng: Thôi nhà vua hết lộc rồi. Đây mà dằng là đạo trời. Tiên quân đã biết, cho nên đến việc binh, cho nhà vua dằng tâm. Nếu quân giữa đường không có trở ngại, mà vua chết, ấy là nước còn có phúc. Vua đem quân đi, chết ở đất Mân. Lệnh Doãn là Đẩu Kỳ cùng các tướng gặp đường qua sông Tra, đóng quân ở Tùy. Người Tùy sợ xin hòa, Mạc Ngao lấy mệnh vua cho hòa, cùng vua Tùy ăn thề, rồi lui hội ở đất Hán Nhuế, xong đem quân về, qua sông Hán mới phát tang - Tra là sông Tra ở phía Tây huyện Quyết, xứ Nghĩa Dương, phía Đông Nam, chảy vào sông Văn Thủy, tức là Tố Thủy, phát nguyên phía Tây Bắc huyện.

Cốc - Phu nhân nước ngoài chết không chếp. Đây chếp vì là con gái nước Lỗ ta. Đã lấy vua chư hầu, thì hai vua chư hầu ngang nhau. Đây Kỳ vì nước ta không cứu cho nên chếp.

Hà Hựu - Theo lễ, chư hầu tang ba tháng, đại phu áo vải. Con gái của Thiên Tử (sau hai đời vương) đi lấy chồng, cùng con gái vua chư hầu đi làm phu nhân, mà ân tình được rõ rệt, thì khi chết có chếp.

夏齊侯陳侯鄭伯遇于垂

HẠ, TÊ HẦU, TRẦN HẦU,

TRỊNH BÁ NGỘ VU THÙY

MÙA HẠ, TÊ HẦU, TRẦN HẦU TRỊNH BÁ,
GẶP NHAU Ở ĐẤT THÙY

Cao Kháng - Có người cho Trịnh Bá đó là Tử Nghi. Không phai. Thề tư Hốt chạy trốn ra nước ngoài, còn không được chếp

là con, là tử, hướng hạng đã bỏ đi, lại trở về, đến tước cũng còn không được chép. Tử Nghi nhân dịp được lên ngôi, làm vua như thế, còn yếu, còn lo sợ, đầu dám khinh thường đời khỏi nước để cùng hội với chư hầu. Cho nên biết Trịnh Bá đây là Đột. Cao Cừ Di giết Hốt mà lập Tử Vi. Người Tề giết Vi mà lập Tử Nghi. Kinh Xuân Thu bỏ không chép vì lấy Đột làm Trịnh Bá.

Xét - Cao Kháng báo Vi và Nghi lên ngôi, Kinh bỏ không chép. Cho Trịnh. Trịnh Bá là Đột, dựa vào ý nghĩa Kinh, bàn thế là chính đáng. Vậy báo Tử Nghi là nhầm.

紀侯大去其國

KỶ HẦU ĐẠI THỨ KỶ QUỐC

KỶ HẦU ĐEM DÂN BỎ NƯỚC ĐI

Ta - Kỷ Hầu không muốn hàng Tề, đem nước giao cho Kỷ Quý. Mùa hạ, Kỷ Hầu đem dân ra khỏi nước để tránh nạn Tề.

Công - Đem dân đi, thế là mất nước, là bị Tề diệt. Sao Kinh không chép là Tề diệt. Là muốn kiêng, tránh tiếng cho Tương Công, vì Tề Tương Công hiền, vì Tương phục thù cho ông cha xưa, dù có xa đến trăm đời vẫn cứ được phục thù. Thù thế nào? Xưa, tổ xa là Ai Công được vua Chu tin dùng. Kỷ Công gièm. Nay Tương Công lấy chuyện đó muốn báo thù cho ông tổ, mới phục thù nước Kỷ. Trước khi cất quân, có bói được quẻ: (Quân tan, vua chết), không phải không hay. Vậy ông tổ ấy đã mấy đời. Đã chín đời. Đến trăm đời vẫn cứ phục thù, hướng chi chín đời. Thế gia thù nhà, có nên phục thù không. Thù nhà thì thôi. Nhưng thù nước thì khác. Nước với vua là một. Tiên quân đã bị si, thì vua ngày nay cũng vẫn si. Nước chư hầu với vua chư hầu chỉ là một thể. Vậy Kỷ ngày nay vô tội sao lại bị. Vì rằng gia khi xưa, Thiên tử là vị thánh minh thì vua nước Kỷ đã bị tội, nước Kỷ đã không còn nữa. Nay mà nước Kỷ vẫn còn, tức là không có thánh minh Thiên tử. Thời cổ, thường khi chư hầu hội châu Thiên tử, cứ phải khai tên liên tiếp, các vua đời trước, thế thì Kỷ và Tề sao cùng đứng châu được. Cho nên, không thể không trừ Kỷ đi. Nếu có thánh minh Thiên tử, thì Tề Tương Công đã không được có hành vi đó. Nay vì không có Thiên

Tử thành minh, không có vị Phương Bá, thế thì Tương Công được có hành vi đó.

Cốc - Dem dân bỏ nước đi, nghĩa là không còn sót lại một người. Chép rằng lần lượt đi đến bốn năm mới hết. Kỷ Hẫu là người hiền mà Tề Hẫu thì diệt được nước Kỷ. Không chép bị diệt, mà chỉ chép dem dân bỏ nước đi. Thế nghĩa là không muốn cho kẻ tiểu nhân trị người quân tử.

Phạm Ninh - Không nói bị diệt chỉ nói dem dân bỏ nước đi là có ý dìm kẻ mạnh vô đạo, mà nâng kẻ yếu có đạo. Thế, là giữ nước hay không giữ nước là ở mình, chứ không phải Tề diệt được.

Lục Thuần - Triệu Thị báo rằng mất nước, mà nói là dem dân đi là sao. Kỷ Hẫu đã hiền lại vô tội, dùng sức chống thì sức không đủ. Người quân tử không trách, không chép là chạy trốn, là đỡ cho Kỷ mà chê Tề. Không chép là diệt vì Kỷ còn được cùng tề.

Xét - Kỷ Hẫu mất nước, lại chép là đi. Bọn bàn luận cho là thương Kỷ mà trách Tề, bọn ấy bàn đúng đấy. Công Dương cho là vì Tề Tương Công phục thù, cho nên tránh chữ diệt Kỷ, ý ấy không phải ý Kinh Xuân Thu. Chỉ Tề Tương Công là muốn chiếm đoạt nước Kỷ mới xâm đoạt bức hiếp dù có mệnh vua cũng ngang nhiên không đếm xỉa. Cứ theo vương pháp thì Tề đáng trị tội. Thế còn kiêng làm gì.

六月乙酉齊侯葬紀伯姬

LỤC NGUYỆT ẤT DẬU,

TỀ HẦU TÁNG KỶ BÁ CƠ

THÁNG 6, NGÀY ẤT SỬU,

TỀ HẦU LÀM LỄ TÁNG KỶ BÁ CƠ

Công - Phu nhân nước ngoài không chép lễ táng. Đây là chép, là ý thương. Thương vì mất nước, lại táng ở nước Tề. Đó là việc phục thù của Tề, thì sao lại táng. Diệt cái gì nên diệt, người táng được thì cứ táng. Sao Bá Cơ lại táng được. Là vì, phục thù, không phải cứ phải giết cả, đuổi đi là được rồi. Ví như Kỷ Hẫu có chết, thì cũng cứ được táng.

Cốc - Phu nhân nước ngoài không chép lễ táng. Đây chép à vì sao? Là vì con gái nước Lỗ ta, mất nước, cho nên thương mà táng.

Lưu Sưởng - Nếu đã bị diệt thì không nói đến lễ táng. Kỳ đã bị diệt. Tại sao lại còn nói đến lễ táng Kỳ Bá Cơ? Thế là Tề Hầu cho táng, thật là rõ rệt. Tề Hầu đã diệt nước Kỳ, sao lại còn táng phu nhân. Là để lấy lòng. Táng là việc của kẻ thân tử, chép Tề Hầu táng, là chê, cho là hèn. Vì sao? Vì đã đuổi vua nước người ta, đã chiếm lấy nước người ta, đã làm việc không nên làm mà lại còn muốn nịnh bợ. Cốc Lương có bàn: Con gái nước ta đã mất nước, cho nên thương mà táng, bàn thế là sai. Ví như Kinh chỉ chép, táng Kỳ Bá Cơ thì lời bàn của Cốc Lương còn có thể nghe được. Nay Kinh lại chép Tề Hầu táng Kỳ Bá Cơ thế là lời văn có chỗ bất thường, tức là cho Tề Hầu là quan trọng, chứ không phải con gái nước Lỗ ta là quan trọng. Lời chép, lời văn đã rõ lắm.

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG 7

冬公及齊侯狩于

ĐÔNG, CÔNG CẬP TỀ HẦU THỦ VU CHƯỚC

MÙA ĐÔNG, CÔNG CÙNG VỚI NGƯỜI TỀ

ĐI SĂN Ở ĐẤT CHƯỚC

Cốc và Công viết chữ 獵, ra chữ 狩.

Công - Sao lại cùng người kém mình đi săn (người Tề). Không phải. Chính là cùng Tề Hầu. Nếu là Tề Hầu thì sao lại chép là người Tề. Là kiêng đi săn với kẻ thù. Trước và sau cuộc săn vẫn có nhiều việc đáng chê, sao lại chê lần này. Vì rằng đã là kẻ thù thì việc nào cũng như nhau cả, cho nên chọn lấy một việc quan trọng để chê trách, thì còn có việc gì to bằng cùng đi săn với kẻ thù. Vậy chê một việc là đủ. Đã là thù thì không

có trường hợp nào đi lại với nhau. Đi lại với nhau là đáng chê nhất. Cho nên chỉ cần việc đó, tức là các việc khác đều đáng chê như thế.

Cốc - Người Tề là chỉ Tề Hầu. Chép là người là khinh kẻ địch của Công cũng là khinh cả Công nữa. Sao lại khinh Công? Đã không phục thù, thì không cớ được oán kết. Đây là chê việc cớ oán kết.

Hồ Truyền - Cốc Lương bàn rằng chê việc cớ oán kết. Thù cha mẹ, không đội trời chung. Thù của anh em, không cùng ở một nước. Thù của họ không cùng ở làng xóm. Thù của bạn, không cùng đứng trong triều, ngoài chợ. Nay Trang Công cùng với Tề Hầu vốn không đội trời chung thì không có trường hợp nào được thông hiếu. Thế mà lại cùng nhau đi săn, là quên oán, là cớ oán, đâu có phải đạo làm con. Xét đi săn thường để thi đua, thi chạy, thi bắn, là cốt vui sướng cho mình. Còn việc đi săn, theo lễ nghi, gọi là càn đầu, là cốt cung cấp tế khí nhà Thái miếu. Đã có tâm là giống người, thì nên đổi mục đích đi săn. Vì thế đúng là Tề Hầu mà Kinh chép Lỗ Công với người Tề. Thế thì cái tội Lỗ Công rất rõ.

Năm Nhâm Thìn - Trang Vương năm thứ 8 .

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tề tương năm thứ 9. Tấn Mân năm thứ 16. Vệ Huệ năm thứ 11. Kiểm Mậu năm thứ 7. Sái Ai năm thứ 6. Trịnh Lệ năm thứ 12. Tử Nghi năm thứ 5. Tào Trang năm thứ 13. Trần Tuyên năm thứ 4. Kỷ Tinh năm thứ 15. Tống Mân năm thứ 3. Tấn Vũ năm thứ 9. Sở Văn Vương Hùng Ti năm đầu.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏夫人姜氏如齊師

HẠ PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ TẾ SƯ
MÙA HẠ, PHU NHÂN, KHƯƠNG THỊ TỚI QUÂN TẾ

Cốc - Trong quân đội mà chép là tới. Là tới chỗ đông, chỗ quân chúng. Phu nhân đã là người đi lấy chồng rồi, theo lễ không được ra khỏi nước. Vậy đã trái lễ.

Khổng Đình Đạt - Lúc này, không có đánh nước nào thì quân đội đóng ở đâu. Chắc là mới chiếm được nước Kỷ, thì quân đội đóng ở đất Kỷ.

Đỗ Thi - Đây là chép một việc gian. Gian tự Phu nhân theo sang đất Kỷ. Không chép là có hội, mà chép là tới quân đội, chỉ cốt để gặp Tế Hầu, không có lễ nghi một hội.

秋郊黎來來朝

THU, NGHÊ, LÊ LAI, LAI TRIỀU
MÙA THU, VUA LÊ LAI NƯỚC NGHÊ LAI CHÁU

Công viết chữ nghê: 倪 Tả viết chữ Lê: 黎 Nghê là một nước phụ dung, xứ Đông Hải, phía Đông Bắc huyện Xương Lư, còn thành Nghê.

Tả - Gọi tên, vì chưa được mệnh vua phong.

Công - Nghê, là nước Tiểu Châu Lâu. Thế sao gọi là Nghê? Vì không có tên nước rõ rệt. Còn Lê Lai là tên vua. Sao gọi tên? Vì vua nước nhỏ.

Cốc - Nghê là nước Nghê. Lê Lai là vua nước nhỏ chưa có tước.

Xét - Nghê, Lê Lai, chép tên. Cả ba Truyện giải thích như nhau. Riêng Hồ Truyện thì so Lê Lai với Giới Cát Lư, vua Cát

Lư nước Giới. Xét đến lời bàn của Tống Trọng, thấy có nhiều chỗ không hợp cho nên bỏ.

冬公會齊人宋人蔡人伐衛
**ĐÔNG CÔNG HỘI TÊ NHÂN, TỐNG NHÂN,
SÁI NHÂN PHẠT VỆ**
**MÙA ĐÔNG, CÔNG HỘI NGƯỜI TÊ, NGƯỜI TỐNG
NGƯỜI TRẦN NGƯỜI SÁI, ĐÁNH NƯỚC VỆ**

Tả - Mùa đông, đánh x c Vệ, giúp Huệ Công lên ngôi.

Công - Việc đánh nước Vệ là cốt đưa tên Sóc lên ngôi. Sao không chép thẳng là đem Vệ Hầu Sóc lên ngôi. Vì ngại nói chạnh đến Thiên Tử.

Cốc - Đây là Tê Hầu và Tống Công, mà chép là người Tống, người Tê, là ý nói bọn chư hầu trái mệnh Thiên Tử.

Xét - Vệ Sóc đối với Thiên Tử có tội, mà Tê Tương Công thì hợp chư hầu để đưa lên ngôi thật là vô vương. Cho nên, Kinh Xuân Thu đều chép người Tê để mà chê. Hoặc có kẻ bàn là vua chư hầu, không phải tự làm, đó là kẻ dưới làm. Bàn thế, không có căn cứ vào đâu cả. Xét Tê Tương Công, chỉ muốn giúp Sóc, năm Hoàn Công thứ 16, đã có hội ở đất Hoàng; năm Trang Công thứ 3, lại cùng nước Lỗ đánh Vệ. Nay hưng binh, hợp năm nước để kháng cự mệnh Thiên Tử, nhất định giúp được Sóc mới thôi. Thế thì sao lại bàn được là không phải tự mình hành động.

Năm Quý Tị - Trang Vương năm thứ 9

六年
LỤC NIÊN
NĂM THỨ 6

Tê Tương năm thứ 10. Tấn Mân năm thứ 17. Vệ Huệ năm thứ 12. Kiểm Mậu năm thứ 8. Sái Ai năm thứ 7. Trịnh Lệ năm thứ 13. Tử Nghi năm thứ 6. Tào Trang năm thứ 14. Kỳ tinh

năm thứ 16. Tống Mẫn năm thứ 4. Tần Vũ năm thứ 10. Sở Văn năm thứ 2.

春王正月壬子突救衛

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT,

VƯƠNG NHÂN TỬ ĐỘT CỨU VỆ

**MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, NGƯỜI NHÀ VUA
LÀ TỬ ĐỘT CỨU NƯỚC VỆ**

Cốc và Công chép là tháng ba - Khởi thủy chép việc cứu.

Tả - Năm thứ 6. Mùa xuân. Người Thiên Tử cứu Vệ.

Công - Nói người Thiên Tử là ý nói vị thứ thấp kém. Chép Tử Đột là ý quý trọng. Đả quý sao lại chép là người. Quý là chỗ người của ai? Đây là người của Thiên Tử.

Cốc - Chép người nhà vua là chức vị thấp. Gọi tên là ý quý trọng, là khen việc cứu Vệ, tức cho việc đánh Vệ là bất chính.

Đỗ Dự - Người nhà vua, là quan chức còn kém của nhà vua. Tuy quan chức kém mà được giao việc lớn, cho nên tuy gọi người nhà vua, mà lại được chép tên tự.

Khổng Đình Đạt - Năm Chiêu Công thứ 12, Truyện có chép: "Con của Thúc Tôn là Chiêu Tử được chức quan cấp ba (tức là quan to hơn cha anh". Thế tức là bố của Chiêu Tử là Thúc Tôn Báo chỉ có cấp hai. Chỉ có cấp hai mà trong Kinh có chép tên, thì biết rằng các quan của chư hầu, cứ cấp ba và cấp hai đều được chép tên. Chỉ có cấp 1 thì chép là người. Bấy tôi của chư hầu thế, thì bấy tôi của Thiên Tử cũng thế. Theo Chu Lễ, trong triều Thiên Tử hàng Thượng sĩ có cấp ba, hàng Trung sĩ thì cấp hai. Hàng Hạ sĩ thì cấp một. Cho nên Đỗ Dự cho rằng Lưu Hạ, Thạchi Thượng đều chép họ tên mà đều là Thượng sĩ, Trung sĩ. Vậy chép là người, chỉ có Hạ sĩ. Năm Hi Công thứ 8, Công Dương Truyện có chép: "người" nhà vua là chức vị kém. Vậy coi thế thì biết rằng ở đây người nhà vua, chức vị kém, quan chức kém. Trong thời Xuân Thu, tên có hai chữ mà chữ trên là Tử thì chữ dưới là tên tự. Vì thế, biết chắc Tử Đột, Đột là tên tự.

Cứu nước Vệ, tất phải có quân đội, mà trong Kinh không

chép quân đội. Theo lệ, tướng mà không có tiếng, quân mà ít không nhiều, lấy binh tướng như thế, đi cứu nước Vệ đã không ngăn được Vệ Hâu Sóc vào thì thật là vô công. Đã vô công mà lại được chép tự một cách tôn trọng vì sao. Vì Thiên tử coi tên Sóc chỉ khéo nịnh, khéo mưu mô, mà lên được ngôi, rồi cũng không được dân ưa, ý Thiên Tử định cho tên Kiềm Mâu, chứ không cho tên Sóc. Vì thế mới sai quân đi cứu. Tử Đột, tuy chức nhỏ, nhưng đã được Thiên Tử giao cho việc lớn, cho nên tuy chép là người mà vẫn chép tôn lên bằng tên tự, là quý mệnh Thiên Tử và chê bọn chư hầu.

Trình Tử - Người của Thiên Tử, chức vị thì kém, theo lệ không chép tên, nhưng vì Tử Đột cứu Vệ mà được chép tên tự, là khen việc đi cứu, khen Đột, khen mệnh Thiên Tử.

Xét - Tả Thị cho Đột trong chữ Tử Đột là tên tự. Từ Can, theo Cốc Lương, cho Đột là tên. Tên và tự tuy có khác nhau, nhưng việc cứu Vệ thì vẫn được khen cả. Khổng Đình Đạt bảo rằng: Trong hai chữ, nếu chữ trên là Tử, thì chữ dưới là tự, bảo thế nghe có lý, bọn tiên nho đều theo, cho nên cứ lấy Tả Thị làm chủ. Còn Cốc Lương, Từ Can thì cho phụ vào. Hoặc có kẻ bảo, không cứ chép danh hay tự là bao hay biếm bảo thế e không phải ý nghĩa của Kinh. Trình Tử thì cứ cho rằng, chép tự là có ý khen.

夏六月衛侯朔入于衛

HẠ, LỤC NGUYỆT, VỆ HẬU SỐC NHẬP VU VỆ

MÙA HẠ, THÁNG 6, VỆ HẬU SỐC VÀO NƯỚC VỆ

Tả - Mùa hạ, Vệ Hâu vào. Đuổi Công tử Kiềm Mâu sang đất Chu. Đuổi Ninh Quý sang Tần. Giết Tả Công tử Tiết, và Hữu Công tử Chúc. Rồi lên ngôi. Người quân tử bàn rằng: Hai Công tử mà lập Kiềm Mâu là không cất nhắc trước. Đã muốn lập thì phải xem xét gốc ngọn cho kỹ rồi mới lập. Nếu không biết gốc thì không mưu việc. Biết gốc không có cành thì đừng cưỡng ép làm việc. Kinh Thi nói: Gốc cùng cành lâu trăm đời.

Công - Vệ Hâu Sóc sao lại gọi tên. Là có ý diệt. Vì phạm mệnh Thiên Tử. Chép chữ vào ý cho là cướp ngôi.

Cốc - Không chép là đánh nước Vệ đưa Sóc về lên ngôi là tại sao? Là muốn không trái mệnh Thiên Vương. Chép là vào ý cho dân trong nước không chịu. Dân không nhận là phải, vì Thiên Tử đã dứt Sóc. Sóc chép tên, là không tốt. Chép vào là nghịch. Thì đuổi đi là thuận. Cho nên, Sóc, khi ra, khi vào, đều biến tên là vì Thiên tử đã tuyệt Sóc.

Tôn Phục - Vệ Hầu Sóc được vào Vệ, tức là uy mệnh Thiên Tử hết rồi. Tội của Công, của chư hầu không tránh được, cho nên chép các chữ, đánh, cứu, vào, để rõ các tội.

Lưu Sưởng - Sao lại gọi tên? Là bị diệt. Vì Sóc giết Thế tử Cấp, cướp ngôi Công tử Kiểm Mâu. Chép chữ vào cũng coi như cho là nghịch. Trong truyện có câu: Người quân tử bàn rằng hai công tử lập Kiểm Mâu là không tính toán. Bàn thế là sai. Người của Thiên Tử là Tử Đột cứu Vệ. Kinh Xuân Thu tôn quý thì rõ là Thiên Tử muốn lập Kiểm Mâu. Cướp ngôi người mà Thiên Tử lập, thế tất Sóc có tội. Nay Sóc thấy không bị chê mà Kiểm Mâu lại bị tiếng xấu, liệu có phải là ý Kinh Xuân Thu không. Sóc trước có ở ngôi. Nay vào Vệ mà không chép là trở về ngôi, thế là có ý không ưng cho trở về ngôi. Vì chư hầu mà được làm vua, không có mệnh Thiên Tử mà tự do cho ngôi vua, dù có sự giúp của các nước lân bang, thì vẫn là đường lối đại loạn. Thế không phải là lối trở về ngôi vua được.

秋公至自伐衛

THU, CÔNG CHỈ TỰ PHẠT VỆ MÙA THU, CÔNG ĐÁNH VỆ, LÀM LỄ ẤM CHÍ

Công - Tại sao, khi thì nói, ở hội về, ấm chí, khi thì nói đánh trận về ấm chí? Là vì, khi ở hội về, thì có vẻ bất đắc ý. Vệ Hầu Sóc vào Vệ, sao lại chép việc Công đánh Vệ về ấm chí. Là vì không dám thắng Thiên Tử (chỉ có phạt Vệ thôi)

Cốc - Việc dở thì không ấm chí. Việc này ấm chí tại sao. Nếu không chép ấm chí thì không thấy cái dở của Công đã hoàn thành.

Tô Triệt - Sóc vào Vệ, mà Công ấm chí, dù không nói là Công dựng lên ngôi, mà cái tội của Công đã rõ.

幟
MINH
SÀU KEO

冬齊人來歸衛桴
ĐÔNG, TÊ NHÂN LAI QUY VỆ PHÙ
MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TÊ TỚI ĐƯA NỘP
QUÂN BẮT ĐƯỢC Ở VỆ
CÔNG VÀ CỐC VIẾT LÀ BẢO 寶: QUÝ

Tả - Người Tê đưa nộp quân bắt được ở Vệ. Tự Văn Khương xin như thế.

Phụ Lục Tả Truyện - Sở Văn Vương đánh nước Thân, qua nước Đặng, Đặng Kỷ Hầu nói: Sở là cháu ta, mời ở lại mà thiết đãi. Các quan là Chuy Sinh, Đàm Sinh, Dương Sinh, nói, xin giết vua Sở, Đặng Hầu không cho. Ba cháu (Sinh) nói: làm mất Đặng tất là người này. Nếu không sớm trừ thì sau vua liệu còn kịp không, liệu còn trừ được không, trừ đi chỉ có dịp này. Đặng Hầu nói, chớ nhẽ người ta ăn thóc gạo của ta sao? Đáp: Nếu không nghe lời chúng tôi, xà tắc sẽ không được cúng tế nữa. Vua còn lấy thóc gạo đâu. Không nghe - Hết năm, Sở Tử đánh nước Đặng. Mười sáu năm sau Sở lại đánh rồi diệt Đặng.

Công - Đây là đồ báu ở Vệ. Sao người Tê lại đem cho Lỗ. Chính là người Vệ, đem đến. Đã là người Vệ, sao lại chép là người Tê. Là Tê nhường cho ta. Không phải là sức của Tê, đây là nhờ sức nước Lỗ mới được.

Cốc - Lấy Tê làm chủ, để chia cái ác với Tê. Làm như vệ hàng Tê đã, rồi đến ta. Tuy nhiên, đã ác chiến, tất giết hại nhiều.

Hồ Truyện - "Quân bắt được", cả hai truyện đều chép là của báu. Xem như trong Thượng Thư có câu: "Rồi đánh ba lần, bắt tù binh, và bảo ngọc", thì tù binh là chính, bảo ngọc là phụ, nghĩa là quân bắt được là chính, đồ báu là phụ. Nay chép Tê đưa các đồ Báu của Vệ, thì biết rằng bốn nước đã đều có nhận hối lộ của Sóc. Kinh Xuân Thu đặc biệt chép việc này để kết

tội chư hầu. Xét: Em giết anh, tôi giết vua rồi cướp ngôi, như thế là đã trái mệnh Thiên Tử, theo lẽ làm người, tội không thể dung được. Bọn chư hầu chẳng nhẽ không xét, mà lại hết sức giúp giặc. Ta chưa có cái đầu mối nào để chứng tỏ sự táng tận lương tâm của họ. Đến khi đọc chỗ chép: "Người Tề nộp của báu", bấy giờ ta mới biết. Thì ra lòng họ đã thêm của rồi, mới chia nhau cùng làm việc ác. Đời suy, đạo tàn, việc ác nảy ra, cứ ham của hối lộ mà hành động, khiến cho vua tôi, cha con, anh em, mất hết cả nhân nghĩa, chỉ việc chạy theo lợi, chưa làm các việc thoán thí loạn nghịch thì chưa đủ. Kinh Xuân Thu chép để kết tội chư hầu, treo gương cho hậu thế.

Năm Giáp Ngọ - Trang Vương năm thứ 10 -

七年
THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tề Tương năm thứ 11. Tấn Mân năm thứ 18. Vệ Huệ năm thứ 13. Sái Ai năm thứ 8. Trịnh Lệ năm thứ 14. Tử Nghi năm thứ 7. Tào Trang năm thứ 15. Trần Tuyên năm thứ 6. Kỷ Tinh năm thứ 17. Tống Mẫn năm thứ 5. Tần Vũ năm thứ 11. Sở Văn năm thứ 3.

春夫人姜氏會齊侯于防
XUÂN, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ.
HỘI TỀ HẦU VU PHÒNG
MÙA XUÂN, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ
HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT PHÒNG

Tả - Văn Khương hội Tề Hầu ở đất Phòng, là chép theo sử nước Tề.

Cốc - Dân bà không hội. Hội là không phải lễ.

Đỗ Dư - Văn Khương nhiều lần hội với Tề Hầu. Nếu tới đất Tề thì lộ cái gian của Phu nhân. Tới đất Lỗ là ý của Tề Hầu.

夏四月辛卯夜恆星不峴夜中星隕如雨
HẠ, TỬ NGUYỆT, TÂN MÃO. DẠ HÀNG TINH
BẤT HIỆN DẠ TRUNG, TINH VẤN NHƯ VŨ
MÙA HẠ, THÁNG TỬ, NGÀY TÂN MÃO, TỐI KHÔNG
CÓ SAO MỘC. NỬA ĐÊM, SAO SA NHƯ MƯA

Chữ Tân mão dạ. Cốc Thị viết chữ dạ ra chữ 𠂔,
Cồng Thị viết chữ vấn ra chữ 問.

Tả - Mùa hạ. "Sao thường", không thấy mộc. Đêm thì sáng.
Rồi sao sa như mưa, nghĩa là có sao và có mưa.

Cồng - Sao thường là các sao đêm nào cũng thấy. Đã không
thấy thì biết thế nào là nửa đêm. Tức là lại có sao. Như mưa
nghĩa là gì? Không phải là mưa thật. Không đọc Xuân Thu thì
cho rằng: Sao rơi xuống gần mặt đất rồi trở lại. Thánh nhân
thì chép, sao sa như mưa. Là chép một việc lạ.

Cốc - Sao thường, là sao tối đến, vẫn thấy mộc. Tích (x)
là khoảng từ lúc mặt trời lặn, đến lúc sao mộc. Đã không thấy
sao, rồi lại thấy. Nửa đêm thì sao sa như mưa. Chữ nửa đêm:
Kinh Xuân Thu, việc rõ thì chép rõ, việc nghi thì chép nghi. Như
chữ nửa đêm đây là rõ rồi, là chắc chắn rồi. Sao lại nhận xét
là giữa đêm, là không có sao, thì xét thời khác. Không chép
là các sao thường, sa như mưa, là tại sao? Ta biết rằng sao thường
không mộc, vậy không phải là sao thường sa. Ta thấy sa đến
mặt đất, thế là mưa, rõ ở trên, thấy ở dưới, thế là mưa. Rõ ở
trên, không thấy ở dưới, thế là sao sa. Có phải là mưa đâu.

Lưu Sưởng - Như mưa nghĩa là nhiều không đếm được. Tả
Thị bảo rằng (và mưa) là sai. Cốc Lương giải nghĩa (như), là
nhi, là và, tức là sao sa và mưa. Cốc Lương cũng sai nốt. Kinh
Xuân Thu chép sao sa là chép việc lạ. Còn giữa đêm mà mưa
thì có gì là lạ mà chép. Cốc Lương bảo rõ ở trên mà thấy ở
dưới thì gọi là mưa. Giả nói vũ Trùng thì còn được. Nếu nói vũ
tuyệt thì có thấy rõ ở trên đâu. Cốc Lương lại bảo rằng rõ ở
dưới mà không thấy ở trên, thì gọi là vấn, là sa, như nói vấn
thạch: đá cát rơi sa thì còn được. Nhưng nói là sao sa, thì sao

lại không thấy ở trên. Còn Công Dương mà bảo rằng, sao xuống gần đất rồi trở lại, là bịa đặt. Nếu thật thế, thì phải có chép.

Chu Tử - Mặt trời hiện ban ngày, sao hiện ban đêm, đó là lẽ thường. Nay đêm có ánh sáng ban ngày, mà sao thường, thì không thấy mọc. Thế là âm không ra âm, dương không ra dương, vua không ra vua tôi không ra tôi, điềm ứng hiện thấy rõ.

Xét - Sao sa như mưa, là ý nói nhiều sao lắm. Cả ba truyện bần, đều không hợp ý nghĩa. Lưu Suồng đều bác cả, cắt nghĩa thật tinh vi.

秋大水無麥苗

THU ĐẠI THỦY, VÔ MẠCH MIÊU MÙA THU, LỤT, KHÔNG CÓ LÚA MÌ, LÚA NON

Tả - Mùa thu, không có lúa miêu. Còn lúa mùa thì không hại.

Công - Tại sao trước nói mạch, rồi mới nói miêu. Một tai họa thì không chép. Đợi không có mạch, rồi chép: không miêu. Sao lại chép. Chép tai họa.

Cốc - Các nơi cao thấp đều nước tràn, thế là lụt. Mạch và miêu là cùng thời.

Hồ Truyền - Chép nước lụt là sợ thiên tai. Không có mạch miêu là trọng đến dân mệnh. Sợ thiên tai, trọng dân mệnh, đó là tâm của dấng vương giả. Mặc thiên tai, khinh dân mệnh, không làm gì cả, thế thì sẽ mất nước, Xuân Thu rất thận trọng.

Lưu Suồng - Sao lại trước nói mạch, sau nói miêu, vì hai thứ cùng một thời. Mạch đã chín mà mất, vậy là một thiên tai phải chép. Tả thì bảo rằng, lúa mùa không hại, bảo thế là sai. Nước lụt làm mất mạch miêu, đó là thánh nhân ghi một tai họa, còn cần gì phải thêm là lúa mùa không hại, thêm ý gì về việc răn dạy. Theo lệ như năm đầu Ấn Công, phạm việc không sinh tai thì không chép. Nay nếu chép lúa mùa không hại, thế là không lụt hại. Lụt đã không hại, thì chép đại họa lụt làm gì. Đã lụt mất cả mạch miêu mà lại thêm câu không hại lúa mùa, thế là nói viên vông. Công Dương bảo một tai không chép,

đội không có mạch rồi sau mới thêm không có miêu. Công Dương bàn sai. Xuân Thu nếu cứ một tai họa thì không chép, thế đâu có phải là yêu dân.

冬夫人姜氏會齊侯于穀

ĐÔNG PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ

HỘI TÊ HẦU VU CỐC

**MÙA ĐÔNG, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI
TÊ HẦU Ở ĐẤT CỐC**

Cốc là đất nước Tê, ở huyện Cốc Thành, xứ Tê Bắc.

Cốc - Đan bà không hội, hội không phải là lễ.

Hồ Truyện - Phòng là đất nước Lỗ. Cốc là đất nước Tê. Xuất hội ở đất Chúc, rồi yến tiệc ở Chúc Khâu, rồi nghỉ ở rong quân đội Tê. Rồi một năm hai lần hội. Thế là cái ác càng ngày càng to. Năm sau, có việc thí nghịch, Vô Tri giết Chư Nhi, cái họa đâm loạn rõ đến thế.

Năm Ất Mùi - Trang Vương năm thứ 11

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tê Tương năm thứ 12. Tấn Mậu năm thứ 19. Vệ Huệ năm thứ 14. Sái Ai năm thứ 9. Trịnh Lệ năm thứ 9. Trịnh Lệ năm thứ 15. Từ Nghi năm thứ 8. Tào Trang năm thứ 16. Trần Tuyên năm thứ 7. Kỳ Tĩnh năm thứ 18. Tống Mẫn năm thứ 6. Tần Vũ năm thứ 12. Sở Văn năm thứ 4.

春王正月師次于郎以俟陳人蔡人

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT SƯ THỨ VU LANG,

DI SĨ TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, QUÂN ĐỘI ĐÓNG LẠI
Ở ĐẤT LANG, ĐỂ ĐỢI NGƯỜI TRẦN VÀ NGƯỜI SÁI**

Công - Đã chép đóng lại, thì không chép đợi. Đây chép đợi là có ý bắt đặc đi đem quân.

Cốc - Đóng lại là dừng lại. Đợi là chờ người tới.

Hồ Truyền - Dừng nhiều người thì gọi là quân đội. Đóng lại nghĩa là dừng lại. Đi đánh người ta, mà còn dừng lại là để chinh đồn, cẩn thận. Thế là phải. Cũng như nói, đánh Sở, dừng lại đất Hinh. Nay đi cứu người ta, mà lại dừng quân, là sợ địch, thì cái việc dừng ấy đáng chê như các việc dừng quân ở đất Khuông, ở đất Nhiếp Bắc, ở đất Ung Du. Vì lợi mà dừng quân, là ý xuất quân vô danh, vô ý thức. Nay dừng quân tại đất Lang để đợi người Trần, người Sai. Hoặc bàn rằng: Trần, Sai sắp qua Lỗ. Ta đợi để khuyến khích - Hoặc bàn rằng: Lỗ sắp cùng Trần, Sai, có việc ở lân bang, mà Trần, Sai sợ không tới, cho nên Lỗ dừng quân ở đất Lang để đợi. Nếu thật như thế thì không có nghĩa. Bảo rằng đóng quân lại, bảo rằng để chờ đợi là chê trách lắm.

Khổng Dĩnh Đạt - Chỉ nói đợi Trần, Sai, chứ không nói vì có gì đợi. Đoạn dưới có chép: Quân đội cùng với quân đội Tề vây nước Thành, hoặc giả đã cùng định mưu kế với Trần, Sai, cho nên nói hẹn cùng đánh đất Thành. Trần, Sai không tới, vậy phải đợi. Giả Quỳ cùng Cốc Lương bàn rằng Trần, Sai muốn đánh Lỗ, cho nên Lỗ đợi. Xét Trần, Sai đối với Lỗ thì ở xa; mà suốt thời Xuân Thu, không hề kết oán với Lỗ sao lại nhân dịp đánh lên Lỗ. Và lại, cứ như lời chép Lỗ đợi là để cùng đi, chứ đâu có phải là để phòng gian, cự địch. Nếu sợ là Trần, Sai, tới để đánh mình, thì phải viết là phòng ngự, chứ sao lại viết là đợi. Vì thế biết rằng cùng Trần, Sai, hẹn ngày đánh đất Thành. Hà Hưu và Phục Kiên, (dời Đông Hán) cũng nói là muốn cùng đánh đất Thành.

甲午治兵

GIÁP NGỌ TRỊ BÌNH
NGÀY GIÁP NGỌ, SOẠN QUÂN ĐỘI

Công Dương viết chữ trị ra chữ tự

Tả - Năm thứ 8, mùa xuân, ban lệnh cho quân đội tại miếu. Thế là đúng lễ.

Công - Thế nào là tự binh? Dem quân đi ra là tự binh. Dem quân về là chán lữ, theo lễ, chỉ là một. Điều là lỗi tập trận. Sao đây lại nói là tự binh? Vì đã lâu rồi. Sao biết là đã lâu rồi? Ta định ngày Giáp ngo, rồi mới tự binh vào ngày ấy.

Cốc - Dem quân ra gọi là trị binh, tức là tập trận. Dem quân vào là chán lữ, cũng là tập trận. Trị binh mà Trần, Sái, không tới. Việc binh cốt nghiêm, cho nên nói: Khéo trần binh (dàn binh) thì không phải chiến, khéo trị nước thì không cần quân, khéo trị quân thì không phải chiến, khéo chiến thì không chết, khéo chết thì không mất nước.

Lưu Sưởng - Trị binh tức là tập trận. Việc thường thì không chép. Đây là chép để chê. Chê gì. Mùa xuân mà lại trị binh, là không phải mùa. Đã trị binh, để đợi Trần, Sái, sao lại không nói đến "Nơi trị binh". Vì ở trong nước thì không nói đến nơi trị binh. Sao lại không nói đến Công. Vì ở trong nước thì không nói đến Công. Tả Thị bảo rằng, trị binh ở miếu là đúng lễ, bảo thế là bậy. Phàm dem quân ra thì gọi là trị binh, dem quân về thì gọi là chán lữ. Vì thế, mùa thu, thì binh mùa xuân chán lữ. Nay Lỗ, lấy mùa xuân trị binh, là không đúng thời, thế sao gọi là đúng lễ. Vả lại nếu có đúng lễ, thì đã là việc thường chép làm gì. Tả Thị lại bảo rằng trị binh ở miếu, miếu là nơi tôn nghiêm, đâu có phải là nơi trị binh.

夏師及齊師圍成成降于齊師

HẠ, SU CẬP TÊ SU VI THÀNH,

THÀNH HÀNG VU TÊ SU

**MÙA HẠ, QUÂN TA CÙNG QUÂN TÊ VÂY
NƯỚC THÀNH THÀNH HÀNG VỚI QUÂN TÊ**

Công Thị viết chữ 城 ra chữ 成

Tả - Mùa hạ. Quân Lỗ cùng quân Tề vây nước Thành. Nước Thành hàng với quân Tề. Trọng Khánh Phủ (Lỗ) xin đánh quân Tề. Công nói: Không nên, ta thực là thiếu đức, chứ quân Tề có tội gì, tội là ở ta. Hạ Thư (sách Hạ) có nói: Cao Dao xây nhiều đức vọng khắp dân gian. Ta hãy cần sửa đức để đợi thời. Mùa thu quân về nước. Người quân tử thấy việc đó khen Trang Công.

Công - Thành nghĩa là thịnh 成 盛地. Thịnh sao gọi là Thành? Là kiêng nói việc diệt nước họ. Sao không nói hàng quân Lỗ ta. Là vì kiêng tránh.

Cốc - Sao lại nói hàng quân Tề? Là không muốn cho quân Tề tàn sát nước Thành.

Phạm Ninh - Thành là nước cùng họ. Nay Lỗ cùng Tề đánh Thành, dùng quân thế là nhảm.

Lưu Suồng - Thành là một nước. Hàng là gì? Giáng là gì? Hàng là chưa mất quốc gia. Giáng là mất quốc gia. Chưa mất thì còn thấy nói đến. Mất rồi thì không thấy nói đến nữa. Cũng như là phải dời đi một đất khác. Công Dương cho chữ thành nghĩa là thịnh là kiêng tránh người cùng họ không nói đến: Hàng quân Lỗ, cũng là kiêng tránh, Công Dương bàn thế là sai. Nếu thực là thịnh mà đổi là thành, thực cùng diệt một nước mà đổi ra hàng, thực hàng Lỗ, mà lại nói hàng Tề thì vẫn thánh nhân đâu có thế. Phàm thánh nhân mà kiêng nói việc ác của nước, thì chỉ kiêng nói đến một mực nào thôi, chứ không thể kiêng tất cả, như là đổi trắng làm đen, đổi mình làm người. Đâu thánh nhân lại dạy đời thế. Cốc Lương lại bảo là không muốn cho quân Tề tàn sát nước Thành cho nên làm như Tề chưa dùng vũ lực mà Thành đã tự hàng Cốc Lương xét thế, làm sai mất cái chí quân Tề. Muốn chê Tề, bình Thành, mà lại thành ra bình Tề.

Thẩm Nhược Thủy - Trang Công bỏ cái nghĩa phục thù, lại quay lại cộng sự để đánh Thành, vì thế Thành không phục Lỗ mà đi hàng Tề.

秋師還

THU SƯ HOÀN MÙA THU QUÂN VỀ

Tà Thị đã có nói ở câu trên.

Công - Dùng chữ hoàn (về, quân về) là chữ hay. Đã diệt một nước đồng tông, mà lại dùng chữ hay, đáng ra phải chê. Vậy chê quân đội ư? Không. Quân có tội gì?

Cốc - Hoàn là việc chưa xong hẳn, bỏ về.

Lưu Sưởng - Công Dương báo chê, không phải chê quân đội. Quân đội vô tội. Tuy nhiên, đúng lý, đúng sự thực, là chê, chứ khen gì.

Lưu Huyền - Thời Xuân Thu, việc chiến tranh nhiều, chưa có lần nào kẻ thù tàn nhẫn như lần này. Tại sao, Trang Công dùng quân thật là phi nghĩa. Trên đã không tuân mệnh Thiên Tử, vô cớ hưng sư. Từ tháng giêng đóng quân ở đất Lang để đợi nước Trần, Sái, mà Trần, Sái lại không tới, thế gọi là vô danh. Ngày Giáp Ngọ, trị binh, thế gọi là độc vũ (ham việc cù). Đến mùa hạ, thì cùng với quân đội nước Tề, vây nước Thành, Thành đi hàng Tề, thế gọi là quân vô nghĩa. Trái qua ba mùa mà quân đội mới về, thế gọi là hại dân. Vậy trái đạo trời, thân với kẻ thù, vây nước đồng tông, hại sức dân, đối với nước, mất tin, đánh nước, không phục được nước. Vì thế, thánh nhân chép cho đầy đủ.

冬十有一月癸未齊無知弑其君諸兒
ĐÔNG THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, QUÍ MÙI.
TÊ VÔ TRI THÍ KỲ QUÂN CHƯ NHỊ
MÙA ĐÔNG THÁNG 11, NGÀY QUÍ MÙI TÊ VÔ TRI
GIẾT VUA LÀ CHƯ NHỊ

Ta - Tê Hầu, sai Liên Xung, Quán Chí Phủ, đem quân đóng đồn thú ở Quỷ Khưu, lúc cho đi, đang mùa dưa, hẹn đến mùa dưa chín sau thì cho về. Đến mùa, vua không nghĩ đến, sai người xin thì vua không cho. Vì thế mưu làm loạn. Em ruột Hy Công là Di Trọng Niên sinh ra Công Tôn Vô Tri, được Hy Công yêu, áo quần thắm phục tùy ý. Tương Công ghét truất bỏ không dùng. Hai người, Liên Xung và Quán Chí Phủ lợi dụng làm loạn. Liên Xung có em gái họ ở trong cung, không được vua yêu, mới sai làm nội ứng, hẹn sẽ được việc sẽ phong làm phu nhân. Mùa đông tháng 11, Tê Hầu ra chơi đất Cô Phần, rồi săn ở Bối Khưu, thấy con lợn rừng chạy qua. Tùy tùng thưa, không phải lợn, đó là Công tử Bành Sinh. Công giận nói: Bành Sinh sao dám hiện. Bắn một phát lợn đứng hai chân lên như người, rồi kêu rống lên, Tương Công sợ, ngã xuống xe, bị thương ở chân, mất chiếc giày. Khi về mắng người hầu là Đồ Nhân Phí, đã để mất giày, tìm mãi không thấy. Đồ Nhân Phí bị Tương Công đánh vút ra máu. Phí chạy ra ngoài cửa, gặp bọn giặc bắt trời lại. Phí nói, tôi vừa bị đánh. Trần vai cho xem. Đứng. Giặc tin. Phí xin vào trước, rồi cứu Công, xong quay ra đánh nhau, chết ở trong cửa Thạch Chí Phần cũng bị chết dưới thêm. Bọn giặc vào giết Mạnh Dương ở trên giường. Biết là nhầm, không phải vua. Rồi thấy một chân của Công thò ra ở nơi cánh cửa, ập vào giết chết. Rồi lập Vô Tri lên ngôi. Xưa lúc Tương Công lên ngôi, người tướng mạo tàn nhẫn. Báo Thúc Nha nói: Vua đối với dân thì khinh mạn, sẽ có loạn, mới đem Công tử Tiểu Bạch chạy tới nước Cử. Đến khi loạn Quảng Di Ngô, Thiệu Hốt đem Công tử Cù chạy trốn. Xưa Công Tôn Vô Tri bị Ung Lãm sát hại. Tùy Khưu là đất nước Tê. Phía Tây huyện Lâm Tri có đất còn tên là Tùy Khưu. Theo sách Hậu Hán Chí, ở huyện Tây An có Cử Khưu Đình, cũng có tên là Cử Khưu, tức là Tùy Khưu xưa. Cô phần là đất

nước Tề tức là Bạc Cô. Bối Khu, là đất nước Tề, phía Nam huyện Bắc Xương, xứ Lạc An, có đất gọi là Bối Khu.

Cốc - Đại phu giết vua, tránh nói đến, vì họ ta. Giết để thay ngôi.

Lưu Suồng - Cốc Lương nói thế là sai. Tống Vạn há cũng giết để thay ngôi hay sao. Công tử Thương Nhân, có phải là giết để thay hay không.

Xét - Vô Tri không gọi là Công Tôn, tức là tước bỏ hệ thuộc rồi. Hồ Truệ kết tội Hy Công, e không phải lời bàn thích đáng, cho nên bỏ đi.

Năm Bính Thân Trang Vương năm thứ 12.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tề Hoàn Công Tiểu Bạch năm đầu. Tấn Mân năm thứ 20. Vệ Huệ năm thứ 15. Sái Ai năm thứ 10. Trịnh Lệ năm thứ 16. Tử Nghi năm thứ 9. Tào Trang năm thứ 17. Trần Tuyên năm thứ 8. Kỳ Tĩnh năm thứ 19. Tống Mẫn năm thứ 7. Tần Vũ năm thứ 13. Sở Văn năm thứ 5.

春齊人殺無知

XUÂN, TỀ NHÂN SÁT VÔ TRI

MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ GIẾT VÔ TRI

Ta - Năm thứ 9, mùa xuân, Ung Lãm giết Vô Tri.

Cốc - Vô Tri, đặc biệt chép tên, là mất hiềm nghi vậy. Gọi là người (người Tề) giết đại phu (Vô Tri) là giết kẻ có tội.

Lưu Suồng 1)- Truệ chép rằng, Ung Lãm giết, thế Ung Lãm giết, sao lại bảo là người Tề giết. Vì đó là lời chép giết giặc. 2) Cốc Lương bảo Vô Tri chép rõ hẳn tên là mất hiềm nghi, chép người Tề giết đại phu, là giết kẻ có tội. Cốc Lương bàn thế là sai. Vô Tri giết vua là để thay ngôi, không thể trở lại

họ mà gọi là Công tử, Công tôn. Lại nữa, trên chép người Tề, dưới chép Vô Tri. Thật rõ ràng Vô Tri là giặc của người Tề, có cần gì thêm vào họ, thêm vào tên nước. Vậy đâu phải là muốn bỏ hiềm nghi mà bêu rõ tên. Vô Tri lại cũng chẳng phải là đại phu, để lấy chữ đại phu ra giải thích. Bàn thế rõ là sai.

公及齊大夫盟于既

CÔNG CẬP TỀ ĐẠI PHU MINH VU KÝ **CÔNG CÙNG VỚI TỀ ĐẠI PHU THỂ Ở ĐẤT KÝ**

Công và Cốc viết chữ 既 ra chữ 暨. Ký ở huyện hội xứ Lang Gia, còn thấy Ký Đình.

Tả - Tề không có vua.

Công - Công sao cùng với đại phu thể. Vì Tề không có vua. Vậy sao không chép tên đại phu. Vì tránh không cùng thể với đại phu. Coi như chứng nhân.

Cốc - Công thì không cùng với đại phu. Đại phu thì không có tên. Nước không có vua. Thế là để nhận Tử Cừ, không nói ngày, vì thế có thể biến đổi. Đương lúc Tề không có vua, quyền là ở Công. Đáng chấp nhận, mà không chấp nhận ngay cho nên chê.

Phạm Ninh - Nghĩa là Kinh Xuân Thu, đại phu trong nước còn có thể hội với vua chư hầu nước ngoài. Công thì không thể thể với đại phu nước ngoài. Nay nước Tề không có vua, cần có người đảm nhiệm việc thể, cho nên hành quyền làm lễ. Trước mặt vua thì bấy tôi gọi tên, nay Tề không có vua, thì bấy tôi không có tên.

Lý Liêm - Kinh đến đoạn thể ở đất Ký. Chép là Tề đại phu, ở đoạn thể đất Hồ, lại chép là Tấn đại phu; lời văn giống nhau đây. Nhưng Tề không có vua mà chép là đại phu thì không phải là lời biếm chê. Lại chép "Công cùng với" thì đâu có sự hiềm nghi đại phu ngang với Công, mà trách Công với Tề. Tấn Linh xưa mới lên ngôi, mà Triệu Thuần chép là đại phu, thì cái chuyện quyền của Triệu Thuần rõ rệt. Lại chép Công hội, tuy chê Công đến sau, nhưng cốt là để phơi rõ Triệu Thuần bắt ép chư hầu làm cuộc thể đó. Còn Tử Cừ, cả ba truyện đều cho là thừa nhận. Triệu Tử, Trình Tử, Hồ Thị, cho là không nên

thừa nhân, là vì Đồ Thị cho rằng Tử Cú, Tiểu Bạch, cùng là con Tề Hi Công, mà Cú lớn hơn, vậy nên lập. Cốc Lương thì nói, Tề Vô Tri giết Tương Công, Công tử Tử, Công tử Tiểu Bạch đương chạy trốn, coi như là con của Tương Công cả, chung quy lấy cu làm anh, cho nên cũng cho là nên lập. Riêng Trình Tử lấy tài liệu sử, dẫn chứng, định đoạt rằng, Cú là con Tương Công, thế tức là Lỗ đã giúp kẻ thù, tội ấy rất rõ. Định đoạt rằng Tử Cú là em Tiểu Bạch, thì rõ cái nghĩa Tử Cú không nên lập. Nhiên hậu Cú không chép là Công tử, Tiểu Bạch về Tề, Quản Trọng không chột. Lỗ quên thù cha, các thuyết đều rõ.

夏公伐齊納糾齊小白入于齊

HẠ, CÔNG PHẠT TỀ, NẠP CÚ,

TỀ TIỂU BẠCH NHẬP VU TỀ

MÙA HẠ, CÔNG ĐÁNH TỀ, NẠP CÚ,

TỀ TIỂU BẠCH VÀO NƯỚC TỀ

Tả - Mùa hạ Công đánh Tề để nạp Tử Cú. Hoàn Công từ nước Cú vào Trước.

Công - Nạp là gì, là đem vào. Sao lại chép: Đánh Tề. Đánh để mà nạp, tức là không thể nạp được vậy phải đánh. Công tử Cú, không gọi là Công tử, vì trước mặt vua thì, bầy tôi gọi tên. Tại sao lấy tên nước gọi Tề Tiểu Bạch? Vì cang đáng việc nước. Sao chép là vào? Vì cướp lấy ngôi.

Cốc - Đáng nạp mà không nạp, đến khi Tề loạn thì mới nạp. Cho nên đánh nhau ở đất Càn Thời, không kiêng tránh chép là vì thua trận (tức là chê việc nước). Đại phu chạy trốn ra nước ngoài, khi trở lại nước, mà hay, mà phải, thì chép là về, mà dơ thì chép là vào. Tề Công tôn Vô Tri, giết Tương Công, Công tử Cú, Công tử Tiểu Bạch không thể ở lại được phải chạy. Người Tề giết Vô Tri mà đón Công tử Cú tại Lỗ. Công tử Tiểu Bạch không nhượng, vào trước rồi giết Cú tại Lỗ, cho nên chép: Tề Tiểu Bạch vào nước Tề là chê.

Hồ Truỵện - Tả Thị chép là Tử Cú, cả hai truyện chép: đánh Tề, nạp Cú. Người quân tử cho Công Thị, Cốc Thị là chính đáng. Nạp là ý trong nước không chịu, muốn bắt ép phải chịu.

Vào là ý việc khó. Cù không chép là Tử Cù rõ là không đáng lên ngôi. Tiểu Bạch là quan hệ với Tề rõ là Tiểu Bạch đáng làm vua Tề. Được đến tình cảnh đó là vì: Tương Công bị giết, Cù cùng Tiểu Bạch đều là con thứ, chạy trốn, mà Cù là em, và lại từ trước chưa có ngôi Thái tử. Xét trong sử, Chu Công giết Quan. Sãi để yên nhà Chu. Tề Hoàn thì giết em để trở về nước, vì Cù là em. Tiểu Bạch là anh đáng được nước Tề. Đã đáng, thì sao không chép là Công tử? Vì trong nước không có ai theo mệnh, mà cũng không có ai nắm mệnh, cho nên cứ theo chế độ vương pháp mà bỏ những tước ấy.

Lưu Sưởng - Công Dương, báo nạp nghĩa là đem vào, đâu có phải thế. 1) Nạp là nạp. Còn vào được hay không chưa biết. Vậy nạp không phải là vào. 2) Đánh mà nói là nạp thì cũng như không thể nạp được; báo thế nào cũng không phải. Có đánh rồi nạp. Có vây rồi nạp. Có “chứa thường đánh”, “chứa thường vây, mà nạp: mọi việc đều cứ thực mà chép. Cù không gọi là Công tử vì trước mặt vua thì bấy tôi gọi tên. Đâu có phải thế. Cù mất nước, Ở Lỗ vốn không phải là Lỗ thần thì sao lại báo “trước vua thần gọi tên” được. Ví như gọi Công tử Cù thì có báo được là: không phải trước mặt vua, mà bấy tôi xưng tên không. 3) Lấy tên nước làm họ. Tề Tiểu Bạch là đáng có nước; nói thế không xuôi. Phàm báo rằng đáng có nước, không lệ vào định trước, không có đường lối nhất định.

Trình Tử - Hoàn Công (Tiểu Bạch) và Tử Cù là hai con Tương Công. Hoàn Công là anh, Tử Cù là em. Tương Công chết thì Hoàn Công đáng nối ngôi. Kinh Xuân Thu chép đến Hoàn Công thì viết là Tề Tiểu Bạch, tức cho là nên ở ngôi. Chép đến Tử Cù, thì chỉ có chữ Cù, chứ không có chữ Tề, ý cho là không đáng nối ngôi. Không viết chữ tử, tức như không phải con nối của vua. Công Thị, Cốc Thị cùng bốn người chú giải, đều chép chữ “nạp Cù”. Riêng Tả Thị chép là Tử Cù là nhầm. Tuy nhiên chép: “Người Tề đem Tử Cù giết đi”. Tề đại phu trước đã cùng Lỗ thể ở đất Kỵ, đã nạp Cù làm vua, nay lại giết đi, cho nên chép là Tử Cù. Thế là có cả hai tội.

Chu Tử - Trình Tử theo Bạc Chiêu (danh nho thời Hán) dẫn chứng Hoàn Công là anh. Nhưng Tuân Khanh thì thường nói: “Hoàn Công giết anh để tranh nước”, mà lời Tuân Khanh lại trước thời Bạc Chiêu. Vậy chưa có thể lấy chứng ấy làm chắc

chấn được. Vả lại, căn cứ vào Kinh, truyện (Kinh Xuân Thu, truyện họ Cốc, họ Công), rồi thêm lời Khổng Tử đáp bọn Tử Lộ, Tử Cống, để định đoạt thì cũng được. Xét: Thánh nhân, đối nhân, không vì tội mà đim công người ta, cũng không vì công mà dấu tội người ta. Như nói Quán Trọng thì thấy khen công, không thấy nói tội, vậy biết rằng Quán Trọng không chết, thì không có hại gì đến đạo nghĩa. Mà Hoàn Công cùng Tử Củ, ai anh, ai em, nhân đó thì biết rõ. Quán Trọng sợ di không chết, chính vì, Tiểu Bạch là anh, Tử Củ là em. Nếu Tử Củ là anh, là nên làm vua thì các sĩ tử nước Tề, đối với nghĩa vua tôi còn biết nói làm sao.

Xét - Văn Tả Thị "Công đánh Tề, nạp Tử Củ", gọi Củ là Tử Củ, không gọi là Tử Tiểu Bạch, tức cho Tử Củ là anh. Văn Công Thị, Cốc Thị, tuy gọi là Củ, chứ không gọi là Tử Củ. Nhưng Công Thị bảo Tử Củ đáng làm vua, Cốc Thị bảo Tử Củ đáng được làm. Tức như cho Tử Củ là anh. Sách Sử ký thì chép Củ trên Tiểu Bạch, vậy đều cho Củ là anh. Riêng có sách Bạch Chiêu và sách Hoài Nam Vương thì nói Tề Hoàn giết em. Vì Chiêu có bàn, Tử Củ là anh, chép là em là kiêng. Triệu Phương nói. Hán Văn là anh Hoài Nam Vương, nên thời đó kiêng bảo Củ là anh, cứ cho là em. Thế nghĩa là Bạc Chiêu nhất thời cho Tiểu Bạch là anh, chứ có phải là lời bàn bắt di bắt dịch đâu. Trình Tử cùng Hồ Truyên căn cứ vào văn Kinh, văn truyện Cốc Thị, Công Thị gọi là Củ, không gọi là Tử Củ, rồi cho Củ làm em. Các nhà bình luận phần nhiều cứ theo. Xét hai truyện chỉ là thích nghĩa Kinh, không lấy truyện thì cũng không còn căn cứ vào đâu được. Chu Tử luận bàn có dẫn Trình Tử, và thơ gởi cho Phan Cung, nhân lời Tuấn Khanh, thì biết thuyết của Bạc Chiêu, chưa chắc đã là đúng. Chu Tử cứ phải để cả hai thuyết.

Khảo sát thêm. Thúc Hương bảo Tề Hoàn là con nàng Vệ Cơ, Vệ Cơ được Hi Tôn yêu. Sử ký thì chép: Em Tương Công tên là Củ, em nữa là Tiểu Bạch. Lại nói rằng: Mẹ Tiểu Bạch là con gái nước Vệ. Thuyết này với thuyết của Thúc Hương giống nhau. Đỗ Dự bảo Tiểu Bạch là con thứ của Hi Công. Còn Tử Củ là thứ huynh của Tiểu Bạch. Tất cả đều cho Củ với Tiểu Bạch là Công tử con Hi Công. Riêng Cốc Lương thì nói Vô Tri giết Tương Công, Công tử Củ, Công tử Tiểu Bạch chạy trốn. Đạm Trợ, Triệu Khuông tin ở thuyết Cốc Lương, cho là Tương Công bị giết thì

hai Công tử chạy trốn, tức là hai con Tương Công. Trình Tử và Hồ Truyên cũng tin thế. Vậy các thuyết chưa biết thuyết nào đúng. Hay cứ để cả hai.

秋七月丁酉葬齊襄公

THU, THẤT NGUYỆT, ĐINH DẬU,

TÁNG TẾ TƯƠNG CÔNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỄ TÁNG TẾ TƯƠNG CÔNG

Đỗ Dự - Tháng chín mới táng, vì loạn.

八月庚申及齊師戰于乾時我師敗績

BÁT NGUYỆT CANH THÂN, CẬP TẾ SU

CHIẾN VU CAN THỜI NGÃ SU BẠI TÍCH

THÁNG 8 NGÀY CANH THÂN, CÙNG VỚI QUÂN TẾ ĐÁNH

NHAU TẠI ĐẤT CAN THỜI, QUÂN TA THUA TAN VỠ

Can Thời, đất nước Tề Sông Thời Thủy ở huyện Lạc An, sông bị cạn khô, cho nên thành tên là Can Thời.

Tả - Quân ta với quân Tề, đánh nhau ở Can Thời, quân ta tan vỡ. Công phải bỏ xe, sang xe khác, về được. Tân Tử và Lương Tử, phải lấy cờ lệnh của Công vứt bỏ xuống. Công mới thoát.

Công - Sứ, trong việc nước không chép thua, đây sao lại chép. Là đánh mà bị thua. Đánh để phục thù, thù một nước lớn. Sao lại không là ai, mà chính thì là Công. Sao lại không chép là Công. Vì không phải là Công phục thù. Phục thù chỉ là cờ phụ.

Hồ Truyên - Xét Tả Truyên, đánh nhau ở Can Thời, Công bỏ xe sang xe khác về. Thì thua là Công thua. Đã biết đánh nhau với kẻ thù, thì dù bại cũng là vinh. Thế thì sao lại không nói đến Công, tức là có chê. Công vốn quên thù cha, cớ bỏ oán thù, lại muốn lập con kẻ thù lên ngôi. mưu định quốc gia họ, chứ không phải đánh để phục thù, cho nên bỏ công đi để rõ ý chê. Nếu lấy việc phục thù mà đánh, thì chiến ấy là nghĩa chiến,

thì nên chép chữ Công trước chữ (thua, quân tan vỡ). So với việc ở Sa Tuyền và việc thể ở Bình Khu, để biết vinh nhục hơn kém. Vì chiến này không phải chiến phục thù, cho nên tránh nói Công để cho ý chê nặng hơn chê tội quên cha, gỡ oán thù, ý nghĩa thật là rõ rệt.

Lưu Suồng - Đây sao lại chép thua, Công suýt bị bắt. Chiến đại bại, may thoát khỏi bị bắt. Quân thua là si, bị bắt là nhục. Si còn nói được, nhục không thể nói được. Công Dương bảo trong nước không chép thua, đây chép thua, là đánh trận mà thua. Cốc Lương bàn thể sai. Nếu Lỗ thực sự lấy việc phục thù mà chiến thì Kinh không nên bỏ không chép. Vì lấy việc phục thù làm phụ, cho nên không nói đến Công. Kinh đâu có bỏ ý hay của kẻ làm tội con. Về ngôn, hành, (nói và làm) thần có ngôn hay, thì quân hành cái ngôn đó, có phải quân cũng hay không. Sao lại lấy sự phục thù làm việc phụ. Thế thì đâu có cho Công là hay được.

九月齊人取子糾擻之

CỬU NGUYỆT TẾ NHÂN THỦ TỬ CỬ SÁT CHI

THÁNG 9, NGƯỜI TẾ BẮT TỬ CỬ GIẾT ĐI

Tả - Bào Thúc làm tướng nói: Tử Cú là người thân, xin nhà vua cho trị. Quân và Thiệu là kẻ thù, xin bắt rồi giết để thỏa ý. Mới giết Tử Cú ở đất Sinh Đậu. Thiệu Hốt tự tử. Quân Trọng chịu cho bắt vào xe tù. Bào Thúc nhận đem đi, đến Đường Phụ thì cởi trói, rồi về trình với vua. Quân Di Ngô, tâu trị nước hơn Cao Hề, xin cho làm tướng. Công nghe theo.

Sinh Đậu là đất nước Lỗ. Sử ký chép chữ 生 ra chữ 莖, mà Gia Quý chú là chữ đậu viết như chữ củ đậu 句讀. Đường Phụ là đất nước Tề. Ở Tây Bắc huyện Mông Am, xứ Đông Hoán còn có đình Di Ngô. Bào Thúc cởi trói cho Quan Trọng ở đấy.

Công - Thế nào là bắt. Sử nói tránh thể thôi. Thế là ép ta, bắt ta phải giết. Sao lại gọi là Tử Cú? Là Quý. Quý vì đáng làm vua.

Cốc - Nước ngoài sao lại bắt được. Đây nói bắt, là chê trong nước. Bắt chỉ là lời nói tránh đi, cũng như chép, bắt Tử Cú mà

giết đi (tức là Tề giết). Trong một xóm có mười nhà, có thể tránh nạn được. Trong một ấp có trăm nhà có thể khỏi chết được. Thế mà trong một nước nghìn cỗ xe, không giữ được Tử Cú khỏi chết, thế là chê Lỗ Công.

Hổ Truyện - Nói bắt là nói một điều bất nghĩa. Trước đã chép (nạp Cú), không chép Tử Cú, rõ ràng là không nên lập. Ở đây chép việc giết Cú, thì lại gọi lại là Tử Cú rõ ràng là không nên giết. Hoặc nói, tự bắt lấy, hoặc nói được giao cho, nói thế nào cũng được. Ý nghĩa Xuân Thu thật là tinh vi: người có nhân đối với anh em, không có chứa giận, không có tích oán, chỉ là yêu thương mà thôi. Cú tuy tranh ngôi đấy nhưng đã chạy ra khỏi nước, thì xếp bỏ đi, đừng nghĩ đến nữa, thế mà lại đòi bắt Lỗ giết đi mới hả lòng hả dạ, sao lại bắt nhân đến thế. Đời sau cứ lấy tiếng truyền ngôi, nhường ngôi, mà rồi cướp nước, giết chủ nước, đó là tâm một cá nhân để phòng tai nạn sau, ai nấy đều như nhau cả, đời đời truyền cái độc ác mãi. Cho nên Mạnh Tử có nói: Ngủ Bá là kẻ có tội đối với đời Tam Vương. Phàm là học trò Trọng Ni thì, không có nói đến công việc. Ngủ Bá.

Tô Triệt - 1) Tử Cú mà chết là Lỗ giết. Bảo rằng Tề bắt Tử Cú giết đi là tại sao. Là không cho người Tề bắt người Lỗ giết anh em mình. Cho nên khiến người Tề phải tự làm. 2) Có nước mà không hay che chở cho một người được, vì thế chê Lỗ. 3) Công Dương gọi là Tử Cú là ý cho Tử Cú nên lên ngôi, lại có kẻ phụ họa Công Dương mà bàn thêm rằng đây là giết một vị vua chưa làm vua đầy năm. Xét Tiểu Bạch, Tử Cú tranh nhau ngôi thì cũng chưa biết ai sẽ được ngôi. Đã chưa biết ai lên ngôi, nạp Cú mà chưa đem Cú vào nước được, thế mà bảo Cú làm vua chưa đầy năm, bảo thế có nghe được không.

冬浚殊

ĐÔNG TUÂN THÙ

MÙA ĐÔNG, ĐÀO SÂU SÔNG THÙ

Công - Thù, là sông Thù. Đào sâu là sợ Tề, vì thấy Tề giết Tử Cú.

Cốc - Đào sông Thù, rõ ràng là sức kém yếu.

Hồ Truỵn - Muốn cho nước vững thì gốc là ở chỗ giữ lấy dân. Đây thì dùng bậy sức dân, bậy việc hại dân. Thì dù có sông dài, sông rộng quanh biên giới, dù có các địa điểm: hồ Bành Lôi, Động Đình, sông Hán Thủy, sông Hoàng Hà, cũng không đủ trồng cây. hưởng là một lạch sông Thù. Chép đào sâu sông Thù, thấy làm khổ dân. Giữ nước mà chỉ nghĩ đến ngon, không nghĩ đến gốc. Đời sau coi đó làm răn.

Năm Đinh Dậu. Trang Vương năm 13.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tê Hoàn năm thứ 2. Tấn Mân năm thứ 21. Vệ Huệ năm thứ 16. Sái Ai năm thứ 11. Trịnh Lệ năm thứ 17. Tử Nghi năm thứ 10. Tào Trang năm thứ 16. Trần Tuyên năm thứ 9. Kỷ Tinh năm thứ 20. Tống Mẫn năm thứ 8. Tần Vũ năm thứ 14. Sở Văn năm thứ 6.

春王正月公敗齊師于長勺

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG BẠI TÊ

SƯ VU TRƯỜNG THUỘC

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG ĐÁNH BẠI
QUÂN TÊ TẠI ĐẤT TRƯỜNG THUỘC**

Trường Thuộc là đất nước Lỗ. Lộ Thị nói: Thành Vương lấy sáu họ dân cũ nhà Thương cho Lỗ Công, trong đó có Trường Thuộc Thị, là các dân nhà Thương ở.

Tả - Năm thứ 10, mùa xuân, quân Tê đánh ta. Công sắp đem quân ra ứng chiến. Tào Uế xin yết kiến. Người đồng hương biết đã bảo: Đã có bọn ăn thịt bầy muu, xen vào làm gì. Uế nói, quen ăn thịt sinh bỉ lậu, không trông xa, không nghe rộng được nữa. Rồi vào yết kiến. Hỏi vua: Chắc vào điều gì mà chiến. Vua nói, xưa nay về ăn mặc không dám đầy đủ lấy một mình,

vân chia cho người thiếu. Đáp: Thế là ơn nhỏ, chưa rộng khắp, dân chưa theo. Vua nói: Tế tự, chỉ cần đầy đủ tế vật, tế khi theo đúng lễ nghi, không dám bày đặt phiền phức, cốt giữ thành tín. Đáp, thế là tiểu tín, chưa đủ cảm thần, thần linh chưa giáng phúc. Vua nói: Các việc hình ngục, lớn, nhỏ, tuy không xem được hết nhưng cốt sử lấy tình thực. Đáp: Thế là thuộc loại tâm trung, được, một điều chiến lược; xin cho theo. Vua cho ngồi cùng xe ra trận. Trận bày ở đất Trường Thuộc. Vua sắp đánh trống thúc quân. Uế nói chưa được. Khi nghe Tế ba lần thúc trống quân. Uế nói bây giờ đánh trống được. Quân Tế tan vỡ. Vua sắp cho đuổi. Uế bảo chưa được. Rồi xuống xem vết xe. Xong, trèo lên đòn xe, coi kỹ cờ địch, mới bảo đuổi được. Thế rồi, cho quân đuổi. Khi thắng trận xong, vua hỏi duyên cớ. Nói: Khi ra trận cần khí mạnh, một lần trống là có khí mạnh, lần trống thứ hai khí đã suy, đến lần thứ ba, khí đã kiệt. Bên địch đã kiệt thì bên ta mới bắt đầu, cho nên được. Nước lớn hay gian dối, sợ có mai phục. Ta xem vết xe loạn, cờ bay có rồi mới đuổi được.

Cốc - Không chép ngày, thế là nghi chiến (nghi chiến là không định ngày để dễ đánh úp, bất ngờ). Đã là nghi chiến mà chép là đánh tan quân địch, tức là thắng trận.

Xét - Quân nước ngoài đến đánh nước Lỗ, thế là rõ ngôi chủ khách. Ý trách nước ngoài, chép là tới chiến, ý trách nước trong (Lỗ) thì khi thắng chép là đánh tan quân người. Khi bại thì chép là cùng quân ngoài chiến. Đó là lẽ lối nhất định. Lỗ Trang đối với Tế đã quên kẻ thù, mà lại muốn dùng lễ cạo cháu đối với Tế. Thừa dịp Tế loạn, lại muốn nạp con kẻ thù để đánh. Đến khi quân Tế tới chiến, lại nổi giận cùng quân Tế chiến. Cho nên Kinh lấy Lỗ làm chủ mà không chép là Tế tới đánh. Hồ Truyền cho là có ý trách, thế thì Lỗ sao có hành động khác được. Hoặc bảo rằng, thương Lỗ đã suy nhược nhiều, hoặc bảo rằng Tế là quốc thù cho nên may thắng được, lấy làm mừng. Vậy thì các trận Thặng Khu, trận đất Tấn, Lỗ còn xâm Tấn trước, đã không có sự nghi ngại mạnh yếu, lại còn Tống vốn không phải là quốc thù, thế mà sao cũng mừng, rồi cũng không nói là Tống phạt (Tống tới đánh), chỉ chép là đánh tan quân Tống thôi. Cho nên các lời bàn luận khác thường ấy, bỏ đi không xét đến.

二月公侵宋

NHỊ NGUYỆT, CÔNG XÂM TỔNG THÁNG 2 CÔNG XÂM NƯỚC TỔNG

Khởi thủy việc xâm lăng.

Công - Sao khi thì nói phạt, khi thì nói xâm. Mờ ám thì gọi là xâm, rõ ràng thì gọi là phạt. Chiến không nói là phạt. Vây không dùng chữ chiến. Vào không nói là vây. Diệt không nói là vào. Lỗi chép cần thận như thế.

Cốc - Xâm thường chép mùa. Đây chép cả tháng tại sao. Là vì thâm oán nước Tề, lúc đem quân về thì xâm nước Tống, làm cho thêm địch, chớ nên chép rõ tháng.

Trương Hiệp - Trang Công vì nay được đặc chí với Tề rồi đem quân vô danh nghĩa đi cướp đất Tống, vì thế nên đưa tới việc chiến ở đất Lang.

二月宋人遷宿

NHỊ NGUYỆT, TỔNG NHÂN THIÊN TÚC THÁNG 2, NGƯỜI TỔNG THIÊN NƯỚC TÚC

Khởi thủy việc thiên nước.

Công - Thế nào là thiên là dân nghèo đói, cho đất cho thiên tới. Tư Trảm nói: Thấy nghèo đói là nhân dịp bắt người ta thuộc vào mình.

Cốc - Thiên là mất, không nói thiên đi đâu đến đất nào. Vây nước Túc không còn nói đến nữa, thiên thì chưa hẳn mất quốc gia, còn lại được.

Lục Thuần - Đạm Tử bảo rằng: Phạm gọi là thiên thì có hai nghĩa: 1) Như người Tống thiên nước Túc, người Tề thiên nước Dương, thế là rời nước người đến trong nước mình, coi là phụ dung nước mình. Như nước Hình thiên đến Di Nghi. Như nước Vệ thiên đến Đế Khu. 2) Hoặc tự xin thiên, hoặc bị thiên, đều còn được làm liệt quốc. Cho nên không nói người Mỗ thiên

nước người ta, mà nói đất thiên đến. Thế chỉ là thiên quốc đó chứ không phải thành một nước phụ dung.

Triệu Tử nói, phạm đất không đáng thiên mà thiên đến, là một tội rõ.

Tôn Phục - Tức là một nước nhỏ được Thiên Tử phong. Người Tống thiên đi, ta thấy rõ cái ác của Tống.

Tô Triệt - Phạm chư hầu thiên nước. Nếu tự nhiên thì chép: Nước Mỗ thiên đến nước Mỗ. Nếu bị người thiên thì chép: Người nước này thiên nước kia. Thế vẫn còn làm một nước phụ dung, chứ chưa mất hẳn, cho nên không chép là diệt.

夏六月齊師宋師次于郎公敗宋師于乘邱
HẠ LỤC NGUYỆT TÊ, SƯ TỔNG SƯ THỨ VU LAN
CÔNG BẠI TỔNG SƯ VU THẮNG KHUU
MÙA HẠ, THÁNG 6, QUÂN TÊ, QUÂN TỔNG,
ĐÓNG TẠI LANG, CÔNG ĐÁNH CHO QUÂN TỔNG
THUA Ở THẮNG KHUU

Thắng Khưu là đất nước Lỗ, ở quận Thái Sơn. Thời Tây Hán có huyện Thặng Khưu. Nhan Sư Cổ cho là Thặng Khưu thời Xuân Thu. Trong sách Địa Chí, Thặng Khưu ở huyện Hà Khưu, 35 dặm phía Tây Bắc.

Tả - Mùa hạ tháng 6 quân Tê, quân Tống đóng ở đất Lang. Công tử Yên nói: Quân Tống không chính bị, ta đánh được. Tống đã bại, Tê tất quay về, Xin cho đánh. Công không cho. Xin từ Vũ Môn lên ra, ngựa trùn da hổ rồi đánh ập vào. Công nghe. Đánh tan quân Tống ở Thặng Khưu. Quân Tê lui về.

Công - Sao lại chép quân đóng ở Lang. Là quân đi phạt. Đã đi phạt sao còn đóng lại. Tê muốn phạt mà không muốn chiếm, cho nên nói là phạt. Ta đánh tan được, cho nên gọi là đóng lại.

Cốc - Đóng lại là nghỉ, là sợ ta, không chép ngày là nghỉ chiến. Nghỉ chiến cho nên chép là đánh tan, là nước ta thắng.

Hồ Truyện - Tê, Tống khinh thường, đem quân đi sâu vào

đất nước người ta, muốn thỏa chí báo thù, thực là có tội. Người Lỗ giả biết không dùng mưu lừa dối, mà biết dùng lời nói, thì hai nước sẽ lui. Nay thừa cơ thắng được một trận, mà gây oán hận cho cả nước lân bang, thế là cái đường lối của người thấp kém. Cho nên đóng quân không nên việc, thắng trận cũng không nên việc. Đều là đáng chê cả.

Triệu Khuông - Công Dương cho là Tề muốn phạt chứ không muốn chiến cho nên chép chữ phạt. Xét văn Kinh, thấy rằng chưa phạt mà đã bị đánh tan, cho nên không chép chữ phạt... Công Dương lại nói, Lỗ ta có thể đánh tan được, cho nên nói là đóng quân lại. Nếu đúng như thế, thì phép đánh tan, nghĩa đã rõ rồi, việc gì còn phải mượn chữ đóng quân lại.

Lý Liêm - Tề giận Lỗ, khởi thủy tự việc Tử - Cù, được Lỗ nạp. Tống giận Lỗ, khởi thủy tự ngày Công xâm lấn. Nhưng sự thực là Tề Hoàn muốn hiệp với Tống để mưu việc làm Bá - chủ. Cho nên Hồ Thị phát minh ra các ý kiến (đóng quân lại, đánh tan) mà Trần Thấm thì xét tâm của Tề, Tống. Cả hai thuyết đều dùng được để cho nghĩa được rõ hơn.

秋九月荊敗蔡師于莘以蔡侯獻舞歸
THU CỬU NGUYỆT, KINH BẠI SÁI SƯ VU SẴN,
DĨ SÁI HẦU, HIỂN VŨ QUY

**MÙA THU THÁNG 9, NƯỚC KINH ĐÁNH TAN QUÂN SÁI
Ở ĐẤT SẴN, ĐEM SÁI HẦU TÊN LÀ HIỂN VŨ VỀ**

SẴN, đất nước Sái

Tả - Ai Hầu nước Sái lấy vợ nước Trần, Túc Hầu (nước Túc) cùng lấy vợ ở nước Trần. Túc Vi sắp về nhà chồng, đường qua Sái. Sái Hầu nói: Đó là em vợ ta đó. Mới giữ lại, rồi không lấy lễ khánh tiếp đón. Túc Hầu giận, cho nói với Sở Văn Vương giả đem quân đánh Túc. Túc sẽ cầu cứu Sái. Sái đem quân tới, thì Sở đánh ngay Sái. Sở nghe theo kế ấy. Mùa thu tháng chín, Sở đánh bại quân Sái, đem Sái Hầu là Hiến Vũ về.

Công - Kinh là tên một châu. Châu không bằng nước. Nước không bằng họ (Thị). Họ không bằng người. Người không bằng

tên. Tên không bằng tự. Tự không bằng tước. Sái Hầu bị bắt, sao lại chép tên Hiến Vũ. Thế là tuyệt, là bị hoạch (bắt được). Sao không chép chữ hoạch. Vì không muốn cho di địch bắt Trung Quốc.

Cốc - Kinh là nước Sở. Sao gọi là Kinh. Là Rợ. Vì rằng khi thánh nhân dựng nước thì Sở tới sau cùng (để được hưởng). Khi Thiên Tử suy nhược thì Sở phản trước tiên, cho nên gọi là Kinh, là Rợ. Sái Hầu sao lại chép tên. Là vì bị tuyệt, bị hoạch. Trung Quốc bị bại, không dùng chữ bại, đây sao lại dùng. Vì nếu một nước Trung Quốc không bị bại, thì sao Sái Hầu lại bị hoạch. Vậy dùng chữ bại để rõ nghĩa bị hoạch. Chữ di quy (đem về) nặng hơn chữ chấp là cầm giữ.

Hồ Truyền - Sái Hầu sao lại gọi tên. Là ý bị tuyệt. Phàm Kinh chép là bại, là diệt, là nhập, mà lại đem vua về, đều chép cả tên, tức là vua đó đã xuống hàng thần tử, bị bắt, cho nên tuyệt là cắt đứt. Như bọn Sái Hiến Vũ, Lộ Anh - Nhi, Duyệt Gia, Hứa Tử, Đốn Tường, Hồ Báo, Tào Dương, Châu Ích.

Nước Sở diệt nước Quý, đem Quý Tử về, không chép tên. Quý Tử không có lỗi mà định đánh, dù nước bị diệt, thân làm tù tội, nhưng nghĩa vẫn là người thắng thắn, từ đầu vẫn không chịu khuất phục. Vì thế, chép chức tước, không chép tên. Phép Kinh Xuân Thu, Vua chư hầu đương còn sống không gọi tên, là có ý cho là khinh, là tiện. Phép như thế, cốt cho vua các nước lúc nào cũng cẩn thận, giữ gìn được phú quý lâu dài chứ đừng phóng túng mà sinh hại.

冬十月齊師滅譚譚子奔莒

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, TÊ SU DIỆT ĐÀM.

ĐÀM TỬ BÔN CỬ

MÙA ĐÔNG THÁNG 10, QUÂN TÊ DIỆT NƯỚC ĐÀM.

ĐÀM TỬ CHẠY SANG NƯỚC CỬ

Đàm là nước Đàm. Đó là việc diệt nước đầu tiên.

Tả - Khi Tê Hầu phải trốn ra nước ngoài, có qua nước Đàm. Đàm không lấy lễ đối đãi. Đến khi Tê Hầu về làm Vua, chư

hầu đều tới mừng. Đàm lại không tới. Mùa đông, quân Tề diệt nước Đàm, vì Đàm vô lễ. Đàm Tử chạy sang nước Cử la đóng mình.

Công - Sao chép là bôn (chạy), không chép là xuất (dời khỏi). Vì nước đã mất, còn nước đâu mà dời, mà xuất.

Hồ Truyền - Xét Tả Truyền khi Tề Hầu rời nước, đi ra nước ngoài qua nước Đàm, Đàm không đổi dài lấy lễ. Khi Tề Hầu về làm vua, chư hầu tới mừng, Đàm lại không tới Tề trách, về việc thất lễ với nước lớn. Trách là phải, nhưng vì lỗi ấy mà diệt một nước, thì có nên không. Quân Tề diệt nước Đàm, Đàm Tử chạy sang nước Cử. Người Sở diệt nước Huyền, Huyền Tử chạy sang nước Hoàng, Dịch diệt nước Ôn, Ôn Tử chạy sang nước Vệ. Vua ba nước sở dĩ còn được chép tước, là vì không vì với các vua đã mất nước bị gọi tên. Tuy nhiên, nước Ngô diệt nước Tử, Tử Tử tên Chương Vũ, chạy sang nước Sở sao lại bị gọi tên. Xét Tả Truyền, nước Ngô đánh nước Tử, Tử Tử cắt tóc, dắt phu nhân, đi đón Ngô Tử. Đã khuất phục rồi sau mới chạy, thế thì đâu còn có chí phục quốc. Vậy chép tên là có ý tuyệt, dứt đi. Nghĩa Xuân Thu, là dè kẻ mạnh đỡ kẻ yếu, nhưng cũng lại trách kẻ yếu sao không biết tự cường, làm điều thiện. Đó thứ pháp như thế.

Năm Mậu Tuất. Trang Vương năm thứ 14.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tề Hoàn năm thứ 3. Tấn Mân năm thứ 22. Vệ Huệ năm thứ 17. Sái Ai năm thứ 12. Trịnh Lệ năm thứ 18. Tử Nghi năm thứ 11. Tào Trang năm thứ 19. Trần Tuyên năm thứ 10. Kỳ Tĩnh năm thứ 21. Tống Mân năm thứ 9. Tần Vũ năm thứ 15. Sở Văn năm thứ 7.

春正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏五月戊寅公敗宋師于

HẠ NGŨ NGUYỆT, MẬU DẦN,
CÔNG BẠI TỔNG SƯ VU TỬ

MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY MẬU DẦN,
CÔNG ĐÁNH TAN QUÂN TỔNG Ở ĐẤT TỬ

Tử, đất nước Lỗ.

Tả - Năm thứ 11, Tống đóng quân ở Thặng Khu, xâm nước ta. Công chống cự. Tống chưa dàn thành trận, bị phá và bị đánh thua tại đất Tử. Phàm quân chưa dàn thành trận, bị phá, gọi là bị bại. Dàn cùng dàn trận thì gọi là bị chiến. Đánh vỡ tan, thì gọi là bại tích. Bắt được tướng giỏi thì gọi là khắc. Chuyển được thế làm cho địch đổ vỡ thì gọi là bại quân địch. Quân đội triều đình thua, thì gọi là vương sư bại tích tại Mỗ địch.

Cốc - Đánh tại đất nước mình, không dùng chữ chiến, là khen việc giỏi. Chép là bại được là vì có bắt được tướng Vạn của nước Tống

秋宋大水

THU, TỔNG ĐẠI THỦY
MÙA THU, TỔNG NƯỚC LỤT

Tả - Mùa thu, Tống bị nạn nước to. Công sai sứ tới thăm viếng, có nói: Trời làm mưa lâu, hại lúa, thiếu thức cúng tế, thế thì sao lại không thăm viếng. Vua Tống có nói: Cô thực có tội bất kính, nên trời ra tay để làm cho vua phải lo, xin bái bệnh. Tang Văn Trọng có khen: Tống sẽ hưng thịnh. Vua Vũ, vua Khang, tự trách lỗi mình, mà nước sao hưng thịnh. Vua Kiệt, vua Trụ,

trách tội người, mà bại vong đến ngay. Vả lại, nước có tai nạn, tự xưng là cô, thế là đúng lẽ. Nói thì kính sợ, lời thì đủ lễ, sẽ được dân đông, vật đủ. Sau lại nghe nói đó là lời của Công tử Ngự Thuyết, Tang Tôn Quý có nói: Người ấy nên làm vua, có lòng thương dân.

Công - Đây là chép một tai nạn. Tai nạn nước ngoài thì không chép. Đây chép là vì có liên can tới nước ta.

Cốc - Tai nạn nước ngoài thì không chép. Đây chép vì Tống là dòng dõi vương giả. Trên cao dưới thấp đều ngập nước, thế là nạn nước lụt to.

Hồ Truyền - Phàm chép tai, Xuân Thu vốn cẩn thận, coi tai là trời có ý răn. Còn như thương dân là việc của vương giả.

Lưu Suồng - Đây là nạn lụt to ở nước Tống. Sao lại chép là Lỗ thăm viếng. Chủ nhân cáo có tai, chứ không cáo việc lạ. Chư hầu điều tai, chứ không điều việc lạ. Điều tai thì phải chép. Công Dương bảo tai nước ngoài thì không chép. Đây chép vì có liên can đến ta. Xét Xuân Thu, trong thì nước mình, ngoài thì nước chư hầu, nếu tai tới cả đến Lỗ, thì chỉ có thể chép là tai nước Lỗ mà thôi, không có thể chép rõ ràng nước Tống, mà so lược nước mình. Cốc Lương bảo rằng tai nước ngoài không chép, đây chép vì Tống là dòng dõi vương giả, bản thể sai. Nước Kỷ cũng là dòng dõi vương giả, mà chưa thường thấy chép tai. Sao vậy. Trời cho việc là để răn vua, muốn cho vua sửa đức, cho nên khi có việc là phải xét ngay mình, không phải chờ vào người ngoài. Thế thì sao lại báo cáo. Báo cáo là thất lễ. Vì thất lễ nên chép tai. Khi có hại đến dân thì các chư hầu quanh nước vì nghĩa phải thương dân, cứu dân. Đó là mong đợi ở người ngoài. Không thể không điều. Điều là đúng lẽ. Vì đúng lẽ mới chép

冬王姬歸于齊

ĐÔNG, VƯƠNG CƠ QUY VU TÊ

MÙA, ĐÔNG VƯƠNG CƠ CƯỚI VÊ TÊ

Tả - Tê Hầu xin đón Vương Cơ.

Phụ lục Tả Truyền - Việc chiến ở Thặng Khưu, Công lấy cái tên (tên cung nữ) quý, kim bọc cô, bắn Nam Cung Trường

Vạn. Chúc Nhung Hữu của Công là chuyên Tôn Sinh bắt được Vạn. Người Tổng xin tha về Tổng Công nói mĩa rằng: Trước, ta trọng người. Nay người là tù nước Lỗ, ta không trọng nữa. Rồi ghét Vạn.

Công - Sao lại chép. Vì đi qua nước ta.

Cốc - Chép việc vì đi qua nước ta.

Lục Thuần - Công Thị, Cốc Thị đều nói, chép vì đi qua nước Lỗ. Nay xét, chép là cưới về Tề, vì Lỗ đứng chủ hôn. Chỗ khác, Công thị, Cốc Thị, có chú thích Lỗ đứng môi giới... Cốc Thị, Công Thị, sao nói mỗi chỗ mỗi khác.

Lưu Sưởng - Sao lại chép. Vì nước Lỗ là chủ việc hôn. Vậy sao lại không chép hẳn nước ta chủ hôn. Việc thường không chép đã đành. Đây chắc là vì Tề - Hầu đi đón vợ, mà Công lại không thấy có mặt, thế thì chủ hôn gì. Vậy cho là việc thường tự mình không chép.

Xét - Vương Cơ cưới về Tề, Xuân Thu có chép hai lần, đều nói là Lỗ chủ hôn. Tả Thị nói, Tề Hầu đến đón Cơ, thì việc Lỗ chủ hôn là đã rõ. Công Thị, Cốc Thị, cho là năm đó qua nước ta. E rằng không có căn cứ. Vậy nên theo lời bác của Lục Thuần và Lưu Sưởng.

Năm Kỷ Hợi- Trang Vương thứ 15

十 有 二 年
THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 12

Tề Hoàn năm thứ 4. Tấn Mân năm thứ 23. Vệ Huệ năm thứ 13. Trịnh Lệ năm thứ 19. Tử Nghi năm thứ 12. Tào Trang năm thứ 20. Trần Truyền năm thứ 11. Kỷ Tinh năm thứ 22. Tống Mẫn năm thứ 10. Tần Vũ năm thứ 16. Sở Văn năm thứ 8.

春王三月紀叔姬歸于
XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT,
KỶ THÚC CƠ QUY VU HUÊ
MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG 3,
KỶ THÚC CƠ VỀ NƯỚC HUÊ

Công - Sao lại nói là về nước Huê. Là nói có ý: Nước đã mất thì về đâu.

Cốc - Nước mình mới nói là về, là quy. Nước Huê nay là một ấp, sao lại nói là quy. Là vì gái nước Lỗ. Lấy chồng. Chồng mất nước. Nay mừng được chỗ về, cho nên chép về.

Hồ Truyền - Trang Công thứ năm 4, Kỷ Hâu phải dời nước đi ra ngoài. Thúc Cơ đến bây giờ mới về đất Huê. Kỷ Hâu vừa chết, Thúc Cơ mới về. Quy là rất thuận, lấy lễ là tôn miếu đều ở đất Huê, quy để phụng thờ Lỗ là nước cha mẹ. Về Lỗ thì chỉ có khi nào "lai quy" (coi ở trên). Nước Kỷ đã mất. Không quy nước Lỗ, để cho toàn tiết, giữ nghĩa, chứ không lấy cơ nước mất mà bỏ đạo làm vợ. Người Lỗ nêu cao tiết nghĩa về lễ nghĩa thêm hay. Đã về Huê, thì khi mất, khi chôn, sự đều phải chép đủ. Khổng Tử san Kinh, giữ mà không tước bỏ, để cho được cùng với Cung Khương nước Vệ cùng được tiếng thơm, khuyên răn đời sau. Cùng như con gái họ Hạ Hâu, vợ em Tào Sảng, chịu ở hóa thù tiết, bố mẹ muốn ép gã chồng không được, nàng có thể và nói: Thời họ Tào đang hưng thịnh còn muốn giữ thủy chung, huống ngày nay họ Tào suy vong sao nữa bỏ. Ai nghe cũng phải cảm động. Chuyện Thúc Cơ thì ai thấy tư cách cũng phấn chấn.

Lưu Sưởng - Vua Kỷ chạy trốn. Nước bị diệt. Kỷ Hâu khi mất không được chạp. Sao Thúc Cơ lại được chạp. Xuân Thu muốn nhân hành động của Thúc Cơ để sáng tỏ cái nghĩa của Kỷ Quý khi đó đã lấy đất Huê (ấp nước Kỷ) sát nhập vào nước Tề, không phải là vì lợi, chỉ là để giữ lấy tôn miếu nước cũ. Như thế đủ để làm gương.

Xét - Kỷ Hâu mất nước rồi chết. Thúc Cơ quy (về) Lỗ. Đến bây giờ mới quy (về) đất Huê. Đỗ Dự, Lưu Sưởng, Tô Triệt đều bàn như nhau. Giang Hi cũng nói: Thúc Cơ lai quy (dời nhà chồng

ở nhà bố mẹ) thì không chép, vì không phải là quy ninh (về năm bố mẹ) mà cũng không phải là về hân. Chỉ Thúc Cơ là ở đất Huế để phụng thờ, chứ không ở suốt đời ở Lỗ. Cho nên Hồ Truyện, mới có thuyết không nên về Lỗ.

夏四月

HẠ TỬ NGUYỆT
MÙA HẠ THÁNG TƯ

秋八月甲午宋萬弑其君捷及其大夫仇牧
THU BÁT NGUYỆT, GIÁP NGỌ, TỔNG, VẠN THÍ
KỲ, QUÂN TIỆP, CẬP KỲ ĐẠI, PHU CỪ MỤC
MÙA THU THÁNG 8, NGÀY GIÁP NGỌ, TỔNG VẠN GIẾT
(THÍ) VUA LÀ TIỆP, CÙNG ĐẠI PHU LÀ CỪ MỤC

Tiếp, Công truyện, viết là Tiếp 接

Tả - Năm thứ 12. Mùa thu, Tống Vạn giết Mẫn Công ở đất Mông Trạch, gặp Cừ Mục ở cửa cung. Cừ Mục mắng. Vạn tát chết. Rạng bật ra, ngấp sâu vào cánh cửa. Gặp Thái Tế Đốc ở cửa Tây Đông Cung. Vạn lại giết nốt, Lập Tử Du. Các Công Tử chạy ra đất Tiều, Công Tử Ngự Thuyết chạy đến đất Bạc. Nam Cung Ngưu, Mạnh Hoạch, đem quân vây Bạc Mông Trạch là đất nước Tống, nước Lương có huyện Mông Tiều là ấp nước Tống, đất Bái có Tiều Huyện. Bạc là ấp nước Tống, Tây Bắc Mông Huyện có thành Bạc.

Công - Cập (cùng với đại phu Cừ Mục) là gì. Là ý chỉ liên lụy. Việc giết vua có nhiều. Liên lụy đến vua cũng có nhiều người. Như Không Phủ, Tuân Túc, bỏ không chép, chỉ chép Cừ Mục là tại sao. Là tại Mục là người hiền. Mục không sợ kẻ mạnh, có chống lại. Vạn trước cùng Lỗ Trang Công chiến bị bắt. Được vài tháng, Trang Công tha cho về nước. Rồi Vạn lại được làm đại phu. Cùng với Tống Mẫn Công đánh cờ, cung nữ đứng hầu. Vạn nói: Lỗ Hầu thật là người hiền, người tốt, chư hầu trong

thiên hạ duy có Lỗ Hâu là đáng làm vua. Trước mặt cung nữ, Mẫn Công nghe, ghét lời nói, ngoảnh lại bảo Vạn, người là tù nhân nước Lỗ, nên khen Lỗ. Vạn giận lắm, đánh Mẫn Công vỡ đầu. Cừu Mục nghe tin vua bị giết, chạy đến, gặp Vạn ở ngoài cửa cung, mắng Vạn, bị Vạn đâm vỡ đầu chết. Thế là Cừu Mục không sợ cường bạo.

冬十月宋萬出奔陳

ĐÔNG THẬP NGUYỆT.

TỔNG VẠN XUẤT BÊN TRẦN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10,

TỔNG VẠN CHẠY TRỐN SANG TRẦN

Tả - Mùa đông tháng mười, Tiên Thúc cùng các công tử lấy quân Tào, đánh giết được Nam Cung Ngưu giữa trận, giết được Tử Du ở Tống; lập Hoàn Công lên ngôi, Mạnh Hoạch trốn chạy sang Vệ. Nam Cung Vạn trốn chạy sang Trần, đẩy xe chở mẹ, đi có một ngày tới. Người Tống đòi Vệ trả Mạnh Hoạch. Người Vệ không muốn trả. Thạch Kỳ Tử nói: Không nên giữ. Người đỡ thì ở đâu cũng đỡ. Dỡ ở Tống, mà ta bình, bình thì có ích gì. Được một người mà mất một nước, giữ cái đỡ mà bỏ tình giao hiếu, không phải là mưu kế hay. Người Vệ mới giao trả. Tống đòi Nam Cung Vạn ở Trần, đem của hối lộ Trần. Người Trần mới sai đàn bà, con gái mời Vạn uống rượu, rồi lấy da tê trói lại, đưa đến Tống, Vạn vùng vẫy trật lộ cả chân tay ra. Người Tống đem làm mắm.

Uông Khắc Khoan - Người Trần đã cho giặc ở, sao lại nhận của hối lộ, lừa dối giết di, thế không phải là vương đạo. Khánh Phủ giết Mẫn Công chạy trốn sang nước Cữ, người Cữ cũng nhận của hối lộ rồi giao trả, Khánh Phủ về đến biên giới thì tự tử. Hai việc đó giống nhau. Nhưng đều là không theo Vương đạo, cho nên Mẫn Công mất mà không chép lễ táng. Lý Khắc, Ninh Hỷ đều đã chết, mà Trác Tử chết không chép lễ táng. Xét nước Tấn, nước Vệ, đánh kẻ loạn thần không phải là vì tội thí nghịch. Lại còn không lấy nghi lễ vua, táng Trác bị giết. Sái Ban chưa bị đánh mà Sái Cảnh được chép lễ táng,

điều đó biến lệ mà cũng trách chư hầu không biết thảo tặc. Xét Kinh: Văn Từ trên đến dưới. Việc từ trước đến sau, thì Nghĩa rõ ra ngay. So lời, so việc biết là Kinh Xuân Thu, cốt dạy cho biết chính nghĩa.

Xét - Tống Vạn đã bị thảo (đánh) không thấy chép là người Tống giết Vạn, mà chỉ chép Tống Vạn chạy trốn sang Trần, thế là trách người nhận giặc Vạn, rồi nhận của hồi lộ, hoặc trách cả Tống có tội chậm thảo tặc. Xét thế là chưa xét đến sự tình đương thời, chưa có chinh phục được nhân tâm dân Tống. Vạn Dùng lại khỏe, lại có quyền thế, giết vua, giết đại thần, lập Tử Du lên ngôi, sai quân vây đất Bạc. Thế mạnh như vậy, thì Tiêu Thúc cùng năm vị Công Tử, Công Tôn, mượn quân nước Tào thảo tặc, cầm cự vài tháng sau mới giết được Tử Du mà lập Hoàn Công. Như thế, ngăn sao được Vạn có đủ thời giờ hành động, mới phải dùng đến của hồi lộ để đòi Vạn ở Trần. Được Vạn rồi đem làm mồi. Vậy có thể nói là Tống còn có hạng biết nghĩa thần tử. Sao lại cho là cùng bị trách với nước Trần. Tuy nhiên, so với cái nghĩa Vệ Thạch Thác thảo Châu Hu thì cũng có khác, cho nên Tống Mẫn không được chép lễ táng, cũng như Lỗ Mẫn. Thuyết của Uông Khắc Khoan nghe được.

Năm Canh Tý- Hi Vương năm đầu.

十 有 三 年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tề Hoàn năm thứ 5. Tấn Mẫn năm thứ 24. Vệ Huệ năm thứ 19. Sái Ai năm thứ 14. Trịnh Lệ năm thứ 20. Tử Nghi năm thứ 13. Tào Trang năm thứ 21. Trần Tuyên năm thứ 12. Kỷ Tinh năm thứ 23. Tống Hoàn Công Ngự Thuyết năm đầu. Vũ năm thứ 17. Sở Văn năm thứ 19.

春齊侯宋人陳人蔡人鄆人會于北杏
**XUÂN, TÊ HẦU, TỔNG NHÂN, TRẦN NHÂN, SÁI
NHÂN, CHÂU NHÂN, HỘI VU BẮC HẠNH**
**MÙA XUÂN, TÊ HẦU NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI
SÁI, NGƯỜI CHÂU HỘI Ở ĐẤT BẮC HẠNH**

Tê Hâu, Cốc Thị viết là người Tê, Tê nhân, Bắc Hạnh là đất nước Tê.

Tả - Năm thứ 13. Mùa Xuân, hội ở Bắc Hạnh, để dẹp loạn nước Tống. Người nước Toại không tới hội.

Cốc - Tê Hâu và Tống Công sao lại chép là người. Là vì còn nghi Tê Hâu, không được mệnh Thiên Tử làm Bá. Chỉ vì nhân có việc mà nhận làm Bá. Tự nhận như thế chưa được. Dùng chữ người (nhân, Tống nhân) là chỉ người thường.

Hồ Truyền - Hoàn sao lại hợp bốn nước yếu như Tống Công, Châu Tử, sao chép là người. Đời Xuân Thu, chư hầu chủ thiên hạ, có chính sách hội thề, khởi đầu tự hội Bắc Hạnh. Rồi sau, Tống Tương Tấn Văn, Sở Trang, Tần Mục, cũng nối nhau hội thề theo vết Hoàn, không phải là được mệnh phong làm Bá, đó là chư hầu tôn nhau lên, tôn làm chủ hội thề. Thề tức là vô quân. Cho nên chép bốn nước, dùng chữ người, nhân, để chê trách mối loạn, để chính vương pháp. Hoặc có kẻ bảo rằng: Hoàn Công vì dẹp được loạn nước Tống, vậy được các chư hầu tôn sộ. Cho nên dùng chữ người, chữ nhân, chỉ bốn nước, tức là quân chúng suy tôn.

Xét - Tê Hâu, Cốc Thị, viết là Tê nhân, Lý Liêm cho là khởi thủy dùng chữ Bá (bá chủ), lấy lệ ở các việc Tào Nam, Thành Bộc, thì viết Tê Hâu là phải. Bốn nước mà gọi là nhân, Hà Hưu bàn rằng là nhỏ, là ti tiện. Lưu Suồng bàn là hàng đại phu. Cả hai bàn đều sai. Thời Xuân Thu chư hầu hợp từng hội thì phải định vị thứ. Tả Thị bảo rằng dẹp Tống loạn, thì chính người Tống là Tống Công không sai, còn các người khác có thể biết là những ai. Hoặc giả gọi là người là có ý chê, hoặc giả là lời chỉ cả bọn, quân chúng. Cho là biếm, là vì theo vương đạo, Thiên Tử chưa có mệnh. Gọi là quân chúng để rõ ý chư hầu suy tôn nhau lên. Các thuyết đó ăn khớp với nhau thì mới đúng.

夏六月齊人滅遂

HẠ LỤC NGUYỆT. TÊ NHÂN DIỆT TOẠI
MÙA HẠ THÁNG 6, NGƯỜI TÊ DIỆT NƯỚC TOẠI

Trần Thâm cho Toại là dòng dõi vua Thuấn.

Tả - Mùa hạ, người Tê diệt nước Toại, rồi đóng quân giữ lấy.

Cốc - Toại là một nước. Không chép ngày vì nước Toại nhỏ.

Gia Huyền Ông - Người Toại không tới hội Bắc Hạnh, vì thế có tội, nhưng tội chưa đáng bị diệt. Bá thì giả công, giả nghĩa, để thỏa lợi riêng, như diệt nước Đàm, lại diệt nước Toại, bắt quả là muốn bờ cõi đất đai rộng thêm. Thời Xuân Thu, trong ba năm chép luôn hai nước bị diệt. Để rõ tội của Tê Hoàn.

Xét - Cốc Lương cho là không chép ngày, vì nước nhỏ. Đầu có phai thế. Kinh chép diệt mà không chép ngày thì nhiều lắm. Lại có chỗ chép mùa mà không chép tháng, đó chỉ là nhân sự cũ chỉ có thể thôi.

秋七月

THU THẮT NGUYỆT
MÙA THU THÁNG BẢY

冬公會齊盟于柯

ĐÔNG CÔNG HỘI TÊ MINH VU KHA
MÙA ĐÔNG CÔNG HỘI TÊ HẦU THẾ Ở ĐẤT KHA

Kha là ấp Đông A ở Tê Tế Bắc.

Tả - Mùa Đông, hội ở đất Kha. Lỗ đầu tiên tới Tê hòa.

Công - Sao lại không chép ngày. Vì giản lược. Hoàn Công hội thế không chép ngày. Hội không cần ký kết, bảo đảm trước, tức là có tin nhau. Việc không chép ngày sao lại bắt đầu từ đây. Nguyên là Lỗ Trang sắp hội với Tê Hoàn. Tào Tử có hỏi ý nhà vua thế nào. Lỗ Trang nói: Quả nhân sống không bằng chết.

Tào Mat nói: Vậy thì xin vua đáng vua, thần xin đáng làm thần được. Lỗ Trang nói vâng, rồi đến hội. Trang Công bước lên đàn. Tào Tử cầm kiếm theo lên. Quán Tử vội bước tới nói: Ông muốn gì? Tào Tử trả lời: Thành đã phá, quân địch tới cõi, ông không lo liệu à. Vậy ông muốn gì? - Muốn xin ruộng Ván Dương. Quán Tử quay lại nói: Xin nhà vua hứa cho. Hoàn Công vâng. Tào Tử xin thề. Hoàn Công bước xuống cùng thề. Thề xong, Tào Tử mới bỏ kiếm. Thề là bị bắt ép thì có thể bỏ được. Vậy mà Hoàn Công cứ giữ lời. Tào Tử đáng bị thù, vậy mà Hoàn Công không oán. Đức tin thật rõ rệt trong thiên hạ, là bắt đầu từ hội thề tại đất Kha.

Cốc - Tào Uế mà thề là tin ở Tề Hầu. Hoàn Công tuy hội trong đất nước mà không chép ngày là có đức tin vậy.

Trương Hiệp - Lỗ Trang từ khi Tề Hoàn vào nước Tề, cùng Tề, chiến nhiều lần, tuy một lần thắng, nhưng Tề đang sửa soạn quân đội, chính trị, để mưu làm Bá. Lỗ sẽ có cái nạn bị đánh. Bấy giờ mới cùng Tề hòa, Cốc Thị, Công Thị có chép việc Tào Tử, việc Tề Hoàn bỏ lợi nhỏ để phục nước Lỗ, dù cho có ý bao dung cũng chỉ là cái thuật của hạng Bá làm Bá đạo. Vậy Công Thị nói có quá sự thật.

Lý Liêm - Lời Tào Tử, Triệu Thị không nhận, Hồ thị cũng không nhận. xét đương thời, Hoàn Công đang cố làm bá chủ. Không được Lỗ thì không xong cho nên bỏ lợi nhỏ để thu phục Lỗ, Lỗ cũng thừa biết là Tề cần giữ tin để mong phục các chư hầu, nên nhân hội thề mà đòi đất. Thề mà Công Dương lại khoe là hay. Và lại Lỗ từ trận thắng tại Trường Thước, Thặng Khu, thề nước đã hơi mạnh dần, Tề đâu dám lấy cái thuật dối với nước Đàm, Toại, mà xử với Lỗ, chỉ tìm cách phục Lỗ như nhún mình trong việc chịu trả ruộng Ván Dương, dùng dằng trong việc kết hôn, dương uy trong việc đánh ba nước, trong việc hiến tù binh. Còn Lỗ thì cũng chẳng dám trái Tề mà theo ý riêng. Mọi lần hội thề đều đẹp đẽ là bắt đầu từ đây. Vậy thuyết của Công Dương cũng không phải là không được.

Xét - Việc trả Lỗ ruộng Ván Dương không thấy trong Kinh. Tiên nho nghi ngờ việc đó. Tuy nhiên, Kinh vì Lỗ Công có hội, cho nên chép hội, thì hội đó là tự ý Tề Hoàn. Hoàn muốn thân Lỗ để làm Bá chủ thì có tiếc gì là hội nhỏ mà không hợp. Vì

thể, dù đã mấy lần đánh nhau rồi mà không thù không oán, một sớm thành hòa hiếu. Trương Hiệp, Lý Liêm, đều không bỏ thuyết Công Dương, nay cứ theo. Năm Ân Công thứ 3, thể ở đất Miệt, năm Trang Công thứ 8, thể ở đất Khái, Kinh đều không chép ngày. Cốc Lương nói:

Hội thể, không bội thể. Đến năm ấy, hội thể ở đất Kha, Công Thị, Cốc Thị đều cho sử không chép ngày là vì tin nhau, thể thì, hội Miệt và hội Khái, không đủ tin hay sao? Sau hội Kha lại có hội đất Quyên mà Lỗ không theo thì cũng chưa thể có cho là tin được. Huống hồ với Quý Khưu, Tề Hoàn hội thể đều có biên ngày. Thể thì thuyết lại sai hẳn. Hoặc cho là tốt đẹp, hoặc cho là không tốt đẹp, đều thấy trước sau bàn khác nhau. Chu Tử thì bàn rằng, nếu cứ lấy ngày tháng làm chê hay khen, thể là xuyên tạc vô lý. Bàn thể là phải, Dù biên ngày, hay không biên ngày, đều là nhân sử cũ mà chép. Giả sử, Sử cũ không biên, thì thánh nhân đâu có đặt ra mà biên. Cho nên, đừng lấy chép hay không chép ngày tháng, làm một lẽ.

Năm Tân Sửu- Hi Vương năm thứ 2.

十有四年
THẬP HỮU TỬ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tề Hoàn năm thứ 6. Tấn Mân năm thứ 25, Vệ Huệ năm thứ 20. Sái Ai năm thứ 15. Trịnh Lệ năm thứ 21. Tử Nghi năm thứ 14. Tào Trang năm thứ 22. Trần Tuyên năm thứ 13. Kỷ Cung Công năm đầu. Tống Hoàn năm thứ 2. Tấn Vũ năm thứ 18. Sở Văn năm thứ 10.

春齊人陳人曹人伐宋
**XUÂN, TÊ NHÂN, TRẦN NHÂN,
TÀO NHÂN, PHẠT TỔNG**
**MÙA XUÂN, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI TRẦN,
NGƯỜI TÀO ĐÁNH TỔNG**

Tả - Người đánh Tống, hội thê ở Bắc Hạnh. Mùa xuân năm thứ 14, chư hầu hợp đánh Tống, Tê xin phép nhà Chu.

Trình Tử - Phép Xuân Thu, tướng có chức vị cao, quân đội nhiều, thì chép là Mỗ tướng suất sư. Tướng mà địa vị thấp, quân đội nhiều, thì chép là quân đội nước Mỗ. Tướng mà địa vị thấp, quân đội lại ít, thì chép là người nước Mỗ. Tướng mà địa vị cao, quân đội lại ít, thì chép là nước Mỗ phạt nước Mỗ. Nước Tê, từ khi Quân Trọng cầm quyền chính, thời Lỗ Trang năm thứ 11 trở đi chưa thường dùng quân đội nhiều, mà cũng ít đòi hỏi các chư hầu. Suốt đời Quân Trọng, trong 40 năm, thiên hạ được đầy đủ, yên vui. Chỉ có khi cứu nước Hinh, thì chép là quân đội, là có ý chê đóng quân lâu. Các đời Bá nước Tần, nước Tấn không bằng được. Thế tức là công ít mà dễ thành.

Xét - Hồ Truyền cho rằng tướng kém, quân ít thì gọi là người, (nhân). Xét lỗi văn trong kinh không hẳn là thế. Hồ lại nói, trong 20 năm chưa thường thấy sai đại phu làm tướng. Hồ bàn thế là sai. Không sai đại phu làm tướng thì còn sai ai. Tuy nhiên, thuyết ấy có đã lâu rồi, hãy cứ chép.

夏單伯會伐宋
HẠ THIÊN BÁ HỘI PHẠT TỔNG
MÙA HẠ, THIÊN BÁ HỘI PHẠT TỔNG

Tả - Mùa hạ, Thiên Bá đến họp. Xong việc đánh Tống rồi về.

Phụ lục Tả Truyền - Trịnh Lệ Công từ đất Lịch về đánh nước Trịnh và đánh Đại Lăng, bắt Trần Thủ là Phó Hà, Phó Hà nói: Nếu tha tội, thì tôi xin bắt vua tôi nộ. Bắt Phó Hà thế rồi tha cho. Tháng sáu ngày Giáp tý, Phó Hà giết Trịnh

Từ cùng hai con rồi giúp Lê Công về nước. Khi trước có hai con răn đánh nhau ở cửa Nam Thành nước Trịnh, con trong thành, con ngoài thành. Con trong thành chết. Sáu năm sau thì Lê Công vào được nước làm vua. Vua mới hỏi Thân Nhu sao lại có yêu quái. Đáp: Cái gì mà người đã ghét, thì khi nó tự lại. Vậy yêu là tự người sinh ra. Người không có điều gì oán ghét, thì yêu không tự đâu sinh ra được. Người không giữ mực thường thì yêu sinh. Vì thế nên có yêu. Lê Công vào nước, giết Phó Hà, sai báo Nguyên Phồn rằng: Phó Hà là phản tặc. Nhà Chu có pháp luật. Hà đã hành hình rồi. Ai giúp ta mà không phản thì ta đều hứa cho làm quan to, ta cùng người bàn xét. Khi ta phải chạy ra ngoài, người không có một lời. Khi ta trở về, người không nghĩ đến ta. Ta giận lắm. Đáp: Tiên Quân Hoàn Công có mệnh cho cha tôi rằng giữ điển pháp, tôn miếu. Xã tắc đã có chủ, mà lại có ngoại tâm, thì thật là hai lòng, phản tặc. Dân trong nước ai chả là thần tử. Tôi không có hai lòng, đó là theo phép trời. Từ Nghi ở ngôi 14 năm, mà lại cứ mưu hoạch triệu nhà vua về, như thế có phải là hai lòng không. Con của Trang Công có tám người. Nếu tám người đều lấy quan tước để mua kẻ nhị tâm, để làm xong việc mình, như thế thì nhà vua nghĩ sao. Tôi xin chịu mệnh. Nói xong thì thất cổ chết.

Đại Lăng là đất nước Trịnh.

Công - Nói hội đánh Tống là hội về sau.

Cốc - Hội là việc thành rồi.

秋七月荆入蔡

THU, THẤT NGUYỆT KINH NHẬP SÁI

MÙA THU THÁNG BẢY, NGƯỜI NƯỚC KINH VÀO NƯỚC SÁI

Tả - Sái, Ai Hâu, vì thù việc đất Sần, mới khoe sắc đẹp Túc Vi với Sở Tử. Sở Tử sang nước Túc, giả đặt tiệc mời, rồi diệt nước Túc, bắt Túc Vi về, sinh hai con là Đỗ Ngao và Thành Vương. Túc Vi không bao giờ nói chuyện. Sở Vương hỏi. Đáp: Thiếp là một người đàn bà lấy hai chồng, đã không chết được, thì còn muốn nói gì. Sở Tử cho là vì Sái Hâu mà thành diệt nước Túc, mới đánh nước Sái. Người quân tử bàn rằng: Sách Thượng - Thu

có cầu: ác lại đối ác như lửa đang cháy to, không thể dập tắt được. Thật y như việc Ai Hâu nước Sái.

Cốc - Kinh, tức là Sở. Gọi Kinh là coi như một châu. Châu không bằng nước. Chép là nước không bằng chép tên. Chép tên, không bằng chép tự.

Xét - Sái vì người con gái gây việc binh. Kinh thì lấy sức mạnh áp bức nước nhỏ, đều là có tội. Sái đã theo Tề đến hội Bắc Hạnh mà người Kinh diệt Sái. Tề Hoàn ngồi nhìn không cứu, có đáng trách không. Kinh Xuân Thu chép: Kinh lấy Sái là có ý chê. Vậy Tề Hoàn không biết là nên cứu Sái hay sao. Không phải thế. Thời đó, Hoàn chưa đủ sức để chế Sở, cho nên chưa dám tự giảm sức mình đang muốn cho mạnh, nên tạm bỏ việc cứu Sái. Huống Hồ người Tống lại vừa mới hội, mà đã vội phản, Hoàn phải chuyển tâm đối phó với Tống, thế tất khó mà nghĩ giúp Sái được, chứ có phải là Sái không nên cứu đâu.

冬單伯會齊侯宋公衛侯鄭伯于鄆
**ĐÔNG, THIÊN BÁ HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG
VỆ HẦU TRỊNH BÁ VU QUYẾN**
**MÙA ĐÔNG THIÊN BÁ HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG
VỆ HẦU, TRỊNH BÁ TẠI ĐẤT QUYẾN**

Quyến, đất nước Vệ - Ở Đông Quận có Quyến Thành.

Tả - Mùa đông, hội tại đất Quyến. Vì việc nước Tống.

Cốc - Lại cùng hội.

Lý Liêm - Kinh Thư chép: Đại phu trong nước hội Chư hầu có sáu lần. Duy Thiên Bá hội đất Quyến, Quý Tôn Túc ở Hình Khư, hội với Bá chủ cùng các nước. Còn ra là Công Tôn Ngao hội Tấn Hầu, Công Tôn Quý hội Sở Tử, Quý Tôn Hàng phủ hội Tề Hầu, đều là hội riêng với từng nước, Đại phu hội chư hầu, vượt địa vị mình được tôn lên hàng trên, Tả Thị liệt vào hạng đại phu trong nước mà được tập hợp với các Công, Hầu. Tả mà nói thế là không phải. Dù Tề Hoàn mới làm Bá chủ, được Lỗ là quan trọng, thì không hiểm gì về Thiên Bá, người Lỗ còn

chưa chuyên tâm theo Tề không cho Thiện - Bá là nhỏ, là ti tiện. Tuy nhiên, sau này mở đường lối cho bảy tôi chuyên quyền, vị tất không phải tự việc này.

Năm Nhâm Dần - Hi Vương năm thứ 3.

十有五年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tề Hoàn năm thứ 7. Tấn Mân năm thứ 26. Vệ Huệ năm thứ 21. Sái Ai năm thứ 16. Trịnh Lệ năm thứ 22. Tào Trang năm thứ 23. Trần Tuyên năm thứ 14. Kỳ Cung năm thứ 2. Tống Hoàn năm thứ 3. Tần Vũ năm thứ 19. Sở Văn năm thứ 11.

春齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯會于鄆

XUÂN, TỀ HẦU TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,

VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỘI VU QUYẾN

MÙA XUÂN, TỀ HẦU, TỔNG CÔNG TRẦN HẦU,

VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỘI TẠI ĐẤT QUYẾN.

Tả - Mùa xuân, lại hội, Tề mới được Bá chủ.

Cốc - Lại cùng hội.

Trương Hiệp - Truyền cho là Tề Hoàn mới làm Bá chủ. Thế là bảo chư hầu mới bầu lên. Tuy nhiên, Lỗ chưa phục, và từ đó về sau, người Tống thường gây chiến. Vệ, Trịnh cũng không khỏi phản ước. Nghiệp bá của Tề, phải luôn luôn vội vã đối phó định đoạt, mà chư hầu thì chưa nhất tâm.

Xét - Tề được trước Tống. Tả Thị cho là Tề đầu tiên làm bá, hội thể ở đất U, thành nghiệp bá. Thuyết của Trương Hiệp theo dõi sự tình thì cũng đúng.

夏夫人姜氏如齊

HẠ PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ TÊ
MÙA HẠ, PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ, SANG TÊ

Cốc - Đàn bà đã lấy chồng, không có ra khỏi nước. Ra khỏi là không được chính đáng.

秋宋人齊人鄆人伐倪
THU, TỔNG NHÂN, TÊ NHÂN,
CHÂU NHÂN PHẠT NGHÊ
MÙA THU, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TÊ,
NGƯỜI CHÂU, ĐÁNH NƯỚC NGHÊ

Tả - Chư hầu vì Tống đánh Nghê.

Xét - Việc Nghê, chủ việc quân là Tống, cho nên chép Tê sau Tống. Đánh nước Từ, đánh nước Trịnh cũng thế, Hồ Thị cho rằng năm Lỗ Trang Công 27, hội thể ở đất U, rồi nghiệp bá thành. Nhưng năm 32, việc gặp nhau ở Lương Khưu, Tống lại trước Tê, thế thì nghi là Tê chưa thành nghiệp bá chăng.

鄭人侵宋
TRỊNH NHÂN XÂM TỔNG
NGƯỜI TRỊNH XÂM TỔNG

Tả - Người Trịnh thừa cơ xâm nước Tống.

Hồ Truyền - Nghĩa chữ xâm, phạt, ba Truyền dịch không giống nhau. Tả Thị thì cho rằng, quân đội đi gióng giả chuông trống, thì gọi là phạt, không chuông trống thì gọi là xâm. Tiên nho, có kẻ bác thuyết ấy cho rằng: Nói rõ tội, rồi đi đánh, thì gọi là phạt. Không có danh nghĩa mà động binh thì gọi là xâm. Nghĩa ấy đến nay vẫn nhận. Tuy nhiên cứ xét trong năm Kinh, đều dùng một danh từ xâm phạt. Ở Kinh dịch, hào lục ngũ, quẻ

Khiêm, có nói: Lợi dùng xâm phạt, chinh mà không phục. Ở Kinh Thư, thiên Thái Thệ có câu: Ta phần chấn vũ lực, xâm lăng bờ cõi. Kinh Thi, Thiên Hoàng có câu: Dựa vào Kinh, xâm lăng bờ cõi. Chu quan, Đại Tư Mã lấy phép cầu phạt (dem quân đánh) làm việc chinh đồn trong nước và các chư hầu, ghét người hiền và hại dân, đều bị phạt. Cậy có đất hiểm trở mà chưa phục, thì bị xâm. Xem trong các kinh như thế, mà còn bảo rằng xuất quân vô danh là xâm, thì có còn được không. Tuy nhiên, hoặc nói là xâm, hoặc nói là phạt là có cơ gì. Nêu rõ tội rồi đánh là phạt. Dem quân cất lên lấy đất đai là xâm. Nêu tội ra, thì gõ chuông, đánh trống, chinh đồn quân đội rồi đi đánh, binh pháp cho thế là đường chinh. Cất lên, dem quân ngậm tăm, im lặng, tới cách bất ngờ, binh pháp gọi là kỳ kế.

Uông Khắc Khoan - Hai chữ xâm phạt, chắc là tiếng nói việc hành binh thời Xuân Thu. Còn nghĩa phải hay trái là liên hệ đến sự được hay thua, chứ chẳng phải là có ý nghĩa chê hay khen. Tuy nhiên, đáng chép là phạt mà chép là xâm, đáng chép là xâm mà chép là phạt, đó là biến lệ của Kinh Xuân Thu.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Năm Quý Mão, Hi Vương năm thứ tư.

十 有 六 年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tề Hoàn năm thứ 8. Tấn Mân năm thứ 27. Vũ Công Xứng năm thứ 38. Vệ Huệ năm thứ 22. Sái Ai năm thứ 17. Trịnh Lệ năm thứ 23. Tào Trang năm thứ 24. Trần Tuyên năm thứ 15. Kỳ Cung năm thứ 3. Tống Hoàn năm thứ 4. Tần Vũ năm thứ 20. Sở Văn năm thứ 12.

春正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏宋人齊人衛人伐鄭

HẠ, TỔNG NHÂN, TÊ NHÂN, VÊ NHÂN PHẠT TRỊNH
MÙA HẠ, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI VÊ PHẠT TRỊNH

Nam Bắc cùng tranh với Trịnh khởi đầu từ đây.

Tả - Chư hầu đánh (phạt) Trịnh. Là vì Tống.

Trương Hiệp - Phạt Trịnh không phải chỉ vì Tống mà thôi. Lại vì Trịnh mà chưa phục thì chư hầu chưa nhất tâm.

秋荊伐鄭

THU, KINH PHẠT TRỊNH
MÙA THU, NƯỚC KINH PHẠT NƯỚC TRỊNH

Tả - Trịnh Bá từ đất Lich vào nước. Chậm, không báo cho Sở biết. Mùa thu, Sở (kinh) phạt Trịnh, rồi đánh đến Lich, vì cứ Trịnh bất lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá về việc Ung Cử trước tháng chín giết Công tử Ất, làm tội chặt chân Cường Thư. Công Phủ Định Thúc chạy trốn sang Vệ. Ba năm sau, Trịnh Bá cho về nói: Không nên để Thúc vô hậu ở Trịnh. Tháng mười cho về, Trịnh Bá nói: Tháng mười là tháng tốt. Theo số gọi là doanh số. Người quân tử bàn: Còn Cường Thư thì không thể giữ được chân.

冬十有二月會齊侯宋公陳侯鄭伯許男

滑伯滕子同盟于幽

**ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, HỘI TẾ HẦU.
TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM,
HOẠT BÁ, ĐẲNG TỬ, ĐÔNG MINH VU U**

**MÙA ĐÔNG THÁNG 12, HỘI TẾ HẦU, TỔNG CÔNG TRẦN
HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ HỨA NAM, HOẠT BÁ, ĐẲNG TỬ
ĐỒNG MINH CÙNG THỂ TẠI ĐẤT U**

Công Thị chép: “Công hội” (Lỗ Công họp).

Cả Công Thị, Cốc Thị, đều chép thêm:

**Tào Bá, dưới chữ Hứa Nam Hoạt là nước Hoạt
ở Khưu Thị, đất Hà Nam U là đất Tống**

Tả - Mùa đông, đồng minh họp tại U, thành nước Trịnh.

Công - Đồng minh, nghĩa là đều cùng thể.

Cốc - Đồng là cùng, cùng tôn nhà Chu. Không chép Lỗ Công, vì trong ngoài đều không tin nhau.

Uông Khắc Khoan - Nghĩa chữ đồng minh, nhiều người luận bàn, khác nhau nhưng đều không ra ngoài lời luận bàn của Công Dương. Đồ Dự nói, trong hội, mỗi nước có mỗi cơ đến dự. Cứ như Tả Thị thì hội đất U, hoặc bảo là Trịnh cầu hòa, hoặc bảo là Trần và Trịnh xin theo. Hội ở đất Tân Thành thì bảo theo Tề. Hội ở đất Trùng Lao, đất Hí, thì bảo là Trịnh cầu theo. Hội đất ở Mã Lăng thì bảo là vì nước Cử theo. Hội ở đất Kê Trạch thì bảo là Tấn vì Trịnh mà theo mới có hội. Hội ở đất Trọng Khưu, ở đất Bình Khưu, thì bảo là Tề cầu hòa, Tề theo. Cứ xét diệu bình luận đó thì việc Thanh Khưu, việc Đoạn Đạo, việc đất Bô, chư hầu nhị tâm, cho nên các nước theo phục đều có cơ riêng. Ở đất Thích, thì Trịnh Bá cầu hòa rồi theo. Hội ở Kha Lăng, Bạc Bắc, Trịnh bị đánh rồi có cơ hội, thì biết rõ là Trịnh phải theo. Ở Hư Đình, thì Diệu Công mới lên ngôi, mà chư hầu mới theo. Thế thì vì lý do theo khác nhau, mà có chữ đồng minh. Cốc Lương xét hai lần ở đất U đều cho là đồng tôn Chu. Ở Tân Thành, Đoạn

Đạo, Kê Trạch, Bình Khuu, đều cho là cùng ghét Sờ, Tề Hoàn mới gây nghiệp Bá, lấy cơ đồng tôn Chu. Tân Bá trong 14 hội đều ghét vì Sờ. Ở Tân Thành, Truyền chép rõ khỏi thủy, ở Bình Khuu Truyền chép rõ chung kết. Còn ở Đoàn Đạo, Kê Trạch, chỉ là nói thêm. Ông - Văn - Định thì cho rằng vì chữ hầu cùng muốn đồng một ý. Cho nên chép chữ đồng. Lại cho rằng vì ghét lỗi phản phúc, cho nên chép chữ đồng. Hai lần hội ở đất U, các hội Tân Thành, Đoàn Đạo, Thành Khuu đều bảo là cùng một ý muốn; ở Mã Lăng thì bảo là cùng ghét Sờ. Ở Kha Lăng, Kê Trạch, Bình Khuu thì bảo là cùng sợ Sờ. Đó là cùng muốn vậy. Cứ luận điều ấy mà xét, thì ở Thích, cùng muốn đánh Tào, ở Hư Đình, cùng muốn cứu Tống. Ở Bồ, thì bắt tội kẻ thất tín mà cùng thể. Ở Bạc Đắc, ghét kẻ đã đồng mà lại phản, đều là ghét kẻ phản phúc mà chép chữ đồng. Cứ theo luận điều ấy suy xét thì ở Hí cũng là đồng mà lại phản; ở Trùng Lao, ghét việc cùng không đủ đạo làm tôi; ở Trùng Khuu, ghét việc ăn của hối lộ mà không đánh. Đó là như Hà Hữu, cho rằng đồng, là đồng tâm làm việc ác, ác được thành. Cốc Lương thì nói Tôn Chu ghét Sờ tức như là đồng tâm làm việc thiện, thì thiện tất thành. Ghét lỗi phản phúc cho nên chép chữ đồng, cho rõ đã đồng mà sau lại dị (khác). Đỗ Dự thì cho là việc theo hợp mỗi nước có một cố, để rõ là trước dị mà nay đồng. Tồi thì cho rằng các kẻ bình luận đều bất đồng mà không ra ngoài ý kiến của Công Dương. Còn như Lưu Nguyên Phủ dẫn ý kiến của Ân Kiến, Hội thể, Phương minh, Phương nhạc. Theo Chu Lễ, Thiên Tử, 12 năm, một lần đi tuần thú, nếu không đi được thì họp chư hầu lại, gọi là Ân Kiến, ân, nghĩa là chúng, là quần chúng. Rồi lập đàn Phương Minh, phương là tứ phương, minh là rõ "hay dễ". Phương Nhạc, nghĩa là ông Nhạc, ông Bá một phương (tất cả chư hầu phương nào thuộc về ông nhạc, ông Bá phương ấy). Cho nên Kinh chép là đồng. Tuy nhiên Tương Công năm thứ 9, Sở Công tử bại chiến, cùng với người Trịnh thể ở đất Trùng Phán; năm Chiêu Công thứ 19, người nước Châu, người nước Nghệ, người nước Từ, hội với Tống Công, đồng minh ở đất Trùng, thì đâu có phải là các hội ấy, biết dùng lễ Ân Đông, Phương Minh.

Xét - Lê đồng minh, ba Truyền cùng Hồ Truyền bình luận khác nhau. Uông Khắc Khoan dung hòa tất cả cho là đại cương đều như Công Dương đã nói, tức là trong hội Đồng Minh, đều có cùng một ý muốn.

鄒子克卒

CHÂU TỬ KHẮC TỐT
CHÂU TỬ TÊN LÀ KHẮC MẮT

Phụ Lục Tả Truyện - Vua Chu mệnh Quốc Công truyền cho Khúc Ốc Bả đem quân giúp Tấn Hầu. Xưa Vũ Công đánh đất Di, bắt Di Quý Chư. Chu Công Kỷ Phủ phải chạy sang nước Quốc. Huệ Vương khi lên ngôi, lập lại đất Di. Di là đất phong.

Cốc - Dùng chữ Tử là có ý nâng lên.

Năm Giáp Thìn. Hi Vương năm thứ 5.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN
NĂM THỨ 17

Tề Hoàn năm thứ 9. Tấn Vũ năm thứ 39. Vệ Huệ năm thứ 23. Sái Ai năm thứ 18. Trịnh Lệ năm thứ 24. Tào Trang năm thứ 25. Trần Tuyên năm thứ 16. Kỷ Cung năm thứ 4. Tống Hoàn năm thứ 5. Tấn Đức Công năm đầu. Sở Văn năm thứ 13.

春齊人執鄭詹

XUÂN TỀ NHÂN CHẤP TRỊNH CHIÊM
MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ BẮT TRỊNH CHIÊM

Công Thị viết chữ 詹 ra chữ 瞻

Tả - Vì Trịnh không lại châu.

Công - Trịnh Chiêm là tể. Là hạng hèn ở nước Trịnh. Sao lại chép người Tề bắt. Chép là một người gian nịnh.

Cốc - Chê người Tề. Người là chúng nhân, không chỉ rõ ai, (người bắt) cho là phải. Trịnh Chiêm ở nước Trịnh là hạng kém hèn, ti tiện thì không chép. Đây chép là vì Chiêm trốn tới, mà chép, là vì sẽ có việc về sau, thì cần phải chép lúc đầu. Ở Trịnh Chiêm là loại gian nịnh.

Tôn Phục - Chép là người bắt là có ý chê Hoàn Công. Chiêm, chép tên không chép họ là Chiêm không phải theo mệnh trời mà tới. Hoàn Công tháng 12, cùng Trịnh Bá hội thề ở đất U, mà tới xuân, đã bắt Trịnh Chiêm, thề thì đồng minh làm gì. Không chép là sử giả. Hội chưa về đã bị bắt, không chép lúc về. "Mùa thu, Chiêm từ Tề trốn về", thề mới biết lúc về.

Xét - Trịnh Chiêm bị bắt, Công Thị, Cốc Thị, căn cứ vào Kinh cho là gian nịnh, như vậy không được. Tả Thị cho là vì Trịnh không lại châu, Đỗ Thị cho là tới Tề thì bị bắt. Vậy đồng minh chưa qua một tháng, lại sai đại thần tới Tề, rồi bị trách là không tới châu, thế là bị áp bức hay không. Tôn Phục cho rằng hội chưa về mà đã bị bắt theo như Trần. Viên Đào Đỗ, sự tình đều giống nhau, hợp nhau. Vậy cứ nên căn cứ vào Tả Truyện, và Tôn Phục, nghĩ như Tả Truyện.

夏齊人殲于遂

HẠ, TỀ NHÂN TIÊM VU TOẠI

MÙA HẠ, NGƯỜI TỀ BỊ GIẾT Ở ĐẤT TOẠI

Công Thị viết chữ 殲 ra chữ 殲

Tả - Mùa hạ, bốn họ nước Toại là: 1) Nhân Thị; 2) Linh Thị; 3) Công Lâu Thị; 4) Tu Toại Thị, cho lính tề đóng lại đất Toại, ăn uống no say, rồi giết đi, người Tề chết hết.

Cốc - Thế là Tề khinh địch.

Lưu Sưởng - Cốc Lương cho là khinh địch. Không phải. Diệt nước người ta, sai lính đóng giữ, Tề là vô đạo rồi. Nếu Tề không diệt nước người ta, không cho lính đóng ở đất người ta, thì đâu có cái họa ấy, Cốc Lương chê là khinh địch, tự như là chê Tề chưa diệt hẳn Toại; lính thú chưa đủ cẩn mật, chứ Cốc Lương không nghĩ đến Toại không nên diệt, ở đất Toại, Tề không nên đóng quân.

Xét - Tả Thị, Cốc Thị, cho tiêm là giết hết. Công Dương cho tiêm chỉ là giết, Hà Hưu phân biệt hai chữ khác nhau. Từ Ngạn cho là lần lần chết. Vậy đều nói là chết nhiều. Thế thì mặt chữ tuy có khác, nhưng nghĩa gần như nhau.

秋 鄭 詹 自 齊 逃 來

THU, TRỊNH CHIÊM TỰ TÊ ĐÀO LAI
MÙA HẠ, TRỊNH CHIÊM TỰ TÊ TRỐN VỀ

Công - Sao lại chép, Chép gian nịnh, Có ghi thêm người nịnh dă lại, người dă hại.

Cốc - Đào nghĩa là trốn,

Đỗ Dự - Chiêm không giữ được tiết đến chết, để gở nạn nước, mà lại chạy trốn, mong thoát chết. Chép là trốn, là khinh lăm, khác gì thất phu ẩn nấp chạy trốn.

冬 多 麋

ĐÔNG ĐA MÌ
MÙA ĐÔNG, NHIỀU NAI

Công - Sao lại chép. Chép việc lạ (dị).

Lưu Sưởng - Chép việc lạ (kỳ dị), tức là tai dị.

Xét - Kinh chép nhiều nai, hoặc cho là chép tai, hoặc cho là chép dị. Lưu Sưởng dùng cả hai chữ, cho là chép tai dịch. Lục Diên nói: Âm thịnh, ác khí cảm ứng, thì cần chép. Vậy tức là chép dị, là chính đáng.

Năm Ất Tỵ, Huệ Vương năm đầu.

十 有 八 年

THẬP HỮU BÁT NIÊN
NĂM THỨ 18

Tê Hoàn năm thứ 10. Tấn Hiến Công Quý Chư năm đầu. Vệ Huệ năm thứ 24. Sái Ai năm thứ 19. Trịnh Lệ năm thứ 5. Tào Trang năm thứ 26. Trần Tuyên năm thứ 17. Kỷ Cung năm thứ 5. Tống Hoàn năm thứ 6. Tần Đức năm thứ 2. Sở Văn năm thứ 14.

春王三月日有食之

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT.

NHẬT HỮU THỰC CHI

XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA, CÓ NHẬT THỰC

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Quốc Công, Tấn Hầu châu vua. Vua cho uống rượu lễ, có ý khuyến khích, đều cho mỗi người, ngọc ba cặp, ngựa ba con. Thế là trái lễ, vua đối với chư hầu. Chư hầu, danh và vị không giống nhau, không ngang nhau, vậy lễ phải có thứ bậc. Không lấy lễ mua chuộc người.

Quốc Công, Tấn Hầu, Trịnh Bá, sai Nguyên Trang Công đón Vương Hậu ở nước Trần. Trần Quý cưới về Kinh sư, tức là Huệ Hậu.

Cốc - Không chép ngày, không chép là sóc. Vậy là nhật thực về đêm. Vì sao biết thế. Nhà vua triều (lễ) mặt trời. Cho nên làm Thiên Tử phải có tôn; làm chư hầu phải có trưởng. Vì thế Thiên Tử lễ mặt trời; chư hầu lễ ngày sóc.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo không chép ngày, tức là nhật thực về đêm. Nói thế sai. Xuân Thu cứ như sử cũ chép dù có khuyết biết thế nào là về đêm, mà chép về đêm. Ví dụ như mặt trời vừa mọc, chỗ bị ăn chưa hết, tức là bị ăn về ngày sóc (ngày mỏng một). Nếu không thấy khuyết thì cũng còn bảo là bị ăn về đêm. Thấy khuyết tức là đúng bị ăn, chẳng ngày sóc còn là ngày nào. Lại bảo rằng, vua lễ mặt trời, chư hầu ngày lễ sóc, (Lễ xưa, ngày mỏng một, tháng mười hai, Thiên Tử ban lịch, chư hầu phụng mệnh, rồi cứ mỏng một mỗi tháng làm lễ, là có ý công việc trong nước mình, đều do mệnh Thiên Vương). Xem Cốc Lương thì thấy vua lễ mặt trời, vậy mặt trời mới mọc đã thấy bị ăn. Xét trong Lễ Ký, vua lễ mặt trời ở ngoài cửa Đông thành, còn nghe trâu sóc thì ở ngoài cửa Nam thành, tại nhà Minh Đường. Vậy thì mỗi mùa một, vua lễ mặt trời rồi mới nhận lễ sóc, đầu có trước sóc rồi sau mới lễ mặt trời. Cốc Lương chỉ là thuật lại việc lễ mặt trời thì đúng, lấy lễ mà cắt nghĩa nhật thực về đêm thì sai.

Xét - Hợp sóc (mặt trời, mặt trăng cùng hợp ngày mỏng một), nếu về đêm thì mặt trời bị ăn ở dưới đất, cho nên có thuyết

dạ thực. Bao rằng ngày lễ mặt trời, mà biết là mặt trời bị ăn, thì không có căn cứ. Đã thấy mặt trời bị khuyết ở một phần nào, thì có thể tính giờ, phút, chắc là đúng ngày mồng một, không còn nghi. Ví như bị ăn vào khoảng giờ Hợi, giờ Tý thì mặt trời chưa mọc, còn trông thấy gì, mà bảo là bị ăn. Cho nên cứ theo thuyết của Lưu Sưởng mà Cốc Lương không ghi chép.

夏公追戎于濟西

HẠ, CÔNG TRUY NHUNG VU TẾ TÂY

MÙA HẠ, CÔNG ĐUỔI NHUNG Ở ĐẤT TẾ TÂY

Tả - Không nói việc quân Nhung tới, là tránh không nói.

Công - Chưa thấy nói bị đánh, chỉ thấy nói đuổi. Thế là thế nào. Thế là nói cho oai hơn. Giặc chưa tới, ta đã ngăn được rồi, thế là Nhung chưa được đánh vào Trung Quốc, còn nói là ở Tế Tây, cũng ý ấy.

Cốc - Không chép Nhung phạt nước ta. Ta đuổi chứ không thế cho Nhung tới gần ta. Chép chữ ở Tế Tây cũng ý ấy, là bị Công đuổi.

Hồ Truỵện - Không thấy nói bị xâm phạt mà chỉ thấy chép đuổi Nhung. Thế là không cần biết lúc Nhung đến. Nó đã đi thì đuổi. Làm việc nước mà không có vũ bị, để cho Nhung dòm ngó, không biết giữ gìn cẩn thận thì thật là nguy.

Lưu Sưởng - Công Dương cho là khoe mè, giặc chưa tới đã phòng ngự được, cho thế là sai. Nếu giặc chưa tới đã phòng ngự được thì sao lại nói đến chữ đuổi. Thế là chưa đợi bị đánh mà Nhung đã tự tan vỡ, Cốc Lương bảo sao không chép Nhung phạt ta, cứ xem Công đuổi Nhung không cho tới gần. Bao thế cũng sai. Nếu Nhung không tới, thì Công đâu có đuổi. Trước nói Nhung phạt, sau nói đuổi Nhung, thì có hơn gì. Cốc Lương lại bảo ở Tế Tây là khoe, bao thế cũng sai. Đã không nói Nhung tới, lại không nói Tế Tây, chỉ nói đuổi Nhung, thế thì đuổi nơi nào.

Xét - Tả Thị cho là tránh, hoặc kiêng việc không biết dự phòng. Ý đó hợp với Hồ Truỵện. Còn như Công thị, Cốc thị cho là lấy oai thì không phải. Lưu Sưởng bác thuyết Công thị Cốc thị thực là rõ ràng.

秋 有 或

THU HỮU HOẶC MÙA THU, CỎ GIỐNG HOẶC

Tá - Đó là tai.

Công - Vì sao chép. Vì là dị, là lạ.

Cốc - Có thể có, có thể không có. Hoặc, là giống bắn được người.

Đồ Dự - Hoặc còn gọi là hồ nhỏ (cáo nhỏ), ngâm cát đá bắn người. Trong Bản thảo gọi là Xạ Công.

Khổng Đình Đạt - Công Lương nói hoặc là giống bắn được người. Truyện Hồng Phạm Ngũ Hành có chép: Hoặc, giống như ba ba. Ba chân, sinh ở Việt Nam. Thụ khí dâm loạn mà sinh ra. Trong sách Lục Cơ Mao Thi có chép: Hoặc gọi là hồ nhỏ, còn một tên là Sạ ảnh, (bắn vào bóng); hình con ba ba; ba chân; ở dưới nước; khoảng sông Giang, sông Hoài. Người đứng trên bờ, bóng in xuống nước, con Hoặc bắn vào bóng, thì người chết, cho nên gọi là sạ ảnh. Cũng có kẻ nói: Hoặc ngâm cát, sỏi, bắn người, vào da thịt sùng lên như ghề lở.

Từ Ngạn - Nước Lỗ trước không có giống hoặc. Nay có, xét thời Chiêu Công thứ 25, Kinh Xuân Thu chép có giống cỏ cốc (chim sáo) tới làm tổ, không chép giống hoặc tới thời nào, là vì âm khí loạn mà sinh ra, chứ không phải tự xa đến.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, Sở Vũ Vương đánh nước Quyển, sai Dấu Mãn trấn thủ, Mãn làm phản. Sở Vương vây rồi giết, thiên dân Quyển đến đất Na, sai Diêm Ngao trấn thủ. Đến khi Sở Văn Vương lên ngôi, hợp với người nước Ba, đánh nước Thân, rồi quấy nhiễu quân Ba. Ba mới phản Sở, đánh đất Na, chiếm lấy, rồi đóng ở nước Sở. Diêm Ngao lười nhác, Sở Tử giết đi, Nhà họ Diêm Ngao mới làm loạn. Mùa đông, người Ba nhân thế mới

phạt Sở. Quyền là nước Quyền xưa. Ở quận Nam Quận, huyện Đông Dương, phía Đông Nam, nay còn Quyền thành. Trong sách Thủy Kinh, có ghi sông Miên, phía Đông hợp với Quyền Khẩu, phía Nam chạy quanh Quyền thành Bắc, Na, ở đất nước Sở. Ở huyện Biên, Nam Quận, phía Đông Nam, còn có Na Khẩu thành.

Năm Bình Ngô. Huệ Vương năm thứ 2.

十有九年
THẬP HỮU CỬU NIÊN
NĂM THỨ 19

Tề Hoàn năm thứ 11. Tấn Hiến năm thứ 2. Vệ Huệ năm thứ 25. Sái Ai năm thứ 20. Trịnh Lệ năm thứ 26. Tào Trang năm thứ 27. Trần Tuyên năm thứ 18. Kỷ Cung năm thứ 6. Tống Hoàn năm thứ 7, Tần Tuyên Công năm đầu. Sở Văn năm thứ 15.

春王正月
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Sở Tử thân hành chống lại (quân ba). Bị thua to ở đất Tân, kéo quân chạy về. Dục Quyền không mở cửa thành. Vua lại phải kéo quân sang đánh nước Hoàng, phá quân Hoàng ở Thác Lăng (đất nước Hoàng). Sở Tử kéo quân về đến đất Thu (ở nước Sở), bị bệnh mất, mùa hạ tháng sáu, ngày Canh thân, Dục Quyền dự táng vua ở Tịch Thất, rồi tự sát, được táng ở Diệt Hoàng, trước cửa thành. Xưa, Dục Quyền cố can Sở Tử. Sở Tử không nghe. Dục Quyền cầm gương dọa. Sở Tử phải nghe. Dục Quyền nói: Ta lấy gương dọa vua, tội rất lớn, tự chặt một chân đi. Người Sở cho làm chức quan coi cửa thành, gọi là Đại Bá, để cho con cháu được nối nghiệp. Người quân tử nói: Dục Quyền có thể gọi là yêu vua. Can mà tự hành hình. Hình còn không quên, nhưng cứ làm cho vua hay. Tân là đất nước Sở. Tịch Lăng là đất nước Hoàng. Đất Thu, ở Nam Quận, huyện Nhục, phía Đông Nam, còn có Thu Thành, Tịch Thất là tên đất.

夏 四 月

HẠ TỬ NGUYỆT
THÁNG TƯ, MÙA HẠ

秋公子結媵陳人之婦于鄆遂及齊侯宋公盟
THU, CÔNG TỬ KẾT, DẪNG TRẦN NHÂN TRI PHỤ
VU QUYÊN, TỤY CẬP TÊ HẦU, TỔNG CÔNG MINH
MÙA THU, CÔNG TỬ KẾT ĐƯA THIẾP CỦA VỢ NGƯỜI
NƯỚC TRẦN Ở ĐẤT QUYÊN, XONG RỒI,
CÙNG TÊ HẦU TỔNG CÔNG THỂ

Công - Dăng là gì? Chư hầu lấy vợ ở một nước, thì hai nước nữa dự đưa dâu, đem em gái hay cháu gái đi theo. Chư hầu một lần cưới được chín người. Không có hai lần cưới vợ. Việc đưa thiếp (giống, dăng) không chép. Đây chép là vì có chữ: "Rồi cùng Tê Hầu". Đại phu không khi nào xong việc nọ làm việc kia. Tại sao đây lại có? Vì trong sách lễ, đại phu theo mệnh, chứ không theo lời dặn dò. Bước chân ra khỏi côi, tức là làm việc được yên xã tắc, lợi cho nước. Thì cần chỉ chuyên tâm vào một việc.

Cốc - Đưa dăng, thiếp là việc nhỏ, không cần chép. Đây chép là tại sao? Là ý tránh phải hội thể. Sao biết thế? Vì: Dăng là lễ thường, Thể là lễ trọng. Làm việc thường để xong rồi, mới đến việc trọng, chưa từng thấy thế. Chép là vợ người Trần, là chép qua sơ lược. Không chép ngày, là ý chê cầu thả.

Lưu Sưởng - Công Dương thích, nghĩa đưa dăng thiếp: "Một nước cưới vợ thì hai nước đưa thêm dăng". Người Trần là chỉ Trần Hầu. Nói thế là Công Dương nói sai, Bảo rằng Công tử Kết đưa thiếp về cho vợ Trần Hầu, như thế là bất thành văn lý, văn nghe không xuôi. Vô cố lại hạ Trần Hầu xuống, liệt vào hạng người thường, thì danh không được chính. Đưa dăng là gì? Là đưa gái về nhà chồng. Người Trần là ai? Là một vị đại phu. Thế thì chép làm gì. Còn như Cốc Lương bảo rằng đưa dăng là một việc nhỏ không nên chép; đây mà chép là vì muốn che giấu sự "phải xin

hội thê". Cốc Lương nói thê là sai. Nếu Lỗ thành thực muốn kết hiếu với một đại quốc, thì đâu lại lấy cơ đưa thiếp mà sai sử, nhân việc đó, đề rồi đi hội với một vị Bá chủ, đâu dám báo sử giả nhân đưa thiếp, đề rồi mới đến hội với một đại quốc. Đây rõ là cầu xin hội thê, chứ cần gì phải kiêng, phải tránh.

Trình Tử - Một họ to ở đất Quyện, nước Vệ gả con gái cho người Trần. Công tử Kết cho một con gái theo làm thiếp. Đưa con đi, rồi nhân tiện cùng với Tống, Tề thê. Muốn kết hiếu với một nước lớn muốn cho nước yên, dân yên, lại nhân một việc rất nhỏ mọn, làm cho nước lớn phải giận dữ, cho nên rất đáng chê. Chép là vì đưa thiếp đi, sau việc đó mới đến việc hội thê.

Xét - Công Thị, Cốc Thị đều cho là đem con gái Lỗ đưa về làm thiếp cho vợ Trần Hầu, Hồ Thị cho là việc nhỏ. Trình Tử cho là họ to ở đất Quyện gả con gái cho người Trần, Kết cho con gái làm thiếp. Theo sách Khổng Sớ thì làm dăng cho người ta, là phải đưa dăng đến nước có con gái gả chồng, để dăng đó theo vợ dích đó cùng về nhà chồng. Nay Kinh chép ở đất Quyện, thì cái thuyết của Trình Tử là đáng tin. Đọc cả Khổng Sớ, với Công Truyện, Cốc Truyện, biết rằng Quyện là đất nước Vệ, và Trần lấy con gái Vệ. Kết đưa dăng sang Vệ, tới đất Quyện đình lại rồi hội thê. Nếu thật quả là như thế, thì phải chép là đi tới Quyện, chứ đừng chép là ở đất Quyện. Ở đất Quyện nghĩa là đưa đến đấy thôi.

夫人姜氏如莒

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ CỬ
PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ SANG ĐẤT CỬ

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, Vương Diêu, được Trang Vương yêu, sinh ra con là Đồi. Đồi được yêu. Vì Quốc làm sư phó. Khi Huệ Vương lên ngôi, chiếm lấy vườn của Vi Quốc. Nhà của Biên Bá gần Vương cung cũng chiếm lấy. Chiếm lấy cả ruộng của Tử Cẩm, Chúc Quý, Thiêm Phủ rồi cách chức Thiện Phu. Cho nên, Vi Quốc, Biên Bá, Thạch Túc, Thiêm Phủ, Tử Cẩm, Chúc Quý, cùng nổi loạn, kết thân với họ Tô (khi trước bị Hoàn Vương truất bãi). Mùa thu, năm đại phu phò Tử Đồi để đánh vua. Không được,

mới chạy ra đất Ôn. Tôn Tử giúp Tử Đồi chạy ra đất Vệ. Quân Vệ, quân Yên đánh Chu. Mùa đông, lập Tử Đồi.

Cốc - Đàn bà đã đi lấy chồng, mà còn vượt cỗi, đi sang nước khác là phi lễ.

Ngô Chứng - Phu nhân từ sau khi Tề Tương Công bị giết, 8 năm ở nhà, 15 năm mới sang Tề, giả thác việc nước để dối con ngu ngốc. Trang Công không ngăn được, cho nên bây giờ Khương Thị đi sang nước Cử. Cha mẹ chết không được về thăm, dù nước anh em cũng không nên tới, hưởng hô nước lạ.

冬齊人宋人陳人伐我西鄙
**ĐÔNG, TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN,
TRẦN NHÂN PHẠT NGÃ TÂY BÍ**
MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG,
NGƯỜI TRẦN ĐÁNH TÂY BÍ NƯỚC TA

Đây là đầu tiên bị chinh phạt.

Cốc - Gọi là Bí là đất ở đất xa. Đã là nạn ở xa thì chưa tới nước ta.

Năm Đinh Mùi. Huệ Vương năm thứ 3

二十年
NHỊ THẬP NIÊN
NĂM THỨ 20

Tề Hoàn năm thứ 12. Tấn Hiếu năm thứ 3. Vệ Huệ năm thứ 26. Sái Mục Hầu Bí năm đầu. Trịnh Lệ năm thứ 27. Tào Trang năm thứ 28. Trần Tuyên năm thứ 19. Kỷ Cung năm thứ 7. Tống Hoàn năm thứ 8. Tần Tuyên năm thứ 2. Sở Đồ Ngao Hùng Hi năm đầu.

春王二月夫人姜氏如莒

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT,

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ CỬ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Trịnh Bá hòa với vua nhà Chu, giúp vua đánh giặc. Không đánh được, chỉ bắt được Trọng Phủ nước Yên. Mùa hạ, Trịnh Bá đem vua về Chu, ở đất Lịch. Mùa thu, vua cùng Trịnh Bá vào đất Ô, rồi vào thành nhà Chu, lấy các đồ quý đem về. Mùa đông, Vương tử Đồi thết tiệc năm đại phu (đang giúp mình) vui chơi hát múa. Trịnh Bá nghe chuyện bảo Quắc Thúc: Tôi nghe vui buồn không hợp thời, thì vạ sắp tới nơi. Nay Vương tử Đồi chỉ hát múa không chán, vui đấy tức là họa đấy. Xét quan Tư Khấu đang làm việc hình, vua còn kiêng không ca nhạc, huống hồ dám ca nhạc trong lúc có họa, dám phạm đến ngôi vua, còn họa nào to hơn. Trong lúc họa mà quên lo, lo tất đến ngay. Lúc này, ta giúp vua chẳng. Quắc Công nói: Chính là ý nguyện quả nhân.

Cốc - Đàn bà lấy chồng không ra khỏi nước. Ra khỏi nước là không chính đáng.

Cao Kháng - Kinh Xuân Thu chép nhiều việc dân loạn, cho nên phụ nhân đã gần chết mà ba lần nói đến để cho đàn bà đời sau lấy làm gương.

夏齊大災

HẠ, TÊ ĐẠI TAI

MÙA HẠ, TÊ BỊ TAI LỚN

Công - Tai lớn là đại Tịch, là dịch lệ. Chép vì là tai họa. Tuy ở nước ngoài nhưng cũng liên can đến ta.

Cốc - Có chép tức là việc quan trọng.

Lưu Sưởng - Chép là đại là lớn. Không phải chỉ có một tai. Ở nước Tề, tôn miếu, kho tàng chẵn nuôi đều chết vì hỏa tai. Chép để thăm viếng, thương dân bị họa, cứu dân bị thiếu. Công Dương có bàn "chép vì liên can đến ta", bàn thế là sai.

Kinh Xuân Thu đâu có lối tường tận việc nước người, mà giảm lược việc nước mình.

秋七月

THU THẮT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

冬齊伐戎

ĐÔNG, TÊ PHẠT NHUNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TÊ PHẠT NƯỚC NHUNG

Gia Huyền Ông - Thời đó, nhà Chu có loạn từ Đồi. Huệ Vương phải ra ở đất Lịch nước Trịnh, Tề Hoàn thân làm mình chủ mà ngồi nhìn không cứu. Năm trước đánh Lô, năm nay đánh Nhung đều là làm việc lợi riêng, không kể gì đến vương thất, đến Thiên tử.

Xét - Nhung gần Tề, mà là mối lo cho Lô. Tề Hoàn đánh Nhung để thân với Lô. Gia Huyền Ông bàn rằng Chu có loạn Từ Đồi mà Tề Hoàn ngồi nhìn không cứu, bàn thế là chính đáng. Còn như Trịnh Đoan Học trách là không cáo vua mà tự ý đi đánh, thế thì chưa hẳn tự chuyên theo lối đó có rất nhiều, cứ gì một mình Tề Hoàn.

Năm Mậu Thân, Huệ Vương năm thứ 4.

二十有七年

NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 21

Tề Hoàn năm thứ 13. Tấn Hiến năm thứ 4, Vệ Huệ năm thứ 27, Sái Mục năm thứ 2. Trịnh Lệ năm thứ 28. Tào Trang năm thứ 29. Trần Tuyên năm thứ 20. Kỷ Cung năm thứ 8. Tống Hoàn năm thứ 9. Tần Tuyên năm thứ 3. Sở Đồ Ngao năm thứ 2.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏五月辛酉鄭伯突卒

HẠ NGŨ NGUYỆT, TÂN DẬU, TRỊNH BÁ ĐỘT TỐT
MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY TÂN DẬU, TRỊNH BÁ ĐỘT MẤT

Ta - Năm thứ 21, mùa xuân, dơi mệnh ở đất Nhị, mùa hạ, cũng phạt vương thành. Trịnh Bá đem vua từ Ngũ Môn vào thành, Quốc thúc từ bắc môn vào, giết Vương tử Đồi và 5 đại phu. Trịnh Bá châu vua ở cửa Tây Bích. Vui mừng. Vua cho Trịnh đất Hồ Lao của Vũ Công. Nguyên Bá nói Trịnh Bá ham chơi giống Tử Đồi, sắp có họa. Tháng năm, Trịnh Lê Công mất. Nhị ở đất Trịnh. Hồ Lao nay là huyện Thành Cao ở Hà Nam.

Gia Huyền Ông - Từ lúc Trịnh Đột vào đất Lịch, Xuân Thu không nói đến. Khi Chu Vương vì loạn Tử Đồi tới ở Lịch, chư hầu giúp vua chỉ có nước Lịch và nước Quốc, Trịnh Lê Công dù có tội cướp nước nhưng lại có công giúp vua, vì thế Xuân Thu mới chép việc Trịnh chết và táng, và từ đây mới chép.

秋七月戊戌夫人姜氏薨

THU THẤT NGUYỆT MẬU TUẤT,
PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOÃNG
MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY MẬU TUẤT,
PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Vua tuần thú ở Quốc. Quốc Công làm hành cung ở đất Bổng. Vua cho đất Tầu Tuyên. Trịnh Bá có công, vua cho đai ngọc (đồ dùng của vua). Quốc Công xin chính danh hiệu. Vua lại ban tước cho Quốc Công. Vì thế từ đây Trịnh Bá ghét vua. Mùa đông vua từ Quốc về Kinh. Bổng là đất nước Quốc. Tầu Tuyên là ấp nhà Chu.

Cốc - Đàn bà, không nói tên.

Xét - Về thuyết của Cốc Lương, không nói tên, thì Trịnh Tự, Giang Hy, mỗi người xét mỗi khác, nhưng kỳ thực vẫn là một. Phu nhân mất, cứ lệ thì không biên tên đất. Đây Văn Khương mất không biên tên đất thì cũng theo thường lệ, không có gì khác. Đã không chép tên đất, tức là không chép tội.

冬十有二月葬鄭公

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT.

TÁNG TRỊNH LỆ CÔNG

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, LỄ TÁNG TRỊNH LỆ CÔNG

Năm Kỷ dậu, Huệ Vương thứ 5.

二十有二年

NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 22

Tề Hoàn năm thứ 14. Tấn Hiến năm thứ 5. Vệ Huệ năm thứ 28. Sái Mục năm thứ 3. Trịnh Văn Công Tiệp năm đầu. Tào Trang năm thứ 30. Trần Tuyên năm thứ 21. Kỳ Huệ Công năm đầu. Tống Hoàn năm thứ 10. Tần Tuyên năm thứ 4. Sở Đồ Ngao năm thứ 3

春王正月四大眚

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TỨ ĐẠI SÁNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, THA TỘI LỚN (Đại xá)

Công Thị viết ra chữ ấy.

Công - Tứ là gì? Là phóng thích. Đại tỉnh là gì? Là tai. Chép Tứ đại tỉnh là ý chê. Chê việc khởi thủy kỵ tỉnh 忌省 nghĩa là phạm cấm, phạm lỗi.

Cốc - Tứ là thất 失 là bỏ. Sảnh là tai 災. Tai thì ghi chép. Thất là cái cố. Vì kiêng gần lễ táng Thiên Tử.

Khổng Đình Đạt - Tứ đại sảnh. Tứ nghĩa là hoãn lại, chậm lại. Sảnh là tội, là lỗi. Thế là hoãn, là tha kẻ có tội. Tội to còn xá, huống hồ tội nhỏ, như nay là dùng chữ xá thư. Trừ tội đại nghịch, còn ra đều tha hết.

Lưu Suồng - Tứ là gì? Là xá. Sảnh là gì? Là tội. Tứ đại sảnh, việc gì mà chép. Chép là chê. Chê gì? Tứ đại sảnh là phi lễ. Lưu Suồng lại nói: Công Dương cho là khởi thủy kỳ tính. Công Dương bàn sai. Trong Kinh chép Tứ đại sảnh, mà trong Truyện Dương bàn sai. Trong Kinh chép Tứ đại sảnh, mà trong Truyện lại cho là Kỳ Tính thế thì lời và ý không giải được. Vả lại, chẳng cần nạn nghĩa. Cốc Lương thì cho là gần lễ táng Thiên Tử, cũng không phải. Văn Khương còn sống còn không trách, nay chết rồi, việc gì mà phải đợi Thiên Tử rồi mới táng. Đều là không đúng cả.

Trình Tử - Đại tội mà tha, thế là thất chính rõ rệt. Phàm đã xá tội người ác, thì còn người thiện sao. Chư Cát Lương ở Thục 10 năm không có xá. Cõi đó thì biết.

癸丑葬我小君文姜

QUÝ SỬU, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN VĂN KHƯƠNG
NGÀY QUÝ SỬU, LỄ TÁNG TIỂU QUÂN VĂN KHƯƠNG

Công - Văn Khương là mẹ Trang Công.

Cốc - Tiểu Quân tức không phải là quân. Lấy cố sánh với Công, nên dùng chữ Tiểu Quân.

陳人撮其公子御寇

TRẦN NHÂN SÁT KỲ CÔNG TỬ NGỰ KHẨU
NGƯỜI TRẦN GIẾT CÔNG TỬ NGỰ KHẨU

Tả - Mùa xuân người Trần giết Thế tử Ngự Khẩu. Trần Công tử Hoàn, tự Kính Trọng, cùng với Chuyên Tôn chạy sang Tề, Chuyên Tôn lại từ Tề chạy sang Lỗ. Tề Hầu cho Kính Trọng

làm chức Khanh. Kính Trọng từ rằng: Tôi là hạng bầy tôi ở xa, may được rộng khoan dung, tha cho tội không biết đề phòng theo lời dạy dỗ, không biết giữ trách nhiệm, đó là ơn nhà vua đã to lắm, đâu còn dám đương chức vị cao, để không xứng chức, chóng bị chê cười, xin chết cùng không dám nhận. Kinh Thi nói: “Thênh thang xe ngựa, cho đem vời ta, há chẳng muốn tới ư, sợ bề bạn của ta”. Tề Hầu cho làm chức công chính. Hoàn Công tới nhà uống rượu. Vui Bảo thấp đèn để uống rượu thêm. Kính Trọng thua: Thần sửa soạn tiệc ban ngày, chưa kịp sửa soạn tiệc đêm, không dám. Người quân tử bàn: Có rượu mới thành lễ, chứ không phải để rồi酣 mê về rượu, thế là người có nghĩa. Mong cho vua thành lễ, chứ không đưa vua vào chỗ sa đọa, thế là người có nhân. Trước kia họ Kỷ bói xem việc gả con cho Kính Trọng, được quẻ tốt: “Phụng hoàng cùng bay, tiếng kêu lanh lảnh. Dòng dõi Hữu Qui, rồi sống với họ Khương. Năm đời vương thịnh liệt hàng chính khanh. Tám đời sau, không ai bằng”. Trần Lệ Công, gốc tự nước Sái, người Sái giết năm đại phu, được đưa lên ngôi, sinh ra Kính Trọng. Lúc nhỏ, Chu Sữ tới thăm Trần Hầu. Trần Hầu sai bói dịch, được quẻ Quan Bĩ. Chu Sữ nói: Câu trong dịch là “Vẻ sáng trong nước, lợi dùng khách nơi vua”. Quẻ này có ý là thay Trần chỗ nước yên, là đi ở nước khác. Không phải tự bản thân, mà là tự con cháu. Ánh sáng từ xa, từ chỗ khác chiếu tới. Khôn, là tượng đất. Tốn, là tượng gió. Cần là tượng trời. Gió, trời, ở trên đất, tức là núi. Có núi thì có sản vật ở núi, mà soi xuống được là nhờ sáng trời. Thế thì ở trên đất, cho nên “coi ánh sáng nước lợi về vị khách gần vua”. Cung Phụng bằng ngọc lụa đó là vật đẹp quý của thiên hạ, cho nên bảo là lợi về khách gần vua. Thế là nhờ về con cháu. Gió thổi trên đất cho nên bảo là ở nước khác. Nếu ở nước khác, tất là họ Khương, Khương là dòng dõi Đại Nhạc, Nhạc là núi. Núi phối với trời. Vật không thể cá hai cùng to lớn. Trần mà suy thì họ này mới thịnh. Đến khi Trần suy, Trần Kính Trọng mới bắt đầu hay. Đến khi Trần mất, thì dòng Kính Trọng được cầm quyền chính.

Cốc - Chép là Công tử mà không chép là đại phu, tức là Công tử chưa được phong đại phu. Gọi công tử trọng hơn gọi đại phu. Mệnh trên bắt là bắt Công tử.

夏五月

HẠ NGŨ NGUYỆT

MÙA HẠ THÁNG 5

Hà Hưu - Lấy tháng năm làm đầu mùa, là chê Trang Công cưới con gái nước thù làm vợ thì sao thờ phụng tiên tổ được, sao phụng bốn mùa cúng tế được, cũng như là không nên lấy tháng năm làm đầu mùa.

Đỗ Dự - Năm có 4 mùa. Dù rằng không có việc gì thì cũng có chép tháng đầu mùa, để rõ lúc mùa thay đổi, để rõ con số trong lịch. Đời Trang Công chỉ chép mùa hạ tháng năm. Kinh tuy 4 mùa, mà không chép đủ, Tả Thị cũng không, thế chỉ là thiếu sót.

Xét - Kinh chép mùa hạ tháng năm, mỗi người bàn mỗi khác. Xem cổ sách của Tôn Phục, Lưu Sưởng, thì thấy lời bàn của Đỗ Dự là hơn cả. Hoặc giả, tháng tư nhà Chu là tháng hai nhà Hạ. Chu quan lấy tháng đó hội nam nữ. Kinh Thi có câu: Sĩ như quy thê, dãi bằng vị bạn; kẻ sĩ như gái đi lấy chồng, kịp lúc băng chửa tan. Tức là nên dự bị lễ nghi thì chính là công việc tháng ấy, hôn nhân tháng ấy. Trang Công đang có tang mà lun lễ dâm đồ cưới, lấy con gái kẻ thù, thế tức là bỏ lễ hôn nhân. Kinh không chép tháng tư vì thế chăng. Cho nên, cứ để lời chủ giải của Hà Hưu để đợi người khảo cứu.

秋七月丙申及齊高傒盟于防

THU THẤT NGUYỆT, BÍNH THÂN,

CẬP TÊ CAO HỀ MINH VU PHÒNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY BÍNH THÂN,

CÙNG CAO HỀ HỘI THÊ Ở ĐẤT PHÒNG

Công - Tê Cao Hề là quý đại phu. Sao lại cho tới nước ta hội thê. Thê với Công, sao lại không chép Công. Vì kiêng tránh, không để Công thê với đại phu.

Cốc - Không chép Công. Chả nhẽ Công ngang với Cao Hề.

Trình Tử - Cao Hê là thượng khanh, thì Lô đầu có bị kém về trong hội thể. Vậy kiêng không chép Công hội thể, là vì Công mới cùng kẻ thù kết hôn, là tội lớn.

冬公如齊納幣

ĐÔNG CÔNG NHƯ TÊ NẠP TỆ
MÙA ĐÔNG CÔNG SANG TỆ NẠP ĐỒ DẪN CƯỚI

Công - Nạp tệ không cần chép. Chép là chê việc thân hành nạp tệ không phải là lễ.

Cốc - Nạp tệ là việc của đại phu. Lễ có nạp thái, có vấn danh, có nạp trưng, có cáo kỳ. Bốn việc ấy xong xuôi, mới cưới, thế là lễ. Công thân nạp tệ, là không phải lễ, cho nên chê.

Lưu Suồng - Chê đang có tang mà cưới. Nạp tệ là việc của đại phu. Công lại thân hành đi nạp tệ. Hai năm sau mới được đón vợ. Thế là Tê làm khó dễ.

Năm Canh Tuất, Huệ Vương năm thứ 6

二十有三年

NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN
NĂM THỨ 23

Tê Hoàn năm thứ 15. Tần Hiến năm thứ 6. Vệ Huệ năm thứ 29. Sái Mục năm thứ 4. Trịnh Văn năm thứ 2, Tào Trang năm thứ 31. Trần Tuyên năm thứ 22. Kỷ Huệ năm thứ 2. Tống Hoàn năm thứ 11. Tần Tuyên năm thứ 5. Sở Thành Vương, Quân, năm đầu.

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ TÊ
MÙA XUÂN CÔNG TỰ TỆ VỀ

Công - Tê Hoàn thể không chép ngày, hội không tới. Thế là đa tin nhau. Vậy việc gì phải chép Công ở Tê về, vì khinh thị, coi Công như Trần Đà (người bị sai khiến).

Lưu Sưởng - Công Dương cho Công như Trần Đà, cho thế là sai, bàn không thông.

Vương Bảo - Công ở ngôi đã 23 năm. Chép sang Tể có 5 lần. Công thân hành đi nạp tể, quên thế thù, lại bỏ tang lễ Văn Khương. Từ đó trở đi, các việc tế lễ, hôn thú đều ghi chép, mới biết ý thánh nhân thâm thiết rõ rệt.

蔡叔來聘

SÁI THÚC LAI SÍNH

SÁI THÚC TỚI SÍNH

Cốc - Không chép là sứ, vì Sái Thúc là nội thần triều Chu, không có phận sự ngoại giao, không dùng chữ sứ được.

Hồ Truyền - Sái Bá lại châu mà không nói là châu. Sái Thúc lại không hiểu mà không nói là sứ. Doãn Thị, Vương tử Hiệu, Lưu Quyển lại cáo phó mà không chép chức tước, đều là chính danh phận kẻ làm tôi. Vị vua mà hiểu rõ nghĩa ấy thì đã không tự hạ mình ngang với bầy tôi. Kẻ làm nhân thần, bầy tôi mà hiểu nghĩa ấy, thì đã không nghĩ đến việc tì giao (giao thiệp vì lợi riêng). Thế thì đâu có sinh ra cái họa lập phe đảng hại nhau.

Xét - Sái Thúc là đại phu triều đình Thiên Tử, mượn cơ sinh Tể mà đi việc riêng, cho nên không chép là sứ, thế là theo chính nghĩa. Đỗ Dự và Tử Mạc cho rằng. Sái Thúc vì Sái Công mà lại sinh. Tô Thị cũng cho Sái Thúc là trong bọn Sái Công. Lưu Sưởng thì bàn rằng Sái Thúc tự cho người tới sinh, người đó Xuân Thu không ghi, cho nên không chép là sứ. Tất cả đều không căn cứ vào đâu được, không thể xác định được, vì thế không ghi chép.

夏公如齊觀社

HẠ CÔNG NHƯ TỂ QUAN XÃ

MÙA HẠ, CÔNG SANG TỂ CỎI LỄ XÃ

Ta - Năm thứ 23, mùa hạ, Công sang Tể xem lễ xã. Thế không phải lễ. Tào Uế có can không nên. Lễ là để điều chỉnh

việc dân, cho nên hội họp để dạy bảo phép người trên, kẻ dưới, để cho dân biết cách sản xuất tiêu dùng, trong triều ban tước lộc cho chính đáng, lớn nhỏ có đẳng cấp, chính phạt cho đúng nghĩa, chư hầu phải biết có Thiên Tử, Thiên Tử tuần thú cho có đường lối. Trái ngược nhưng lẽ ấy thì nhà vua đừng hành động, mỗi hành động là có ghi. Ghi việc trái phép thì làm sao làm gương được cho đời sau.

Phụ lục Tả Truyện - Họ Hoàng Trang áp bức, Tấn Hiến Công lấy làm lo ngại. Sĩ Vi nói: Trừ Phú Tử đi, thì bọn Công tử có thể bán tính được. Công nói, người thứ làm đi. Sĩ Vi mới cùng ban với bọn Công tử, gièm Phú Tử rồi trừ đi.

Công - Chép là để chê. Chư hầu ra khỏi còi để quan xà là phi lễ.

Cốc - Việc thường thì gọi là thị (thị sát). Việc phi thường thì gọi là quan (quan sát). Vậy đây chẳng có việc gì ca. Chẳng có việc gì ca thì đừng ra khỏi còi.

公至自齊 CÔNG CHÍ TỰ TỀ CÔNG TỰ TỀ VỀ

Cốc - Công đi sang Tề, chép mùa là phải, chép tháng là có còi.

Công đi chỉ chép tháng là có ý nghi ngại vậy.

荆人來聘 KINH NHÂN LAI SÍNH NGƯỜI NƯỚC KINH TỚI SÍNH

Đây là lần đầu Sở (Kinh) giao thiệp với Trung Quốc.

Công - Nước Kinh sao lại gọi là người nước Kinh. Là bắt đầu biết giao thiệp.

Cốc - Khéo ràng buộc, rồi nâng lên. Gọi là người nước Kinh là để khen, cho tiến không cho lùi nữa.

Trần Phó Lương - Gọi là người, bắt đầu từ đây, thế là tiến lên. Đường thời Ân, Hoàn, thời Xuân Thu, bỏ cả đạo đối với Vua, đối với nước láng giềng, đối với nước thân, nước Lỗ không còn nhận được sinh lễ nữa. Thế mà người nước Kinh sửa soạn sinh lễ, tới nước lớn. Vậy nâng họ lên, mong cho họ hay.

Gia Huyền Ông - Chép là Kinh, là Sớ, là người Sớ là Sớ Tử, mỗi đoạn chép mỗi khác, đều là tỏ cách hưng thịnh lần lần.

公及齊侯遇于穀

CÔNG CẬP TÊ HẦU NGỘ VU CỐC
CÔNG CÙNG TÊ HẦU GẶP NHAU Ở ĐẤT CỐC

Cốc - “Cùng” là ghi việc trong nước; “Cập” là ghi việc tương đắc.

Trương Hiệp - Cầu hôn mà Tê làm khó dễ, đã không muốn thì cự tuyệt đi, có được không, sao lại cứ hẹn lần lựa rồi mới cho. Chép việc ấy là để cho rõ Trang Công không đúng đạo làm con mà Tê Hoàn đối nhân thì bất nghĩa.

蕭叔朝公

TIÊU THÚC TRIỀU CÔNG
TIÊU THÚC CHẦU CÔNG

Công - Sao chép là châu Công. Vì Công ở nước ngoài.

Cốc - Vua một nước nhỏ, chưa được vua Thiên Tử phong tước, không nói là tới, là vi ở ngoài. Đã châu thì phải ở triều đình mới là chính. Còn như châu ở ngoài thì không phải là chính.

Lưu Suồng - Tiêu Thúc châu Công, Đồ Thị bàn: Thúc là tên vua nước Tiễn, bàn thế sai. Châu và Tiêu đều là nước phụ dung. Châu với Lỗ cùng thế được khen, được chép tên tự. Tiêu lại châu Công thì lại bị chép tên, là có sao. Phàm Kinh Xuân Thu, khen hay chê tự có nặng nhẹ, tức là thánh nhân ngụ ý dạy đời sau. Nhược bằng khi thế thì được gia thêm chức tước để thưởng, còn châu thì không được một lời úy lạo, thế tức là thưởng phạt loạn. Thế thì Kinh Xuân Thu còn dạy được ai.

秋丹桓宮楹

THU, ĐAN HOÀN CUNG DOANH
MÙA THU, SƠN SON CỘT Ở CUNG

Tả - Mùa thu, sơn son cột ở cung.

Công - Sao lại chép? Chép là chê. Chê là phi lễ.

Cốc - Theo lễ: Thiên tử, Chư hầu thì dùng màu (màu ác) là xanh nhạt hơi trắng. Đại phu màu xanh da trời; kẻ sĩ, màu vàng. Nay, cột sơn son là phi lễ.

Xét - Cốc Lương bảo rằng, Thiên Tử, Chư hầu dùng màu ác. Theo nhiều người khác thì cho là cột đen vách trắng. Tư Mạc cho là cột màu đen. Phạm Minh, Dương Huân thì cho rằng thiên tử màu xanh nhạt, chư hầu màu trắng. Lưu Sưởng trong Thuyết Văn cho trắng là sơn trắng. Theo sách Nhị Nhã, thì Tường gọi là ác Trắng. Quách Phát thì bảo là lấy đất trắng trát tường. Theo Sơn Hải Kinh thì cho rằng có thứ trắng ngả màu xanh nhạt, có thứ trắng ngả màu đen vàng, đều là tạp sắc. Xem vậy thì sắc ác không phải là đất trắng. Xét trong Chu lễ thì xe không màu là lấy đất trắng trát mà xe có màu thì trát bằng màu xanh da trời. Gọi tên là màu ác, nghĩa là á, là thứ, là phụ, tức là trước trát đất, rồi sau lấy do màu phụ vào, đó là chữ ác trong các câu "Thiên Tử, Chư hầu thì màu ác xanh nhạt, đại phu thì màu ác xanh da trời."

冬十有一月曹伯射姑卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT,

TÀO BÁ XẠ CÔ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, TÀO BÁ,

TÊN LÀ XẠ CÔ MẤT

卜有二月甲寅公會齊侯盟于扈
THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT. GIÁP DẦN.
CÔNG HỘI, TÊ HẦU MINH VU HỔ
THÁNG 12, NGÀY GIÁP DẦN,
CÔNG HỘI TÊ HẦU THỂ TẠI ĐẤT HỔ

Hổ, đất nước Trịnh, Tây Bắc huyện Quyển ở Vinh Dương.
Thời Hậu Hán ghi: “Ở Quyển Huyện, có đình Hổ Thành”.

Công - Hoàn Công hội thể không chép ngày. Đây sao chép ngày. Là có ý ngại. Ngại vì ta nhị tâm. Lỗ Tử có nói: Ta mà nhị tâm, có phải là tự người dẫu. Chính là tự ta.

Hổ Truyện - Trình Tử nói: Gặp ở Cốc, thể ở Hổ, đều là muốn xin kết hôn, kết hiếu. Truyện có chép: Con trai 20 tuổi làm lễ đội mũ, thành người lớn; 30 tuổi mà chưa lấy vợ là phi lễ. Tuy nhiên Thiên Tử chư hầu, 15 tuổi đã làm lễ đội mũ, để rồi đón lễ cưới vợ. Trong nước không thể chờ lâu vị Hoàng Tử, Thế Tử, kế vị, muốn cho sớm có người nối ngôi. Nay Trang Công sinh vào năm Hoàng Công thứ 6, tính đến bây giờ là 36 tuổi rồi, mà chưa có con đích để sau, ở chư hầu coi việc xã tắc. Sao vậy? Vì Văn Khương bắt ép cứ phải lấy con gái họ mẹ ở Tê, mà con gái vua Tê thì còn nhỏ, phải đợi cho lớn. Cho nên, Trang Công vượt ra ngoài lễ. Nay vội thúc cưới. Còn người Tê thì dùng dâng chậm lại. Vì thế mới có việc gặp nhau ở Cốc, việc cùng thể ở Hổ, là để xin việc kết hôn. Lấy vợ làm Phu nhân, để phụng sự tế tự, làm chủ tôn miếu mà nghe mẹ, mà không theo đại nghĩa, đến nỗi để lỗi thời, thật là bất hiếu. Xuân Thu chép ghi kỷ lưỡng để răn dạy đời.

Lưu Suồng - Công Dương bảo lo ngại là nói nhầm.

Năm Tân Hợi, Huệ Vương năm thứ 7.

二十有四年

NHỊ THẬP HỮU TỬ NIÊN

NĂM THỨ 24

Tề Hoàn năm thứ 16. Tần Hiến năm thứ 7. Vệ Huệ năm thứ 30. Sái Mục năm thứ 5. Trịnh Văn năm thứ 3. Tào Hi Công Xích năm đầu. Trần Tuyên năm thứ 23. Kỳ Huệ năm thứ 3. Tống Hoàn năm thứ 12. Tần Tuyên năm thứ 6. Sở Thành năm thứ 2.

春王三月刻桓宮楹

XUÂN VƯƠNG, TAM NGŨYỆT.

KHẮC HOÀN CUNG GIÁC

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA,

CHẠM KHẮC, ĐẦU CỘT CUNG

Tả - Chạm khắc rui cột là phi lễ. Ngự Tôn can: Kiệm là đức tốt, xa xỉ là rất dở. Tiên quân có đức tốt. Nay nhà văn lại chuộc lấy dơ rất là không nên.

Công - Chép là để chê. Khắc rui cột là phi lễ.

Cốc - Theo lễ, cung điện Thiên Tử, luyện tán đá nhỏ chạm vào trở rui cột. Chư hầu mà chạm vào trở, đại phu, kẻ sĩ trở cột khắc rui là không đúng lễ. Xét người ta đã tôn trọng nhà thờ, mà lại làm công việc không phải lễ, không chính lễ. Nay đem trang sức cung miếu để đón phu nhân là không phải lễ, đục chạm khắc, sơn son rui cột đều là chê Trang Công.

葬曹莊公

TÁNG TÀO TRANG CÔNG

LỄ TÁNG TÀO TRANG CÔNG

夏公如齊逆女

HẠ CÔNG NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ
MÙA HẠ, CÔNG SANG TỀ CƯỚI VỢ

Công - Sao lại chép? Vì thân nghênh là lễ.

Cốc - Thân nghênh là việc thường không phải chép. Đây chép là vì thân nghênh tại đất Tề, không phải là chính lễ.

Lục Thuần - Công dương báo thân nghênh là lễ. Nay xét nên hợp lễ tức là việc thường, không cần chép. Vậy biết rằng Cốc Lương chép đón vợ tận đất Tề. Chê là phải.

秋公至自齊

THU, CÔNG CHÍ TỰ TỀ
MÙA THU, CÔNG TỰ TỀ VỀ

Cốc - Đi cưới vợ, đi rồi ở lại. Rồi về trước. Không phải chính lễ.

八月丁丑夫人姜氏入

BÁT NGUYỆT ĐÌNH SỬ, PHU NHÂN
KHƯƠNG THỊ NHẬP
THÁNG TÁM, NGÀY ĐÌNH SỬ, PHU NHÂN HỌ
KHƯƠNG VÀO NƯỚC

Tả - Mùa thu Ai Khương đến.

Công - Dùng chữ vào là làm cho khó khăn thêm, Chép ngày là lâu cho khó khăn thêm. Phu nhân không phải là người dễ tính. Công có hẹn trước, sửa soạn trước rồi Phu nhân mới vào.

Cốc - Dùng chữ vào là có ý nói, trong nước không chịu, không ưa. Cưới con kẻ thù thì tôn miếu nhận sao được, làm lễ sao được.

Hồ Truyền - Sao lại không nhận. Là vì không nên có mặt ở nhà tôn miếu. Khương Thị là con gái Tề Tương Công. Chữ

vào (nhập) là chữ có ý nghĩa không được thuận, vì tở niếu không nhận. Hôn nhân phải chính từ đầu. Công lại không cùng Phu nhân cùng tới. Khương Thị không theo Công cùng vào đã mất cái nghĩa chính của vợ chồng. Đó là cái triệu loạn, giết Mân Tôn Châu. Trang Công không nói được mẹ, vượt lễ, lỡ thời, lấy con gái kẻ thù, cho lễ ở nhà tôn miếu để thành hôn; kết quả con cái đã không được yên, thì nghịch nói tiếp đến gần mất nước. Cho nên Kinh Xuân Thu chép các việc đó tường tận để rõ cái tội bất hiếu của Trang Công, cốt răn dạy đời sau.

戊寅大夫宗婦覲用幣

MẬU DẦN. ĐẠI PHU TÔN PHỤ ĐỊCH DỤNG TỆ
NGÀY MẬU DẦN, VỢ CÁC ĐẠI PHU (VỢ HỌ TRANG CÔNG)
DÙNG NGỌC LỤA YẾT KIẾN PHU NHÂN

Tả - Công sai các đàn bà có họ đem lễ tới yết kiến. Thế là phi lễ. Ngự Tân nói: Đàn ông, lễ yết kiến, tùy lớn nhỏ, hoặc ngọc lụa, hoặc đôi ngỗng. Đàn bà yết kiến duy chỉ có thức ăn, như nem như trái cây. Lễ để tỏ lòng kính. Nay đàn ông, đàn bà lẫn lộn. Đàn ông, đàn bà phân biệt, là cái phép quan trọng trong một quốc gia. Phu nhân bắt đầu gây loạn phép. Thật là không nên.

Phụ lục Tả Truyện - Sĩ Vi nước Tấn lại cùng mưu với các Công tử giết hai con của Du Thị nói với Tấn Hầu: Được lắm, chỉ hai năm nữa vua hết lo ngại.

Công - Tôn phụ là vợ của đại phu. Địch là lễ yết kiến. Dùng đến ngọc lụa để yết kiến là phi lễ. Thế thì dùng gì? Trái cây chăng? Nem gói chăng?

Cốc - Lễ yết kiến. Đại phu không yết kiến Phu nhân. Đây không nói cùng với (đại phu cùng với vợ), không đúng hành vi đạo của người đàn bà, cho nên cũng kể rõ ra. Lễ yết kiến của đàn ông là dê, ngỗng, chim khô. Lễ yết kiến của đàn bà thì trái quả: có thứ hạt rẻ, thịt thì có: nem gói. Nay dùng lụa, là các thứ không được dùng, thế là phi lễ. Đại phu phải chính là quốc thể, mà hành động lẫn phu đạo, cho nên chép cả ngày cho cẩn thận.

Đỗ Dự - Tôn phụ là vợ đại phu mà cùng họ. Lễ: Phu nhân tới. Đại phu bưng đồ lễ yết kiến, để rõ đạo thần tử. Trang Công muốn khoe khoang với Phu nhân, cho nên sai đại phu cùng tôn phụ, cùng một lễ vật cùng yết kiến.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo là theo lễ, đại phu không yết kiến phu nhân. Bảo thế là sai. Vua tế ở Văn Miếu, phu nhân đại phu đều ở trong miếu, có thể không thấy nhau được không. Tuy nhiên, chữ không yết kiến ấy, phải có nghĩa là không thường yết kiến. Đây phu nhân mới tới, đúng lễ là phải yết kiến, sao lại bảo là phi lễ.

Xét - Thời cổ, làm quan ở một nước có lễ yết kiến vợ vua, khi vợ vua (phu nhân) mới cưới về. Vậy lễ ấy vốn có. Cốc Lương bảo là theo lễ, đại phu không yết kiến Phu nhân. Bảo thế trái với nhiều truyện khác. Vậy Lưu Sưởng bác lời bàn của Cốc Lương là đúng. Lại xét đến Công Dương với Hồ Truyện đều cho chữ tôn phụ là vợ đại phu, chứ không riêng gì người cùng họ nhà vua, hay không cùng họ. Vậy các thuyết không giống nhau. Không Đinh Đạt thì dẫn: Tương Công năm thứ hai, làm lễ chôn Tề Khương. Truyện có chép Tề Hầu sai các Khương tôn phụ đều đến tống táng. Các Khương tôn phụ là ai. Là cùng họ Khương, Thế dù rõ tôn phụ là các bà vợ cùng họ. Vậy nên cho Đỗ Dự là nói đúng.

大水

ĐẠI THỦY NƯỚC LỤT TO

Uông Khắc Khoan - Trang Công lấy con kẻ thù, lại xa hoa dễ khoe với vợ. vậy có điềm nước lụt ứng hiện. Nhớ khi Đường Cao Tông lập người cung nữ (chức tài nhân) của vua Thái Tông là họ Vũ, lập lên làm Chiêu Nghi (chức cao) mà cung Vạn niên đêm bị mưa to, nước tràn ngập đầu người. Đó là cách trời có cảm ứng việc người, không nên cho là lời bịa đặt.

冬戎侵曹曹羈出奔陳赤歸于曹
ĐÔNG, NHUNG XÂM TÀO, TÀN KY XUẤT BÔN
TRẦN XÍCH QUY VU TÀO

MÙA ĐÔNG, NHUNG SÂM TÀO TÀN KY CHẠY TRỐN
SANG TRẦN, XÍCH TRỞ VỀ TÀO

Công - Tào Kỵ là Tào đại phu. Nước Tào không có đại phu. Đây sao lại chép. Vì là người hiền. Khi Nhung tới đánh, Tào Kỵ can vua: Giống Nhung là giống vô nghĩa, xin vua đừng thân hành đối địch. Vua không nghe. Tào Kỵ ba lần can không được, thì bỏ đi nước khác, người quân tử cho là Tào Kỵ biết nghĩa vua tôi. Con Xích là ai? Tào không có Xích. Chính là Quách Công. Quách Công là vua đã mất nước.

Cốc - Xích tức là Quách Công, sao lại chép. Theo lễ: Vua chư hầu ở nước ngoài, không có nghĩa từ nước ngoài về. Như thế là không chính.

Lưu Suồng - Tào Kỵ gọi tên lên, là biếm. Tại sao? Tại Kỵ không đúng đạo làm tôi con. Còn như Xích thì thế nào? Là Thứ công tử, con thứ vua Tào. Sao lại không liên hệ đến Tào, sao lại bị biếm bị chê? Là vì nước Tào không phải đến thứ Xích đương được. Về nước, Xích không được danh chính, thế thì sao lại chép Xích trở về Tào. Vì chi là đổi chỗ. Trước ở Nhung, nay ở Tào. Tào Kỵ thì chạy trốn sang trần, Xích thì trở về Tào. Hành vi của Xích y như Trịnh Bá Đột. Đột nhờ Tống, Xích nhờ Nhung đều là hạng cướp ngôi vua. Xuân Thu chê việc không cần xét kẻ làm việc, là người thứ bậc nào. Xuân Thu dạy việc trị, chứ không dạy việc loạn. Nếu Trịnh Hốt, Tào Kỵ, mà thờ cha hết hiếu, thờ vua hết lễ, việc tang phải thương xót, việc làm phải kính cẩn, các quan tuân lời, dân chúng tin theo, thế thì dù quân Tống, quân Nhung có đông mấy đi nữa, cái mầm ác của Đột, của Xích, đâu có nảy nở được. Nay vua tôi không hợp nhau, anh em thành thù nhau, thì kẻ dưới phải thắng.

郭公

QUÁCH CÔNG

QUÁCH CÔNG

Chữ Quách Công liền với chữ (Xích quy vu Tào), thành một câu. Trước kia, từ chữ 冬 trở xuống, chia làm bốn câu đều không thấy truyền lại.

Đỗ Dự - Chỗ này, chắc là trong Kinh có thiếu sót hay lại nhầm. Từ chỗ Tào Kỳ trở xuống, các thuyết Công Thị, Cốc Thị đã không giai thích, lại không hợp với Tả Thị, cho nên không cần chép ra đây.

Triệu Khuông - Công Thị, Cốc Thị đều cho Xích là Quách Công. Xét chữ Quách Công như là câu còn thiếu sót. Xích chính là Tào Công tử. Về lời, về ý, đều không có tương quan. Vậy các truyền bản rất nhầm.

Tôn Giác - Xuân Thu chép: “Lương vong, Lương mất” cho là Lương tự mất. Quan Tư chép đoạn: “Quách vong, Quách mất” và cũng thêm câu, Quách tự mất. Chữ công và chữ vong, mất chữ gần giống nhau, vậy nghĩ rằng Kinh chép là “Quách vong”. Lại xét: Khi có việc hoặc nghi, hoặc khuyết, thì thánh nhân bỏ đấy, chứ không thêm. Chỉ cần nêu điều thiện, nêu điều ác, đủ để dạy đời sau. Vậy nay ta cứ để nguyên cả.

Năm Nhâm Tý, Huệ Vương thứ 8

二十有五年

NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 25

Tề Hoàn năm thứ 17. Tần Hiến năm thứ 8. Vệ Huệ năm thứ 31. Sái Mục năm thứ 6. Trịnh Văn năm thứ 4. Tào Hỉ năm thứ 2. Trần Tuyên năm thứ 24. Kỷ Huệ năm thứ 4. Tống Hoàn năm thứ 13. Tấn Tuyên năm thứ 7. Sở Thành năm thứ 3.

春陳侯使女叔來聘

XUÂN, TRẦN HẦU SỬ NHỮ THỨC LAI SÍNH

MÙA XUÂN, TRẦN HẦU SAI NHỮ THỨC TỚI SÍNH

(Khởi thủy chư hầu sinh lễ với nhau).

Tả - Trần Nhữ Thức tới sinh mới thành Lễ, Trần kết hiếu. Khen nên không chép tên.

Cốc - Không chép tên là vì đại phu theo mệnh thiên tử.

Đạm Trợ - Tả Thị báo là khen, nên không biên tên. Xét ra việc sinh lễ là thưởng, có gì mà khen. Cốc Lương cho rằng, đại phu theo mệnh vua là đúng.

夏癸丑衛侯朔卒

HẠ, QUÝ SỬU, VỆ HẦU SỐC TỐT

MÙA HẠ, NGÀY QUÝ SỬU, VỆ HẦU TÊN LÀ SỐC, MẤT

Phạm Ninh - Vệ Huệ Công là người thất đức, thí nghịch, nên không chép lễ táng.

六月辛未朔日有食之鼓用牲于社

LỤC NGUYỆT, TÂN MÙI, SỐC, NHẬT HỮU THỰC

CHI CỔ DỤNG SINH VU XÃ

THÁNG SÁU NGÀY TÂN MÙI LÀ NGÀY SỐC, CÓ NHẬT THỰC, ĐÁNH TRỐNG VÀ TẾ SINH Ở NỀN XÃ

Tả - Không phải lễ thường. Duy ngày sóc tháng giêng, tà khí chưa lưu hành, mà có nhật thực thì mới dùng đồ lễ tế ở nền xã, và đánh trống ở trong triều.

Công - Nhật thực, sao lại đánh trống, sao lại tế xã. Là cầu về âm. Lấy dây đồ trắng chung quanh nền xã, hoặc để cầu xin, hoặc để ngăn chặn. E sợ người phạm vào, nên trắng dây chung quanh.

Cốc - Chép ngày, lại chép cả ngày sóc, theo lịch, nhật thực, đúng chính sóc. Đánh trống là theo lễ, dùng tam sinh không phải là lễ. Vua mà cứu mặt trời thì đặt năm cột cờ, dàn bảy năm tên quân, năm trống. Chư hầu thì đặt mỗi thứ ba. Đại phu thì đánh vào cánh cửa, dân thì đánh mõ. Làm như thế để tăng cường khí Dương.

Hà Hưu - Xà là gì? Là chủ thổ địa, chủ đất. Mặt trăng là gì? Là tinh ba của đất. Có liên hệ trên trời mà phạm vào mặt trời, cho nên khua trống để đánh, là trị từ gốc. Trước chép khua trống, sau chép dùng lễ sinh. Vậy chép rõ, trước hãy lấy mệnh làm cho sợ, tiếp vào sau lấy lễ thần tử cúng. Như thế là thuận.

Phạm Ninh - Đánh trống để cho có tiếng, là việc dương trấn áp khí âm.

Đỗ Dự - Xét về tháng, đánh trống không phải là thường được. Căn cứ vào lịch mà xét, Tân Mùi là ngày mồng một, ngày sóc tháng bảy, đặt vào tháng nhuận thì không rõ, vậy phải mượn tháng sáu. Tháng chính là tháng tư nhà Hạ, tháng sáu nhà Chu, gọi là tháng chính dương. Nay chép vào tháng sáu, truyện cũng cứ theo, thật rõ ràng tháng ấy không phải tháng chính dương. Ghét khí âm. Nhật thực là việc thường trong lịch số. Nhưng nếu vào tháng chính dương thì chư hầu dùng đồ lễ tới thần xà xin cứu. Đây Lễ Công khua trống trong triều, lui về nghỉ ngơi, tự xét, tự trách là để rõ ràng âm không nên xâm vào dương, thần không nên áp quân, là để tỏ đại nghĩa cho thiên hạ.

Triệu Khuông - Công Dương bảo lấy dây đồ trắng quanh nền xà. Trong sách Lễ không thấy nói điều ấy.

Trương Hiệp - Nhật thực là trung triệu âm thịnh dương suy, việc quan hệ cho cả thiên hạ, không riêng gì nước Lỗ, các chư hầu đều có thần dân, thì nhân việc biến trên giới mà tự xét tội cả, y như trong thiên Hồng Phạm có nói: Phải kính cẩn trong việc trông nghe, nói, làm, nghĩ. Một khi đã mất đường Chính, đường thẳng thì tai họa sẽ hiện tới. Người thời cổ, ứng vào trời, cốt về thực tế, chứ không cốt về văn hoa. Cho nên, Cao Tôn Đồng có nói: Lời của Hồng Phạm là việc làm trước tiên của cổ nhân. Cũng như trong Chu Lễ, thiên Dân Chính là việc cuối của lễ văn, là cái biến nhất thời. Đã dành lễ văn không bỏ được, nhưng phải ngay được cái gốc, thì sau cái ngọn mới trị

được. Nay Trang Công từ việc làm cho chính thẳng gốc đã thờ
ơ thì còn khua trống, có ích gì, rồi lại lấy đồ tế lễ, lễ cầu yên.
Chép cư chi đó cho rõ, cả gốc lẫn ngọn đều hồng.

伯姬歸于杞
BÁ CƠ QUY VU KỶ
BÁ CƠ VỀ NƯỚC KỶ

Cốc - Không chép là đi đón, vì không có đạo đi đón (không
quan trọng). Không cần chép.

Đỗ Dự - Bá Cơ là con gái Trang Công.

Ông Khắc Khoan - Hoặc cho Bá Cơ là con gái Hoàn Công.
Nếu là con vua đang ở ngôi, thì phải thêm chữ tử. Xét Trang
Công năm thứ 27 có chép Thúc Cơ. Nếu cũng là con gái Hoàn
Công thì Bá Cơ phải hơn 30 tuổi rồi. Dâu có việc cả hai con
cùng bị lỗi thời như thế. Và lại, Bá Cơ đến năm Lỗ Hi Công
thứ 31 cưới thì tuổi đã quá 70, dâu mà còn tới Lỗ. Thế thì không
cho là con gái Hoàn Công được.

秋大水鼓用牲于社于門
THU ĐẠI THỦY CỐ DỤNG SINH VU XÃ, VU MÔN
MÙA THU, NƯỚC LỤT, KHUA TRỐNG VÀ DÙNG LỄ
SINH TẾ Ở NỀN XÃ VÀ Ở NGOÀI CỬA

Tả - Cũng không phải là việc thường. Phàm thiên tai, đồ
lễ chỉ có vài lựa, chứ không có tam sinh. Nếu không phải là
nhật thực, nguyệt thực thì không khua trống.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn, Sĩ Vi, sai các Công tử giết hết
nhà họ Du, rồi xây thành ở đất Tụ, cho các công tử ở đấy. Mùa
đông, Tấn Hầu vây Tụ, giết hết Công tử. Tụ là đất nước Tấn.

Công - Chép (ở nền xã), và (ở ngoài cửa). Ở nền xã là lễ.
Ở ngoài cửa là phi lễ.

Cốc - Trên cao, dưới thấp đều nước ngập là lụt to. Đã đem
trống ra dọa án ngữ, làm cho dân kinh hãi, thì lễ sinh dùng

làm gì. Cứu mặt trời thì cô vô quân đội. Cứu nước lụt thì cô vô chúng dân.

Lưu Suồng - Chép là chê. Nước lụt mà khua trống, lễ sinh ở nền Xà ở ngoài cửa, là phi lễ. Phàm thiên tai, đồ lễ có lua mà không có sinh. Nếu không phải là nhật thực, nguyệt thực thì không khua trống. Lua là dễ xin. Trống là dễ đánh. Sinh là dễ thân hương. Đánh trống, lễ ở nền xà, lễ ở cửa là phi lễ. Công Dương bảo ở nền xà là lễ, ở cửa là phi lễ, bảo thế là sai. Nếu ở nền xà cho là đúng lễ, thì Kinh đã không phải chép.

Tôn Giác - Nhật thực thì phải khua trống, vì âm xâm lấn vào dương. Nghiệm thì còn lâu. Tai thì chưa hiện. Còn như nước lụt, thì tai họa tới ngay người vật rồi, nghiệm đã rõ rồi, tai họa đã có rồi. Nếu tai chưa hiện thì thánh nhân đã cho khua trống để cứu khi dương, với để cảnh cáo vị quân nhân. Nay nghiệm đã rõ rồi thì khua trống làm gì. Cốc Lương nói, cứu thủy để cổ vô dân chúng. Nói thế không phải.

冬公子有如陳

ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU NHƯ TRẦN

MÙA ĐÔNG CÔNG TỬ HỮU SANG TRẦN

Hà Hưu - Sang Trần là sang sinh nước Trần. Việc trong triều, dùng chữ như, sang 如 là tôn trọng việc, chép việc các nước giao thiệp.

Đỗ Dự - Chép sinh lễ của Nhữ Thúc, cùng các việc Lễ triều sinh, đều dùng chữ như (sang). Công tử Hữu là em cùng mẹ của Trang Công gọi là Công tử là chữ thường dùng trong sử sách. Gọi là em cùng mẹ là tỏ ý chỉ thân, khác với các quan khác. Khi anh em giết hại nhau thì gọi rõ là em để rõ đạo nghĩa. Còn như việc hay thì hoặc dùng chữ đệ, em, hoặc dùng chữ Công tử. Đó là Kinh cứ theo lời văn sách sử cũ.

Năm Quý Sửu. Huệ Vương năm thứ 9.

二十有六年

NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN
NĂM THỨ 26

Tề Hoàn năm thứ 18. Tấn Hiến năm thứ 9. Vệ Ý Công Xích năm đầu. Sái Mục năm thứ 7. Trịnh Văn năm thứ 5. Tào Hi năm thứ 3. Trần Tuyên năm thứ 28. Kỷ Huệ năm thứ 5. Tống Hoàn năm thứ 14. Tần Tuyên năm thứ 8. Sở Thành năm thứ 4.

春公伐戎

XUÂN, CÔNG PHẠT NHUNG
MÙA XUÂN, CÔNG PHẠT NƯỚC NHUNG

Trong Công Truyện có chữ Xuân.

曹掇其大夫

TÀO SÁT KỲ ĐẠI PHU
NƯỚC TÀO GIẾT ĐẠI PHU

Khởi thủy việc giết đại phu.

Công - Chép là nước Tào giết. Chứ không chép ai giết. Thế là chỉ nhiều người, chứ không phải vua Tào giết. Vua ở ngôi bị giết thì chép là bị diệt. Sao đây không chép bị diệt. Vì kiêng nể Tào Ky. Và lại vì việc chiến. Sao không chép chiến. Vì kiêng nể Tào Ky.

Cốc - Chép là đại phu, mà không chép họ tên, là vì làm đại phu mà chưa có phong tước. Thế sao cứ chép là đại phu. Là vì người hiền, mà cũng là tôn quý Tào Ky.

Lưu Sưởng - Chép là nước giết là tội liên lụy đến người trên. Chép là người giết, tức là giết kẻ có tội. Chép người mà không chép tên, tức là đại phu vô tội bị quân chúng giết. Chép là nước (nước Tào) mà không chép tên tức là đại phu vô tội mà bị vua giết. Vô tội mà bị vua giết thế là trái. Dù có tội mà không

đem về Kinh sư giết, cũng là trái: Công Dương bảo không chép tên, tức là chỉ quần chúng. Thế thì trong việc giết ba người họ Khích sao lại chép tên. Lại bảo rằng không bị vua giết, thế thì Tống giết đại phu, lấy gì mà biện bạch rõ được. Phàm Công Dương khi đại phu giết nhau, thì chép là “người giết”, khi vua giết đại phu thì chép là “nước giết”, và không có bàn đến đại phu có tội hay không có tội. Cho nên việc Tống và Tào, chép thì cùng lời văn, mà nghĩa có khác. Phải hay không phải cần ỨC đoán cho ra. Công Dương lại nói: Chiến rồi diệt, bảo thế lại càng sai. Tào Ky tuy là người hiền, làm sao mà ngăn được vua khỏi bị diệt. Vì Tào Ky hiền, nên kiêng, không chép Tào Bá bị diệt, nói thế là vô nghĩa lý. Cốc Lương cho rằng đại phu không gọi tên vì chưa được mệnh phong, thế là nói bậy. Thiên Tử dựng nước, chư Hầu dựng họ, dù tôn ti không giống nhau, nhưng há lại không có mệnh. Chư Hầu, nước lớn, có ba vị Khanh, đều được mệnh, do Thiên Tử. Nước nhỏ, ba vị Khanh thì hai vị do mệnh Thiên Tử. Vậy nước lớn ba Khanh, nhỏ hai, nhỏ một. Ngồi thứ ở trong triều Thiên Tử đều là chức quan. Ba mệnh thì gọi tên họ. Hai mệnh thì gọi tên. Một mệnh thì gọi nhân (người). Đến khi nhà Chu suy, lễ đã bỏ mất, các nước lấy mạnh, yếu áp bức nhau, các chức Khanh, Đại phu tuy không được toàn như xưa, nhưng cứ như ở trong kinh thì vẫn còn. Cho nên, trong thời Ân Công, Hoàn Công, chưa xa Tây Chu là mấy, chế độ cũ hãy còn. Lỗ hãy còn Vô Hải, Nhu Hiệp, Trịnh hãy còn Uyển Chiêm mà Tân, Sở phần nhiều vẫn cứ chép nhân (người). Đến cuối thời, vẫn còn thấy thường thường chép tên họ. Mà các nước Châu, Cử, Đằng, Tiết, thì ngày càng xa thời xưa, đều chuyển theo lệ các nước nhỏ, chỉ gọi là nhân (người) mà thôi, chứ không gọi họ tên. Kể bàn không tường nguyên nhân, bảo rằng, từ nước Tào, nước Tấn trở xuống, không có đại phu, bọn ấy đều không hiểu chế độ ban tước của triều đình và của chư hầu. Biết gì mà bàn luận.

秋公會宋人齊人伐徐

THU, CÔNG HỘI TỔNG NHÂN TÊ NHÂN PHẠT TỪ
MÙA THU, CÔNG HỘI NGƯỜI TỔNG,
NGƯỜI TÊ PHẠT NƯỚC TỪ

Từ là một nước ở Đông Nam huyện Đông, đất Hạ Bi, Hàn Dù nói: Từ và Tấn đều đồng dòng Bá Ế, họ Doanh. Năm Chiêu Công thứ 5, người Sở bắt Từ Tử. Vây vua Từ là tước Từ.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, người Quắc xâm nước Tấn, mùa đông, người Quắc lại xâm nước Tấn.

Hổ Truyện - Xét Kinh Thư, Bá Cầm thường đem quân chinh phạt các nước Từ Nhung. Thế thì Nhung là ở giáp Từ Châu, là mối lo cho nước Lỗ từ xưa. Năm ấy, mùa xuân Công đánh nước Nhung. Mùa thu, lại đánh nước Từ, Chắc là Nhung hợp binh với Từ, gây cái thế trong, ngoài để hại Lỗ. Cho nên, Tổng và Tề, tướng kém, quân ít, mà Công thì phải thân chinh. Dù cho có không được hẳn, không đánh lâu được, thì đã có người Tề cùng hợp, cũng không có cái nguy nan.

Đỗ Dự - Tổng chủ việc quân, cho nên kể trên Tề.

Uông Khắc Khoan - Tổng kể trước Tề, Công thì chép hội. Thế rõ là Tổng chủ việc binh. Vả lại, Bá nghiệp của Tề Hoàn Công chưa thịnh cũng như các việc đánh Nghê, đánh Trịnh, đều kể Tổng trước.

冬十有二月癸亥朔日有食之

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỘI SỐC,
NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY QUÝ HỘI,
MÙNG MỘT SỐC, CÓ NHẬT THỰC

Nam Giáp Dần, Huệ Vương năm thứ 10.

二十有七年

NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 27

Tề Hoàn năm thứ 19. Tấn Hiến năm thứ 10. Vệ Ý năm thứ 2. Sái Mục năm thứ 8. Trịnh Văn năm thứ 6. Tào Hi năm thứ 4. Trần Tuyên năm thứ 26. Kỳ Huệ năm thứ 6. Tống Hoàn năm thứ 15. Tấn Tuyên năm thứ 9. Sở Thành năm thứ 5.

春公會杞伯姬于訖

XUÂN, CÔNG HỘI KỶ BÁ CƠ VU THAO

MÙA XUÂN, CÔNG HỘI KỶ BÁ CƠ Ở ĐẤT THAO

Tả - Việc không cần, Thiên Tử nếu không cần thì hành việc đúng đạo nghĩa, thì không tuân thủ. Chư Hầu nếu không có việc vì dân thì không làm. Quan Khanh không có quân mệnh thì không ra khỏi cõi.

Hồ Truyền - Bá Cơ là con Trang Công. Không có việc gì mà lại phải gặp ở đất Thao. Chỉ vì quá yêu con mà không giữ được chừng lễ. Xuân Thu vẫn chê những hành vi đó.

Khổng Dĩnh Đạt - Năm Lỗ Trang Công thứ 25, Bá Cơ mới cưới về nước Kỳ. Trang Công không có mẹ mà nay Bá Cơ về thì biết Bá Cơ là con gái Trang Công. Việc đón gặp không được gọi là việc chính đáng, cho nên phải nói rõ là con gái.

夏六月公會齊侯宋公陳侯鄭伯同盟于幽

HẠ, LỤC NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, ĐỒNG MINH VU U

MÙA HẠ, THÁNG 6, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, ĐỒNG MINH ĐẤT U

Tả - Mùa hạ, Đồng Minh tại đất U. Nước Trần, nước Trịnh quy phục.

Cốc - Đồng nghĩa là cùng tôn Chu, có thể rồi mới phục được các chư hầu, Tề Hầu mới được các chư hầu theo. Tề Hoàn hội hợp không cần chép tường tận, là vì yên không có gì xảy ra. Tề Hoàn hội không biên ngày vì được tin. Tin, người có thể tin được, cũng như nhân với người nhân. Mù cao, áo trùng, dự hội, tất cả đến mười một lần, chữa thường cần phải ăn thề, vì đức tin đã vững lắm. Hội hợp mà dùng quân đội có bốn lần, mà cũng chưa từng có đại chiến, tức là đức thương dân đã sẵn có.

Dương Sĩ Huân - Trước, hội đồng minh ở đất U, chư hầu còn có nước nghi kỵ. Nay trong ngoài đều đồng tâm bầu Hoàn Công làm Bá chủ, được trách nhiệm chuyên chinh phạt, thành, đương nhiên Công cử hợp được (cử hợp, nhiều lần hợp). Cho nên Truyện chép tường tận.

Xét - Cốc Lương bảo Hoàn Công hội không nói tường tận, hội thề không chép ngày, bảo thế là sai. Mẫn Khưu, Can Hoài, đều chép tường tận. Quý Khưu, Vu Hổ, đều chép tường tận. Có gì mà bảo là được yên rồi, được tin rồi.

秋公子有如陳葬原仲
THU, CÔNG TỬ HỮU NHƯ TRẦN
TÁNG NGUYÊN TRỌNG
MÙA THU, CÔNG TỬ HỮU SANG TRẦN,
DỰ LỄ TÁNG NGUYÊN TRỌNG

Tả - Thế là phi lễ. Nguyên Trọng là bạn cũ của Quý Hữu.

Công - Nguyên Trọng là đại phu nước Trần, Đại phu thì không chép lễ táng. Đây chép là muốn rõ cuộc di sang Trần là Quý Hữu di việc riêng, di để tránh nạn trong nước. Người quân tử tránh nạn trong, chứ không tránh nạn ở nước ngoài đưa đến. Nạn trong là: Công tử Khánh Phủ, Công tử Nha, Công tử Hữu đều là em cùng mẹ với Trang Công. Khánh Phủ và Nha thông với Phu nhân hiếp Lô Công, Quý Hữu muốn trị, nhưng không được dự quốc chính. Ngồi mà trông thì không nỡ, đều là anh em cả, nhân táng Nguyên Trọng, xin vua sang Trần.

Cốc - Chép là táng mà không chép chết. Thế là không có lễ táng. Thế mà chép là táng, là có ý tránh nói: Quý Hữu trốn.

Trương Hiệp - Công tử Hữu sang Trần dự lễ táng Nguyên Trọng, không khác gì đi sứ dự táng vua chư hầu. Vậy Quý Hữu đi là do Trang Công sai, chứ không phải Quý Hữu đi riêng.

Ngô Trừng - Không có lễ đi dự chôn đại phu một nước. Quý Hữu vốn bạn với Nguyên Trọng, muốn tới dự lễ. Vì cố đại phu không được phép ra nước ngoài, mới xin với Lỗ Công, mà Công thì mệnh cho đi, cho nên chép.

Uông Khắc Khoan - Năm Hi Công thứ 5, Công tôn Tư sang nước Mâu cưới vợ. Năm Văn Công thứ 6, Quý Tôn Hàng Phủ, sang Trần đưa lễ sinh và cưới. Năm Văn Công thứ 7, Công Tôn Ngao, sang nước Cử, dự hội thề và đón dâu. Năm Thành Công thứ 8, Công Tôn Anh Tề sang nước Cử cưới vợ. Năm Chiêu Công thứ 25, Thúc Tôn Sước sang Tống đón vợ cho Quý Bình Tử, Kinh Xuân Thu đều không chép đón cưới. Ở đây lại chép rõ là dự lễ táng Nguyên Trọng. Ý như chép sứ thần lễ táng vua chư hầu, đó là vì Quý Hữu xin phép Công rồi. Sách nói là đi việc tư, việc riêng mà không nói là Trang Công sai, cho là phi lễ, dù có xin phép Công cũng là đi việc riêng. Thánh nhân đặc biệt chép Công tử Hữu dự chôn Nguyên Trọng để mà ngăn ngừa, về sau e hiểu sai ý nghĩa.

Xét - Làm nhân thần, không riêng giao thiệp với nước ngoài. Quý Hữu ra khỏi nước dự lễ táng. Nguyên Trọng, Kinh Xuân Thu chép để chê, ý rõ là chê. Công Dương cho là rõ việc riêng. Cốc Lương cho là kiêng chép trốn chạy. Hồ Truyền cho là dấu mối loạn bọ vong thần mà các đại phu các chư hầu không chê trách. Tất cả các luận bàn đó đều không phải. Tả Thị bảo rằng Quý Hữu lấy tình cụ giao mà đi riêng. Lưu Suồng bảo rằng Nguyên Trọng là bạn của Trang Công, mà Quý Hữu theo mệnh Trang Công dự lễ táng, ý thì hơi khác và lạ. Duy có Trương Hiệp, Ngô Trừng, Uông Khắc Khoan, căn cứ vào thuyết bạn cũ của Quý Hữu, thuyết của Tả Thị, rồi lại lấy nghĩa mệnh vua, như thuyết Lưu Suồng, cho là xin mệnh vua rồi mới đi, bàn như thế, gần như đúng sự tình đương thời. Và lại, đại phu chơi với đại phu, đối với lý thì được, nhưng nếu không được mệnh vua cho đi khỏi nước, thì sách đã không chép chữ sang (như) trong câu (sang nước Trần).

冬杞伯姬來

ĐÔNG KỶ BÁ CƠ LAI **MÙA ĐÔNG, KỶ BÁ CƠ TỚI**

Ta - Bá Cơ về thăm. Phàm con gái vua chư hầu về thăm nhà gọi là (Lai). Bó chồng trở về nước mình gọi là (Lai quy). Phu nhân quy ninh về thăm nhà gọi là sang nước Lỗ. Bó chồng về nước mình gọi là về nước Mỗ.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn hầu sắp đánh nước Quắc, Sĩ Vi nói không nên. Quắc Công là người kiêu ngạo, vì bằng may được thắng trận, tất là khinh rẻ dân. Dân đã bỏ, ta mới đánh. Muốn chống lại ta thì cùng với ai. Xét: Lễ, nhạc từ ái là những điều phai gầy, phai nuôi để dùng lúc chiến. Đối với người dân, nếu biết kính, nhường, hòa, vui, yêu thương người sống, thăm viếng người chết, thì sau mới dùng được dân. Vua Quắc không nghĩ những điều ấy, không làm những điều ấy, cứ chiến tranh, tất dân sinh đói.

Công - Chép là "Lai" là tại sao? Sự thực là lại, thì cứ thế chép. "Nếu bỏ mà về, thì mới chép: lại về".

Cao Kháng - Mùa xuân, Bá Cơ dời nước tới hội với Công, mùa đông lại tới. Tại sao không ở yên ở nước Kỷ. Kỷ Bá không biết dạy vợ, còn trị nước sao được.

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu chép đàn bà mà đi sang nước chư hầu, duy có Kỷ Bá Cơ, bốn lần chép là lai, một lần chép là hội. Thế thì Bá Cơ vượt ra khỏi lễ nghi, ta đã thấy rõ. Sau Kỷ Bá Cơ, còn thấy chép Tề Cao Cố cùng Tử Thúc Cơ, có lai, đều là phi lễ cả.

莒慶來逆叔姬

CỬ KHÁNH LAI NGHỊCH THỨC CƠ **CỬ KHÁNH TỚI ĐÓN THỨC CƠ**

Công - Cử Khánh là ai. Là đại phu nước Cử. Nước Cử không có đại phu, sao đây lại chép. Chép là chê. Chê đại phu ra khỏi nước để đón người con gái Lỗ. Thế là phi lễ.

Cốc - Vua chư hầu gả con gái cho một đại phu, thì cho một đại phu đứng chủ việc. "Lai" nghĩa là tới đón. Việc đi đón thế là bất chính, cho nên không chép là đi đón vợ.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bao đón là bất chính, nên không dùng tiếng vợ chồng, bao thế là sai. Vì Cử Khánh tới đón, không được nói là đón con gái Lỗ, nói thế sẽ nhầm với đón Phu nhân vua mình, vậy chép là Thúc Cơ vẫn có lý. Lại bảo rằng không dùng tiếng vợ chồng, bao thế cũng nhầm. Lại bảo rằng Cử Khánh không có mệnh vua. Thế những Thúc Cơ có gả cho vua đâu mà chép. Chép đây là vì vua đứng làm chủ. Cử Khánh thành ra ngang với vua. Vậy chép.

杞伯來朝

KỶ BÁ LAI TRIỀU

KỶ BÁ LAI CHẦU

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử sai Thiệu Bá Liêu, ban phong cho Tề Hầu, và sai Tề Hầu phạt Vệ về tội Vệ giúp Tử Đồi.

Phạm Ninh - Vua Kỷ chép là Bá Tước đó là Thiên đương thời, giảng truất.

Hà Tề Xuyên - Kỷ là con cháu triều vua (Thiên Tử) trước. Khi Đông Lâu Công mới được phong, thì không khác gì Vi Tử Khai, được dùng lễ Giao, lễ Nhạc thiên tử. Đến thời Xuân Thu thì mất tước Công, giảng làm tước Hầu, sau hoặc gọi là Bá, hoặc gọi là Tử, không định hẳn, dù biết Kỷ đã nhỏ bé yếu hèn rồi.

Trình Doan Học - Kỷ Bá không chầu vua, lại đi chầu nước Lỗ, thế là thất lễ. Huống vì Bá Cơ lại mà chầu. Đã không dạy được vợ, lại đi theo vợ, thế là trong việc thất lễ lại thất lễ nữa.

公會齊侯于城濮

CÔNG HỘI TÊ HẦU VU THÀNH BỘC
CÔNG HỘI TÊ HẦU TẠI THÀNH BỘC

Trương Hiệp - Thành Bộc là đất nước Vệ. Tề muốn đánh Vệ, nên hội Lỗ ở đấy. Quyết định giao ước xong rồi, mới đem quân đánh Vệ. Muu kế thật lo liệu kỹ lưỡng.

Nam Ất **Mão**, Huệ Vương năm thứ 11.

二十有八年

NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN
NĂM THỨ 28

Tề Hoàn năm thứ 20. Tấn Hiến năm thứ 11. Vệ Ý năm thứ 3. Sái Mục năm thứ 9. Trịnh Văn năm thứ 7. Tào Hi năm thứ 5. Trần Tuyên năm thứ 27. Kỳ Huệ năm thứ 7. Tống Hoàn năm thứ 16. Tấn Tuyên, năm thứ 10. Sở Thành năm thứ 6.

春王三月甲寅齊人伐衛人

衛人及齊人戰衛人敗績

XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, GIÁP DẦN, TÊ
NHÂN, PHẠT VỆ, VỆ NHÂN CẬP TÊ NHÂN CHIẾN
VỆ NHÂN BẠI TÍCH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA NGÀY GIÁP DẦN, NGƯỜI
TÊ PHẠT VỆ, NGƯỜI VỆ CÙNG NGƯỜI TÊ CHIẾN,
NGƯỜI VỆ THUA TAN

Tả - Mùa xuân, Tê hầu phạt Vệ, Chiến, đánh được quân Vệ. Tuyên cáo mệnh vua (Thiên Tử). Lấy các lễ vật (của hối lộ) rồi về.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hiến Công lấy vợ ở đất Dã,

không có con. Thông dâm với Tề Khương, sinh ra con gái, sau là Phu nhân Tần Mục, và con trai là Thế tử Thân Sinh. Rồi lại lấy hai người con gái nước Nhung, đại Nhung là Hồ Cơ sinh ra Trùng Nhĩ, tiểu Nhung sinh ra Di Ngô. Tấn Hiến Công khi đánh nước Ly Nhung lấy con gái Ly Nhung là Ly Cơ, sinh ra Hê Tề. Em gái Ly Cơ sinh ra Trác Tử. Ly Cơ được vua yêu, muốn cho con nối ngôi, mới kết thân với hai đại phu được vua tin dùng là Lương Ngũ và Đông Quan Ngũ, hối lộ để hai người nói với Tấn Công: "Đất Khúc Ốc là nơi Tiên Quân xưa đóng đô, còn có tôn miếu. Đất Bồ và đất Khuất là nơi Trọng địa nơi biên trấn. Các nơi đó không thể không có chủ, Ấp Khúc Ốc mà vô chủ thì dân không mạnh. Biên giới mà vô chủ thì Nhung địch hay dòm dò, dân lười nhác, đó là mối lo cho nước. Nếu sai Thế tử làm chủ Khúc Ốc, Trùng Nhĩ, Di Ngô làm chủ Bồ và Khuất thì dân thành mạnh mà Nhung Dịch phải sợ. Như thế, Tấn, đô thị sẽ nhiều hơn, đất đai sẽ phong phú, còn gì hay bằng". Tấn Hầu cho là phải. Mùa hạ sai Thế tử ra trấn Khúc Ốc, Trùng Nhĩ giữ Bồ thành, Di Ngô giữ đất Khuất. Các Công tử đều phân tán đi các ấp. Duy hai con của chị em Ly Cơ ở lại. Lương Ngũ và Đông Quan Ngũ cùng với Ly Cơ gièm các Công tử, khuyên lập Tề Hê. Người Tấn gọi là hai ông Ngũ. Đại Nhung là con cháu Đường Thúc. Tiểu Nhung là Nhung họ Doãn. Không An Quốc nói: Đó tức là Nhung họ Doãn ở châu Qua Châu. Ly Nhung ở huyện Tân Phong xứ Kinh Triệu. Bồ ở huyện Bồ Tử xứ Bình Dương. Khuất ở huyện Bắc Khuất, xứ Bình Dương.

Công - Phạt thì không chép ngày. Đây chép ngày là ngày được trận. Đã chiến thì không gọi là phạt. Đây lại nói phạt, là nói ngày được trận. Trong Xuân Thu, kẻ đi phạt là khách, kẻ bị phạt là chủ. Sao lại thế. Là vì Vệ chưa rõ tội. Kẻ bị thua thì chép là sư, là toàn quân, sao Vệ lại không gọi là toàn quân. Vì chưa đánh được toàn quân.

Cốc - Trong hai chữ phạt với chiến, thì chữ chiến là phải. Chiến Vệ là chỉ toàn quân. Thế mà lại chép là Tề nhân, người Tề. Tại sao? Tại khinh thị nước Tề. Sao lại khinh thị. Đã được các chư hầu tôn lên mà lại còn có chuyện đi xâm phạt, thế là khinh thị? Còn Vệ, sao cũng gọi là Vệ nhân, người Vệ? Vì Tề, còn dùng nhân, thì Vệ cũng thế. Vệ nhỏ, Tề lớn, sao lại chép Tề cùng Vệ? Tại vì khinh thị cho nên cả hai cho cùng một hạng.

Sao lại chép là đánh bại (đánh thua) người Vệ? Là vì không thể chép được toàn là quân Tề đánh bại người Vệ.

Hồ Truyền - Kinh Xuân Thu chép việc binh: Người “cùng với” là chu việc. Người Tề đem quân đi phạt Vệ, người Vệ bị phạt, bị quân tới phạt, sao lại dùng chữ cùng cho Vệ (Vệ cấp chi). Kết trong Tả Truyện, Vệ đã phạt Chu để giúp Tử Đồi. Đến bây giờ, Thiên Tử mới sai Thiệu Bá Liêu, ban mệnh cho Tề Hầu, bao Tề Hầu phạt Vệ. Thế là người Tề phụng mệnh cất quân để trị tội Vệ đã giúp Tử Đồi. Vậy Vệ nên xử sự thế nào? Như thực là có tội thì nên trình lên quan Tư Khấu coi việc Hình, y như Khang Thúc không mất Xã Tắc còn được giữ, để tự sửa đổi tội lỗi. Đó là cách tuân theo mệnh, không còn cách nào hơn. Nay Vệ không có một lời xin biết rõ tội lỗi, trên thì kháng mệnh Thiên Tử, dưới thì cự quân Phương Bá, thẳng tay giao chiến. Vậy mới gọi là “người Vệ”. Cho nên trong việc chiến này, Vệ là chủ động. Chép là chiến không chép là phạt. Chép phạt mà không chép ngày. Thế mà chép ngày tức là chép ngày chiến. Thấy người Tề được sai đi phạt tội, nên ghi ngày chiến, mà người Vệ cũng không hỏi đến duyên cớ, cứ đứng ngày đó giáp chiến, vì thế rất là chê Vệ. Ý thánh nhân thật là rõ.

Lưu Sưởng - Đây là người Tề phạt Vệ. Sao lại chép là người Vệ cùng người Tề chiến. Chiến mà chép chữ cùng, là cho rõ vị chủ việc, cùng như nói là chính người Vệ muốn chiến. Việc chiến đó mà chép là có ý chê. Sao lại chê? Vì chiến là việc hung, có ai chủ tâm làm hung. Người quân tử ví phải giết một người vô tội dè được thiên hạ cũng không làm. Công Dương có nói sao lại cho Vệ là chủ động. Vệ chưa có lỗi gì. Công Dương nói thế sai. Tuân Lâm Phủ đem quân đội cùng Sở Tử chiến ở đất Bí, đương thời đó, Công Dương có trách quân đội Tấn, thì sao không cho Sở Tử làm chủ động há có phải là quân Tấn chưa có lỗi, mà Sở Tử có lỗi đâu. Sao Công Dương trước sau nói trái ngược thế. Cốc Lương thì nói: Vệ chép là người Vệ, là vì đã chép Tề là người Tề thì không chép Vệ là người Vệ được. Cốc Lương nói thế cũng sai. Nếu Tề có tội thì chê Tề, Vệ có tội thì chê Vệ, thế mới là bản sáng suốt, phân minh. Nay muốn chê Tề nhân thế lại chê cả Vệ, Tề đã đành có tội, nhưng còn Vệ thì sao, thế mà còn nói rằng, “không thể không chép Vệ là người Vệ”, thì tại sao lại có cái lý “không thể” ấy. Vệ nhỏ, Tề lớn, mà chép

chữ Vệ “cùng” là tại sao? Là vì chê, cho nên có chữ cùng, Cốc Lương nói thế cùng sai. Vệ muốn chiến thì chép Vệ cùng Tề. Tề muốn chiến thì chép Tề cùng Vệ. Kinh Xuân Thu ghét chiến cho nên thường phân biệt cho rõ cái họa tự đâu mà ra, chứ không chỉ vì nước lớn nước nhỏ. Cốc Lương lại nói: Chép chữ người, nhân, để chép việc bại trận, không chép là quân đội bại trận, vì “người” đánh, Cốc Lương lại bàn sai. Thiết sử Tề binh nhiều, tướng giỏi mà thua Vệ, tướng kém, quân ít mà được, thế chẳng lẽ, không được chép “quân đội”, bị “người” đánh cho thua ư.

Hoàng Trọng Viêm - Lần thứ hai, hội thề ở đất U, Vệ hầu không tới, là vì cố đang có tang, có thể miễn cho, thứ cho được, thế mà Tề phạt, thế là quân Tề không đo xét đến điều nghĩa. Vệ không địch nổi Tề là rõ lắm, không biết dẹp nổi cơn uất hận trong chốc lát, lại cùng người Tề chiến, cho nên chung cuộc quân đội tan vỡ, thế là quân Vệ không đo xét đến lực lượng, cứ tranh đấu. Vậy cả Tề lẫn Vệ đều có lỗi.

Xét - Trình Tử bảo Quân Trọng biết dùng binh, chưa thường nhiều quân. Cho nên, nói việc chinh phạt của Tề Hoàn đều biết là: tướng thì thường, quân thì ít, thế thì cho nên chép người, chứ không chép quân đội, đâu có phải là lối chê. Năm đó, về việc phạt Vệ bảo là Vệ “cùng Tề” chiến, chuyên về trách Vệ, bàn thế là đúng. Tuy nhiên, Tả Thị có chép Tề Hoàn nhận đồ lễ rồi về, thì không đáng làm một vị Bá đi thảo tội. Cho nên, tiên nhỏ định tội cả Tề lẫn Vệ. Nay đều chép cả.

夏四月丁未鄒子瑣卒

**HẠ TỬ NGUYỆT ĐÌNH MÙI, CHÂU TỬ, TỎA TỐT.
MÙA HẠ THÁNG TƯ NGÀY ĐÌNH MÙI, CHÂU TỬ TỎA MẮT**

Uông Khắc Khoan - Tỏa ở ngôi 12 năm. Con là Cứ Trừ, nối ngôi tức là Văn Công.

秋 荆 伐 鄭

THU, KINH PHẠT TRỊNH

MÙA THU, KINH PHẠT TRỊNH

Cốc - Kinh là nước Sở. Gọi là Kinh, vì Sở chỉ là một châu Di Dịch.

公 會 齊 人 宋 人 救 鄭

CÔNG HỘI TỀ NHÂN, TỔNG NHÂN CỨU TRỊNH

CÔNG HỘI NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỔNG CỨU TRỊNH

Dưới chữ Tống nhân, Công Thị thêm Châu Lâu nhân.

Ta - Lệnh Doãn nước Sở là Tử Nguyên muốn làm mê hoặc Văn Phu Nhân mới xây nhà giáp cung, rồi cho múa hát ca nhạc. Phu Nhân nghe thấy, khóc nói: Tiên quân dùng nhạc đó để tập vũ bị. Nay quan Lệnh Doãn không nghĩ gì đến các nước thù địch, mà tới ở gần gái hoá này thì thật là lạ. Cùng nhân mách với Tử Nguyên, Tử Nguyên nói: Một người đàn bà còn không quên thù nước, ta chớ nhẽ quên sao. Mùa thu Tử Nguyên mới lấy 600 cỗ xe đem đi đánh Trịnh và tới cửa Cốc Trất, Tử Nguyên, Đấu Ngự Chương, Đấu Ngô, Cảnh Chi Bất Tỹ, Đấu Ban, Vương tôn Du, Vương tôn Hỷ Điển, cho xe tiến vào cửa Thuần Môn, tới Quỷ thị. Cửa thành không đóng, chợ búa như thường. Tử Nguyên nói: Trịnh có phòng bị, Chư hầu tới cứu. Quân Sở đem rút lui hết. Người Trịnh trước đã định chạy ra Đồng Khâu. Thăm tử báo rằng, trên nóc trại Sở có quạ đậu, mới thôi không chạy nữa (Đồng Khâu, ở Đồng Bắc huyện Hứa Xương còn thành Đồng Khâu).

Cốc - Khen việc cứu Trịnh.

Hồ Truyện - Xét Tả Thị, Sở Lệnh Doãn Tử Nguyên vô cớ đem 600 binh xa đánh Trịnh, thế là lấy quân đội lảng áp kẻ yếu, cho nên gọi Sở là Kinh, tức là Châu, là Di Dịch. Người Trịnh sắp chạy ra đồng Khâu, các chư hầu tới cứu, quân Sở đem trốn về, thế là còn có nghĩa lân bang cứu cấp. Vì thế chép việc cứu Trịnh là khen.

Trình Tử - Tề Hoàn làm Bá chủ. Lỗ là nước có danh vọng. Tống là con cháu các vua đời trước. Đây là khởi đầu việc cứu Trình để ngăn Sở. Thế là đại thế thiên hạ hãy còn vững.

Chu Tử - Tề Hoàn, Tấn Văn, sở dĩ có công với nhà vua, là vì đương thời đó, Sở rất mạnh, thường đem binh đánh Trịnh. Trịnh thì ở trong khu vực biên giới đất nhà Chu. Sở ở thời Xuân Thu, mạnh hơn các chư hầu, nếu không có Hoàn, Văn, ngăn ngừa, thì nhà Chu cũng đã bị thôn tính rồi.

冬 築 鄩

ĐÔNG TRÚC MY

MÙA ĐÔNG, XÂY CẤT Ở MY

CỐC VÀ CÔNG VIẾT LÀ

MY LÀ MỘT ẤP NHỎ Ở ĐẤT NƯỚC LỖ

Ta - My không phải là một đô thị. Phàm ấp mà có tôn miếu Tiên quân thì gọi là đô, không có thì gọi là ấp. Ấp thì xây cất, đô mới xây thành.

Các lợi ở rừng, núi, đầm, ao là để cho cùng với dân. Vui chơi các nơi đó không phải là chính nghĩa.

Phạm Ninh - Xây cất thì không có chép. Đây chép là để chê, tuy xây cất đúng mùa.

Đạm Trợ - Cốc Lương nói: Các lợi ở rừng, núi là để cho cùng với dân. Vui chơi ở các nơi đó không phải là chính nghĩa. Câu Cốc Lương nói đó nên áp dụng ở các việc xây cất vườn uyển, không nên áp dụng ở đây.

Lưu Sưởng - My là ở trong nước. Xây cất là để lập thành ấp. Sao lại chép. Vì là việc không thường.

大無麥禾

ĐẠI VÔ MẠCH HÒA THIỆU RẤT NHIỀU LÚA MÌ, LÚA MÙA

Công - Mùa đông mà đã không còn lúa mì, lúa mùa. Sao trước thì chép xây dựng chỗ ấp nhỏ, mà sau thì nói không có mì, không có lúa mùa. Là tránh vì nói năm hung lại đi xây cất.

Cốc - Chép thiếu rất nhiều, là có ý lo nghĩ việc không có hòa, mạch.

Khổng Đình Đạt - Lúa mì gặt về mùa hạ, lúa mùa chín về mùa thu. Thế mà chép mùa đông là biết lúa thiếu không đủ, dồn lại mùa đông cùng chép.

Đạm Trợ - Công Dương nói: Trước chép xây cất ở ấp nhỏ, rồi sau chép không có lúa, là kiêng nói năm hung lại xây ấp. Nay xét, xây cất là ở đầu mùa đông. Mùa đến hết năm mới chép thiếu lúa. Vậy chép từ việc trước tới việc sau lần lượt, đâu có phải là kiêng tránh. Cốc Lương thì nói, thiếu rất nhiều, là có ý lo nghĩ.

Xét - Báo thiếu nhiều chỉ là thiếu nhiều, có gì chứng là lo nghĩ.

Trương Hiệp - Không nói hạn hán mà nói thiếu nhiều lúa, thế là nói thiên thời và nhân sự đều không đầy đủ.

臧孫辰告糴于齊

TANG TÔN THẦN CÁO ĐỊCH VU TÊ TANG TÔN THẦN XIN MUA LÚA Ở TÊ

Mùa đông bị đói. Tang Tôn Thần báo cáo cho Tê xin mua thóc. Thế là lễ.

Công - Báo cáo để làm gì. Để xin mua thóc. Sao lại không gọi là sứ. Vì Tang Tôn Thần đây là đi riêng. Người quân tử lo việc nước thì phải tích đủ trong ba năm. Mới có một năm mà đã báo cáo xin mua gạo. Thế là dân bị đói.

Cốc - Một nước mà không trữ được ba năm, thì không đáng gọi là một nước. Mới có một năm mà không đủ phải báo cáo

chư hầu, phải xin mua thóc. Thế là bất chính. Cho nên chép là Tang Tôn Thần di riêng. Một nước không có trữ đủ chín năm thì gọi là bất túc; không có trữ đủ sáu năm thì gọi là cấp, không có trữ đủ ba năm thì không đáng gọi là một nước. Không có gạo, chư hầu cùng giúp nhau gạo, thế là chính. Tang Tôn Thần báo cáo với Tề mua thóc. Có được báo cáo, rồi sau mới bán cho. Thế là trong nước không có ngoại giao. Đời xưa, lấy thuế dân, mười phần lấy một. Năm được mùa thế là đủ, không phải lấy thêm, trên dưới đều sung túc. Dù có gặp hung niên dân không khổ. Mới có một năm, không có thóc, mà dân đã đói, người quân tử rất chê. Không chép là như (như Tề, sang Tề) là tránh nói việc không hay về nội chính.

Hồ Truyền - Lưu Suồng báo không chép là sang Tề báo cáo mua lúa mà chép là ở Tề. Chép sang Tề tức là việc còn thừa thặng, chép ở Tề tức là việc khẩn cấp. Thế là để trách đại thần coi việc nước, bị cái tệ chỉ cầu danh, không cầu thực. Người Lỗ chỉ thích danh, lúc có tai họa mới vội cứu cho là công. Người quân tử chỉ trách việc thực, cho rằng không biết việc sẵn có sẵn, không tang, không biết thương dân, không biết dè dặt, cho thế là có tội.

Triệu Khuông - Chê Tang Tôn Thần, trị nước không biết dự trữ, cho nên chép là di riêng. Cốc Lương báo rằng có được báo cáo rồi sau mới bán cho, thế là trong nước không có ngoại giao. Thế thì không báo cáo, Tề nào có biết gì.

Năm Bình Thìn, Huệ Vương năm thứ 12.

二十有九年

NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 29

Tề Hoàn năm thứ 21. Tấn Hiến năm thứ 12. Vệ Ý năm thứ 4. Sái Mục năm thứ 10. Trịnh Văn năm thứ 8. Tào Hi năm thứ 6. Trần Tuyên năm thứ 28. Kỳ Huệ năm thứ 8. Tống Hoàn năm thứ 17. Tấn Tuyên năm thứ 11. Sở Thành năm thứ 7.

XUÂN TÂN DIỄN CỨU

MÙA XUÂN CẤT LẠI NƠI NUÔI NGỰA

(Ỗ nghị của một người sinh khoảng 2500 năm sau Khổng Tử: Ta đọc Kinh thấy chép những việc này không khỏi buồn cười. Nhưng phải nhớ rằng, đối với thời đó, chuồng nuôi ngựa cũng quan trọng như ngày nay nơi kho tích trữ máy móc các chiến xa).

Tả - Chép việc làm không đúng mùa, nơi, ngày ngày, ngựa ra vào.

Công - Xây lại diên cứu (chuồng ngựa) tức là sửa chuồng cũ. Chuồng cũ khi xây không có chép. Nay chép là chê. Chê vì hung niên, dùng có công tác mới.

Cốc - Diên cứu cũng gọi là pháp cứu. Nói mới tức là có cũ. Có cũ thì sao không thấy chép. Thời xưa, phàm người quân tử phải biết nhu cầu của dân. Dân mà cần đến lực thì nên ít việc xây cất. Dân cần đến tài sản thì bớt ít thuế. Dân cần ăn cho sống thì trăm việc công tác nên đình lại. Nay mùa đông, xây cất áp mùa xuân, xây lại chuồng nuôi ngựa, thế là dùng hết lực của dân.

Lưu Sưởng - Thời Xuân Thu, trong 242 năm, các việc công tác sửa chữa rất nhiều, đâu có chép. Thế mà xây cất chuồng ngựa, xây dựng Nam Môn, đều là các việc nhỏ, sao lại chép. Như Tần Cung là miếu Tuyên Công bị hỏa tai; nhà Thái Thất là miếu của Lô Công bị đổ. Bị tai họa, thế tất phải sửa chữa, thế mà Kinh không chép việc chữa. Tri Môn với Lương Quán bị tai, thì lại chép việc dựng lại mới, lấy một vài việc đó xét. Sửa nhà cũ không chép. Thế mà đã chép, tức là để cho rõ việc trái lẽ, chứ không phải là cho những nhà đó quan trọng. Xưa Hi Công sửa Phán Cung, mà dân làm thơ khen, và Xuân Thu không chép là tại sao. Vì Phán Cung là nhà Học của các chư hầu, Hi Công mà sửa là đúng thời, đúng phép, là công việc của chư hầu, các việc đó không chép cả được, nhiều quá, cho nên Xuân Thu không chép Xuân Thu cho là phép của người trên là phải đúng chế độ. Còn làm thơ ca tụng ân đức của vua, là việc của dân. Thơ ca

tụng có khi quá hậu, mà Xuân Thu thì không có khen bừa bãi. Đó là điểm khác nhau. Tuy nhiên, chép việc xây cất Nam Môn, xây cất chuồng ngựa, là vì có gì. Vì: Diên cứu là của Thiên Tử, không phải là của chư hầu. Tiêm dùng Diên cứu không phải từ Trang Công; việc đã qua có thể bỏ qua, thế mà không bỏ qua cho nên chép là sửa mới, Tiêm làm Nam Môn, không phải từ Hi Công, tội ở việc không nên làm mà làm, cho nên chép là tân tác là mới làm. Vậy Xuân Thu mà chép lược việc thường, giản việc nhỏ, cẩn thận việc lớn, chép thế là dạy hậu thế. Không phải là việc của sử quan.

夏 鄭 人 侵 許

HẠ, TRỊNH NHÂN XÂM HỨA

MÙA HẠ, NGƯỜI TRỊNH XÂM HỨA

Tả - Mùa hạ, người Trịnh xâm Hứa, Phàm quân đội mà có chuông trống, thì gọi là phạt, không có thì gọi là xâm Cất lên thì gọi là tập (đánh úp).

Trương Hiệp - Hứa và Trịnh là thế thù, thế mà sau việc thế ở đất U, Hứa không dự hội Hoàn Công. Trịnh Xâm Hứa, hoặc giả là Tề sai chăng. Từ đó, Hứa mới theo về Trung Quốc.

秋 有 蜚

THU HỮU PHỈ

MÙA THU CÓ SÂU PHỈ

Tả - Không làm hại. Phàm vật không làm hại thì không chép.

Công - Sao lại chép. Chép việc dị, việc lạ.

Cốc - Hoặc có, hoặc không, đây chép có.

Lưu Hướng - Phỉ sắc xanh, không sản ở Trung Quốc. Xứ Nam Việt, mùa viêm nhiệt, trai gái cùng tắm, dâm khí sinh ra. Vì Công lấy phải người vợ nước Tề không ra gì, cho nên giống trùng tới, là trời răn cho sinh giống hoi bẩn, để cho cả thiên hạ được biết.

Lưu Sưởng - Phỉ là một giống, hình giống con trâu, đầu trắng, một mắt, đuôi rồng, đi trên nước thì nước cạn đi trên cỏ thì cỏ chết. Sâu ấy hiện ra là trong nước có dịch tễ.

Xét - Các tai dị, Kinh Xuân Thu chép cả. Phỉ là vật vốn Lỗ không có. Nay mà có là một việc lạ (dị). Ăn hại lúa nếp non, lúa không mọc được. Thế là tai. Còn như Lưu Sưởng cho là vật có một mắt đuôi rồng, đó là theo sách Sơn Hải Kinh. Nay chép cả.

冬十有二月紀叔姬卒

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ THÚC CƠ TỐT **MÙA ĐÔNG THÁNG 12, KỶ THÚC CƠ MẤT**

Gia Huyền Ông - Nước đã bị diệt, vua chết, không chép lễ táng. Đây vì cho Thúc Cơ là hiền cho nên chép táng đặc biệt. Hàng thiếp, đáng, không có lễ táng, đây khen Thúc Cơ, cho nên với Bá Cơ cùng được táng. Kinh Xuân Thu cho là Thúc Cơ đã giữ được tiết nghĩa, không vì nước mất mà biến đổi, chép riêng dạy đời sau.

Xét - Kỷ Thúc Cơ chết, được chép, tiên nho cho là hiền, là có tiết tháo, luận bàn như nhau. Riêng Hồ Truyền lại bảo rằng, chép Thúc Cơ chết để cho rõ là Kỷ Hâu có khác với Thái Vương, đâu có phải là ý Kinh Xuân Thu.

城諸及防

THÀNH CHƯ CẬP PHÒNG **XÂY THÀNH Ở ĐẤT CHƯ VÀ Ở ĐẤT PHÒNG**

Tả - Chép mùa. Phàm các việc xây cất, thì cứ khi sao Long hiện thì mọi việc đều khởi công, chia việc. Sao Hỏa hiện, thì mọi việc đều có công dụng. Sao thủy chính vị thì có việc may cất. Đông chỉ là xong tất cả.

Phụ lục Tả Truyền - Phần Bí phản Thiên Tử.

Cốc - Có thể xây thành được. Từ việc lớn đến việc nhỏ.

Đạm Trợ - Cốc Lương bảo từ việc lớn đến việc nhỏ. Đây là kẻ việc trước sau, chứ đâu có phải là từ lớn đến nhỏ.
Năm Đinh Tỵ, Huệ Vương năm thứ 13.

三十年

TAM THẬP NIÊN NĂM THỨ 30

Tề Hoàn năm thứ 22. Tần Hiến năm thứ 13. Vệ Ý năm thứ 5. Sái Mục năm thứ 11. Trịnh Văn năm thứ 9. Tào Hi năm thứ 7. Trần Tuyên năm thứ 29. Kỳ Huệ năm thứ 9. Tống Hoàn năm thứ 18. Tần Tuyên năm thứ 12. Sở Thành năm thứ 8.

春王正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Vương mệnh cho Quốc Công đánh dẹp Phan Bì. Mùa hạ tháng tư, ngày Bính thìn. Quốc Công vào Phàn, bắt Phàn Trọng Bì, đem về Kinh sư.

夏師次于成

HẠ, SƯ THỨ VU THÀNH MÙA HẠ QUÂN ĐÓNG LẠI ĐẤT THÀNH

Tả Truyện không có chữ sư là quân (toàn quân).

Phụ lục Tả Truyện - Sở Công tử Nguyên đánh Trịnh về. Đầu xạ Sư can rồi bị bắt và bị gông cùm. Mùa thu Thân Công Đấu Ban giết Tử Nguyên. Đầu Cấu Ô Đồ lên làm Lệnh Doãn tự tán gia tài để bớt nạn nước.

Trần Phó Lương - Đây chép (đóng lại) là tại sao? Nhờ ra không đáng chép. Thật rõ Trang Công không thể đua đòi với Tề được. Vua bỏ chết, con không đánh báo thù được. Mưu việc

nước Kỳ thì Tề diệt Kỳ. Cùng Tề vây nước Thành thì Thành đi hàng Tề. Đến nay lại đóng quân ở đất Thành thì Chương (nước Chương) hàng Tề. Tề Hầu tuy có tội, nhưng xét đến Trang Công thì không thể không chề được.

秋七月齊人降障

THU THẮT NGUYỆT, TỀ NHÂN HÀNG CHƯƠNG
MÙA THU THÁNG BẢY,
NGƯỜI TỀ HÀNG ĐƯỢC ẤP CHƯƠNG

Công - Chương là ấp còn lại của nước Kỳ. Hàng được nghĩa là chiếm lấy. Sao không nói hẳn là chiếm lấy. Là vì Hoàn Công tránh tiếng chiếm lấy. Nước ngoài chiếm đất không có chép. Đây chép cho biết rõ thế là chiếm hết.

Cốc - Hàng được nghĩa là hạ được. Chương là ấp còn sót lại của nước Kỳ.

Khổng Dĩnh Đạt - Kể từ khi Kỷ Hầu dời nước ra đi đến nay là 27 năm, thì ấp không đứng vững một mình được. Đây là một nước nhỏ phụ dung cùng như nước Thị, nước Chuyên không chép là xâm phạm vì lấy binh uy hiếp bức bắt phải hàng. Triệu Khuông có nói: Phạm đã phục tông, phải nội thuộc, tức là hàng. Không chép là Chương hàng. Vì là Tề bắt hàng.

Lưu Sưởng - Công Dương báo, hàng được Chương tức là chiếm lấy, không chép hẳn chiếm lấy vì còn kiêng cho Hoàn Công. Công Dương báo thế không phải, sai. Chiếm lấy thì nói hẳn chiếm lấy. Bắt hàng thì nói hẳn bắt hàng. Dời nước đi thì nói dời nước đi, việc gì phải mượn chữ này thay chữ khác để kiêng, làm cho thêm mỗi nghi ngờ.

八月癸亥葬紀叔姬

BÁT NGUYỆT, QUÝ HỢI, TÁNG KỶ THÚC CƠ
THÁNG TÁM NGÀY QUÝ HỢI, LỄ TÁNG KỶ THÚC CƠ

Công - Phu nhân nước ngoài không chép lễ táng. Đây chép là muốn kiêng tránh việc nước đã mất, phải táng ở tha hương.

Cốc - Không chép ngày chết, mà chép ngày táng, là thương nước Ky đã mất.

Xét - Chép táng Thúc Cơ, là đã rõ Thúc Cơ hiền, mà cũng nhân có Lễ dự táng cho, Công Dương báo phải táng nơi tha hương là sai

九月庚午朔日有食之鼓用牲于社

**CUU NGUYỆT CANH NGỌ SỐC, NHẬT HỮU THỰC
CHI CỔ DỤNG SINH VU XÃ**

**THÁNG CHÍN, NGÀY CANH NGỌ, NGÀY SỐC, CÓ NHẬT
THỰC ĐÁNH TRỐNG VÀ LÀM LỄ SINH Ở NỀN XÃ**

Phạm Ninh - Cửu nhật thực, mà dùng lễ sinh đã là sai, đâu có phải là tháng chính dương. Thế mà còn đánh trống lại càng phi lễ.

冬公及齊侯遇于魯濟

**ĐÔNG CÔNG CẬP TÊ HẦU NGỌ VU LỖ TẾ
MÙA ĐÔNG CÔNG CÙNG TÊ HẦU, GẶP Ở LỖ TẾ**

Tê là sông Tê Thủy giới hạn hai nước Tê Lô. Ở đất Tê thì gọi là Tê Tê. Ở đất Lô thì gọi là Lô Tế.

Tả - Mùa đông gặp ở Lô Tế, bàn việc Sơn Nhung đang quấy nước Yên. Yên là một nước ở huyện Kế.

Cốc - (Cùng) là sử trong nước chép việc, (gặp) là chép sự tương Dắc.

Hứa Hàn - Tê Hoàn phạt Nghê, phạt Trịnh, phạt Từ, đều lấy người Tống làm chủ động. Cùng với Công hội ở Thành Bộc, mà rồi sau phạt Vệ. Cùng với Công gặp ở Lô Tế, mà rồi sau phạt Nhung. Xem đó biết Hoàn Công làm chức Bá không có tự thị, biết dùng tài người, biết góp công người, biết hết sức chính đôn việc thiên hạ để cứu dân.

Trương Hiệp - Giản ước lễ nghi để bàn việc quân. Thế là giao thiệp có xong xuôi rồi mới nói đến việc.

TÊ NHÂN PHẠT SƠN NHUNG
NGƯỜI TÊ PHẠT NƯỚC SƠN NHUNG

Công - Đây là Tê Hâu. Sao gọi là người Tê? Là chê, Từ Tư Ma Từ bao là bắt người ta phải cung phụng mình. Đây là chiến ma không chép là chiến, trong Xuân Thu cũng đánh nhau thì gọi là chiến. Hoàn Công đối với Nhung chỉ là đuổi xua.

Cốc - Người Tê là Tê Hâu, sao gọi là người. Là quý Tê Hâu hơn Sơn Nhung. Vì sao? Hoàn Công trong nước mình không có cơ gì phai đi đánh, ngoài nước không phải theo chư hầu nào. Thế mà vượt nghìn dặm gian hiểm lên phía Bắc phạt Sơn Nhung thật là nguy. Chép là ý chê hay sao? Không, chép là khen. Nước Yên vốn là con cháu nhà Chu, cống hiến không tới được vì Sơn Nhung. Nay phạt Sơn Nhung.

Xét - Người Tê phạt Sơn Nhung. Cốc Lương cho là khen Tê Hoàn Công cứu Yên cho Yên tiện phận sự cống hiến. Hồ Truyền căn cứ vào lời bàn của Công Dương cho là chê việc viễn chinh, mà đều bảo là Tê Hoàn thân chinh, kỳ thực không phải. Lỗ Hi Công năm thứ 10, phạt Bắc Nhung thì lại chép là Tê Hâu. Thế là khen hay chê, Công Thị, Cốc Thị, Hồ Thị đều không truyền lại sao vậy. Nay khảo cứu các sách khác thì thấy: Tê Hoàn thân chinh phạt Sơn Nhung, là sau việc phạt Sở, về năm Hi Công thứ 10, Hoàn có thân chinh, cho nên chép là Tê Hâu. Còn như lần này bắt quá sai một tướng thường đi phạt, cho nên cứ theo lệ, khi tướng kém mà quân có ít, thì chép là người Tê. Còn đến việc hội ở Lỗ Tế, việc hiến chiến cụ bắt được của Nhung, thì Tê Lỗ vốn hai nước ở giáp nhau, hằng năm thường gặp nhau (tương kiến) là việc quá thường rồi không đủ để dẫn chứng cho việc phạt Nhung. Kinh chưa thường chép Nhung phạt Yên, cũng chưa thường chép Tê cứu Yên, thì lời bàn chép "người" là khen việc cứu Yên, lời bàn ấy không đúng. Cứu nước Hình, cứu nước Hứa đều có chép thì sao riêng việc cứu Yên lại không chép. Cho nên Cốc, Công, Hồ đều san bỏ mà phạm bao chép chữ "người" là có ý chê, bàn thế đều không nghi.

Năm Mậu Ngọ, Huệ Vương năm thứ 14.

三十有一年
TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 31

Tề Hoàn năm thứ 23. Tấn Hiến năm thứ 14. Vệ Ý năm thứ 6. Sai Mục năm thứ 12. Trịnh Văn năm thứ 10. Tào Hi năm thứ 8. Trần Tuyên năm thứ 30. Kỷ Huệ năm thứ 10. Tống Hoàn năm thứ 19. Tần Thành Công năm đầu, Sở Thành năm thứ 9.

春築臺于郎
XUÂN, TRÚC ĐÀI VU LANG
MÙA XUÂN, XÂY ĐÀI Ở ĐẤT LANG

Công - Sao lại chép là chê? Vì dùng hết sức dân, không cho nghỉ.

Đỗ Dự - Chép việc xây đài là chê sự xa xỉ, và công tác không đúng mùa. Tôn Phục nói, Trang Công luôn năm xây cất cung đài, lỡ việc nông và hại dân quá lắm.

夏四月薛伯卒
HẠ TỬ NGUYỆT, TIẾT BÁ, TỐT
MÙA HẠ THÁNG TƯ, TIẾT BÁ MẮT

Xét - Tiết gọi là Bá, là thời đó bị Thiên Tử truất. Coi lại đoạn Hoàn Công năm thứ 2, Đằng Tử tới châu, thì rõ nghĩa.

築臺于薛
TRÚC ĐÀI VU TIẾT
XÂY ĐÀI Ở TIẾT (TIẾT, ĐẤT NƯỚC LỖ)

Công - Sao chép là chê? Chê vì xa quá.

Hữu - Theo lễ, chư hầu quan sát không quá cõi Giao.

六月齊侯來獻戎捷

LỤC NGUYỆT, TỀ HẦU LAI HIỂN NHUNG TIỆP

THÁNG SÁU, TỀ HẦU LAI DÂNG ĐỒ BẮT ĐƯỢC CỦA NHUNG

Tả - Năm thứ 31, mùa hạ tháng 6, Tề Hầu tới hiến đồ bắt được của Nhung. Thế là phi lễ. Phàm chư hầu có công chinh phạt ở tứ di, thì hiến đồ về Thiên Tử, trong nước thì không hiến. Còn như chư hầu thì không cho nhau đồ bắt được của địch.

Công - Tề là nước lớn. Sao lại thân tới hiến. Là để thị uy với ta. Sĩ tốt, quân nhu bắt được dưới cờ trước trận cho ta, vì đi qua nước ta.

Cốc - Tề hầu tới hiến, đó là Tề hầu dương ở trong nước. Không gọi là sứ vì có Tề hầu. "Hiển Nhung tiếp". Đồ bắt được của địch gọi là tiếp. Nhung là thúc là đồ tế khí.

Lưu Suồng - Cốc Lương nói đó là Tề hầu dương ở trong nước, nói thế là sai. Nếu như không chép là Tề, không chép là tới, thì còn có thể tin Cốc Lương được. Nay đã gọi là Tề hầu, lại nói là tới hiến dâng, thì Tề không phải ở Lỗ ta. Nói chữ tới, thì chả phải từ nước ngoài tới, thì là ở đâu. Dù có giấu tên sứ nhưng vẫn có những chữ Tề hầu tới hiến đồ bắt được, thế thì đâu có phải là ở trong nước. Cốc Lương lại nói đến đồ tế khí. Có lý nào mà Tề hầu đi đánh Sơn Nhung lấy được đồ tế khí, lại chỉ để đem cho chư hầu.

Xét - Hoàng Chấn bảo rằng sĩ tốt quân nhu bắt được dưới cờ và đi qua nước ta, Lý Liêm cho là đường đi qua nước Lỗ nên Tề hầu chính thân tới. Nói thế đều là không phải. Tề ở phía Bắc Lỗ. Mà Yên cùng Nhung đều ở phía Bắc Tề. Đánh Nhung mà lại đi qua Lỗ nói thế không thông. Cho nên không phải bàn đến.

秋築臺于秦

THU TRÚC ĐÀI VU TÂN
MÙA THU, XÂY ĐÀI Ở ĐẤT TÂN

Tân ở huyện Phạm xứ Đông Bình. Phía Tây Bắc nay còn Tân Đình.

Công - Sao lại chép là chê? Chê vì lỗi trị nước.

Cốc - Làm cho dân lao lực cả ba mùa về các việc không chính đáng. Yên vui về các lợi sông, hồ, rừng, núi. Của đã hết thì sinh oán. Lực đã hết thì xin giặc. Người quân tử lo ngại. Cho nên cân thận ghi chép. Hoặc bảo rằng. Lỗ dựa vào Hoàn Công thì các nước ngoài không sinh biến. Trong nước thì vô sự. Hoàn Công vượt nghìn dặm gian nguy, vì nước Yên mở rộng đất, đánh Bắc Nhung. Còn như Lỗ, thì các nước ngoài không sinh biến trong nước thì vô sự, thế mà trong một năm, suốt ba mùa làm nhọc dân, chỉ nghĩ yên vui ở các nơi rừng, núi, đầm, hồ, thế là trong nước tự sinh biến.

冬不雨

ĐÔNG BẤT VŨ
MÙA ĐÔNG, KHÔNG MƯA

Công - Sao lại chép? Vì là việc lạ (dị).

Trình Đoan Học - Mùa đông không mưa, không có hại cho vườn, ruộng, mà thánh nhân cũng ghi. Mới biết thánh nhân điều hòa âm dương, không việc gì để ý tới. Không có hại cho cây trồng trọt cũng ghi. Mới biết rõ đạo trung hòa, thì thấy trời đất yên vị, mưa gió đúng thời, muôn vật sinh nở. Tất cả đều là trung hòa.

Năm Kỷ Mùi, Huệ Vương năm thứ 15.

三十有二年
TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 32

Tề Hoàn năm thứ 24. Tấn Hiến năm thứ 15. Vệ Ý năm thứ 7. Sái Mục năm thứ 13. Trịnh Văn năm thứ II. Tào Hi năm thứ 9. Trần Tuyên năm thứ 21. Kỷ Huệ năm thứ 11. Tống Hoàn năm thứ 20. Tần Thành năm thứ 2. Sở Thành năm thứ 10.

晉城小穀
XUÂN, THÀNH TIỂU CỐC
MÙA XUÂN, XÂY THÀNH TIỂU CỐC

Phạm Ninh cho là đất Lỗ, Trịnh Huýnh cho là đất Tề. Có đất Cốc thì ở Tề Bắc, chứ không phải Tiểu Cốc. Ở đó còn có nơi gọi là giếng Quán Trọng.

Tả - Mùa xuân, xây thành Tiểu Cốc là vì Quán Trọng.

Triệu Bằng Phi - Tả Thị không phải là nhà quốc sử. Chỉ chuyên hợp lại những việc được nghe, được học, với văn Kinh, khi thấy gần giống nhau. Chiêu Công năm thứ 11, Sở Thân Vô Vũ nói: Tề Hoàn Công xây thành Cốc cho Quán Trọng. Nay cứ dựa vào đấy, mà Trang Công năm thứ 32, ngẫu nhiên có việc xây thành Tiểu Cốc. Tả Thị mới bảo rằng: vì Quán Trọng. Đó là Tả Thị lấy câu nói của Thân Vô Vũ cho hợp vào. Đỗ Thị thì nhân lời của Tả Thị mà cho Tề không có đất Tiểu Cốc, thì lấy ngay Tiểu Cốc làm Cốc thành cho Cốc thành là đất ở Tề. Cốc thành vốn ở Tề, thì sao lại miễn cưỡng đổi Tiểu Cốc làm Cốc thành. Phạm Ninh nói Tiểu Cốc là đất ở Lỗ nói thế mới là chính đính. Phát Vi thì nói: Tây Bắc Khúc Phụ (ở Lỗ) có thành Tiểu Cốc, thế thì thành Tiểu Cốc ở Lỗ là rõ lắm. Thuyết Tả Thị không có căn cứ.

夏宋公齊侯遇于梁邱

HẠ TỔNG CÔNG, TÊ HẦU NGỘ VU LƯƠNG KHU
MÙA HẠ, TỔNG CÔNG, TÊ HẦU GẶP NHAU
Ở ĐẤT LƯƠNG KHU

Lương Khu ở Tây Nam huyện Xương Ấp xứ Cao Bình, có núi Lương Khu, phía Nam núi có thành Lương Khu.

Ta - Tê Hâu vì việc Sở đánh Trịnh, mời các chư hầu họp hội, Tổng Công xin yết kiến Tê Hâu trước tiên. Mùa hạ được gặp ở Lương Khu.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu tháng bảy, ở đất Sần có thần giáng. Huệ Vương hỏi Nội Sử tên là Quá vì có gì thần giáng. Đáp: Nước mà sắp hưng thịnh thì thần giáng để xét việc đức. Nước mà sắp suy vong thì thần cũng giáng để xét về ác (dở). Cho nên thần giáng có thể là hay, có thể là dở. Các triều Đại Ngụ, Hạ, Thương, Chu đều có việc đó. Vua hỏi: Bây giờ thần giáng là ý gì? Đáp: Xin lấy vật cúng để đoán ý thần (trong sách Chu Lễ có chép: lấy vật ngũ sắc định đoạt được cát, hung, hạn, hán). Vua nghe, Nội sử Quá đi ra Sần. Nghe nói Quắc Công đã tới cầu nguyện thần linh, sai Chúc Ứng, Tôn Khu, Sử Ngân, cúng lễ, cầu thần ban cho ruộng đất. Sử Ngân có nói: Đất Quắc suy vong đến nơi. Tôi nghe nói, nước hưng thì nghe dân, nước sắp suy thì nghe thần. Thần là hạng thông minh chính trực, chuyên nhất, cứ theo người mà hành động. Quắc Công, đức bạc thì còn xin được ruộng đất nào.

Cốc - Chữ ngộ là có ý tương đắc. Lương Khu ở giữa hai nước Tào và Châu, cách Tê 800 dặm. Theo chư hầu tới hội chắc đâu gặp, thế mà gặp. Mới biết Tê là mạnh.

秋七月癸巳公子牙卒

THU, THẤT NGUYỆT, QUÝ TỶ, CÔNG TỬ NHA TỐT
MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY QUÝ TỶ, CÔNG TỬ NHA MẤT

Tả - Xưa, Công xây dài gần nhà hạ Đàng, thấy con gái Đàng tên là Mạnh Nhâm, cho người mời. không tới. Đòi được làm Phu

nhân mới thuận. Công hứa cho Mạnh Nhâm trích huyết ở cánh tay thề với Công. Sau sinh ra Công tử Ban. Ngày lễ Vu, tức là lễ Đáo Vu, Công cho tập diễn lễ nhạc ở nhà họ Lương. Người con gái họ Lương đứng xem. Ngũ nhân Lạc (ngũ nhân, chức quan nuôi ngựa) ở ngoài tường chầu ghẹo. Công tử Ban giận sai đánh. Công nói nên giết ngay đi, không nên đánh. Lạc vốn là người có sức khỏe, có thể từ trên thành nhảy xuống đất được. Công có bệnh, hỏi Thúc Nha công việc sau. Thúc Nha nói: Khánh Phủ có thể nối được. Công hỏi Quý Hữu. Đáp: Thần xin hết tâm lực giúp Công tử Ban. Công nói: Vừa rồi, Nha có báo là Khánh Phủ có tài, Quý Hữu mới nói dối là phụng mệnh vua (Lỗ hầu) sai tới bao Thúc Nha tới nhà đại phu Hàm Quý. Sai Hàm Quý mời rượu, cho thuốc độc bắt Thúc Nha uống và báo rằng: Uống đi thì con cháu được sống yên ở đất Lỗ, bằng không thì chết hết. Thúc Nha uống rồi, ra về đến Quý Tuyền thì chết. Về sau thành có họ Thúc Tôn (một họ quyền thế ở Lỗ) Quý Tuyền là đất Lỗ.

Công - Sao không gọi là em. Vì giết đi. Sao không nói hẳn là giết. Vì kiêng cho Quý Hữu. Quý Hữu làm việc không đem ra chính quốc pháp, là bất đắc dĩ. Trang Công bị bệnh sắp chết, triệu Quý Hữu giao cho quốc chính: Ta bị bệnh không sống được nữa, ta nên truyền ngôi cho ai. Quý Tử nói: Có Ban dấy vua lo gì. Công nói: Dễ thế ư. Nha vừa nói với ta rằng: Sau anh có em nối được. Còn có Khánh Phủ đó, vua đã biết. Quý Tử nói: Sao lại thế, Nha muốn làm loạn chẳng, sao lại thế (Chưa bao lâu, quả nhiên làm các việc thoán nghịch), Quý Hữu hoà thuốc độc vào rượu, bảo Nha rằng: Công tử theo lời tôi uống đi thì sau khi chết thiên hạ không cười rửa mà con cháu còn được nối nghiệp ở nước Lỗ. Không nghe tôi, không uống thì về sau thiên hạ cười rửa, con cháu không còn ở nước Lỗ nữa. Nha phải uống để giữ dòng giống, về đến nửa đường thì chết. Nha đã là tướng sao lại còn hợp với bọn thoán nghịch. Đã là anh em thì không làm tướng. Đã làm tướng, lại bị giết, việc đó sao lại cho là phải. Việc giết em cùng mẹ của thế tử mà khen thì quá lắm. Nay Hữu giết anh cùng mẹ thì có gì hay. Anh em với vua mà cần phải làm tội, thì cứ làm, đó là nghĩa vua tôi. Thế thì sao không chính pháp mà giết, lại đi đánh thuốc độc. Vì giết, cần giấu là giết, coi như bị bệnh chết đó là đạo đối với anh em.

八月癸亥公薨于路寢

BÁT NGUYỆT, QUÝ HỘI, CÔNG HOÃNG VU LỘ TẨM
THÁNG TÁM, NGÀY QUÝ HỘI, CÔNG (LỖ CÔNG)
MẤT Ở LỘ TẨM (CUNG)

Tả - Từ Ban lên ngôi. Dừng chân ở nhà họ Đãng.

Công - Lộ tẩm là gì? Là chính tẩm giường vua vẫn nằm.

Cốc - Lộ tẩm là chính tẩm, khi ốm thì nằm ở chính tẩm, thế là được chính. Chồng không xa lìa vợ cho trọn thủy chung.

Hà Hưu - Đây là nơi ở chính. Thiên Tử, chư hầu đều có ba nơi nằm. Một là cao tẩm. Hai là lộ tẩm. Ba là tiểu tẩm. Cha thì ở cao tẩm. Con thì ở lộ tẩm. Cháu theo cha mẹ vua, vợ theo chồng. Phu nhân ở tiểu tẩm. Chết ở nơi nào, chếp nơi ấy. Phu nhân thì không chếp nơi. Phu nhân ở ngoài không chếp là tội, trong nước thì chếp là hoẵng. Đã chếp rồi cho nên ở ngoài thì ghi ca nơi chết.

Lý Liêm - Nước Lỗ trong 12 công, thì 3 Công được chết ở lộ tẩm là Trang, Tuyên, và Thành. Trang Công ở ngôi 32 năm, dẫu có chếp là một vị vua được lập lên ngôi, Xuân Thu từ chín năm về trước có chếp đón Vương Cơ, hội phạt Vệ, đóng quân nơi đất Hoạt, di sản ở đất Chúc, vây nước Thành và thế ở đất Khai, cùng giúp lập Cũ. Xuân Thu nêu rõ tội quên nghĩa phục thù. Từ sau 10 năm, nước Tề dần dần hưng thịnh nhưng chưa thành hẳn Bá nghiệp, nên có trận Trường Thước: nước Lỗ từ đó phân khởi, đánh được Tống, lấy lại được đất đã mất ở Tề, Tề Hoàn cũng phải khuất ý, kết giao với Lỗ, để thành nghiệp Bá. Cho nên trong vài năm đó, nước Lỗ vô sự, chính là lúc nên sửa sang về Hình, về Chính, truyền lại cho con cháu các đời vua sau. Thế mà cứ đi theo chính lệnh của Văn Khương, lấy con gái kẻ thù để nối dõi tông đường, ba năm ba lần đến sân vua Tề, rồi gặp Tề ở đất Cốc, thế ở đất Hổ, đều là vì việc hôn nhân mà ra. Từ xưa, chưa từng nghe vua nào mà đã biết giữ lễ, lại có những hành vi đó. Cho nên trong 24 năm về trước bao nhiêu việc nạp hối lộ, ra chơi nền xã, sơn chạm rui cột đón vợ đều được Kinh đặc biệt chếp. Vậy trong nước sinh ra nhiều nai, nhiều hoạc, rồi lụt to, nhật thực liên tiếp, đủ biết trời còn để ý đến

Lỗ. Người nước Kinh, Sái Thúc, Tiêu Thúc, Kỳ Bá, lần lượt tới, dù biết người còn hướng về Lỗ. Việc thế ở đất U, việc hội ở Thành Bộc, việc gặp gỡ ở Lỗ Tề, vị Bá chủ vẫn còn nể Lỗ cho là còn có thể làm được nên việc. Ấy thế mà cứ dùng sức dân cho thỏa ý muốn riêng đắp thành My, sửa nơi nuôi ngựa, đắp thành Phòng, thành Tiểu Cốc, một năm ba lần xây cất, làm cho trong nước say đắm vào các cuộc vui chơi, thế mà bảo là không nguy sao được. Góc loạn đến khi đã gây, bởi tự Văn Khương lại được bền chặt thêm với Ai Khương, rồi đến Mạnh Nhâm được luyện ái, Nữ Công tử lộng hành, gia đạo mất dần. Có phải chỉ riêng vì một vị Khánh Phủ được nắm cả binh quyền đâu.

冬十月己未子般卒

ĐÔNG THẬP, NGUYỆT, KỶ MÙI, TỬ BAN TỐT
MÙA ĐÔNG THÁNG 10, NGÀY KỶ MÙI, TỬ BAN MẤT

Tả - Mùa đông, tháng 10, ngày Kỷ mùi, Cung Trọng (tức là Khánh Phủ) sai Ngử nhân Lạc giết Tử Ban ở nhà Đặng Thị. Thành Quý (Quý Hữu) chạy sang nước Trần. Mẫn Công được lập lên ngôi.

Công - Con chết thì chép là con chết. Đây sao lại chép con là Ban chết. Vua còn thì gọi là thế tử. Vua đã chết thì con chép là con tên Mỗ. Vua đã làm lễ táng thì chép là con. Đây năm rồi thì chép là Công. Tử Ban chết sao lại không chép lễ táng. Vì là làm vua chưa được đầy năm. Nếu có con thì có lập miếu. Không có miếu thì không chép táng.

Cốc - Con chết, chép ngày, thế là chính. Không chép ngày là có vô cơ. Có việc được biết rõ ràng thì chép ngày.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói "Chép ngày chết là chính. Không chép là có Cớ. Có việc được biết rõ ràng thì chép ngày." Cốc Lương nói thế không phải. Vì nếu như có việc được biết rõ ràng, mà lại không chép ngày, há không được rõ hay sao. Sao lại chép ngày, khác ngược với việc chết chính. Bàn xét như thế đâu có phải là rõ được dụng ý của thánh nhân.

CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ NHƯ TÊ

CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ SANG TÊ

Cốc - Đây là trốn chạy. Sao lại chép là sang. Muốn kiêng thì không bằng gì "thâm", thâm tức là ăn. Nếu có việc được biết rõ thì không gì bằng dùng lời thâm.

Hồ Truyền - Tử Ban chết là Khánh Phủ giết đi. Nên chép là xuất bôn, là chạy trốn. Nay chép sang Tê thì thấy Khánh Phủ lộng quyền, chủ việc binh, người trong nước không chế ngự được. Trang Công khi ít tuổi lên ngôi, lấy toàn quân giao cho Khánh Phủ, lần lửa tháng, năm uy khắp trong nước, ngoài nước cho đến ngày nay cho nên việc Dư Khuu cứ phép không nên chép mà thành nhân đặc biệt là chép là suất sư là để ghi khởi thủy việc được nắm binh quyền. Rồi về sau, chép Công hoảng, Tử Ban tốt, Khánh Phủ sang Tê, để thấy ra vào tự do, tự ý, không ai dám đánh, cái nghĩa chính để răn dạy đời sau, rõ và xa.

Lưu Sưởng - Đỗ Thị báo rằng: Khánh Phủ giết Tử Ban rồi sợ mà đi sang Tê, ý muốn cầu Tê giúp. Đương thời không có vua làm già cáo phó, để đi được theo lễ. Đỗ nói như thế không phải. Truyền có chép: Thành Quý (Quý Hữu) chạy sang Trần. Mẫn Công được lập. Vậy thì lập Mẫn Công là Khánh Phủ. Khánh Phủ tuy giết Tử Ban nhưng chưa dám cướp nước lợi dụng Mẫn Công còn bé, hãy lập lên. Vậy sang Tê là để báo cáo Tê, mình đã lập vua rồi thì có gì là già. Nhược bằng Khánh Phủ tự thấy chưa có vua, già cáo phó để đi sang Tê cầu giúp đỡ, thì Xuân Thu đã vạch rõ tội, chứ không cứ theo chí hướng của giặc mà chép là sang Tê. Vả lại, Lỗ đã không có vua, Khánh Phủ tạ sự mà đi, không phải công mệnh đã rõ rệt lắm. Cứ theo lệ của Tá Thị mà khảo sát, thì không phải là công mệnh thì không có chép. Nếu chép thì phải họ để cho toàn là chê. Cốc Lương bao là chạy trốn, mà sao lại chép là sang Tê. Là kiêng. Muốn kiêng thì không gì bằng thâm. Thâm tức là ăn. Nếu có việc được biết rõ thì không gì bằng lời thâm. Cốc Lương bàn như thế không phải. Mẫn Công không chép là lên ngôi, dù cho rõ là Tử Ban đã bị giết, chưa rõ là Khánh Phủ là giặc. Xuân Thu chép các

dại phu chú Hẫu trốn chạy rất nhiều không phải toàn là hạng giết vua. Chép Khánh Phủ chạy trốn thì sao lại không được. Và lại, Khánh Phủ nếu tự tay giết vua thì đã thành ra người thù của toàn quốc thể thì sao lại còn che đậy giấu giếm cho. Không nói rõ là chạy trốn, khiến cho kẻ giết vua không hiện ra, lại được ău. Lại còn như việc thời Văn Công năm thứ 18, tháng 10. Tư Xích chết rồi, ở dưới chép Quý Tôn Hàng Phủ sang Tề, Tư Xích chết không chép ngày, cũng thấy việc đã rõ lắm. Nếu cứ lấy lệ xét Khánh Phủ mà xét Tư Xích thì ra Hàng Phủ cũng giết Tư Xích chẳng, sao lại chép là sang Tề.

Trương Hiệp - Khánh Phủ từ khi Trang Công lên ngôi, đã chuyên giữ binh quyền mà Trang Công hôn mê không nghĩ đến việc nước, cho đến khi Khánh Phủ thành gian tặc, đến thành được mưu cướp ngôi. Cứ xem lời vấn đáp giữa Trang Công và Thúc Nha, thì biết nếu không có Quý Tử kịp thời giết Thúc Nha đi thì Ban đầu có được lập làm vua. Nay Ban tuy đã chết, mà nước chưa mất thì biết rằng không phải là đang của Quý Tử chưa thuận cho, mà là vì người nước Lỗ còn biết giữ lễ, lòng người chưa theo. Cho nên nhân Mẫn Công lên ngôi, vội báo cáo cho vị bá chủ, để riêng mình cũng được nhờ. Tề Hoàn lấy quyền một vị phương Bá, cùng với Lỗ là nước đã thân lại ở gần, há không biết Khánh Phủ là giặc mà còn dung thứ cho đi tới như sử gia, lại cho trở về nước để gây thêm họa cho nước Lỗ. Xem đó biết là Tề không có thực tâm đánh giặc mà ý riêng lại muốn kiềm tính nước Lỗ. Xuân Thu chép Khánh Phủ sang Tề là để rõ Trang Công không đáng một vị vua nuôi thành ác lớn cho được tự do ra nước về nước, mà Tề Hoàn, thì không làm phận sự Bá chủ.

Xét - Tả Truyện chép tháng 10, ngày kỵ mùi, Cung Trọng tức là Khánh Phủ sai Ngũ nhân Lạc giết Tư Ban ở nhà Đổng Thị, Quý Hữu chạy trốn tới Trần; Mẫn Công lên ngôi. Trước nói là Quý Hữu chạy trốn, mà sau nói là dựng Mẫn Công. Thật rõ ràng là Mẫn Công được Khánh Phủ dựng lên ngôi. Tả Truyện chép Mẫn Công là con người em gái Ai Khương tên là Thúc Khương. Dò Thị cho là Mẫn Công tuổi mới lên tám. Vậy Khánh Phủ tuy giết vua, còn chưa dám tự lập, trước hết hãy lấy một người bé trong bọn làm vua, rồi sau sẽ dần dần liệu. Cho nên mới lấy được mệnh vua mà báo cáo cho Tề, nhân buộc cho Tề

giúp đỡ. Kinh thì cứ việc thực mà chép, chép là sang Tề. Cốc Lương bảo thực là chạy trốn, nhưng kiêng chữ chạy trốn. Đỗ Thị thì bảo không có mệnh vua mà giả mệnh vua đi báo cáo. Tất cả lời bàn đó không đủ căn cứ, Lưu Sưởng bác hết là phải. Hồ Truệ thì bảo Trang Công lấy binh quyền giao cho Khánh Phủ để đến lúc uy lớn khắp trong ngoài ra vào tự do, lời bàn ấy cũng thông. Duy có lời bàn rằng nên chép là xuất bên, chạy trốn, đó là theo các lời bàn sai lạc rồi, quen dần không xét kỹ. Trong quyển Trương Hiệp tập chú, lời giải đối với sự tình thấy có hợp lý.

狄伐邢

ĐỊCH PHẠT HÌNH

ĐỊCH PHẠT (ĐÁNH) NƯỚC HÌNH

Đỗ Dự - Hình, họ Cơ dòng dõi Chu Công.

Trương Hiệp - Dịch là bắt Dịch. Trước đây chưa thấy nói đến trong Kinh, nhưng từ lúc phạt Hình rồi diệt Vệ trong khoảng ba năm, làm khổ dân hai nước, cho nên chép để rõ sức Lỗ đã mạnh.

HẾT TẬP I

XUÂN THU TAM TRUYỆN

KHÔNG TỬ

HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN BÌNH VIỆT

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

Trình bày : QUANG MINH

Bìa : QUANG MINH *Design*

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp In Số 5 (PX3).

Giấy phép số 1245-28/XB-QLXB của Cục Xuất bản ký ngày 11-09-2001. In xong và nộp lưu chiểu Quý II - 2002.

Khổng Tử



Xuân Thu TAM TRUYỆN



Phát hành tại nhà sách

QUANG MINH

416 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - Tp.HCM
ĐT: 8322386 - 8340990 - 090.3800274 - Fax: 84.8.8342457
E-mail: quangminhbookshop@hcm.vnn.vn

Giá: 41.000đ